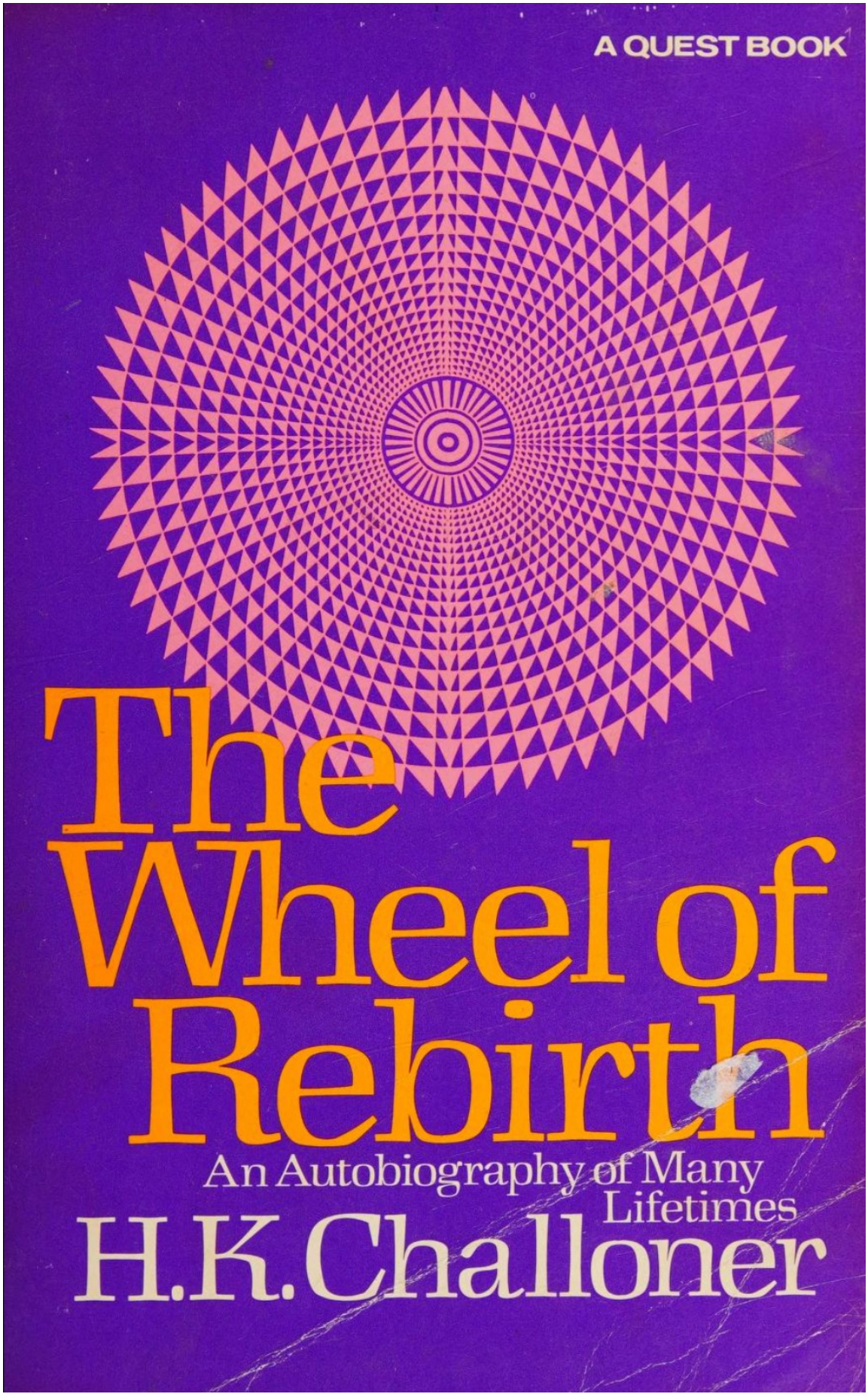
A QUEST BOOK
The Wheel of Rebirth
An Autobiography of Many Lifetimes
H.K. Challoner

The Wheel of Rebirth

An Autobiography of Many Lifetimes

H.K. Challoner

A QUEST BOOK

Published, under a grant from the Kern Foundation

THE THEOSOPHICAL PUBLISHING HOUSE

Wheaton, Ill., U.S.A.

Madras, India / London, England

© Copyright H. K. Challoner, 1969

All rights reserved

First Quest edition 1976 published by The Theosophical Publishing House, Wheaton, Illinois, a department of The Theosophical Society in America.

Mills, Janet Melanie Ailsa, 1894- The wheel of rebirth.

(A Quest book)

Bibliography: p.

1. Reincarnation. I. Title.

BP573.R5M5 1976 133.9'013 75-26759

ISBN 0-8356-0468-3 pbk.

PRINTED IN THE UNITED STATES OF AMERICA

Dedicated

to “A.N.” and the other two

with affection and gratitude

Kính tặng

đến “A.N.” và hai người kia

với tình thương mến và lòng biết ơn

Giới Thiệu: H.K. Challoner là Tác giả quen thuộc của những người yêu thích Huyền linh học, và vài tác phẩm của Ông đã được dịch sang tiếng Việt trên trang phungsutheosophia.org. Trên Amazon, sách của Ông rất khó tìm, chỉ có ấn bản giấy cũ, không có ấn bản điện tử.

Nhằm mục đích mang tư liệu gốc đến bạn đọc, chúng tôi OCR bản pdf trên trang archive.org và chuyển thành ebook, dịch và trình bày song ngữ toàn bộ quyển sách. Mong rằng quyển sách sẽ giúp các bạn tầm đạo có được một tài liệu hữu ích.

INTRODUCTORY NOTE TO THE FIRST EDITION BY CYRIL SCOTT—
LỜI NÓI ĐẦU CHO ẤN BẢN THỨ NHẤT DO CYRIL SCOTT VIẾT

The author of *Regents of the Seven Spheres* needs, I feel, but little introduction from me; nevertheless, I have been asked to make a few prefatory remarks with regard to the main object of this new book. In the previous work, pictures of the future were impressed by Devas; but *The Wheel of Rebirth* deals more specifically with the past, involving that fundamental truth of occultism, the theory of Karma and reincarnation which alone explains in a rational manner the inequalities of human character and destiny. Yet although occult students, and even laymen, may accept these doctrines as broad facts, they are frequently puzzled as to the rationale of their workings. What, indeed, are the particular effects produced by particular causes? Why *should* this particular effect result from that particular cause? The disquisitions on the subject to be found in theosophical literature have not by any means covered the whole of the ground. Now, for the first time, many of those enigmas and problems which perennially arise in connection with the idea of rebirth, and which perplex the minds of thinkers of all types, are answered in illuminating fashion.

Tôi cảm thấy tác giả của *Regents of the Seven Spheres* hầu như không cần tôi giới thiệu nhiều; tuy nhiên, tôi đã được yêu cầu viết vài lời mở đầu liên quan đến mục đích chính của cuốn sách mới này. Trong tác phẩm trước, các thiên thần đã in sâu những bức tranh về tương lai; nhưng *Bánh Xe Tái Sinh* đề cập cụ thể hơn đến quá khứ, bao hàm chân lý nền tảng của huyền bí học là thuyết nghiệp quả và luân hồi, vốn là điều duy nhất giải thích một cách hợp lý những bất bình đẳng trong tính cách và số phận con người. Tuy vậy, dù các đạo sinh huyền bí học, và ngay cả người đời, có thể chấp nhận các giáo lý này như những sự kiện khái quát, họ vẫn thường bối rối về cơ sở hợp lý của sự vận hành của chúng. Quả thật, những hậu quả riêng biệt nào được tạo ra bởi những nguyên nhân riêng biệt nào? Vì sao *phải* có hậu quả riêng biệt này phát sinh từ nguyên nhân riêng biệt kia? Những luận bàn về đề tài này trong văn liệu Thông Thiên Học hoàn toàn chưa bao quát hết toàn bộ lĩnh vực ấy. Nay, lần đầu tiên, nhiều điều bí ẩn và nan đề vốn luôn nảy sinh liên quan đến ý niệm tái sinh, và làm bối rối tâm trí của mọi hạng người suy tư, đã được giải đáp một cách soi sáng.

Under the appropriate guidance, the author's higher consciousness was projected back through a series of lives which have been portrayed with the vividness of actual experience and are shown in their true relation to each other of cause and effect. Some of these lives, as such, may well appear grim and horrifying, notably those in which practices in black magic are described. But here I would remind the reader that many occult writers have implied in effect that the courage and strength of will thus acquired, albeit on the wrong lines, may prove an equally powerful force for good when transmuted into selfless service for humanity under the guidance of its Teachers; and th^'t those who, throughout their lives, have lacked the initiative even to

Dưới sự hướng dẫn thích hợp, tâm thức cao hơn của tác giả đã được phóng chiếu ngược trở lại qua một chuỗi kiếp sống, được mô tả với sự sống động của kinh nghiệm thực tế và được trình bày trong mối liên hệ nhân quả chân thực của chúng với nhau. Một số kiếp sống ấy, tự thân chúng, có thể hiện ra rất khắc nghiệt và kinh hoàng, đặc biệt là những kiếp trong đó các thực hành hắc thuật được mô tả. Nhưng ở đây tôi muốn nhắc độc giả rằng nhiều tác giả huyền bí học trên thực tế đã hàm ý rằng lòng can đảm và sức mạnh ý chí được thủ đắc theo cách ấy, dù đi trên đường sai lạc, vẫn có thể chứng tỏ là một mãnh lực thiện lành mạnh mẽ tương đương khi được chuyển hoá thành sự phụng sự vô ngã cho nhân loại dưới sự hướng dẫn của các Huấn sư của nhân loại; và rằng những ai,

sin, may likewise be deficient in the corresponding qualities which would make them intrepid co-workers with the Higher Ones.

This, in short, is a book that may be taken as the life of Everyman, and if the sins and failures of his past are dispassionately revealed, so the potentialities opening out from the moment he has set his feet upon the Path are indicated by one who speaks with the authority of personal experience.

suốt đời mình, đã thiếu cả sáng kiến để phạm tội, cũng có thể thiếu luôn những phẩm tính tương ứng vốn sẽ khiến họ trở thành những cộng sự viên vô úy với các Đấng Cao Hơn.

Nói ngắn gọn, đây là một cuốn sách có thể được xem như cuộc đời của Con Người Phổ Quát; và nếu các tội lỗi cùng thất bại trong quá khứ của y được phơi bày một cách vô tư, thì những tiềm năng mở ra từ khoảnh khắc y đặt chân lên Con Đường cũng được chỉ ra bởi một người nói với thẩm quyền của kinh nghiệm cá nhân.

INTRODUCTION TO THE SECOND EDITION—LỜI GIỚI THIỆU CHO ẤN BẢN THỨ HAI

There can be little doubt that from the moment man was intelligent enough to reason he asked himself the question: "Why has this happened to me?" "Why have sickness, disaster, tragedy befallen my family or friends?" "What have I done to deserve these cruel blows of fate?"

Hầu như không thể nghi ngờ rằng từ khoảnh khắc con người đủ thông minh để suy luận, y đã tự hỏi mình câu hỏi: "Vì sao điều này lại xảy ra với tôi?" "Vì sao bệnh tật, tai hoạ, bi kịch lại giáng xuống gia đình tôi hay bạn bè tôi?" "Tôi đã làm gì để đáng phải chịu những đòn nghiệt ngã này của số phận?"

The more complex his existence has become, the greater his capacity for intellectual reasoning has developed, the more difficult it has been for him to find answers which satisfy heart and mind.

Sự hiện hữu của y càng trở nên phức tạp bao nhiêu, năng lực suy luận trí tuệ của y càng phát triển bấy nhiêu, thì y càng khó tìm được những câu trả lời làm thoả mãn cả trái tim lẫn trí tuệ.

The breaking of taboos or the anger of the gods may satisfy primitive peoples, while the belief in chance or fate can be enough for the unthinking and the materialist; but they do not suffice for the man who is trying to discover truth. Nor is the Church's answer that it is the will of God any more convincing. Modern man quite reasonably rejects the concept of an apparently capricious and illogical deity who, while alleged to be a god of love, a father who cares for his children, permits the innocent to suffer from no fault of their own while the evil men and aggressors flourish exceedingly. Such gross injustice we, imperfect though we are, would not countenance for a moment.

Việc phá vỡ những điều cấm kỵ hay cơn giận của các thần linh có thể làm thoả mãn các dân tộc nguyên thủy, trong khi niềm tin vào ngẫu nhiên hay số mệnh có thể đủ đối với người không suy nghĩ và người duy vật; nhưng chúng không đủ đối với con người đang cố khám phá chân lý. Câu trả lời của Giáo hội rằng đó là Ý Chí của Thượng Đế cũng không thuyết phục hơn. Con người hiện đại hoàn toàn hợp lý khi bác bỏ quan niệm về một vị Thượng đế có vẻ thất thường và phi lý, Đấng mà trong khi được cho là một vị thần của tình thương, một người cha chăm lo cho con cái mình, lại cho phép người vô tội phải chịu đau khổ không do lỗi của chính họ, trong khi những kẻ ác và những kẻ xâm lược lại cực kỳ hưng thịnh. Một sự bất công thô bạo như thế, dù chúng ta còn bất toàn, chúng ta cũng sẽ không dung thứ lấy một khoảnh khắc.

But most of the Eastern religions as well as some systems of Western philosophy present us with another and more convincing hypothesis for the inequalities, the terrible and apparently fortuitous tragedies of the world, as well as for all the beauty and goodness which we can perceive around us, including our personal "good fortune".

Nhưng phần lớn các tôn giáo phương Đông cũng như một số hệ thống triết học phương Tây lại trình bày cho chúng ta một giả thuyết khác, thuyết phục hơn, về những bất bình đẳng, những bi kịch khủng khiếp và có vẻ ngẫu nhiên của thế giới, cũng như về mọi vẻ đẹp và điều thiện mà chúng ta có thể nhận thấy quanh mình, kể cả "vận may" cá nhân của chúng ta.

Man, they insist, is basically the creator of his own fate, for good or ill. So far as the

Họ khẳng định rằng về căn bản, con người là kẻ tạo ra số phận của chính mình, dù tốt

latter is concerned he is the victim of his ignorance of the spiritual laws which govern the universe. He breaks them and suffers the consequences. Thrust your hand into the fire and you will be burned; not because any "god" punishes you but because fire burns. It is as simple as that. We are told that the greatest law of all is love. So our mistakes, our crimes against others and against life itself are committed because, lacking love, we cannot see that in harming anything or anyone we are harming ourself and that in consequence sooner or later we shall have to redress the balance we have upset and pay the price for what we have done. At every level effect must follow cause, as night follows day. What happens to us now, either individually, as a group, or as a nation, be it good or ill, must be the result of earlier causes set in motion by acts made, often ages ago, the seeds of which have lain in the womb of time awaiting the appropriate conditions for germination.

hay xấu. Xét về mặt sau, y là nạn nhân của sự vô minh của mình đối với các định luật tinh thần chi phối vũ trụ. Y vi phạm chúng và chịu hậu quả. Đưa tay vào lửa thì bạn sẽ bị bỏng; không phải vì một "vị thần" nào trừng phạt bạn mà vì lửa đốt cháy. Đơn giản là như vậy. Chúng ta được bảo rằng định luật lớn nhất trong mọi định luật là tình thương. Vì thế những sai lầm của chúng ta, những tội lỗi của chúng ta đối với người khác và đối với chính sự sống, được gây ra vì thiếu tình thương nên chúng ta không thể thấy rằng khi làm tổn hại bất cứ điều gì hay bất cứ ai, chúng ta đang làm tổn hại chính mình, và do đó sớm hay muộn chúng ta sẽ phải tái lập thế quân bình mà mình đã phá vỡ và trả giá cho những gì mình đã làm. Ở mọi cấp độ, hậu quả phải theo sau nguyên nhân, như đêm theo sau ngày. Điều xảy đến với chúng ta hiện nay, dù với tư cách cá nhân, như một nhóm, hay như một quốc gia, dù tốt hay xấu, hẳn phải là kết quả của những nguyên nhân trước đó đã được khởi động bởi những hành vi được thực hiện, thường là từ nhiều thời đại trước, mà các hạt giống của chúng đã nằm trong lòng thời gian chờ đợi những điều kiện thích hợp để nảy mầm.

It is obvious that, so far as the individual is concerned (although this is equally applicable to groups large or small), the effects of mistakes and misdeeds cannot possibly all be expiated or experienced in one short life or period of time; but by returning to earth we can pay our debts, perfect our relationships and finish what we have begun where the train of causation was initiated.

Hiển nhiên là, xét riêng cá nhân (dù điều này cũng áp dụng tương tự cho các nhóm lớn hay nhỏ), những hậu quả của sai lầm và hành vi sai trái không thể nào được chuộc hết hay trải nghiệm hết trong một kiếp sống ngắn ngủi hay một khoảng thời gian ngắn; nhưng bằng cách trở lại Trái Đất, chúng ta có thể trả các món nợ của mình, hoàn thiện các mối quan hệ của mình và hoàn tất điều mình đã bắt đầu tại nơi chuỗi nhân quả đã được khởi phát.

Interest in this hypothesis of reincarnation, or reembodiment of consciousness, the migration through time of the individual in many different bodies and sets of conditions down the ages has of recent years aroused increasing interest and attention. This seems to be because modern man is beginning to question and reject outworn dogmas and creeds which no longer satisfy his need to understand the deeper causes for

Trong những năm gần đây, mối quan tâm đối với giả thuyết luân hồi này, hay sự tái nhập thể của tâm thức, sự di chuyển qua thời gian của cá nhân trong nhiều thể xác khác nhau và nhiều hoàn cảnh khác nhau qua các thời đại, đã khơi dậy sự chú ý và quan tâm ngày càng tăng. Điều này dường như là vì con người hiện đại đang bắt đầu chất vấn và bác bỏ những giáo điều và tín điều lỗi thời không còn đáp ứng nhu cầu thấu hiểu những

the human condition.

nguyên nhân sâu xa hơn của thân phận con người.

But the fact that the concept is to be found in one form or another in virtually every great religion and spiritual system of philosophy is still not generally known.

Nhưng sự kiện rằng quan niệm này hiện diện dưới hình thức này hay hình thức khác trong hầu như mọi tôn giáo lớn và mọi hệ thống triết học tinh thần vẫn chưa được biết đến rộng rãi.

It must have been taken for granted at the time of Jesus since he asked his disciples: "Who do men say that I am?" and they replied: "Elijah or one of the prophets." Again Jesus was asked: "Did this man sin or his parents that he was *born* blind?"—the implication clearly being that he had sinned before his present birth. Jesus also bade his hearers to be "perfect even as your Father in heaven is perfect". He was not one to demand the impossible. So it is reasonable to ask how could ordinary people become perfect in one short life? The very best of men, even great saints, still have their imperfections. This saying makes no sense at all unless we postulate further opportunities for growth. But growth of an enduring nature is always slow, and the awakening from the darkness of ignorance to a true understanding of the meaning and purpose of life, with the conquest of the errors and weaknesses within us all, could hardly take place except by means of a long series of experiments in living which would gradually bring about an expansion of consciousness and develop the Christ spirit within us, the divine redemptive qualities of love, compassion and wisdom.

Hẳn nó đã được xem là điều đương nhiên vào thời Đức Jesus, vì Ngài đã hỏi các đệ tử của Ngài: "Người ta nói Ta là ai?" và họ đáp: "Elijah hay một trong các vị tiên tri." Lại nữa, Đức Jesus được hỏi: "Người này hay cha mẹ người này đã phạm tội mà người này *sinh ra* đã mù?"—hàm ý rõ ràng là người ấy đã phạm tội trước khi sinh ra trong kiếp hiện tại. Đức Jesus cũng bảo những người nghe Ngài phải "trọn lành như Cha các ngươi ở trên trời là trọn lành". Ngài không phải là Đấng đòi hỏi điều bất khả. Vì vậy, thật hợp lý khi hỏi làm sao những con người bình thường có thể trở nên hoàn hảo chỉ trong một kiếp sống ngắn ngủi? Những người tốt nhất, ngay cả các vị thánh lớn, vẫn còn những bất toàn của họ. Lời dạy này hoàn toàn vô nghĩa trừ phi chúng ta giả định có thêm những cơ hội tăng trưởng. Nhưng sự tăng trưởng có tính bền vững luôn luôn chậm, và sự thức tỉnh khỏi bóng tối của vô minh để đi đến sự thấu hiểu chân thực về ý nghĩa và mục đích của sự sống, cùng với việc chinh phục những sai lầm và yếu đuối trong tất cả chúng ta, khó có thể diễn ra nếu không nhờ một chuỗi dài những thử nghiệm trong đời sống, dần dần mang lại sự mở rộng tâm thức và phát triển tinh thần Christ bên trong chúng ta, những phẩm tính cứu chuộc thiêng liêng của tình thương, lòng từ bi và minh triết.

It was in order to exemplify and to explain the significance of the theory of reincarnation and of Karma—the Eastern term for the law of cause and effect—that this book was "given" to the author, from a higher level of consciousness, as is explained in the Prologue.

Chính để nêu gương và giải thích ý nghĩa của thuyết luân hồi và nghiệp quả—thuật ngữ phương Đông chỉ định luật nhân quả—mà cuốn sách này đã được "ban" cho tác giả từ một cấp độ tâm thức cao hơn, như được giải thích trong Lời Mở Đầu.

It illustrates the long journey through time of a group of people—and of one in particular—showing how the law of Karma

Nó minh hoạ cuộc hành trình dài qua thời gian của một nhóm người—và đặc biệt là của một người—cho thấy định luật nghiệp quả

operated in life after life and how effects were worked out from earlier causes. It is essentially the story of the interplay of relationships which in their inception were destructive and filled with hate but eventually through much suffering were transmuted into links of love and understanding.

đã vận hành như thế nào từ kiếp này sang kiếp khác và các hậu quả đã được triển khai từ những nguyên nhân trước đó ra sao. Về bản chất, đây là câu chuyện về sự tương tác của các mối quan hệ mà lúc khởi đầu vốn có tính hủy diệt và đầy hận thù, nhưng cuối cùng qua nhiều đau khổ đã được chuyển hoá thành những mối dây liên kết của tình thương và sự thấu hiểu.

Personally I am inclined to believe that the account is literally true, so far at least as I am concerned. But if this claim is considered by the reader to be too improbable or fantastic to be acceptable then this series of lives can still be taken as being symbolic of the lives of Everyman and his infinitely slow progress as he journeys upward from the miasmas of his own ignorance. It shows him passing through trial and more often error, through disasters and defeats, successes and periods of relative contentment; yet always possessed of an awareness, however faint and fleeting, of a perfection just beyond his reach; at moments even catching a glimpse of its bright face through the compassion and love in another traveller's eyes. Thus is he lured on from darkness to the first redemptive gleam of light and understanding of his real goal.

Về phần mình, tôi có khuynh hướng tin rằng câu chuyện này là đúng theo nghĩa đen, ít nhất là trong chừng mực liên quan đến tôi. Nhưng nếu độc giả cho rằng lời khẳng định này quá khó tin hay quá kỳ ảo để có thể chấp nhận, thì chuỗi kiếp sống này vẫn có thể được xem như mang tính biểu tượng cho các kiếp sống của Con Người Phổ Quát và cho sự tiến bộ vô cùng chậm chạp của y khi y đi lên từ những làn hơi độc của chính sự vô minh của mình. Nó cho thấy y đi qua thử thách và thường xuyên hơn là sai lầm, qua tai hoạ và thất bại, thành công và những giai đoạn tương đối mãn nguyện; nhưng luôn luôn vẫn mang trong mình một nhận biết, dù mờ nhạt và thoáng qua, về một sự hoàn hảo ở ngay ngoài tầm với của y; thậm chí có lúc còn thoáng thấy gương mặt rạng ngời của nó qua lòng từ bi và tình thương trong đôi mắt của một lữ khách khác. Như thế, y được dẫn dụ đi từ bóng tối đến tia sáng cứu chuộc đầu tiên của ánh sáng và sự thấu hiểu về mục tiêu thực sự của mình.

For no man is unique. Humanity is one; the journey is one; and so is the goal—liberation from our illusions about the real nature of life and death.

Vì không ai là độc nhất. Nhân loại là một; cuộc hành trình là một; và mục tiêu cũng là một—sự giải thoát khỏi những ảo tưởng của chúng ta về bản chất thực của sự sống và cái chết.

Although most of the questions and objections regarding this idea of rebirth which readers will certainly raise are dealt with in the text, I feel that some comments are necessary, together with a general broad outline of the basic principles involved, since many may never have considered the hypothesis seriously before and others, because of lack of understanding of the wider and deeper implications, may have

Mặc dù phần lớn những câu hỏi và phản đối liên quan đến ý niệm tái sinh này mà độc giả chắc chắn sẽ nêu ra đều được bàn đến trong phần văn bản, tôi cảm thấy vẫn cần có một số nhận xét, cùng với một phác thảo khái quát về những nguyên lý căn bản liên hệ, vì nhiều người có thể chưa bao giờ nghiêm túc xem xét giả thuyết này trước đây, và những người khác, do thiếu thấu hiểu về những hàm ý rộng hơn và sâu hơn của nó, có thể đã

been inclined to dismiss it out of hand.

có khuynh hướng bác bỏ nó ngay từ đầu.

Unfortunately, as happens with every religious and philosophical system of belief, distortions and misunderstandings have crept in and this concept has become further debased by all sorts of fantastic and romantic notions as well as superficial interpretations of the basic truths behind it.

Đáng tiếc thay, như vẫn xảy ra với mọi hệ thống tín ngưỡng tôn giáo và triết học, những sự bóp méo và hiểu lầm đã len vào, và quan niệm này lại càng bị hạ thấp thêm bởi đủ loại ý niệm kỳ ảo và lãng mạn cũng như những cách diễn giải hời hợt về các chân lý căn bản đứng sau nó.

But to begin with, there are two propositions which must at least be provisionally accepted if the account which follows is to make any sense at all.

Nhưng trước hết, có hai mệnh đề ít nhất phải được chấp nhận tạm thời nếu câu chuyện tiếp theo đây muốn có chút ý nghĩa nào.

The first is that man is perfectible. The second that there exists an aspect of our being of which we are not normally cognizant, called by Jung the superconscious and by religious teachings the Higher Self or Soul.

Thứ nhất là con người có thể được hoàn thiện. Thứ hai là có tồn tại một phương diện trong bản thể chúng ta mà bình thường chúng ta không nhận biết, được Jung gọi là siêu tâm thức và các giáo huấn tôn giáo gọi là Bản Ngã Cao Siêu hay linh hồn.

Unfortunately the teachings of the Christian Church never give us a clear idea of what the nature of the soul really is. We are told that our soul can be "saved" or "lost" if we do or do not believe in a set of creeds and dogmas or if we break the laws of God. But it remains no more than a kind of vague and shadowy appendage of our personality.

Đáng tiếc là các giáo huấn của Giáo hội Cơ Đốc không bao giờ cho chúng ta một ý niệm rõ ràng về bản chất thực sự của linh hồn là gì. Chúng ta được bảo rằng linh hồn của chúng ta có thể được "cứu rỗi" hoặc "đánh mất" nếu chúng ta có hay không tin vào một tập hợp tín điều và giáo điều nào đó hoặc nếu chúng ta vi phạm các luật của Thượng đế. Nhưng nó vẫn chỉ là một thứ phụ thuộc mơ hồ và mờ nhạt của phàm ngã chúng ta.

This is the cause of one of the primary misconceptions about reincarnation. We become hopelessly confused as to which aspect of what we think of as ourselves takes this long journey through time, passing from life to life.

Đây là nguyên nhân của một trong những ngộ nhận chủ yếu về luân hồi. Chúng ta trở nên rối loạn hoàn toàn về việc phương diện nào của cái mà chúng ta nghĩ là chính mình thực hiện cuộc hành trình dài qua thời gian này, đi từ kiếp này sang kiếp khác.

Normally when we say "I" we associate the word with our personality, that which goes by our name, which suffers and rejoices, which makes links of love or of hate, which experiences all the emotions and events that are part of "our" life; so it is this personal self which automatically we think of as returning to earth in other bodies and in other times.

Thông thường khi nói "tôi", chúng ta gắn từ ấy với phàm ngã của mình, với cái mang tên của chúng ta, cái đau khổ và vui mừng, cái tạo nên những mối dây tình thương hay hận thù, cái trải nghiệm mọi cảm xúc và biến cố là một phần của đời sống "của chúng ta"; vì vậy chính cái ngã cá nhân này mà chúng ta tự động nghĩ đến như là cái trở lại Trái Đất trong những thể xác khác và trong những thời đại khác.

But the personality does not return; indeed it cannot do so, as a few moment's thought will soon make clear.

Nhưng phàm ngã không trở lại; thật vậy, nó không thể làm như thế, như chỉ cần suy nghĩ vài phút là sẽ thấy rõ.

The word personality comes from *persona* —a mask, and what we know of ourselves here is literally a mask for our real self, "our" Soul, a centre of our consciousness at a higher level with which we can learn to make contact if we are prepared for the necessary effort.

Từ personality bắt nguồn từ *persona*—một chiếc mặt nạ, và điều chúng ta biết về chính mình ở đây theo nghĩa đen là một chiếc mặt nạ che phủ chân ngã thực sự của chúng ta, "linh hồn" của chúng ta, một trung tâm tâm thức của chúng ta ở một cấp độ cao hơn mà chúng ta có thể học cách tiếp xúc nếu sẵn lòng nỗ lực cần thiết.

But it is the expression "my" soul which is the real cause of so much misunderstanding. We are, in fact, each *a* soul which possesses, for its temporary use, a personality centred in the material world. This, even at best, is never more than a partial reflection of our total nature, cast forth for a short period into a material envelope so that certain processes of growth may take place, certain debts be paid, certain realizations achieved. For this aspect of our selves is also growing as is everything else in manifestation.

Nhưng chính cách diễn đạt "linh hồn của tôi" mới là nguyên nhân thực sự của quá nhiều hiểu lầm. Thực ra, mỗi chúng ta là *một* linh hồn sở hữu, để sử dụng tạm thời, một phàm ngã tập trung trong thế giới vật chất. Điều này, ngay cả trong trường hợp tốt nhất, cũng không bao giờ hơn một phản ánh bộ phận của bản chất toàn diện của chúng ta, được phóng ra trong một thời gian ngắn vào một vỏ bọc vật chất để một số tiến trình tăng trưởng có thể diễn ra, một số món nợ được thanh toán, một số chứng nghiệm đạt được. Vì phương diện này của chính chúng ta cũng đang tăng trưởng như mọi thứ khác trong biểu hiện.

The soul might be thought of as the depository of all those memories of past experiences on earth valuable and important enough to have made a permanent contribution to its growth: a central power-house in which qualities and realizations acquired during these partial sojourns on earth are transformed into powers. Nothing of value is ever lost to us here, everything is used in the effort to create eventually a vehicle in dense matter through which we—soul and body at last united in consciousness can act as a channel for the transmission of energies from higher spiritual levels to mankind. For, as the Greeks taught, the soul is a bridge between heaven—that is the higher, spiritual realms —and the material world; an instrument for the hastening of that process called by Teilhard de Chardin the "divinization" of matter.

Có thể nghĩ linh hồn như là nơi lưu giữ tất cả những ký ức về các kinh nghiệm quá khứ trên Trái Đất đủ giá trị và đủ quan trọng để tạo nên một đóng góp thường tồn cho sự tăng trưởng của nó: một trung tâm năng lực trong đó những phẩm tính và chứng nghiệm đạt được trong các lần lưu trú bộ phận này trên Trái Đất được chuyển đổi thành các năng lực. Không điều gì có giá trị từng bị mất đi đối với chúng ta ở đây; mọi thứ đều được sử dụng trong nỗ lực cuối cùng nhằm tạo ra một vận cụ trong vật chất đậm đặc, qua đó chúng ta—linh hồn và thể xác cuối cùng hợp nhất trong tâm thức—có thể hoạt động như một kênh truyền dẫn các năng lượng từ những cấp độ tinh thần cao hơn đến nhân loại. Vì, như người Hy Lạp đã dạy, linh hồn là một cây cầu giữa thiên giới—nghĩa là các cõi tinh thần cao hơn—và thế giới vật chất; một công cụ để thúc đẩy nhanh tiến trình mà Teilhard de Chardin gọi là "sự thiêng liêng

hóa" vật chất.

But because our consciousness is so deeply immersed in material existence and so completely identified with our personality, it is extraordinarily difficult for us to change our focus, as it were, and identify our human self with this higher and still unknown level of our being. And even more difficult to accept the fact that we, as we know ourselves here, our human "I", will probably not long survive death and that we ourselves will abandon it as a butterfly abandons the chrysalis when it has served its purpose.

Nhưng bởi vì tâm thức của chúng ta bị dìm quá sâu trong sự hiện hữu vật chất và đồng hoá quá hoàn toàn với phàm ngã của mình, nên đối với chúng ta việc thay đổi tiêu điểm, có thể nói như vậy, và đồng hoá cái ngã nhân loại của mình với cấp độ cao hơn và còn chưa biết này của bản thể mình là điều cực kỳ khó khăn. Và còn khó hơn nữa khi chấp nhận sự thật rằng chúng ta, như chúng ta biết mình ở đây, cái "tôi" nhân loại của chúng ta, có lẽ sẽ không tồn tại lâu sau cái chết, và rằng chính chúng ta sẽ từ bỏ nó như con bướm từ bỏ cái kén khi nó đã hoàn thành mục đích của mình.

It helps if occasionally we make the effort to stand back from our personality and consider *what* of this personality self we would wish to endure beyond death and return to continue the work we have begun; to perfect what we have left unfinished here, to re-embody those powers, qualities, talents we have been either deliberately or unconsciously developing during the course of a lifetime. This exercise might also give us a clearer understanding of what aspect of our being contains the seed of continuity and could effect this transmigration from one state or body to another; that is to say, wherein abides the nucleus of our consciousness of selfhood, that undying part which will move on after the pause for gestation called death to another experiment in living, even as a traveller crosses the sea to another country yet does not thereby lose his identity.

Sẽ hữu ích nếu đôi khi chúng ta nỗ lực lùi lại khỏi phàm ngã của mình và xem xét *điều gì* trong cái ngã phàm ngã này mà chúng ta muốn nó tồn tại sau cái chết và trở lại để tiếp tục công việc mình đã bắt đầu; để hoàn thiện điều mình đã để dở dang ở đây, để tái nhập thể những năng lực, phẩm tính, tài năng mà chúng ta đã phát triển, dù cố ý hay vô thức, trong suốt một đời người. Bài tập này cũng có thể cho chúng ta một sự thấu hiểu rõ hơn về phương diện nào của bản thể mình chứa hạt giống của tính liên tục và có thể thực hiện sự chuyển sinh này từ trạng thái hay thể này sang trạng thái hay thể khác; nghĩa là, hạt nhân của tâm thức về bản ngã của chúng ta ngự ở đâu, phần bất tử ấy sẽ tiếp tục tiến lên sau khoảng dừng để thai nghén gọi là cái chết đến một thử nghiệm sống khác, cũng như một lữ khách vượt biển sang một xứ sở khác mà không vì thế đánh mất bản sắc của mình.

It would hardly be the child self—a creature of instincts, a little animal just opening its eyes to the world.

Khó có thể là cái ngã trẻ thơ—một tạo vật của bản năng, một con vật nhỏ vừa mở mắt nhìn thế giới.

Nor presumably the adolescent, uncertainly experimenting, making endless mistakes, bewildered, half child half adult.

Cũng không hẳn là thiếu niên, đang dò dẫm thử nghiệm, phạm vô số sai lầm, bối rối, nửa trẻ con nửa người lớn.

Would it be what we think of as the adult self, still in a halfway stage of development and usually too busy, too deeply involved in the essential activities of the material world

Liệu đó có phải là cái ngã mà chúng ta nghĩ là người trưởng thành, vẫn còn ở một giai đoạn phát triển nửa chừng và thường quá bận rộn, quá bị cuốn sâu vào những hoạt động thiết

to have had time to digest his experiences?

yếu của thế giới vật chất đến nỗi không có thời gian tiêu hoá các kinh nghiệm của mình?

Or the old man, struggling with the difficulties and frustrations of failing powers and often resentful of their loss and of a growing disability to deal with life?

Hay là người già, đang vật lộn với những khó khăn và thất vọng của các năng lực suy giảm và thường oán giận sự mất mát ấy cùng sự bất lực ngày càng tăng trong việc đối phó với cuộc sống?

Each has represented our "I" of the moment, each is in some measure ourself, linked to our present "I" by memory; yet are we not more than all of them together? Is not this "I" which will survive in a sense a distillation of the essence of the totality of this latest series of new experiments from which all the while is being created a new aspect of individuality?

Mỗi cái đã từng đại diện cho "tôi" của chúng ta trong từng thời điểm, mỗi cái ở một mức độ nào đó là chính chúng ta, được nối với "tôi" hiện tại của chúng ta bằng ký ức; tuy nhiên, chẳng phải chúng ta còn hơn tất cả chúng cộng lại sao? Chẳng phải cái "tôi" sẽ tồn tại ấy, theo một nghĩa nào đó, là sự chưng cất tinh chất của toàn bộ chuỗi thử nghiệm mới mẻ gần đây nhất này, từ đó trong suốt thời gian ấy một phương diện mới của cá tính đang được tạo thành sao?

Another difficulty is to grasp the concept of karmic continuity, cause leading to effect, effect leading again to cause, operating through immense periods of time; for inevitably we see our lives broken by death into separate segments. Yet in reality there is no break. This long journey might be said to resemble a river, a single stream of consciousness flowing from the darkness of its primal source ever onward until it reaches the ocean of light and knows itself to be, what in truth it has always been, an aspect of the consciousness of the Infinite. Thus the soul's existence here on earth or in the afterlife is but one unbroken movement; ever changing its environment and quality, yet ever remaining in essence itself, each action, each choice contributing to the volume and quality of the stream, making it what it is.

Một khó khăn khác là nắm bắt khái niệm về tính liên tục của nghiệp quả, nguyên nhân dẫn đến hậu quả, hậu quả lại dẫn đến nguyên nhân, vận hành qua những khoảng thời gian mênh mông; vì tất yếu chúng ta nhìn đời mình như bị cái chết cắt thành những đoạn riêng biệt. Tuy nhiên, trên thực tế không hề có sự đứt đoạn. Có thể nói cuộc hành trình dài này giống như một con sông, một dòng tâm thức duy nhất chảy từ bóng tối của nguồn cội nguyên sơ của nó mãi về phía trước cho đến khi đạt đến đại dương ánh sáng và biết mình là, điều mà thật ra nó luôn luôn là, một phương diện của tâm thức của Đấng Vô Hạn. Vì vậy, sự hiện hữu của linh hồn ở đây trên Trái Đất hay trong đời sống sau khi chết chỉ là một chuyển động liên tục không gián đoạn; luôn thay đổi môi trường và phẩm tính của nó, nhưng trong tinh chất vẫn luôn là chính nó, mỗi hành động, mỗi lựa chọn đều góp phần vào dung lượng và phẩm tính của dòng chảy, làm cho nó là chính nó.

Such a picture gives the pronouncement: "As ye sow, so also shall ye reap" a new reality. No part is dissociated from any other; the whole river is one, so what the personality may believe to be chance or a precipitation of

Một bức tranh như thế đem lại cho lời tuyên bố: "Các ngươi gieo gì thì cũng sẽ gặt nấy" một thực tại mới. Không phần nào tách rời khỏi phần nào khác; toàn bộ con sông là một, vì vậy điều mà phàm ngã có thể tin là ngẫu

Karma is part of the inevitable process of this onward sweep of the "living soul" towards the development of its own divine potentialities.

nhiên hay là sự ngưng tụ của nghiệp quả thực ra là một phần của tiến trình tất yếu của sự cuốn trôi đi tới này của "linh hồn sống" hướng đến sự phát triển các tiềm năng thiêng liêng của chính nó.

Behind this teaching there are deeper implications; for in essence all apparently separate "streams" are united in the basic unity of Life, each contributing to each and all to the All. But here we enter the realm of metaphysics.

Đằng sau giáo huấn này còn có những hàm ý sâu xa hơn; vì về bản chất, mọi "dòng chảy" có vẻ riêng biệt đều hợp nhất trong tính nhất thể căn bản của Sự sống, mỗi dòng góp phần cho mỗi dòng khác và tất cả góp phần cho Toàn Thể. Nhưng ở đây chúng ta bước vào lĩnh vực siêu hình học.

It is obvious that we, whose vision and understanding are circumscribed by purely human conceptions of time and space cannot possibly discover how or when man developed the first gleam of individuality. Life manifests cyclically; therefore what we think of as beginnings may, in essence, be no more than the end of one cycle leading to the emergence of another with, again, no real break between, possibly with no beginning and to no end.

Hiển nhiên là chúng ta, những kẻ có tầm nhìn và sự thấu hiểu bị giới hạn bởi những quan niệm thuần nhân loại về thời gian và không gian, không thể nào khám phá được con người đã phát triển tia sáng đầu tiên của cá tính như thế nào hay khi nào. Sự sống biểu hiện theo chu kỳ; vì vậy điều chúng ta nghĩ là những khởi đầu có thể, về bản chất, không hơn gì sự kết thúc của một chu kỳ dẫn đến sự xuất hiện của một chu kỳ khác, lại một lần nữa không có sự đứt đoạn thực sự nào ở giữa, có lẽ không có khởi đầu và cũng không có kết thúc.

While every religion and tradition has its creation story, none of them can represent more than a symbolic picture of the Reality for which there would be no words in human language. Many, however, teach that at one "moment" in the cyclic ebb and flow of the One Life a divine spark of self-consciousness was implanted like a seed in animal man on this earth, and from this the first appearance of a "living soul" was born endowed with the potentiality of becoming a god-like being manifesting on earth divine qualities as did Jesus and the Buddha.

Trong khi mọi tôn giáo và truyền thống đều có câu chuyện sáng thế của mình, không câu chuyện nào trong số đó có thể đại diện cho điều gì hơn một bức tranh biểu tượng về Thực Tại mà ngôn ngữ loài người không có lời nào diễn đạt nổi. Tuy nhiên, nhiều truyền thống dạy rằng vào một "khoảnh khắc" nào đó trong sự lên xuống theo chu kỳ của Một Sự Sống, một tia lửa thiêng liêng của ngã thức đã được cấy vào như một hạt giống trong người thú trên Trái Đất này, và từ đó sự xuất hiện đầu tiên của một "linh hồn sống" đã ra đời, được phú cho tiềm năng trở thành một hữu thể giống như thần linh, biểu hiện trên Trái Đất những phẩm tính thiêng liêng như Đức Jesus và Đức Phật đã làm.

I mentioned above the distortions which have crept into the whole concept of reincarnation and which have made many people reject it out of hand.

Tôi đã nhắc ở trên đến những sự bóp méo đã len vào toàn bộ quan niệm về luân hồi và khiến nhiều người bác bỏ nó ngay từ đầu.

These have largely arisen from the very

Chúng phần lớn phát sinh từ khuynh hướng

common tendency to take metaphysical or religious concepts literally, treating them as absolute realities instead of realizing that such realities can, in the main, only be expressed in symbolical form, by analogy or in metaphor. This applies as much to many Christian teachings as to any others.

rất phổ biến là hiểu các khái niệm siêu hình hay tôn giáo theo nghĩa đen, xem chúng như những thực tại tuyệt đối thay vì nhận ra rằng những thực tại như thế, nhìn chung, chỉ có thể được biểu đạt dưới hình thức biểu tượng, bằng tương đồng hay ẩn dụ. Điều này áp dụng cho nhiều giáo huấn Cơ Đốc cũng như cho bất kỳ giáo huấn nào khác.

One such distortion of the idea of rebirth is taught by a well-known school of what is loosely called "occultism".

Một sự bóp méo như thế của ý niệm tái sinh được giảng dạy bởi một trường phái nổi tiếng của cái thường được gọi một cách lỏng lẻo là "huyền bí học".

The term "occult" is unfortunate and liable to create misunderstanding as its connotation in our day is almost wholly bad, being nearly always associated with dubious Orders, bogus claims in advertisements and the practice of primitive forms of magic. The word "occult" means "that which is hidden or unknown", therefore an "occultist" should indicate one who is searching for as yet undiscovered truths or facts either by scientific methods regarding the physical laws of the universe, or by the study and practice of the techniques to be found in the esoteric teachings of all the great religions which reveal the spiritual significance of these same laws and the use of their hidden powers in the service of God and mankind. When the word "occult" is used in this book it always relates to this line of research.

Thuật ngữ "huyền bí" thật không may và dễ gây hiểu lầm vì hàm nghĩa của nó trong thời đại chúng ta hầu như hoàn toàn là xấu, gần như luôn gắn với những hội đoàn đáng ngờ, những lời tuyên bố giả dối trong quảng cáo và việc thực hành những hình thức huyền thuật nguyên thủy. Từ "huyền bí" có nghĩa là "điều bị che giấu hay chưa biết", vì vậy một "nhà huyền bí học" phải chỉ người đang tìm kiếm những chân lý hay sự kiện chưa được khám phá, hoặc bằng các phương pháp khoa học liên quan đến các định luật hồng trần của vũ trụ, hoặc bằng việc nghiên cứu và thực hành các kỹ thuật có trong những giáo huấn bí truyền của mọi tôn giáo lớn, vốn mặc khải ý nghĩa tinh thần của chính những định luật ấy và việc sử dụng các quyền năng ẩn tàng của chúng trong sự phụng sự Thượng đế và nhân loại. Khi từ "huyền bí" được dùng trong cuốn sách này, nó luôn luôn liên hệ đến đường lối nghiên cứu này.

The idea held by the particular school mentioned above is, roughly, that if we fail in one life to make any real contact with the soul, do not meet our obligations or pay out debts, we shall have to re-live that life over and over again, exactly, in every detail, even meeting the same people and the same problems in the identical circumstances, until we do succeed in taking the vital step which will free us to move on.

Ý niệm được trường phái đặc biệt vừa nhắc đến nắm giữ, nói đại khái, là nếu chúng ta thất bại trong một kiếp sống không tạo được bất kỳ tiếp xúc thực sự nào với linh hồn, không hoàn thành các nghĩa vụ hay trả các món nợ của mình, thì chúng ta sẽ phải sống lại kiếp sống ấy hết lần này đến lần khác, y hệt, trong từng chi tiết, thậm chí gặp lại cùng những con người ấy và cùng những vấn đề ấy trong những hoàn cảnh giống hệt nhau, cho đến khi cuối cùng chúng ta thành công trong việc thực hiện bước đi thiết yếu sẽ giải phóng chúng ta để tiến lên.

No wonder the average person rejects it as

Không lạ gì người bình thường bác bỏ điều đó

either too terrible or too dreary to be contemplated. But how could such a fate be possible? How can we literally go back in time, into a past historical setting which no longer exists and into utterly changed social conditions? Moreover how can we re-meet the same people who will almost certainly themselves have changed in the interim and be quite different with different reactions? Even those of us— and they must be few— who have not profited from their experiences at all, must have still learned something, have absorbed new impressions even if only at subconscious levels, which would modify to some extent their thought and emotional patterns; so by this much they would have changed.

như hoặc quá khủng khiếp hoặc quá tẻ nhạt đến mức không thể suy ngẫm nổi. Nhưng một số phận như thế làm sao có thể xảy ra được? Làm sao chúng ta có thể theo nghĩa đen quay ngược thời gian, trở vào một bối cảnh lịch sử quá khứ không còn tồn tại và vào những điều kiện xã hội đã hoàn toàn thay đổi? Hơn nữa, làm sao chúng ta có thể gặp lại cùng những con người ấy, những người gần như chắc chắn bản thân họ cũng đã thay đổi trong khoảng thời gian xen giữa và trở nên hoàn toàn khác với những phản ứng khác? Ngay cả những người trong chúng ta—và hẳn là rất ít—không hề thu lợi gì từ các kinh nghiệm của mình, thì cũng vẫn phải học được điều gì đó, đã hấp thụ những ấn tượng mới dù chỉ ở các cấp độ tiềm thức, điều này sẽ làm biến đổi phần nào các mô hình tư tưởng và cảm xúc của họ; vì thế, chỉ riêng ở mức ấy thôi, họ cũng đã thay đổi.

But as there can be no evasion of debts contracted in association with others or of the results of actions breaking moral laws, we shall almost inevitably find ourselves in similar, though *not* identical, circumstances and be presented with the same kind of problems until we do succeed in dealing with them from a higher level.

Nhưng vì không thể trốn tránh những món nợ đã kết tạo trong liên hệ với người khác hay những kết quả của các hành động vi phạm các luật đạo đức, nên gần như chắc chắn chúng ta sẽ thấy mình ở trong những hoàn cảnh tương tự, dù *không* giống hệt, và được đặt trước cùng loại vấn đề cho đến khi cuối cùng chúng ta thành công trong việc xử lý chúng từ một cấp độ cao hơn.

One of the ancient spiritual axioms declares that: *As it is in the inner, so it is in the outer.* If we are perceptive we can soon discover that indeed it is true that we make our "world" by what we are in ourselves. The psychiatrist has proved to us that indubitably:

Một trong những châm ngôn tinh thần cổ xưa tuyên bố rằng: *Trong sao, ngoài vậy.* Nếu có năng lực nhận biết, chúng ta sẽ sớm khám phá rằng quả thật đúng là chúng ta tạo nên "thế giới" của mình bằng chính điều chúng ta là trong bản thân mình. Nhà tâm thần học đã chứng minh cho chúng ta một cách không thể chối cãi rằng:

The mind is its own place

Tâm trí là nơi chốn của chính nó

And of itself doth make a heaven of hell, a hell of heaven.

Và tự nó có thể biến địa ngục thành thiên đường, thiên đường thành địa ngục.

The whole concept of Karma, the idea that causes from previous lives produce effects in others far removed in time, must continue to present many difficulties to the thoughtful, for it is obviously so profound, so subtle, so infinitely complex that we can

Toàn bộ quan niệm về nghiệp quả, ý niệm rằng những nguyên nhân từ các kiếp trước tạo ra hậu quả ở những thời điểm rất xa cách về sau, hẳn vẫn sẽ tiếp tục gây ra nhiều khó khăn cho người suy tư, vì hiển nhiên nó quá sâu xa, quá vi tế, quá phức tạp vô hạn đến nỗi

only hope to recognize the more obvious and easily discernable repercussions. So it is always important to remind ourselves that we are seeking to understand spiritual laws and what we perceive here are only faint reflections of inner Realities.

chúng ta chỉ có thể hy vọng nhận ra những phản ứng dội lại rõ ràng và dễ phân biệt hơn mà thôi. Vì vậy, điều luôn luôn quan trọng là phải nhắc mình rằng chúng ta đang tìm cách thấu hiểu các định luật tinh thần, và điều chúng ta nhận thấy ở đây chỉ là những phản ánh mờ nhạt của các Thực Tại bên trong.

This is exemplified by another misconception regarding reincarnation and Karma. Some people think that the idea of "an eye for an eye and a tooth for a tooth" is to be taken literally. Here again we are judging divine law by human standards and are thinking of Karma either as a punishment for wrong-doing, one that fits the crime, or as a reward for virtue. It is neither. There is no such thing as divine punishment. This is one of the most terrible and pernicious dogmas to be found in any religion. Nor are there any rewards. And we will get only one judge—our own Higher Self. It is said that after death there comes a stage when we see every forgotten detail of our lives, every act and thought and motive, freed from the delusions with which we guard ourselves from self- knowledge. This is the hour of judgement; the real "moment of truth".

Điều này được minh hoạ bởi một ngộ nhận khác liên quan đến luân hồi và nghiệp quả. Một số người nghĩ rằng ý niệm "mắt đền mắt, răng đền răng" phải được hiểu theo nghĩa đen. Ở đây một lần nữa chúng ta đang phán xét định luật thiêng liêng bằng những tiêu chuẩn nhân loại và đang nghĩ về nghiệp quả hoặc như một sự trừng phạt cho hành vi sai trái, một sự trừng phạt tương xứng với tội lỗi, hoặc như một phần thưởng cho đức hạnh. Nó không phải là cả hai. Không có cái gọi là sự trừng phạt thiêng liêng. Đây là một trong những giáo điều khủng khiếp và tai hại nhất có thể tìm thấy trong bất kỳ tôn giáo nào. Cũng không có phần thưởng nào cả. Và chúng ta sẽ chỉ có một vị phán quan—Bản Ngã Cao Siêu của chính mình. Người ta nói rằng sau cái chết sẽ đến một giai đoạn khi chúng ta nhìn thấy mọi chi tiết đã quên trong đời mình, mọi hành động, tư tưởng và động cơ, được giải thoát khỏi những ảo tưởng mà chúng ta dùng để che chắn mình khỏi sự tự tri. Đó là giờ phán xét; "khoảnh khắc của chân lý" thực sự.

We may punish ourselves here, as we often do, out of an exaggerated sense of guilt or punish others for even less admirable reasons. Virtue is literally its own reward for it builds into our being qualities and insights which will be our inheritance for all time.

Chúng ta có thể tự trừng phạt mình ở đây, như chúng ta thường làm, vì một cảm giác tội lỗi bị phóng đại, hoặc trừng phạt người khác vì những lý do còn kém đáng trọng hơn. Đức hạnh theo nghĩa đen là phần thưởng của chính nó, vì nó xây dựng vào trong bản thể chúng ta những phẩm tính và linh thị sẽ là gia tài của chúng ta mãi mãi.

Life is our school. We reincarnate in order to learn that love plus wisdom—so far as we are concerned the two are not, unfortunately, always synonymous—are the only keys to open the doors to a future of genuine happiness and inner peace. All the great teachers have repeated this over and over again, but only a few have listened.

Sự sống là trường học của chúng ta. Chúng ta luân hồi để học rằng tình thương cộng với minh triết—đối với chúng ta, thật không may, hai điều ấy không phải lúc nào cũng đồng nghĩa—là những chiếc chìa khóa duy nhất mở ra cánh cửa đến một tương lai của hạnh phúc chân chính và bình an nội tâm. Tất cả các bậc huấn sư vĩ đại đã lặp đi lặp lại

điều này hết lần này đến lần khác, nhưng chỉ có ít người lắng nghe.

There is one misapprehension which revolts people— and rightly. This is the belief that we can be reincarnated in animal form. As it stands it is nonsense. Once the spark of divinity has been lit in the darkness of the unselfconscious animal, it has become Man who can choose good or evil; who says "I am" and unlike the animal knows that he knows. So how can there be any turning back? However long it may take him, henceforth he is destined to become what, in the deepest sense, he is, a son of God, a Light-bearer, a living soul. He may often appear to stand still, even sometimes to retrogress, but he will be expanding his higher consciousness all the time, whether, in his personality, he is aware of it or not.

Có một sự hiểu lầm khiến người ta phẫn nộ— và đúng như vậy. Đó là niềm tin rằng chúng ta có thể tái sinh trong hình thức động vật. Hiểu theo nguyên văn thì điều đó là vô nghĩa. Một khi tia lửa thiên tính đã được thắp lên trong bóng tối của con vật vô ngã thức, nó đã trở thành Con Người, kẻ có thể chọn thiện hay ác; kẻ nói "Tôi là" và khác với con vật, biết rằng mình biết. Vậy thì làm sao có thể quay ngược trở lại? Dù có thể mất bao lâu đi nữa, từ đây trở đi y được định sẵn sẽ trở thành điều mà theo nghĩa sâu xa nhất y vốn là, một Con của Thượng đế, một Kẻ Mang Ánh Sáng, một linh hồn sống. Y có thể thường có vẻ đứng yên, thậm chí đôi khi thoái bộ, nhưng y vẫn sẽ mở rộng tâm thức cao hơn của mình suốt mọi lúc, dù trong phàm ngã của mình y có nhận biết điều đó hay không.

But as with many such misapprehensions this one may well express a symbolical truth. Man remains an animal so far as his body and its functions are concerned and at an early stage he still possesses some animal attributes. These must eventually be transmuted into their higher counterparts; instinct, for instance, into intuition; the sex urge into pure love expressing compassion and sacrifice. To some extent these lower forces control and dominate the personality for long ages. But he who allows and even encourages them will inevitably become increasingly the slave of his animal nature in life after life. We know that there exist men and women who exhibit the worst forms of such retrogressive characteristics which, when conjoined with some measure of intellect, can make them a serious danger to their kind though most of all to themselves. In this sense only can human beings sink to almost subhuman levels. But the divine spark, however obscured, is still a part of their being; it £r the source of their humanity. One day something may happen. Perhaps it will be an awakening of love for a bird or an animal which will stir within the

Nhưng cũng như nhiều sự hiểu lầm như thế, điều này rất có thể biểu đạt một chân lý biểu tượng. Con người vẫn là một động vật xét về thể xác và các chức năng của nó, và ở giai đoạn đầu y vẫn còn sở hữu một số thuộc tính động vật. Cuối cùng những thuộc tính này phải được chuyển hoá thành các đối phần cao hơn của chúng; chẳng hạn bản năng thành trực giác; xung lực tính dục thành tình thương thanh khiết biểu hiện lòng từ bi và sự hi sinh. Ở một mức độ nào đó, những mãnh lực thấp này kiểm soát và chi phối phàm ngã trong nhiều thời đại dài lâu. Nhưng kẻ cho phép và thậm chí còn khuyến khích chúng thì tất yếu sẽ ngày càng trở thành nô lệ của bản chất động vật của mình từ kiếp này sang kiếp khác. Chúng ta biết rằng có những người nam và nữ biểu lộ những hình thức tồi tệ nhất của các đặc tính thoái hóa như thế, mà khi kết hợp với một mức độ trí tuệ nào đó, có thể khiến họ trở thành một mối nguy nghiêm trọng cho đồng loại của mình, nhưng trên hết là cho chính họ. Chỉ theo nghĩa này mà con người có thể sa xuống gần như dưới mức người. Nhưng tia lửa thiêng liêng, dù bị che mờ đến đâu, vẫn là một phần của bản thể họ; nó là nguồn cội của

hard carapace with which selfishness and blindness have imprisoned and stifled that eternal flame within; a turning-point will have been reached and its power will begin to operate. The tiny spark will slowly become a guiding beam increasing in strength in life after life, drawing the man up from the darkness and the slime, from among the "swine", towards liberation, glory and love in his Father's house.

tính người nơi họ. Một ngày nào đó điều gì đó có thể xảy ra. Có lẽ đó sẽ là sự thức tỉnh của tình thương đối với một con chim hay một con vật, điều sẽ khuấy động bên trong lớp mai cứng mà sự ích kỷ và mù quáng đã dùng để giam hãm và bóp nghẹt ngọn lửa vĩnh cửu ấy ở bên trong; một bước ngoặt sẽ được đạt tới và quyền năng của nó sẽ bắt đầu vận hành. Tia lửa nhỏ bé ấy sẽ chậm rãi trở thành một tia dẫn đường ngày càng mạnh hơn từ kiếp này sang kiếp khác, kéo con người lên khỏi bóng tối và bùn lầy, khỏi đám "heo lợn", hướng đến giải thoát, vinh quang và tình thương trong nhà Cha của mình.

One great obstacle to acceptance of the reincarnation hypothesis, particularly for the more scientifically minded, is that the demand for proof cannot so easily be satisfied. It is, of course, very diflicult to obtain and there can be many other explanations for claims put forward by individuals who believe they remember past lives: although the appearance in very young children of what are normally acquired skills or even of genius, as with Mozart and very many others, is almost impossible to explain by any other means.

Một trở ngại lớn đối với việc chấp nhận giả thuyết luân hồi, đặc biệt đối với những người có đầu óc khoa học hơn, là đòi hỏi về bằng chứng không thể được thỏa mãn dễ dàng đến thế. Dĩ nhiên, điều đó rất khó đạt được, và có thể có nhiều cách giải thích khác cho những lời khẳng định do những cá nhân tin rằng họ nhớ được các kiếp trước đưa ra; mặc dù sự xuất hiện nơi những trẻ còn rất nhỏ của những kỹ năng vốn bình thường phải được thủ đắc, hoặc thậm chí của thiên tài, như trường hợp Mozart và rất nhiều người khác, hầu như không thể được giải thích bằng bất kỳ cách nào khác.

But of recent years much research has been carried out by numbers of unbiased people possessed of scientific training and integrity in an attempt to prove or disprove this proposition. They have examined hundreds of cases, sifting all available evidence, particularly when historical clues in the form of little known contemporary facts have been given. But the most convincing evidence comes from those few who claim to recall a very recent life, having obviously returned to a new body shortly after having quitted the old one. Here details of the past life in a specific country or district which the child—for it is nearly always a young person—can "remember", can be checked and have been found in a number of cases which have been rigorously investigated for fraud, conscious or unconscious, to be correct in every detail. Here again no other

Nhưng trong những năm gần đây, nhiều công trình nghiên cứu đã được thực hiện bởi nhiều người vô tư, có đào luyện khoa học và liêm chính, trong nỗ lực chứng minh hoặc bác bỏ mệnh đề này. Họ đã khảo sát hàng trăm trường hợp, sàng lọc mọi bằng chứng hiện có, đặc biệt khi các đầu mối lịch sử dưới dạng những sự kiện đương thời ít được biết đến đã được nêu ra. Nhưng bằng chứng thuyết phục nhất đến từ số ít người tuyên bố nhớ lại một kiếp sống rất gần đây, rõ ràng đã trở lại trong một thể mới ngay sau khi rời bỏ thể cũ. Ở đây, những chi tiết của kiếp sống trước tại một quốc gia hay khu vực cụ thể mà đứa trẻ—vì hầu như luôn là một người trẻ—có thể "nhớ", có thể được kiểm chứng, và trong một số trường hợp đã được điều tra nghiêm ngặt về sự gian dối, hữu thức hay vô thức, đã được thấy là đúng trong từng chi tiết. Ở đây nữa, dường như không có cách

explanation except reincarnation seems possible.

giải thích nào khác ngoài luân hồi là khả hữu.

An increasing number of books examining the whole case for the theory of rebirth and Karma are now appearing, many of which go very deeply into the subject in all its aspects.

Hiện nay ngày càng có nhiều sách khảo sát toàn bộ cơ sở của lý thuyết tái sinh và nghiệp quả xuất hiện, nhiều cuốn trong số đó đi rất sâu vào đề tài này trong mọi phương diện của nó.

This introduction is no more than a superficial review of the subject generally, but any readers who wish to know more of the whole vast field which the subject opens up will find a list of authors and titles in the bibliography at the end of this book.

Lời dẫn nhập này không hơn gì một cái nhìn khái quát khá hời hợt về đề tài nói chung, nhưng bất kỳ độc giả nào muốn biết thêm về toàn bộ lĩnh vực bao la mà đề tài này mở ra sẽ tìm thấy một danh sách tác giả và nhan đề trong thư mục ở cuối cuốn sách này.

PROLOGUE—LỜI MỞ ĐẦU

It had been exceptionally hot that summer. Day after day the sun rose in a cloudless sky over the still sea and sank in roseate mists behind the blue of the distant hills. Day by day the heat increased. The marsh where cattle huddled in sparse shade by the dykes took on the same golden colour as the waste of sands and shingle and was half veiled by the same shimmering dance of fiery particles. Once there was a mirage over the distant headland; strange shapes like primeval giants walked the sea, ships hung in the void and a sense of unreality and menace brooded over the empty land.

Mùa hè năm ấy nóng khác thường. Hết ngày này sang ngày khác, mặt trời mọc lên trong bầu trời không gợn mây trên mặt biển lặng và lặn xuống trong những làn sương hồng phía sau màu xanh của những ngọn đồi xa. Ngày qua ngày, sức nóng tăng lên. Đầm lầy nơi đàn gia súc tụ lại trong chút bóng râm thưa thớt bên các con đê mang cùng màu vàng óng như bãi cát và sỏi hoang vu, và bị che phủ một nửa bởi cùng điệu múa rung rinh của những hạt lửa lấp lánh. Có lần một ảo ảnh hiện lên trên mũi đất xa; những hình thù kỳ lạ như các người khổng lồ nguyên thủy bước đi trên biển, tàu thuyền treo lơ lửng trong khoảng không, và một cảm giác không thực cùng điềm dữ bao trùm vùng đất trống vắng.

Our bungalow stood on a ridge of shingle between the marsh and the sea. The older part was reputed to be haunted by a French sailor who appeared usually before some crisis. He was seen that year twice by one of our trio, but this did not trouble us for, owing perhaps to the extraordinary vitality of the air, we were filled with an almost reckless abandonment to the forces of nature and cared for nothing that might threaten us. We seemed, indeed, more and more to partake of the elements themselves, to be drawn ever closer, as day succeeded day in unbroken glory, into their very essence. The earth burned under our feet, vibrant with energy; at evening soft airs scented with hay, thyme, and seaweed whispered along the ridge; the water, advancing and receding in trancelike stillness, was so warm and buoyant that to float in it was like being suspended in liquid air. At night we would swim far out into a black and mysterious sea, afterwards running naked along the stretch of empty sands. We felt as if we had actually taken on once again the physical glory of some Greek incarnation; here the modern world was remote and the stress of living almost forgotten.

Ngôi bungalow của chúng tôi đứng trên một doi sỏi giữa đầm lầy và biển. Phần cũ hơn được đồn là có ma ám bởi một thủy thủ người Pháp, kẻ thường xuất hiện trước một cơn khủng hoảng nào đó. Năm ấy, một người trong nhóm ba chúng tôi đã thấy ông ta hai lần, nhưng điều này không làm chúng tôi bận tâm vì, có lẽ do sinh lực phi thường của không khí, chúng tôi tràn đầy một sự buông mình gần như liều lĩnh cho các mãnh lực của bản chất và chẳng bận lòng đến bất cứ điều gì có thể đe dọa mình. Quả thật, dường như chúng tôi ngày càng dự phần nhiều hơn vào chính các nguyên tố, bị kéo ngày càng gần hơn, khi ngày nối tiếp ngày trong vẻ huy hoàng không gián đoạn, vào tận tinh chất của chúng. Đất cháy bỏng dưới chân chúng tôi, rung động năng lượng; về chiều, những luồng gió nhẹ thơm mùi cỏ khô, xạ hương và rong biển thì thầm dọc theo doi đất; nước, tiến rồi lùi trong sự tĩnh lặng như xuất thần, ấm và nâng đỡ đến mức nổi trên đó giống như được treo lơ lửng trong không khí lỏng. Ban đêm chúng tôi bơi rất xa ra biển đen huyền bí, rồi sau đó chạy trần truồng dọc theo dải cát trống vắng. Chúng tôi cảm thấy như thể mình thực sự đã khoác lại vẻ huy hoàng hồng trần của một lần lâm phàm Hy Lạp nào đó; ở đây thế giới hiện đại thật xa xôi

và áp lực của đời sống hầu như bị lãng quên.

I had come to this place intending to start work seriously on a new novel, but so potent was the drive of sheer physical energy that I found I could do nothing. As the moon waxed, so did this sensation of strange unrest increase; it was almost as if one were being influenced by some elemental force.

Tôi đã đến nơi này với ý định bắt đầu nghiêm túc công việc viết một cuốn tiểu thuyết mới, nhưng xung lực của năng lượng hồng trần thuần túy mạnh đến nỗi tôi thấy mình không thể làm gì cả. Khi trăng dần tròn, cảm giác bất an kỳ lạ này cũng tăng lên; gần như thể người ta đang bị một mãnh lực hành khí nào đó tác động.

At that time I was quite ignorant of astrology, else I might have realized that I was approaching some unusual crisis in my life. A similar event, we discovered later, was also mirrored in the horoscopes of my companions.

Lúc ấy tôi hoàn toàn không biết gì về chiêm tinh học, nếu không hẳn tôi đã có thể nhận ra rằng mình đang tiến gần đến một cơn khủng hoảng khác thường trong đời. Về sau chúng tôi khám phá ra rằng một biến cố tương tự cũng được phản chiếu trong các lá số chiêm tinh của những người bạn đồng hành của tôi.

But of this we knew nothing; only as the days passed we became disturbed by a new factor which began to impinge upon our lives. Phenomena started to manifest all over the bungalow, and soon we realized that this mysterious force was becoming so powerful as almost to be inimical.

Nhưng chúng tôi không biết gì về điều đó; chỉ là khi ngày tháng trôi qua, chúng tôi bắt đầu bị xáo động bởi một yếu tố mới đang bắt đầu xâm nhập vào đời sống của mình. Các hiện tượng bắt đầu biểu lộ khắp ngôi bungalow, và chẳng bao lâu chúng tôi nhận ra rằng mãnh lực bí ẩn này đang trở nên mạnh đến mức gần như thù nghịch.

Now phenomena, as such, had never interested us. It seemed to me then—as it does now—a waste of valuable energy which should be turned to better account. We had none of us ever “sat for development”, and I, at least, was perfectly convinced that I had no mediumistic abilities, being far more interested in the line of development which, through meditation and self-control, should bring discrimination and enhanced intuition, rather than what are loosely termed psychic powers. For to my mind the study of occultism, to be of any real use in this present age, should make men and women capable of dealing with the multitudinous problems of modern life from a spiritual point of view, rather than cause people to go off on mystic flights bearing little or no relation to the activities of the physical plane whereon they have been placed.

Bản thân các hiện tượng, với tư cách là hiện tượng, chưa bao giờ khiến chúng tôi quan tâm. Khi ấy—cũng như bây giờ—đối với tôi, đó dường như là một sự phí phạm năng lượng quý giá, lẽ ra nên được dùng vào việc tốt hơn. Không ai trong chúng tôi từng “ngồi để phát triển”, và ít nhất riêng tôi hoàn toàn tin chắc rằng mình không có khả năng đồng tử, vì tôi quan tâm nhiều hơn đến đường phát triển mà qua tham thiền và tự chủ sẽ đem lại sự phân biện và trực giác được tăng cường, hơn là những gì thường được gọi một cách lỏng lẻo là các năng lực thông linh. Vì theo tôi, việc nghiên cứu huyền bí học, nếu muốn có ích thực sự trong thời đại hiện nay, phải làm cho những người nam và nữ có khả năng xử lý vô số vấn đề của đời sống hiện đại từ một quan điểm tinh thần, thay vì khiến người ta bay bổng vào những cơn xuất thần thần bí ít hoặc không liên hệ gì với các hoạt động của cõi hồng trần nơi họ đã được đặt

vào.

Before I speak further of the events which brought about the writing of this book I must explain that four of us were involved.

Trước khi nói thêm về những biến cố đã dẫn đến việc viết cuốn sách này, tôi phải giải thích rằng có bốn người chúng tôi liên quan.

One had died several years previously. We had all been greatly attached to her, but we had never made any serious attempt to get in touch with her through mediums, as we none of us cared for this type of communication.

Một người đã qua đời vài năm trước đó. Tất cả chúng tôi đều rất gắn bó với bà, nhưng chúng tôi chưa bao giờ thực hiện bất kỳ nỗ lực nghiêm túc nào để liên lạc với bà qua các đồng tử, vì không ai trong chúng tôi ưa thích kiểu giao tiếp này.

Of the others, one was the owner of the bungalow and had studied occultism with me for a considerable time, and the third was a very practical man of business who, although he knew very little of such subjects at that stage, was a natural psychic and occasionally passed out of his body in full consciousness at night. He had often seen our dead friend at these times and had brought back messages and instructions. In fact it was partly under her guidance that this bungalow had been built in a lonely place with a view to using it for spiritual study where higher energies might be tapped undiluted, as it were, by too many human contacts.

Trong số những người còn lại, một người là chủ ngôi bungalow và đã cùng tôi nghiên cứu huyền bí học trong một thời gian khá lâu, còn người thứ ba là một doanh nhân rất thực tế, tuy ở giai đoạn ấy biết rất ít về những đề tài như vậy, nhưng lại là một người thông linh bẩm sinh và đôi khi ban đêm ra khỏi thể mình trong trạng thái hoàn toàn tỉnh thức. Vào những lúc ấy, ông thường thấy người bạn đã khuất của chúng tôi và đã mang về những thông điệp cùng chỉ dẫn. Thật ra, chính một phần dưới sự hướng dẫn của bà mà ngôi bungalow này đã được xây ở một nơi hẻo lánh, với mục đích dùng cho việc nghiên cứu tinh thần, nơi các năng lượng cao hơn có thể được khai thác, có thể nói như vậy, mà không bị pha loãng bởi quá nhiều tiếp xúc nhân loại.

We were none of us of the type given to hysterical imaginings and were always on our guard against selfdeception. Now, however, we found ourselves up against something we could neither control nor explain away.

Không ai trong chúng tôi thuộc loại dễ có những tưởng tượng cuồng loạn, và chúng tôi luôn cảnh giác trước sự tự lừa dối. Nhưng giờ đây, chúng tôi thấy mình đang đối diện với một điều gì đó mà mình không thể kiểm soát cũng không thể giải thích cho qua.

For as the moon grew to its full, so did the phenomena increase.

Vì khi trăng dần tròn, các hiện tượng cũng gia tăng.

Looking back with my present knowledge, I realize that the forces at work there must have been terrific. Even then, beginners though we were, we could sense Powers moving majestically over the wide stretches of marshland, brooding over the house, filling the air with their soundless voices. Since that time I have been permitted to visualize their shapes, to glimpse, however

Nhìn lại với hiểu biết hiện nay của mình, tôi nhận ra rằng các mãnh lực hoạt động ở đó hẳn phải khủng khiếp. Ngay cả khi ấy, dù chỉ là những người mới bắt đầu, chúng tôi cũng có thể cảm nhận được các Quyền Năng đang uy nghi di chuyển trên những khoảng đầm lầy rộng lớn, bao trùm ngôi nhà, làm đầy không khí bằng những tiếng nói không âm thanh của các Ngài. Kể từ đó, tôi đã được

imperfectly, a faint shadow of their strength and their wisdom. Then I could only vaguely feel their presence. They were indeed gathering closer about us, forming a vortex of energy over this small centre, Powers of the air, the sea, and the earth; in their essence beneficent rather than malevolent; but to any who, like ourselves, had invoked them wrongly in past lives and were, through the mysterious compulsion of the Law, about to repay some of those ancient debts, they could represent a very real menace.

phép hình dung các hình thể của các Ngài, được thoáng thấy, dù rất bất toàn, một cái bóng mờ nhạt của sức mạnh và minh triết của các Ngài. Khi ấy tôi chỉ có thể mơ hồ cảm thấy sự hiện diện của các Ngài. Quả thật các Ngài đang tụ lại gần chúng tôi hơn, hình thành một xoáy năng lượng trên trung tâm nhỏ bé này, các Quyền Năng của không khí, của biển và của đất; trong tinh chất của các Ngài thì từ thiện hơn là ác ý; nhưng đối với bất kỳ ai, như chính chúng tôi, đã từng khẩn cầu các Ngài sai lầm trong những kiếp trước và nay, qua sự thôi thúc huyền nhiệm của Định luật, sắp phải hoàn trả một số món nợ cổ xưa ấy, thì các Ngài có thể tượng trưng cho một mối đe dọa rất thực.

And as the vortex increased, the surplus of psychic energy began to take effect in physical matter. Its actual manifestations were trivial, but since we were all by this time unwittingly like small dynamos giving off power, objects in our immediate vicinity became affected by it.

Và khi xoáy lực tăng lên, phần dư thừa của năng lượng thông linh bắt đầu tác động trong vật chất hồng trần. Những biểu hiện thực tế của nó thì tầm thường, nhưng vì đến lúc này tất cả chúng tôi đều vô tình giống như những máy phát điện nhỏ đang phát ra năng lượng, nên các vật ở gần chúng tôi bị ảnh hưởng bởi nó.

Bedclothes were torn off the beds. Ink was thrown on to the wall. Messages were even found scribbled on any bit of paper which had been left lying about. Once a threatening sentence was written in the dust on a mirror in a disused room.

Chăn màn bị giật khỏi giường. Mực bị hắt lên tường. Thậm chí người ta còn thấy những thông điệp được nguệch ngoạc trên bất kỳ mẩu giấy nào bị bỏ nằm quanh đó. Có lần một câu đe dọa được viết trong lớp bụi trên một tấm gương trong căn phòng bỏ không.

That room, indeed, soon became a focus for this alien influx of life. The dog refused absolutely to go into it and slunk miserably about, puzzled and alarmed.

Quả thật, căn phòng ấy chẳng bao lâu đã trở thành một tiêu điểm cho luồng sự sống xa lạ này. Con chó tuyệt đối không chịu vào đó và lủi thủi đi quanh trong vẻ khổ sở, bối rối và hoảng sợ.

The one clairvoyant member of our group occasionally caught glimpses of these activities; once he saw white figures marching round the little room which was always kept apart for meditation. He saw the sailor again. He saw the small garden full of moving lights and, what was more alarming, one evening he informed us that there was a gigantic toad seated on the back of a chair.

Thành viên thông nhãn duy nhất trong nhóm chúng tôi đôi khi thoáng thấy những hoạt động này; có lần ông thấy những hình trắng diễu hành quanh căn phòng nhỏ luôn được dành riêng cho việc tham thiền. Ông lại thấy người thủy thủ. Ông thấy khu vườn nhỏ đầy những ánh sáng chuyển động và, điều đáng báo động hơn, một buổi tối ông báo cho chúng tôi biết rằng có một con cóc khổng lồ đang ngồi trên lưng ghế.

But we were not seriously worried; we treated it all rather as a joke, slightly irritated by the seeming irrelevancy of these occurrences, but not in the least aware of their real significance.

Nhưng chúng tôi không thực sự lo lắng; chúng tôi xem tất cả khá như một trò đùa, hơi bực mình vì tính có vẻ vô nghĩa của những sự việc ấy, nhưng hoàn toàn không nhận thức được ý nghĩa thực sự của chúng.

Then one night when the moon was almost full I had a dream; and from that dream dates the beginning of what was undoubtedly the turning-point of my own life.

Rồi một đêm khi trăng gần tròn, tôi có một giấc mơ; và từ giấc mơ ấy bắt đầu điều chắc chắn là bước ngoặt trong chính đời tôi.

Now I have found—and this has been confirmed for me by others, even by a practising psychotherapist—that there are two definite types of dreams. One is the ordinary mixture of symbols and images, nearly all arising from the activities of the subconscious mind, motivated by the desires, repressions, waking thoughts, and experiences of the personality; that happy hunting-ground, in fact, wherein the disciple of any of the innumerable schools of psychotherapy disports himself, without realizing that he is probing into that most illusive of all realms, the emotional or "astral" plane.

Giờ đây tôi nhận thấy—và điều này đã được những người khác xác nhận cho tôi, kể cả một nhà tâm lý trị liệu đang hành nghề—rằng có hai loại giấc mơ rõ rệt. Một loại là hỗn hợp thông thường của các biểu tượng và hình ảnh, gần như tất cả đều phát sinh từ các hoạt động của tiềm thức, được thúc đẩy bởi những ham muốn, dồn nén, tư tưởng lúc thức và kinh nghiệm của phàm ngã; nói cách khác, đó là bãi săn vui vẻ nơi đệ tử của bất kỳ trường phái tâm lý trị liệu vô số nào cũng tung tăng hoạt động, mà không nhận ra rằng y đang thăm dò vào cõi khó nắm bắt nhất trong mọi cõi, tức cõi cảm xúc hay "cõi cảm dục".

The other kind of dream, which I believe to be rare as yet with the majority of mankind, is so different that for one who has experienced it no confusion can arise.

Loại giấc mơ kia, mà tôi tin rằng cho đến nay vẫn còn hiếm đối với đa số nhân loại, khác biệt đến mức đối với người đã từng trải nghiệm nó thì không thể có sự nhầm lẫn nào.

Not only have such dreams a vividness, a logical sequence and an actuality lacking in the most logical even of the others, but they have another quality which, because of its very subtlety, is practically impossible to explain— just as it would be impossible to explain colour to a blind man, sound to a deaf one, or love to one who had never experienced it. These dreams inevitably have a powerful effect upon one's waking life and fill it with new significance, for they are actually memories of activities out of the body rather than anything connected with it during its conscious state.

Những giấc mơ như thế không những có một sự sống động, một trình tự hợp lý và một tính hiện thực mà ngay cả những giấc mơ hợp lý nhất trong loại kia cũng thiếu, mà còn có một phẩm tính khác, do chính sự vi tế của nó, hầu như không thể giải thích được—cũng như không thể giải thích màu sắc cho người mù, âm thanh cho người điếc, hay tình yêu cho người chưa từng trải nghiệm nó. Những giấc mơ này tất yếu có một tác động mạnh mẽ lên đời sống lúc thức của một người và làm cho nó đầy thâm nghĩa mới, vì chúng thực sự là những ký ức về các hoạt động ngoài thể chứ không phải bất cứ điều gì liên quan đến thể trong trạng thái hữu thức của nó.

Such a dream did I have that night. I found

Đêm ấy tôi đã có một giấc mơ như vậy. Tôi

myself in Atlantis; I walked through the streets of the forgotten City of the Golden Gate, engaged in the consideration of a problem vital to my very existence; for I was at a crisis which was as clear and personal to me as my twentiethcentury life is in my waking state. I woke before the problem was solved and slept again to find myself once more the same man. But now the scene had changed; my whole destiny had altered. I was engaged in the practice of a magical rite, the horror of which was such that I awoke abruptly as if afraid of being forced to re-enact that dead but still vivid episode of the past.

thấy mình ở Atlantis; tôi đi qua các đường phố của Thành phố Cổng Vàng bị lãng quên, đang bận suy xét một vấn đề sống còn đối với chính sự tồn tại của mình; vì tôi đang ở trong một cơn khủng hoảng rõ ràng và riêng tư đối với tôi cũng như đời sống thế kỷ hai mươi của tôi rõ ràng trong trạng thái thức. Tôi tỉnh dậy trước khi vấn đề được giải quyết và lại ngủ tiếp để thấy mình một lần nữa vẫn là chính người đàn ông ấy. Nhưng giờ đây cảnh tượng đã thay đổi; toàn bộ định mệnh của tôi đã đổi khác. Tôi đang thực hành một nghi lễ huyền thuật mà nỗi kinh hoàng của nó lớn đến mức tôi bừng tỉnh đột ngột như thể sợ bị buộc phải tái diễn lại giai đoạn quá khứ đã chết nhưng vẫn còn sống động ấy.

The next morning I took out my neglected typewriter and attempted to write the experience down in dramatic form. The words flowed with amazing ease. Every writer knows that rush of inspiration which carries him out of his normal self, surprising him often, using him when he fondly imagines that he is using it. But on that morning there was no doubt as to who had the upper hand. I felt myself to be no more than an instrument.

Sáng hôm sau tôi lấy chiếc máy đánh chữ bị bỏ quên của mình ra và cố gắng ghi lại trải nghiệm ấy dưới hình thức kịch tính. Từ ngữ tuôn ra dễ dàng đến kinh ngạc. Mọi nhà văn đều biết cơn tuôn trào cảm hứng ấy, thứ cuốn y ra khỏi bản thân bình thường của mình, thường làm y ngạc nhiên, sử dụng y khi y trìu mến tưởng rằng mình đang sử dụng nó. Nhưng sáng hôm ấy không còn nghi ngờ gì về việc ai là bên nắm quyền chủ động. Tôi cảm thấy mình không hơn gì một công cụ.

Scenes built themselves up magically, even the language was not my own. So for several hours I wrote, then abruptly the flow ceased like a river suddenly dammed, and I was left with a story only half finished. What intrigued me in this connection was that the black magic episode of my dream did not appear to fit in anywhere here, but obviously belonged to a later date in the life of this man who had, in these few hours, become somehow so intimately myself that I could almost feel his mind merging with my modern one.

Các cảnh tự dựng lên một cách huyền diệu, ngay cả ngôn ngữ cũng không phải của riêng tôi. Vì thế trong nhiều giờ tôi viết, rồi đột ngột dòng chảy ngừng lại như một con sông bỗng bị đắp đập, và tôi bị bỏ lại với một câu chuyện mới chỉ hoàn thành một nửa. Điều khiến tôi thấy kỳ lạ trong mối liên hệ này là giai đoạn hắc thuật trong giấc mơ của tôi dường như không ăn khớp ở đâu cả ở đây, mà rõ ràng thuộc về một thời điểm muộn hơn trong đời của người đàn ông này, kẻ trong vài giờ ấy bằng cách nào đó đã trở nên thân mật với chính tôi đến mức tôi gần như có thể cảm thấy trí tuệ của ông hòa lẫn với trí tuệ hiện đại của mình.

I imagined I would get the rest of the story that night in sleep, but nothing of the sort happened. It then occurred to my friend that I should try what could be done with

Tôi tưởng rằng đêm ấy trong giấc ngủ mình sẽ nhận được phần còn lại của câu chuyện, nhưng chẳng có chuyện gì như thế xảy ra. Khi ấy người bạn tôi nảy ra ý nghĩ rằng tôi

automatic writing. I was not hopeful. I had only once or twice attempted it, but the pencil had always remained motionless. Yet although I was actually in resistance to any such methods of communication, now I felt a strong urge to try what could be done.

nên thử xem có thể làm được gì bằng lối viết tự động. Tôi không hy vọng gì. Tôi chỉ mới thử một hai lần, nhưng cây bút chì luôn bất động. Tuy vậy, dù thực sự tôi đang chống lại bất kỳ phương pháp giao tiếp nào như thế, giờ đây tôi lại cảm thấy một thôi thúc mạnh mẽ muốn thử xem có thể làm được gì.

One of our number had gone away for a few days on business, so the two of us who were left went that night into the sun-room, as the meditation room was called. We turned on the gramophone—it was Cesar Franck's Symphony in D Minor, I remember—and I settled down with a pencil and block of paper in an extremely sceptical mood.

Một người trong nhóm chúng tôi đã đi vắng vài ngày vì công việc, nên hai người còn lại tối hôm ấy vào phòng kính, như cách gọi căn phòng tham thiền. Chúng tôi bật máy hát đĩa —đó là Bản Giao Hưởng Rê thứ của Cesar Franck, tôi còn nhớ—và tôi ngồi xuống với một cây bút chì và một xấp giấy trong tâm trạng cực kỳ hoài nghi.

But to my amazement within a few minutes the pencil began to move. Like a thing possessed it rushed over the paper. I had deliberately not made myself too negative, and now I attempted to follow its movements with my mind, for the room was in darkness. After about half an hour I knocked off.

Nhưng điều làm tôi kinh ngạc là chỉ trong vài phút cây bút chì bắt đầu chuyển động. Như một vật bị nhập, nó lao trên mặt giấy. Tôi cố ý không để mình trở nên quá thụ động, và giờ đây tôi cố gắng theo dõi các chuyển động của nó bằng trí tuệ mình, vì căn phòng đang tối. Sau khoảng nửa giờ tôi dừng lại.

"Nothing," I said; "scribbles—pure waste of good time."

"Chẳng có gì cả," tôi nói; "toàn những nét nguệch ngoạc—phí hoài thời giờ quý báu."

And so it was—not even an attempt at a word anywhere.

Và đúng là như vậy—thậm chí không có lấy một cố gắng tạo thành từ nào ở bất cứ đâu.

However, I thought I would give it one more trial, and the next night the same performance was repeated, except that this time it seemed to me that the pencil had formed, however crudely, the name of our dead friend.

Tuy nhiên, tôi nghĩ mình sẽ thử thêm một lần nữa, và đêm hôm sau cùng một màn trình diễn ấy lặp lại, ngoại trừ lần này tôi có cảm giác rằng cây bút chì đã tạo thành, dù rất vụng về, tên của người bạn đã khuất của chúng tôi.

This was found to be correct. The next evening a fragmentary message came through. Within four days I was writing fluently; but unlike the usual automatic writer, I always knew what was being written—hand and brain receiving the message simultaneously.

Điều này được thấy là đúng. Tối hôm sau một thông điệp rời rạc được truyền qua. Chỉ trong bốn ngày tôi đã viết trôi chảy; nhưng khác với người viết tự động thông thường, tôi luôn biết điều gì đang được viết—tay và não cùng lúc tiếp nhận thông điệp.

I am perfectly aware that to many this method will be dismissed as suspect, a mere projection from the subconscious mind or something of the sort. As a matter of fact, no

Tôi hoàn toàn ý thức rằng đối với nhiều người, phương pháp này sẽ bị gạt bỏ như điều đáng ngờ, chỉ là một sự phóng chiếu từ tiềm thức hay điều gì đó tương tự. Thực ra,

one could have been more sceptical than I was myself. I had studied psychology too long to accept any such manifestations blindly. In any case I had always considered automatic writing more open to conscious or unconscious fraud than other forms of communication, and I think so still. I cannot even now prove that what I got then did not come from my subconscious mind—I can only say that in view of later events, of much careful investigation and proofs which satisfied me and others completely, I believe them to have been genuine messages.

không ai có thể hoài nghi hơn chính tôi. Tôi đã nghiên cứu tâm lý học quá lâu để chấp nhận mù quáng bất kỳ biểu hiện nào như thế. Dù sao đi nữa, tôi luôn xem viết tự động là dễ bị gian dối hữu thức hay vô thức hơn các hình thức giao tiếp khác, và tôi vẫn nghĩ như vậy. Ngay cả bây giờ tôi cũng không thể chứng minh rằng điều tôi nhận được khi ấy không đến từ tiềm thức của mình—tôi chỉ có thể nói rằng xét theo các biến cố về sau, theo nhiều cuộc điều tra cẩn trọng và những bằng chứng đã làm tôi và những người khác hoàn toàn thỏa mãn, tôi tin đó là những thông điệp chân thực.

An important point which should be taken into consideration is that they could have been due to no sort of wish fulfilment. Neither my emotions nor my desires were involved. As I have said, I had never wished to communicate with our dead friend. I had started writing fired by the extraordinary manner in which my Atlantean life had come through, and hoping to get some more information about that or other incarnations; I got nothing of the sort. My story remained incomplete, but instead, now, at any time of the day or night, whether alone or with my companions, information of all sorts poured through; some of it obviously of importance to our development, some of it merely mirroring the interest and affection of our dead friend for all of us.

Một điểm quan trọng cần được cân nhắc là chúng không thể là kết quả của bất kỳ kiểu thỏa mãn ước muốn nào. Cảm xúc lẫn ham muốn của tôi đều không dính líu. Như tôi đã nói, tôi chưa bao giờ mong muốn giao tiếp với người bạn đã khuất của chúng tôi. Tôi đã bắt đầu viết vì được khơi lửa bởi cách thức phi thường mà đời sống Atlantis của mình đã hiện ra, và hy vọng có thêm thông tin về điều đó hoặc về những lần lâm phàm khác; tôi chẳng nhận được gì như thế cả. Câu chuyện của tôi vẫn dang dở, nhưng thay vào đó, giờ đây vào bất cứ lúc nào trong ngày hay đêm, dù một mình hay cùng các bạn đồng hành, đủ loại thông tin tuôn qua; một phần rõ ràng quan trọng đối với sự phát triển của chúng tôi, một phần chỉ đơn thuần phản chiếu sự quan tâm và tình cảm của người bạn đã khuất dành cho tất cả chúng tôi.

About a week later she informed us that with her was a teacher from the other side who wished to get into touch with us. This, if true, was decidedly more interesting. We had, of course, no method of testing the veracity of this statement, save by sensing up to the best of our ability the utterances that the so-called teacher might think fit to put through; for in such a contingency judging a tree by its fruit is still, to my mind, the safest and only method of protection open to beings as limited as ourselves.

Khoảng một tuần sau, bà cho chúng tôi biết rằng ở cùng bà có một huấn sư từ phía bên kia muốn liên lạc với chúng tôi. Nếu điều này là thật thì quả là thú vị hơn hẳn. Dĩ nhiên, chúng tôi không có phương pháp nào để kiểm tra tính chân thực của lời khẳng định ấy, ngoại trừ việc cảm nhận, hết sức mình, những lời phát biểu mà vị huấn sư được gọi như thế có thể thấy thích hợp để truyền qua; vì trong một tình huống như vậy, theo tôi, xét cây qua quả của nó vẫn là phương pháp an toàn nhất và duy nhất để tự bảo vệ mà những hữu thể hạn chế như chúng tôi có thể có.

The teacher gave his message, and even as I wrote it, I sensed a change in the vibrations which flowed through my hand. There was immense power there, but also something more, something I cannot put into mere words.

Vị huấn sư đã đưa ra thông điệp của mình, và ngay khi tôi viết nó, tôi cảm nhận được một sự thay đổi trong các rung động chảy qua tay mình. Ở đó có một quyền năng mênh mông, nhưng còn có điều gì hơn thế nữa, điều gì đó tôi không thể diễn đạt bằng lời thường.

I can only explain it by saying that I had an overwhelming sense of being flooded with protective calm, with love, austerity, and remoteness mingled. No masquerading spook, no one of the dark forces of illusion, could have evoked this change. Others have experienced this heightening of vibration, this supercharging of the atmosphere as with the essence of those great qualities which we may show forth feebly and in part, but which, when manifested so perfectly their contact alone results in an immediate amplification of one's own powers, so that for an instant one seems to participate in a superhuman consciousness.

Tôi chỉ có thể giải thích bằng cách nói rằng tôi có một cảm giác áp đảo như bị tràn ngập bởi sự bình an che chở, bởi tình thương, sự nghiêm khắc và sự xa cách hòa lẫn. Không một hồn ma giả dạng nào, không một kẻ nào thuộc các mãnh lực đen tối của ảo tưởng, có thể gợi lên sự thay đổi này. Những người khác cũng đã trải nghiệm sự nâng cao rung động này, sự nạp đầy bầu khí quyển như bằng tinh chất của những phẩm tính vĩ đại ấy, những phẩm tính mà chúng ta có thể biểu lộ một cách yếu ớt và từng phần, nhưng khi được biểu lộ hoàn hảo đến thế thì chỉ riêng sự tiếp xúc với chúng cũng dẫn đến sự khuếch đại tức thì các năng lực của chính mình, đến mức trong một khoảnh khắc người ta dường như dự phần vào một tâm thức siêu nhân.

This teacher was brief and to the point, as true teachers invariably are. They know the value of the economy of force; they obey a law which commands that no atom of energy may be wasted on any plane, no word used, no action performed, except in direct ratio to the value of the result to be achieved. Those whose work it is to teach humanity train their pupils with the same severity mingled with loving understanding that a competent teacher on the physical plane gives to the children under his charge. They have no time for idle talk and flattery, they look for results; if these results are not forthcoming in a specified time they will inevitably abandon the pupil to his own devices until he is ready to submit himself to that discipline which is necessary to all progress, spiritual as well as material.

Vị huấn sư này ngắn gọn và đi thẳng vào điểm chính, như các huấn sư chân chính luôn luôn như vậy. Các Ngài biết giá trị của sự tiết kiệm mãnh lực; các Ngài tuân theo một định luật ra lệnh rằng không một nguyên tử năng lượng nào được phép bị lãng phí trên bất kỳ cõi nào, không một lời nào được dùng, không một hành động nào được thực hiện, trừ phi tương xứng trực tiếp với giá trị của kết quả cần đạt tới. Những ai có công việc là giáo huấn nhân loại sẽ đào luyện học trò của mình với cùng sự nghiêm khắc hòa lẫn thấu hiểu đầy yêu thương như một người thầy có năng lực trên cõi hồng trần dành cho những đứa trẻ dưới sự chăm nom của ông. Các Ngài không có thời giờ cho chuyện tán gẫu vô ích và nịnh hót, các Ngài tìm kiếm kết quả; nếu những kết quả ấy không xuất hiện trong một thời gian xác định, các Ngài tất yếu sẽ bỏ mặc học trò cho các phương tiện riêng của y cho đến khi y sẵn sàng tự đặt mình dưới kỷ luật cần thiết cho mọi tiến bộ, cả tinh thần lẫn vật chất.

This is not the place to give a detailed account of all he told us then, suffice it to say that, having informed us that through our efforts in this and in other lives we had reached a stage where it was possible to hasten our development, he proceeded to give us a very clear idea of the probable difficulties, dangers, and sacrifices which we, as pupils, would inevitably be called upon to face. We had freewill in the matter. It was for us to choose, but that choice once made, there could be no turning back save at great loss to ourselves. It were better, indeed, to struggle on quietly at our own pace and to leave any attempt to hasten forward until another incarnation. He left us to consider the matter at our leisure before he would accept any decision.

Đây không phải chỗ để kể chi tiết tất cả những gì Ngài đã nói với chúng tôi khi ấy; chỉ cần nói rằng, sau khi cho chúng tôi biết rằng qua những nỗ lực của mình trong kiếp này và các kiếp khác, chúng tôi đã đạt đến một giai đoạn mà ở đó có thể thúc đẩy nhanh sự phát triển của mình, Ngài tiếp tục cho chúng tôi một ý niệm rất rõ ràng về những khó khăn, nguy hiểm và hy sinh có thể xảy ra mà chúng tôi, với tư cách học trò, tất yếu sẽ được kêu gọi đối diện. Chúng tôi có tự do ý chí trong vấn đề này. Việc lựa chọn là ở chúng tôi, nhưng một khi sự lựa chọn ấy đã được thực hiện thì sẽ không thể quay lui, trừ phi phải chịu tổn thất lớn cho chính mình. Quả thật, tốt hơn là cứ lặng lẽ phấn đấu theo nhịp độ riêng của mình và để bất kỳ nỗ lực nào nhằm tiến nhanh hơn sang một lần lâm phàm khác. Ngài để chúng tôi tự do suy xét vấn đề trước khi chấp nhận bất kỳ quyết định nào.

After he had gone, our friend spoke to us again and gave us a description of the teacher. What was my astonishment to find that it tallied with that of a guide who had been seen standing behind me by a medium some time previously. The medium had informed me that this particular individual was interested in my work and hoped to be able to impress me in the near future for various purposes. Since I did not think I had any mediumistic powers, I had entirely disbelieved the whole story and had forgotten it until that moment.

Sau khi Ngài rời đi, người bạn của chúng tôi lại nói chuyện với chúng tôi và mô tả vị huấn sư. Tôi kinh ngạc biết bao khi thấy điều đó trùng khớp với mô tả về một vị hướng đạo đã từng được một đồng tử thấy đứng sau lưng tôi một thời gian trước đó. Người đồng tử ấy đã cho tôi biết rằng cá nhân đặc biệt này quan tâm đến công việc của tôi và hy vọng có thể gây ấn tượng lên tôi trong tương lai gần vì nhiều mục đích khác nhau. Vì tôi không nghĩ mình có bất kỳ năng lực đồng tử nào, tôi đã hoàn toàn không tin toàn bộ câu chuyện và quên bẵng nó cho đến khoảnh khắc ấy.

Two days later the third of our trio returned from town. He was very interested in all that had occurred. He, by his own methods, had also quite independently brought through a very curious episode in which the four of us were engaged again in some magical practices in Atlantis; and talking the matter over, we became convinced that this episode too must be another disjointed fragment of an Atlantean incarnation in which we had contacted each other and which was being re-projected into our consciousness. But at present it was like a jigsaw puzzle of which many of the most important parts were

Hai ngày sau, người thứ ba trong nhóm ba chúng tôi trở về từ thành phố. Ông rất quan tâm đến tất cả những gì đã xảy ra. Bằng những phương pháp riêng của mình, ông cũng đã hoàn toàn độc lập đưa ra được một giai đoạn rất kỳ lạ trong đó cả bốn chúng tôi lại cùng tham gia vào một số thực hành huyền thuật ở Atlantis; và khi cùng nhau bàn bạc vấn đề, chúng tôi đi đến chỗ tin chắc rằng giai đoạn này cũng phải là một mảnh rời khác của một lần lâm phàm Atlantis trong đó chúng tôi đã tiếp xúc với nhau và hiện đang được phóng chiếu trở lại vào tâm thức của mình. Nhưng hiện tại nó giống như

lacking. I felt, for some reason which I could not then define, that it was essential for us to get through the story complete— that in some strange way what we had done then bore a direct relationship to what we were attempting to do now, and that in all probability until this past was cleared up we would not be able to make the desired progress, on the same principle that in psychotherapy a patient's inhibitions and repressions must be brought up into the conscious mind before there can be any hope of a permanent cure.

một trò ghép hình mà nhiều phần quan trọng nhất còn thiếu. Vì một lý do nào đó mà khi ấy tôi chưa thể xác định, tôi cảm thấy điều cốt yếu là chúng tôi phải nhận được câu chuyện trọn vẹn—rằng bằng một cách kỳ lạ nào đó, điều chúng tôi đã làm khi ấy có liên hệ trực tiếp với điều chúng tôi đang cố làm bây giờ, và rất có thể cho đến khi quá khứ này được làm sáng tỏ, chúng tôi sẽ không thể đạt được sự tiến bộ mong muốn, theo cùng nguyên tắc như trong tâm lý trị liệu, những ức chế và dồn nén của bệnh nhân phải được đưa lên trí tuệ hữu thức trước khi có thể hy vọng vào một sự chữa lành bền vững.

We therefore determined to sit together in the sunroom and see if we could deliberately project ourselves back into this past. I realize now all the dangers involved in such an experiment. Fortunately, perhaps, we none of us had the slightest conception of the powers we were light-heartedly about to invoke. However, we did feel ourselves in some measure protected and under guidance —as indeed we were.

Vì vậy chúng tôi quyết định cùng ngồi trong phòng kính và xem liệu có thể cố ý phóng chiếu mình trở lại quá khứ ấy hay không. Giờ đây tôi nhận ra mọi nguy hiểm liên quan đến một thí nghiệm như vậy. Có lẽ may mắn thay, không ai trong chúng tôi có chút khái niệm nào về những quyền năng mà mình sắp vô tư khẩn cầu. Tuy nhiên, chúng tôi có cảm thấy mình phần nào được che chở và được hướng dẫn—và quả thật là như vậy.

That night the moon was full. We bathed directly it was dark. The sea was phosphorescent; as our arms cleaved the black water, silver globules rolled from our fingers and washed round our heads. The warm night enfolded us; sea and sky and earth merged in one blue profundity, only the gold light from our bungalow hung in the void, marking for us the boundaries of earth. I swam far out, following the path of the moon—ancient goddess of magic; the water seemed to mingle with my very substance, cooling the fiery particles of the sun which had vitalized my limbs during the long August day.

Đêm ấy trăng tròn. Chúng tôi đi tắm ngay khi trời tối. Biển phát quang; khi cánh tay chúng tôi rẽ làn nước đen, những cầu bạc lăn khỏi các ngón tay và cuộn quanh đầu chúng tôi. Đêm ấm áp bao bọc chúng tôi; biển, trời và đất hòa vào một vực sâu xanh thẳm, chỉ có ánh đèn vàng từ ngôi bungalow của chúng tôi treo trong khoảng không, đánh dấu cho chúng tôi ranh giới của đất liền. Tôi bơi rất xa, theo con đường của mặt trăng—nữ thần cổ xưa của huyền thuật; nước dường như hòa lẫn với chính chất liệu của tôi, làm dịu những hạt lửa của mặt trời đã tiếp sinh lực cho tay chân tôi trong suốt ngày tháng Tám dài.

I remember that, after our bathe, we put on the gramophone and sat for a while on the step looking towards the invisible sea over the little garden where the flowers glowed, dimly silver. The earth was so still that the tides of life might have all receded, leaving us in a dark void full of music. I think we must each have experienced the same

Tôi nhớ rằng sau khi tắm, chúng tôi bật máy hát đĩa và ngồi một lúc trên bậc thềm nhìn về phía biển vô hình qua khu vườn nhỏ nơi những bông hoa phát sáng mờ bạc. Đất tĩnh lặng đến mức những thủy triều của sự sống dường như đã rút hết, để lại chúng tôi trong một khoảng không tối đầy âm nhạc. Tôi nghĩ hẳn mỗi người chúng tôi đều đã trải qua

feeling of expectancy of great events pending, but it was muted by a curious calm, as of something destined and inevitable.

cùng một cảm giác mong đợi những biến cố lớn lao đang chờ đợi, nhưng nó được làm dịu bởi một sự bình an kỳ lạ, như của điều gì đó đã được định sẵn và không thể tránh.

Presently we went into the sun-room and put out the light. All the windows were wide open; the stillness was so intense one could hear, as if from infinite distances, the sibilant whisper of the little waves against the shingle. And as we sat there, so did the silence grow. It closed down on us now like a living presence. It became vibrant with unseen power. The power increased until it was as if every particle in the atmosphere, in our bodies, in our thoughts even, were supercharged, speeded up to an almost unbearable voltage.'

Chẳng bao lâu sau chúng tôi vào phòng kính và tắt đèn. Tất cả các cửa sổ đều mở rộng; sự tĩnh lặng mãnh liệt đến mức người ta có thể nghe, như từ những khoảng cách vô tận, tiếng thì thầm rì rào của những con sóng nhỏ trên bãi sỏi. Và khi chúng tôi ngồi đó, sự im lặng cũng lớn dần. Giờ đây nó khép xuống trên chúng tôi như một sự hiện diện sống động. Nó trở nên rung động với quyền năng vô hình. Quyền năng ấy tăng lên cho đến khi dường như mọi hạt trong bầu khí quyển, trong thân thể chúng tôi, thậm chí trong cả tư tưởng của chúng tôi, đều được nạp đầy quá mức, được tăng tốc đến một điện thế gần như không thể chịu nổi.'

Then suddenly, as if some alchemical process which had been long maturing were in that moment perfected, from one second to the next the process of time was reversed and we were back in an age dead thousands of years ago.

Rồi đột nhiên, như thể một tiến trình luyện kim đã chín muồi từ lâu nay trong khoảnh khắc ấy được hoàn tất, từ giây này sang giây khác tiến trình của thời gian bị đảo ngược và chúng tôi trở lại một thời đại đã chết từ hàng ngàn năm trước.

Of what followed I can speak but inadequately, and only from my personal point of view. Each man is the architect of his own edifice, no two have built alike, even though their acts may have appeared in essence similar. What my companions felt, I do not know; these things can seldom be described for they take place in a dimension for which mankind has as yet no words; but I make the attempt here because without some explanation all that follows will be meaningless.

Về những gì tiếp theo, tôi chỉ có thể nói một cách bất toàn, và chỉ từ quan điểm cá nhân của mình. Mỗi người là kiến trúc sư của tòa nhà riêng mình, không hai người nào xây giống nhau, dù hành động của họ về bản chất có thể có vẻ tương tự. Những người bạn đồng hành của tôi đã cảm thấy gì, tôi không biết; những điều này hiếm khi có thể được mô tả vì chúng diễn ra trong một chiều kích mà nhân loại cho đến nay vẫn chưa có từ ngữ; nhưng tôi cố gắng làm điều đó ở đây vì nếu không có một vài giải thích thì tất cả những gì tiếp theo sẽ vô nghĩa.

Undoubtedly all four of us—for our dead friend was with us in this—each in a way peculiar to himself and his development, participated then, through some process of egoic memory which I do not pretend to understand, in the reflection of these ancient events.

Không nghi ngờ gì, cả bốn chúng tôi—vì người bạn đã khuất của chúng tôi cũng ở cùng chúng tôi trong việc này—mỗi người theo cách riêng phù hợp với chính mình và với sự phát triển của mình, đã tham dự vào lúc ấy, qua một tiến trình ký ức chân ngã mà tôi không dám giả vờ thấu hiểu, vào sự phản chiếu của những biến cố cổ xưa ấy.

Thus the past was recreated; we were back in that temple in Atlantis, engaged in a magical rite of which I have written more fully later on in this book.

Như vậy quá khứ đã được tái tạo; chúng tôi trở lại ngôi đền ấy ở Atlantis, đang tham gia vào một nghi lễ huyền thuật mà tôi đã viết đầy đủ hơn ở phần sau của cuốn sách này.

As for me, I became at that moment dual. Half of me went back and took on the consciousness of this Atlantean, Cheor; but the other half, my modern self, remained all the while aloof and surveyed the scene with a detached, almost scientific interest.

Còn về phần tôi, trong khoảnh khắc ấy tôi trở nên kép. Một nửa tôi quay trở lại và mang lấy tâm thức của người Atlantis ấy, Cheor; nhưng nửa kia, bản thân hiện đại của tôi, suốt thời gian ấy vẫn đứng tách rời và quan sát cảnh tượng với một sự quan tâm tách rời, gần như khoa học.

However, I would have it clearly understood that I— for I identify myself solely with that part which stood aloof—never lost control of the personality which had rebecome Cheor, nor did I seek through any effort of will to evade the experience. I knew it had to be faced, that it was necessary and might not be avoided. I did not even fear it, for all the while I was conscious of that same exquisite and calm vibration which had enfolded us on the day the teacher had spoken. This was my anchorage despite the fact that on the physical and emotional planes where my body functioned the psychic turmoil increased with every moment and was gradually changing, so that at last it became the very quintessence of evil, corresponding to the nature of thost Atlanteans which we once had been. It grew; now it took on form. The room was filled with Presences which this black, evil rite had once evoked. They swarmed about us, personified forces of lust, of hatred, of satanic pride released at last from the prisonhouse in which they had been incarcerated until we had become strong enough consciously to contact them. They hurled themselves upon us, seeking in our present bodies any vibrations which, answering still to theirs, would allow them entry and offer them the opportunity of possession.

Tuy nhiên, tôi muốn nói thật rõ rằng tôi—vì tôi chỉ đồng hoá với phần đứng tách rời ấy—không bao giờ mất kiểm soát đối với phàm ngã đã trở lại thành Cheor, cũng không tìm cách né tránh trải nghiệm ấy bằng bất kỳ nỗ lực ý chí nào. Tôi biết nó phải được đối diện, rằng nó cần thiết và không thể tránh khỏi. Tôi thậm chí không sợ nó, vì suốt thời gian ấy tôi vẫn ý thức được cùng rung động tinh tế và bình an đã bao bọc chúng tôi vào ngày vị huấn sư lên tiếng. Đó là chỗ neo của tôi mặc dù trên các cõi hồng trần và cảm xúc, nơi thể tôi hoạt động, cơn hỗn loạn thông linh tăng lên theo từng khoảnh khắc và dần dần biến đổi, đến cuối cùng trở thành chính tinh chất của điều ác, tương ứng với bản chất của những người Atlantis mà chúng tôi đã từng là. Nó lớn dần; giờ đây nó mang lấy hình tướng. Căn phòng đầy những Hiện Diện mà nghi lễ đen tối, tà ác này đã từng khẩn cầu. Chúng vây kín quanh chúng tôi, những mãnh lực được nhân cách hóa của dục vọng, của hận thù, của kiêu ngạo satan được giải phóng sau cùng khỏi ngục thất nơi chúng đã bị giam giữ cho đến khi chúng tôi trở nên đủ mạnh để hữu thức tiếp xúc với chúng. Chúng lao vào chúng tôi, tìm kiếm trong các thể hiện tại của chúng tôi bất kỳ rung động nào vẫn còn đáp ứng với rung động của chúng, để cho phép chúng xâm nhập và trao cho chúng cơ hội chiếm hữu.

At that time, fortunately, I did not realize what was happening; I was aware only of tremendous conflict, unseen but vitally experienced and knew that, at all costs, I must retain control. But at last, when the

May thay, lúc ấy tôi không nhận ra điều gì đang xảy ra; tôi chỉ ý thức được một cuộc xung đột ghê gớm, vô hình nhưng được trải nghiệm một cách sống động, và biết rằng bằng mọi giá tôi phải giữ được sự kiểm soát.

horror of the experience reached its climax, when the converging forces broke with a shattering vibration over our heads, in extremity I called upon the teacher. Almost on the instant the tension lessened; like waves receding at the turn of the tide, the psychic forces grew weaker, gradually diminishing until they faded out and the room became like an empty shell.

Nhưng cuối cùng, khi nỗi kinh hoàng của trải nghiệm đạt đến cực điểm, khi các mãnh lực hội tụ vỡ xuống trên đầu chúng tôi với một rung động chấn động, trong cơn cùng cực tôi đã kêu cầu vị huấn sư. Gần như ngay tức khắc, sự căng thẳng giảm bớt; như những con sóng rút đi khi thủy triều đổi chiều, các mãnh lực thông linh yếu dần, từ từ giảm xuống cho đến khi tan biến và căn phòng trở nên như một cái vỏ rỗng.

We turned on the light. We were all considerably shaken. I remember my forehead was pearled with cold sweat, my teeth were chattering, and try as I might I was unable to control the occasional bursts of shivering which ran over me like jets of icy water. I would have given a lot for a stiff whisky at that moment, but drinks and smokes had already gone the way of meat diet and were strictly taboo, so we had to make the best of what seemed an extremely inadequate cup of tea.

Chúng tôi bật đèn lên. Tất cả đều bị chấn động mạnh. Tôi nhớ trán mình lấm tấm mồ hôi lạnh, răng va lập cập, và dù cố đến đâu tôi cũng không thể kiểm soát được những cơn run thỉnh thoảng chạy khắp người như những tia nước băng giá. Lúc ấy tôi sẵn sàng đánh đổi rất nhiều để có một ly whisky mạnh, nhưng rượu và thuốc lá đã cùng chung số phận với chế độ ăn thịt và bị nghiêm cấm, nên chúng tôi đành phải bằng lòng với thứ có vẻ là một tách trà cực kỳ không tương xứng.

I imagined that my night would be shattered by alarming dreams and visions, but I slept heavily and awoke quite fit and prepared for any other surprising events that might be waiting for us.

Tôi tưởng rằng đêm ấy của mình sẽ bị phá nát bởi những giấc mơ và linh ảnh đáng sợ, nhưng tôi ngủ rất say và thức dậy hoàn toàn khỏe khoắn, sẵn sàng cho bất kỳ biến cố đáng ngạc nhiên nào khác có thể đang chờ chúng tôi.

But that extraordinary experience seemed for the time being to have exhausted the psychic forces involved.

Nhưng trải nghiệm phi thường ấy dường như, ít nhất trong lúc ấy, đã làm cạn kiệt các mãnh lực thông linh liên quan.

This last sitting had taken place just ten days before our party was due to break up, for I had to return to my work in London and another friend was coming down to stay at the bungalow instead of me. There was thus a short interim for readjustment, and looking back on these events, one marvels at the perfect timing of their activities by those on the other side. These ten days were absolutely essential in order that we should be enabled to settle down and prepare ourselves for renewed contacts with the outer world, since inevitably we were bewildered and shaken by the spectacular suddenness of these occurrences and still confused by contact with this new

Buổi ngồi cuối cùng này diễn ra đúng mười ngày trước khi nhóm chúng tôi phải giải tán, vì tôi phải trở về công việc ở Luân Đôn và một người bạn khác sẽ xuống ở bungalow thay tôi. Như vậy có một khoảng ngắn để tái chỉnh hợp, và khi nhìn lại những biến cố này, người ta phải kinh ngạc trước sự định thời hoàn hảo trong hoạt động của những người ở phía bên kia. Mười ngày ấy tuyệt đối cần thiết để chúng tôi có thể lắng xuống và chuẩn bị cho mình tái tiếp xúc với thế giới bên ngoài, vì tất yếu chúng tôi bị bối rối và chấn động bởi tính đột ngột ngoạn mục của những sự việc này và vẫn còn hoang mang do tiếp xúc với chiều kích mới mà tất cả

dimension into which we had all been hurled.

chúng tôi đã bị ném vào.

For, as I have said, the very foundations of our lives had been affected; we none of us were, nor could we ever be, entirely the same as hitherto: and it was not going to be an easy matter to take up one's everyday existence from such a supercharged atmosphere of abnormality. Indeed it was a very long time before any of us came to view this episode with unbiased and wholly detached minds.

Vì, như tôi đã nói, chính những nền móng của đời sống chúng tôi đã bị tác động; không ai trong chúng tôi còn là, hay có thể mãi mãi là, hoàn toàn như trước nữa: và việc quay lại với đời sống thường nhật từ một bầu khí quyển dị thường được nạp đầy như thế sẽ không phải là chuyện dễ dàng. Quả thật, phải rất lâu sau đó bất kỳ ai trong chúng tôi mới có thể nhìn biến cố này bằng một trí tuệ vô tư và hoàn toàn tách rời.

In those ten days the psychic forces slowly decreased. I still, however, received messages in automatic writing, but these were to continue for many months to come.

Trong mười ngày ấy, các mãnh lực thông linh chậm rãi giảm xuống. Tuy nhiên, tôi vẫn nhận được các thông điệp bằng viết tự động, nhưng điều này còn tiếp tục trong nhiều tháng sau nữa.

We were, as a matter of fact, rather disappointed at the return to normal conditions, for we were beginning to accept marvels almost as a commonplace; but had we not been extremely ignorant of the inner significance of such phenomena generally and indeed of all occult matters and the laws governing the subtler planes, we should have realized that we had already been subjected to a strain which was as great—or even greater—than most normal people could possibly stand.

Thực ra, chúng tôi khá thất vọng trước sự trở lại của những điều kiện bình thường, vì chúng tôi đang bắt đầu chấp nhận những điều kỳ diệu gần như chuyện thường; nhưng nếu chúng tôi không cực kỳ thiếu hiểu biết về ý nghĩa bên trong của những hiện tượng như vậy nói chung, và thật ra về mọi vấn đề huyền bí cùng các định luật chi phối các cõi vi tế hơn, thì hẳn chúng tôi đã nhận ra rằng mình đã phải chịu một sự căng thẳng lớn bằng—hoặc thậm chí lớn hơn—mức mà phần lớn người bình thường có thể chịu đựng.

No explanations were at that time forthcoming, but I have since been made to realize the danger of the experiment. No such probing, indeed, into previous lives should ever be undertaken except under the supervision of such a teacher as ours, one who can see every weakness and every potential danger-point in the make-up of the pupils in his charge, and who can gauge what their power of resistance is likely to be to those emotional forces which are bound to sweep in through this opening of doors which, in the majority of cases, had better remain closed. For these forces can be of such a nature as actually to destroy the rash experimenter.

Lúc ấy không có lời giải thích nào được đưa ra, nhưng từ đó tôi đã được làm cho nhận ra sự nguy hiểm của thí nghiệm ấy. Quả thật, không một sự thăm dò nào như vậy vào các kiếp trước nên được thực hiện trừ phi dưới sự giám sát của một vị huấn sư như vị của chúng tôi, một Đấng có thể thấy mọi điểm yếu và mọi điểm nguy hiểm tiềm tàng trong cấu tạo của các học trò dưới sự chăm nom của Ngài, và có thể đo lường sức đề kháng của họ có lẽ sẽ ra sao trước những mãnh lực cảm xúc chắc chắn sẽ tràn vào qua sự mở cửa này, những cánh cửa mà trong đa số trường hợp tốt hơn nên cứ để đóng. Vì những mãnh lực ấy có thể mang bản chất đến mức thực sự hủy diệt kẻ thí nghiệm liều lĩnh.

Even under such supervision as we were given there remains still a strong element of danger; but as no rapid development is ever made without risks, the care and overshadowing of a wise teacher can mitigate them and keep them within the limits of the law of *past* Karma, so that no fresh karmic causes, due to ignorance, may be set in motion.

Ngay cả dưới sự giám sát như chúng tôi đã được nhận, vẫn còn một yếu tố nguy hiểm mạnh; nhưng vì không có sự phát triển nhanh chóng nào từng đạt được mà không có rủi ro, nên sự chăm sóc và phủ bóng của một vị huấn sư minh triết có thể làm giảm nhẹ chúng và giữ chúng trong giới hạn của định luật nghiệp quả *quá khứ*, để không có những nguyên nhân nghiệp quả mới nào, do vô minh, bị khởi động.

In our own case, for example, had there been in one of us if only for a second, what, for lack of a better word, I must call a short-circuit, so that the Higher Self or Soul lost contact with its vehicle of consciousness, those entities which our evil past had created might have swept in, seized upon the body and, once in possession, might never again have been dislodged, with the result that the person in question would have spent the rest of the incarnation in a mental home. Again, had there been some unsuspected or repressed vicious streak in our characters having a close affinity with the evil vibration of these entities, they could, once they had thus obtained a foothold, eventually have come to dominate the personality by playing upon and stimulating that weakness. This type of possession not infrequently occurs in connection with seances in which well-meaning but ignorant mediums, through succumbing to this intensification of some personal weakness, sink lower and lower, sometimes to end insane.

Trong trường hợp của chính chúng tôi, chẳng hạn, giả sử nơi một người trong chúng tôi, dù chỉ trong một giây, đã xảy ra điều mà, vì không có từ nào hay hơn, tôi buộc phải gọi là một sự đoản mạch, khiến Bản Ngã Cao Siêu hay linh hồn mất liên lạc với vận cụ tâm thức của nó, thì những thực thể mà quá khứ xấu ác của chúng tôi đã tạo ra hẳn đã có thể tràn vào, chiếm lấy thể xác và, một khi đã chiếm hữu, có thể không bao giờ còn bị trục xuất nữa, với kết quả là người ấy sẽ phải sống phần còn lại của kiếp lâm phàm trong một nhà thương điên. Lại nữa, giả sử trong tính cách của chúng tôi có một khuynh hướng xấu ác nào đó không được ngờ tới hoặc bị dồn nén, có sự tương hợp gần gũi với rung động xấu ác của các thực thể này, thì một khi đã giành được chỗ đứng như thế, cuối cùng chúng có thể đi đến chỗ thống trị phàm ngã bằng cách tác động vào và kích thích điểm yếu ấy. Loại nhập xác này không phải hiếm khi xảy ra liên quan đến các Buổi gọi hồn, trong đó những đồng tử có thiện ý nhưng vô minh, do khuất phục trước sự tăng cường của một điểm yếu cá nhân nào đó, sa sút ngày càng thấp hơn, đôi khi kết thúc trong điên loạn.

Later on it was explained to me that for the particular work we had each undertaken to do it was essential for us to make this close contact with our Atlantean incarnation; moreover, by thus permitting us to have so vivid and almost shattering an experience, our teachers were enabled to test our calibre, emotional, mental, and physical in order that they might correlate our future training to the result of the experiment upon our various bodies; for as no two persons react to

Về sau, người ta giải thích cho tôi rằng đối với công việc đặc thù mà mỗi chúng tôi đã đảm nhận, điều cốt yếu là chúng tôi phải tạo được sự tiếp xúc gần gũi này với kiếp lâm phàm Atlantis của mình; hơn nữa, bằng cách cho phép chúng tôi có một kinh nghiệm sống động và gần như chấn động đến thế, các huấn sư của chúng tôi có thể thử nghiệm tầm vóc của chúng tôi về cảm xúc, trí tuệ và hồng trần, để nhờ đó các Ngài có thể liên hệ việc huấn luyện tương lai của chúng tôi với

a similar event in the same way, so for no two persons can the same method of training be applied.

kết quả của cuộc thử nghiệm trên các thể khác nhau của chúng tôi; vì cũng như không có hai người nào phản ứng trước cùng một biến cố theo cùng một cách, thì cũng không thể áp dụng cùng một phương pháp huấn luyện cho hai người nào.

It is for this reason that it would be of little value were I to speak in detail of my own training which began as soon as I returned to London and the comparative Seclusion of ' my own flat. It was directed, of course, to the attainment of a certain sensitivity needed for the particular work I had to do. Almost immediately a series of drawings began to come through; some were pictures of Atlanteans and their ceremonies, some depicted nature spirits and devas and others were symbolical figures which I, who had had no artistic training, could not possibly have drawn by myself. But this, I was soon to learn, was only a preliminary. Gradually the more powerful type of automatic control lessened and was replaced by a type of mental clairaudi- ence used in conjunction with different vibrations, so that in time I could differentiate between my teachers and could hear inwardly what I was to do or to write. It was then that I was told that my first task was to be shown certain past lives in order to write a book that would illustrate and explain that great fundamental law of Karma— of cause and effect—which governs men's lives and decides their fate in any incarnation.

Chính vì lý do này mà việc tôi nói chi tiết về sự huấn luyện riêng của mình, bắt đầu ngay khi tôi trở về Luân Đôn và sống trong sự ẩn cư tương đối của căn hộ riêng, sẽ có rất ít giá trị. Dĩ nhiên, nó hướng đến việc đạt được một sự nhạy cảm nào đó cần thiết cho công việc đặc thù mà tôi phải làm. Gần như ngay lập tức, một loạt hình vẽ bắt đầu xuất hiện; có hình là chân dung người Atlantis và các nghi lễ của họ, có hình mô tả các tinh linh tự nhiên và các thiên thần, còn những hình khác là các hình tượng biểu trưng mà tôi, một người chưa từng được đào tạo nghệ thuật, tuyệt đối không thể tự mình vẽ ra. Nhưng điều này, tôi sớm được biết, mới chỉ là phần mở đầu. Dần dần, loại kiểm soát tự động mạnh mẽ hơn giảm bớt và được thay thế bằng một loại thông nhĩ trí tuệ được dùng phối hợp với những rung động khác nhau, đến nỗi theo thời gian tôi có thể phân biệt được các huấn sư của mình và có thể nghe bên trong điều tôi phải làm hay phải viết. Chính khi ấy tôi được bảo rằng nhiệm vụ đầu tiên của tôi là được cho thấy một số kiếp sống quá khứ để viết một cuốn sách minh họa và giải thích định luật nền tảng vĩ đại của nghiệp quả — của nhân và quả — vốn chi phối đời sống con người và quyết định số phận của họ trong bất kỳ kiếp lâm phàm nào.

These lives were later given to me and as I received them, so I have written them here, with some of the explanations which my teacher also gave to me at the time.

Về sau những kiếp sống này đã được trao cho tôi, và khi tôi tiếp nhận chúng thế nào, thì tôi đã viết chúng ở đây như thế, cùng với một số lời giải thích mà huấn sư của tôi cũng đã cho tôi vào lúc ấy.

Unfortunately it has been necessary, through lack of space, to cut out one or two of these which were not so closely correlated with the Atlantean magic and its effects and to give a slighter sketch of several others.

Đáng tiếc là do thiếu chỗ, cần phải cắt bỏ một hay hai trong số đó, là những trường hợp không liên hệ chặt chẽ đến huyền thuật Atlantis và các hậu quả của nó, và chỉ phác họa sơ lược hơn vài trường hợp khác.

It will no doubt be objected by many readers that these episodes sound too much like

Chắc chắn nhiều độc giả sẽ phản đối rằng những tình tiết này nghe quá giống hư cấu

fiction or the result an over- stimulated and unbalanced imagination to be taken seriously. It would be a reasonable criticism coming from anyone who had never had the experience of being precipitated back into past lives; yet those who, even momentarily, have stepped as it were out of time, will know that it is no more impossible to record the past than to record memories of one's present existence.

hoặc là kết quả của một sự tưởng tượng bị kích thích quá mức và mất quân bình để có thể được xem trọng. Đó sẽ là một lời phê bình hợp lý nếu đến từ bất kỳ ai chưa từng có kinh nghiệm bị phóng ngược trở lại các kiếp sống quá khứ; tuy nhiên, những ai, dù chỉ trong chốc lát, đã bước ra khỏi thời gian, có thể nói như vậy, sẽ biết rằng việc ghi lại quá khứ không hề bất khả hơn việc ghi lại những ký ức của đời sống hiện tại của chính mình.

The ability to read the past or to cognize the future is latent in all human beings, since all living things must of necessity partake in every cell of their being of that allpervading Mind from which manifestation is derived. That few can as yet either remember or foresee beyond certain limits is due to the fact that they are not yet consciously aware of their unity with the Whole and have not, therefore, attempted to develop their potentialities. But undoubtedly this capacity to exercise greatly extended powers of more subtle sight and vision is increasing and one day will be universal.

Khả năng đọc được quá khứ hay nhận biết tương lai vốn tiềm ẩn trong mọi con người, vì mọi sinh vật sống tất yếu đều dự phần, trong từng tế bào của bản thể mình, vào Trí của Thượng đế bao trùm khắp nơi mà từ đó sự biểu hiện được phát sinh. Việc cho đến nay chỉ có ít người có thể nhớ lại hay thấy trước vượt quá những giới hạn nhất định là do họ chưa hữu thức nhận biết sự hợp nhất của mình với Toàn Thể và vì thế chưa cố gắng phát triển các tiềm năng của mình. Nhưng chắc chắn năng lực vận dụng những quyền năng được mở rộng rất lớn của loại thị giác và tầm nhìn tinh tế hơn này đang gia tăng và một ngày kia sẽ trở thành phổ quát.

It has been said that all things are "but thoughts in the Mind of God". If this is true it must follow that the entire past must still exist in some aspects of the divine mind. It then becomes a matter of knowing how to tune in to the dimension where this memory may be said to operate. We take for granted what once were considered to be the marvels of cinema and radio. One day perhaps we will take for granted the existence of this other dimension of consciousness which contains, or records—both words utterly inadequate and open to misconception—every event, thought and action from the beginning of creation to the end of manifestation.

Người ta đã nói rằng mọi sự vật đều "chỉ là những tư tưởng trong Trí của Thượng đế". Nếu điều này là đúng thì tất yếu toàn bộ quá khứ vẫn phải tồn tại trong một số phương diện của trí tuệ thiêng liêng. Khi ấy, vấn đề trở thành biết cách điều chỉnh để bắt được chiều kích nơi ký ức này, có thể nói, đang vận hành. Chúng ta xem là đương nhiên những gì xưa kia từng bị coi là những kỳ quan của điện ảnh và vô tuyến. Có lẽ một ngày kia chúng ta cũng sẽ xem là đương nhiên sự hiện hữu của chiều kích tâm thức khác này, chiều kích chứa đựng, hay ghi lại — cả hai từ đều hoàn toàn không đầy đủ và dễ gây ngộ nhận — mọi biến cố, tư tưởng và hành động từ khởi đầu sáng tạo cho đến tận cùng biểu hiện.

There, for him who has learnt to perfect his own responsive apparatus so that he can evoke from, or tune in to, aspects of this universal record, lie all the answers to the questions and problems man is seeking so laboriously in the many branches of

Ở đó, đối với y là người đã học cách hoàn thiện bộ máy đáp ứng của chính mình để có thể gợi lên từ, hay điều chỉnh bắt được, các phương diện của hồ sơ phổ quát này, có tất cả những câu trả lời cho các vấn đề và nan đề mà con người đang tìm kiếm một cách nhọc

scientific research to wring from nature. There, in the past which might be called God's memory and the future which hides his intention, they await man's discovery. But how few must consciously have achieved even a modicum of the ability to do this. As for the majority, occasionally here and there are to be found men who, having developed intuition and the powers of creative imagination, are capable of receiving flashes of insight from this realm. Reading in the book of the past and the future, they make discoveries or accurate pronouncements while remaining unconscious of the true source of their inspiration.

nhằn trong nhiều ngành nghiên cứu khoa học để cưỡng bức rút ra từ bản chất. Ở đó, trong quá khứ có thể gọi là ký ức của Thượng đế và trong tương lai che giấu ý định của Ngài, chúng chờ đợi sự khám phá của con người. Nhưng biết bao ít người hẳn đã hữu thức đạt được dù chỉ một phần nhỏ năng lực làm điều này. Còn đối với đại đa số, thỉnh thoảng đây đó có thể tìm thấy những người nam và nữ, những người đã phát triển trực giác và các quyền năng của Sự tưởng tượng sáng tạo, có khả năng tiếp nhận những tia chớp linh thị từ cõi này. Đọc trong cuốn sách của quá khứ và tương lai, họ đưa ra những khám phá hay những lời tuyên bố chính xác trong khi vẫn không ý thức được nguồn gốc đích thực của cảm hứng mình.

But without having any access to these records a student can if necessary be shown at second hand, as it were, events it is desirable that he should know by one who, at a higher level of consciousness, has perfected the ability to obtain information from this source at will.

Nhưng ngay cả khi không có quyền tiếp cận nào với các hồ sơ này, một đạo sinh vẫn có thể, nếu cần, được cho thấy gián tiếp, có thể nói như vậy, những biến cố mà y cần biết, bởi một người ở cấp độ tâm thức cao hơn đã hoàn thiện khả năng thu nhận thông tin từ nguồn này theo ý muốn.

This clearly is what must have happened in my case; my teacher adapting himself, of course, to my limitations and using whatever method was most suited to the occasion. Thus some of the episodes were revealed to me in dreams, some were shown in a friend's crystal, some were given clairaudiently, while others came in rushes of inspirational writing; but one and all were summarized for me in a brief outline which was put through by the same type of automatic writing of which I have spoken already.

Rõ ràng đây hẳn là điều đã xảy ra trong trường hợp của tôi; dĩ nhiên huấn sư của tôi đã thích ứng với những giới hạn của tôi và dùng bất cứ phương pháp nào thích hợp nhất với hoàn cảnh. Vì thế, một số tình tiết được mặc khải cho tôi trong mộng, một số được cho thấy trong quả cầu pha lê của một người bạn, một số được truyền bằng thông nhĩ, còn những điều khác đến trong những đợt viết đầy cảm hứng; nhưng tất cả đều được tóm lược cho tôi trong một dàn ý ngắn gọn được truyền qua cùng loại lối viết tự động mà tôi đã nói đến trước đây.

In every case at the time of writing the episode I was so mentally attuned to it that my present life became almost unreal and I lived through those old distresses and emotions as vividly as if they had actually occurred within my present memory. It is for this reason that they appear here in so dramatic and vital a form. The past temporarily became my present, so that I was enabled to put down these lives much as

Trong mọi trường hợp, vào lúc viết lại tình tiết ấy, tôi đã được chỉnh hợp về mặt trí tuệ với nó đến mức đời sống hiện tại của tôi trở nên gần như không thật, và tôi sống lại những đau khổ và cảm xúc xưa kia ấy một cách sống động như thể chúng thực sự đã xảy ra trong ký ức hiện tại của tôi. Chính vì lý do này mà chúng xuất hiện ở đây dưới một hình thức đầy kịch tính và sinh động đến vậy. Quá khứ tạm thời trở thành hiện tại của

a man writes his autobiography; to me they are no less than this. All the same a great deal has for obvious reasons been left out; only the chief event or events of each life—that event which in some way marked a crisis in my evolution—has been recalled; only the people closely connected with that event have been described.

tôi, nhờ đó tôi có thể ghi lại những kiếp sống này gần như cách một người viết tự truyện của mình; đối với tôi, chúng không kém gì điều đó. Dẫu vậy, vì những lý do hiển nhiên, rất nhiều điều đã bị lược bỏ; chỉ biến cố hay những biến cố chính của mỗi kiếp sống — biến cố đã bằng cách nào đó đánh dấu một cơn khủng hoảng trong tiến hoá của tôi — mới được nhớ lại; chỉ những người liên hệ mật thiết với biến cố ấy mới được mô tả.

Of my companions during this journey through time I cannot speak with any certainty. I believe that I and those three others who were with me in Atlantis met very often, usually in hate, but ultimately, as now, in love and companionship; but I do not pretend to be able to identify them throughout in the welter of personalities which crowd these visions of recollection. I only know that all through the particular lives I was shown, I was doing battle with the elemental forces I had evoked in Atlantis, and that in one form or another they will continue to return to me until they are utterly destroyed—or rather transmuted into beings of light.

Về những bạn đồng hành của tôi trong cuộc hành trình xuyên thời gian này, tôi không thể nói gì với sự chắc chắn nào. Tôi tin rằng tôi và ba người kia đã ở cùng tôi tại Atlantis gặp nhau rất thường xuyên, thường là trong thù hận, nhưng cuối cùng, như hiện nay, trong tình thương và tình bạn; nhưng tôi không dám nhận là có thể nhận diện họ xuyên suốt trong mớ hỗn độn các phàm ngã chen chúc trong những linh ảnh hồi tưởng này. Tôi chỉ biết rằng xuyên suốt những kiếp sống đặc thù mà tôi được cho thấy, tôi đã chiến đấu với các mãnh lực hành khí mà tôi đã gợi lên tại Atlantis, và rằng dưới hình thức này hay hình thức khác chúng sẽ còn tiếp tục trở lại với tôi cho đến khi bị hủy diệt hoàn toàn — hay đúng hơn, được chuyển hoá thành những hữu thể ánh sáng.

Errors of course are inevitable in any attempt such as this to recreate the past, particularly when the instrument of transmission is necessarily still imperfect. Therefore if faults there be, they are not due to my teacher but to my own inadequacy in reporting his words and in recording the events I was shown.

Dĩ nhiên, sai lầm là điều không thể tránh khỏi trong bất kỳ nỗ lực nào như thế này nhằm tái tạo quá khứ, đặc biệt khi công cụ truyền đạt tất yếu vẫn còn bất toàn. Vì vậy, nếu có sai sót nào, chúng không phải do huấn sư của tôi mà do sự bất cập của chính tôi trong việc truyền đạt lời của Ngài và ghi lại những biến cố tôi được cho thấy.

Fortunately, since these events occurred some forty years ago, I have been brought into touch with a number of people possessing unusual occult gifts. One, an advanced student, P. G. Bowen, read the book before we met and tested it in his own way to see whether or not it was genuine. He came to the conclusion that it was, as others have also done. To him and all those who have helped me by "pointing the way" I owe sincere gratitude.

May mắn thay, kể từ khi những biến cố này xảy ra cách đây chừng bốn mươi năm, tôi đã được tiếp xúc với một số người sở hữu những năng khiếu huyền bí học khác thường. Một người, một đạo sinh tiến bộ, P. G. Bowen, đã đọc cuốn sách trước khi chúng tôi gặp nhau và đã kiểm nghiệm nó theo cách riêng của ông để xem nó có chân thực hay không. Ông đi đến kết luận rằng nó là chân thực, cũng như những người khác đã làm. Đối với ông và tất cả những ai đã giúp tôi bằng cách "chỉ

đường", tôi mang lòng biết ơn chân thành.

CHAPTER I—CHƯƠNG I
ATLANTIS

For many centuries the belief that there once existed a mighty continent which had been overwhelmed by the ocean remained in the racial memory merely as a legend and a dream, embodied in folklore and in the esoteric mysteries of the Temples of Egypt and Greece. It is only recently that the scientific researches of Donnelly, Lewis Spence and others have proved to the satisfaction of all but the most determinedly sceptical the existence of such a continent, the cradle of our own civilization.

Trong nhiều thế kỷ, niềm tin rằng đã từng tồn tại một lục địa hùng mạnh bị đại dương nhấn chìm chỉ còn lưu lại trong ký ức của nhân loại như một truyền thuyết và một giấc mơ, được thể hiện trong văn học dân gian và trong các huyền nhiệm nội môn của các Đền thờ Ai Cập và Hy Lạp. Chỉ mới gần đây, những nghiên cứu khoa học của Donnelly, Lewis Spence và những người khác mới chứng minh, làm thỏa mãn tất cả trừ những kẻ hoài nghi cố chấp nhất, sự hiện hữu của một lục địa như thế, chiếc nôi của nền văn minh của chính chúng ta.

Science cannot go much farther along the road of discovery by its usual methods, since so little remains to us of that mysterious land which has been called Atlantis; but there are other methods some of which I have already endeavoured to explain. From these men and women who have thus been enabled to evoke the past, we have learned much of the greatness and wonder of this dead civilization, which in some respects possessed knowledge now lost to us. This is actually borne out by those mighty monuments, the pyramids of Egypt and of South America—even, probably, the mysterious colossi of Easter Island—which were said to have been built by the various waves of colonists who left the continent at the time of the great catastrophes that ultimately destroyed it.

Khoa học không thể đi xa hơn bao nhiêu trên con đường khám phá bằng những phương pháp thông thường của nó, vì còn lại cho chúng ta quá ít từ vùng đất huyền bí đã được gọi là Atlantis ấy; nhưng còn có những phương pháp khác, một số trong đó tôi đã cố gắng giải thích. Từ những người nam và nữ đã nhờ đó có thể gợi lại quá khứ, chúng ta đã học được nhiều điều về sự vĩ đại và kỳ diệu của nền văn minh đã chết này, vốn trong một số phương diện sở hữu tri thức mà nay chúng ta đã đánh mất. Điều này thực sự được xác nhận bởi những công trình vĩ đại ấy, các kim tự tháp Ai Cập và Nam Mỹ — và có lẽ cả những pho tượng khổng lồ bí ẩn trên Đảo Phục Sinh — vốn được cho là do các làn sóng di dân khác nhau đã rời lục địa ấy vào thời các đại thảm họa cuối cùng hủy diệt nó xây dựng nên.

It was, then, to this lost land that the consciousness of out little group was projected during the experiences I have described. The events of the life which was revealed to us, partly at first in the bungalow, then later amplified through my hand, probably took place during the later stages of the Atlantean civilization when the forces of evil were gaining ascendancy and determined to undermine the influence of those who worked for progress.

Vậy thì, chính đến vùng đất đã mất này mà tâm thức của nhóm nhỏ chúng tôi đã được phóng chiếu trong những kinh nghiệm tôi đã mô tả. Những biến cố của kiếp sống được mặc khải cho chúng tôi, lúc đầu một phần trong căn bungalow, rồi về sau được triển khai thêm qua bàn tay tôi, có lẽ đã diễn ra trong những giai đoạn sau của nền văn minh Atlantis, khi các mãnh lực xấu ác đang giành ưu thế và quyết tâm phá hoại ảnh hưởng của những người hoạt động cho tiến bộ.

The writing of this episode approximated

Việc viết lại tình tiết này gần với loại viết tự

more closely to the ordinary unconscious type of automatic writing than anything I did afterwards. Names were given which I could not have known or imagined—my mind not running to fantasy. The style was alien to mine and certainly I, who had never touched any books on magic in this life, having an instinctive aversion to it, could not possibly have invented such rites and ceremonies.

động vô thức thông thường hơn bất cứ điều gì tôi đã làm về sau. Những cái tên được đưa ra mà tôi không thể nào biết hay tưởng tượng ra — tâm trí tôi không thiên về huyễn tưởng. Văn phong xa lạ với tôi, và chắc chắn tôi, người trong kiếp này chưa từng đụng đến bất kỳ sách nào về huyền thuật, vì có một ác cảm bản năng đối với nó, tuyệt đối không thể bịa ra những nghi lễ và lễ thức như thế.

There are a number of reasons why it is undesirable to publish the script describing this life in detail; but it is necessary to give a summary of what happened to us there, since I believe that this apparently fortuitous gathering of friends in a small bungalow on the English coast was—fantastic though it may sound—undoubtedly the direct result of another gathering of those same individuals many thousands of years ago, and it is of its repercussions on them down the ages that I have to tell.

Có nhiều lý do khiến việc công bố toàn bộ bản thảo mô tả chi tiết kiếp sống này là điều không nên; nhưng cần phải đưa ra một bản tóm lược về những gì đã xảy ra với chúng tôi ở đó, vì tôi tin rằng cuộc tụ họp có vẻ tình cờ này của những người bạn trong một căn bungalow nhỏ trên bờ biển nước Anh — nghe có vẻ kỳ ảo đến đâu đi nữa — chắc chắn là kết quả trực tiếp của một cuộc tụ họp khác của chính những cá nhân ấy từ nhiều ngàn năm trước, và chính những dư chấn của nó trên họ qua các thời đại là điều tôi phải kể lại.

As I have said, in my first dream—and in several subsequent ones—I found myself in the streets of a great city, the fabled City of the Golden Gates; I walked among buildings so fantastic, yet so superbly designed and ornamented that, compared with them, our most advanced efforts today seem puny indeed.

Như tôi đã nói, trong giấc mộng đầu tiên của tôi — và trong nhiều giấc mộng tiếp theo — tôi thấy mình ở trên những con đường của một thành phố vĩ đại, Thành phố Cổng Vàng huyền thoại; tôi bước đi giữa những công trình kỳ ảo đến thế, nhưng lại được thiết kế và trang trí tuyệt mỹ đến thế, đến nỗi so với chúng, những nỗ lực tiến bộ nhất của chúng ta ngày nay quả thật nhỏ bé.

But to a modern man visiting again this dead civilization, it would not be so much the buildings nor the great stature and beauty of the men and women he would find unfamiliar, as the mentality of this race which would be almost impossible to understand.

Nhưng đối với một con người hiện đại quay lại thăm nền văn minh đã chết này, điều y thấy xa lạ không hẳn là các công trình hay vóc dáng to lớn và vẻ đẹp của những người nam và nữ nơi đó, mà là tâm thức của nhân loại này, điều gần như không thể hiểu nổi.

For their consciousness resembled that of very primitive folk today. They did not reason, rather they *felt* and "saw". What we now call extrasensory perception motivated nearly all their responses, for the reasoning mind as we know it was only just beginning to develop in the few. Therefore their whole code of behaviour, their aims and goals, were

Vì tâm thức của họ giống với tâm thức của những dân tộc rất nguyên thủy ngày nay. Họ không lý luận; đúng hơn, họ *cảm* và "thấy". Điều mà nay chúng ta gọi là tri giác siêu cảm giác thúc đẩy gần như mọi đáp ứng của họ, vì trí tuệ lý luận như chúng ta biết chỉ mới bắt đầu phát triển nơi một số ít. Do đó, toàn bộ quy tắc ứng xử, những mục tiêu và cứu cánh

entirely different from those of modern civilized man who generally speaking is now endeavouring to control the emotional side of his nature and bring it under subjection to the mind.

của họ hoàn toàn khác với con người văn minh hiện đại, người nói chung hiện đang cố gắng kiểm soát mặt cảm xúc trong bản chất mình và đặt nó dưới sự chế ngự của trí tuệ.

Of course the more advanced of the Atlanteans—the governing classes who were all members of the priesthood —were being taught to become increasingly mentally polarized, while the Initiate Priests and the King had already attained the stage of those more advanced men of all ages who control the mental processes by the higher or spiritual consciousness.

Dĩ nhiên, những người Atlantis tiến bộ hơn — các giai cấp cai trị, tất cả đều là thành viên của giới tăng lữ — đang được dạy để ngày càng phân cực trí tuệ hơn, trong khi các Tư Tế Điểm đạo và Nhà Vua đã đạt đến giai đoạn của những con người tiến bộ hơn trong mọi thời đại, những người kiểm soát các tiến trình trí tuệ bằng tâm thức cao hơn hay tâm thức tinh thần.

This Priesthood of the Sun, as they were called, had been established in Atlantis for a long time. Their objective was to educate and lead the people from the instinctive, emotional phase to the development of intellect in order to be able to think for themselves, since without this freedom man can never grow to full stature. The final aim was that the Atlanteans as a race would themselves become the spiritual and cultural leaders and teachers of the nations yet to be.

Giới Tăng Lữ Mặt Trời này, như họ được gọi, đã được thiết lập tại Atlantis từ rất lâu. Mục tiêu của họ là giáo dục và dẫn dắt dân chúng từ giai đoạn bản năng, cảm xúc sang sự phát triển của trí năng để có thể tự suy nghĩ, vì không có sự tự do này con người không bao giờ có thể trưởng thành trọn vẹn. Mục tiêu cuối cùng là nhân loại Atlantis tự mình trở thành những nhà lãnh đạo và huấn sư tinh thần và văn hóa của các dân tộc sẽ đến sau.

I was one of the younger sons of the Ruler of Atlantis and as such was also an hereditary priest, brought up as a matter of course in the great Temple and taught those sacred mysteries which it was forbidden to divulge to any outside our caste. With me was closely associated my twin brother, Shahballazz. He had for me a very great affection which even I, degenerate and selfish as I was, returned in some degree.

Tôi là một trong những người con trai trẻ hơn của Vị Cai Quản Atlantis và vì thế cũng là một tư tế thế tập, đương nhiên được nuôi dạy trong ngôi Đền lớn và được truyền dạy những huyền nhiệm thiêng liêng mà cấm không được tiết lộ cho bất kỳ ai ngoài đẳng cấp của chúng tôi. Gắn bó mật thiết với tôi là người anh em song sinh của tôi, Shahballazz. Anh dành cho tôi một tình thương rất lớn mà ngay cả tôi, sa đọa và ích kỷ như tôi lúc ấy, cũng đáp lại phần nào.

As a younger son my position was an unimportant one, but I was proud and inordinately ambitious and in order to improve it began early to intrigue with a faction of malcontent led by a friend, Arion-Zat, and a renegade priestess who was his mistress, who were in secret communication with a traitor to the Royal House, Nazzaru. A man of immense ambition and power he had once been a high

Là một người con trai thứ, địa vị của tôi không quan trọng, nhưng tôi kiêu ngạo và tham vọng quá mức, và để cải thiện nó, từ sớm tôi đã bắt đầu mưu đồ với một phe bất mãn do một người bạn là Arion-Zat và một nữ tư tế phản đạo là tình nhân của hắn lãnh đạo; họ bí mật liên lạc với một kẻ phản bội Hoàng tộc là Nazzaru. Là một người có tham vọng và quyền lực vô cùng lớn, trước kia hắn từng là một đại tư tế của Mặt Trời tại một

priest of the Sun in a provincial capital on the other side of the great mountains; but some years before had set himself up in opposition to the King and turned to the worship of Thlac-Shelaptha, Goddess of the Black Moon, ruler of the powers of death and destruction.

kinh đô tỉnh lỵ ở phía bên kia dãy núi lớn; nhưng vài năm trước đó đã tự đặt mình đối lập với Nhà Vua và quay sang thờ phụng Thlac-Shelaptha, Nữ Thần Hắc Nguyệt, kẻ cai quản các quyền năng của chết chóc và hủy diệt.

He had been joined by numbers of the more ambitious priests from all over Atlantis, for they had realized that once the aim of educating the masses of the people had been achieved and they began to think for themselves, they would inevitably break free from the guidance and dominance of the ruling Hierarchy. This, for such men as these, would mean the end of the absolute power wielded by all the priesthood, which they were determined not to relinquish.

Hắn đã được nhiều tư tế tham vọng hơn từ khắp Atlantis gia nhập, vì họ nhận ra rằng một khi mục tiêu giáo dục quần chúng được hoàn thành và họ bắt đầu tự suy nghĩ, thì tất yếu họ sẽ thoát khỏi sự hướng dẫn và thống trị của Thánh Đoàn cai trị. Đối với những người như thế, điều này sẽ có nghĩa là sự chấm dứt quyền lực tuyệt đối mà toàn bộ giới tăng lữ đang nắm giữ, điều mà họ quyết không từ bỏ.

As this process of education was already starting to affect the attitude of what might be called the middle classes, who were beginning to show an increasing degree of independence, they knew they must act quickly if they were to prevent it. Somehow the people must be forced back to the stage of mindless beings, utterly subservient and obedient to every command of their rulers, which they had been for so long.

Vì tiến trình giáo dục này đã bắt đầu ảnh hưởng đến thái độ của tầng lớp có thể gọi là trung lưu, những người đang bắt đầu biểu lộ mức độ độc lập ngày càng tăng, họ biết rằng mình phải hành động nhanh chóng nếu muốn ngăn chặn điều đó. Bằng cách nào đó, dân chúng phải bị ép trở lại giai đoạn của những hữu thể vô trí, hoàn toàn phục tùng và vâng lời mọi mệnh lệnh của những kẻ cai trị, như họ đã từng trong một thời gian rất dài.

Nazzaru was, in fact, the prototype of all the great dictators who were to plague, deceive, and enslave mankind, and it might even be suggested that the destructive and retrogressive forces he activated then in order to gain his objective, the ideas which became, in a sense, living entities, the devils of Mediaeval theology, are still ensouling those who are attuned to their wavelength.

Thực ra, Nazzaru là nguyên mẫu của tất cả những nhà độc tài lớn sẽ làm khổ, lừa dối và nô dịch nhân loại, và thậm chí có thể nói rằng những mãnh lực hủy diệt và thoái hóa mà hắn đã hoạt hóa khi ấy để đạt mục tiêu của mình, những ý tưởng đã trở thành, theo một nghĩa nào đó, những thực thể sống, những ác quỷ của thần học Trung Cổ, vẫn còn đang phú linh cho những ai chỉnh hợp với bước sóng của chúng.

My intrigues with this faction had, however, been quickly discovered, for unless one possessed very advanced powers and could guard one's thoughts, they could easily be read by the higher members of the priesthood. I was deprived of all the powers I had acquired and degraded from my caste, being condemned for the rest of my life to a

Tuy nhiên, những mưu đồ của tôi với phe này đã nhanh chóng bị phát hiện, vì trừ phi một người sở hữu những quyền năng rất cao và có thể canh giữ tư tưởng của mình, nếu không chúng rất dễ bị các thành viên cao cấp hơn của giới tăng lữ đọc được. Tôi bị tước bỏ mọi quyền năng đã đạt được và bị giáng khỏi đẳng cấp của mình, bị kết án suốt phần đời

menial office in one of the temples.

còn lại phải giữ một chức vụ hèn mọn trong một ngôi đền.

So, as I walked in this first dream between those shining buildings, the problem I was trying to resolve was whether or not, despite the prayers and warnings of Shahballazz, I should throw in my lot with Arion-Zat and Nazzaru. I was free to make my decision, to accept or reject the punishment I had brought upon myself. For there was no coercion exercised by our rulers upon those who had developed enough mentality to make their own decisions.

Vì thế, khi tôi bước đi trong giấc mộng đầu tiên ấy giữa những công trình sáng chói kia, vấn đề tôi đang cố giải quyết là liệu, bất chấp những lời cầu xin và cảnh báo của Shahballazz, tôi có nên nhập bọn với Arion-Zat và Nazzaru hay không. Tôi được tự do đưa ra quyết định của mình, chấp nhận hay từ chối hình phạt mà chính tôi đã chuốc lấy. Vì những người cai trị của chúng tôi không hề cưỡng bức những ai đã phát triển đủ trí tuệ để tự quyết định.

I learned from the script which was later given me that in the end I joined Nazzaru. I crossed the mountains to his palace and was initiated with what were, even to me then, the most terrifying and horrible rites into the Brotherhood of the Left Hand Path, as they were called. It was the path of involution, since its aims were to draw mankind backward into the dark past; the first step being the destruction of the Priests of the Sun and all they had so far achieved.

Từ bản thảo được trao cho tôi về sau, tôi biết rằng cuối cùng tôi đã gia nhập Nazzaru. Tôi vượt qua núi đến cung điện của hắn và được điểm đạo bằng những nghi lễ mà ngay cả đối với tôi lúc ấy cũng là kinh hoàng và ghê tởm nhất, vào Huynh đệ Đoàn của Con Đường Tả Đạo, như họ gọi. Đó là con đường của giáng hạ tiến hoá, vì mục tiêu của nó là kéo nhân loại lùi trở lại quá khứ tăm tối; bước đầu tiên là hủy diệt các Tư Tế Mặt Trời và tất cả những gì họ đã đạt được cho đến lúc ấy.

It was not as difficult then, as it would be now, to influence a whole race, so open to mental suggestion. Our first objective was therefore to encourage all the basest emotions and desires by directing upon the masses powerful, primitive, and retrogressive currents of thought—a form of magic even made full use of today.

Khi đó, việc ảnh hưởng đến cả một nhân loại, vốn rất cởi mở với ám thị trí tuệ, không khó như bây giờ. Vì thế, mục tiêu đầu tiên của chúng tôi là khuyến khích mọi cảm xúc và ham muốn thấp hèn nhất bằng cách hướng vào quần chúng những dòng tư tưởng mạnh mẽ, nguyên thủy và thoái hóa — một hình thức huyền thuật mà ngay cả ngày nay vẫn được sử dụng triệt để.

I soon learned that Nazzaru's insane ambition did not stop at ruling Atlantis. Complete domination over mankind was not enough. It must continue, holding the entire human race in subservience for ages to come.

Tôi sớm nhận ra rằng tham vọng điên cuồng của Nazzaru không dừng lại ở việc cai trị Atlantis. Sự thống trị hoàn toàn đối với nhân loại vẫn chưa đủ. Nó phải tiếp tục, giữ toàn thể nhân loại trong sự phục tùng qua nhiều thời đại sắp tới.

But how to circumvent the intervention of death which cut the thread of memory and consequently of continuity and of power? How leap that abyss between one life and the next, so that he and his followers would return with their immense fund of the secret knowledge intact and so be able to continue

Nhưng làm sao vượt qua sự can thiệp của cái chết, vốn cắt đứt sợi dây ký ức và do đó cắt đứt tính liên tục cùng quyền lực? Làm sao nhảy qua vực thẳm giữa kiếp sống này và kiếp sống kế tiếp, để hắn và những kẻ theo hắn có thể trở lại với toàn bộ kho tàng tri thức bí mật còn nguyên vẹn và nhờ đó tiếp

the work they had begun?

tục công việc đã bắt đầu?

This was what we sought to discover in those dark caverns beneath the great mountains. There seemed to us but one way in which it might be achieved. Although our bodies must die, if we could create beings on another, more subtle level of matter, not limited to man's short span of life, they could be made depositories of our knowledge and await the return of us, their masters. For we had learned enough to realize that thought, powerfully enough projected, is not subject to the laws of matter and can remain for immense periods in the mental atmosphere of the earth. If, then, we could create such entities and attach them to ourselves, even in the afterdeath state, then in life after life we should retain our powers and thus become rulers of the world for all time.

Đó là điều chúng tôi tìm cách khám phá trong những hang động tối tăm dưới dãy núi lớn. Đối với chúng tôi dường như chỉ có một cách để đạt được điều ấy. Dù các thể của chúng tôi phải chết, nếu chúng tôi có thể tạo ra những hữu thể trên một cấp độ vật chất khác, tinh tế hơn, không bị giới hạn bởi quãng đời ngắn ngủi của con người, thì chúng có thể được biến thành những kho lưu giữ tri thức của chúng tôi và chờ đợi sự trở lại của chúng tôi, những chủ nhân của chúng. Vì chúng tôi đã học đủ để nhận ra rằng tư tưởng, nếu được phóng chiếu đủ mạnh, không bị chi phối bởi các định luật của vật chất và có thể tồn tại trong những thời kỳ vô cùng dài trong bầu khí quyển trí tuệ của Trái Đất. Vậy thì, nếu chúng tôi có thể tạo ra những thực thể như thế và gắn chúng với chính mình, ngay cả trong trạng thái sau khi chết, thì từ kiếp này sang kiếp khác chúng tôi sẽ giữ được các quyền năng của mình và nhờ đó trở thành những kẻ cai trị thế giới mãi mãi.

That was the dream, based, had we but known it, on complete ignorance of that spiritual law which the true rulers of Atlantis could have taught us had we not been too proud to submit long enough to the disciplines of their temples.

Đó là giấc mơ, dựa trên — giá như chúng tôi biết được — sự vô minh hoàn toàn đối với định luật tinh thần mà những người cai trị chân chính của Atlantis hẳn đã có thể dạy cho chúng tôi, nếu chúng tôi không quá kiêu ngạo để chịu phục tùng đủ lâu những kỷ luật của các đền thờ của họ.

We set to work. There must have been many attempts, many failures, each and all costing untold sufferings and agonizing death to animals and human beings alike. For only through the shedding of blood could such shapes of darkness be created; only by a release of the life-force could they be charged with this primitive form of life.

Chúng tôi bắt tay vào việc. Hẳn đã có nhiều lần thử, nhiều thất bại, mỗi lần đều phải trả giá bằng những đau khổ không kể xiết và cái chết quằn quại của cả thú vật lẫn con người. Vì chỉ qua sự đổ máu mà những hình thù bóng tối như thế mới có thể được tạo ra; chỉ bằng sự giải phóng sinh lực mà chúng mới có thể được nạp vào hình thức sự sống nguyên thủy này.

A glimpse of one moment of the final effort, the climax of the most terrible rite hitherto attempted, accompanied by sacrifices beyond measure, was revealed to us, precipitated into the crystal and into our consciousness during that unforgettable

Một thoáng nhìn về một khoảnh khắc của nỗ lực cuối cùng, cao điểm của nghi lễ khủng khiếp nhất từng được thử nghiệm cho đến lúc ấy, đi kèm với những hiến tế không thể đo lường, đã được mặc khải cho chúng tôi, được ngưng tụ vào quả cầu pha lê và vào tâm thức chúng tôi trong đêm không thể quên ấy

night in the bungalow by the sea.

tại căn bungalow bên bờ biển.

This was the moment when Nazzaru, Arion-Zat, and I, together with the priestess who had fled from the temple with us, perceived these artificial elemental shapes rising from the smoking altars, filling the great cavern with their baleful forms; when we, intoning the forbidden Words of Power, bound them to ourselves for ever.

Đó là khoảnh khắc khi Nazzaru, Arion-Zat và tôi, cùng với nữ tư tế đã trốn khỏi đền thờ với chúng tôi, nhận thấy những hình dạng hành khí nhân tạo này đang trỗi lên từ các bàn thờ bốc khói, lấp đầy hang động lớn bằng những hình thể hung dữ của chúng; khi chúng tôi, xướng lên những Quyền năng từ bị cấm, đã trói buộc chúng với chính mình mãi mãi.

Even that fleeting glimpse was enough. We could certainly not have endured a greater revelation of these abominations; so utterly alien to our twentieth-century mental equipment were these ancient rites. Much of what we did see could not be described. Even so, as I have explained earlier, we were guarded against their full impact. Had it not been so the experience might even have driven us mad.

Ngay cả thoáng nhìn chớp nhoáng ấy cũng đã đủ. Chắc chắn chúng tôi không thể chịu đựng nổi một sự mặc khải lớn hơn về những điều ghê tởm này; những nghi lễ cổ xưa ấy xa lạ đến mức hoàn toàn không thể dung hợp với bộ máy trí tuệ thế kỷ hai mươi của chúng tôi. Phần lớn những gì chúng tôi đã thấy không thể mô tả được. Dù vậy, như tôi đã giải thích trước đây, chúng tôi đã được che chở khỏi toàn bộ tác động của chúng. Nếu không như thế, kinh nghiệm ấy thậm chí có thể đã khiến chúng tôi phát điên.

The script which was given me later unfolded the sequel to this act of dedication to the powers of evil.

Bản thảo được trao cho tôi về sau đã triển khai phần tiếp theo của hành động hiến mình cho các quyền năng xấu ác này.

When the four of us had perfected our plans and were satisfied that the powers to which we had given form were securely harnessed, we gathered our followers together and marched upon the City of the Golden Gates. The fight was hard and long. We invoked the very elements themselves, the energies of the internal fires of earth, the waters, the tempests of the air and the earthquake to aid us, even as man does today by means of what is no more than a different form of "magic" which in essence is the knowledge of how to command and use the powers of nature.

Khi bốn chúng tôi đã hoàn thiện kế hoạch và hài lòng rằng những quyền năng mà chúng tôi đã ban hình tướng đã được chế ngự vững chắc, chúng tôi tập hợp những kẻ theo mình lại và tiến quân về Thành phố Cổng Vàng. Cuộc chiến gay go và kéo dài. Chúng tôi khẩn cầu chính các nguyên tố, các năng lượng của những ngọn lửa bên trong lòng đất, nước, những cơn bão của không khí và động đất trợ giúp chúng tôi, cũng như con người ngày nay vẫn làm bằng phương tiện chẳng qua chỉ là một hình thức "huyền thuật" khác, mà về bản chất là tri thức về cách ra lệnh và sử dụng các quyền năng của bản chất.

At last the great city, poisoned by sulphurous vapours, assailed by tidal waves and cyclones, shaken by earthquakes, collapsed.

Cuối cùng, thành phố vĩ đại, bị đầu độc bởi những hơi lưu huỳnh, bị tấn công bởi sóng thần và cuồng phong, bị rung chuyển bởi động đất, đã sụp đổ.

In the ruins of the Temple of the Sun I met Shahballazz again. His abiding love for me stirred within me some faint echo of good. I

Trong đống đổ nát của Đền Mặt Trời, tôi lại gặp Shahballazz. Tình thương bền bỉ của anh dành cho tôi đã khuấy động trong tôi một

tried to save his life, but failed. He perished with the King and all his priests.

tiếng vọng mờ nhạt nào đó của điều thiện. Tôi cố cứu mạng anh, nhưng thất bại. Anh chết cùng với Nhà Vua và toàn thể các tư tế của ngài.

But such a triumph as this could only be ephemeral. It carried with it the germ of its own disruption. The powers of the elements we had invoked to serve us could not so easily be banished and pacified. In our struggles to control the demons we had let loose upon the land fierce quarrels broke out between us, and soon we were each striving for supremacy using our magical powers one against the other.

Nhưng một chiến thắng như thế chỉ có thể là phù du. Nó mang trong mình mầm mống của chính sự tan rã của nó. Những quyền năng của các nguyên tố mà chúng tôi đã khẩn cầu để phụng sự mình không dễ gì bị xua đi và làm lắng dịu. Trong những cuộc vật lộn nhằm kiểm soát các ác quỷ mà chúng tôi đã thả ra trên vùng đất ấy, những cuộc cãi vã dữ dội nổ ra giữa chúng tôi, và chẳng bao lâu mỗi người đều tranh giành quyền tối thượng, dùng các quyền năng huyền thuật của mình chống lại nhau.

Arion-Zat sacrificed the woman in order to trick me to my death; but I slew him and Nazzaru and I were left in a grim contest of rivalry and hate. In the end he became conqueror and I, too, was slain. But his triumph was short-lived; alone he was not strong enough to quell the destructive forces we had unleashed and he was swept away by a Power of which none of us had ever begun to comprehend the unconquerable might.

Arion-Zat đã hiến tế người phụ nữ để lừa tôi đến chỗ chết; nhưng tôi giết hắn, và Nazzaru cùng tôi còn lại trong một cuộc tranh chấp khốc liệt của ganh đua và thù hận. Cuối cùng hắn trở thành kẻ chiến thắng và tôi cũng bị giết. Nhưng chiến thắng của hắn ngắn ngủi; một mình hắn không đủ mạnh để dập tắt những mãnh lực hủy diệt mà chúng tôi đã giải phóng, và hắn bị cuốn đi bởi một Quyền Năng mà không ai trong chúng tôi từng bắt đầu hiểu được sức mạnh bất khả chinh phục của nó.

And the final result? We can only guess. Probably the boiling ocean; fire leaping to heaven as the earth opened her mouth and in an explosion which seemed to shake the earth, the land sank beneath the sea. So it must have been. Man cannot control and direct energies which, in their ultimate nature are divine, for personal gain or glory or for purposes of destruction, save at his peril.

Và kết quả cuối cùng là gì? Chúng ta chỉ có thể đoán. Có lẽ là đại dương sôi sục; lửa vọt lên trời khi đất há miệng ra, và trong một vụ nổ dường như làm rung chuyển địa cầu, vùng đất ấy chìm xuống dưới biển. Hẳn là như thế. Con người không thể kiểm soát và điều khiển những năng lượng mà trong bản chất tối hậu của chúng là thiêng liêng, để mưu cầu lợi ích hay vinh quang cá nhân hoặc cho những mục đích hủy diệt, mà không phải gánh lấy hiểm họa.

But so far as we and those who worked with us were concerned in that insane endeavour to usurp the ultimate power, our end is of minor importance. It is that ceremony in the underground temple of Thac-Shelaptha, the Black Moon, which was the act that decided our destinies for thousands upon thousands

Nhưng xét về chúng tôi và những kẻ đã cùng hoạt động với chúng tôi trong nỗ lực điên cuồng nhằm tiếm đoạt quyền năng tối hậu ấy, thì kết cục của chúng tôi chỉ có tầm quan trọng thứ yếu. Chính nghi lễ trong ngôi đền ngầm của Thac-Shelaptha, Hắc Nguyệt, mới là hành động đã quyết định số phận của

of years. In our satanic pride, blinded by our ambition, and confused by our traffic with those Powers of Illusion that have tricked mankind through the ages, whereas we thought to return again and again as rulers of the world, in actual fact it was they, the beings of evil we had ourselves created, who became our lords and were to rule us, using our wills and our bodies for their own purposes, dragging us down to the depths of degradation in life after life, and only releasing their hold when at last we had gained sufficient strength and wisdom through suffering and experience to cast them out by an act of conscious will.

chúng tôi trong hàng ngàn hàng vạn năm. Trong niềm kiêu hãnh satan của mình, bị làm mù bởi tham vọng, và bị làm rối loạn bởi sự giao tiếp của mình với những Quyền Năng của Ảo Tưởng đã lừa dối nhân loại qua các thời đại, trong khi chúng tôi tưởng rằng mình sẽ trở lại hết lần này đến lần khác như những kẻ cai trị thế giới, thì trên thực tế chính chúng, những hữu thể xấu ác mà chính chúng tôi đã tạo ra, mới trở thành chúa tể của chúng tôi và sẽ cai trị chúng tôi, sử dụng ý chí và thể xác của chúng tôi cho những mục đích riêng của chúng, kéo chúng tôi xuống tận đáy của sự sa đọa trong kiếp này qua kiếp khác, và chỉ buông tha khi cuối cùng chúng tôi đã đạt đủ sức mạnh và minh triết qua đau khổ và kinh nghiệm để trục xuất chúng bằng một hành động ý chí hữu thức.

It is of my own efforts, my struggles and setbacks down the centuries that this book is concerned; but although the narrative may appear to be a purely personal one, it is not so. Each man certainly creates his particular destiny in his own way, but to those who seek separation, those who through pride and vanity ally themselves with deliberate intent to the forces of destruction, the path of return is always similar. Some few it is said never take the path of return. They go backwards until the involutionary process absorbs them utterly, but these do not concern us. They have made their choice, and have made it—at least once—with open eyes; for there comes a time when every man must make that choice in some form or another, and on that choice depends his ultimate destiny.

Cuốn sách này nói về những nỗ lực riêng của tôi, những đấu tranh và những bước lùi của tôi qua các thế kỷ; nhưng dù câu chuyện có vẻ hoàn toàn mang tính cá nhân, thực ra không phải vậy. Mỗi người chắc chắn tạo ra số phận riêng của mình theo cách riêng, nhưng đối với những ai tìm kiếm sự chia lìa, những ai vì kiêu ngạo và hư vinh mà cố ý liên minh với các mãnh lực hủy diệt, thì Con Đường Trở Về luôn tương tự nhau. Người ta nói rằng có một số rất ít không bao giờ đi Con Đường Trở Về. Họ đi lùi mãi cho đến khi tiến trình giáng hạ tiến hoá hấp thụ họ hoàn toàn, nhưng những người ấy không liên quan đến chúng ta. Họ đã chọn lựa, và đã chọn — ít nhất một lần — với đôi mắt mở rộng; vì sẽ đến lúc mỗi người phải thực hiện sự chọn lựa ấy dưới hình thức này hay hình thức khác, và số phận tối hậu của y tùy thuộc vào sự chọn lựa đó.

This was made in my case thousands of years later in Egypt, after many lives of unutterable degradation and misery as a result of my deeds in Atlantis.

Trong trường hợp của tôi, sự chọn lựa ấy đã được thực hiện nhiều ngàn năm sau tại Ai Cập, sau nhiều kiếp sống sa đọa và khốn khổ không thể tả như là kết quả của những hành vi của tôi tại Atlantis.

I knew nothing, however, of these later lives until some months after I had received these revelations of my Atlantean incarnation.

Tuy nhiên, tôi không biết gì về những kiếp sống về sau ấy cho đến vài tháng sau khi tôi đã tiếp nhận những mặc khải này về kiếp

When the automatic script clarifying and correlating all these scattered revelations had been completed, I was left for some time without any further explanation.

lâm phàm Atlantis của mình. Khi bản thảo tự động làm sáng tỏ và liên kết tất cả những mặc khải rời rạc này đã hoàn tất, tôi bị bỏ lại một thời gian mà không có thêm lời giải thích nào nữa.

The experiences dating from that first dream had been, I need hardly say, shattering. I had no idea where they were leading or what actually was their purpose. I was merely left, as it were, with the picture of my iniquities before my eyes, with the imprint of my enormities indelibly stamped upon my mind.

Những kinh nghiệm bắt đầu từ giấc mộng đầu tiên ấy, tôi hầu như không cần phải nói, thật chấn động. Tôi không hề biết chúng đang dẫn đến đâu hay mục đích thực sự của chúng là gì. Tôi chỉ đơn thuần bị bỏ lại, có thể nói như vậy, với bức tranh về những tội ác của mình trước mắt, với dấu ấn của những điều ghê tởm của mình in hằn không thể xóa trên tâm trí.

No more memories came to me and no enlightenment. The water of oblivion which a merciful dispensation has decreed shall separate man as he is and man as he has been, having parted a little while, now flowed back into their bed; yet across that waste of darkness—a waste which it had taken me thousands of years to span— there did stretch a slender bridge, the bridge of action I myself had built and by which I had come. Until this present life the existence alike of river and of bridge had been blotted out together with that solitary wanderer who, scorn and loathe him as I might, I yet could not disown since he was my very self. But now that the searchlight of truth had revealed this past to me, I knew that there would be no evading it any more. I was called upon to face the pilgrim from Atlantis, his deeds and all their implications; there was no ignoring the law of Karma, which, however much we may prefer to forget it, nevertheless rules our lives, decreeing that man shall reap to the uttermost the harvest of each seed of action, aye even of thought, that he has ever sown.

Không còn ký ức nào đến với tôi nữa, cũng không có sự soi sáng nào. Dòng nước của quên lãng mà một sự an bài đầy từ bi đã định rằng phải ngăn cách con người như y đang là với con người như y đã từng là, sau khi tách ra một lúc, nay lại chảy trở về lòng sông; tuy nhiên, băng qua khoảng hoang phế tối tăm ấy — một khoảng hoang phế mà tôi đã phải mất hàng ngàn năm để vượt qua — vẫn có vươn ra một cây cầu mảnh mai, cây cầu của hành động mà chính tôi đã xây nên và nhờ đó tôi đã đi đến. Cho đến kiếp sống hiện tại này, sự hiện hữu của cả dòng sông lẫn cây cầu đều đã bị xóa sạch, cùng với kẻ lữ hành cô độc kia, kẻ mà dù tôi có khinh bỉ và ghê tởm đến đâu, tôi vẫn không thể chối bỏ vì hắn chính là bản thân tôi. Nhưng giờ đây, khi ánh đèn pha của chân lý đã phơi bày quá khứ này cho tôi, tôi biết rằng sẽ không còn né tránh nó được nữa. Tôi được kêu gọi phải đối diện với người hành hương từ Atlantis, với những hành vi của hắn và mọi hàm ý của chúng; không thể phớt lờ định luật nghiệp quả, định luật mà dù chúng ta có thích quên đến đâu, vẫn cai quản đời sống chúng ta, quy định rằng con người phải gặt đến tận cùng mùa màng của từng hạt giống hành động, phải, ngay cả của tư tưởng, mà y từng gieo.

These memories had brought the grim irrevocability of this home to me as never before, so that I looked back into the Stygian darkness of that gulf between the then and the now with no little trepidation. What did it hide? How many of those deeds had

Những ký ức này đã mang đến cho tôi cảm giác nghiệt ngã về tính không thể đảo ngược của điều ấy như chưa từng có trước đây, đến nỗi tôi nhìn ngược vào bóng tối âm phủ của vực thẳm giữa khi ấy và bây giờ với không ít run sợ. Nó che giấu điều gì? Bao nhiêu trong

already been expiated? Had I already paid my debts, or must I begin now, in full consciousness of the appalling magnitude of the task?

số những hành vi ấy đã được đền bù rồi? Tôi đã trả xong các món nợ của mình chưa, hay giờ đây tôi phải bắt đầu, trong sự nhận biết trọn vẹn về tầm mức kinh hoàng của nhiệm vụ?

Imagination failed me: what kind of payment would be exacted for any evil so deliberately sought and practised? These thoughts tormented me. I understood well, during those black days of foreboding why it is that on each return to earth we drink of the precious waters of Lethe. We would go mad were we to know what our past lives had been. Our shuddering minds would become paralysed by the weight of old infamies, grown already alien and incomprehensible. We should be for ever brooding upon that past and have neither the courage nor the desire to deal with the problems of our present state wherein our eyes are fixed upon a future goal and our hearts tuned to the note of our own time.

Sự tưởng tượng đã bất lực trước tôi: loại đền trả nào sẽ bị đòi hỏi cho bất kỳ điều ác nào được cố ý tìm kiếm và thực hành như thế? Những ý nghĩ ấy hành hạ tôi. Trong những ngày đen tối đầy điềm gở ấy, tôi hiểu rõ vì sao mỗi lần trở lại Trái Đất chúng ta lại uống dòng nước quý giá của Lethe. Chúng ta sẽ phát điên nếu biết những kiếp sống quá khứ của mình đã là gì. Tâm trí run rẩy của chúng ta sẽ bị tê liệt dưới sức nặng của những điều ô nhục cũ, nay đã trở nên xa lạ và không thể hiểu nổi. Chúng ta sẽ mãi mãi ủ ê về quá khứ ấy và sẽ không còn đủ can đảm hay ước muốn để xử lý những vấn đề của trạng thái hiện tại, trong đó mắt chúng ta hướng vào một mục tiêu tương lai và trái tim chúng ta được chỉnh hợp với âm điệu của chính thời đại mình.

One day while I was considering the threatening possibilities which these insistent memories of Atlantis had conjured from the past, I became aware of that exquisite vibration which heralded the approach of the one who had called himself my teacher. I felt him standing by my side, and he seemed to me to be smiling, humorously yet with tenderness, as a father smiles at the terrors of a child.

Một ngày nọ, khi tôi đang suy nghĩ về những khả năng đe dọa mà những ký ức dai dẳng về Atlantis này đã gọi dậy từ quá khứ, tôi nhận biết được rung động tinh tế tuyệt diệu báo hiệu sự tiếp cận của người đã tự xưng là huấn sư của tôi. Tôi cảm thấy ngài đứng bên cạnh mình, và đối với tôi dường như ngài đang mỉm cười, vừa hài hước vừa dịu dàng, như một người cha mỉm cười trước nỗi kinh hoàng của một đứa trẻ.

"Well, my Cheor," he said, and the accursed Atlantean name took on a strange music so that it seemed now to be cleansed and blessed, "is the idea of punishment all you can extract from these revelations?"

"Cheor của tôi," ngài nói, và cái tên Atlantis bị nguyền rủa ấy bỗng mang một âm nhạc lạ lùng đến nỗi giờ đây dường như được thanh tẩy và ban phúc, "phải chăng ý niệm về sự trừng phạt là tất cả những gì em rút ra được từ những mặc khải này?"

"It seems to me all I deserve."

"Đối với tôi, dường như đó là tất cả những gì tôi đáng phải nhận."

"Then begin by realizing that actually there is no such thing as punishment. It is a man-made term for what is, in truth, a law of profoundest love whereby humanity learns through experience to associate effects with

"Vậy thì hãy bắt đầu bằng việc nhận ra rằng thực ra không hề có cái gọi là trừng phạt. Đó là một thuật ngữ do con người tạo ra cho điều mà, trong chân lý, là một định luật của tình thương sâu xa nhất, nhờ đó nhân loại học

their causes. Until we do so, our experiences may appear to do violence to the personality, but in reality they are benefiting it, since they teach the foolishness of attempting to break the laws of nature and lead us eventually to realize how, by applying the doctrine of causation to every activity of our life, we may come to eliminate anything that can have pernicious consequences and retard our progress towards complete self-realization."

qua kinh nghiệm cách liên kết các hậu quả với nguyên nhân của chúng. Chừng nào chúng ta chưa làm được điều đó, những kinh nghiệm của chúng ta có thể dường như gây bạo lực đối với phàm ngã, nhưng trên thực tế chúng đang mang lại lợi ích cho nó, vì chúng dạy cho nó thấy sự ngu xuẩn của việc cố phá vỡ các định luật của bản chất và cuối cùng dẫn chúng ta đến chỗ nhận ra rằng, bằng cách áp dụng học thuyết về nhân quả vào mọi hoạt động của đời sống mình, chúng ta có thể đi đến chỗ loại bỏ bất cứ điều gì có thể gây ra những hậu quả tai hại và làm chậm bước tiến của chúng ta toward sự tự chứng nghiệm hoàn toàn."

"But such causes as those..." I stopped, unable even to formulate my thought.

"Nhưng những nguyên nhân như thế..." Tôi dừng lại, không thể nào ngay cả hình thành được ý nghĩ của mình.

"Brought you, through their effects upon your personalities, where you now stand."

"Đã đưa bạn, qua những tác động của chúng lên các phàm ngã của bạn, đến chỗ bạn hiện đang đứng."

"You mean I have worked off the evil related to that past? Is that possible?"

"Ý thầy là tôi đã giải trừ điều ác liên hệ với quá khứ ấy sao? Điều đó có thể được sao?"

"Only in part; what is left to do can be undertaken only through a deliberate and self-conscious effort of will, strengthened by a return of some of that ancient power which you once developed and then abused and which must be attuned now to the higher octave of service."

"Chỉ một phần thôi; điều còn lại phải làm chỉ có thể được đảm đương bằng một nỗ lực ý chí có chủ đích và tự ý thức, được tăng cường bởi sự trở lại của một phần quyền năng cổ xưa mà bạn đã từng phát triển rồi lạm dụng, và nay phải được chỉnh hợp với quãng tám cao hơn của sự phụng sự."

"And how can I regain this knowledge," I asked eagerly; "how can I begin paying off these debts?" For I was still weighed down by the thought of what those debts must be.

"Và làm sao tôi có thể lấy lại tri thức này," tôi háo hức hỏi, "làm sao tôi có thể bắt đầu trả những món nợ ấy?" Vì tôi vẫn còn nặng trĩu bởi ý nghĩ về những món nợ đó hẳn phải là gì.

"Be careful," he warned me, smiling. "People so glibly talk of desiring to pay their debts, but when the opportunity is afforded, as it inevitably is when a man thus challenges his Karma, they discover that the payment is very different from what they had anticipated and entirely lacking in all dramatic interest. For again I bid you remember that every atom of energy you have wasted or perverted from its proper

"Hãy cẩn thận," ông mỉm cười cảnh báo tôi. "Người ta thường quá dễ dàng nói về việc mong muốn trả nợ của mình, nhưng khi cơ hội được trao cho họ, như tất nhiên sẽ xảy ra khi một người thách thức nghiệp quả của mình theo cách ấy, họ khám phá ra rằng việc thanh toán rất khác với điều họ đã dự liệu và hoàn toàn không có chút gì kịch tính hấp dẫn. Vì một lần nữa tôi bảo bạn hãy nhớ rằng mỗi nguyên tử năng lượng bạn đã phung phí

channel of manifestation you must replace by your own effort; and since thought is as much a force as action, it follows that every injurious thought, every idle, destructive word about another will have to be made good. There is but one way, and one way only, by which what you have filched from Life may be restored and the injuries you have imposed upon the universal Substance through destroying or disintegrating any part of it, be remedied. That way is through humble service to mankind and an amount of selfless effort and love which people are seldom prepared to give.

hay làm lệch khỏi kênh biểu hiện thích hợp của nó, bạn phải bù lại bằng chính nỗ lực của mình; và vì tư tưởng cũng là một mãnh lực chẳng kém gì hành động, nên theo đó mỗi tư tưởng gây hại, mỗi lời nói nhàn rỗi, phá hoại về người khác đều sẽ phải được bù đắp. Chỉ có một con đường, và chỉ một con đường duy nhất, nhờ đó điều bạn đã lấy cắp từ Sự sống có thể được hoàn trả và những tổn hại bạn đã áp đặt lên chất liệu phổ quát qua việc phá hủy hay làm tan rã bất kỳ phần nào của nó có thể được chữa lành. Con đường ấy là qua sự phụng sự khiêm nhường đối với nhân loại và một mức độ nỗ lực vô ngã cùng tình thương mà người ta hiếm khi sẵn lòng hiến dâng.

"You need not think," he continued, "that, because I have been permitted to contact and train you, you will be shown any short cut whereby you may escape this obligation. No one escapes. In fact, because you have demanded on the inner planes to go forward more rapidly, to become self-conscious in Karma, inevitably more payment will be exacted from you in this life than would otherwise have been the case. One of the reasons is that you will be put in touch with many of your past incarnations, and directly that happens certain energies which have been held in suspension, as it were, until the time is propitious, will be released.

"Bạn đừng nghĩ," ông tiếp tục, "rằng bởi vì tôi đã được cho phép tiếp xúc và huấn luyện bạn, bạn sẽ được chỉ cho một lối tắt nào đó để có thể thoát khỏi nghĩa vụ này. Không ai thoát được. Thật ra, bởi vì trên các cõi bên trong bạn đã đòi tiến lên nhanh hơn, trở nên tự ý thức trong nghiệp quả, nên tất nhiên trong kiếp này bạn sẽ bị đòi hỏi phải thanh toán nhiều hơn là lẽ ra phải thế. Một trong những lý do là bạn sẽ được đặt vào tiếp xúc với nhiều kiếp lâm phàm quá khứ của mình, và ngay khi điều đó xảy ra, một số năng lượng vốn đã bị giữ trong trạng thái đình hoãn, có thể nói như vậy, cho đến khi thời cơ thuận lợi, sẽ được giải phóng.

"These will sweep into your life any links from that past who may be incarnated now. The balance sheet will be presented, and if the debit is heavily on your side you will be instantly expected to square accounts. It will mean much sacrifice of your time and energy, but if you are prepared to take the risk, the opportunity will not be denied you."

"Chúng sẽ cuốn vào đời bạn bất kỳ mối liên hệ nào từ quá khứ ấy hiện đang lâm phàm. Bảng cân đối sẽ được trình ra, và nếu bên nợ nghiêng nặng về phía bạn thì ngay lập tức bạn sẽ được chờ đợi phải thanh toán sòng phẳng. Điều đó sẽ có nghĩa là phải hi sinh rất nhiều thời gian và năng lượng của bạn, nhưng nếu bạn sẵn sàng chấp nhận rủi ro, cơ hội ấy sẽ không bị từ chối bạn."

"But supposing I fail?" I inquired rather apprehensively.

"Nhưng giả sử tôi thất bại thì sao?" tôi hỏi, khá lo ngại.

"If you fail," he replied, "you will be adding to the burden, making it heavier next time; for circumstances may not be so propitious again. A wise man once spoke of that tide in the affairs of men which, taken at the flood, leads on to fortune.... Take then the flood

"Nếu bạn thất bại," ông đáp, "bạn sẽ làm tăng thêm gánh nặng, khiến nó nặng hơn vào lần sau; vì hoàn cảnh có thể sẽ không còn thuận lợi như vậy nữa. Có một người khôn ngoan từng nói về thủy triều trong công việc của con người, rằng nếu nắm lấy lúc nước lớn thì

tide and do not even think of failure; such thoughts but weaken your powers. Why, moreover, should the payment of a debt be, of necessity, a disagreeable undertaking? Paid willingly and with love, it can bring the greatest joy, for to the man who loves enough no task seems hard or impossible. But if you do not yet know how to love, you had best set about teaching yourself the art of it; believe me, it will facilitate the accomplishment of everything you may be called upon to do. You will need a great deal of the driving power which only love can give if you are to reach in this life the goal upon which you have set your eyes.

nó dẫn đến vận may.... Vậy thì hãy nắm lấy con nước lớn ấy và đừng thậm chí nghĩ đến thất bại; những tư tưởng như thế chỉ làm suy yếu quyền năng của bạn. Hơn nữa, tại sao việc trả một món nợ lại nhất thiết phải là một công việc khó chịu? Nếu được trả một cách tự nguyện và với tình thương, nó có thể mang lại niềm hoan hỉ lớn lao nhất, vì đối với người biết yêu đủ sâu thì không nhiệm vụ nào có vẻ khó khăn hay bất khả. Nhưng nếu bạn chưa biết yêu, thì tốt hơn hết bạn nên bắt tay vào dạy chính mình nghệ thuật ấy; hãy tin tôi, nó sẽ làm cho việc hoàn thành mọi điều bạn có thể được kêu gọi làm trở nên dễ dàng hơn. Bạn sẽ cần rất nhiều động lực thúc đẩy mà chỉ tình thương mới có thể ban cho, nếu bạn muốn đạt được trong kiếp này mục tiêu mà bạn đã hướng mắt tới.

"Now meditate upon what you have been shown, for much can be revealed to modern man about his world by a study of life in Atlantis, since this age is, in some way, an overtone of it. Many conditions are analogous, for that, too, was the end of one phase of development and the beginning of the next, although then they worked through different centres and through a different system of development. This is one reason why many Atlanteans are being reincarnated now. By this I mean that they are returning with the what I must call, for want of a better word, ancient karmic currents or atoms built into their new vehicles of expression. These, tainted at their source, they have now to purify and transmute.

"Giờ đây hãy tham thiền về điều bạn đã được cho thấy, vì nhiều điều có thể được mặc khải cho con người hiện đại về thế giới của y qua việc nghiên cứu đời sống ở Atlantis, bởi thời đại này, theo một cách nào đó, là một âm bồi của thời ấy. Nhiều điều kiện là tương đồng, vì đó cũng là sự kết thúc của một giai đoạn phát triển và sự khởi đầu của giai đoạn kế tiếp, mặc dù khi ấy họ hoạt động qua những trung tâm khác và qua một hệ thống phát triển khác. Đây là một lý do vì sao nhiều người Atlantis đang được tái sinh vào lúc này. Ý tôi là họ đang trở lại với điều mà, vì thiếu một từ tốt hơn, tôi phải gọi là những dòng nghiệp quả hay những nguyên tử cổ xưa được xây vào các vận cụ biểu đạt mới của họ. Những thứ này, đã bị nhiễm bẩn ngay từ nguồn, nay họ phải thanh lọc và chuyển hoá.

"Only when this work has been accomplished by a certain proportion of the race will it be safe for the world to recover much of its forgotten knowledge and powers. Enough harm is being done by what man has already recalled—or, as you would say—discovered. If more secrets are wrenched from out the past before mankind generally has developed sufficient spirituality to use them aright, the catastrophe of fire and water which destroyed

"Chỉ khi công việc này đã được một tỉ lệ nhất định của nhân loại hoàn thành thì thế giới mới có thể an toàn để phục hồi phần lớn tri thức và quyền năng bị lãng quên của mình. Đủ điều tai hại đang được gây ra bởi những gì con người đã nhớ lại—hay như bạn sẽ nói—đã khám phá. Nếu nhiều bí mật hơn nữa bị giật ra khỏi quá khứ trước khi nhân loại nói chung đã phát triển đủ tinh thần tính để sử dụng chúng một cách đúng đắn, thì thảm họa lửa và nước đã hủy diệt

Atlantis could be re-enacted only on a far greater scale.

“Already powerful elements are abroad on your earth causing upheavals and disasters. Consider your times well in the light of occult knowledge and you will understand whereof I speak. It is for those who can realize the dread consequences of the misuse of natural forces to warn the world of what lies before it, if once again it turns the creative gifts of God to destructive ends.”

Atlantis có thể chỉ được tái diễn trên một quy mô lớn hơn rất nhiều.

“Ngay lúc này những nguyên tố hùng mạnh đã tung hoành trên Trái Đất của bạn, gây nên những biến động và tai họa. Hãy suy xét kỹ thời đại của bạn dưới ánh sáng của tri thức huyền bí học và bạn sẽ hiểu tôi đang nói về điều gì. Những ai có thể chứng nghiệm được những hậu quả kinh hoàng của việc lạm dụng các mãnh lực thiên nhiên phải cảnh báo thế giới về điều đang ở phía trước nó, nếu một lần nữa nó quay các tặng phẩm sáng tạo của Thượng đế vào những mục đích hủy diệt.”

CHAPTER II—CHƯƠNG II
EGYPT—AI CẬP

One day, some time later, my attention was directed to a scarab ring which I had worn for many years. I had been given the choice of several and had selected this one by what then seemed an incomprehensible impulse; for besides being slightly damaged it was the plainest of the collection. The inscription read: "May Ra protect thy days." Later I discovered, engraved minutely upon the back, a small hawk—Horus, the Son of the Egyptian Trinity, the wings of which, incidentally, were part of the insignia of royalty.

Một ngày nọ, một thời gian sau đó, sự chú ý của tôi được hướng đến một chiếc nhẫn bọ hung mà tôi đã đeo trong nhiều năm. Tôi đã được cho chọn giữa vài chiếc và đã chọn chiếc này bởi một thôi thúc khi ấy dường như không thể hiểu nổi; vì ngoài việc bị sứt mẻ đôi chút, nó còn là chiếc đơn giản nhất trong cả bộ sưu tập. Dòng khắc ghi là: "Cầu mong Ra bảo hộ những ngày của ngươi." Về sau tôi phát hiện, được khắc rất nhỏ ở mặt sau, một con diều hâu nhỏ—Horus, Con của Tam Vị Ai Cập, mà đôi cánh của nó, nhân tiện nói thêm, là một phần của huy hiệu vương quyền.

I was now informed by my teacher that the ring had belonged to me in the past, when it had been specially magnetized through a magical process, a vibration from the soul being projected into it. This had been done in order that, when it again came into my possession—as such a magical amulet would be bound to do by the Law of Attraction which draws like to like—certain latent currents from that past life would be, as it were, restimulated through the contact. This is the reason, he told me, why it is dangerous for uninstructed people to wear ancient amulets, since the powers therein imprisoned may possibly be inimical to them.

Giờ đây huấn sư của tôi cho tôi biết rằng chiếc nhẫn ấy đã từng thuộc về tôi trong quá khứ, khi nó đã được từ hóa đặc biệt qua một tiến trình huyền thuật, một rung động từ linh hồn được phóng chiếu vào trong đó. Điều này đã được thực hiện để khi nó lại trở về tay tôi—như một bùa hộ mệnh huyền thuật như thế tất nhiên sẽ làm theo Định luật Hấp Dẫn kéo cái giống với cái giống—thì một số dòng lực tiềm ẩn từ kiếp sống quá khứ ấy sẽ, có thể nói như vậy, được kích thích trở lại qua sự tiếp xúc. Đây là lý do, ông bảo tôi, vì sao việc những người không được chỉ dạy đeo các bùa hộ mệnh cổ xưa là nguy hiểm, bởi các quyền năng bị giam giữ trong đó có thể có khả năng thù nghịch với họ.

"Some day you will return to Egypt," he said. "Certain work awaits you to be done in connection with that country. For remember, birth into a nation implies the recognition of certain responsibilities towards it. Nations are spiritual Entities, and when you become a part of that corporate being—a cell in its body—you draw upon certain forces and aspects of its life which it alone can give you; therefore you owe it an obligation and must pay back what you have taken from it at some time or another. Hence it is that men so often feel the ardent desire to work, aye, even to die, for some particular country. In a time when

"Một ngày nào đó bạn sẽ trở lại Ai Cập," ông nói. "Có một số công việc đang chờ bạn làm liên hệ với đất nước ấy. Vì hãy nhớ rằng, sinh ra trong một quốc gia hàm ý sự thừa nhận một số trách nhiệm nhất định đối với quốc gia đó. Các quốc gia là những Thực Thể tinh thần, và khi bạn trở thành một phần của hữu thể tập thể ấy—một tế bào trong thể của nó—bạn rút lấy một số mãnh lực và phương diện của sự sống của nó mà chỉ riêng nó mới có thể ban cho bạn; vì vậy bạn mắc nợ nó và phải hoàn trả điều bạn đã lấy từ nó vào lúc này hay lúc khác. Do đó mà những người nam và nữ thường cảm thấy khát vọng cháy bỏng muốn làm việc, vâng, thậm chí muốn

much of the present Karma of separativeness is being worked off and man's more balanced development will dispense with the necessity for such differentiations, national characteristics will become less marked and all men will draw nearer to each other until eventually the barriers now separating nation from nation die out. Already the more highly evolved—men who have incarnated into many lands and given generously of their best to all—are free of every country. Seek to develop through better understanding this feeling of close kinship with all, meanwhile serving the country to which you are now tied by your karmic needs with the highest wisdom that you can.

chết, cho một đất nước nào đó. Trong một thời kỳ mà phần lớn nghiệp quả hiện tại của tính chia rẽ đang được giải trừ và sự phát triển quân bình hơn của con người sẽ loại bỏ sự cần thiết của những phân biệt như thế, các đặc tính quốc gia sẽ trở nên ít rõ nét hơn và mọi người sẽ đến gần nhau hơn cho đến khi cuối cùng những rào cản hiện đang ngăn cách quốc gia này với quốc gia khác sẽ tan biến. Ngay lúc này những người tiến hóa cao hơn—những người đã lâm phàm vào nhiều xứ sở và rộng rãi hiến dâng điều tốt đẹp nhất của mình cho tất cả—đã tự do khỏi mọi quốc gia. Hãy tìm cách phát triển qua sự thấu hiểu tốt hơn cảm giác thân thuộc gần gũi này với mọi người, đồng thời phụng sự đất nước mà hiện nay bạn đang gắn bó bởi những nhu cầu nghiệp quả của mình với minh triết cao nhất mà bạn có thể có.

"As for this debt contracted in Egypt, you will meet several links from that past in this life and be given the opportunity of paying your debts to them. You have never previously been fitted to undertake this work, as it involves certain knowledge which has been hitherto cut off from your consciousness but which will soon be once more revealed to you. But it may take many years to accomplish."

"Còn về món nợ đã kết tạo ở Ai Cập này, trong kiếp này bạn sẽ gặp vài mối liên hệ từ quá khứ ấy và được trao cơ hội trả nợ cho họ. Trước đây bạn chưa bao giờ thích hợp để đảm đương công việc này, vì nó bao hàm một số tri thức từ trước đến nay đã bị cắt khỏi tâm thức của bạn nhưng chẳng bao lâu nữa sẽ lại được mặc khải cho bạn. Nhưng có thể phải mất nhiều năm mới hoàn thành được."

He watched me, smiling. "You do not believe me?"

Ông nhìn tôi, mỉm cười. "Bạn không tin tôi sao?"

"I do not understand how it can be done," I admitted, "with all the difficulties I now see in my path."

"Tôi không hiểu làm sao điều đó có thể được thực hiện," tôi thú nhận, "với tất cả những khó khăn mà giờ đây tôi thấy trên đường mình."

"You will find there are more ways than one of returning to the lands of your past," he replied enigmatically. And with that I had perforce to be content.

"Bạn sẽ thấy có nhiều hơn một cách để trở về những miền đất của quá khứ mình," ông đáp một cách bí ẩn. Và với chừng ấy tôi buộc phải bằng lòng.

One night, shortly after this, I found myself in sleep before two great pyramids. In front of my eyes was the scarab ring and as I looked upon it the hawk appeared to detach itself therefrom, growing to such gigantic proportions that soon it filled the sky. It hovered over my head, its wings stretching

Một đêm nọ, không lâu sau đó, trong giấc ngủ tôi thấy mình đứng trước hai kim tự tháp lớn. Trước mắt tôi là chiếc nhẫn bọ hung, và khi tôi nhìn nó, con diều hâu dường như tách mình ra khỏi đó, lớn lên đến những kích thước khổng lồ đến nỗi chẳng bao lâu nó lấp đầy bầu trời. Nó lơ lửng trên đầu tôi, đôi

above me. I seemed to hear the words: “The hawk of thy protection,” and to my mind was recalled the ancient text: “And the shadow of his wings over thee is love....”

cánh dang rộng phía trên tôi. Tôi dường như nghe thấy những lời: “Con diều hâu bảo hộ của ngươi,” và trong trí tôi hiện về bản văn cổ: “Và bóng cánh của ngài phủ trên ngươi là tình thương....”

.....

.....

Yet when at length I found myself projected back into that past there was no scarab upon my finger nor any love in my heart, and the only protection 1 possessed was my own indomitable will. I stood at an upper window gazing over the flat roofs of a palace towards the faint line which marked the beginning of the desert. A full moon floated in a sky so darkly blue, yet so luminous, it seemed like a great inverted, jewelled bowl. The stars were pale in comparison with that livid light. I looked at them. Ah, if a man might reach the stars... but I was tied to earth, an earth which seemed to have nothing more to offer me since I could find nothing any longer therein upon which I might with profit and amusement exercise my powers of will.

Thế nhưng khi cuối cùng tôi thấy mình được phóng chiếu trở lại quá khứ ấy thì trên ngón tay tôi không có con bọ hung nào, cũng không có tình thương nào trong tim tôi, và sự bảo hộ duy nhất tôi có là ý chí bất khuất của chính mình. Tôi đứng ở một cửa sổ trên cao nhìn qua những mái bằng của một cung điện về phía đường mờ nhạt đánh dấu sự bắt đầu của sa mạc. Một vầng trăng tròn trôi trong bầu trời xanh thẫm đến mức, mà lại sáng rực đến mức, nó giống như một chiếc bát lớn nạm ngọc bị úp ngược. Các vì sao nhợt nhạt so với thứ ánh sáng tái nhợt ấy. Tôi nhìn chúng. A, giá một người có thể vươn tới các vì sao... nhưng tôi bị trói vào Trái Đất, một Trái Đất dường như không còn gì để hiến cho tôi nữa vì tôi không còn tìm thấy trong đó điều gì mà tôi có thể dùng quyền năng ý chí của mình lên đó một cách có lợi và thích thú.

Despite the fact that I was Pharaoh I was aware of a weariness so profound that it cannot be described. At that moment anything would have been welcome to my jaded spirit, even death. No, not death—since that meant the relinquishing of power. Death was defeat; death was the annihilation of that which was Myself. Power, victory, and the sense of myself as the very source of Will, of Being—as indeed almost a god, these could not be relinquished.

Mặc dù tôi là Pharaoh, tôi vẫn ý thức một sự mệt mỏi sâu xa đến mức không thể diễn tả. Trong khoảnh khắc ấy, bất cứ điều gì cũng sẽ được tinh thần rã rời của tôi hoan nghênh, ngay cả cái chết. Không, không phải cái chết—vì điều đó có nghĩa là từ bỏ quyền lực. Cái chết là thất bại; cái chết là sự hủy diệt của điều vốn là Chính Tôi. Quyền lực, chiến thắng, và cảm giác về chính mình như là nguồn cội của Ý Chí, của Bản Thể—quả thật gần như một vị thần, những điều ấy không thể bị từ bỏ.

I passed my hand across my forehead. My head was aching intolerably. Perhaps soon I would welcome even annihilation—there were worse things than that... I shuddered.

Tôi đưa tay ngang trán. Đầu tôi đau nhức không thể chịu nổi. Có lẽ chẳng bao lâu nữa tôi sẽ hoan nghênh ngay cả sự hủy diệt—có những điều còn tệ hơn thế... Tôi rùng mình.

From below, the sound of music and of laughter floated up on the scented air. I had retired from the banqueting hall some hours before leaving the revellers to their orgy. I

Từ bên dưới, tiếng nhạc và tiếng cười bay lên trong làn không khí thơm ngát. Tôi đã rời khỏi đại sảnh yến tiệc từ vài giờ trước, để mặc những kẻ vui chơi tiếp tục cuộc truỵ lạc của

had lately found myself satiated with such amusements, as indeed with every sensation evoked by lust, by battle and by sheer delight in cruelty to which at the beginning of my career 1 had madly abandoned myself.

chúng. Gần đây tôi thấy mình đã chán ngấy những thú vui như thế, cũng như mọi cảm giác được khơi dậy bởi dục vọng, bởi chiến trận và bởi chính niềm khoái lạc trong sự tàn nhẫn mà vào buổi đầu sự nghiệp tôi đã điên cuồng buông mình vào.

The Egyptians were not by nature cruel, but my mother had been a slave from one of those tribes of semi-savages worshipping a god called Javeh who loved blood sacrifice and whose priests inculcated cruelty and vengeance into their people's minds. Thus in my veins the more gentle blood of the culture-loving people of the Delta lands was mixed with the ruthless and passionate strain of a Hebrew woman.

Người Ai Cập vốn không tàn nhẫn theo bản chất, nhưng mẹ tôi là một nữ nô lệ thuộc một trong những bộ tộc bán man dã thờ một vị thần gọi là Javeh, đấng yêu thích hiến tế bằng máu và các tư tế của đấng ấy đã gieo vào tâm trí dân mình sự tàn nhẫn và lòng báo thù. Vì thế trong huyết quản tôi, dòng máu dịu hòa hơn của dân tộc yêu văn hóa ở vùng châu thổ đã pha trộn với dòng máu dữ dội và đầy đam mê của một người đàn bà Hebrew.

It was this perhaps, which had helped me to the throne. While the rest of Pharaoh's sons were weak, effeminate, easily succumbing to intrigue, I was hard as steel. I soon rose to be one of my father's most trusted generals. At that time Egypt was passing through one of her periods of temporary obscuration. But I dreamed of a united and victorious land with myself at its head. I did not intrigue against Pharaoh, I was far-sighted enough to perceive that there was no need to run such risks for he was his own worst enemy. When at length he was assassinated by one of his elder sons I swept in with loyal troops, captured the usurper, had him done to death and placed the rightful heir upon the throne. The fates played into my hands, as I, with foreknowledge, had well known they would do. In three months he was dead of a disease from which he had suffered long. The people of Egypt urged on by the High Priest, Besiurt, who saw in me the one man who could save the land from the gathering hordes of enemies, clamoured that I should accept the crown. The height of my ambition was achieved.

Có lẽ chính điều này đã giúp tôi lên ngôi. Trong khi những con trai khác của Pharaoh thì yếu đuối, ẻo lả, dễ dàng khuất phục trước mưu mô, tôi cứng như thép. Tôi nhanh chóng vươn lên thành một trong những vị tướng được cha tôi tin cậy nhất. Khi ấy Ai Cập đang trải qua một trong những thời kỳ lu mờ tạm thời của mình. Nhưng tôi mơ về một đất nước thống nhất và chiến thắng với chính mình ở vị trí đứng đầu. Tôi không mưu phản Pharaoh, tôi đủ nhìn xa để nhận ra rằng không cần phải liều lĩnh như thế vì ông là kẻ thù tệ hại nhất của chính mình. Cuối cùng khi ông bị một người con trai lớn hơn ám sát, tôi đem quân trung thành tràn vào, bắt giữ kẻ tiếm vị, xử tử hắn và đặt người thừa kế chính đáng lên ngai vàng. Số mệnh đã chơi đúng vào tay tôi, như tôi với sự biết trước đã hiểu rõ rằng chúng sẽ làm vậy. Trong ba tháng, ông ta chết vì một căn bệnh mà ông đã mắc từ lâu. Dân Ai Cập, được thúc đẩy bởi Đại Tư Tế Besiurt, người nhìn thấy nơi tôi con người duy nhất có thể cứu đất nước khỏi những đoàn quân thù đang tụ tập, đã ầm vang đòi tôi nhận vương miện. Đỉnh cao tham vọng của tôi đã đạt được.

Seven years I had been upon the throne. Egypt was at last at peace, her borders secure, her enemies terrified into acquiescence. But I was beset by subtler enemies. And since, by my very triumph, I had been condemned to comparative

Tôi đã ở trên ngai vàng bảy năm. Cuối cùng Ai Cập đã yên bình, biên cương của nàng được bảo vệ, kẻ thù của nàng bị làm cho kinh hãi đến mức phải thuận phục. Nhưng tôi lại bị vây bủa bởi những kẻ thù tinh vi hơn. Và vì chính chiến thắng của mình mà tôi đã bị

inaction, they had become more powerful and insidious. From a child 1 had been prone to strange seizures, to outbreaks of uncontrollable rage, to long periods of depression so profound that it was as if I were immersed in waves of darkness which cut me off from the light of the sun and from all contact with my kind. In these last years the symptoms had alarmingly increased. Seldom now did I sleep; and when I did my dreams were filled with such fearful visions that I was thankful to return to consciousness. In vain I had gone to priests and physicians; neither their craft nor their magical practices availed me anything.

kết án vào tình trạng tương đối bất động, nên chúng đã trở nên mạnh hơn và ngấm ngầm hơn. Từ thuở nhỏ tôi đã dễ bị những cơn phát tác kỳ lạ, những cơn giận dữ không thể kiểm soát, những giai đoạn trầm uất kéo dài sâu thẳm đến mức như thể tôi bị nhấn chìm trong những làn sóng tối tăm cắt đứt tôi khỏi ánh sáng mặt trời và khỏi mọi tiếp xúc với đồng loại. Trong những năm gần đây các triệu chứng đã gia tăng một cách đáng báo động. Giờ đây hiếm khi tôi ngủ; và khi ngủ, những giấc mơ của tôi đầy những linh ảnh kinh hoàng đến nỗi tôi biết ơn khi trở lại tâm thức tỉnh thức. Tôi đã vô ích tìm đến các tư tế và thầy thuốc; cả nghề nghiệp lẫn các thực hành huyền thuật của họ đều chẳng giúp ích gì cho tôi.

Yet I could not believe myself condemned thus to drift helplessly down to madness and death. That part of me which had driven on through a thousand difficulties knew that there could be no defeat for the man who did not doubt himself or his destiny. If these were demons that attacked me, then they could be exorcized. If my illness was caused by the Gods, then its cure must also be known to them. If there was no priest in Egypt wise enough to discover its causes and its remedy, then must I seek elsewhere and make my demand for help to beings greater and wiser than they. It seemed to me but a matter of right knowledge. Perhaps, I thought, the answer to my problem would turn out to be also the key to the very meaning of Life itself—a meaning which I had always vainly sought. And faced now with this awful menace, the conviction was forced upon me that I must indeed find the answer to my enigma—or perish.

Tuy vậy tôi không thể tin rằng mình bị kết án như thế để bất lực trôi dạt xuống cơn điên loạn và cái chết. Phần trong tôi đã thúc đẩy tiến lên qua ngàn khó khăn biết rằng không thể có thất bại cho người không nghi ngờ chính mình hay định mệnh của mình. Nếu đây là những quỷ ma tấn công tôi, thì chúng có thể bị trừ khử. Nếu bệnh của tôi do các Thượng đế gây ra, thì phương thuốc chữa nó hẳn cũng phải được các Ngài biết đến. Nếu ở Ai Cập không có tư tế nào đủ minh triết để khám phá nguyên nhân và phương thuốc của nó, thì tôi phải tìm nơi khác và đưa ra yêu cầu trợ giúp của mình với những hữu thể lớn lao và minh triết hơn họ. Với tôi dường như đó chỉ là vấn đề của tri thức đúng đắn. Có lẽ, tôi nghĩ, lời giải cho vấn đề của tôi cũng sẽ hóa ra là chiếc chìa khóa cho chính ý nghĩa của Sự sống—một ý nghĩa mà tôi luôn tìm kiếm vô vọng. Và giờ đây, đối diện với mối đe dọa khủng khiếp này, niềm xác tín đã bị ép buộc lên tôi rằng tôi quả thật phải tìm ra lời giải cho câu đố của mình—hoặc diệt vong.

My hands gripping the ledge with such intensity that the knuckles gleamed white in the moonlight, I leant forward, sending a wordless cry out into the night where Nut spanned the firmament with her shining body.

Hai tay bấu chặt bệ cửa đến mức các khớp ngón trắng lên dưới ánh trăng, tôi nghiêng người về phía trước, gửi một tiếng kêu không lời vào màn đêm nơi Nut giăng thân thể sáng ngời của bà qua vòm trời.

A burst of music and laughter was my only reply. Rage swept me like a flame. I swung

Một tràng nhạc và tiếng cười là câu trả lời duy nhất của tôi. Cơn giận quét qua tôi như

round, strode to the doorway and with one wrench tore the curtain from its hanging. A terrified sentry confronted me.

ngọn lửa. Tôi quay phắt lại, sải bước đến khung cửa và chỉ với một cú giật đã xé tấm rèm khỏi chỗ treo. Một lính canh kinh hãi đối diện tôi.

"Go down," I cried, "bid those fools cease. Clear the tables, throw them all out. And tell them that, by all the Gods of Egypt, if I hear one sound more from any man or woman, they will be flung into the lions' pit."

"Xuống dưới đi," tôi quát, "bảo lũ ngu ấy im ngay. Dọn sạch bàn tiệc, tống hết chúng ra ngoài. Và bảo chúng rằng, nhân danh tất cả các Thượng đế của Ai Cập, nếu ta còn nghe thêm một âm thanh nào nữa từ bất kỳ nam hay nữ nào, chúng sẽ bị quăng vào hố sư tử."

The man prostrated himself, trembling. "The good God is obeyed," he muttered, and fled down the passage to do my bidding.

Người ấy phủ phục xuống, run rẩy. "Thiện Thần được vâng lời," y lẩm bẩm, rồi chạy dọc hành lang để thi hành mệnh lệnh của tôi.

I returned to the window. From one moment to the next the uproar ceased and I was left alone with the quiet night.

Tôi trở lại cửa sổ. Chỉ từ khoảnh khắc này sang khoảnh khắc kế tiếp, tiếng ồn ào đã dứt và tôi bị bỏ lại một mình với đêm tĩnh lặng.

I was still shaking, but now it was with fear rather than with anger. Through my head I felt the drive as of fiery swords, forerunners of a fresh attack from my secret enemies. Ah, were all my triumphs to come to this? What avail my lifelong struggle for power if it was to end in a limbo of madness and satiety?

Tôi vẫn còn run, nhưng giờ đây là vì sợ hãi hơn là vì giận dữ. Trong đầu tôi cảm thấy sự thúc ép như của những thanh gươm lửa, điềm báo của một cơn tấn công mới từ những kẻ thù bí mật của tôi. A, phải chăng mọi chiến thắng của tôi sẽ đi đến chỗ này? Cuộc đấu tranh suốt đời của tôi để giành quyền lực có ích gì nếu nó phải kết thúc trong một cõi limbo của điên loạn và chán chường?

The silence now was more agonizing to me than the music and the laughter. I could endure it no more. I left the chamber and passing rapidly down the passages which connected the Palace with the Temple, came at length to the apartments of the High Priest, Besiurt.

Giờ đây sự im lặng còn làm tôi đau đớn hơn cả tiếng nhạc và tiếng cười. Tôi không thể chịu nổi nó thêm nữa. Tôi rời căn phòng và đi nhanh qua những hành lang nối Cung điện với Đền thờ, cuối cùng đến các gian phòng của Đại Tư Tế, Besiurt.

He was working tonight upon the roof of the Temple in a small chamber built with twelve sides, each dedicated to one of the Signs of the Zodiac, through the windows of which, it was said, he had power to command the emanations from the Signs to flow.

Đêm nay ông đang làm việc trên mái Đền trong một căn phòng nhỏ xây mười hai mặt, mỗi mặt được hiến dâng cho một trong các dấu hiệu hoàng đạo, qua những cửa sổ của nó, người ta nói rằng ông có quyền năng truyền lệnh cho các phát xạ từ các Dấu Hiệu tuôn chảy.

He rose to greet me, bowing ceremoniously; but the eyes in the stern and emaciated face were cold.

Ông đứng dậy đón tôi, cúi chào theo nghi thức; nhưng đôi mắt trong gương mặt nghiêm khắc và gầy guộc thì lạnh lẽo.

"I was studying the movements of the

"Ta đang nghiên cứu các chuyển động của

planets," he announced, "but if Pharaoh desires speech with me, I will listen."

các hành tinh," ông tuyên bố, "nhưng nếu Pharaoh muốn nói chuyện với ta, ta sẽ lắng nghe."

His arrogance nettled me. "Perchance the planets can answer my questions, since the Gods remain silent—or is it that the priests can no longer decipher the heavenly heiroglyphics?" I went to one of the embrasures and looked out over the sleeping city.

Sự ngạo mạn của ông làm tôi bực tức. "Có lẽ các hành tinh có thể trả lời những câu hỏi của ta, vì các Thượng đế vẫn im lặng—hay là các tư tế không còn giải được những thiên tượng chữ tượng hình nữa?" Tôi bước đến một ô cửa lõm và nhìn ra thành phố đang ngủ.

"Pharaoh stands beneath the Sign of the Fish," came Besiurt's quiet voice behind me. "It is the symbol of an age which is of the far future. Does Pharaoh wish me to tell him how he will incarnate then? But mayhap it is better not to know, he might be a beggar—or a woman...."

"Pharaoh đứng dưới dấu hiệu của Con Cá," giọng nói trầm tĩnh của Besiurt vang lên sau lưng tôi. "Đó là biểu tượng của một thời đại thuộc tương lai xa xôi. Pharaoh có muốn ta nói cho ngài biết ngài sẽ lâm phàm thế nào khi ấy không? Nhưng có lẽ tốt hơn là đừng biết, ngài có thể là một kẻ ăn mày—hay một người đàn bà...."

I swung round thrusting my face, as dark and stern as his own, close to him. "I do not come here for idle prognostications, but for truth; can you give it me?"

Tôi quay phắt lại, dí gương mặt tối sầm và nghiêm khắc của mình sát vào ông. "Ta không đến đây vì những lời tiên đoán vô ích, mà vì chân lý; ông có thể cho ta điều đó không?"

"Truth? I have known men killed for even hinting at truth in the presence of a king."

"Chân lý ư? Ta đã biết những người bị giết chỉ vì hé gợi đến chân lý trước mặt một vị vua."

"You are more like to die if you withhold it." I pointed to the rolls of papyrus upon the table. "You were to study once more the chart of my Stars. Have they aught to tell me?"

"Nếu ông giữ lại nó thì ông càng dễ chết hơn." Tôi chỉ vào những cuộn giấy cói trên bàn. "Ông đã phải nghiên cứu lại lá số các Vì Sao của ta. Chúng có điều gì để nói với ta không?"

He hesitated and his eyes slipped away from mine.

Ông ngần ngại và mắt ông lảng khỏi mắt tôi.

"I have been meditating long upon it," he muttered, "but the secret evades me still. There are strange aspects there, I know not what they may bring. They form from the houses of the higher and lower mind."

"Ta đã tham thiền rất lâu về nó," ông lẩm bẩm, "nhưng bí mật vẫn lẩn tránh ta. Ở đó có những góc hợp lạ lùng, ta không biết chúng có thể mang đến điều gì. Chúng hình thành từ các nhà của thượng trí và hạ trí."

"The mind? Speak, I do not fear. Might that mean— madness?"

"Trí tuệ ư? Hãy nói đi, ta không sợ. Điều đó có thể có nghĩa là—điên loạn chăng?"

"I do not know. With some it might manifest as an expansion, a pouring down of spiritual force. But with you—" there was scarcely-

"Ta không biết. Với một số người, nó có thể biểu hiện như một sự mở rộng, một sự tuôn đổ của mãnh lực tinh thần. Nhưng với ngài

veiled scorn in his voice, “how could it mean that with you, who are not one of Us?”

—” trong giọng ông có sự khinh miệt hầu như không che giấu, “làm sao điều đó có thể có nghĩa như thế với ngài, kẻ không phải là một trong Chúng Ta?”

His words had stirred me so profoundly that I was hardly aware of his arrogance. I sank into a chair and sat for a little while brooding deeply. Could that mean then that I should receive some enlightenment through which I might be enabled to do battle with my fell disease? Understanding or madness—these seemed the alternatives.

Lời ông đã khuấy động tôi sâu xa đến mức tôi hầu như không nhận ra sự ngạo mạn của ông. Tôi ngồi xuống ghế và trầm ngâm sâu sắc một lúc. Vậy thì điều đó có thể có nghĩa là tôi sẽ nhận được một sự soi sáng nào đó nhờ đó tôi có thể được giúp để chiến đấu với căn bệnh ghê gớm của mình chăng? Thấu hiểu hay điên loạn—đó dường như là hai khả năng.

Presently I looked up. “Besiurt,” I said, “tonight I would open my heart to you, not as Pharaoh to priest, but as man to man. I know that you still scorn me as an upstart, but I would remind you that, without the fear of my right hand, Egypt would swiftly fall into anarchy; should I die now there is not one general, not one prince of the royal line who could defend the land. Yet I am dying; I am rapidly being overwhelmed, destroyed. You know of this, but you do not know all. During the last three years I have been daily growing more afraid, I, who have never known what fear was; for I seem to myself now to be two persons; it is as if some terrible enemy had made his habitation in the citadel of my body who grows ever stronger, gradually conquering my will.”

Một lúc sau tôi ngước lên. “Besiurt,” tôi nói, “đêm nay ta muốn mở lòng với ông, không phải như Pharaoh với tư tế, mà như người với người. Ta biết ông vẫn khinh ta như một kẻ mới phất, nhưng ta muốn nhắc ông rằng, nếu không có nỗi sợ đối với cánh tay phải của ta, Ai Cập sẽ nhanh chóng rơi vào vô chính phủ; nếu ta chết lúc này thì không có lấy một vị tướng, không có lấy một hoàng tử nào của dòng dõi hoàng gia có thể bảo vệ đất nước. Thế nhưng ta đang chết; ta đang nhanh chóng bị nhấn chìm, bị hủy hoại. Ông biết điều này, nhưng ông không biết tất cả. Trong ba năm qua ta ngày một trở nên sợ hãi hơn, ta, kẻ chưa từng biết sợ là gì; vì giờ đây ta thấy mình như là hai con người; như thể một kẻ thù khủng khiếp nào đó đã dựng chỗ ở của hắn trong thành trì của thể ta và ngày càng mạnh hơn, dần dần chinh phục ý chí của ta.”

I sprang to my feet and began pacing up and down the chamber. “You, immersed in your ceremonies, brooding over your planets and your calculations, you do not know the burnings of lust, the torments of unsatisfied ambitions, the fierce passions of battle and of the chase; nor do you know the desolation of satiety, the weariness of inaction, the terror of realizing that one’s will is weakening and that no more will one be master of all these manifestations of life. Ah, to look ahead and see...

Tôi bật dậy và bắt đầu đi đi lại lại trong phòng. “Ông, chìm đắm trong những nghi lễ của mình, ủ ê bên các hành tinh và các phép tính của mình, ông không biết những thiêu đốt của dục vọng, những dày vò của tham vọng không được thỏa mãn, những đam mê dữ dội của chiến trận và săn đuổi; ông cũng không biết sự hoang vắng của chán chường, sự mệt mỏi của bất động, nỗi kinh hoàng khi nhận ra rằng ý chí của mình đang suy yếu và rồi sẽ không còn làm chủ được tất cả những biểu hiện này của sự sống nữa. A, nhìn về phía trước và thấy...”

I broke off and sank shuddering into the chair. “Of what use to be Pharaoh, to be the

Tôi ngừng lại và rùng mình ngồi phịch xuống ghế. “Có ích gì khi là Pharaoh, là quyền

greatest power on earth, unless one has power over oneself? Yet how may a man discover this power? What is its essence?" I strode up to him clenching my hands over my head. "I tell you, Besiurt, there is more than my life at stake in this—aye more than my sanity. For I feel over me a menace greater than that of the mere destruction of the body. I cannot tell you what I mean, for I do not myself understand it. It is as if I were faced, not with death—that matters little since we live again—but with a greater death —the annihilation—if that were possible—of my whole self, my very soul. Could such a thing be, Besiurt? To be destroyed utterly and without hope, so that not all the magical texts, not all the skill of priests and embalmers, nothing—nothing could prevail. It is this I feel. What have I done to deserve such a fate?"

lực lớn nhất trên Trái Đất, nếu một người không có quyền lực trên chính mình? Nhưng làm sao một người có thể khám phá ra quyền lực này? Bản chất của nó là gì?" Tôi sải đến chỗ ông, hai tay siết chặt trên đầu. "Ta nói cho ông biết, Besiurt, trong chuyện này có nhiều hơn cả mạng sống của ta bị đe dọa—vâng, nhiều hơn cả sự tỉnh trí của ta. Vì ta cảm thấy trên đầu mình một mối đe dọa lớn hơn sự hủy diệt đơn thuần của thể xác. Ta không thể nói cho ông biết ta muốn nói gì, vì chính ta cũng không hiểu. Như thể ta đang đối diện, không phải với cái chết—điều đó chẳng đáng kể vì chúng ta lại sống nữa—mà với một cái chết lớn hơn—sự hủy diệt—nếu điều đó có thể—của toàn bộ bản thân ta, của chính linh hồn ta. Điều đó có thể xảy ra chăng, Besiurt? Bị hủy diệt hoàn toàn và không hy vọng, đến nỗi không phải tất cả các bản văn huyền thuật, không phải tất cả kỹ năng của các tư tế và những người ướp xác, không gì—không gì có thể thắng nổi. Chính điều này ta cảm thấy. Ta đã làm gì để đáng chịu một số phận như thế?"

He had gone pale, as if he too felt the breath of doom; his eyes evaded mine. Looking at him I was seized once more with this abysmal despair. What did it mean? I controlled my rising sense of panic fear which threatened to overwhelm me and continued more calmly:

Ông đã tái mặt, như thể chính ông cũng cảm thấy hơi thở của định mệnh; mắt ông tránh mắt tôi. Nhìn ông, tôi lại bị chộp lấy bởi nỗi tuyệt vọng thăm thẳm ấy. Điều đó có nghĩa gì? Tôi khống chế cảm giác hoảng loạn đang dâng lên đe dọa nhấn chìm mình và tiếp tục bình tĩnh hơn:

" You spoke of future ages—it is of this future that I must feel secure. I have power now, but I must know the secret of a power that will endure through all my lives—that will give me an eternity of power. What is Egypt? What is the present? A little strip of land—a few short years. There are vaster lands—there is the untold and unimaginable future! 'Tis of all this I must be master; I must hold everything, not in hands that will drop to dust, but by some other binding force, the strength of my will which must be imperishable. There is some secret—I know it; a secret of eternal life—the mystery of Ra, God of the Eternal Sun: I believe I might be cured, not only of my disease, not of the threat of madness, but of this—fear, could I

"Ông đã nói về những thời đại tương lai—chính về tương lai này mà ta phải cảm thấy an ổn. Ta có quyền lực bây giờ, nhưng ta phải biết bí mật của một quyền lực sẽ bền vững qua mọi kiếp sống của ta—sẽ cho ta một vĩnh cửu của quyền lực. Ai Cập là gì? Hiện tại là gì? Một dải đất nhỏ—một vài năm ngắn ngủi. Có những miền đất rộng lớn hơn—có tương lai không thể kể xiết và không thể tưởng tượng! Chính tất cả điều đó ta phải làm chủ; ta phải nắm giữ mọi thứ, không phải trong những bàn tay sẽ rơi thành bụi, mà bằng một mãnh lực ràng buộc khác, sức mạnh của ý chí ta, thứ phải là bất diệt. Có một bí mật nào đó—ta biết điều đó; một bí mật của sự sống vĩnh cửu—huyền nhiệm của Ra, Thượng đế của Mặt Trời Vĩnh Cửu: ta tin rằng ta có thể được

but tear aside the veil which hides it from my knowledge." I drew my hand across my eyes. "To be powerless... to be unable to do anything... Yet it is within me, in my own heart that the canker hides, the germ of death—the destroyer; in me—and I must perish if I cannot cast it out! There must be some way of escape. Why should I, of all men, be denied this knowledge? Is there no GOD who will come down and give me the key to this enigma of my being?"

chữa lành, không chỉ khỏi bệnh tật của ta, không chỉ khỏi mối đe dọa điên loạn, mà còn khỏi nỗi—sợ hãi này, nếu ta chỉ có thể xé toang bức màn che giấu nó khỏi tri thức của ta." Tôi đưa tay ngang mắt. "Bất lực... không thể làm được gì... Thế nhưng nó ở trong ta, trong chính tim ta mà vết ung nhọt ẩn náu, mầm mống của cái chết—kẻ hủy diệt; ở trong ta—và ta phải diệt vong nếu không thể tống nó ra! Phải có một con đường thoát. Tại sao ta, trong tất cả mọi người, lại bị từ chối tri thức này? Không có THƯỢNG ĐẾ nào sẽ hạ xuống và trao cho ta chiếc chìa khóa của câu đố về bản thể ta sao?"

I ceased. I found I was shaking from head to foot. My body was filled with pain, my head stabbing fire; but I would not succumb. I drew close to him and saw that he shrank before the madness in my eyes. "I command you," I cried, "I, Pharaoh, that you reveal to me the truth, that you lay bare to me the secrets. For know them I will."

Tôi ngừng lại. Tôi thấy mình đang run từ đầu đến chân. Thể tôi đầy đau đớn, đầu tôi như bị lửa đâm xuyên; nhưng tôi không chịu khuất phục. Tôi tiến sát ông và thấy ông co lại trước cơn điên trong mắt tôi. "Ta ra lệnh cho ông," tôi kêu lên, "ta, Pharaoh, rằng ông phải mặc khải cho ta chân lý, phải phơi bày cho ta những bí mật. Vì ta sẽ biết chúng."

He stood immobile, his cold, snake-like eyes half closed. Between us was the table covered with rolls of papyrus, strange instruments and blocks inscribed with ancient Chaldean script; I looked at them idly but my mind was probing into his. Presently I saw his lips moving, he seemed unaware that he was murmuring his thoughts aloud.

Ông đứng bất động, đôi mắt lạnh như rắn khép hờ. Giữa chúng tôi là chiếc bàn phủ đầy những cuộn giấy cói, những dụng cụ lạ và những khối đá khắc chữ Chaldea cổ; tôi nhìn chúng một cách lơ đãng nhưng trí tôi đang dò sâu vào trí ông. Một lúc sau tôi thấy môi ông động đậy, dường như ông không biết rằng mình đang lẩm bẩm thành tiếng những ý nghĩ của mình.

"He would not permit it...." I heard. "He would not reveal anything to him...."

"Ngài ấy sẽ không cho phép...." tôi nghe thấy. "Ngài ấy sẽ không mặc khải điều gì cho hắn...."

"Of whom do you speak?" I asked sharply.

"Ông đang nói về ai?" tôi hỏi gắt.

Startled, as a man stirred from a trance, he opened his eyes.

Giật mình như một người bị lay tỉnh khỏi cơn xuất thần, ông mở mắt.

"Of no man," he stammered, "I was communing with the Gods."

"Không về người nào cả," ông lắp bắp, "ta đang giao cảm với các Thượng đế."

I laughed scornfully. "The Gods? No, no. You spoke of 'him.' Who is he who would dare to refuse my request?"

Tôi cười khinh bỉ. "Các Thượng đế ư? Không, không. Ông đã nói về 'ngài ấy.' Ai là kẻ dám từ chối yêu cầu của ta?"

"I spoke of Ra, the Most High."

"Ta nói về Ra, Đấng Tối Cao."

“You spoke of a man! Who is this who would set himself against me? Are you a traitor?” I drew my dagger and advanced upon him; he stepped back in alarm.

“Ông nói về một người! Kẻ này là ai mà dám chống lại ta? Ông là kẻ phản bội sao?” Tôi rút dao găm và tiến về phía ông; ông lùi lại trong kinh hãi.

“Pharaoh,” he cried, “I swear I am no traitor. Did I not set you upon the throne? Should I seek to pull you down?”

“Pharaoh,” ông kêu lên, “ta thề ta không phải kẻ phản bội. Chẳng phải chính ta đã đặt ngài lên ngai vàng sao? Lẽ nào ta lại tìm cách kéo ngài xuống?”

“You’ll have no opportunity,” I said grimly, “for unless you tell me who this man is, by Set and the two and forty gods of the Underworld I swear that you will die and all your priests with you.” I felt within me rising now the red tide of passion, tearing at me with a very madness of rage. “Aye,” I cried, “and I will raze every temple in Egypt to the ground, I will torture the priesthood man by man till I discover who it is of whom you speak as if he, and not I, were Ruler in Egypt.”

“Ông sẽ không có cơ hội đâu,” tôi lạnh lùng nói, “vì trừ phi ông nói cho ta biết người ấy là ai, nhân danh Set và bốn mươi hai vị thần của Âm phủ, ta thề rằng ông sẽ chết và tất cả các tư tế của ông cũng vậy.” Tôi cảm thấy trong mình lúc này dâng lên thủy triều đỏ của đam mê, xé nát tôi bằng chính cơn điên của giận dữ. “Phải,” tôi kêu lên, “và ta sẽ san bằng mọi đền thờ ở Ai Cập xuống đất, ta sẽ tra tấn hàng tư tế từng người một cho đến khi ta khám phá ra kẻ mà ông nói đến như thể hắn, chứ không phải ta, mới là người cai quản Ai Cập.”

He had retreated before me into one of the twelve embrasures; now I caught him by the throat and thrust him back against the sill.

Ông đã lùi trước tôi vào một trong mười hai ô cửa lõm; giờ đây tôi chộp lấy cổ họng ông và đẩy ông ngửa ra bệ cửa.

“I will cast you hence,” I said, smiling into his face. “Think you I fear priest or god or devil? I will destroy whatsoever cometh between me and my will.”

“Ta sẽ quăng ông xuống từ đây,” tôi nói, mỉm cười vào mặt ông. “Ông nghĩ ta sợ tư tế hay thần hay quỷ sao? Ta sẽ hủy diệt bất cứ điều gì xen giữa ta và ý chí của ta.”

I forced him further towards the void, until his choking voice reached me.

Tôi ép ông xa hơn về phía khoảng không, cho đến khi giọng nghẹn của ông vọng đến tôi.

“Loose me, and I will speak.”

“Thả ta ra, và ta sẽ nói.”

I loosed him, and as he walked with what dignity he could muster towards the table, I saw his eyes were filled with sullen hatred and knew I had made a dangerous enemy; but this did not trouble me over much for I was well aware that he needed me more, if anything, than I needed him.

Tôi thả ông ra, và khi ông bước với chút phẩm giá ít ỏi còn gom góp được về phía chiếc bàn, tôi thấy mắt ông đầy hận thù âm ỉ và biết rằng tôi đã tạo ra một kẻ thù nguy hiểm; nhưng điều đó không làm tôi bận tâm lắm vì tôi biết rất rõ rằng nếu có gì thì ông cần tôi hơn tôi cần ông.

“If I speak,” he said at length, “it is not, O, Pharaoh, because I am afraid of death, but rather because I fear what you in the madness of your rage may do to the land I love. I was indeed speaking of a man; but of

“Nếu ta nói,” cuối cùng ông lên tiếng, “thì không phải, hỡi Pharaoh, vì ta sợ cái chết, mà đúng hơn vì ta sợ điều ngài trong cơn điên giận có thể làm với đất nước mà ta yêu. Quả thật ta đang nói về một người; nhưng là về

one who is as far above me and you as we are above the peasant working in the field. Only the Initiate Kings and Priests may know even of his existence. You are not one of these, therefore were not considered fit to be allowed access to the Fount of Egypt's wisdom. He, the true Ruler of Egypt, the Great High Priest, of whom I am but a shadow reveals himself only to the pure, the hereditary Sons of the Sun—they who have been initiated by divine right into the most Sacred Mysteries. Without his will you would not be what you are. For know, O, upstart King, it was at his command we chose you. He knew that none but you could at that time bring peace to this sorely harassed land. When the Double Crown was placed upon your head and you were sanctified King and God, he, invisible to you, stood by your side and gave you his blessing. He spoke to your soul and laid upon you the task of ruling Egypt well and wisely until the time was ripe for one of the true royal blood, a priest and Initiate, to step into your place. You accepted that trust. Woe betide you if you break faith with him."

một người cao vượt trên ta và ngài cũng như chúng ta cao vượt trên người nông dân làm việc ngoài đồng. Chỉ các Vua và Tư Tế Điểm đạo mới được biết đến cả sự hiện hữu của ngài ấy. Ngài không phải là một trong số đó, vì vậy ngài không được xem là xứng đáng để được phép tiếp cận Nguồn Mạch minh triết của Ai Cập. Ngài ấy, vị Cai Quản chân chính của Ai Cập, vị Đại Tư Tế Vĩ Đại, mà ta chỉ là cái bóng, chỉ mặc khải chính mình cho những người thanh khiết, những Người Con của Mặt Trời theo huyết thống—những người đã được điểm đạo bởi quyền thiêng liêng vào các Huyền Nhiệm thiêng liêng nhất. Nếu không có ý chí của ngài ấy, ngài đã không là điều ngài đang là. Vì hãy biết, hỡi vị vua mới phất, chính theo lệnh của ngài ấy mà chúng ta đã chọn ngài. Ngài ấy biết rằng ngoài ngài ra không ai có thể vào thời điểm đó mang lại hòa bình cho mảnh đất bị giày vò nặng nề này. Khi Vương Miện Kép được đặt lên đầu ngài và ngài được thánh hiến làm Vua và Thần, ngài ấy, vô hình đối với ngài, đã đứng bên cạnh ngài và ban phúc lành cho ngài. Ngài ấy đã nói với linh hồn ngài và đặt lên ngài nhiệm vụ cai trị Ai Cập một cách tốt đẹp và minh triết cho đến khi thời cơ chín muồi để một người thuộc dòng máu hoàng gia chân chính, một tư tế và điểm đạo đồ, bước vào chỗ của ngài. Ngài đã chấp nhận sự ủy thác ấy. Khốn cho ngài nếu ngài thất tín với ngài ấy."

I sat for a while in silence. I knew that he spoke truth and was sobered by the knowledge; the madness had left me faint and exhausted.

Tôi ngồi im lặng một lúc. Tôi biết ông nói thật và được làm cho tỉnh lại bởi tri thức ấy; cơn điên đã rời tôi, để lại tôi yếu lả và kiệt sức.

"Could he tell me the secret of myself?" I asked presently.

"Ngài ấy có thể nói cho ta bí mật về chính ta không?" một lúc sau tôi hỏi.

"There is nothing he could not tell you," the priest replied.

"Không có gì mà ngài ấy không thể nói cho ngài," vị tư tế đáp.

I rose. "Then reveal to me his dwelling place; I will go to him there."

Tôi đứng dậy. "Vậy thì hãy cho ta biết nơi ở của ngài ấy; ta sẽ đến với ngài ấy ở đó."

He looked startled. "It is impossible, O, Pharaoh."

Ông nhìn tôi sửng sốt. "Điều đó là không thể, ôi, Pharaoh."

I smiled and laid my hand upon my dagger,

Tôi mỉm cười và đặt tay lên chuôi găm,

“Impossible? I do not know the word. Must I repeat my arguments of a few moments since?”

“Không thể ư? Ta không biết đến từ ấy. Ta có phải lặp lại những lý lẽ của ta cách đây ít phút không?”

He raised his hand. “It is useless. I do not know it. No one knows it. He comes and goes at will, revealing himself only at times of need through priests and oracles. If you razed every temple and dwelling in Egypt to the ground, if you destroyed every rock and tomb, you would not find him if he did not so choose.”

Ông giơ tay lên. “Vô ích thôi. Tôi không biết điều đó. Không ai biết điều đó. Ông ấy đến và đi theo ý muốn, chỉ tự biểu lộ vào những lúc cần thiết qua các tu sĩ và các lời sấm. Dù bệ hạ có san bằng mọi đền đài và nơi cư ngụ ở Ai Cập xuống tận nền đất, dù bệ hạ có phá hủy mọi tảng đá và mọi lăng mộ, bệ hạ cũng sẽ không tìm ra ông ấy nếu chính ông ấy không muốn như vậy.”

Once again I recognized the voice of truth. But his words had given me an inspiration. I pretended acquiescence. “So be it then; but remember, I cannot be expected to fulfil those vows if I be mad or dead, and again I tell you I cannot endure much longer. I am a man, although I be called a god. I need sleep, I need a respite from pain, from the fire which devours me. I have the will, if I but knew how to use it upon myself. It might be better for you all if you could prevail on him to show me the way.”

Một lần nữa tôi nhận ra tiếng nói của chân lý. Nhưng lời ông đã cho tôi một cảm hứng. Tôi giả vờ thuận theo. “Vậy thì cứ thế đi; nhưng hãy nhớ rằng, không thể mong ta thực hiện những lời thề ấy nếu ta điên loạn hoặc đã chết, và ta lại nói với ông rằng ta không thể chịu đựng lâu hơn nữa. Ta là một con người, dù ta được gọi là một vị thần. Ta cần ngủ, ta cần được tạm nghỉ khỏi đau đớn, khỏi ngọn lửa đang thiêu đốt ta. Ta có ý chí, giá như ta biết dùng nó lên chính mình. Có lẽ sẽ tốt hơn cho tất cả các ông nếu các ông có thể thuyết phục ông ấy chỉ cho ta con đường.”

I turned and left him, passing out through the main court of the Temple. I felt I must be alone to meditate upon this amazing revelation. I called no guards. I did not need them. I feared no robbers or assassins, for I was a full head taller than the majority of my subjects and so strong that once when roused I had slain a lion with my bare hands. Moreover I was plainly clad, only the narrow band of gold encircle by the uraeus upon my brow proclaiming my rank.

Tôi quay đi và rời khỏi ông, bước ra qua sân chính của Đền thờ. Tôi cảm thấy mình phải ở một mình để tham thiền về sự mặc khải kỳ lạ này. Tôi không gọi lính canh nào. Tôi không cần họ. Tôi không sợ bọn cướp hay thích khách, vì tôi cao hơn phần lớn thần dân của mình đến cả một cái đầu và mạnh đến mức đã có lần, khi bị kích động, tôi giết một con sư tử bằng tay không. Hơn nữa tôi ăn mặc rất giản dị, chỉ có dải vàng hẹp quấn quanh bởi uraeus trên trán là biểu lộ địa vị của tôi.

I passed through the flower gardens. It was nearly dawn. A few faint bird-notes fluted upon the air. Soon the boat of Ra would rise above the horizon flooding the world in the glory of his presence. I came out upon the banks of the Nile. Here were drawn up barges which had been used to transport a colossal statue of myself from the quarries. It rested now upon its runners, and as the light broke upon the world, the flaming rose

Tôi đi qua những vườn hoa. Trời gần sáng. Vài tiếng chim mờ nhạt ngân lên trong không khí. Chẳng bao lâu nữa thuyền của Ra sẽ nhô lên khỏi chân trời, tràn ngập thế gian trong vinh quang của sự hiện diện của ngài. Tôi ra đến bờ sông Nile. Ở đây có những xà lan từng được dùng để chở một pho tượng khổng lồ của chính tôi từ các mỏ đá về. Giờ đây nó nằm trên các thanh trượt của nó, và khi ánh sáng bừng lên trên thế gian, sắc hồng

was reflected upon the still face. I leant against it looking upward. This was myself. To unborn generations this would represent what I had been. I had bidden them make it life-like, and now the fierce face with its hawk-like nose, its narrow lips and drooping eyelids gazed remotely out upon the world. It would live, but as for me, what would become of my spirit? Once more the intolerable fear and depression descended, stifling thought, hope and life.

rực lửa phản chiếu trên gương mặt tĩnh lặng ấy. Tôi tựa vào đó và ngước nhìn lên. Đây là chính tôi. Đối với những thế hệ chưa sinh ra, pho tượng này sẽ tượng trưng cho con người mà tôi đã từng là. Tôi đã truyền cho họ làm nó giống như thật, và giờ đây gương mặt dữ dội với chiếc mũi như mỏ chim ưng, đôi môi mỏng và mí mắt rũ xuống đang nhìn xa xăm ra thế gian. Nó sẽ sống, nhưng còn tôi, tinh thần của tôi sẽ ra sao? Một lần nữa nỗi sợ hãi và u uất không thể chịu nổi lại giáng xuống, bóp nghẹt tư tưởng, hy vọng và sự sống.

I turned away and with lagging footsteps returned to my own place.

Tôi quay đi và với những bước chân nặng nề trở về nơi ở của mình.

When all the pressing business of the morning had been attended to I retired to my private apartments and called for the Queen.

Khi mọi công việc cấp bách của buổi sáng đã được giải quyết xong, tôi lui vào tư thất và cho gọi Hoàng hậu.

To validate my claim to the throne when I was made King, I had married my half-sister, daughter of Pharaoh and the Royal wife, but on her death shortly afterwards, I made Re-shep-sut, daughter of my mother, Queen in her place despite much opposition from the priesthood and the people, who believed her to be a sorceress. She was the one being I felt I could trust, for besides being of use to me through her magical powers, there had always been a link of admiration between us.

Để hợp thức hóa quyền đòi ngai vàng của tôi khi tôi được lập làm Vua, tôi đã cưới người em gái cùng cha khác mẹ của mình, con gái của Pharaoh và Chính hậu, nhưng sau khi nàng qua đời không lâu sau đó, tôi đã lập Re-shep-sut, con gái của mẹ tôi, làm Hoàng hậu thay chỗ nàng bất chấp nhiều sự phản đối từ giới tu sĩ và dân chúng, những kẻ tin rằng nàng là một phù thủy. Nàng là sinh thể duy nhất mà tôi cảm thấy mình có thể tin cậy, vì ngoài việc hữu ích cho tôi nhờ các quyền năng huyền thuật của nàng, giữa chúng tôi từ lâu vẫn luôn có một mối dây liên kết của sự ngưỡng mộ.

I told her briefly what had occurred and outlined my plan to her. She sat for a little while in thought, and I contemplated her with pleasure, for she was beautiful and fierce like some half-tamed panther.

Tôi kể ngắn gọn cho nàng điều đã xảy ra và phác ra kế hoạch của tôi. Nàng ngồi trầm ngâm một lúc, còn tôi ngắm nàng với thích thú, vì nàng đẹp và dữ dội như một con báo cái mới được thuần hóa một nửa.

“I am afraid, I know not why,” she admitted. “I feel even we, versed in magic as we are, may not be strong enough to accomplish this thing.”

“Em sợ, em không biết vì sao,” nàng thú nhận. “Em cảm thấy ngay cả chúng ta, dù tinh thông huyền thuật như thế, cũng có thể không đủ mạnh để hoàn thành việc này.”

I smiled. “Not alone.” I dropped my voice. “The moon is full tonight; gain access to Net-Ka’s apartments, drug her guardians and bring her to me.”

Tôi mỉm cười. “Không phải một mình.” Tôi hạ thấp giọng. “Đêm nay trăng tròn; hãy tìm cách vào phòng của Net-Ka, đánh thuốc mê những người canh giữ nàng và đưa nàng đến cho ta.”

Net-Ka was another daughter of my father, and between her and Re-shep-sut there had always been an extraordinary bond of affection despite their differences in temperament. For from her birth Net-Ka had been the chosen mouthpiece of the gods, their Oracle and Seer. Brought up in the Temple, surrounded and guarded by a band of priestess virgins, she was used only upon solemn occasions when some important message was to be given to the High Priest, and on special feast days when she was consulted by the rulers and governors of the land. Delicate in body, with a childlike and gracious mind, she clung to Re-shep-sut with such passion that for the sake of her happiness and because her every whim was gratified, they were allowed often to see each other. Thus it had come about that once or twice I too had been enabled to avail myself of her unique mediumistic powers for my own purposes, for it had not been difficult through our secret arts to smuggle her out of her apartments to a small summerhouse in the gardens where was the chamber we used for our magical invocations. No men, save sanctified priests, were ever allowed in her presence at ordinary times, but such was her blind love for Re-shep-sut, that she had been willing to risk the dreadful penalties which would have befallen her had her participation in our secret rites become known.

Net-Ka là một người con gái khác của cha tôi, và giữa nàng với Re-shep-sut từ lâu vẫn luôn có một mối dây yêu thương khác thường bất chấp sự khác biệt về tính khí. Vì từ khi sinh ra, Net-Ka đã là phát ngôn nhân được các thần chọn lựa, là Nhà Tiên Tri và Nhà thông nhãn của các ngài. Được nuôi dạy trong Đền thờ, được bao quanh và canh giữ bởi một nhóm nữ tu đồng trinh, nàng chỉ được dùng vào những dịp long trọng khi một thông điệp quan trọng cần được truyền cho Vị Đại Tư Tế, và vào những ngày lễ đặc biệt khi nàng được các nhà cai trị và thống đốc trong xứ tham vấn. Mảnh mai về thể xác, với một tâm trí trẻ thơ và dịu dàng, nàng bám lấy Re-shep-sut bằng một tình cảm mãnh liệt đến nỗi vì hạnh phúc của nàng và vì mọi ý thích của nàng đều được chiều theo, họ thường được phép gặp nhau. Bởi thế mà một hai lần tôi cũng đã có thể lợi dụng những năng lực đồng tử độc nhất của nàng cho những mục đích riêng của mình, vì qua các bí thuật của chúng tôi, việc bí mật đưa nàng ra khỏi phòng riêng đến một ngôi nhà nghỉ nhỏ trong vườn, nơi có căn phòng chúng tôi dùng cho các cuộc khẩn cầu huyền thuật, không phải là điều khó khăn. Không người đàn ông nào, trừ các tu sĩ đã được thánh hiến, từng được phép hiện diện trước mặt nàng trong những lúc bình thường, nhưng tình yêu mù quáng của nàng dành cho Re-shep-sut lớn đến mức nàng đã sẵn lòng liều lĩnh trước những hình phạt khủng khiếp hẳn sẽ giáng xuống nàng nếu sự tham dự của nàng vào các nghi lễ bí mật của chúng tôi bị lộ ra.

Now I saw Re-shep-sut hesitate and frown.

Giờ đây tôi thấy Re-shep-sut ngần ngại và cau mày.

“Well what is amiss?” I said sharply.

“Có chuyện gì vậy?” tôi nói gắt.

“Net-Ka hath been sickly of late; I believe we overstrained her powers the last time we used her as mouthpiece of Set.”

“Dạo gần đây Net-Ka yếu lắm; em tin rằng lần trước khi chúng ta dùng nàng làm phát ngôn nhân của Set, chúng ta đã làm các năng lực của nàng bị quá sức.”

“That was a year ago,” I objected.

“Đó là chuyện một năm trước rồi,” tôi phản đối.

“I know, yet it is said she hath never been the same since that day. The priests are growing

“Em biết, nhưng người ta nói rằng từ ngày ấy nàng chưa bao giờ còn như trước. Các tu sĩ

suspicious. If it were discovered she would be killed. They watch her. I had it from Nep-heb."

đang trở nên nghi ngờ. Nếu bị phát hiện, nàng sẽ bị giết. Họ đang theo dõi nàng. Em nghe điều đó từ Nep-heb."

"Nep-heb?" I leaned over and grasped her wrist. "I hear too much of Nep-heb; is he your lover?"

"Nep-heb?" Tôi nghiêng người tới và nắm lấy cổ tay nàng. "Ta nghe quá nhiều về Nep-heb; hắn là tình nhân của nàng sao?"

She looked at me with narrow eyes. "No; but I use him."

Nàng nhìn tôi bằng đôi mắt hẹp lại. "Không; nhưng em sử dụng hắn."

"Remember you are my wife; the Queen of Egypt is chaste."

"Hãy nhớ nàng là vợ của ta; Hoàng hậu Ai Cập phải trinh khiết."

She flung back her head, showing a gleam of pointed teeth. "Do not ask too much of me, my brother."

Nàng ngửa đầu ra sau, để lộ ánh lóe của những chiếc răng nhọn. "Xin đừng đòi hỏi ở em quá nhiều, Huynh đệ của Tôi."

She would have drawn away, but I closed my hand upon her wrist, running my nails into her flesh until she screamed with pain. "You will be faithful to me, to my throne and to Egypt. If I can discover through the powers of Net-Ka where this man dwells, I may be forced to put you to the test. You are ambitious; would you sit for a while alone upon the throne of Pharaoh?"

Nàng định rút ra, nhưng tôi siết chặt cổ tay nàng, ghim móng tay vào da thịt nàng cho đến khi nàng kêu thét lên vì đau. "Nàng sẽ trung thành với ta, với ngai vàng của ta và với Ai Cập. Nếu qua các quyền năng của Net-Ka ta có thể khám phá ra nơi ở của người này, có thể ta sẽ buộc phải thử thách nàng. Nàng đầy tham vọng; nàng có muốn ngồi một thời gian một mình trên ngai của Pharaoh không?"

She gave a gasp of delight. "You would leave me in your place?"

Nàng thở hắt ra vì sung sướng. "Chàng sẽ để em ở lại thay chỗ chàng sao?"

"There is none other I can trust. If I have to seek him out it will be necessary; but I will not have your loyalty divided."

"Không còn ai khác ta có thể tin cậy. Nếu ta phải đi tìm ông ấy thì điều đó sẽ là cần thiết; nhưng ta sẽ không để lòng trung thành của nàng bị chia đôi."

She smiled. "Never fear. I will be loyal."

Nàng mỉm cười. "Đừng lo. Em sẽ trung thành."

I gave her an amused glance and drew a ring from my finger. "Good; take this, give it to Mer-hetsu, captain of my guard, and bid him immediately have Nep-heb cast into the lions' pit."

Tôi liếc nàng một cái đầy thích thú rồi rút một chiếc nhẫn khỏi ngón tay. "Tốt; cầm lấy cái này, đưa cho Mer-hetsu, đội trưởng lính canh của ta, và bảo hắn lập tức quẳng Nep-heb vào hố sư tử."

She went white as death and gave a stifled scream. "Ah no, my brother—I beseech you." She controlled herself with an effort. "Would that be wise," she asked in a calmer voice, "he is very useful to us; he acts as a spy for us in

Nàng tái trắng như xác chết và bật lên một tiếng kêu nghẹn. "Ôi không, Huynh đệ của Tôi—em van chàng." Nàng cố trấn tĩnh. "Làm vậy có khôn ngoan không," nàng hỏi bằng giọng bình tĩnh hơn, "hắn rất hữu ích

the Temple of Ra, besides being secretly an initiate of the Mysteries of Set."

cho chúng ta; hắn làm gián điệp cho chúng ta trong Đền thờ Ra, ngoài ra còn bí mật là một điểm đạo đồ của các Mật Nghi Set."

"That is my reason. I do not want men about us who are traitors to their God. I may worship whom I please, but not so a mere priestling. Moreover, I desire to stand well with the priesthood of Ra; no doubt they know him for what he is and it will be good policy to please them by his death." As she still crouched at my feet, staring blindly before her, I leant over and tipped up her chin, smiling into her eyes. "Do you go, my beloved wife, or must I place another upon my throne should I choose to leave it for awhile?"

"Chính đó là lý do của ta. Ta không muốn quanh chúng ta có những kẻ phản bội Thượng đế của chúng. Ta có thể thờ phụng ai tùy ý, nhưng một tên tu sĩ quèn thì không. Hơn nữa, ta muốn giữ quan hệ tốt với giới tu sĩ của Ra; hẳn họ biết rõ hắn là gì, và làm họ hài lòng bằng cái chết của hắn sẽ là một chính sách tốt." Khi nàng vẫn còn quỳ co dưới chân tôi, nhìn trân trân vô thức ra trước mặt, tôi cúi xuống nâng cằm nàng lên, mỉm cười nhìn vào mắt nàng. "Nàng có đi không, người vợ yêu dấu của ta, hay ta phải đặt một người khác lên ngai của ta nếu ta chọn rời nó một thời gian?"

She gave me one glance, then slowly rose and went from the room.

Nàng nhìn tôi một cái, rồi chậm rãi đứng lên và đi ra khỏi phòng.

That night Re-shep-sut brought Net-Ka to the chamber we kept for the purposes of magic.

Đêm đó Re-shep-sut đưa Net-Ka đến căn phòng chúng tôi giữ lại cho các mục đích huyền thuật.

The girl sank wearily on the couch and when she removed her veil, revealing a pale and sorrowful face, with sunken eyes, I knew Re-shep-sut had spoken truth. Here was one sick, almost to death.

Cô gái mệt mỏi ngã xuống trường kỷ, và khi nàng bỏ mạng che mặt ra, để lộ một gương mặt tái nhợt và sầu muộn, với đôi mắt trũng sâu, tôi biết Re-shep-sut đã nói thật. Đây là một người bệnh, gần như sắp chết.

She stretched out her hand in greeting and said in a faint voice: "My brother, I have come as you commanded; but I grow weary. I have strange dreams. I feel as if something terrible were happening. Must you use me in this way which I know is forbidden? I do not understand what you do—I have no memory when I return to my body, but," her lips trembled, "the last time I would have spoken in the Holy Place of the Temple, I could not. The God did not possess my body; they say I babbled strange words. Can it be that by visiting you here I am displeasing the High Gods?" She covered her face with small, blue- veined hands, "I dare not think upon such a possibility. My life is theirs. I beg you, by all the love I have for you, bid me do nothing contrary to my holy vows."

Nàng đưa tay ra chào và nói bằng giọng yếu ớt: "Huynh đệ của Tôi, em đã đến như chàng truyền; nhưng em mệt lắm. Em có những giấc mơ lạ. Em cảm thấy như có điều gì khủng khiếp đang xảy ra. Chàng có nhất thiết phải dùng em theo cách này, điều mà em biết là bị cấm, không? Em không hiểu chàng làm gì—khi trở về thể xác của mình em không còn ký ức nào, nhưng," môi nàng run lên, "lần trước khi em phải nói trong Nơi Thánh của Đền thờ, em đã không thể. Vị Thần đã không nhập vào thể xác em; họ nói em đã lảm nhảm những lời kỳ lạ. Có thể nào vì đến thăm chàng ở đây mà em đang làm phật ý các Thượng đế Cao Cả không?" Nàng che mặt bằng đôi bàn tay nhỏ với những đường gân xanh, "Em không dám nghĩ đến một khả năng như thế. Đời em là của các ngài. Em cầu xin chàng, bởi tất cả tình

thương em dành cho chàng, đừng bảo em làm điều gì trái với những lời thề thiêng liêng của em."

I comforted her with idle words, but I had no intention of sparing her, nor did I care who spoke through her or what happened to her afterwards, so long as I learned the secret I now sought.

Tôi an ủi nàng bằng những lời vô nghĩa, nhưng tôi không hề có ý định tha cho nàng, cũng không quan tâm ai sẽ nói qua nàng hay sau đó điều gì sẽ xảy đến với nàng, miễn là tôi biết được bí mật mà giờ đây tôi đang tìm kiếm.

"Do not be afraid, sweet sister," I said, "you shall not be used beyond your strength. It is for the good of Egypt that I would invoke the Gods."

"Đừng sợ, em gái dịu ngọt," tôi nói, "em sẽ không bị dùng quá sức mình. Chính vì lợi ích của Ai Cập mà ta muốn khẩn cầu các Thần."

Obedient, she stretched herself upon the couch. About it we drew the magic signs, and stripping off our garments, annointed our bodies with the unguents and placed upon them the symbols of Set. Then we began to recite charms above her still body with a low, rhythmic humming, The room became gradually shadowed by the increasing smoke from the great brazier and now about me I felt the great forms of power drawing ever closer. I invoked them by their secret names. The light fluttered like a dying moth and expired. Net-Ka moved, her body began to sway; she fell sideways, foaming at the mouth; her features twisted and grimaced. Re-shep-sut, rigid, hands upraised, intoned, moving in a mystic dance upon the figures drawn on the floor. Suddenly Net-Ka stiffened, sat upright, eyes wide. A deep voice boomed from her mouth:

Ngoan ngoãn, nàng duỗi mình trên trường kỷ. Chung quanh đó chúng tôi vẽ các dấu hiệu huyền thuật, rồi cởi bỏ y phục, xức các loại thuốc thơm lên thân thể và đặt trên đó các biểu tượng của Set. Sau đó chúng tôi bắt đầu đọc các bùa chú trên thể xác bất động của nàng bằng một tiếng ngân trầm thấp, nhịp nhàng. Căn phòng dần dần chìm trong bóng tối bởi làn khói ngày càng dày từ lò than lớn, và lúc này quanh tôi tôi cảm thấy những hình thể quyền năng vĩ đại đang kéo đến ngày càng gần. Tôi khẩn cầu chúng bằng những danh xưng bí mật của chúng. Ánh sáng chập chờn như một con bướm đêm hấp hối rồi tắt lịm. Net-Ka cử động, thể xác nàng bắt đầu lắc lư; nàng ngã nghiêng sang một bên, sùi bọt mép; nét mặt nàng vặn vẹo và co giật. Re-shep-sut, cứng đờ, hai tay giơ cao, cất giọng xướng, di chuyển trong một điệu múa thần bí trên những hình vẽ trên sàn. Đột nhiên Net-Ka cứng người, ngồi bật dậy, mắt mở lớn. Một giọng trầm vang lên từ miệng nàng:

"Greeting, my servants! I am here, I—the Eye, the Ear, the Voice. Greeting. What are your desires?"

"Chào các đầy tớ của ta! Ta ở đây, ta—Con Mắt, Cái Tai, Tiếng Nói. Chào. Các ngươi mong muốn điều gì?"

I stood above Net-Ka. I steeled my will. The atmosphere pulsated as if alive with fiery particles. Re-shep-sut had fallen upon her face and was still.

Tôi đứng trên Net-Ka. Tôi làm cho ý chí mình trở nên thép cứng. Bầu không khí rung động như thể sống động với những hạt lửa. Re-shep-sut đã phủ phục xuống mặt đất và nằm yên.

"I will to know where is the abode of him

"Ta muốn biết nơi ở của kẻ là Đấng Cai Quản

who is the Secret Ruler of Egypt. I will to be shown where I may find him. I will to be brought face to face with him alone."

Bí Mật của Ai Cập ở đâu. Ta muốn được chỉ cho nơi ta có thể tìm thấy ông ấy. Ta muốn được đưa đến đối diện mặt đối mặt với ông ấy một mình."

A tremor convulsed the entranced girl. When the voice at last replied, it had weakened, as if broken by some force greater than itself.

Một cơn run giật làm cô gái đang xuất thần co quắp. Khi cuối cùng giọng nói đáp lại, nó đã yếu đi, như thể bị bẻ gãy bởi một mãnh lực lớn hơn chính nó.

"Do not ask me. I warn thee, leave this man alone; he will be thy destruction."

"Đừng hỏi ta. Ta cảnh báo ngươi, hãy để người này yên; ông ấy sẽ là sự hủy diệt của ngươi."

"I do not care; I would rather be destroyed than continue to live in ignorance and fear. I must know his secret. All power, all knowledge lie hidden there for those who can wield these unknown forces aright. I have oft-times invoked you with the secret names, but never have you granted my desire, nor have you revealed to me the existence of this man. Now I demand...."

"Ta không quan tâm; ta thà bị hủy diệt còn hơn tiếp tục sống trong vô minh và sợ hãi. Ta phải biết bí mật của ông ấy. Mọi quyền năng, mọi tri thức đều ẩn giấu ở đó cho những ai có thể vận dụng đúng đắn các mãnh lực chưa biết này. Ta đã nhiều lần khẩn cầu các ngươi bằng những danh xưng bí mật, nhưng các ngươi chưa bao giờ ban cho ta điều ta mong muốn, cũng chưa từng tiết lộ cho ta sự hiện hữu của người này. Giờ đây ta đòi hỏi...."

"Be silent!" cried the voice. And now the air grew thick about me, the pressure became terrible as if a disembodied will were combating my resolve.

"Im đi!" giọng nói kêu lên. Và lúc này không khí quanh tôi trở nên đặc quánh, sức ép trở nên khủng khiếp như thể một ý chí vô hình đang chiến đấu với quyết tâm của tôi.

"I will not be silent! If you are indeed Set the Mighty One, great in knowledge and power, if you be a God, then you must know. I demand this secret! I conjure you, God, spirit, demon whatso'er you are, give me truth. Deny my demand, and by my enchantments I shall shake the very earth, raise the dead from their tombs. I will to know how I may cure myself; I will to unfold the mystery of life. I will to be Lord of life and death."

"Ta sẽ không im! Nếu ngươi thật là Set, Đấng Đại Hùng, vĩ đại trong tri thức và quyền năng, nếu ngươi là một vị thần, thì ngươi hẳn phải biết. Ta đòi bí mật này! Ta triệu ép ngươi, thần, tinh thần, quỷ dữ hay bất cứ gì ngươi là, hãy cho ta chân lý. Nếu từ chối yêu cầu của ta, bằng các pháp thuật của ta, ta sẽ làm rung chuyển chính mặt đất, gọi người chết ra khỏi mồ. Ta muốn biết làm sao ta có thể tự chữa lành mình; ta muốn khai mở huyền nhiệm của sự sống. Ta muốn là Chúa Tể của sự sống và cái chết."

I stood above the Oracle, my arms upraised. With the whole force of my being I sent forth to the uttermost part of the earth, to the confines of the heavens, to the furthest stars my cry. With all my force and knowledge I projected my power to combat this unknown, opposing mind which seemed to

Tôi đứng trên Nhà Tiên Tri, hai tay giơ cao. Với toàn bộ mãnh lực của hữu thể mình, tôi phóng tiếng kêu của mình đến tận cùng trái đất, đến ranh giới của các tầng trời, đến những vì sao xa nhất. Với tất cả mãnh lực và tri thức của mình, tôi phóng chiếu quyền năng để chiến đấu với trí tuệ vô danh đối

struggle with me as if seeking to keep from me the knowledge I desired. I might die but I would first conquer it. This was surely my enemy at last face to face.

kháng này, cái dường như đang vật lộn với tôi như thể muốn giữ khỏi tôi tri thức mà tôi mong muốn. Tôi có thể chết nhưng trước hết tôi sẽ chinh phục nó. Hẳn đây cuối cùng chính là kẻ thù của tôi, mặt đối mặt.

My limbs were flame; power flowed into them; more power, a million particles vibrating to my will. Only one thing more was needful now to complete the invocation, the great forbidden Word, which it can be death to speak —which can by its note disintegrate the body of him who dares to utter the sacred syllables. I had learned it; but even I, hitherto, had never dared to project its shattering vibration upon the air. Now I paused, my whole being taut for this last act. I drew in a mighty breath; the Word waited; it grew—immense, expanding; slowly, every nerve tense, with breath controlled, I gave it forth....

Tứ chi tôi là lửa; quyền năng tuôn vào chúng; thêm quyền năng nữa, một triệu hạt rung động theo ý chí tôi. Giờ đây chỉ còn cần thêm một điều nữa để hoàn tất cuộc khẩn cầu, Linh từ vĩ đại bị cấm đoán, thứ mà nói ra có thể là cái chết—thứ mà bằng âm điệu của nó có thể phân rã thể xác của kẻ nào dám thốt lên những âm tiết thiêng liêng ấy. Tôi đã học được nó; nhưng ngay cả tôi, cho đến lúc ấy, cũng chưa từng dám phóng rung động tàn phá của nó vào không khí. Giờ đây tôi dừng lại, toàn thể hữu thể tôi căng ra cho hành động cuối cùng này. Tôi hít vào một hơi mạnh; Linh từ chờ đợi; nó lớn dần—bao la, mở rộng; chậm rãi, mọi dây thần kinh căng cứng, hơi thở được kiểm soát, tôi phát nó ra....

The great reverberation died. There followed a stillness so awful that it was as if all things had ceased to be.

Sự vang dội lớn lao ấy tắt dần. Tiếp theo là một sự tĩnh lặng khủng khiếp đến mức như thể mọi sự vật đã ngừng hiện hữu.

I waited as the dead might wait—drained, empty.

Tôi chờ đợi như người chết có thể chờ—kiệt quệ, trống rỗng.

I looked and saw Net-I<a writhing in the throes of a terrible convulsion; it was as if she were being torn by two opposing forces. Suddenly a change came over her. She raised herself upright until she was standing lightly like one poised for flight. Her eyes were wide, her face transfigured by a radiant smile.

Tôi nhìn và thấy Net-Ka quằn quại trong cơn co giật khủng khiếp; như thể nàng đang bị xé ra bởi hai mãnh lực đối nghịch. Đột nhiên một sự thay đổi đến với nàng. Nàng nâng mình lên cho đến khi đứng thẳng, nhẹ nhàng như người sẵn sàng cất cánh. Mắt nàng mở lớn, gương mặt nàng Biến hình bởi một nụ cười rạng rỡ.

“He comes,” she cried; “He, the Master, our Lord.” And with a long sigh collapsed upon the couch and lay still.

“Ngài đến,” nàng kêu lên; “Ngài, Chân sư, Chúa Tể của chúng ta.” Rồi với một tiếng thở dài dài, nàng đổ sụp xuống trường kỷ và nằm yên.

Then I knew fear. Always heretofore in my magical practices I had felt myself master. But now, gathering slowly about me was a force of which I knew nothing— against which I might strive with all my powers in vain. It grew; insidiously it invaded the

Lúc ấy tôi biết sợ. Trước đây trong các thực hành huyền thuật của mình, tôi luôn cảm thấy mình là chủ. Nhưng giờ đây, đang chậm rãi tụ lại quanh tôi là một mãnh lực mà tôi không biết gì cả—một mãnh lực mà tôi có thể chống lại bằng mọi quyền năng của mình

structure of my body, sapped my will. It was like a pure, yet disintegrating note of music, like a white, yet icy flame. Beautiful as it was, to me it was discord and death. My limbs melted in agony, each cell, each nerve quivered and dissolved. I sank upon my knees, then upon my face, yet in this agony of dissolution I still strove to retain a hold upon myself, to keep my desire unwavering.

cũng vô ích. Nó lớn dần; âm thầm nó xâm nhập vào cấu trúc thể xác tôi, làm suy kiệt ý chí tôi. Nó như một âm điệu âm nhạc thuần khiết nhưng phân rã, như một ngọn lửa trắng nhưng băng giá. Dù đẹp đến đâu, với tôi nó là bất hòa và chết chóc. Tứ chi tôi tan chảy trong đau đớn, từng tế bào, từng dây thần kinh run rẩy và tan rã. Tôi quỵ xuống đầu gối, rồi úp mặt xuống, nhưng ngay trong cơn đau đớn tan rã này tôi vẫn cố giữ lấy chính mình, giữ cho khát vọng của mình không lay chuyển.

Then while I battled feebly there I heard a voice of such wondrous sweetness and of such power and beauty that I broke before it and lay as one dead.

Rồi trong khi tôi yếu ớt chiến đấu ở đó, tôi nghe một giọng nói ngọt ngào kỳ diệu và đầy quyền năng, vẻ đẹp đến mức tôi tan vỡ trước nó và nằm như người chết.

"You called upon me," it said, "you invoked me. The means you used were wrongful and for that you will pay the price, but I, who can read the heart of man, know from what source the desire which drove you to this act was generated, so I am here."

"Ngươi đã gọi ta," giọng ấy nói, "ngươi đã khẩn cầu ta. Phương tiện ngươi dùng là sai lầm và vì điều đó ngươi sẽ phải trả giá, nhưng ta, Đấng có thể đọc được trái tim con người, biết từ nguồn nào mà khát vọng đã thúc đẩy ngươi đến hành động này phát sinh, nên ta ở đây."

I could not speak, but something deep within me, the last living particle, perhaps, must have responded.

Tôi không thể nói, nhưng có lẽ một điều gì đó sâu thẳm trong tôi, hạt sống cuối cùng, đã phải đáp ứng.

"It is well," said the voice. "Since you have chosen, you cannot be denied. When the time is ripe I will bid you come to me."

"Thật tốt," giọng nói bảo. "Vì ngươi đã chọn, ngươi không thể bị từ chối. Khi thời điểm chín muồi ta sẽ bảo ngươi đến với ta."

Then the voice ceased and darkness enfolded my spirit. When I awoke I found Re-shep-sut kneeling over me.

Rồi giọng nói im bặt và bóng tối bao phủ tinh thần tôi. Khi tỉnh dậy tôi thấy Re-shep-sut đang quỳ bên trên tôi.

"What happened?" she asked, "I remember nothing. Did you learn the secret?"

"Điều gì đã xảy ra?" nàng hỏi, "em không nhớ gì cả. Chàng có biết được bí mật không?"

I rose slowly, my limbs were like lead, my head was dizzy. "I do not know—yet." I pointed to Net-Ka. "Look to the child. We must get her back to the Temple."

Tôi chậm rãi đứng dậy, tay chân tôi nặng như chì, đầu óc quay cuồng. "Ta chưa biết—ít nhất là chưa." Tôi chỉ vào Net-Ka. "Hãy lo cho đứa trẻ. Chúng ta phải đưa nàng trở lại Đền thờ."

Net-Ka was still entranced. Nothing we could do would rouse her. But I think some spell must have been laid that night by One more powerful than ourselves upon the

Net-Ka vẫn còn xuất thần. Chúng tôi không thể làm gì để đánh thức nàng. Nhưng tôi nghĩ hẳn đêm đó một bùa chú nào đó đã được đặt lên các người hầu trong Đền thờ bởi Đấng

Temple servants, for, although we had to support her between us, none met us upon the way, nor had any of her guardians stirred from their drugged slumbers.

quyền năng hơn chúng tôi, vì dù chúng tôi phải đỡ nàng giữa hai người, không ai gặp chúng tôi trên đường, và cũng không một người canh giữ nào của nàng cựa quậy khỏi cơn mê thuốc.

Two day later Re-shep-sut came to me where I sat in the garden with my scribes.

Hai ngày sau Re-shep-sut đến gặp tôi nơi tôi đang ngồi trong vườn với các thư lại.

"I have been told that Net-Ka is sick even unto death," she whispered when we were alone. "She lies for long hours without consciousness, and when she awakes, cries and screams as one possessed." Her eyes were wide with terror. "It is we who have done this," she said in a strangled voice, "if she dies, it will be we who have killed her."

"Em được báo rằng Net-Ka bệnh nặng gần chết," nàng thì thầm khi chúng tôi ở riêng. "Nàng nằm hàng giờ không có tâm thức, và khi tỉnh dậy thì khóc lóc, gào thét như kẻ bị nhập." Mắt nàng mở to vì kinh hoàng. "Chính chúng ta đã gây ra điều này," nàng nói bằng giọng nghẹn lại, "nếu nàng chết, thì chính chúng ta đã giết nàng."

But my thoughts were far off. Since receiving that strange message I had been occupied day and night in making plans for the protection of the country in case I was forced to be away from the throne for long. Men of doubtful fidelity had to be replaced at the frontiers by generals I could trust. Garrisons had to be strengthened. Secret schemes and negotiations perfected. I had no time to waste on women's chatter. I stared at her coldly.

Nhưng tư tưởng tôi đang ở rất xa. Từ khi nhận được thông điệp lạ lùng ấy, ngày đêm tôi bận rộn lập kế hoạch bảo vệ đất nước trong trường hợp tôi bị buộc phải rời ngai vàng lâu ngày. Những kẻ có lòng trung thành đáng ngờ phải được thay thế ở biên cương bằng những vị tướng tôi có thể tin cậy. Các đồn trú phải được tăng cường. Những mưu đồ bí mật và các cuộc thương lượng phải được hoàn tất. Tôi không có thời giờ để phí vào chuyện đàn bà lắm lời. Tôi nhìn nàng lạnh lùng.

"What of it? I shall not need her again."

"Thì sao? Ta sẽ không cần đến nàng nữa."

She clasped her hands. "Can you not understand? Are you made of stone? I love her; she is the only being I have ever loved."

Nàng chắp hai tay. "Chàng không thể hiểu sao? Chàng làm bằng đá à? Em yêu nàng; nàng là sinh thể duy nhất em từng yêu."

"Then you had best see to it that you are quickly cured of the disease," I sneered. "If you are to take my throne, for however short a while, I must know you above such weakness. Learn once and for all that those who are no longer needed for our policies are best out of our way— they are less likely to indulge in idle and dangerous speech. Let Net-Ka go and cease to be a fool. I have given out that you are with child. Although it is not yet true the Egyptians are more likely to treat you with respect and remain loyal if they imagine that you carry the future

"Vậy tốt nhất nàng nên mau chữa khỏi căn bệnh ấy đi," tôi cười nhạo. "Nếu nàng sẽ ngồi lên ngai của ta, dù chỉ trong một thời gian ngắn, ta phải biết nàng vượt lên trên thứ yếu đuối ấy. Hãy học một lần cho mãi mãi rằng những kẻ không còn cần thiết cho chính sách của chúng ta thì tốt nhất nên ra khỏi đường đi của chúng ta—họ sẽ ít có khả năng buông ra những lời nói nhàn rỗi và nguy hiểm hơn. Hãy để Net-Ka đi và đừng làm kẻ ngu nữa. Ta đã cho loan ra rằng nàng đang mang thai. Dù điều đó chưa phải là thật, người Ai Cập sẽ có nhiều khả năng đối xử với nàng bằng sự kính

Pharaoh in your womb. I have much of importance to discuss with you. One thing I command: keep away from Net-Ka's apartments; do not see her even if she asks for you. I do not want it to seem as if we are involved in her affairs. It is essential that you should remain on good terms with Besiurt. You will obey him in every particular, for he will be the actual head of the nation while I am gone. He will dictate your actions and your words. Woe betide you if I find you have been unfaithful, or if through foolishness you let slip the reins of power."

trọng và giữ lòng trung thành hơn nếu họ tưởng rằng nàng đang mang trong dạ vị Pharaoh tương lai. Ta có nhiều điều quan trọng phải bàn với nàng. Có một điều ta ra lệnh: tránh xa phòng của Net-Ka; đừng gặp nàng ngay cả nếu nàng đòi gặp nàng. Ta không muốn có vẻ như chúng ta dính líu vào việc của nàng. Điều cốt yếu là nàng phải giữ quan hệ tốt với Besiurt. Nàng sẽ vâng lời ông ta trong mọi chi tiết, vì ông ta sẽ là người đứng đầu thực sự của quốc gia khi ta đi vắng. Ông ta sẽ chỉ định hành động và lời nói của nàng. Khốn cho nàng nếu ta thấy nàng bất trung, hoặc nếu vì ngu xuẩn mà nàng để tuột dây cương quyền lực."

A dark, stubborn look settled on her face. "If Net-Ka is dying and asks for me, I shall go," she said.

Một vẻ tối tăm, bướng bỉnh đọng lại trên mặt nàng. "Nếu Net-Ka đang chết và gọi em, em sẽ đi," nàng nói.

I leaned forward and fixed her with narrowed eyes.

Tôi nghiêng người tới và nhìn chằm chằm nàng bằng đôi mắt nheo lại.

"Re-shep-sut, if you do not hearken to my voice, if you do not swear upon the sacred symbol of Set which I wear upon my hand, that you will be faithful, that you will obey my merest breath, I swear to you by the Names which may not be uttered that I will cast you down and raise another in your place, that your hands will not grasp the sceptre, nor ever your body bear a child of the god."

"Re-shep-sut, nếu nàng không nghe tiếng nói của ta, nếu nàng không thề trên biểu tượng thiêng liêng của Set mà ta đeo trên tay rằng nàng sẽ trung thành, rằng nàng sẽ vâng theo cả hơi thở nhẹ nhất của ta, thì ta thề với nàng bằng những Danh Xưng không thể thốt ra rằng ta sẽ hạ nàng xuống và nâng một người khác lên thay chỗ nàng, rằng tay nàng sẽ không nắm lấy vương trượng, thân nàng cũng sẽ không bao giờ sinh con của thần."

At my words she flung herself upon her knees, clasping her hands about my feet. "O Pharaoh, O great God, have you no pity? At your word I sent Nep-heb to his death; now would you have me sacrifice my sister also? For I know that I alone may be enabled to cure her sickness. If I refuse her call she will surely die of grief."

Nghe những lời ấy, nàng quăng mình xuống đầu gối, ôm lấy chân tôi. "Ôi Pharaoh, ôi vị thần vĩ đại, chàng không có lòng thương xót sao? Theo lời chàng em đã đưa Nep-heb đến chỗ chết; giờ chàng còn muốn em hi sinh cả em gái em nữa sao? Vì em biết chỉ một mình em mới có thể chữa được bệnh cho nàng. Nếu em từ chối tiếng gọi của nàng, chắc chắn nàng sẽ chết vì đau buồn."

I struck her with my foot. "Pah, you are- like all the others at heart, ridden by emotion and weak sentiment." I leant back in my chair, smiling softly. "You have the choice. On one hand, O, Re-shep-sut, is the throne of Egypt, unlimited power, great glory and honour—and this oath; on the other a half-

Tôi đá nàng bằng chân. "Phì, nàng cũng như tất cả những kẻ khác trong lòng thôi, bị cảm xúc cưỡi lên và thứ tình cảm yếu đuối chi phối." Tôi ngả người ra ghế, mỉm cười nhè nhẹ. "Nàng có quyền chọn. Một bên, ôi Re-shep-sut, là ngai vàng của Ai Cập, quyền lực vô hạn, vinh quang và danh dự lớn lao—và

witted girl, who is better dead—and oblivion, obscurity, death perhaps. Which is it to be?"

lời thề này; bên kia là một cô gái nửa khờ, chết đi thì tốt hơn—và sự lãng quên, mờ tối, có lẽ là cái chết. Nàng chọn gì?"

For a moment she remained motionless, her head bent, her hands twisting together; then slowly she looked up. "I will take the oath," she whispered.

Trong một lúc nàng vẫn bất động, đầu cúi xuống, hai tay xoắn vào nhau; rồi chậm rãi nàng ngước lên. "Em sẽ tuyên thệ," nàng thì thầm.

I thrust out my clenched right hand at her. She stooped forward, pressed her forehead to the great ring, and muttered after me the magic formula of this most dread and binding of invocations.

Tôi chìa nắm tay phải siết chặt về phía nàng. Nàng cúi xuống, áp trán vào chiếc nhẫn lớn, và lẩm bẩm theo tôi công thức huyền thuật của lời khẩn cầu đáng sợ và ràng buộc nhất này.

"And now," I said, as I motioned to my scribes to return, "remember the penalty if that oath is broken. Neither in this world nor in the next will you have peace; neither in this life nor in any other. You have invoked the power which lies within this ring, the spirit of ambition and of will. While you obey me, it will be your slave; disobey, and it will become your master. Keep that in mind and forget it never, my sister—and Queen."

"Và bây giờ," tôi nói, trong khi ra hiệu cho các thư lại quay lại, "hãy nhớ hình phạt nếu lời thề ấy bị phá vỡ. Cả trong thế giới này lẫn thế giới sau nàng sẽ không có bình an; cả trong kiếp này lẫn bất kỳ kiếp nào khác. Nàng đã khẩn cầu quyền năng nằm trong chiếc nhẫn này, tinh thần của tham vọng và ý chí. Chừng nào nàng còn vâng lời ta, nó sẽ là nô lệ của nàng; bất tuân, nó sẽ trở thành chủ nhân của nàng. Hãy ghi nhớ điều đó và đừng bao giờ quên, em gái của ta—và Hoàng hậu."

Since that night in the summer-house, the voice and the words I had heard had been seldom out of my mind. My own attitude suprised myself, for I found I was filled with a continual yearning to hear the voice again and to contact the man who had spoken. I could not recall ever in my life having experienced such a sensation as those tones had roused within me; the nearest, perhaps, had been the hungry passion I had sometimes felt for some woman, when I could neither sleep nor eat until I had possessed her; yet that had been ephemeral, this endured. It seemed to have affected me also in other ways, since now, for the first time for many years, I slept night after night; nor did I have any recurrence of my illness, until the evening of the day that Re-shep-sut came to me with her request. That night I was seized with an attack more violent than any I had ever experienced; it continued for two days at a pitch of madness, leaving me at last utterly exhausted. The third evening, while I lay semi-conscious on my bed,

Từ đêm ấy trong ngôi nhà nghỉ mùa hè, giọng nói và những lời tôi đã nghe hiếm khi rời khỏi tâm trí tôi. Chính thái độ của tôi cũng làm tôi ngạc nhiên, vì tôi thấy mình tràn đầy một nỗi khát khao liên tục muốn nghe lại giọng nói ấy và tiếp xúc với người đàn ông đã nói. Tôi không thể nhớ trong đời mình đã từng trải qua một cảm giác nào như cảm giác mà những âm điệu ấy đã khơi dậy trong tôi; gần nhất, có lẽ, là niềm đam mê đói khát đôi khi tôi từng cảm thấy với một người đàn bà nào đó, khi tôi không thể ngủ cũng không thể ăn cho đến khi chiếm hữu được nàng; nhưng điều ấy chỉ thoáng qua, còn điều này thì kéo dài. Dường như nó cũng đã tác động lên tôi theo những cách khác, vì giờ đây, lần đầu tiên sau nhiều năm, tôi ngủ hết đêm này sang đêm khác; bệnh của tôi cũng không tái phát, cho đến tối của ngày Re-shep-sut đến với lời thỉnh cầu của nàng. Đêm đó tôi bị một cơn phát tác dữ dội hơn bất kỳ cơn nào tôi từng trải qua; nó kéo dài suốt hai ngày trong mức độ điên loạn, cuối cùng để lại tôi hoàn toàn kiệt sức. Tối ngày thứ ba, khi

suddenly I was aware that I was not alone and turning my head, beheld the cloaked figure of a man standing beside me and heard again the accents of the voice for which my spirit yearned.

tôi nằm nửa tỉnh nửa mê trên giường, đột nhiên tôi biết rằng mình không ở một mình và quay đầu lại, thấy hình dáng một người đàn ông khoác áo choàng đứng bên cạnh tôi và lại nghe những âm sắc của giọng nói mà tinh thần tôi hằng khát khao.

"O Pharaoh," he said, "art thou still determined to brave the secrets of thy destiny? For three days thou hast been in torment, but I warn thee, if thou wouldst know Truth thou will have to face worse than this."

"Ôi Pharaoh," ông nói, "ngươi vẫn quyết tâm đối mặt với những bí mật của định mệnh ngươi sao? Ba ngày nay ngươi đã ở trong đau đớn, nhưng ta cảnh báo ngươi, nếu ngươi muốn biết Chân Lý, ngươi sẽ phải đối diện với điều còn tệ hơn thế này."

"I am determined," I answered.

"Tôi quyết tâm," tôi đáp.

"So be it. Tomorrow at midnight thou wilt find a beggar seated by the outer gate of the Temple. Follow him."

"Vậy thì cứ thế. Đêm mai vào lúc nửa đêm ngươi sẽ thấy một kẻ ăn xin ngồi bên cổng ngoài của Đền thờ. Hãy đi theo hắn."

Next day I called for Besiurt and received him alone lying upon my couch, for I was still weak.

Ngày hôm sau tôi cho gọi Besiurt và tiếp ông một mình trong khi nằm trên trường kỷ, vì tôi vẫn còn yếu.

"I rejoice to see your Majesty recovered," he said in a voice which belied his words; "they told me that the light of your countenance was darkened and that you were sick almost unto death; I and my priests have therefore been seeking to cure you by drawing your sickness into our unworthy bodies."

"Tôi mừng thấy Bệ hạ đã bình phục," ông nói bằng một giọng trái ngược với lời nói; "họ bảo tôi rằng ánh sáng trên dung nhan Bệ hạ đã tối lại và Bệ hạ bệnh nặng gần chết; vì thế tôi và các tu sĩ của tôi đã tìm cách chữa cho Bệ hạ bằng cách hút bệnh của Bệ hạ vào những thể xác hèn mọn của chúng tôi."

I smiled grimly. "I can see no sign of it in you, my friend; and let me assure you that it is not owing to your spells and remedies that I have recovered. The Gods be thanked, I will in future not be dependent upon the priestly College of Physicians for my health, spiritual or physical."

Tôi cười gằn. "Ta không thấy dấu hiệu nào của điều đó nơi ông, bạn của ta; và hãy để ta bảo đảm với ông rằng không phải nhờ các bùa phép và phương thuốc của ông mà ta đã bình phục. Tạ ơn các Thần, từ nay ta sẽ không còn lệ thuộc vào hội đồng tu sĩ y sĩ về sức khỏe của ta, tinh thần hay hồng trần."

He raised his brows.

Ông nhướng mày.

"I have found," I continued, relishing the prospect of his discomfiture, "another physician, greater than you all. And to him I go—tonight."

"Ta đã tìm được," tôi tiếp tục, thích thú trước viễn cảnh làm ông bối rối, "một vị y sư khác, vĩ đại hơn tất cả các ông. Và ta sẽ đến với ông ấy—đêm nay."

"There is no one in Egypt..." he began.

"Không có ai ở Ai Cập..." ông bắt đầu.

"There is." I quoted his own words at him.

"Có." Tôi ném lại cho ông chính lời của ông.

"One of whom you are but the shadow...."

"Một Đấng mà ông chỉ là cái bóng...."

He was moved at last, "You will never find him! Here is madness indeed."

Cuối cùng ông cũng bị lay động, "Bệ hạ sẽ không bao giờ tìm thấy ông ấy! Quả thật đây là điên loạn."

I laughed softly. "No, here is sanity—at last. Perchance it has been you, my friend, who have been a little mad, mad with your pride. 1 would recall to your mind that when first I took the throne I came and asked you humbly enough that I might be instructed in the Mysteries. I believed that through them I might come to the understanding I sought. I was even prepared to be a novice, to sit at your feet if you would teach me. You refused. You barred to me the gates of truth. You told me that I was unworthy, that my blood was impure, that I had touched the black arts and was befouled. I wonder, did you, in your pride and purity, consult your Master who put me upon the throne? I do not think so." I leant forward, thrusting my face close to his. "You wished to retain the ultimate power in your own hands, O Besiurt; you wished me to remain ignorant so that you and your priests could lord it over me. But you did not know me. I was not to be baulked. If Ra-Hermachis would not let me pollute his temple, then there remained Set, who is not so bigoted. I learned from his priests, I was initiated into the Mysteries of his cult, but I will admit that soon I found they could not give me this thing I desired, without which I could find no rest nor happiness. I did not know what it was, I do not know it yet—but I will know; and when that hour comes I shall make this knowledge forever mine. Not you, nor any priest on earth, can stop me."

Tôi cười khẽ. "Không, đây là tỉnh táo—cuối cùng. Có lẽ chính ông, bạn của ta, mới hơi điên một chút, điên vì kiêu ngạo. Ta muốn nhắc ông nhớ rằng khi mới lên ngôi, ta đã đến và khiêm nhường xin ông cho ta được chỉ dạy trong các Mật Nghi. Ta tin rằng qua chúng ta có thể đi đến sự thấu hiểu mà ta tìm kiếm. Ta thậm chí đã sẵn sàng làm một người sơ cơ, ngồi dưới chân ông nếu ông chịu dạy ta. Ông từ chối. Ông đóng cánh cổng chân lý trước mặt ta. Ông bảo ta không xứng đáng, rằng huyết thống ta không thuần, rằng ta đã chạm vào hắc thuật và bị ô uế. Ta tự hỏi, trong sự kiêu hãnh và thanh sạch của ông, ông có tham vấn Chân sư của ông, Đấng đã đặt ta lên ngai vàng không? Ta không nghĩ vậy." Tôi nghiêng người tới, dí sát mặt mình vào mặt ông. "Ông muốn giữ quyền lực tối hậu trong chính tay mình, ôi Besiurt; ông muốn ta cứ ngu dốt để ông và các tu sĩ của ông có thể thống trị ta. Nhưng ông đã không biết ta. Ta không phải kẻ dễ bị ngăn trở. Nếu Ra-Hermachis không cho ta làm ô uế đền thờ của ngài, thì vẫn còn Set, kẻ không cố chấp đến thế. Ta đã học từ các tu sĩ của hắn, ta đã được điểm đạo vào các Mật Nghi của giáo phái hắn, nhưng ta thừa nhận rằng chẳng bao lâu sau ta nhận ra họ không thể cho ta điều mà ta mong muốn, thiếu nó ta không thể tìm thấy nghỉ ngơi hay hạnh phúc. Ta không biết đó là gì, đến giờ ta vẫn chưa biết—nhưng ta sẽ biết; và khi giờ ấy đến ta sẽ làm cho tri thức này mãi mãi là của ta. Không phải ông, cũng không bất kỳ tu sĩ nào trên mặt đất, có thể ngăn ta."

He would have spoken, but I raised my hand.

Ông định nói, nhưng tôi giơ tay lên.

"No, not even you, Besiurt. I do not think one appeals ever to the High Gods in vain, even though their priests would make them dumb if they could. I believe I was meant to overhear the words you spoke which revealed to me the existence of One in Egypt higher than you. I made my appeal to him—

"Không, ngay cả ông cũng không, Besiurt. Ta không nghĩ rằng người ta từng khẩn cầu các Thượng đế Cao Cả một cách vô ích, dù các tu sĩ của các ngài có muốn làm các ngài câm lặng nếu có thể. Ta tin rằng ta đã được định để nghe lỏm những lời ông nói, những lời đã tiết lộ cho ta sự hiện hữu của Một Đấng ở Ai

and he has answered."

Cập cao hơn ông. Ta đã gửi lời khẩn cầu của ta đến Ngài—và Ngài đã đáp lại."

The high priest sprang to his feet. "You are deluded; it is not possible. He would never speak to one who is not of Us."

Vị đại tư tế bật đứng dậy. "Bệ hạ bị mê hoặc rồi; điều đó là không thể. Ngài ấy sẽ không bao giờ nói với kẻ không thuộc về Chúng Tôi."

"Perchance I am deluded; that I will soon discover, for I go to him tonight."

"Có lẽ ta bị mê hoặc; điều đó ta sẽ sớm khám phá ra, vì đêm nay ta sẽ đến với Ngài."

"Go to him? But you do not know..."

"Đến với Ngài ư? Nhưng Bệ hạ không biết..."

"I am to be shown his dwelling-place. I shall find it, if it be across the world."

"Người ta sẽ chỉ cho tôi nơi ở của ông ấy. Tôi sẽ tìm ra ông ấy, dù có phải ở tận bên kia thế giới."

"You cannot—you are Pharaoh. You have no right to leave Egypt!"

"Ngài không thể—Ngài là Pharaoh. Ngài không có quyền rời Ai Cập!"

"Be seated," I said impatiently, for he was stamping round the chamber, waving his arms to high heaven. "I am still sick. Your voice is loud. Subdue it."

"Ngồi xuống đi," tôi nói một cách sốt ruột, vì ông đang giậm chân quanh phòng, vung tay lên tận trời cao. "Tôi vẫn còn bệnh. Giọng ông quá lớn. Hạ thấp nó xuống."

Without more ado I told him my plans. He demurred, cried aloud that I was a traitor; that the throne was a sacred trust I had no right to relinquish; appealed in turn to my ambition, my pride, my love of Egypt, but without avail. My mind was set, nothing touched me any more, for life had given me everything and I had found its best gifts but ashes in my mouth. My will was my only law, and before it at length he had perforce to bow.

Không nói thêm gì nữa, tôi kể cho ông nghe kế hoạch của mình. Ông phản đối, kêu lớn rằng tôi là kẻ phản bội; rằng ngai vàng là một sự ủy thác thiêng liêng mà tôi không có quyền từ bỏ; lần lượt kêu gọi tham vọng, lòng kiêu hãnh, tình yêu Ai Cập của tôi, nhưng đều vô ích. Tâm trí tôi đã quyết, không gì còn chạm đến tôi nữa, vì đời đã cho tôi mọi thứ và tôi thấy những tặng phẩm tốt đẹp nhất của nó chỉ như tro bụi trong miệng mình. Ý chí tôi là quy luật duy nhất của tôi, và cuối cùng trước nó ông buộc phải cúi đầu.

I left him the royal signet; I left him with instructions to explain my sudden absence as he would—I did not care.

Tôi để lại cho ông ấn tín hoàng gia; tôi để lại cho ông những chỉ dẫn để giải thích sự vắng mặt đột ngột của tôi theo cách ông muốn—tôi không quan tâm.

That night, clad as a peasant with a rough cloak to hide my face and a staff in my hand, I went to the outer gate of the Temple of Ra. A man in rags rose at my approach and without giving me a greeting turned down the street, walking towards the Nile. I followed him. Our feet made no sound upon the sand. We were as shadows moving in

Đêm ấy, mặc như một nông dân với chiếc áo choàng thô để che mặt và cây gậy trong tay, tôi đi đến cổng ngoài của Đền Ra. Một người đàn ông áo quần rách rưới đứng dậy khi tôi đến gần và không chào tôi lấy một lời, quay xuống phố, đi về phía sông Nile. Tôi theo ông ta. Chân chúng tôi không gây tiếng động nào trên cát. Chúng tôi như những chiếc bóng di

darkness, for there was no moon. Morning found us in the desert. All day beneath the burning sun we went without rest. Despite my great strength my feet faltered. He seemed untiring. Once by a well he stopped and gave me to drink, but did not speak. By evening my head was swimming so that I could scarcely see his form as it strode ever like a gaunt shade before me. Perchance I had grown soft with the life at court, or perchance my illness had sapped my strength more than I knew, but towards dawn I sank down, unable to drag my body farther. He came back and stood over me.

chuyển trong bóng tối, vì không có trăng. Buổi sáng thấy chúng tôi ở trong sa mạc. Suốt ngày dưới mặt trời thiêu đốt, chúng tôi đi không nghỉ. Dù sức tôi rất lớn, chân tôi vẫn chùn lại. Ông ta dường như không biết mệt. Có lần bên một cái giếng, ông dừng lại và cho tôi uống, nhưng không nói gì. Đến chiều, đầu tôi quay cuồng đến nỗi tôi hầu như không còn thấy rõ hình dáng ông cứ sải bước mãi như một cái bóng gầy guộc trước mặt tôi. Có lẽ tôi đã trở nên mềm yếu vì đời sống nơi triều đình, hoặc có lẽ cơn bệnh đã rút cạn sức tôi nhiều hơn tôi biết, nhưng về phía rạng đông tôi khuỵu xuống, không thể kéo thân mình đi xa hơn nữa. Ông quay lại và đứng trên tôi.

"You have done well, O Prince," he said.

"Ngài đã làm rất tốt, thưa Hoàng tử," ông nói.

"Give me but an hour's rest and I will go on," I replied.

"Chỉ cho tôi nghỉ một giờ thôi rồi tôi sẽ đi tiếp," tôi đáp.

"There is no need; we are almost at our journey's end." Stooping he picked me up as if I had been a child, and walked on lightly despite my protestations. I know not how far we went, for I think I must have fainted. When I awoke I was stretched upon a bed in a quiet chamber where an oil light burned.

"Không cần; chúng ta gần đến cuối hành trình rồi." Cúi xuống, ông nhấc tôi lên như thể tôi là một đứa trẻ, rồi nhẹ nhàng bước tiếp mặc cho tôi phản đối. Tôi không biết chúng tôi đã đi bao xa, vì tôi nghĩ hẳn mình đã ngất đi. Khi tỉnh lại, tôi đang nằm trên một chiếc giường trong một căn phòng yên tĩnh nơi một ngọn đèn dầu đang cháy.

For three days and nights I remained there, attendants bringing me food and drink, then I was brought into the presence of him who was Egypt's Ruler.

Suốt ba ngày ba đêm tôi ở đó, những người hầu mang thức ăn và nước uống cho tôi, rồi tôi được đưa vào diện kiến vị Chúa Tể của Ai Cập.

He was seated at a table studying ancient rolls of papyrus and although he was dressed in a plain white robe with no sign of rank, when he raised his head and looked at me I knew myself in the presence of one before whom even Pharaoh of Egypt was of small account. I had an incomprehensible impulse to prostrate myself but suppressed it with an effort.

Ngài ngồi bên bàn nghiên cứu những cuộn giấy papyrus cổ, và dù Ngài mặc một áo choàng trắng đơn sơ không có dấu hiệu phẩm cấp nào, khi Ngài ngẩng đầu lên và nhìn tôi, tôi biết mình đang ở trước sự hiện diện của một Đấng mà ngay cả Pharaoh của Ai Cập cũng chỉ là điều nhỏ nhặt. Tôi có một thôi thúc không thể giải thích được muốn phủ phục xuống, nhưng đã cố sức dằn lại.

He bade me draw nearer. I stood on the other side of the table. A sensation of calm resolution emanated from him.

Ngài bảo tôi đến gần hơn. Tôi đứng ở phía bên kia bàn. Từ Ngài toả ra một cảm giác bình an và quyết tâm.

"Why have you come to me?" he asked.

"Tại sao ngươi đến với ta?" Ngài hỏi.

"To learn how a man may gain dominion over all things."

"Để học cách một con người có thể đạt được quyền thống trị trên mọi sự."

"This is revealed in the Holy Mysteries of Ra-Her- machis."

"Điều này được mặc khải trong các Huyền Nhiệm thiêng liêng của Ra-Her-machis."

"His priests refused me; they said I was unworthy. So I turned to Set."

"Các tư tế của Ngài ấy đã từ chối tôi; họ nói tôi không xứng đáng. Vì vậy tôi quay sang Set."

He raised his brows. "Were you not afraid?"

Ngài nhướng mày. "Ngươi không sợ sao?"

"I am afraid of nothing."

"Tôi không sợ gì cả."

"You speak truth; it is of nothing that you are the most afraid."

"Ngươi nói thật; chính cái không gì cả là điều ngươi sợ nhất."

I started; he had struck the mark.

Tôi giật mình; Ngài đã đánh trúng đích.

"You are afraid," he continued, "of the forces of annihilation you feel to be within yourself."

"Ngươi sợ," Ngài tiếp tục, "những mãnh lực hủy diệt mà ngươi cảm thấy ở trong chính mình."

I shuddered at his words; I could not deny them. I raised my head and looked him in the face. "It is so; it is this fear indeed that has brought me to you." I leant towards him, striking my clenched fist upon the table. "I will not be destroyed! I will live—live!" After a pause I added, more to myself than to him, "I dare not die—it would be defeat...."

Tôi rùng mình trước lời Ngài; tôi không thể phủ nhận. Tôi ngẩng đầu lên và nhìn thẳng vào mặt Ngài. "Đúng vậy; chính nỗi sợ này đã đưa tôi đến với Ngài." Tôi nghiêng người về phía Ngài, đấm nắm tay siết chặt xuống bàn. "Tôi sẽ không bị hủy diệt! Tôi sẽ sống—sống!" Sau một khoảng lặng, tôi nói thêm, như nói với chính mình hơn là với Ngài, "Tôi không dám chết—đó sẽ là thất bại...."

"Yet all must die," came his quiet voice.

"Thế nhưng mọi người đều phải chết," giọng Ngài bình thản cất lên.

I shook my head. "Nay; it is not death I actually fear; I have faced it too often, unafraid. It is something vaster, slower.... Disintegration? Yet what is that?" 1 flung out my hands to him in sudden despair. "You who must be more wise than other men, can you not tell me what would assuage this unending discontent, this restless yearning, this despair, this insidious poison which saps my strength, ruins my successes, and renders all my triumphs barren? Can you not show me how I may be freed from this suffering, this sickness of mind and body which I know to be the forerunner of madness, these moods of blackest

Tôi lắc đầu. "Không; thật ra không phải cái chết mà tôi sợ; tôi đã đối diện nó quá nhiều lần mà không hề sợ hãi. Đó là một điều gì rộng lớn hơn, chậm hơn.... Sự tan rã chăng? Nhưng đó là gì?" Tôi dang hai tay về phía Ngài trong cơn tuyệt vọng đột ngột. "Ngài, Đấng hẳn phải minh triết hơn những người khác, chẳng lẽ không thể nói cho tôi biết điều gì có thể xoa dịu sự bất mãn không dứt này, nỗi khát khao không yên này, sự tuyệt vọng này, thứ độc chất âm thầm này đang rút cạn sức tôi, phá hỏng những thành công của tôi, và làm cho mọi chiến thắng của tôi trở nên cằn cỗi? Chẳng lẽ Ngài không thể chỉ cho tôi cách để được giải thoát khỏi nỗi khổ này, căn

melancholy that make all things appear as vain shadows? Why am I, alone of all men, so cursed? Why am I thrust apart? They know not these agonies, this perpetual menace, this fear of emptiness—of more than death. I am Pharaoh: Egypt and all her riches are mine— yet verily fools and slaves are happier than I."

bệnh của trí tuệ và thể xác này mà tôi biết là điềm báo của cơn điên loạn, những cơn u sầu đen tối nhất khiến mọi sự hiện ra như những chiếc bóng hư ảo? Tại sao chỉ riêng tôi, giữa mọi người, lại bị nguyền rủa như thế? Tại sao tôi bị đẩy ra riêng biệt? Họ không biết những cơn hấp hối này, mối đe dọa thường trực này, nỗi sợ hãi về sự trống rỗng—về điều gì còn hơn cả cái chết. Tôi là Pharaoh: Ai Cập và mọi của cải của nàng đều là của tôi—thế mà quả thật những kẻ ngu dốt và nô lệ còn hạnh phúc hơn tôi."

"They have love," he answered.

"Họ có tình yêu," Ngài đáp.

"Love? Bah, I am weary of women and their ways."

"Tình yêu ư? Bah, tôi đã chán ngấy đàn bà và những trò của họ."

"Do you know what love is?" he asked gently.

"Ngươi có biết tình yêu là gì không?" Ngài dịu dàng hỏi.

"I know it is weakness, not strength," I answered scornfully; "I know that to most men it brings disaster, not fulfilment. It is not love I need, it is knowledge, power, the secret of Life, for I know full well that until I hold these I shall never be cured of my disease. Love cannot serve me here."

"Tôi biết đó là sự yếu đuối, không phải sức mạnh," tôi khinh miệt đáp; "tôi biết rằng với phần lớn đàn ông, nó mang đến tai họa chứ không phải sự viên mãn. Điều tôi cần không phải là tình yêu, mà là tri thức, quyền năng, bí mật của Sự sống, vì tôi biết rất rõ rằng chừng nào chưa nắm được những điều ấy tôi sẽ không bao giờ chữa khỏi căn bệnh của mình. Tình yêu không thể giúp tôi ở đây."

"No, love cannot serve you until you serve it, my friend." His eyes narrowed until they flashed at me like points of fire. "So you come to me for power, to learn the mysteries of Life? My answer is that until you have first learned to love we cannot teach you anything. Of what use to you would be our inestimable gifts, while you are still incapable of understanding their true nature, much less of utilizing them? A seed, unless it is quickened, will remain unfruitful. So it is with this knowledge you seek: until it be impregnated with the vitalizing energy of love, it is of no use to you or to any man."

"Không, tình yêu không thể giúp ngươi cho đến khi ngươi phụng sự nó, bạn ta." Mắt Ngài nheo lại cho đến khi loé lên như những điểm lửa nhìn vào tôi. "Vậy là ngươi đến với ta để tìm quyền năng, để học các huyền nhiệm của Sự sống? Câu trả lời của ta là: cho đến khi ngươi học được cách yêu thương trước đã, chúng ta không thể dạy ngươi điều gì cả. Những tặng phẩm vô giá của chúng ta sẽ có ích gì cho ngươi, khi ngươi vẫn chưa có khả năng hiểu bản chất thật của chúng, chứ đừng nói đến việc sử dụng chúng? Một hạt giống, nếu không được làm cho sống động, sẽ vẫn không sinh quả. Tri thức mà ngươi tìm kiếm cũng vậy: cho đến khi nó được thấm nhuần bằng năng lượng tiếp sinh lực của tình yêu, nó không có ích gì cho ngươi hay cho bất cứ ai."

I listened to him, frowning with irritation

Tôi nghe Ngài, cau mày vì bực bội và phần

and some bewilderment. To be told that the answer to my question was merely that I should love seemed preposterous; yet some instinct assured me that this priest knew of what he spoke. I felt drawn towards him and already respected his intellect, for he obviously could do many things that I, with all my knowledge of magic, could not. There was some mystery here that I must fathom, by guile if I could do so by no other means.

nào bối rối. Bị bảo rằng câu trả lời cho câu hỏi của tôi chỉ đơn giản là tôi phải yêu thương nghe thật lố bịch; thế nhưng một bản năng nào đó bảo đảm với tôi rằng vị tư tế này biết rõ điều mình nói. Tôi cảm thấy bị hút về phía Ngài và đã kính trọng trí tuệ của Ngài, vì rõ ràng Ngài có thể làm nhiều điều mà tôi, với tất cả hiểu biết về huyền thuật của mình, không thể làm được. Ở đây có một huyền nhiệm mà tôi phải dò thấu, bằng mưu mẹo nếu không thể bằng cách nào khác.

"Well, well," I said with a smile, simulating an attitude of humility, "if you can persuade me that what you say is true and to love is the key to the Temple of Wisdom, then I am willing to attempt it. What more is there for me to accomplish before I be permitted to learn the inner Mysteries?"

"Được, được," tôi nói với một nụ cười, giả vờ có thái độ khiêm nhường, "nếu Ngài có thể thuyết phục tôi rằng điều Ngài nói là thật và yêu thương là chìa khóa của Đền Minh Triết, thì tôi sẵn lòng thử. Còn điều gì nữa tôi phải hoàn thành trước khi được phép học các Huyền Nhiệm nội tại?"

"You will have to break down the barriers which your own crimes have raised between you and the holy portals, you will have to love and serve mankind, paying thus the debts you have contracted through hatred and ignorance."

"Ngươi sẽ phải phá bỏ những rào cản mà chính tội lỗi của ngươi đã dựng lên giữa ngươi và các cổng thiêng, ngươi sẽ phải yêu thương và phụng sự nhân loại, nhờ đó trả những món nợ mà ngươi đã mắc phải do hận thù và vô minh."

"You speak in riddles," I replied half scornfully, "but I accept your conditions. I will do this. Show me these barriers of which you speak that I may break them down and the debts that they may be paid in full. My power is great, my treasuries are overflowing, my will is Law in Egypt."

"Ngài nói bằng câu đố," tôi đáp nửa khinh miệt, "nhưng tôi chấp nhận các điều kiện của Ngài. Tôi sẽ làm điều đó. Hãy chỉ cho tôi những rào cản mà Ngài nói để tôi phá chúng xuống, và những món nợ để chúng được trả trọn. Quyền năng của tôi rất lớn, kho tàng của tôi tràn đầy, ý chí tôi là Định luật ở Ai Cập."

He rose; tall though I was, he seemed to tower above me.

Ngài đứng dậy; dù tôi cao lớn, Ngài dường như vẫn vượt hẳn lên trên tôi.

"Vain man," he exclaimed, "you know not what you ask, your very words prove your utter unfitness even to attempt this undertaking. Your mind is of the earth. You talk of power, your power is less than a babe's. Did you not admit that you cannot drive the madness from you when it descends like a cloud? Can you conquer your own moods, your own despairs? As for this will of which you boast, you are ruled by vanity, pride and egotism—you are a slave, not a master." He turned and strode towards

"Hỡi con người hư vinh," Ngài kêu lên, "ngươi không biết mình đang hỏi gì, chính lời ngươi đã chứng tỏ sự bất xứng hoàn toàn của ngươi ngay cả trong việc thử đảm nhận công việc này. Tâm trí ngươi thuộc về đất. Ngươi nói về quyền năng, quyền năng của ngươi còn kém một đứa trẻ sơ sinh. Chẳng phải ngươi đã thừa nhận rằng ngươi không thể xua cơn điên khỏi mình khi nó giáng xuống như một đám mây sao? Ngươi có thể chinh phục những tâm trạng của chính mình, những tuyệt vọng của chính mình

the door. “Follow me,” he commanded.

không? Còn về ý chí mà ngươi khoe khoang, ngươi bị cai trị bởi hư vinh, kiêu ngạo và ích kỷ—ngươi là nô lệ, không phải chủ nhân.” Ngài quay đi và sải bước về phía cửa. “Theo ta,” Ngài ra lệnh.

We passed down many passages until at last we entered a small circular chamber in the centre of which was a great crystal globe that gave out a soft effulgence. Apart from this green glow, the room was in darkness. He bade me stand before the globe, then, coming behind me, he placed his hands across my forehead.

Chúng tôi đi qua nhiều hành lang cho đến cuối cùng bước vào một căn phòng tròn nhỏ, ở giữa có một quả cầu pha lê lớn phát ra ánh sáng dịu. Ngoài ánh sáng xanh ấy ra, căn phòng chìm trong bóng tối. Ngài bảo tôi đứng trước quả cầu, rồi từ phía sau đặt hai tay ngang trán tôi.

“Look into the depths,” he said, “and see.”

“Hãy nhìn vào chiều sâu,” Ngài nói, “và thấy.”

I looked; at first it was like gazing into the Nile clear green, deep yet full of light, then the light caught me, drawing me down. I forgot my present; I went back; I stood again in Atlantis; I became once more Cheor. Nothing was hidden from me of what I had done until the end. Then I found myself standing before an empty globe.

Tôi nhìn; lúc đầu như đang nhìn vào màu xanh trong trẻo của sông Nile, sâu mà đầy ánh sáng, rồi ánh sáng bắt lấy tôi, kéo tôi xuống. Tôi quên hiện tại; tôi quay về; tôi lại đứng ở Atlantis; tôi lại trở thành Cheor. Không điều gì bị che giấu khỏi tôi về những gì tôi đã làm cho đến tận cùng. Rồi tôi thấy mình đang đứng trước một quả cầu trống rỗng.

His voice recalled me to myself. “Tell me,” he said, “what do you feel now about this past life?”

Giọng Ngài gọi tôi trở về với chính mình. “Hãy nói cho ta biết,” Ngài nói, “bây giờ ngươi cảm thấy thế nào về kiếp sống quá khứ ấy?”

I frowned and hesitated, seeking to disentangle the confused threads of that memory. “I think,” I said slowly at last, “that it has made me realize that I am not now as great as I imagined. I have always considered myself powerful, something of an adept in magic, but the magic we practise here is as a child’s game compared with that. Ah, what have I not forgotten? Why, we held then the true secrets of the elements, we were as gods; not this earth alone was our plaything, but the hosts of heaven and the powers thereof. Our minds have indeed become like those of pygmies; everything was greater then, Egypt seems to us a mighty domain, and behold! I see now that it is but a speck upon the surface of a tiny world. I have

Tôi cau mày và ngập ngừng, cố gỡ những sợi chỉ rối của ký ức đó. “Tôi nghĩ,” cuối cùng tôi chậm rãi nói, “rằng nó khiến tôi nhận ra hiện nay tôi không vĩ đại như tôi tưởng. Tôi luôn xem mình là đầy quyền năng, gần như một chân sư về huyền thuật, nhưng huyền thuật chúng tôi thực hành ở đây chỉ như trò chơi trẻ con so với điều đó. A, tôi đã quên biết bao! Vì khi ấy chúng tôi nắm giữ những bí mật chân thật của các nguyên tố, chúng tôi như các vị thần; không chỉ riêng trái đất này là đồ chơi của chúng tôi, mà cả các đạo quân thiên giới và những quyền năng của chúng nữa. Quả thật trí tuệ chúng tôi nay đã trở nên như của những kẻ lùn; khi ấy mọi thứ đều lớn lao hơn, Ai Cập đối với chúng tôi dường như là một lãnh địa hùng mạnh, và kìa! giờ tôi thấy nó chỉ là một chấm trên bề mặt của một

much to learn."

thế giới nhỏ bé. Tôi còn nhiều điều phải học."

I looked up to find his eyes piercing me as if searching my inmost heart, and there was an expression of wonder and sorrow on his face. "So you feel nothing but this regret—no shame for what you did, no horror?"

Tôi ngước lên và thấy mắt Ngài xuyên thấu tôi như đang dò xét tận đáy lòng, và trên mặt Ngài có một vẻ kinh ngạc lẫn buồn thương. "Vậy ngươi không cảm thấy gì ngoài nỗi tiếc nuối này—không xấu hổ về điều ngươi đã làm, không kinh hãi sao?"

I laughed; so exhilarated was I by what I had seen that for a while all my forebodings were forgotten. "Why should I feel shame save perhaps for this man that I am now become, a man so misnamed a god? Ah, if I could know again what then I knew...."

Tôi cười; điều tôi đã thấy làm tôi phấn khích đến mức trong một lúc mọi linh cảm đen tối đều bị quên đi. "Tại sao tôi phải thấy xấu hổ, trừ phi có lẽ vì con người mà giờ đây tôi đã trở thành, một con người bị gọi lầm là thần? A, giá như tôi có thể lại biết điều khi ấy tôi đã biết...."

"Does it leave no impression upon you but this desire for increased knowledge?"

"Nó không để lại trong ngươi ấn tượng nào ngoài ham muốn gia tăng tri thức này sao?"

I remained silent for a little while, attempting to identify myself even more closely with that past. As the pictures came back to me, one face stood out more clearly than the others, arousing within me an indefinable emotion.

Tôi im lặng một lúc, cố đồng hoá với quá khứ ấy còn chặt chẽ hơn nữa. Khi các hình ảnh trở lại với tôi, một gương mặt nổi bật rõ hơn những gương mặt khác, khơi dậy trong tôi một cảm xúc không thể định nghĩa.

"This Shahballazz," I said at length, "does he live now?"

"Shahballazz này," cuối cùng tôi nói, "ông ấy hiện còn sống không?"

"Why would you know?"

"Tại sao ngươi muốn biết?"

"I feel drawn to him; if he could be found I would have him in my councils, he is a man I could trust...." I hesitated. "It is foolish, perhaps, but the thought of him stirs in me a strange longing, a desire...." I shrugged my shoulders helplessly, incapable of expressing what I felt.

"Tôi cảm thấy bị hút về phía ông ấy; nếu có thể tìm thấy ông ấy tôi sẽ muốn có ông ấy trong hội đồng của mình, ông ấy là người tôi có thể tin cậy...." Tôi ngập ngừng. "Có lẽ thật ngớ ngẩn, nhưng ý nghĩ về ông ấy khơi dậy trong tôi một nỗi khát khao lạ lùng, một ham muốn...." Tôi bất lực nhún vai, không thể diễn tả điều mình cảm thấy.

While I had been speaking the Ruler had seated himself upon the stone bench which encircled the chamber and remained for a little while sunk in thought. Yet in the strange and intense silence I felt as if his mind were, in some mysterious way, probing mine.

Trong khi tôi nói, vị Chúa Tể đã ngồi xuống chiếc ghế đá bao quanh căn phòng và chìm trong suy nghĩ một lúc. Thế nhưng trong sự im lặng lạ lùng và mãnh liệt ấy, tôi cảm thấy như thể trí tuệ của Ngài, theo một cách huyền bí nào đó, đang dò thấu trí tuệ tôi.

Presently he looked up and his stern mouth relaxed into a smile.

Một lát sau Ngài ngước lên và khuôn miệng nghiêm nghị của Ngài giãn ra thành một nụ

cười.

"Perhaps this is love you feel?" he suggested.

"Có lẽ đây là tình yêu mà ngươi đang cảm thấy chăng?" Ngài gợi ý.

"It is possible," I admitted; "I have certainly never in my life felt the need of anyone so much." Suddenly I strode across the chamber and stood before him. "You have spoken much of love today; you have told me that I can only gain my ends by serving all men and loving them. To me this sounds absurd. How can I love all men? All the fools I scorn and the enemies I hate? Now this man I could love perhaps, I might even serve him if I had to, yes, and you also, but the others... In any case, I do not see how loving can have any connection with the powers that I would gain, unless, indeed, you use the word 'love' as a symbol for something else, some mighty creative force, or for some God who must remain hidden and unknown. That which men call love is of no use to me. What *is* this secret that you hide?"

"Có thể," tôi thừa nhận; "quả thật trong đời tôi chưa bao giờ cảm thấy cần một ai đến thế." Đột nhiên tôi sải bước ngang căn phòng và đứng trước mặt Ngài. "Hôm nay Ngài đã nói nhiều về tình yêu; Ngài đã bảo tôi rằng tôi chỉ có thể đạt mục đích của mình bằng cách phụng sự mọi người và yêu thương họ. Với tôi điều này nghe thật phi lý. Làm sao tôi có thể yêu mọi người? Tất cả những kẻ ngu mà tôi khinh bỉ và những kẻ thù mà tôi căm ghét? Còn người này thì có lẽ tôi có thể yêu, thậm chí có thể phụng sự ông ấy nếu phải làm vậy, vâng, và cả Ngài nữa, nhưng những kẻ khác thì... Dù sao đi nữa, tôi không thấy yêu thương có thể liên hệ gì với những quyền năng mà tôi muốn đạt được, trừ phi quả thật Ngài dùng chữ 'tình yêu' như một biểu tượng cho điều gì khác, một mãnh lực sáng tạo hùng mạnh nào đó, hoặc cho một Thượng đế nào đó phải luôn ẩn kín và bất khả tri. Cái mà loài người gọi là tình yêu thì vô dụng đối với tôi. Bí mật mà Ngài che giấu ấy *là* gì?"

He raised his head and looked at me.

Ngài ngẩng đầu lên và nhìn tôi.

Then something happened for which I can find no name. It was as if a blinding light shot from him and enveloped me, drawing me, for one fleeting instant, into his consciousness.

Rồi một điều xảy ra mà tôi không tìm được tên gọi. Như thể một luồng ánh sáng chói lòa bắn ra từ Ngài và bao trùm lấy tôi, kéo tôi, trong một khoảnh khắc thoáng qua, vào trong tâm thức của Ngài.

For an instant only—then the divine sensation passed. It was gone. I stood there dazed, empty, defeated, like a prisoner who has escaped into the light of day only to be thrust down into a darker dungeon.

Chỉ một khoảnh khắc thôi—rồi cảm giác thiêng liêng ấy qua đi. Nó biến mất. Tôi đứng đó choáng váng, trống rỗng, bại trận, như một tù nhân đã trốn ra ánh sáng ban ngày chỉ để bị quăng xuống một ngục tối còn đen hơn.

Bewildered, I turned to him who had given me this ineffable glimpse into a state of being of which I could never have conceived, and which was already receding, becoming unreal—incomprehensible.

Bối rối, tôi quay sang Đấng đã cho tôi thoáng thấy trạng thái hiện hữu khôn tả ấy, một trạng thái mà tôi chưa từng có thể hình dung, và giờ đây nó đã đang lùi xa, trở nên không thật—không thể hiểu nổi.

I found myself trembling; I leant against the wall for support. "What magic is this? What

Tôi thấy mình đang run rẩy; tôi tựa vào tường để lấy chỗ dựa. "Đây là huyền thuật gì?

did you do to me?" I asked slowly.

He did not answer at once, but sat with his gaze fixed upon me. At last he seemed satisfied with his scrutiny.

"You imagined," he replied at length, "that you could come here, learn our secrets and depart to use them hereafter for your own ends. To do so would be impossible, but that you could not know. Yet since such a thought had even found entrance into your mind it became necessary for me to learn if this apparent passion for truth and understanding arose from lust for power or from fear alone, or whether there were not some deeper motive underlying these appearances. I therefore tested you by recalling to you the memory of Shahballazz. You were immediately drawn to him, responding to that note of love which memory caused to vibrate within your heart again. But this was not enough, for your love might have been a manifestation of selfish desire and nothing more; therefore I flooded you for an instant with the white flame of that higher love in which all that is evil must eventually be transmuted. Because you were not shattered by that clear note resounding through your aura, because you did not recoil from me in terror and revolt, this experiment has proved to me that within you the spark of love does burn, although it is not outwardly to be perceived. Therefore it will be permitted me to disclose to you certain matters that would otherwise have remained hidden for many lives. For know that if you had rejected him and me, I would have had no alternative but to send you back as you came, and you would have soon been overwhelmed by those evil forces to which you are still in bondage."

"I am ready to believe now," I replied, "that this mighty magical power which you call 'love' can indeed work miracles and could even heal me; but I still do not understand what part this man has to play therein, unless it be to help me gain insight into these mysteries. For now, more than ever, am I determined to learn how such a power can

Ngài đã làm gì với tôi?" tôi chậm rãi hỏi.

Ngài không trả lời ngay, mà ngồi nhìn chằm chằm vào tôi. Cuối cùng dường như Ngài đã hài lòng với sự quan sát của mình.

"Ngươi đã tưởng," cuối cùng Ngài đáp, "rằng ngươi có thể đến đây, học các bí mật của chúng ta rồi ra đi để sau này dùng chúng cho mục đích riêng của mình. Làm như vậy là điều bất khả, nhưng ngươi không thể biết điều đó. Tuy nhiên, vì một ý nghĩ như thế đã lọt vào trí ngươi, nên ta cần phải biết xem niềm đam mê có vẻ như dành cho chân lý và thấu hiểu này phát sinh từ lòng ham quyền lực hay chỉ từ nỗi sợ, hay liệu bên dưới những vẻ ngoài ấy không có một động cơ sâu xa hơn. Vì vậy ta đã thử ngươi bằng cách gợi lại cho ngươi ký ức về Shahballazz. Ngươi lập tức bị hút về phía ông ấy, đáp ứng với âm điệu tình yêu mà ký ức ấy khiến rung lên trở lại trong tim ngươi. Nhưng như thế vẫn chưa đủ, vì tình yêu của ngươi có thể chỉ là biểu hiện của ham muốn ích kỷ và không hơn gì nữa; vì vậy ta đã tràn ngập ngươi trong một khoảnh khắc bằng ngọn lửa trắng của tình yêu cao hơn ấy, trong đó mọi điều ác cuối cùng đều phải được chuyển hoá. Bởi vì ngươi không bị tan vỡ bởi âm điệu trong sáng ấy vang dội xuyên qua noãn hào quang của ngươi, bởi vì ngươi không kinh hoàng và phản loạn mà lùi xa khỏi ta, nên cuộc thử nghiệm này đã chứng minh cho ta rằng trong ngươi tia lửa tình yêu quả thật có cháy, dù bên ngoài không thể nhận thấy. Vì thế ta được phép tiết lộ cho ngươi một số điều mà nếu không thì đã còn bị che giấu trong nhiều kiếp sống. Hãy biết rằng nếu ngươi đã khước từ ông ấy và ta, ta sẽ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc gửi ngươi trở về như lúc ngươi đến, và chẳng bao lâu ngươi sẽ bị nhấn chìm bởi những mãnh lực ác mà ngươi vẫn còn đang nô lệ."

"Giờ đây tôi sẵn sàng tin," tôi đáp, "rằng quyền năng huyền thuật hùng mạnh mà Ngài gọi là 'tình yêu' quả thật có thể làm nên phép lạ và thậm chí có thể chữa lành tôi; nhưng tôi vẫn chưa hiểu người này có vai trò gì trong đó, trừ phi là giúp tôi đạt được sự thấu suốt vào các huyền nhiệm ấy. Vì giờ đây, hơn bao giờ hết, tôi quyết tâm học cách

be acquired."

làm sao có thể đạt được một quyền năng như vậy."

"He will teach you," he answered, "but not, perhaps, in the way you think. Tell me, would your life not be happier were he by your side?"

"Ông ấy sẽ dạy ngươi," Ngài đáp, "nhưng có lẽ không theo cách ngươi nghĩ. Hãy nói cho ta biết, chẳng phải đời ngươi sẽ hạnh phúc hơn nếu ông ấy ở bên cạnh ngươi sao?"

I considered his words for a little while in silence. It was strange indeed how this man's image had seized upon my imagination, how it had revealed to me a lack in my life of which I had hitherto been unconscious. I had never had a friend, had never loved nor trusted anyone. Re-shep-sut was perhaps the human being who had come nearest to me—other women had meant nothing, a burning lust and a forgetfulness—yet I had never trusted her. I had always been alone, on the defensive, holding men faithful by fear, by force, knowing full well that they would desert me the moment I weakened or they perceived that their advantage lay elsewhere; many of my fears were rooted in this knowledge. Had there been but one man whom I could trust to remain loyal when the sickness smote me; one man who, in these increasing periods of helplessness would defend me from the enemies of my own household, one man to whom I might speak my heart... one man who would love me enough—Yes, that was my need, I saw it in a flash—security. Security? Everywhere was conflict within and without, everywhere was uncertainty, now and hereafter. I wanted something or someone more stable, more enduring, greater than myself. Security... love... was this the answer to my problem? Were these two synonymous?

Tôi im lặng suy nghĩ về lời Ngài một lúc. Quả thật thật lạ lùng khi hình ảnh người này đã chiếm lấy sự tưởng tượng của tôi, khi nó đã bày ra cho tôi một thiếu hụt trong đời mình mà trước đây tôi chưa từng ý thức. Tôi chưa bao giờ có một người bạn, chưa bao giờ yêu hay tin cậy ai. Re-shep-sut có lẽ là con người đã đến gần tôi nhất—những người đàn bà khác chẳng có nghĩa lý gì, chỉ là một cơn dục vọng bốc cháy rồi quên lãng—thế nhưng tôi chưa bao giờ tin cậy nàng. Tôi luôn luôn cô độc, luôn ở thế phòng thủ, giữ cho người ta trung thành bằng sợ hãi, bằng vũ lực, biết rất rõ rằng họ sẽ bỏ tôi ngay khi tôi suy yếu hoặc khi họ nhận ra lợi ích của họ nằm ở nơi khác; nhiều nỗi sợ của tôi bắt rễ từ chính hiểu biết này. Giá mà chỉ có một người đàn ông tôi có thể tin sẽ vẫn trung thành khi cơn bệnh đánh xuống tôi; một người đàn ông trong những thời kỳ bất lực ngày càng tăng này sẽ bảo vệ tôi khỏi những kẻ thù trong chính gia thất của tôi, một người đàn ông mà tôi có thể thổ lộ lòng mình... một người đàn ông sẽ yêu tôi đủ—Phải, đó là điều tôi cần, tôi thấy điều ấy trong một tia chớp—sự an toàn. Sự an toàn ư? Khắp nơi là xung đột bên trong lẫn bên ngoài, khắp nơi là bất định, bây giờ và mai sau. Tôi muốn một điều gì đó hay một ai đó ổn định hơn, bền lâu hơn, lớn hơn chính tôi. Sự an toàn... tình yêu... phải chăng đó là lời giải cho vấn đề của tôi? Phải chăng hai điều ấy đồng nghĩa?

I raised my head. To desire a thing had ever meant for me the instant pursuit of its attainment.

Tôi ngẩng đầu lên. Với tôi, ham muốn một điều gì luôn có nghĩa là lập tức theo đuổi việc đạt được nó.

"It is true," I said; "I need this man as an ally. He must be found."

"Đúng vậy," tôi nói; "tôi cần người này như một đồng minh. Phải tìm ra ông ấy."

"Nothing can be found unless it is sought in the right way," he remarked quietly.

"Không gì có thể được tìm thấy nếu không được tìm kiếm theo đúng cách," Ngài bình

thản nhận xét.

I stopped in my swift pacing. “What is the right way?”

Tôi dừng bước đi nhanh của mình lại. “Đúng cách là cách nào?”

He remained silent. I frowned. “You say nothing? Do you know where he is? Show me the way to him I”

Ngài im lặng. Tôi cau mày. “Ngài không nói gì sao? Ngài biết ông ấy ở đâu chứ? Hãy chỉ cho tôi con đường đến với ông ấy!”

“I have already told you: the way is the way of love.” I made an impatient gesture. “But what I feel *is* love, what else should it be? I need him; I see that I cannot live without him. If you do not tell me where he is I will destroy the world to find him.”

“Ta đã nói với ngươi rồi: con đường ấy là con đường của tình yêu.” Tôi làm một cử chỉ sốt ruột. “Nhưng điều tôi cảm thấy *chính là* tình yêu, nếu không thì là gì? Tôi cần ông ấy; tôi thấy rằng tôi không thể sống thiếu ông ấy. Nếu Ngài không nói cho tôi biết ông ấy ở đâu, tôi sẽ hủy diệt cả thế giới để tìm ra ông ấy.”

“Love?” he repeated, and smiled bitterly. “My son you do not know what true love is, but yours is the best that you can contrive, therefore not to be wholly condemned.” He shook his head. “O Pharaoh, how blind, how self-deceived you are in your arrogance and vanity! If it were not that I can see the point of development at which you stand, and can read in the faint gleam of that little spark of which I spoke hope for your future, I might well send you whence you came.”

“Tình yêu ư?” Ngài lặp lại, và mỉm cười cay đắng. “Con ta, ngươi không biết tình yêu chân thật là gì, nhưng cái của ngươi là điều tốt nhất mà ngươi có thể tạo ra, vì thế không thể hoàn toàn bị lên án.” Ngài lắc đầu. “Hỡi Pharaoh, ngươi mù quáng biết bao, tự lừa dối biết bao trong sự kiêu ngạo và hư vinh của mình! Nếu không phải ta có thể thấy điểm tiến hoá mà ngươi đang đứng, và có thể đọc trong ánh sáng le lói mờ nhạt của tia lửa nhỏ mà ta đã nói đến niềm hy vọng cho tương lai ngươi, thì hẳn ta đã gửi ngươi trở về nơi ngươi đến.”

As I stared at him angry and baffled, he pointed to the seat at his side. “Come hither and I will endeavour to lighten the darkness of your understanding by showing you what love means and what gulfs lie between you and its attainment.”

Khi tôi nhìn Ngài vừa giận dữ vừa bối rối, Ngài chỉ vào chỗ ngồi bên cạnh mình. “Hãy đến đây và ta sẽ cố làm sáng bớt bóng tối trong sự thấu hiểu của ngươi bằng cách chỉ cho ngươi tình yêu có nghĩa là gì và những vực thẳm nào nằm giữa ngươi với việc đạt được nó.”

I came, feeling rather like a scolded child. Lassitude had followed the exhilaration of a few moments since; I began to feel again the old fiery pains through my head, forerunners of an attack, but for the first time I was not afraid. I had no enemy here who would take advantage of my weakness. I leant my head against the wall and closed my eyes. Slowly the pains grew less and I was soon enveloped in a great peace such as I had never before experienced.

Tôi đến, cảm thấy khá giống một đứa trẻ bị quở trách. Sự mệt lả theo sau cơn phấn khích của vài phút trước; tôi bắt đầu lại cảm thấy những cơn đau bỏng rát cũ trong đầu, điềm báo của một cơn phát tác, nhưng lần đầu tiên tôi không sợ. Ở đây tôi không có kẻ thù nào sẽ lợi dụng sự yếu đuối của tôi. Tôi tựa đầu vào tường và nhắm mắt lại. Chậm rãi, những cơn đau dịu xuống và chẳng bao lâu tôi được bao bọc trong một sự bình an lớn lao mà trước đây tôi chưa từng trải nghiệm.

"Throughout all your lives," he began, "you have had this passion for power; blinded by overweening vanity you have striven for nought but self-aggrandizement at all and any cost. As you saw, in order to attain these ends, you allied yourself in Atlantis with demonaic powers, separative in their nature, and therefore essentially inimical to man. He who persists in using such destructive energies is engaged, did he but know it, in slowly killing the flow of the universal Life force within him, whereas his true task is to make himself increasingly open to it at ever higher levels. With each incarnation, therefore, his vitality as well as his ability to respond to any higher vibrations becomes less, his powers generally weaken and his possibility of growing in mind and emotional response becomes more remote. Only one blinded, as such men in- evitably are, by the illusory fantasies and hopes these contacts create, could fail to perceive that, by continuing upon this left hand path he could eventually condemn himself to suffering and degradation in life after life for untold ages."

"Suốt mọi kiếp sống của ngươi," Ngài bắt đầu, "ngươi đã có niềm đam mê quyền lực này; bị làm mù bởi hư vinh quá độ, ngươi đã phấn đấu chẳng vì gì ngoài sự tự tôn vinh bản thân bằng bất cứ giá nào. Như ngươi đã thấy, để đạt những mục đích ấy, ở Atlantis ngươi đã liên minh với các quyền năng ma quỷ, có bản chất phân ly, và vì thế về căn bản là thù nghịch với con người. Kẻ nào cứ khăng khăng sử dụng những năng lượng hủy diệt như vậy thì đang dấn thân, dù y không biết, vào việc từ từ giết chết dòng chảy của mãnh lực Sự sống phổ quát bên trong mình, trong khi nhiệm vụ chân thật của y là làm cho mình ngày càng rộng mở hơn với nó ở những cấp độ ngày càng cao. Vì vậy, với mỗi lần lâm phàm, sinh lực của y cũng như khả năng đáp ứng với bất kỳ rung động cao hơn nào đều giảm đi, các quyền năng của y nói chung suy yếu, và khả năng tăng trưởng trong trí tuệ và đáp ứng cảm xúc của y trở nên xa vời hơn. Chỉ có kẻ bị làm mù, như những người như thế tất yếu đều bị, bởi những huyễn tưởng và hy vọng ảo tưởng mà các tiếp xúc ấy tạo ra, mới không nhận thấy rằng bằng cách tiếp tục trên tả đạo này, cuối cùng y có thể tự kết án mình vào đau khổ và suy đồi trong kiếp này qua kiếp khác suốt những thời đại không thể kể."

I sat up with a swift indrawn breath.

Tôi ngồi bật dậy, hít vào một hơi gấp.

He looked at me. "Yes," he said, "the fear which has haunted you all your life is a memory. Happy for you that this memory which is of the result of your early instruction in the temple of the Sun, has persisted despite all your efforts to crush it. Happy for you—else you might never have experienced even a faint desire to free yourself from the thrall of your self-inflicted blindness; you might not have become aware of your danger. For without this germ of truth sown by those who loved you, I tell you that you would not in this life have felt the stirring of that sense of imminent danger and that unease which is the first faint whisper of the inner voice of your soul and which gives you still, despite everything you have done, a hope of reaching

Ngài nhìn tôi. "Đúng vậy," Ngài nói, "nỗi sợ đã ám ngươi suốt đời là một ký ức. May cho ngươi là ký ức này, vốn là kết quả của sự giáo huấn ban đầu của ngươi trong đền Mặt Trời, đã còn tồn tại bất chấp mọi nỗ lực của ngươi nhằm đè bẹp nó. May cho ngươi—nếu không, có lẽ ngươi đã không bao giờ trải nghiệm dù chỉ một ham muốn mờ nhạt muốn giải thoát mình khỏi ách nô lệ của sự mù quáng do chính mình gây ra; có lẽ ngươi đã không nhận ra hiểm nguy của mình. Vì ta nói cho ngươi biết, nếu không có mầm chân lý này do những người yêu thương ngươi gieo xuống, thì trong kiếp này ngươi đã không cảm thấy sự lay động của ý thức về hiểm nguy cận kề và nỗi bất an ấy, vốn là tiếng thì thầm mờ nhạt đầu tiên của tiếng nói bên trong của linh hồn ngươi, và điều vẫn cho ngươi, bất

eventually that height where the true source of power can be apprehended, the creative, unifying power of love. You have always despised it yet in one life it saved you, brought you back from the very edge of the pit.

chấp mọi điều ngươi đã làm, một hy vọng cuối cùng đạt đến độ cao nơi nguồn gốc chân thật của quyền năng có thể được lĩnh hội, quyền năng sáng tạo và hợp nhất của tình yêu. Ngươi luôn khinh miệt nó, thế nhưng trong một kiếp sống nó đã cứu ngươi, đưa ngươi trở lại từ ngay bờ vực của hố sâu.

He paused so long that at length I was forced into speech. "How did it save me?" I asked. "What is this memory? What happened in those lives between then— and now?"

Ngài ngừng lại lâu đến nỗi cuối cùng tôi buộc phải lên tiếng. "Nó đã cứu tôi thế nào?" tôi hỏi. "Ký ức này là gì? Điều gì đã xảy ra trong những kiếp sống giữa khi ấy—và bây giờ?"

"I could show you," he replied, "but what would it profit you to see again those wasted and ruined lives? Lives of slavery and degradation, lives in which, obsessed by the worship of yourself and blinded by vanity to your true condition, you sank lower and lower until, incarnating into ever more debased and savage forms, you at length became hardly more than a mindless personification of all those evil and destructive lusts you had created in Atlantis.

"Ta có thể chỉ cho ngươi," Ngài đáp, "nhưng thấy lại những kiếp sống hoang phí và đổ nát ấy thì có ích gì cho ngươi? Những kiếp sống nô lệ và suy đồi, những kiếp sống trong đó, bị ám ảnh bởi sự thờ phụng chính mình và bị hư vinh làm mù trước tình trạng thật của mình, ngươi chìm ngày càng thấp hơn cho đến cuối cùng, lâm phàm vào những hình tướng ngày càng đê tiện và man rợ hơn, ngươi hầu như chẳng còn là gì hơn một hiện thân vô trí của tất cả những dục vọng ác độc và hủy diệt mà ngươi đã tạo ra ở Atlantis.

"Those who, by reason of certain links which you would not yet understand, were bound to you and love you still, watched you slip into the abyss but were powerless to help you since there was nothing in you that responded to the vibrations of love and truth they poured upon you. But no man is ever abandoned until all hope is dead and at last Shahballazz, whom you had once loved truly in a past more remote than this life in Atlantis, was permitted to make the supreme sacrifice and willed to be born in a body so coarse that he could contact you on your own level. So he descended into the slime with you and slowly through a long and weary incarnation, from that miserable outcast's shell which he had taken, played a perpetual stream of love upon you seeking thus to break through that crust of dense matter which enclosed you so that the light might enter in. As one blows upon the dying spark and at last brings it to flame, so did he blow upon an ember which all who saw not with the eye of love would have called dead. And he succeeded; for in that

"Những người, do một số liên kết mà ngươi chưa thể hiểu, đã gắn bó với ngươi và vẫn còn yêu thương ngươi, đã nhìn ngươi trượt xuống vực thẳm nhưng bất lực không thể giúp, vì trong ngươi không có gì đáp ứng với những rung động của tình yêu và chân lý mà họ tuôn đổ lên ngươi. Nhưng không ai từng bị bỏ rơi cho đến khi mọi hy vọng đều chết, và cuối cùng Shahballazz, người mà ngươi đã từng yêu thương chân thật trong một quá khứ còn xa hơn cả kiếp sống Atlantis ấy, đã được phép thực hiện sự hi sinh tối thượng và đã muốn sinh ra trong một thể xác thô nặng đến mức ông có thể tiếp xúc với ngươi trên chính cấp độ của ngươi. Vì vậy ông đã đi xuống bùn lầy cùng ngươi và chậm rãi, qua một kiếp lâm phàm dài và mệt mỏi, từ cái vỏ của kẻ bị ruồng bỏ khốn khổ mà ông đã nhận lấy, phát liên tục lên ngươi một dòng tình yêu bất tận, tìm cách nhờ đó xuyên thủng lớp vỏ vật chất đậm đặc bao bọc ngươi để ánh sáng có thể đi vào. Như người ta thổi vào tia lửa sắp tắt và cuối cùng làm nó bùng cháy, ông đã thổi vào một tàn than mà tất cả những ai không nhìn bằng nhãn pháp của

incarnation, obeying an almost blind instinct you sacrificed your life for his and had you but known it, for your own. Because of that one act when you passed over, instead of sinking instantly to the lowest level there to dwell, as had previously been your fate, among the hideous forms you yourself had created by your thoughts, it was possible to raise you to a higher plane. You returned to earth with some memory of a finer state. This memory haunted you even in the body of a black savage slave. The upward struggle had begun. Again and again you were hurled back into form in your search for fresh understanding until at last you reached a stage where once again you could be given some measure of responsibility. Powers hitherto cut off were therefore permitted you in order to test you and see how much you had learned. So you reincarnated into the household of Pharaoh, but through a woman who gave you that fierce and ruthless heredity which was still a part of your nature, for man is always what he makes himself. But there were great dangers, for the Law demands that when an opportunity for the use of ancient powers is given to a man, there are released at the same time any forces of retribution connected therewith from the past. Therefore all those destructive energies which you had deliberately attached to yourself have accompanied this opportunity for power. These are the enemies that attack you now and have come so near to destroying your body and your mind. These are they who will stand between you and all your soul's desires, love, happiness, security, any hope of progress, of capacity for usefulness in the world, until you control and redeem them, for until a man can rule himself and his own passions he is not fit to be anything but a servant."

tình yêu hẳn đã gọi là chết. Và ông đã thành công; vì trong kiếp lâm phàm ấy, vâng theo một bản năng gần như mù quáng, ngươi đã hi sinh mạng sống mình cho ông, và nếu ngươi biết được thì cũng là cho chính ngươi. Vì hành động duy nhất ấy, khi ngươi qua đời, thay vì lập tức chìm xuống cấp độ thấp nhất để cư ngụ, như số phận trước đó của ngươi, giữa những hình tướng ghê tởm mà chính ngươi đã tạo ra bằng tư tưởng của mình, thì người ta đã có thể nâng ngươi lên một cõi cao hơn. Ngươi trở lại Trái Đất với một ít ký ức về một trạng thái tinh tế hơn. Ký ức này ám ngươi ngay cả trong thân xác của một nô lệ da đen man rợ. Cuộc đấu tranh đi lên đã bắt đầu. Hết lần này đến lần khác ngươi bị quăng trở lại vào hình tướng trong cuộc tìm kiếm sự thấu hiểu mới, cho đến cuối cùng ngươi đạt đến một giai đoạn mà một lần nữa ngươi có thể được giao một mức độ trách nhiệm nào đó. Vì vậy những quyền năng trước đây bị cắt đứt đã được cho phép nơi ngươi để thử ngươi và xem ngươi đã học được bao nhiêu. Thế là ngươi tái sinh vào gia thất của Pharaoh, nhưng qua một người đàn bà đã cho ngươi di truyền hung bạo và tàn nhẫn ấy, vốn vẫn còn là một phần trong bản chất ngươi, vì con người luôn là điều y tự tạo nên. Nhưng có những hiểm nguy lớn, vì Định luật đòi hỏi rằng khi một cơ hội sử dụng những quyền năng cổ xưa được trao cho một người, thì đồng thời mọi mãnh lực báo ứng gắn liền với chúng từ quá khứ cũng được giải phóng. Vì vậy tất cả những năng lượng hủy diệt mà ngươi đã cố ý gắn vào mình đã đi kèm với cơ hội quyền lực này. Đó là những kẻ thù đang tấn công ngươi lúc này và đã đến rất gần việc hủy diệt thể xác và trí tuệ ngươi. Chính chúng sẽ đứng giữa ngươi và mọi khát vọng của linh hồn ngươi, tình yêu, hạnh phúc, sự an toàn, mọi hy vọng tiến bộ, mọi khả năng hữu dụng trong thế gian, cho đến khi ngươi kiểm soát và cứu chuộc chúng, vì cho đến khi một người có thể cai quản chính mình và những đam mê của mình, y không xứng đáng là gì khác ngoài một kẻ phụng sự."

When he ceased I sat for a long while motionless my arm over my eyes, seeking some way out of this abyss of darkness into

Khi Ngài ngừng lời, tôi ngồi bất động rất lâu, cánh tay che mắt, tìm một lối thoát khỏi vực thẳm tối tăm mà những mặc khải của Ngài

which his revelations had plunged me. Now I understood my hitherto incomprehensible fears, but understanding only increased them a hundredfold. More than ever now I needed the solace and the strength of which Shahballazz had become the symbol.

đã đẩy tôi vào. Giờ đây tôi hiểu những nỗi sợ trước kia không thể hiểu nổi của mình, nhưng sự thấu hiểu chỉ làm chúng tăng lên gấp trăm lần. Hơn bao giờ hết, giờ đây tôi cần sự an ủi và sức mạnh mà Shahballazz đã trở thành biểu tượng.

The Ruler must have read my thoughts. "You had best know at once that Shahballazz is not here," he said, "and if he were, any meeting between you would be impossible while your vibrations remain as coarse and impure as at present. They would only injure him and interfere with his own work. Not more than once can such a sacrifice as his be permitted. It is for you now to reach him by purifying yourself until you are fit to stand by his side again. That day can only come when you have defeated the enemies in your own being. They are very real, very strong. You may be too weak to attempt any such conquest in this life —they may overthrow you."

Hẳn vị Chúa Tể đã đọc được tư tưởng tôi. "Tốt nhất ngươi nên biết ngay rằng Shahballazz không ở đây," Ngài nói, "và nếu ông ấy có ở đây, bất kỳ cuộc gặp gỡ nào giữa hai người cũng là bất khả chừng nào các rung động của ngươi còn thô nặng và ô uế như hiện nay. Chúng chỉ làm hại ông ấy và cản trở công việc riêng của ông ấy. Một sự hi sinh như của ông ấy không thể được cho phép quá một lần. Giờ đây phần ngươi là phải vươn tới ông ấy bằng cách thanh luyện chính mình cho đến khi ngươi xứng đáng đứng bên cạnh ông ấy lần nữa. Ngày ấy chỉ có thể đến khi ngươi đã đánh bại những kẻ thù trong chính bản thể mình. Chúng rất thật, rất mạnh. Có thể ngươi quá yếu để thử bất kỳ cuộc chinh phục nào như thế trong kiếp này—chúng có thể lật đổ ngươi."

His words struck at my pride and instantly all my being was in arms. What! They dared to stand in my way, these forces, these intangible enemies? They would separate me from this man I desired—they would hound me to my death, lonely, mad perhaps?... And even beyond this life, ever denying me happiness, power, love? Pictures passed before my eyes. I saw them tangible, with mocking faces; they took on the shapes of all the people I had hated and despised. And as inevitably happened at the prospect of battle or when my will was thwarted in any way I felt rising within me that fierce passion of destructive energy which had swept and driven me all my life, the red anger which broke down every barrier, crushed every resistance. My head began to throb, my heart to choke me, force poured up until my limbs seemed inflated and the power of ten men animated my body; but now this fiery indignation was not directed outward, but turned inward against myself, against my own weakness, against these

Lời Ngài đánh vào lòng kiêu hãnh của tôi và tức khắc toàn thể con người tôi vùng dậy. Cái gì! Chúng dám đứng chắn đường tôi, những mãnh lực này, những kẻ thù vô hình này sao? Chúng sẽ chia cắt tôi khỏi người đàn ông tôi khao khát—chúng sẽ săn đuổi tôi đến chết, cô độc, có lẽ điên loạn?... Và ngay cả vượt khỏi kiếp sống này, mãi mãi từ chối tôi hạnh phúc, quyền năng, tình yêu? Những hình ảnh lướt qua trước mắt tôi. Tôi thấy chúng hữu hình, với những khuôn mặt nhạo báng; chúng mang hình dạng của tất cả những kẻ tôi đã căm ghét và khinh bỉ. Và như vẫn luôn xảy ra trước viễn cảnh chiến đấu hoặc khi ý chí tôi bị cản trở theo bất cứ cách nào, tôi cảm thấy trong mình dâng lên niềm cuồng nộ dữ dội của năng lượng hủy diệt đã cuốn và thúc đẩy tôi suốt đời, cơn giận đỏ rực phá tan mọi rào cản, nghiền nát mọi kháng cự. Đầu tôi bắt đầu nhức nhối, tim tôi nghẹn lại, mãnh lực dâng lên cho đến khi tay chân tôi như phồng lên và sức mạnh của mười người làm sinh động thể xác tôi; nhưng giờ đây sự phẫn nộ rực lửa này không hướng ra

mysterious Powers that had dared to seize upon my mind, my body. Was I not master, I, Lord of my being? I sprang to my feet, forebodings and fears had vanished at this incentive to action. Here was a new world to conquer, here a greater and more potent adversary than the warring tribes about Egypt, or even red Set himself.

ngoài mà quay vào trong chống lại chính tôi, chống lại sự yếu đuối của tôi, chống lại những Quyền Năng huyền bí đã dám chiếm lấy trí tuệ tôi, thể xác tôi. Chẳng phải tôi là chủ nhân, tôi, Chúa Tể của bản thể mình sao? Tôi bật đứng dậy, mọi linh cảm và sợ hãi đều biến mất trước động lực hành động này. Đây là một thế giới mới để chinh phục, ở đây là một đối thủ lớn hơn và mạnh hơn các bộ lạc giao chiến quanh Ai Cập, hay thậm chí cả Set đỏ rực nữa.

"I will defeat them," I cried, "only tell me how it may be done, how I may break these barriers down that separate me from my desires."

"Tôi sẽ đánh bại chúng," tôi kêu lên, "chỉ cần nói cho tôi biết điều đó có thể được thực hiện như thế nào, làm sao tôi có thể phá đổ những rào cản ngăn cách tôi với các dục vọng của mình."

"I can only show you how to prepare yourself for the battle," he replied; "none can do the fighting but yourself. Before I do so, however, I would have you consider what you are about to undertake, coolly in the sane light of reason, in full knowledge, not in a haze of passion."

"Ta chỉ có thể chỉ cho con cách chuẩn bị bản thân cho trận chiến," ông đáp; "không ai có thể chiến đấu ngoài chính con. Tuy nhiên, trước khi làm vậy, ta muốn con suy xét điều con sắp đảm nhận, một cách điềm tĩnh dưới ánh sáng lành mạnh của lý trí, với sự hiểu biết đầy đủ, chứ không phải trong màn sương của đam mê."

I would have spoken, but he raised his hand and leaning forward, proceeded to speak with such grave impressiveness that I felt the turmoil slowly die within me as fire dies under water.

Tôi định lên tiếng, nhưng ông giơ tay lên và nghiêng người về phía trước, rồi tiếp tục nói với vẻ trang nghiêm sâu sắc đến nỗi tôi cảm thấy cơn hỗn loạn trong mình chậm rãi lắng xuống như lửa tắt dưới nước.

"There are two paths by which men journey towards their goal," he said. "The slow way upon which the majority are travelling is safe and comparatively easy; it takes hundreds of lives, but also necessitates long rests in the intermediate worlds as it entails a very gradual expansion through the slow changing of the subtle matter of the bodies. There is a good measure of happiness, since payments are exacted slowly, but also a great deal of unnecessary suffering as protracted ignorance inevitably brings error and pain. But the second way, which must always be chosen deliberately with open eyes and by an act of will, is very different. Upon this steep path the man undertakes to hasten the normal processes of evolution; he is allowed no idle lingering, his debts are

"Có hai con đường mà những người nam và nữ tiến bước về mục tiêu của mình," ông nói. "Con đường chậm mà đa số đang đi thì an toàn và tương đối dễ dàng; nó cần đến hàng trăm kiếp sống, nhưng cũng đòi hỏi những quãng nghỉ dài trong các cõi trung gian vì nó bao hàm một sự mở rộng rất từ từ thông qua sự thay đổi chậm chạp của chất liệu vi tế trong các thể. Có một mức độ hạnh phúc đáng kể, vì các món nợ được đòi trả dần dần, nhưng cũng có rất nhiều đau khổ không cần thiết vì vô minh kéo dài tất yếu dẫn đến sai lầm và đau đớn. Nhưng con đường thứ hai, vốn luôn luôn phải được chọn một cách có chủ ý, với đôi mắt mở rộng và bằng một hành vi của ý chí, thì rất khác. Trên con đường dốc đứng này, con người đảm nhận việc thúc đẩy nhanh các tiến trình tiến hoá bình thường; y

thrust upon him at every turn, his lives are crowded with bitter experience so that he may learn the more swiftly. Moreover, he calls down upon himself in life after life any elemental forces he may have created by magic in his past, and is forced to do battle with them continually until they are conquered. He is more self-conscious than other men, more sensitive to evil as well as good. Also, once having placed his feet upon this path a fall, if fall there be, has more terrible consequences."

không được phép nấn ná vô ích, các món nợ của y bị dồn đến với y ở mỗi khúc quanh, các kiếp sống của y chật kín những kinh nghiệm cay đắng để y có thể học nhanh hơn. Hơn nữa, y tự gọi xuống trên mình, hết kiếp này sang kiếp khác, bất kỳ các mãnh lực hành khí nào mà y có thể đã tạo ra bằng huyền thuật trong quá khứ của mình, và bị buộc phải chiến đấu với chúng liên tục cho đến khi chúng bị chinh phục. Y ngã thức hơn những người khác, nhạy cảm hơn với điều ác cũng như điều thiện. Ngoài ra, một khi đã đặt chân lên con đường này thì sự sa ngã, nếu có sa ngã, sẽ mang những hậu quả khủng khiếp hơn."

"I will do it," I said defiantly, "not for me will these forces stand in the way life after life; I will soon deal with them now that my mind is set upon their destruction."

"Tôi sẽ làm điều đó," tôi nói một cách thách thức, "những mãnh lực này sẽ không cản đường tôi hết kiếp này sang kiếp khác; giờ đây khi trí tuệ tôi đã quyết vào việc hủy diệt chúng, tôi sẽ sớm xử lý chúng."

He gave me a glance half amused, half pitiful, but I was so exalted by the thought of all the marvels and feats of strength that I was about to accomplish and the power to be gained thereby, so roused by the sense of danger and adventure, that I hardly noticed it.

Ông nhìn tôi bằng một ánh mắt nửa thích thú, nửa thương hại, nhưng tôi quá hưng phấn bởi ý nghĩ về tất cả những điều kỳ diệu và những chiến công sức mạnh mà tôi sắp hoàn thành, cùng quyền năng sẽ đạt được nhờ đó, quá bị kích động bởi cảm giác nguy hiểm và phiêu lưu, đến nỗi hầu như không nhận thấy điều ấy.

"Let me begin today," I added. "What is demanded of me?"

"Hãy để tôi bắt đầu ngay hôm nay," tôi nói thêm. "Điều gì được đòi hỏi nơi tôi?"

"The first essential is that you should see your enemies face to face, since no man can combat the unknown."

"Điều cốt yếu đầu tiên là con phải thấy các kẻ thù của mình mặt đối mặt, vì không ai có thể chiến đấu với điều chưa biết."

I smiled grimly. "Show them to me, I am not afraid." "My son," he said, "do not forget that these enemies are within—they are yourself, you have made them one with you. You have no conception of the terrible power of the forces which vanity and selfishness create, particularly when, through black magic, the elemental energies of nature have been deliberately invoked to strengthen them. If I showed them to you unprepared as you now are, you would be instantly destroyed."

Tôi cười gằn. "Hãy chỉ chúng cho tôi, tôi không sợ." "Con ta," ông nói, "đừng quên rằng những kẻ thù này ở bên trong—chúng là chính con, con đã làm cho chúng thành một với con. Con không hề hình dung được quyền năng khủng khiếp của những mãnh lực mà tính hư vinh và ích kỷ tạo ra, đặc biệt khi, qua Hắc thuật, các năng lượng hành khí của bản chất đã được cố ý khẩn cầu để tăng cường cho chúng. Nếu ta chỉ chúng cho con thấy khi con chưa được chuẩn bị như lúc này, con sẽ bị hủy diệt ngay tức khắc."

“What then?...” I asked at a loss.

“Vậy thì sao?...” tôi hỏi, hoàn toàn lúng túng.

“If you agree to undergo certain purificatory rites and penances which will probably last about nine months, it may then be possible to do so. But I warn you that these, in themselves, will constitute an ordeal which few men as undisciplined and unstable as yourself could hope successfully to undergo.”

“Nếu con đồng ý trải qua một số nghi thức thanh lọc và khổ hạnh, có lẽ sẽ kéo dài khoảng chín tháng, thì khi đó có thể làm được điều ấy. Nhưng ta cảnh báo con rằng chính những điều này, tự chúng, sẽ cấu thành một thử thách mà ít người nào vô kỷ luật và bất ổn như con có thể hy vọng vượt qua thành công.”

“And if I refuse?”

“Và nếu tôi từ chối?”

“Then you must straightway return to the world. You will be armed with the knowledge that you have already gained here, and can seek to govern the rest of your life in accordance with it.”

“Vậy thì con phải lập tức trở về thế gian. Con sẽ được trang bị bằng tri thức mà con đã đạt được ở đây, và có thể tìm cách cai quản phần đời còn lại của mình phù hợp với nó.”

“And remain ignorant of the nature of these powers that attack me and of how to combat them?” I shook my head. “No, no; I have already gone too far, I know too much—I must know all—and conquer.”

“Và vẫn cứ không biết gì về bản chất của những quyền năng đang tấn công tôi và về cách chiến đấu với chúng sao?” Tôi lắc đầu. “Không, không; tôi đã đi quá xa rồi, tôi biết quá nhiều—tôi phải biết tất cả—và chinh phục.”

“You may not conquer. I do not promise conquest; only fuller knowledge of the enemy and perhaps arms for the battle.”

“Con có thể sẽ không chinh phục được. Ta không hứa sự chinh phục; chỉ hứa sự hiểu biết đầy đủ hơn về kẻ thù và có lẽ là vũ khí cho trận chiến.”

I shrugged my shoulders. “If I must perish in any case then let me die facing my enemy”—1 smiled—“but I will not die.”

Tôi nhún vai. “Nếu trong mọi trường hợp tôi đều phải diệt vong thì hãy để tôi chết khi đang đối mặt với kẻ thù của mình”—tôi mỉm cười—“nhưng tôi sẽ không chết.”

“The choice is yours,” he observed rather grimly. “But there is one thing you have overlooked. I said it would take nine months; during that time you will not have any contact with the outside world. Yet you have definite obligations there. You are Pharaoh; there is your throne —and Egypt.”

“Sự lựa chọn là của con,” ông nhận xét khá nghiêm khắc. “Nhưng có một điều con đã bỏ sót. Ta đã nói sẽ mất chín tháng; trong thời gian đó con sẽ không có bất kỳ tiếp xúc nào với thế giới bên ngoài. Thế nhưng ở đó con có những nghĩa vụ rõ ràng. Con là Pharaoh; ở đó có ngai vàng của con—và Ai Cập.”

“Oh, Egypt...” I waved it aside. “What do I care for Egypt? It can await my return. In any case, what has that life given me? I was weary of it long since. Indeed I have found little satisfaction there save in the original joy of conquest.”

“Ồ, Ai Cập...” Tôi xua tay gạt đi. “Tôi quan tâm gì đến Ai Cập? Nó có thể chờ tôi trở về. Dù sao đi nữa, cuộc đời ấy đã cho tôi điều gì? Từ lâu tôi đã mệt mỏi với nó rồi. Thật vậy, tôi hầu như chẳng tìm thấy sự thỏa mãn nào ở đó ngoài niềm vui chinh phục ban đầu.”

He sighed. At that time I wondered why. “So be it then, if such is your decision. Yet your servants may betray you and Egypt be torn by strife; the people may suffer—many may be destroyed.”

Ông thở dài. Lúc ấy tôi tự hỏi tại sao. “Vậy thì cứ như thế, nếu đó là quyết định của con. Tuy nhiên, các bề tôi của con có thể phản bội con và Ai Cập có thể bị xé nát bởi xung đột; dân chúng có thể đau khổ—nhiều người có thể bị hủy diệt.”

“Better them than I,” I said roughly. “Is not my soul more important than Egypt? If I can regain my health, my old energy, I can soon bring order again out of any chaos my absence may have caused. I made all my plans before I came here, and woe betide my servants if I find they have disobeyed me! It is my own weakness I fear, not the strength of my enemies.”

“Thà họ hơn tôi,” tôi nói cộc lốc. “Linh hồn tôi chẳng phải quan trọng hơn Ai Cập sao? Nếu tôi có thể lấy lại sức khỏe, năng lực cũ của mình, tôi có thể sớm lập lại trật tự từ bất kỳ hỗn loạn nào mà sự vắng mặt của tôi có thể đã gây ra. Tôi đã sắp đặt mọi kế hoạch trước khi đến đây, và khốn cho các bề tôi của tôi nếu tôi thấy họ đã không vâng lời tôi! Điều tôi sợ là sự yếu đuối của chính mình, chứ không phải sức mạnh của các kẻ thù.”

“You have free will,” he said non-committally. “Tomorrow then your discipline will begin.”

“Con có ý chí tự do,” ông nói một cách không cam kết. “Vậy thì ngày mai sự kỷ luật của con sẽ bắt đầu.”

For nine months I stayed in the Temple of the Rocks. My time was passed in those dark underground caves wherein the Mysteries are enacted. The Secret Ruler had spoken truly when he warned me what was to come. I, who had never known discipline or self-restraint, was very often on the verge of capitulation, but a stubborn pride kept me to my word. I soon discovered that whenever I faltered or rebelled my hesitations were reinforced by insidious attacks of my secret enemies seeking to undermine my resolution. Often, indeed, they seized my body rending it by paroxysms of madness; yet even of this madness, which so often casts men into the merciful pit of oblivion, I was a conscious and horror-stricken spectator; for never completely was I driven from my body as of old, there was always enough of me to watch, to struggle and often to despair.

Trong chín tháng tôi ở lại Đền Đá. Thời gian của tôi trôi qua trong những hang động ngầm tối tăm nơi các Mầu Nhiệm được cử hành. Vị Chúa Tể Bí Mật đã nói thật khi cảnh báo tôi về điều sắp đến. Tôi, kẻ chưa từng biết đến kỷ luật hay tự chế, rất thường ở bên bờ đầu hàng, nhưng một niềm kiêu hãnh bướng bỉnh giữ tôi trung thành với lời mình. Tôi sớm phát hiện rằng bất cứ khi nào tôi chùn bước hay phản kháng, những do dự của tôi đều được tăng cường bởi các cuộc tấn công xảo quyệt của những kẻ thù bí mật đang tìm cách làm suy yếu quyết tâm của tôi. Quả thật, nhiều lần chúng chiếm lấy thể xác tôi, xé nát nó bằng những cơn điên loạn; thế nhưng ngay cả trong cơn điên ấy, thứ thường quăng con người vào hố quên lãng đầy thương xót, tôi vẫn là một kẻ quan sát có ý thức và kinh hoàng; vì tôi chưa bao giờ bị đẩy hoàn toàn ra khỏi thể xác như thuở trước, luôn luôn vẫn còn đủ phần tôi để quan sát, để vật lộn và thường là để tuyệt vọng.

At last he who had taught me all this while, and for whom I had developed a feeling which certainly must have come near at times to love, so admirable did I find his wisdom, his patience and his strength, called me once more to the Cave of the Sacred

Cuối cùng, người đã dạy dỗ tôi suốt thời gian ấy, và đối với ông tôi đã phát triển một cảm xúc mà chắc chắn đôi lúc hẳn đã rất gần với tình thương, vì tôi thấy minh triết, sự kiên nhẫn và sức mạnh của ông đáng khâm phục đến thế, lại gọi tôi đến Hang Động của Ánh

Light, where the great crystal stood.

Sáng Thiêng Liêng, nơi khối pha lê lớn đứng đó.

"The probationary term is over," he said; "you have done all that it is possible for you to accomplish here and now. You must return to the world. But before doing so you may, if you so desire, see these enemies who yet hold you in bondage, face to face. But I warn you again, you still may not survive it."

"Thời kỳ dự bị đã kết thúc," ông nói; "con đã làm tất cả những gì con có thể hoàn thành ở đây và lúc này. Con phải trở về thế gian. Nhưng trước khi làm vậy, con có thể, nếu con muốn, thấy những kẻ thù này, những kẻ vẫn đang giữ con trong vòng nô lệ, mặt đối mặt. Nhưng ta lại cảnh báo con, con vẫn có thể không sống sót qua điều đó."

"And must I return in any case?" I asked slowly.

"Và trong mọi trường hợp tôi vẫn phải trở về sao?" tôi chậm rãi hỏi.

He bowed his head.

Ông cúi đầu.

"And until I see the truth about myself there is no chance of my reaching my goal?"

"Và cho đến khi tôi thấy sự thật về chính mình thì không có cơ may nào để tôi đạt đến mục tiêu của mình sao?"

"No; eventually every man must see the Dweller on the Threshold who bars him the way. In this age, mankind is not ready to be brought thus face to face with his true self, the image of his past; it will only become more generally possible in an age removed by thousands of years from now. Until then man will combat his evil nature more or less blindly, following the slow path. You may still do this if you choose; you are not yet committed to the other. But should you desire to anticipate the future method of training I warn you now, as I did then, that it can only be done by a tremendous effort and at great cost. Some men are doing so, butjw/ will do well to hesitate before you thus challenge the Law."

"Không; cuối cùng mọi người nam và nữ đều phải thấy Kẻ Chận Ngõ đang chặn đường y. Trong thời đại này, nhân loại chưa sẵn sàng để được đưa ra đối diện như thế với chân ngã thật của mình, hình ảnh của quá khứ mình; điều đó chỉ có thể trở nên khả thi một cách phổ biến hơn trong một thời đại cách nay hàng ngàn năm. Cho đến lúc ấy con người sẽ chiến đấu với bản chất xấu ác của mình ít nhiều một cách mù quáng, theo con đường chậm. Con vẫn có thể làm như vậy nếu con chọn; con chưa bị ràng buộc vào con đường kia. Nhưng nếu con muốn đi trước phương pháp huấn luyện của tương lai thì ta cảnh báo con ngay bây giờ, như ta đã cảnh báo khi ấy, rằng điều đó chỉ có thể được thực hiện bằng một nỗ lực ghê gớm và với cái giá rất lớn. Một số người đang làm như vậy, nhưng con nên do dự trước khi thách thức Định luật như thế."

"I must know the truth," I said.

"Tôi phải biết sự thật," tôi nói.

His expression became strangely tender. "It is well, my son. It will not be denied you. Now go to your chamber and rest yourself before the ordeal."

Nét mặt ông trở nên dịu dàng một cách lạ lùng. "Tốt lắm, con ta. Điều đó sẽ không bị từ chối với con. Giờ hãy về phòng mình và nghỉ ngơi trước thử thách."

I do not know how long I slept, but awoke as if brought back with a violent shock. I was

Tôi không biết mình đã ngủ bao lâu, nhưng tỉnh dậy như thể bị kéo trở lại bằng một cú

ice-cold and found to my horror I was unable to move hand or foot nor could I close my eyes which were fixed before me upon the darkness which had taken on a strange quality of translucence as if it were a great mirror. I struggled to free myself from the trance-like grip which held me; and as I lay there helpless an uncontrollable terror seized me, for reflected in this depth of darkness I became aware of a shape slowly materializing. It rose above me, its height so great that it reached the ceiling. At first it was merely a blur, lit with a faint, reddish glare, but soon it began to glow at the edges with a phosphorescent light and I perceived therein the semblance of a human face. At the same time I became conscious of a terrible stench which almost suffocated me and which grew with the apparition, pouring out from it like a putrescent stream. The features grew clearer and suddenly I realized that this face looking down into mine with dead eyes was my own. My own, yet not mine, for this was a mask so evil that it made me faint and sick, and from its eyes and nostrils and parted lips oozed a viscous stream of corruption hideous beyond imagining. Then I saw that it had no body, only an infinite darkness which seemed to go backwards and outwards into unfathomable spaces. Moreover, it appeared to be blind, deaf and dumb. Soon I realized that it was animated only from one centre, the lowest of all, which churned in a slimy, inverted circle, yet so powerfully that the whole simulacrum was directed by its force. With each moment the Shape grew clearer. Now I perceived that from every particle minute filaments of some blood-like substance floated out and connected it with —me. No longer could I evade the truth. My own breath flowed through that turgid centre of life; the foul stench which enveloped me was the emanation by which it and I existed; the dull humming which had tormented my ears since my awakening was its note—and mine. It was myself, part of my very being. Nor was this all, for as I lay there paralysed I became aware that the chamber was filled with lesser shapes, if shapes they

sốc dữ dội. Tôi lạnh cóng và kinh hoàng nhận ra mình không thể cử động tay chân, cũng không thể nhắm mắt, đôi mắt cứ dán chặt vào bóng tối trước mặt, thứ đã mang một phẩm tính trong suốt kỳ lạ như thể đó là một tấm gương lớn. Tôi vùng vẫy để thoát khỏi sự kìm giữ như xuất thần đang trói chặt mình; và khi nằm đó bất lực, một nỗi kinh hoàng không thể kiểm soát chộp lấy tôi, vì phản chiếu trong chiều sâu của bóng tối ấy, tôi nhận ra một hình thể đang từ từ hiện hình. Nó vươn lên trên tôi, cao đến nỗi chạm trần hang. Lúc đầu nó chỉ là một vệt mờ, được chiếu sáng bằng một ánh đỏ nhạt, nhưng chẳng bao lâu nó bắt đầu phát sáng ở các rìa bằng một thứ ánh sáng lân tinh và tôi nhận ra trong đó dáng dấp của một khuôn mặt người. Đồng thời tôi ý thức được một mùi hôi khủng khiếp gần như làm tôi ngạt thở, và nó lớn dần cùng với bóng hiện, tuôn ra từ đó như một dòng thối rữa. Các đường nét trở nên rõ hơn và đột nhiên tôi nhận ra rằng khuôn mặt đang nhìn xuống tôi bằng đôi mắt chết ấy là khuôn mặt của chính tôi. Của chính tôi, nhưng lại không phải của tôi, vì đây là một chiếc mặt nạ xấu ác đến mức khiến tôi lả đi và buồn nôn, và từ mắt, lỗ mũi cùng đôi môi hé mở của nó rỉ ra một dòng thối nát nhớp nháp ghê tởm vượt ngoài sức tưởng tượng. Rồi tôi thấy nó không có thân thể, chỉ có một bóng tối vô tận dường như lùi ra phía sau và lan ra ngoài vào những không gian không thể dò thấu. Hơn nữa, nó có vẻ mù, điếc và câm. Chẳng bao lâu tôi nhận ra rằng nó chỉ được linh hoạt từ một trung tâm duy nhất, thấp nhất trong tất cả, đang khuấy đảo trong một vòng tròn đảo ngược đầy nhớt nhầy, nhưng mạnh đến nỗi toàn bộ hình tượng ấy bị điều khiển bởi mãnh lực của nó. Mỗi khoảnh khắc trôi qua, Hình Thể ấy càng rõ hơn. Giờ đây tôi nhận ra rằng từ mỗi hạt của nó, những sợi cực nhỏ của một chất giống như máu trôi ra và nối nó với—tôi. Tôi không còn có thể né tránh sự thật nữa. Hơi thở của chính tôi chảy qua trung tâm sự sống căng phồng ấy; mùi hôi thối bao phủ tôi là sự phát xạ nhờ đó nó và tôi tồn tại; tiếng vo vo trầm đục đã hành hạ tai tôi từ lúc tỉnh dậy là âm điệu của nó—và của tôi. Nó là chính tôi, một phần của chính hữu thể tôi. Và đó chưa

could be called, for many were formless, mere sanguinary blobs animated by a slow-pulsing life; crawling things which reeked of stagnant marshes; wavering streams of grey light with evil eyes; blood-elementals with a semblance of human form; a great, pale crab with tentacles stretched out to seize me, which I knew with a dreadful certainty in some life I must absorb. There were other forms which were perhaps the worst, for they were the shapes of men and women and animals whom by magic I had slain and whose subtler bodies I had enslaved. These seemed to cry aloud to me to give them back a physical form, to furnish them with the focus for experience of which I had ruthlessly deprived them. To them, as to that dread Shape, I was also bound. I understood at last what the Secret Ruler had meant when he told me to pause before committing myself upon the Path of Return. For these stood in my way; these barred the first gate. I knew that I must acknowledge, accept, and be prepared to pay my debts to these Dwellers of the Threshold before I could hope to go far upon my way.

phải là tất cả, vì khi nằm đó tê liệt, tôi nhận ra căn phòng đầy những hình thể nhỏ hơn, nếu có thể gọi là hình thể, vì nhiều cái vô dạng, chỉ là những khối máu me được linh hoạt bởi một sự sống đập nhịp chậm chạp; những vật bò trườn bốc mùi đầm lầy tù đọng; những dòng ánh sáng xám chập chờn với đôi mắt xấu ác; những hành khí máu có dáng dấp con người; một con cua lớn nhợt nhạt với những xúc tu vươn ra để chộp lấy tôi, mà tôi biết với một sự chắc chắn kinh hoàng rằng trong một kiếp nào đó tôi phải hấp thụ. Còn có những hình thể khác có lẽ còn tệ hơn, vì đó là hình dạng của những người nam và nữ cùng các con vật mà tôi đã giết bằng huyền thuật và những thể vi tế hơn của họ tôi đã nô dịch. Chúng dường như kêu gào với tôi đòi tôi trả lại cho chúng một hình tướng hồng trần, cung cấp cho chúng tiêu điểm kinh nghiệm mà tôi đã tàn nhẫn tước đoạt. Với chúng, cũng như với Hình Thể đáng sợ kia, tôi cũng bị trói buộc. Cuối cùng tôi hiểu điều mà Vị Chúa Tể Bí Mật muốn nói khi ông bảo tôi hãy dừng lại trước khi dấn thân vào Con Đường Trở Về. Vì chính những thứ này đứng chắn đường tôi; chính chúng chặn cánh cổng đầu tiên. Tôi biết rằng mình phải thừa nhận, chấp nhận, và sẵn sàng trả các món nợ của mình cho những Kẻ Chận Ngõ này trước khi có thể hy vọng đi xa trên đường mình.

And as this thought came into my mind, the great Shape began to sway and, like a turgid cloud, descended towards me.

Và khi ý nghĩ ấy đến trong trí tuệ tôi, Hình Thể lớn kia bắt đầu lắc lư và, như một đám mây căng phồng, hạ xuống phía tôi.

Stark terror seized me. Not such fear as a man may know in battle or even the fear of disease, pain, or death; but a fear so vast and all-encompassing that it cannot be described. I screamed, but the scream was frozen in my throat; I struggled, but it was in vain. Closer it came; now it was above me, now it had descended, and I felt a loathsome warmth creep up my frozen limbs. The face looked into mine, the dead eyes grew larger, closer; the humming deafened me, the stench overpowered me. I knew what was about to happen, but was powerless to avert it. The Shape was returning whence it came —it was re-becoming —me. I think I must

Một nỗi kinh hoàng trần trụi chộp lấy tôi. Không phải thứ sợ hãi mà một người nam và nữ có thể biết trong chiến trận hay ngay cả nỗi sợ bệnh tật, đau đớn hoặc cái chết; mà là một nỗi sợ rộng lớn và bao trùm đến mức không thể mô tả. Tôi thét lên, nhưng tiếng thét đông cứng trong cổ họng; tôi vùng vẫy, nhưng vô ích. Nó đến gần hơn; giờ nó ở trên tôi, giờ nó đã hạ xuống, và tôi cảm thấy một hơi ấm ghê tởm bò lên các chi thể đang đông cứng của mình. Khuôn mặt nhìn vào mặt tôi, đôi mắt chết mở lớn hơn, gần hơn; tiếng vo vo làm tôi điếc đặc, mùi hôi làm tôi ngạt thở. Tôi biết điều gì sắp xảy ra, nhưng bất lực không sao ngăn được. Hình Thể ấy đang trở

have fainted; when I recovered consciousness my limbs were free from the icy grip—I was reanimated—but by what? I lay supine, exhausted. Yet the mad terror in my brain urged me still to escape. But how could I escape from this that was myself? Did I fly to the outermost bounds of earth, to the furthest star, this would be with me. Unconsciousness, oblivion, annihilation must be mine; to go down into darkness, to be no more known and to know no more...

về nơi nó đã đến—nó đang lại trở thành—tôi. Tôi nghĩ hẳn mình đã ngất đi; khi hồi phục tâm thức, các chi thể tôi đã thoát khỏi sự kìm giữ băng giá—tôi lại được linh hoạt—nhưng bởi cái gì? Tôi nằm ngửa, kiệt sức. Thế nhưng nỗi kinh hoàng điên loạn trong não tôi vẫn thúc ép tôi trốn thoát. Nhưng làm sao tôi có thể trốn khỏi thứ này, thứ là chính tôi? Dù tôi có chạy đến tận cùng xa nhất của Trái Đất, đến ngôi sao xa nhất, nó vẫn sẽ ở cùng tôi. Vô thức, quên lãng, hủy diệt phải là phần tôi; đi xuống vào bóng tối, không còn được biết đến và cũng không còn biết gì nữa...

With a tremendous effort I raised myself from my bed and turned to the seat upon which my garments lay. I caught up my dagger. To blot out memory, that was my one blind hope; for to remember, even for another second what I knew, would be for me the way of madness.

Với một nỗ lực ghê gớm, tôi nâng mình dậy khỏi giường và quay về phía chiếc ghế nơi y phục của tôi đặt đó. Tôi chộp lấy con dao găm. Xóa sạch ký ức, đó là niềm hy vọng mù quáng duy nhất của tôi; vì còn nhớ, dù chỉ thêm một giây nữa, điều tôi đã biết, đối với tôi sẽ là con đường của điên loạn.

Then, even as I set the dagger at my throat, a hand was laid upon mine and I saw the Secret Ruler standing by my side. All pride forgotten now, I fell at his feet, grasping his robe in an extremity of supplication.

Rồi đúng lúc tôi đặt dao găm vào cổ mình, một bàn tay đặt lên tay tôi và tôi thấy Vị Chúa Tể Bí Mật đứng bên cạnh. Mọi kiêu hãnh giờ đã quên sạch, tôi ngã xuống dưới chân ông, nắm lấy áo choàng ông trong cơn khẩn cầu tột độ.

"Let me die," I gasped; "give me oblivion! This is more than I can bear."

"Hãy để tôi chết," tôi thở hổn hển; "hãy cho tôi sự quên lãng! Điều này vượt quá sức chịu đựng của tôi."

"You desired to know—to see," he reminded me.

"Con đã muốn biết—muốn thấy," ông nhắc tôi.

"I was a fool, a blind, vainglorious fool; let me go, let me die. I have no weapons wherewith I can combat this. I—I... If I am this, then it were best that I be left to encompass my own doom. Let me be extinguished, let me be destroyed."

"Tôi là một kẻ ngu xuẩn, một kẻ ngu xuẩn mù quáng và hão huyền; hãy để tôi đi, hãy để tôi chết. Tôi không có vũ khí nào để chiến đấu với điều này. Tôi—tôi... Nếu tôi là thế này, thì tốt hơn hết là để tôi mặc lấy số phận diệt vong của chính mình. Hãy để tôi bị dập tắt, hãy để tôi bị hủy diệt."

He touched my bowed head with compassionate fingers.

Ông chạm những ngón tay đầy từ bi lên đầu tôi đang cúi xuống.

"Have you so soon forgotten that other thing you are, the glory which you experienced when first we spoke together?"

"Con đã quên nhanh đến thế sao cái điều khác mà con là, vinh quang mà con đã kinh nghiệm khi lần đầu chúng ta nói chuyện cùng nhau?"

I shook my head. “Both I cannot be; that light shone not from my heart, but from yours.”

“Nay, you *are* both; that light was the answer of your soul to mine, for all souls partake of the same essence of love. What you felt and saw tonight is the illusion, yet these illusions are real enough upon the lower planes and until they are destroyed, there is no escaping their ascendancy. Death would not help you, since death is but a door to another and wider aspect of life where much is revealed that is hidden from man in his physical form. If you left your body by your own will you would deprive yourself for a long time of the help of those who watch over the newly dead and you would merely be precipitated in full consciousness into the realm where those evil and distorted forms hold sway.”

“What then?” I cried. “I am willing to fight then, but how can I, since they are myself? And far more myself than that other part of me you call my soul, but which I cannot see or feel or know, and which is therefore useless to me. What does it profit a man who is dying of thirst in a dungeon to be told that there are wells of water beyond the walls at which he could drink?” I leant back, exhausted by my emotions. “I am bound, I am helpless! If I do struggle with this that is myself, if I do suffer my errors during countless lives, what will it profit me?” I struck myself on the chest. “What do I gain —now? Bliss? In a thousand years of torture and agony? Perhaps it might be worth the struggle, for what I felt when you used your magic on me was wonderful—although already it is faded like a dream—but it was a state of mind alone; what I desire are tangible things....” I continued to stare at him heavily. I was trapped. I could think of nothing else. Lives of struggle, ages of suffering, and no way of putting any end to it at all. At least there was a way: more struggle and more suffering.... It was enough indeed to send a man mad! “Cease to

Tôi lắc đầu. “Tôi không thể là cả hai; ánh sáng ấy không chiếu ra từ tim tôi, mà từ tim ông.”

“Không, con *là* cả hai; ánh sáng ấy là sự đáp ứng của linh hồn con với linh hồn ta, vì mọi linh hồn đều dự phần cùng một tinh túy của tình thương. Điều con cảm thấy và thấy tối nay là ảo tưởng, tuy nhiên những ảo tưởng này đủ thực trên các cõi thấp và cho đến khi chúng bị hủy diệt, không thể thoát khỏi sự thống trị của chúng. Cái chết sẽ không giúp được con, vì cái chết chỉ là một cánh cửa dẫn đến một phương diện khác và rộng hơn của sự sống, nơi nhiều điều được mặc khải mà con người trong hình tướng hồng trần của mình bị che khuất. Nếu con rời bỏ thể xác bằng ý chí riêng, con sẽ tự tước khỏi mình trong một thời gian dài sự trợ giúp của những vị canh giữ người mới chết và con sẽ chỉ bị ngưng tụ, trong đầy đủ tâm thức, vào cõi nơi những hình thể xấu ác và méo mó ấy ngự trị.”

“Vậy thì sao?” tôi kêu lên. “Vậy thì tôi sẵn sàng chiến đấu, nhưng làm sao tôi có thể, khi chúng là chính tôi? Và còn là tôi nhiều hơn cái phần kia của tôi mà ông gọi là linh hồn tôi, nhưng tôi không thể thấy hay cảm hay biết, nên nó vô dụng đối với tôi. Có ích gì cho một người nam và nữ đang chết khát trong ngục tối khi được bảo rằng bên ngoài tường thành có những giếng nước mà y có thể uống?” Tôi ngả người ra sau, kiệt sức vì cảm xúc. “Tôi bị trói buộc, tôi bất lực! Nếu tôi có vật lộn với thứ này là chính tôi, nếu tôi có chịu đựng các sai lầm của mình qua vô số kiếp sống, điều đó sẽ ích gì cho tôi?” Tôi đấm vào ngực mình. “Tôi được gì—ngay bây giờ? Chí phúc ư? Trong một ngàn năm tra tấn và thống khổ sao? Có lẽ cuộc vật lộn ấy đáng giá, vì điều tôi cảm thấy khi ông dùng huyền thuật lên tôi thật kỳ diệu—mặc dù giờ đây nó đã phai như một giấc mơ—nhưng đó chỉ là một trạng thái trí tuệ; điều tôi mong muốn là những thứ hữu hình....” Tôi tiếp tục nhìn ông nặng nề. Tôi đã bị mắc bẫy. Tôi không thể nghĩ gì khác. Những kiếp sống đấu tranh, những thời đại đau khổ, và không có cách nào chấm dứt tất cả điều đó. Ít nhất cũng có một cách: thêm đấu tranh và thêm đau

struggle," something said; "defy the Law; seek annihilation, you have gone already too far, no bliss is worth the price." Annihilation... once again the word roused those legions of fears within my mind. I remembered all I had learned in these past months, and why I was here. No, there was no escape. I laughed aloud, pressing my shaking hand against my brow. "... and I expected you to give me knowledge, to place the key to power, to happiness, in my hands...."

khổ.... Quả thật đủ để khiến một người nam và nữ phát điên! "Hãy ngừng đấu tranh," một điều gì đó nói; "hãy thách thức Định luật; hãy tìm sự hủy diệt, ngươi đã đi quá xa rồi, không chí phúc nào đáng với cái giá ấy." Hủy diệt... một lần nữa từ ấy khơi dậy những đạo quân sợ hãi trong trí tuệ tôi. Tôi nhớ lại tất cả những gì mình đã học trong những tháng qua, và vì sao tôi ở đây. Không, không có lối thoát. Tôi cười lớn, ép bàn tay run rẩy lên trán. "... và tôi đã mong ông cho tôi tri thức, đặt chiếc chìa khóa của quyền năng, của hạnh phúc, vào tay tôi...."

"I have given you knowledge," he said. "I have shown you the path to that place where the key of true power is hid."

"Ta đã cho con tri thức," ông nói. "Ta đã chỉ cho con con đường đến nơi chiếc chìa khóa của quyền năng chân thật được giấu kín."

"You have destroyed me," I answered.

"Ông đã hủy diệt tôi," tôi đáp.

For a little while there was silence, and in that silence the memory of Atlantis returned to me. I had spoken those words before to the priests of the Sun who had condemned me. Yes, verily, the wheel had turned full circle. Would it be ever so? Was a man brought always back to the same point, the same problem, until by an effort he had freed himself from it? Cheor had listened to the insidious voices of the dark powers; he had defied the Law....

Trong một lúc có sự im lặng, và trong sự im lặng ấy ký ức về Atlantis trở lại với tôi. Tôi đã từng nói những lời ấy với các tư tế Mặt Trời đã kết án tôi. Phải, thật vậy, bánh xe đã quay trọn một vòng. Liệu mãi mãi có như thế chăng? Có phải con người luôn bị đưa trở lại cùng một điểm, cùng một vấn đề, cho đến khi bằng một nỗ lực y tự giải thoát mình khỏi nó? Cheor đã lắng nghe những tiếng nói xảo quyệt của các quyền năng bóng tối; y đã thách thức Định luật....

Idly I picked up my dagger, turning it round in my hand. No escape. I looked up. "Well, what now?" I asked.

Lơ đãng tôi nhặt con dao găm lên, xoay nó trong tay. Không có lối thoát. Tôi ngước lên. "Được rồi, giờ thì sao?" tôi hỏi.

He laid his hand on my arm. "My son," he said, "do you not realize that the old must ever be destroyed to make room for the new?"

Ông đặt tay lên cánh tay tôi. "Con ta," ông nói, "con không nhận ra rằng cái cũ luôn luôn phải bị hủy diệt để nhường chỗ cho cái mới sao?"

I smiled grimly and shook my head. "I do not complain. You have indeed kept your promise. I have fallen into mine own snare. What now, I say?"

Tôi cười gằn và lắc đầu. "Tôi không than phiền. Quả thật ông đã giữ lời hứa của mình. Tôi đã rơi vào chính cái bẫy của mình. Giờ thì sao, tôi hỏi?"

"You return to your throne."

"Con trở về ngai vàng của mình."

I shrugged my shoulders wearily. "What would that profit me, since I have failed in my search? I may as well be destroyed here

Tôi mệt mỏi nhún vai. "Điều đó có ích gì cho tôi, khi tôi đã thất bại trong cuộc tìm kiếm của mình? Tôi cũng có thể bị hủy diệt ở đây

as there."

như ở đó."

Keeping his hand still upon my arm, he drew me towards the door. "Come with me," he said; "there is more for you to see before you go."

Vẫn giữ tay trên cánh tay tôi, ông kéo tôi về phía cửa. "Hãy đi với ta," ông nói; "trước khi đi, con còn phải thấy thêm nữa."

We stood again in the Cave of the Crystal. I glanced at it apprehensively, wondering what fresh terrors that mysterious surface would reveal.

Chúng tôi lại đứng trong Hang Động Pha Lê. Tôi nhìn khối pha lê với vẻ lo ngại, tự hỏi bề mặt huyền bí ấy sẽ còn phơi bày những nỗi kinh hoàng mới nào.

He turned to me and spoke gravely.

Ông quay về phía tôi và nói một cách nghiêm trang.

"I perceive that you have not yet understood all that you came here to learn. O Pharaoh, when you accepted the throne of Egypt you took a solem oath to guard and protect the sacred land of the most high Gods. Look!" and he flung out his hand towards the crystal.

"Ta nhận thấy con vẫn chưa hiểu hết mọi điều con đến đây để học. Hỡi Pharaoh, khi con chấp nhận ngai vàng Ai Cập, con đã tuyên một lời thề thiêng liêng là canh giữ và bảo vệ vùng đất thiêng của các Thượng đế tối cao. Hãy nhìn!" và ông vung tay về phía khối pha lê.

I looked, and behold, the surface was troubled. At first I saw only clouds of dust and rivers of blood, then slowly, out of the confusion I saw footmen advancing, falling beneath showers of arrows. I saw great temples going up in flame. Faces passed in confusion, faces I knew; my commanders, bloodstained and in despair, my generals and captains fleeing before hordes of barbarians. I saw Egypt in ruins and all my work undone. Then the pictures became clearer, more precise. I saw Re-shep-sut and knew that all the oaths by which I had bound her had proved unavailing. Net-Ka had died, and she, seeking to call up her sister's spirit and learn from her the secrets which may not be revealed, had sought the aid of the evil sorceresses who dwelt in the temple of Set.

Tôi nhìn, và kìa, bề mặt ấy đang xao động. Lúc đầu tôi chỉ thấy những đám mây bụi và những dòng sông máu, rồi chậm rãi, từ trong hỗn loạn tôi thấy bộ binh tiến lên, ngã xuống dưới những trận mưa tên. Tôi thấy những ngôi đền lớn bốc cháy. Những khuôn mặt lướt qua trong hỗn loạn, những khuôn mặt tôi biết; các chỉ huy của tôi, đẫm máu và tuyệt vọng, các tướng lĩnh và đội trưởng của tôi tháo chạy trước những đoàn man di. Tôi thấy Ai Cập đổ nát và mọi công trình của tôi bị phá hủy. Rồi các hình ảnh trở nên rõ hơn, chính xác hơn. Tôi thấy Re-shep-sut và biết rằng mọi lời thề mà tôi đã dùng để ràng buộc nàng đều tỏ ra vô hiệu. Net-Ka đã chết, và nàng, tìm cách gọi linh hồn chị mình lên và học từ đó những bí mật không được phép tiết lộ, đã tìm đến sự trợ giúp của những nữ phù thủy xấu ác sống trong đền Set.

I saw her falling more and more under their sway, ceasing to obey the voice of Besiurt, rejecting his counsel, mocking at his prognostications. I saw her taking lovers from among the lowest slaves and bringing shame upon the holy throne of Pharaoh by her riotous living and the abominations she practised openly. I saw the people, stirred at

Tôi thấy nàng ngày càng rơi sâu hơn dưới quyền lực của chúng, không còn vâng theo tiếng nói của Besiurt, bác bỏ lời khuyên của ông, chế nhạo những lời tiên báo của ông. Tôi thấy nàng lấy tình nhân từ hàng ngũ những nô lệ thấp hèn nhất và mang sự ô nhục lên ngai vàng thiêng liêng của Pharaoh bằng đời sống phóng đãng và những điều ghê tởm

last to revolt, appealing to the priests of Ra, and Re-shep-sut making secret overtures to my most bitter enemies. Then did I see how Besiurt cursed her from the highest step of the Temple; I saw her fleeing, a broken outcast; I saw, for an instant, her despairing face sinking beneath dark waters.

nàng công khai thực hành. Tôi thấy dân chúng, cuối cùng bị kích động đến nổi loạn, cầu viện các tư tế của Ra, và Re-shep-sut bí mật ngỏ lời với những kẻ thù cay độc nhất của tôi. Rồi tôi thấy Besiurt nguyền rủa nàng từ bậc cao nhất của Đền thờ; tôi thấy nàng chạy trốn, một kẻ bị ruồng bỏ tan nát; tôi thấy, trong khoảnh khắc, khuôn mặt tuyệt vọng của nàng chìm xuống dưới làn nước tối.

I stepped back in fury, roused to the realities of a life I had almost forgotten. "I have been betrayed," I cried, "the barbarians have broken the frontiers!"

Tôi lùi lại trong cơn thịnh nộ, bị kéo trở về với những thực tại của một cuộc đời mà tôi gần như đã quên. "Tôi đã bị phản bội," tôi kêu lên, "bọn man di đã phá vỡ biên giới!"

"There is no traitor but yourself," came his calm voice. "What right had you to put your responsibilities upon shoulders too weak to bear their weight? You alone precipitated this disaster. You had two ways of choice—it was not for me to force you to either, but I recall that, in your blind pride you said: *is not my soul worth more than Egypt?*" He stood before me now, tall and stern; at that moment he seemed like Thoth, the terrible God of justice. "What is the welfare of one man's soul compared to that of thousands of men and women who trust him? Upon you is the curse of duty unfulfilled. You desired power, you saw it slipping from you and came here, hoping to learn how you might keep your dominion. Now you have seen Egypt, you have looked upon yourself as you truly are. Do you still dare to say that you are fit for lordship? Do you consider that the destinies of men should be entrusted to one such as you, a man who abandons his country so as to save himself from his own passions which he cannot control?"

"Không có kẻ phản bội nào ngoài chính con," giọng ông bình thản vang lên. "Con có quyền gì mà đặt trách nhiệm của mình lên những đôi vai quá yếu để gánh nổi sức nặng ấy? Chính con đã ngưng tụ tai họa này. Con có hai con đường để chọn—ta không được phép ép con vào con đường nào, nhưng ta nhớ rằng, trong niềm kiêu hãnh mù quáng của mình, con đã nói: *linh hồn tôi chẳng đáng giá hơn Ai Cập sao?*" Giờ đây ông đứng trước mặt tôi, cao lớn và nghiêm nghị; trong khoảnh khắc ấy ông giống như Thoth, vị Thượng đế công lý đáng sợ. "Phúc lợi của linh hồn một người nam và nữ thì là gì so với phúc lợi của hàng ngàn những người nam và nữ đặt niềm tin nơi y? Trên con là lời nguyền của bổn phận không hoàn thành. Con ham muốn quyền năng, con thấy nó đang tuột khỏi tay mình và đến đây, hy vọng học được cách giữ lấy quyền thống trị. Giờ đây con đã thấy Ai Cập, con đã nhìn vào chính mình như con thật sự là. Con còn dám nói rằng mình xứng đáng với quyền cai trị sao? Con có cho rằng số phận của con người nên được giao phó cho một kẻ như con, một người nam và nữ bỏ rơi đất nước mình để tự cứu mình khỏi những đam mê mà y không thể kiểm soát không?"

"What then?" I returned, angry and bewildered, "should I not have sought to strengthen myself and learn how I might gain this control?"

"Vậy thì sao?" tôi đáp lại, giận dữ và bối rối, "chẳng lẽ tôi không nên tìm cách làm cho mình mạnh hơn và học cách đạt được sự kiểm soát này sao?"

"To perform one's duty is more often than not the sole way to gain both strength and

"Thực hiện bổn phận của mình thường thường chính là con đường duy nhất để đạt

control," he remarked dryly. "Had you been willing to sacrifice your own welfare for your country you would have taken such a step forward in your evolution that you would have merited far greater help and enlightenment than I have been allowed to give you now. As it is, you have merely started fresh causes of retribution for which you will at some time have to pay the price."

được cả sức mạnh lẫn sự kiểm soát," ông khô khan nhận xét. "Nếu con sẵn lòng hi sinh phúc lợi của riêng mình vì đất nước, con đã tiến một bước xa đến mức trong tiến hoá của mình, đến nỗi con đã xứng đáng nhận được sự trợ giúp và giác ngộ lớn lao hơn nhiều so với điều ta được phép ban cho con lúc này. Còn như hiện nay, con chỉ mới khởi tạo những nguyên nhân mới của sự báo ứng mà vào một lúc nào đó con sẽ phải trả giá."

I made a gesture of despair. "It seems that whatsoever I choose is wrong."

Tôi làm một cử chỉ tuyệt vọng. "Dường như bất cứ điều gì tôi chọn cũng đều sai."

"Because your mind is still dominated by the powers of your lower self, my son, and you cannot understand the voice of wisdom even when it speaks."

"Bởi vì trí tuệ con vẫn còn bị các quyền năng của phàm ngã chi phối, con ta, và con không thể thấu hiểu tiếng nói của minh triết ngay cả khi nó cất lên."

And suddenly the full implication of his words swept over me. Previously my mind had indeed been confused, now in a flash of insight I saw clear. Perhaps it was because the barriers I had raised against my secret fears had been shaken that night as never before, and this fresh proof of my own blindness and inadequacy finished the work the ordeal had begun. But in that moment I recognized myself at last for what I was, no longer strong, terrible, self-sufficient, but weak, helpless, and alone. Wave upon wave of terror broke upon me, submerging me. Fear of the past, of the present, but chiefly fear of that unimaginable future. On and on, circling in the trap, ignorance leading to error, error barring me from wisdom; no escape. To be sent forth thus, to attempt to fight on haunted by this knowledge, that was impossible.

Và đột nhiên toàn bộ hàm ý trong lời ông tràn ngập tôi. Trước đó trí tuệ tôi quả thật đã rối loạn, giờ đây trong một tia linh thị tôi thấy rõ. Có lẽ vì những rào cản tôi đã dựng lên chống lại các nỗi sợ bí mật của mình đã bị rung chuyển trong đêm ấy như chưa từng có, và bằng chứng mới này về chính sự mù quáng và bất toàn của tôi đã hoàn tất công việc mà thử thách đã khởi đầu. Nhưng trong khoảnh khắc ấy cuối cùng tôi nhận ra mình là gì, không còn mạnh mẽ, đáng sợ, tự mãn, mà yếu đuối, bất lực và cô độc. Hết làn sóng kinh hoàng này đến làn sóng khác ập xuống tôi, nhấn chìm tôi. Sợ hãi quá khứ, sợ hãi hiện tại, nhưng trên hết là sợ hãi tương lai không thể tưởng tượng ấy. Cứ thế mãi, quay vòng trong cái bẫy, vô minh dẫn đến sai lầm, sai lầm ngăn tôi khỏi minh triết; không có lối thoát. Bị đẩy ra đi như thế, cố gắng chiến đấu trong khi bị ám ảnh bởi tri thức này, điều đó là không thể.

"I cannot return," I cried, "it is true, I am not fit to lead, to rule, nor to conquer. Let another take my place, I shall go mad indeed and all go down into ruin."

"Tôi không thể trở về," tôi kêu lên, "đúng vậy, tôi không xứng để lãnh đạo, để cai quản, cũng không xứng để chinh phục. Hãy để người khác thay tôi, nếu không tôi thật sự sẽ phát điên và mọi sự sẽ cùng lao vào đổ nát."

"You must return: no man but yourself can right the wrongs you have done."

"Con phải trở về: không ai ngoài chính con có thể sửa chữa những sai trái con đã gây ra."

I looked into his eyes and suddenly found

Tôi nhìn vào mắt ông và đột nhiên thấy

myself at his feet: “Guide me, help me, show me the way! Alone I can do nothing; without you, O my Master, I am utterly lost.

mình dưới chân ông: “Xin hãy dẫn dắt tôi, giúp tôi, chỉ cho tôi con đường! Một mình tôi không thể làm gì; không có ông, ôi Chân sư của tôi, tôi hoàn toàn lạc lối.”

He laid his hand upon my shoulder. “My son,” he said in a voice full of compassion, “fear nothing, you will never be alone. For the first time in all your lives you have shown that humility which is the pre-requisite to all true progress and by this change of heart you have given us the right to be your guides and your mentors, for we can give no man the help he needs until he has freely acknowledged that need. From henceforth we will be ever by your side. Although still blinded by your limitations, you may, for many incarnations, be ignorant of our protection, it will never fail you. You have opened your mind to us; henceforth our voices, at all the great crises of your development, will be able to make themselves heard. No man who thus invokes us in humility is ever refused or abandoned. You will conquer.”

Ông đặt tay lên vai tôi. “Con ta,” ông nói bằng giọng đầy từ bi, “đừng sợ gì cả, con sẽ không bao giờ cô độc. Lần đầu tiên trong tất cả các kiếp sống của con, con đã biểu lộ sự khiêm nhường là điều kiện tiên quyết cho mọi tiến bộ chân thật, và nhờ sự đổi lòng này con đã cho chúng ta quyền được làm người hướng dẫn và người dìu dắt của con, vì chúng ta không thể ban cho ai sự trợ giúp mà y cần cho đến khi y tự do thừa nhận nhu cầu ấy. Từ nay về sau chúng ta sẽ luôn ở bên con. Dù vẫn còn bị làm mù bởi những giới hạn của mình, con có thể trong nhiều lần lâm phàm không biết đến sự che chở của chúng ta, nhưng nó sẽ không bao giờ thiếu vắng. Con đã mở trí tuệ mình cho chúng ta; từ nay tiếng nói của chúng ta, trong mọi khủng hoảng lớn của sự phát triển của con, sẽ có thể làm cho được lắng nghe. Không một ai khẩn cầu chúng ta trong khiêm nhường như thế mà lại bị từ chối hay bị bỏ rơi. Con sẽ chinh phục.”

He moved away and seated himself upon the bench, and I, still dazed and shaken, stumbled to my feet and sank down by his side.

Ông bước đi và ngồi xuống chiếc ghế dài, còn tôi, vẫn choáng váng và run rẩy, loạng choạng đứng dậy rồi ngồi sụp xuống bên cạnh ông.

Yet despite the shattering emotions I had experienced I felt curiously calm; I had given myself into his hands, henceforth let him direct me.

Tuy nhiên, bất chấp những cảm xúc dữ dội đã làm tan nát tôi, tôi lại cảm thấy bình an một cách lạ lùng; tôi đã phó mình vào tay ông, từ nay hãy để ông dẫn dắt tôi.

“Conquer?” I echoed, “you mean that I can be freed from these Shapes of Amend?”

“Chinh phục ư?” tôi nhắc lại, “ông muốn nói rằng tôi có thể được giải thoát khỏi những Hình Thể Sửa Đổi này sao?”

“I know it,” he said, “just as I know that you will attain your goal.” Was it my imagination or did a brightness flow from him? I sighed, abandoning myself to this mysterious influence. He was sure, then I too could have confidence.

“Ta biết điều đó,” ông nói, “cũng như ta biết rằng con sẽ đạt đến mục tiêu của mình.” Có phải chỉ là sự tưởng tượng của tôi hay một ánh sáng đang tuôn ra từ ông? Tôi thở dài, phó mình cho ảnh hưởng huyền bí ấy. Ông chắc chắn, vậy thì tôi cũng có thể có lòng tin.

“I know it,” he repeated, “because the destiny of every individual is the destiny of Life itself; you can no more eventually escape

“Ta biết điều đó,” ông lặp lại, “bởi vì định mệnh của mỗi cá thể là định mệnh của chính Sự sống; cuối cùng con không thể trốn khỏi

love than you can escape the fruits of your deeds of hate. Love is stronger than hate. Even the annihilation you feared could only be a temporary passing into obscuration of that primeval spark of the One Flame which dwells within every form. In some scheme or another every unit will work out its destiny, be that never so long delayed, for nothing lives to itself alone, all are part of that mighty Being who is beyond all human comprehension. But delay means suffering, for it is resisting the stream of Life which bears all creation irresistibly onward towards the consummation of the Divine Will."

tình thương hơn là trốn khỏi quả của những hành động hận thù của mình. Tình thương mạnh hơn hận thù. Ngay cả sự hủy diệt mà con sợ cũng chỉ có thể là một sự đi vào che khuất tạm thời của tia lửa nguyên sơ của Ngọn Lửa Duy Nhất đang ngự trong mọi hình tướng. Trong hệ hành tinh này hay hệ hành tinh khác, mọi đơn vị sẽ hoàn thành định mệnh của mình, dù có bị trì hoãn lâu đến đâu, vì không gì sống chỉ cho riêng mình, tất cả đều là phần của Hữu Thể hùng vĩ vượt ngoài mọi hiểu biết của con người. Nhưng trì hoãn có nghĩa là đau khổ, vì đó là chống lại dòng Sự sống đang mang toàn thể tạo vật tiến tới một cách không cưỡng nổi về sự hoàn tất của Ý Chí thiêng liêng."

He paused and answered my unspoken thoughts.

Ông ngừng lại và đáp lời những ý nghĩ không thốt ra của tôi.

"My son, do not imagine that either your struggle or your search is unique. Yours is the struggle of all men, yours their search, and also their goal. For an instant, when you came here, I gave you a foretaste—a reflection only—of that rightful heritage of mankind; that state of permanent love you must some day reach. I showed you, but it has faded now; I speak of it, but I know my words mean nought to you. You cannot even hope to understand them yet.

"Con ta, đừng tưởng rằng cuộc đấu tranh hay cuộc tìm kiếm của con là độc nhất. Đó là cuộc đấu tranh của mọi người nam và nữ, đó là cuộc tìm kiếm của họ, và cũng là mục tiêu của họ. Trong khoảnh khắc, khi con đến đây, ta đã cho con nếm trước—chỉ là một phản chiếu—gia sản chính đáng ấy của nhân loại; trạng thái tình thương thường hằng mà một ngày nào đó con phải đạt đến. Ta đã chỉ cho con thấy, nhưng giờ nó đã phai; ta nói về nó, nhưng ta biết lời ta chẳng có nghĩa gì với con. Con thậm chí còn chưa thể hy vọng thấu hiểu chúng.

"But always at certain stages in the evolution of every man a vision is vouchsafed and a goal is shown to him so that the impression remains ineradicable. It is then for him to work towards that goal until he is ready for a further and still greater revelation. So he goes on from stage to stage and as he progresses so the vision changes, becoming ever more vivid and more real as he learns wisdom and comes to a clearer understanding of this deeply buried purpose of the soul."

"Nhưng luôn luôn, ở những giai đoạn nhất định trong tiến hoá của mỗi người nam và nữ, một linh ảnh được ban cho và một mục tiêu được chỉ ra cho y để ấn tượng ấy còn lại không thể xóa nhòa. Khi ấy y phải hướng tới mục tiêu đó cho đến khi sẵn sàng cho một sự mặc khải tiếp theo và còn lớn hơn nữa. Cứ thế y đi từ giai đoạn này sang giai đoạn khác, và khi tiến bộ, linh ảnh cũng thay đổi, ngày càng sống động và chân thực hơn khi y học được minh triết và đi đến một sự thấu hiểu rõ ràng hơn về mục đích sâu kín này của linh hồn."

"It is true," I said—"I cannot indeed understand how man could be content with such a state for ever—nor even with a goal so

"Điều đó là đúng," tôi nói—"quả thật tôi không thể hiểu làm sao con người có thể bằng lòng với một trạng thái như thế mãi

vague and unsubstantial. As for your promise, we forget; death will draw down the curtain and when I awake to a new life, I will find myself beset by these old enemies again—for I see now that it will take me more than this life to conquer them. But I shall be once more blind and lost, I may not even remember that there *is* a goal. I will not know that you stand upon my right hand to aid me. In this life, yes, your assurance may give me the courage to fight on—but how shall I fare then?"

mãi—thậm chí cũng không thể bằng lòng với một mục tiêu mơ hồ và không thực chất đến vậy. Còn về lời hứa của thầy, chúng ta quên mất; cái chết sẽ buông màn xuống và khi tôi thức dậy trong một đời sống mới, tôi sẽ lại thấy mình bị những kẻ thù cũ ấy vây bủa—vì giờ đây tôi thấy rằng sẽ cần hơn một kiếp sống này để chinh phục chúng. Nhưng rồi tôi sẽ lại mù quáng và lạc lối, thậm chí có thể không còn nhớ rằng có một mục tiêu *thật sự*. Tôi sẽ không biết rằng thầy đứng bên tay phải tôi để trợ giúp tôi. Trong đời này, vâng, sự bảo đảm của thầy có thể cho tôi can đảm để tiếp tục chiến đấu—nhưng rồi sau đó tôi sẽ ra sao?"

He shook his head. "You will not forget. The circumstances in which the revelation has been given will certainly fade and be obscured by all the shifting forms of the illusory world in which you must dwell; but a dream, a vision, as of some lost perfection, will remain. All men, dear son, remember some shadow of their lost estate, that joy and perfection which is the eternal nature of their souls. But in those who, at some time or another, have faced their lower nature, this realization is ever more vivid, the struggle between higher and lower more acute, the yearning for freedom greater. Thus, realizing their lack, do they seek the ideal through life after life.

Ngài lắc đầu. "Con sẽ không quên. Những hoàn cảnh trong đó sự mặc khải này được ban cho con chắc chắn sẽ phai mờ và bị che khuất bởi mọi hình tướng biến đổi của thế giới ảo tưởng mà con phải cư ngụ; nhưng một giấc mơ, một linh ảnh, như về một sự toàn hảo đã mất, sẽ còn lại. Hỡi con yêu dấu, mọi người đều nhớ một cái bóng nào đó của trạng thái đã mất của mình, của niềm hoan hỉ và sự toàn hảo vốn là bản chất vĩnh cửu của linh hồn họ. Nhưng nơi những ai, vào lúc này hay lúc khác, đã đối diện với bản chất thấp kém của mình, sự chứng nghiệm này luôn sống động hơn, cuộc đấu tranh giữa cao và thấp gay gắt hơn, nỗi khát khao tự do lớn hơn. Vì vậy, nhận ra sự thiếu hụt của mình, họ tìm kiếm lý tưởng qua hết đời này đến đời khác.

"They call it by many names according to their stage of enlightenment, their nature and capacities. Some call it happiness, some security, some union with the beloved, some knowledge, some success. The name matters not— all ideals are but a shadow of that final perfection; experience only will teach them to discern the dross from the gold, to discriminate between the ephemeral and the enduring. What matters is that somehow the man shall be driven on towards the final consummation. You will be so driven, for you have demanded Truth, you have challenged your destiny, it awaits you in the world outside these walls, to which you must now return. Wise deeds bear fruit even

"Họ gọi nó bằng nhiều tên tùy theo giai đoạn giác ngộ, bản chất và năng lực của họ. Có người gọi đó là hạnh phúc, có người là an toàn, có người là sự hợp nhất với người yêu dấu, có người là tri thức, có người là thành công. Tên gọi không quan trọng—mọi lý tưởng chỉ là cái bóng của sự toàn hảo tối hậu ấy; chỉ kinh nghiệm mới dạy họ phân biện cặn bã với vàng ròng, phân biện giữa cái phù du và cái bền vững. Điều quan trọng là bằng cách nào đó con người phải được thúc đẩy tiến tới sự viên mãn cuối cùng. Con sẽ được thúc đẩy như thế, vì con đã đòi hỏi Chân Lý, con đã thách thức định mệnh của mình, và nó đang chờ con trong thế giới bên ngoài những bức tường này, nơi giờ đây con phải

as do foolish ones and the memory of what you have faced here will follow you, it will haunt you, inspire you, like a mirage lure you on until that day when, having pierced, however small a rift in the barrier which separates you from the Truth which is indeed yourself, you will realize in yourself the Truth that will set you free.

trở về. Hành động khôn ngoan sinh quả cũng như hành động ngu dại, và ký ức về điều con đã đối diện ở đây sẽ theo con, sẽ ám ảnh con, truyền cảm hứng cho con, như một ảo ảnh quyến rũ lôi kéo con tiến lên cho đến ngày mà, sau khi xuyên thủng được, dù chỉ là một khe hở nhỏ, trong bức màn ngăn cách con với Chân Lý vốn thật ra chính là con, con sẽ chứng nghiệm trong chính mình Chân Lý sẽ giải thoát con.

"Now you must go forward along the road of life towards that distant goal; but do not forget that you make your own road. You *are* the road. All forces, both good and evil, wait to serve you if you invoke them aright, but you must learn the magic formulae of invocation. Nothing is denied you but what you deny yourself. Do you desire friends and lovers, then give friendship and love, and they will crowd around you. Give service and you will be served; heal others and your own diseases will be cured. If anything ever seems to be denied you, give of that thing freely and eventually through giving, you will receive. If the world appears to ill-treat you, look well, my son, into your own heart; you will surely find hidden therein something that is inimical to the world.

"Giờ đây con phải tiến bước trên con đường đời hướng tới mục tiêu xa xôi ấy; nhưng đừng quên rằng chính con tạo nên con đường của mình. Con *chính là* con đường. Mọi mãnh lực, cả thiện lẫn ác, đều chờ để phụng sự con nếu con khẩn cầu chúng đúng cách, nhưng con phải học những công thức huyền thuật của sự khẩn cầu. Không điều gì bị từ chối với con ngoài điều mà chính con tự từ chối mình. Con có mong bạn hữu và người yêu chăng, vậy thì hãy trao tình bạn và tình yêu, và họ sẽ vây quanh con. Hãy phụng sự và con sẽ được phụng sự; chữa lành cho người khác và bệnh tật của chính con sẽ được chữa lành. Nếu có điều gì dường như từng bị từ chối với con, hãy rộng rãi cho đi chính điều ấy và cuối cùng qua sự cho đi, con sẽ nhận lại. Nếu thế gian dường như đối xử tệ bạc với con, hỡi con ta, hãy nhìn kỹ vào chính trái tim mình; chắc chắn con sẽ tìm thấy ẩn giấu trong đó một điều gì đó đối nghịch với thế gian.

"Do not complain at experience however bitter it may seem; use it rather, turn it to account, for nothing comes to man but can be made to benefit him. See how fortunate for you your present sickness has been. Had you been healthy and strong, self-satisfied, unafraid, you would never have sought me out, never have learned what now you will always, in your innermost being, know. It is often the contented, relatively happy man who gains the least out of his life, for he is inclined to remain static; cultivate rather within you that divine discontent which ever reaches forwards towards fresh achievements.

"Đừng than phiền về kinh nghiệm dù nó có vẻ cay đắng đến đâu; đúng hơn hãy sử dụng nó, biến nó thành lợi ích, vì không điều gì đến với con người mà lại không thể được làm cho có ích cho y. Hãy xem bệnh tật hiện nay của con đã may mắn cho con biết bao. Nếu con khỏe mạnh và cường tráng, tự mãn, không sợ hãi, con đã chẳng bao giờ tìm đến ta, chẳng bao giờ học được điều mà giờ đây trong nơi sâu thẳm nhất của mình con sẽ luôn biết. Thường chính con người mãn nguyện, tương đối hạnh phúc, lại thu được ít nhất từ đời sống của mình, vì y có khuynh hướng đứng yên; đúng hơn hãy nuôi dưỡng trong con sự bất mãn thiêng liêng luôn vươn tới những thành tựu mới.

“Strive therefore towards an ideal, towards the best you can conceive. One day your eyes will be opened; one day through manifold experiences you will be brought to understand. When you reach that high place, when you find within your own heart this truth, this serenity, this fount of perennial inspiration, of joy, of bliss; when, that is, you have cast down the final barrier and have united yourself by an act of willing sacrifice to That which in very truth you are —the Spirit of Love, which some men call God and others know to be beyond any name —then you will acknowledge that no striving has been in vain, no mistake to be deplored, no experience valueless, no suffering a waste of time.

“Vì vậy hãy phấn đấu hướng tới một lý tưởng, hướng tới điều tốt đẹp nhất mà con có thể hình dung. Một ngày kia mắt con sẽ mở ra; một ngày kia qua muôn vàn kinh nghiệm con sẽ được đưa đến chỗ thấu hiểu. Khi con đạt đến nơi cao ấy, khi con tìm thấy trong chính trái tim mình chân lý này, sự tĩnh lặng này, nguồn suối cảm hứng bất tận, của hoan hỉ, của chí phúc; khi, nghĩa là, con đã phá đổ rào cản cuối cùng và đã hợp nhất chính mình bằng một hành vi hi sinh có chủ ý với Cái mà thật ra con là—Tinh thần của Tình thương, điều mà có người gọi là Thượng đế và người khác biết là vượt ngoài mọi tên gọi—thì con sẽ thừa nhận rằng không một nỗ lực nào là vô ích, không một sai lầm nào đáng than tiếc, không một kinh nghiệm nào vô giá trị, không một đau khổ nào là phí thời gian.

“For the man who has cast aside his fetters and has tasted this blissful union with all things, suffers no longer from the limitations imposed upon lesser men. He knows no fear, for fear implies menace, and how can he be menaced who is one with all Life? Pain and calamity do not touch him, the joy which wells up perpetually in him from that great fountain-head of Love of which he has made himself a part, sustains him in whatsoever situation he may find himself. As a man looks back upon the necessary disciplines of his childhood, so will you, in that day, my son, look back on the many lives behind you and, grown to the full stature of a man, you will go forward strong and secure at last, fit to play your part either in this world or beyond it; it matters not which, for all worlds and all states are one to the man who has found himself.”

“Vì con người đã quăng bỏ xiềng xích của mình và đã nếm trải sự hợp nhất chí phúc này với vạn vật thì không còn chịu đau khổ vì những giới hạn áp đặt lên những người kém hơn nữa. Y không biết sợ hãi, vì sợ hãi hàm ý có đe dọa, và làm sao người nào là một với toàn bộ Sự sống lại có thể bị đe dọa? Đau đớn và tai họa không chạm đến y, niềm hoan hỉ luôn tuôn trào trong y từ nguồn cội vĩ đại của Tình thương mà y đã làm cho mình thành một phần của nó nâng đỡ y trong bất cứ hoàn cảnh nào y có thể thấy mình ở trong đó. Như một người nhìn lại những kỷ luật cần thiết của thời thơ ấu mình, thì vào ngày ấy, hỡi con ta, con cũng sẽ nhìn lại nhiều kiếp sống phía sau mình và, đã trưởng thành đến tầm vóc trọn vẹn của một con người, cuối cùng con sẽ tiến lên mạnh mẽ và vững vàng, xứng đáng đảm nhận vai trò của mình hoặc trong thế giới này hoặc vượt ngoài nó; điều đó không quan trọng, vì mọi thế giới và mọi trạng thái đều là một đối với người đã tìm thấy chính mình.”

Next morning before sunrise he brought me to the mouth of the great cave which led into the desert. And now that the parting had come, I realized to the full what this man meant to me. I felt like a lost child. We stood side by side looking out towards the distant horizon. He raised his arm.

Sáng hôm sau trước lúc mặt trời mọc, Ngài đưa tôi đến cửa hang lớn dẫn ra sa mạc. Và giờ đây khi giờ chia tay đã đến, tôi nhận ra trọn vẹn người này có ý nghĩa thế nào đối với tôi. Tôi cảm thấy như một đứa trẻ lạc loài. Chúng tôi đứng cạnh nhau nhìn ra chân trời xa. Ngài giơ cánh tay lên.

“Yonder is your city, O Pharaoh.”

“Đằng kia là thành phố của con, hỡi Pharaoh.”

I dropped on my knees before him, lifting the hem of his garment to my lips. “O my Master, yonder is death— here is all my life. Do not send me alone into this exile. Grant me at least that I may see and speak with thee again.”

Tôi quỳ sụp xuống trước Ngài, nâng vạt áo Ngài lên môi mình. “Ôi Chân sư của con, đằng kia là cái chết—còn ở đây là toàn bộ đời sống của con. Xin đừng gửi con một mình vào cuộc lưu đày này. Ít nhất xin cho con được thấy và nói chuyện với thầy lần nữa.”

“My son,” he said and the music of his voice and the joy of his presence brought a great peace upon me, “it is not death—it is life, for it is the Path of Return; there is no exile for the man who walks in Truth, and no separation for those who are bound together in the bonds of love. Between our souls there will be no separation any more. It is for you to become one with that soul of yours, for until you have learned to listen in the silence for its voice, until you can catch, if but an echo, of what is both yours and mine, you must indeed walk seemingly in exile and alone. You will not see me again until you have completed another stage of your journey; and when you have reached that stage there will be no need for you to invoke me—I shall be there. But before you are ready for what I will have to give you then, it is essential that you shall have at least broken the full power which these elementals of Atlantis have over your body and your mind, and cleared to some extent from your emotion and your mind their influence and their emanations. Now go forth. Heavy is the task upon you; I see darkness and blood over Egypt; you will have need of all your strength if you are to prevail. By yonder palm trees you will find a company of bowmen and a litter. Take up the sceptre which you laid down and bring peace to Egypt before your life ends.”

“Hỡi con ta,” Ngài nói, và âm nhạc trong giọng nói Ngài cùng niềm hoan hỉ của sự hiện diện của Ngài đem đến cho tôi một sự bình an lớn lao, “đó không phải là cái chết—đó là sự sống, vì đó là Con Đường Trở Về; không có lưu đày nào cho người bước đi trong Chân Lý, và không có chia lìa nào cho những ai được ràng buộc với nhau bằng những mối dây tình thương. Giữa các linh hồn của chúng ta sẽ không còn chia lìa nữa. Phần của con là trở nên một với linh hồn ấy của con, vì cho đến khi con học được cách lắng nghe trong im lặng tiếng nói của nó, cho đến khi con có thể nắm bắt được, dù chỉ là một tiếng vọng, điều vừa là của con vừa là của ta, thì quả thật con vẫn phải bước đi dường như trong lưu đày và cô độc. Con sẽ không gặp lại ta cho đến khi con hoàn tất thêm một chặng nữa của cuộc hành trình; và khi con đã đạt đến chặng ấy thì con sẽ không cần khẩn cầu ta—ta sẽ ở đó. Nhưng trước khi con sẵn sàng cho điều mà khi ấy ta sẽ phải trao cho con, điều cốt yếu là ít nhất con phải phá vỡ được toàn bộ quyền lực mà những hành khí Atlantis này đang có trên thể xác và thể trí của con, và phần nào quét sạch khỏi cảm xúc và trí tuệ của con ảnh hưởng cùng các phát xạ của chúng. Giờ hãy lên đường. Nhiệm vụ đặt trên con thật nặng nề; ta thấy bóng tối và máu phủ lên Ai Cập; con sẽ cần đến toàn bộ sức mạnh của mình nếu muốn thắng thế. Bên những cây cọ đằng kia con sẽ thấy một toán cung thủ và một cỗ cáng. Hãy cầm lại vương trượng mà con đã đặt xuống và đem hòa bình đến cho Ai Cập trước khi đời con chấm dứt.”

I stood up slowly. “That will not be long,” I said.

Tôi chậm rãi đứng dậy. “Điều đó sẽ không lâu đâu,” tôi nói.

He held out his hand and in the palm was a

Ngài đưa tay ra và trong lòng bàn tay là một

small brown scarab set in a ring. “This I have magnetized for you. Wear it always—let it be buried upon your heart when you enter the tomb. There will come a day when your mummy will be despoiled and through this despoilation eventually the scarab will return to you; that time is far away, but when once more you set it upon your finger you will be re-linked with this moment. When that happens you will know me again.”

con bọ hung nâu nhỏ gắn trên một chiếc nhẫn. “Ta đã từ hóa vật này cho con. Hãy luôn đeo nó—hãy để nó được chôn trên tim con khi con vào mộ. Sẽ đến một ngày xác ướp của con bị cướp phá và qua sự cướp phá ấy cuối cùng con bọ hung sẽ trở về với con; thời điểm ấy còn xa lắm, nhưng khi một lần nữa con đeo nó vào ngón tay mình, con sẽ được nối lại với khoảnh khắc này. Khi điều đó xảy ra con sẽ lại biết ta.”

He blessed me. I looked into his eyes, and now the stream of love which flowed into me from him brought with it a sense of exhilaration, of power, of glorious certainty.

Ngài chúc lành cho tôi. Tôi nhìn vào mắt Ngài, và giờ đây dòng tình thương tuôn vào tôi từ Ngài mang theo một cảm giác hân hoan, quyền năng, và sự chắc chắn huy hoàng.

A few steps away I turned and raised my arm in salutation, as I did so the first rays of the rising sun shot up from the rim of the desert and illuminated his tall figure till it seemed lost in a golden flame.

Đi được vài bước tôi quay lại và giơ tay chào, đúng lúc ấy những tia đầu tiên của mặt trời đang lên vọt lên từ vành sa mạc và soi sáng hình dáng cao lớn của Ngài cho đến khi dường như Ngài tan vào một ngọn lửa vàng.

I pressed the ring upon my finger. It gave me hope. I faced the sun and went forward towards the Path of Return....

Tôi ấn chiếc nhẫn vào ngón tay mình. Nó cho tôi hy vọng. Tôi đối diện mặt trời và tiến bước về phía Con Đường Trở Về....

The Path of Return.... Long after this vision of the past had faded, these words and their implication remained in my mind. I did not know at what date in the immense ranges of Egypt’s history this life had taken place, but assuming it to have been during one of the later periods of dynastic change and unrest, it must still have happened thousands of years ago.

Con Đường Trở Về.... Rất lâu sau khi linh ảnh về quá khứ này đã phai mờ, những lời ấy và hàm ý của chúng vẫn còn trong tâm trí tôi. Tôi không biết đời sống ấy đã diễn ra vào niên đại nào trong những tầng lớp mênh mông của lịch sử Ai Cập, nhưng nếu giả định nó thuộc một trong những thời kỳ sau của biến động triều đại và bất ổn, thì nó hẳn vẫn đã xảy ra cách đây hàng ngàn năm.

What then could I have been doing in the interval to have lingered so long upon that Path? My progress must have been appallingly slow. But at least I could comfort myself a little by the thought that some of those Atlantean forces must have been transmuted in that long interval, some of the barriers broken down, since the scarab was now upon my finger and once more a teacher stood by my side.

Vậy thì trong khoảng thời gian ấy tôi đã làm gì mà lưu lại lâu đến thế trên Con Đường đó? Sự tiến bộ của tôi hẳn đã chậm chạp đến kinh khủng. Nhưng ít nhất tôi cũng có thể tự an ủi đôi chút bằng ý nghĩ rằng một số mãnh lực Atlantis ấy hẳn đã được chuyển hoá trong khoảng thời gian dài đó, một số rào cản đã bị phá vỡ, vì giờ đây con bọ hung đang ở trên ngón tay tôi và một lần nữa một huấn sư đứng bên cạnh tôi.

However, when I considered those thousands of years, filled no doubt with

Tuy nhiên, khi nghĩ đến hàng ngàn năm ấy, chắc hẳn đầy dẫy những sai lầm bất tận và

endless mistakes and backslidings, I was overwhelmed with regrets not only for the waste of time involved but for the poor return I must have given for those efforts made on my most unworthy behalf in the Temple of the Rocks. But also I was filled with humility and gratitude at the realization that beings such as my teacher should trouble about people as little evolved as I had then been and indeed still was.

những lần sa sút, tôi bị tràn ngập bởi hối tiếc không chỉ vì sự phí phạm thời gian mà còn vì kết quả nghèo nàn mà hẳn tôi đã đáp lại những nỗ lực đã được thực hiện cho tôi, một kẻ hoàn toàn không xứng đáng, trong Đền Đá. Nhưng đồng thời tôi cũng tràn đầy khiêm cung và biết ơn khi chứng nghiệm rằng những hữu thể như huấn sư của tôi lại phải bận tâm đến những người tiến hóa ít ỏi như tôi khi ấy và thật ra vẫn còn là như vậy.

My bitter self-revilings were answered for me when at length I was once more allowed access to his mind; and caught in the rhythm of those dearly-remembered vibrations, even my rage against myself was somewhat assuaged. No anger nor hatred could long survive that profound calm which he radiated.

Những lời tự kết án cay đắng của tôi được đáp lại khi cuối cùng tôi lại được phép tiếp cận tâm trí của Ngài; và bị cuốn vào nhịp điệu của những rung động thân yêu còn nhớ rõ ấy, ngay cả cơn giận dữ đối với chính mình của tôi cũng phần nào dịu xuống. Không sự giận dữ hay thù hận nào có thể tồn tại lâu trong sự bình an sâu thẳm mà Ngài tỏa ra.

"Do not waste time and energy regretting the past," he said, "seek rather to understand it; study it if you are granted the opportunity, not emotionally, but as a scientist studies the ingredients necessary for some experiment. That is, after all, what experience really represents: the material used by the soul in attempting to make for itself a perfect body of manifestation. Once the man has understood this he will realize that his work lies in preparing himself much more self-consciously for the future than he has ever done before. This is actually what is happening in the world today.

"Đừng phí thời gian và năng lượng để hối tiếc quá khứ," Ngài nói, "đúng hơn hãy tìm cách thấu hiểu nó; hãy nghiên cứu nó nếu con được ban cho cơ hội, không phải bằng cảm xúc, mà như một nhà khoa học nghiên cứu những thành phần cần thiết cho một thí nghiệm nào đó. Rốt cuộc, đó chính là điều mà kinh nghiệm thật sự biểu hiện: chất liệu được linh hồn dùng trong nỗ lực tạo cho mình một thể biểu hiện hoàn hảo. Một khi con người đã hiểu điều này, y sẽ nhận ra rằng công việc của y nằm ở chỗ chuẩn bị cho tương lai một cách hữu thức về bản thân nhiều hơn bất cứ khi nào trước đây. Thật ra đây chính là điều đang diễn ra trong thế giới ngày nay.

"More people are beginning to understand some of the fundamental laws of nature and are recognizing the immense powers of mind; they are, in fact, rediscovering magic. Man is inclined to look back upon the magic of Atlantis, of Egypt, even of the Middle Ages as crude superstition, or something legendary and fantastic which humanity has outgrown; it can never be outgrown for magic is simply the ancient name given to the ability to use aspects of the great creative energies through which manifestation has been brought into being and which can be invoked, manipulated and controlled by

"Ngày càng có nhiều người bắt đầu hiểu một số định luật căn bản của bản chất và đang nhận ra những quyền năng bao la của trí tuệ; thật vậy, họ đang tái khám phá huyền thuật. Con người có khuynh hướng nhìn lại huyền thuật của Atlantis, của Ai Cập, thậm chí của thời Trung Cổ như mê tín thô sơ, hoặc như điều gì đó huyền thoại và kỳ ảo mà nhân loại đã vượt qua; điều đó không bao giờ có thể bị vượt qua vì huyền thuật chỉ đơn giản là tên gọi cổ xưa dành cho khả năng sử dụng các phương diện của những năng lượng sáng tạo vĩ đại qua đó sự biểu hiện đã được đưa vào hiện hữu và những năng lượng ấy có thể

knowledge of their secrets combined with the power of the will.

được khẩn cầu, vận dụng và kiểm soát bằng tri thức về các bí mật của chúng kết hợp với quyền năng của ý chí.

"People forget that each age must express itself in its own terms. Every man who thinks forcibly is a magician, either black or white, according to the motive and purpose behind his thought.

"Người ta quên rằng mỗi thời đại phải tự biểu hiện bằng những thuật ngữ riêng của nó. Mỗi người suy nghĩ một cách mãnh liệt đều là một nhà huyền thuật, hoặc chánh đạo hoặc hắc thuật, tùy theo động cơ và mục đích đứng sau tư tưởng của y.

"In the past he achieved control over matter through the use of sound, ceremonial and various rituals; now he does so mainly by scientific means, psychological knowledge and organization. The first method calls into being certain energies generated by intense, concentrated emotion and desire; the second by concentrated thought, although combination of both are used today. The written word and pictured image are primarily the magical weapons of this age. Consider for a moment the influence of the Press, advertising, cinema and radio which mould the plastic minds of the masses. These methods of exercising control may not be so spectacular as the ancient ceremonies and incantations but, since all men are more closely linked in this age than ever before, the new magic is infinitely more potent and can be more sinister.

"Trong quá khứ y đạt được sự kiểm soát đối với vật chất qua việc sử dụng âm thanh, nghi lễ và nhiều lễ thức khác nhau; còn nay y làm điều đó chủ yếu bằng phương tiện khoa học, tri thức tâm lý học và tổ chức. Phương pháp thứ nhất gọi vào hiện hữu những năng lượng nhất định được tạo ra bởi cảm xúc và ham muốn mãnh liệt, tập trung; phương pháp thứ hai bởi tư tưởng tập trung, mặc dù ngày nay sự kết hợp của cả hai đều được sử dụng. Linh từ viết ra và hình ảnh được vẽ nên trước hết là những vũ khí huyền thuật của thời đại này. Hãy suy nghĩ một lát về ảnh hưởng của báo chí, quảng cáo, điện ảnh và phát thanh đang nhào nặn những trí tuệ dễ uốn của quần chúng. Những phương pháp thực thi sự kiểm soát này có thể không ngoạn mục như các nghi lễ và thần chú cổ xưa nhưng, vì trong thời đại này mọi người liên kết với nhau chặt chẽ hơn bao giờ hết, nên huyền thuật mới mạnh hơn vô hạn và cũng có thể hiểm độc hơn.

"Those who use these powers to cheat, deceive and manipulate the unwary in order to gain their personal ends and further their selfish interests are every bit as dangerous black magicians in their way as the men who deliberately created evil genii to serve them in the far past. I know you have been finding it difficult to accept literally what you have been told regarding the actuality of these forms of evil created in Atlantis which were still so powerful hundreds of years later that they could actually be seen and could hold their wretched creator in thrall. I assure you they were only too real. Every powerfully organized thought, good or evil, creates an appropriate form in subtle matter. So it does not need a great effort of imagination to

"Những ai dùng các quyền năng này để lừa gạt, đánh lừa và thao túng những người nhẹ dạ nhằm đạt mục đích cá nhân và thúc đẩy quyền lợi ích kỷ của mình thì theo cách riêng của họ nguy hiểm chẳng kém gì những nhà hắc thuật đã cố ý tạo ra các ác thần để phụng sự mình trong quá khứ xa xưa. Ta biết con đã thấy khó chấp nhận theo nghĩa đen điều con được kể về tính hiện thực của những hình thể ác do Atlantis tạo ra, những hình thể vẫn còn mạnh đến mức hàng trăm năm sau chúng thực sự có thể được nhìn thấy và có thể giam giữ kẻ tạo ra khốn khổ của chúng trong vòng nô lệ. Ta bảo đảm với con rằng chúng quá đỗi có thật. Mỗi tư tưởng được tổ chức mạnh mẽ, thiện hay ác, đều tạo ra một hình thể thích hợp trong chất liệu vi tế. Vì

realize what man's cruelty, selfishness, evil desires and actions, has produced down the ages ever since he became capable of thinking positively and charging such thoughts with emotion. He has literally peopled the atmosphere of his world with hosts of evil shapes, which form about him and the earth a great cloud of darkness; and he will continue to increase and energize this by every selfish impulse and evil thought until he realizes what he is doing and reverses the process, breaking up and dissipating this poisonous darkness by pouring in light and love, as clear water will purify a muddy pool. This can only be accomplished by each individual working unceasingly upon his own particular contribution.

vậy không cần nhiều nỗ lực của sự tưởng tượng để nhận ra rằng sự tàn nhẫn, ích kỷ, ham muốn xấu xa và hành động ác của con người đã sản sinh ra điều gì qua các thời đại kể từ khi y trở nên có khả năng suy nghĩ tích cực và nạp cảm xúc vào những tư tưởng ấy. Y đã thực sự làm cho bầu khí quyển của thế giới mình đầy những đạo quân hình thể xấu ác, chúng tạo thành quanh y và quanh Trái Đất một đám mây đen tối lớn; và y sẽ tiếp tục gia tăng và tiếp sinh lực cho nó bằng mỗi xung động ích kỷ và mỗi tư tưởng xấu cho đến khi y nhận ra mình đang làm gì và đảo ngược tiến trình, phá vỡ và làm tiêu tan bóng tối độc hại này bằng cách tuôn vào ánh sáng và tình thương, như nước trong sẽ làm tinh sạch một ao bùn. Điều này chỉ có thể được hoàn thành khi mỗi cá nhân không ngừng làm việc trên phần đóng góp riêng của mình.

"Unfortunately in this age the situation is worse than it has ever been before as man is recovering so much of his lost knowledge and learning how to harness the elements themselves to serve him. Those who deliberately use this knowledge to create destructive forces such as poison gas, death rays, high explosives and the like are also creating, did they but know it, terrific elementals in subtle matter who will follow them vengefully life after life, as those followed you from Atlantis until, to some extent at least they have redeemed them. In fact the parallel, as I have already pointed out, between this age and that of Atlantis is very close.

"Đáng tiếc là trong thời đại này tình hình còn tệ hơn bao giờ hết vì con người đang phục hồi quá nhiều tri thức đã mất của mình và học cách khai thác chính các nguyên tố để phụng sự mình. Những ai cố ý dùng tri thức này để tạo ra các mãnh lực hủy diệt như khí độc, tia chết chóc, chất nổ mạnh và những thứ tương tự cũng đang tạo ra, nếu họ chỉ biết điều đó, những hành khí khủng khiếp trong chất liệu vi tế, chúng sẽ theo họ báo oán hết đời này sang đời khác, như những hành khí đã theo con từ Atlantis cho đến khi, ít nhất ở một mức độ nào đó, họ đã cứu chuộc chúng. Thật vậy, như ta đã chỉ ra, sự tương đồng giữa thời đại này và thời Atlantis là rất gần.

"The law remains unchanged; so as man becomes increasingly powerful on the mental creative levels, his responsibilities become heavier and the consequences of his actions proportionately greater if he uses his powers wrongly. Even the average man of today is learning through the intensive training he receives in concentration which modern education provides, to think more clearly and precisely; therefore he creates more powerful thought-forms which, whether he is aware of it or not, are projected telepathically far more widely than he could

"Định luật vẫn không đổi; vì vậy khi con người ngày càng trở nên mạnh mẽ hơn trên các cấp độ sáng tạo trí tuệ, trách nhiệm của y càng nặng nề hơn và hậu quả của hành động y càng lớn tương ứng nếu y dùng sai quyền năng của mình. Ngay cả con người trung bình ngày nay cũng đang học, qua sự huấn luyện chuyên sâu về tập trung mà nền giáo dục hiện đại cung cấp, cách suy nghĩ rõ ràng và chính xác hơn; do đó y tạo ra những Hình tư tưởng mạnh hơn, những hình tư tưởng này, dù y có nhận biết hay không, được phóng chiếu bằng viễn cảm rộng hơn rất

imagine. As a result he can encircle himself with veritable guardians of light or hosts of destructive forces, for thought is magnetic and draws to its creator energies of the same order as those he emanates. These also influence his environment and even his world. You would do well to consider this in relation to what is happening around you today.

nhiều so với điều y có thể tưởng tượng. Kết quả là y có thể bao quanh mình bằng những người canh giữ ánh sáng thật sự hoặc những đạo quân mãnh lực hủy diệt, vì tư tưởng có tính từ tính và kéo đến cho kẻ sáng tạo ra nó những năng lượng cùng loại với những gì y phát xạ. Chúng cũng ảnh hưởng đến môi trường của y và thậm chí cả thế giới của y. Con nên suy ngẫm điều này trong liên hệ với những gì đang xảy ra quanh con ngày nay.

"It is for this reason that anyone who is seriously endeavouring to study what is at present known as 'occultism' and is desirous of spreading this knowledge is being especially watched and when possible trained by those on the inner planes whose task it is to try to lead humanity forward along the evolutionary path and to help each individual to break up and disperse this noxious cloud of ancient evil which still blinds man to his true purpose and destiny."

"Chính vì lý do này mà bất cứ ai đang nghiêm túc nỗ lực nghiên cứu điều hiện nay được gọi là 'huyền bí học' và mong muốn truyền bá tri thức này đều đang được đặc biệt theo dõi và khi có thể thì được huấn luyện bởi những vị ở các cõi bên trong, những vị có nhiệm vụ cố gắng dẫn dắt nhân loại tiến lên trên con đường tiến hoá và giúp mỗi cá nhân phá vỡ và phân tán đám mây độc hại của cái ác cổ xưa này, thứ vẫn còn làm mù con người trước mục đích và định mệnh chân thật của y."

I could understand why people who were making a deliberate attempt to obey the Divine Will and work with the Law instead of against it, might possibly be worth helping, but that did not explain why I had been allowed to contact a teacher in Egypt, for then I had been out for personal gain alone and my motives were purely selfish; nor could I even see why I had been put into such a position of power at all and given such opportunities for the exercise of my very undesirable accomplishments.

Tôi có thể hiểu vì sao những người đang cố ý nỗ lực tuân theo Ý Chí thiêng liêng và làm việc với Định luật thay vì chống lại nó có lẽ đáng được giúp đỡ, nhưng điều đó không giải thích được vì sao tôi đã được phép tiếp xúc với một huấn sư ở Ai Cập, bởi khi ấy tôi chỉ theo đuổi lợi ích cá nhân và động cơ của tôi hoàn toàn ích kỷ; tôi cũng không thể hiểu vì sao mình lại được đặt vào một vị trí quyền lực như thế và được trao những cơ hội để vận dụng những khả năng hết sức không đáng mong muốn của mình.

"You are taking the average short-sighted view," he admonished me. "Such judgements are usually fallacious because no one—unless he can read not only man's past but even the world Karma of the moment—is able to see the true cause of contemporary events. But we take a wider view. We see things in a better perspective since we can look forward as well as back, and consider the overall plan to be of greater importance than the individual. You must realize, moreover, that there is such a thing as national, racial and even planetary Karma to be taken into consideration. You are too

"Con đang nhìn theo quan điểm thiển cận thông thường," Ngài quở trách tôi. "Những phán đoán như thế thường sai lầm vì không ai—trừ phi y có thể đọc được không chỉ quá khứ của con người mà cả nghiệp quả thế giới của thời điểm ấy—có thể thấy nguyên nhân thật sự của các biến cố đương thời. Nhưng chúng ta nhìn rộng hơn. Chúng ta thấy sự vật trong một viễn cảnh tốt hơn vì chúng ta có thể nhìn về phía trước cũng như phía sau, và xem kế hoạch tổng thể quan trọng hơn cá nhân. Hơn nữa, con phải nhận ra rằng có những thứ như nghiệp quả quốc gia, nghiệp quả chủng tộc và thậm chí nghiệp quả hành

inclined to think of Karma as only applicable to the life of man; but man's life fits into the pattern of greater lives, even as the little cellular lives in your body are part of your own physical state. The consideration of such intricate workings of the One Law may well make your finite mind reel, but at least it can teach you, if it does nothing more, not to be too hasty in your superficial judgements of any occurrences, either those related to the lives of personalities or to more far-reaching events.

tinh cần được xét đến. Con quá có khuynh hướng nghĩ rằng nghiệp quả chỉ áp dụng cho đời sống con người; nhưng đời sống con người phù hợp vào mô hình của những sự sống lớn hơn, cũng như những sự sống tế bào nhỏ bé trong thể xác con là một phần của trạng thái hồng trần của chính con. Việc suy xét những vận hành tinh vi như thế của Định luật Duy Nhất hẳn có thể làm trí tuệ hữu hạn của con quay cuồng, nhưng ít nhất nó cũng có thể dạy con, nếu không làm gì hơn, đừng quá vội vàng trong những phán đoán hời hợt của mình về bất kỳ biến cố nào, dù là những biến cố liên quan đến đời sống của các phàm ngã hay đến những sự kiện có tầm ảnh hưởng xa hơn.

"You may now perhaps be able to understand that every instrument must, if possible, be made to serve our ends, even if to the eyes of man it may appear quite unworthy. There is therefore no need for anyone to feel unduly flattered when he is thus chosen by us. There is no favouritism in our methods, we do not use or ignore people because of any personal bias. Our one object is to raise the general level of spirituality, to bring order out of chaos, wisdom out of foolishness, harmony out of discord. Therefore although we prefer those who are willing and able to co-operate with us in this work, from the beginning of time we have always been forced by the scarcity of good material to use whatsoever instruments we could find, even though they may not be particularly competent ones and as likely as not may temporarily ruin our plans through their inefficiency and human weaknesses.

"Có lẽ giờ đây con có thể hiểu rằng mọi công cụ đều phải, nếu có thể, được làm cho phụng sự mục đích của chúng ta, ngay cả khi trong mắt con người nó có vẻ hoàn toàn không xứng đáng. Vì vậy không ai cần cảm thấy quá được tâng bốc khi được chúng ta chọn như thế. Trong phương pháp của chúng ta không có thiên vị, chúng ta không dùng hay bỏ qua con người vì bất kỳ thành kiến cá nhân nào. Mục tiêu duy nhất của chúng ta là nâng cao mức độ tinh thần chung, đem trật tự ra từ hỗn loạn, minh triết ra từ ngu dại, hòa điệu ra từ bất hòa. Vì vậy, mặc dù chúng ta ưa thích những ai sẵn lòng và có khả năng hợp tác với chúng ta trong công việc này, nhưng từ thuở ban đầu của thời gian chúng ta luôn bị buộc, do sự khan hiếm chất liệu tốt, phải dùng bất cứ công cụ nào chúng ta có thể tìm thấy, dù chúng có thể không đặc biệt có năng lực và rất có thể tạm thời làm hỏng kế hoạch của chúng ta bởi sự bất tài và những yếu đuối nhân loại của chúng.

"As for the question of whether or not you merited to be in such a high position in that life, it was not so much due to merit as to your own character and your capacity to seize opportunities. Another might have missed them or failed in action and been defeated. All men have opportunities for power and position at some time; but what they seldom realize is the responsibility entailed and what the Karma of failure will

"Còn về câu hỏi liệu con có xứng đáng ở vị trí cao như thế trong đời sống ấy hay không, điều đó không hẳn do công trạng mà do chính tính cách của con và khả năng nắm bắt cơ hội của con. Người khác có thể đã bỏ lỡ chúng hoặc thất bại trong hành động và bị đánh bại. Mọi người đều có cơ hội đạt quyền lực và địa vị vào lúc nào đó; nhưng điều họ hiếm khi nhận ra là trách nhiệm kéo theo và nghiệp quả của sự thất bại sẽ là gì. Nếu họ

be. If they did they would often hesitate and not be led by vanity into positions for which they are not morally fitted.

nhận ra, họ thường sẽ do dự và không bị lòng hư vinh dẫn vào những vị trí mà về mặt đạo đức họ không thích hợp.

"It happened that at the particular period of Egyptian history in which you lived it was essential that the central authority should be at all costs maintained. Egypt was destined to be for centuries to come a focus through which culture, poetry and art—those moulding forces of civilization—could be poured. Therefore men were needed who could rule and by ruling keep the peace; for without security no arts, and eventually no advanced state of true civilization can hope to flourish. There were no men available who were capable of bridging an interlude between two great rulers destined to carry on the work save you who had thrust your way into a position of authority. True, you were a black magician and had all the faults characteristic of a man with such a past, but at least you had strength and resolve. Do not think that a man who has acquired a strong character, even though it has been developed upon the Left Hand Path, has necessarily failed in his evolution. Strength of purpose remains always an asset, for it has only to be given a right direction instead of a wrong one—in other words to be made creative instead of destructive—to become of great value to us.

"Đã xảy ra rằng trong giai đoạn đặc biệt của lịch sử Ai Cập mà con sống, điều cốt yếu là quyền lực trung ương phải được duy trì bằng mọi giá. Ai Cập được định sẵn trong nhiều thế kỷ sau đó sẽ là một tiêu điểm qua đó văn hóa, thi ca và nghệ thuật—những mãnh lực nhào nặn của nền văn minh—có thể được tuôn đổ. Vì vậy cần những người có thể cai quản và bằng việc cai quản mà giữ được hòa bình; vì không có an ninh thì không nghệ thuật nào, và cuối cùng không trạng thái văn minh chân chính cao cấp nào, có thể hy vọng hưng thịnh. Không có người nào sẵn có có khả năng bắt cầu qua một khoảng chuyển tiếp giữa hai vị đại quân vương được định sẵn tiếp tục công việc, ngoại trừ con, kẻ đã chen đường mình vào một vị trí quyền lực. Đúng, con là một nhà hắc thuật và có mọi khuyết điểm đặc trưng của một người với quá khứ như thế, nhưng ít nhất con có sức mạnh và quyết tâm. Đừng nghĩ rằng một người đã đạt được tính cách mạnh mẽ, dù nó được phát triển trên tả đạo, nhất thiết đã thất bại trong tiến hoá của mình. Sức mạnh của mục đích luôn luôn là một tài sản, vì nó chỉ cần được trao cho một hướng đi đúng thay vì sai—nói cách khác, được làm cho sáng tạo thay vì hủy diệt—thì sẽ trở nên rất có giá trị đối với chúng ta.

"So we used you because you were necessary to us; but at the same time, since we could see that you were at a vital point in your evolution, we hoped to be able to hasten the development of one of those individual units which had hitherto been a danger and a handicap to the race. For all evil people by their bad influence upon their surroundings or through allowing themselves to become tools of the Dark Forces—even if unwittingly—act as a brake upon the general advancement. For that reason we will often take more trouble with a strong and wayward man than with the well-intentioned but weak individuals who, unfortunately, as yet still make up the larger

"Vì vậy chúng ta đã dùng con vì con cần thiết cho chúng ta; nhưng đồng thời, vì chúng ta có thể thấy con đang ở một điểm tiến hoá thiết yếu, chúng ta hy vọng có thể thúc đẩy nhanh sự phát triển của một trong những đơn vị cá nhân mà cho đến lúc ấy vẫn là một mối nguy và một chướng ngại cho nhân loại. Vì mọi người xấu, bằng ảnh hưởng xấu của họ lên môi trường xung quanh hoặc qua việc để mình trở thành công cụ của các Mãnh Lực Bóng Tối—dù là vô tình—đều hành động như một cái phanh đối với sự tiến bộ chung. Vì lý do đó chúng ta thường nhọc công hơn với một người mạnh mẽ nhưng ngỗ nghịch hơn là với những cá nhân có thiện ý nhưng yếu đuối, những người mà đáng tiếc thay

proportion of mankind. The Christ made this very clear in his parable of the ninety-and-nine sheep, but as usual few men have troubled to grasp his implication, still less to apply it.

hiện vẫn còn chiếm phần lớn hơn trong nhân loại. Đức Christ đã làm điều này rất rõ trong dụ ngôn chín mươi chín con chiên, nhưng như thường lệ ít người chịu khó nắm bắt hàm ý của Ngài, càng ít hơn nữa là áp dụng nó.

"Do not think, however, that even so you would ever have been allowed that close contact with the Secret Ruler had you not, in your inmost heart, desired help and enlightenment for higher ends and also made a supreme effort to obtain them. For until there is a fundamental urge towards progress on the part of the man himself we are powerless to give him any personal help or encouragement. Individual free will is an essential aspect of the evolution of humanity. We always try to turn man's faults and mistakes to the best advantage for everyone concerned but we never proselytize, for we know only too well that until the desire for regeneration is born and springs up like a flame from within, any outward acceptance of our doctrines would only be ephemeral. Again I return to the teaching of Christ: the house built on sand will never withstand the tempest; so we wait until the man is driven to ask us how he may begin to build it upon the rock."

"Tuy nhiên, đừng nghĩ rằng ngay cả như thế con cũng đã từng được phép có sự tiếp xúc gần gũi ấy với Vị Chúa Tể Bí Mật nếu trong trái tim sâu kín nhất con không mong muốn sự trợ giúp và giác ngộ cho những mục đích cao hơn và cũng không thực hiện một nỗ lực tối thượng để đạt được chúng. Vì cho đến khi có một thúc đẩy căn bản hướng tới tiến bộ từ phía chính con người, chúng ta bất lực không thể trao cho y bất kỳ sự giúp đỡ hay khích lệ cá nhân nào. Tự do ý chí cá nhân là một phương diện thiết yếu của sự tiến hoá của nhân loại. Chúng ta luôn cố gắng biến lỗi lầm và sai sót của con người thành lợi ích tốt nhất cho mọi bên liên quan nhưng chúng ta không bao giờ cải đạo, vì chúng ta biết quá rõ rằng cho đến khi khát vọng tái sinh được sinh ra và bùng lên như ngọn lửa từ bên trong, bất kỳ sự chấp nhận bên ngoài nào đối với giáo lý của chúng ta cũng chỉ là phù du. Một lần nữa ta trở lại với giáo huấn của Đức Christ: ngôi nhà xây trên cát sẽ không bao giờ đứng vững trước bão tố; vì vậy chúng ta chờ cho đến khi con người bị dồn ép phải hỏi chúng ta làm sao y có thể bắt đầu xây nó trên đá."

"Still," I interpolated, "Pharaoh's motives were so unworthy, he only made the effort towards self-betterment out of fear and under the compulsion of choosing the lesser of what appeared to be two evils."

"Nhưng," tôi chen vào, "động cơ của Pharaoh quá không xứng đáng, ông ta chỉ nỗ lực tự cải thiện vì sợ hãi và dưới sự cưỡng bách phải chọn điều ít xấu hơn trong hai điều dường như đều xấu."

"Do not be in such a hurry to condemn him," he replied with a smile. "Every act and motive must be judged by the circumstances conditioning it. Fear, self-preservation and the like, are some of nature's most successful methods of making primitive or backward men bestir themselves and seek better things. Remember, everything is relative and in those very early stages motives do not matter—desire is enough. So if ever men come to you in fear—of what, matters little

"Đừng quá vội lên án ông ta," Ngài đáp với một nụ cười. "Mọi hành động và động cơ đều phải được phán xét theo những hoàn cảnh tác động lên nó. Sợ hãi, tự bảo tồn và những điều tương tự là một số phương pháp thành công nhất của bản chất để khiến những người nguyên thủy hoặc lạc hậu phải cựa mình và tìm kiếm những điều tốt đẹp hơn. Hãy nhớ rằng mọi sự đều tương đối và trong những giai đoạn rất sớm ấy động cơ không quan trọng—ham muốn là đủ. Vì vậy nếu có

—rejoice, as we, the Guardians of the Race, rejoice when we hear the cry of despair uttered by a soul in travail. For fear presupposes sense of lack; and again and again in the lives of every man there come moments when all things fail him and recognizing his lack he recognizes also that he is incapable of remedying it. It is just these moments which so often prove to be turning-points of his evolution. Therefore give all you can to such an one. Do not dare to condemn or to judge him.

khi nào con người đến với con trong sợ hãi—sợ điều gì, điều đó ít quan trọng—hãy hoan hỉ, như chúng ta, những Đấng Hộ Trì của Nhân Loại, hoan hỉ khi nghe tiếng kêu tuyệt vọng thốt ra bởi một linh hồn đang quằn quại. Vì sợ hãi giả định có ý thức về sự thiếu hụt; và hết lần này đến lần khác trong đời mỗi người đều có những khoảnh khắc khi mọi sự đều thất bại đối với y và khi nhận ra sự thiếu hụt của mình, y cũng nhận ra rằng mình không có khả năng khắc phục nó. Chính những khoảnh khắc ấy thường tỏ ra là những bước ngoặt của sự tiến hoá của y. Vì vậy hãy cho một người như thế tất cả những gì con có thể. Đừng dám lên án hay phán xét y.

"Only we who can read the heart can judge whether a man is ready to receive enlightenment. But be very sure that if the cry is prolonged enough, determined enough, sincere enough, it will be answered. Even as in Egypt when your cry went out, when, in your burning desire you used a Word which might have shattered you to pieces, you were not condemned, you were rather received with joy and your feet set upon the Path."

"Chỉ chúng ta, những vị có thể đọc được trái tim, mới có thể phán xét liệu một người đã sẵn sàng nhận lấy giác ngộ hay chưa. Nhưng hãy hoàn toàn chắc chắn rằng nếu tiếng kêu đủ kéo dài, đủ quyết tâm, đủ chân thành, nó sẽ được đáp lại. Cũng như ở Ai Cập khi tiếng kêu của con phát ra, khi trong khát vọng cháy bỏng của mình con đã dùng một Linh từ có thể đã làm con tan thành từng mảnh, con đã không bị lên án, trái lại được đón nhận với niềm hoan hỉ và đôi chân con được đặt lên Con Đường."

"But I sense they did not stay on it long," I said bitterly, "what happened to Pharaoh in the end? Did he do his duty and bring peace to Egypt?"

"Nhưng tôi cảm thấy chúng đã không ở trên đó lâu," tôi cay đắng nói, "cuối cùng Pharaoh đã ra sao? Ông ta có làm tròn bổn phận và đem hòa bình đến cho Ai Cập không?"

"He did, and thereafter died—insane."

"Có, và sau đó ông ta chết—trong điên loạn."

I shuddered. "So he didn't escape, after all?"

Tôi rùng mình. "Vậy rốt cuộc ông ta vẫn không thoát được sao?"

"How could he? A man does not change in the twinkling of an eye and become a saint in a day. These sudden conversions one hears of are in reality but the culminating point of long lives of inward struggle and slow growth. None of nature's processes are rapid—judged by man's standard of time. How could such a man as you then were, with bodies attuned to the note of the forces of destruction, atoms poisoned and weakened by centuries of evil thinking, hope to combat

"Làm sao ông ta có thể thoát? Một người không thay đổi trong chớp mắt và trở thành thánh nhân trong một ngày. Những sự cải đạo đột ngột mà người ta nghe nói đến thật ra chỉ là điểm đỉnh của những đời sống dài đấu tranh nội tâm và tăng trưởng chậm chạp. Không tiến trình nào của bản chất là nhanh—nếu xét theo tiêu chuẩn thời gian của con người. Làm sao một người như con khi ấy, với các thể được điều chỉnh theo âm điệu của những mãnh lực hủy diệt, các

for long the results of your own foolishness? Pharaoh learned a great deal through that failure, and that is all that ultimately matters."

nguyên tử bị đầu độc và suy yếu bởi hàng thế kỷ suy nghĩ xấu ác, lại có thể hy vọng chống lại lâu dài kết quả của chính sự ngu dại của mình? Pharaoh đã học được rất nhiều qua thất bại đó, và đó là tất cả những gì rốt cuộc quan trọng."

"But if he hadn't.... That priest used the word annihilation. A terrible word. If all is an aspect of the One Life how could that be possible?"

"Nhưng nếu ông ta đã không.... Vị tư tế ấy đã dùng từ hủy diệt. Một từ khủng khiếp. Nếu mọi sự đều là một phương diện của Sự Sống Duy Nhất thì làm sao điều đó có thể xảy ra?"

"The true Self—the Soul—can *never* be annihilated in the sense you use the term since, as you truly realize, nothing that possesses the spark of divinity can ever die. But he was clearly not speaking of the Soul." He sighed. "Whatever one says will almost certainly be open to misinterpretation. But let me put it this way and do not even take this literally for no analogy can express a spiritual truth. Just as in the personality the thread of memory can be broken by illness, old age or other causes, yet the individuality —the true Self—remains unaffected, so can this other thread connecting, by means of a subtler form of memory, life with life, be broken. Or again, just as a polluted stream, impossible to cleanse, can be dammed, yet it still continues to exist although it no longer flows in the old channel. You may find hints here, but no more, for you are touching upon one of the great mysteries, the implications of which are far too deep to express in human terms. But rest assured that this so-called annihilation must happen so rarely, so almost never, that it is hardly worth considering." He paused, "in one sense, and in one sense only—never. I will say no more."

"Chân Ngã đích thực—Linh hồn—không bao giờ *có thể* bị hủy diệt theo nghĩa con dùng từ ấy vì, như con nhận ra rất đúng, không gì sở hữu tia lửa thiên tính lại có thể chết. Nhưng rõ ràng ông ta không nói về Linh hồn." Ngài thở dài. "Bất cứ điều gì người ta nói gần như chắc chắn đều có thể bị hiểu sai. Nhưng hãy để ta nói theo cách này và thậm chí đừng hiểu theo nghĩa đen, vì không phép loại suy nào có thể diễn tả một chân lý tinh thần. Cũng như trong phàm ngã, sợi dây ký ức có thể bị đứt do bệnh tật, tuổi già hay những nguyên nhân khác, nhưng cá thể tính—Chân Ngã đích thực—vẫn không bị ảnh hưởng, thì sợi dây khác này nối đời sống với đời sống bằng một dạng ký ức vi tế hơn cũng có thể bị đứt. Hoặc nữa, cũng như một dòng suối ô nhiễm, không thể làm sạch, có thể bị chặn lại, nhưng nó vẫn tiếp tục tồn tại dù không còn chảy trong lòng cũ. Con có thể tìm thấy ở đây những gợi ý, nhưng không hơn, vì con đang chạm đến một trong những đại huyền nhiệm, những hàm ý của nó quá sâu xa để diễn tả bằng ngôn ngữ loài người. Nhưng hãy yên tâm rằng sự hủy diệt được gọi như thế này hẳn xảy ra hiếm đến mức, gần như không bao giờ, nên hầu như không đáng để xét đến." Ngài ngừng lại, "theo một nghĩa, và chỉ theo một nghĩa—không bao giờ. Ta sẽ không nói thêm."

"And what sort of lives followed?" I asked rather apprehensively.

"Và những đời sống tiếp theo là loại nào?" tôi hỏi, khá lo lắng.

"For the most part they were spent in enforced and grudging service to others, as peasants and as slaves, humble and unspectacular. As you had deliberately

"Phần lớn chúng được trải qua trong sự phụng sự cưỡng bách và miễn cưỡng cho người khác, như nông dân và như nô lệ, khiêm nhường và không có gì nổi bật. Vì

undertaken to make the attempt to deal with your past, you had to incorporate a great number of the debased atoms related to it into each of your physical bodies; these made you delicate and unhealthy and prevented you from any intense effort until you had succeeded in transmuting a certain proportion of them.

"But at last you were again strong enough to attempt to combat once more that greatest impediment to your progress—the Demon of Power; in other words, the destructive element which any opportunity for power instantly stimulated within you. You were therefore reborn in an environment which would present you with every opportunity to learn the particular lessons you needed. You shall see and judge for yourself what you made of them."

con đã cố ý đảm nhận việc thử đề cập đến quá khứ của mình, nên con đã phải kết hợp vào mỗi thể xác của mình một số lượng lớn các nguyên tử sa đọa liên hệ với nó; những nguyên tử này làm con mảnh mai và yếu bệnh, ngăn cản con khỏi mọi nỗ lực mãnh liệt cho đến khi con thành công trong việc chuyển hoá một tỷ lệ nhất định của chúng.

"Nhưng cuối cùng con lại đủ mạnh để thử một lần nữa chiến đấu với chướng ngại lớn nhất đối với sự tiến bộ của mình—Con Quỷ của Quyền Lực; nói cách khác, yếu tố hủy diệt mà bất kỳ cơ hội quyền lực nào cũng lập tức kích thích trong con. Vì vậy con được tái sinh trong một môi trường sẽ trao cho con mọi cơ hội để học những bài học riêng mà con cần. Con sẽ thấy và tự phán xét xem con đã làm gì với chúng."

CHAPTER III—CHƯƠNG III
PERSIA—BA TƯ

It was in small and disconnected scenes that this life which 1 am about to narrate was recalled to me. They did not come through me alone, for one part was seen by another of those who participated with me in those first occult experiences in the bungalow. The rest of the life was revealed—not only, 1 think, because it was probably typical of lives in which once again I was tested by being given a taste of power—but also because my main problem in that incarnation was one with which an increasing number of modern men and women are faced and which has always puzzled and alarmed those who never understand any manifestations of life outside the norm.

Đời sống mà tôi sắp thuật lại đã được gợi nhớ cho tôi trong những cảnh nhỏ và rời rạc. Chúng không chỉ đến qua riêng tôi, vì một phần đã được thấy bởi một người khác trong số những người cùng tham dự với tôi trong những trải nghiệm huyền bí đầu tiên ấy tại căn bungalow. Phần còn lại của đời sống được mặc khải—tôi nghĩ không chỉ vì có lẽ nó tiêu biểu cho những đời sống mà một lần nữa tôi bị thử thách bằng việc được nếm trải quyền lực—mà còn vì vấn đề chính của tôi trong kiếp ấy là một vấn đề mà ngày càng nhiều những người nam và nữ hiện đại đang phải đối diện và vốn luôn làm bối rối, kinh hoàng những ai không bao giờ hiểu bất kỳ biểu hiện nào của sự sống nằm ngoài chuẩn mực.

The first picture was of myself—a woman—lying upon a divan in a great room. The light was brilliant outside my window; the sea glittered with the transparent blue of jacinth; the sky was white with heat. Someone was weeping by the couch. With a gesture of impatience I turned my head towards the interior of the shadowed chamber and watched two slave-women who, with side-long, terrified glances, were wiping blood from the tessellated pavement. I scorned the girl whose fair head was buried on my knees—yet her I also loved. I stretched out my hand and idly stroked her cheek.

Bức tranh đầu tiên là về chính tôi—một người đàn bà—đang nằm trên một trường kỷ trong một căn phòng lớn. Ánh sáng ngoài cửa sổ tôi rực rỡ; biển lấp lánh màu lam trong suốt của ngọc jacinth; bầu trời trắng lóa vì nóng. Có ai đó đang khóc bên chiếc trường kỷ. Với một cử chỉ sốt ruột tôi quay đầu về phía bên trong căn phòng tối bóng và nhìn hai nữ nô lệ đang vừa liếc xéo đầy kinh hãi vừa lau máu khỏi nền khảm đá. Tôi khinh bỉ cô gái có mái đầu vàng đang vùi trên đầu gối tôi—nhưng tôi cũng yêu nàng. Tôi duỗi tay ra và lơ đãng vuốt má nàng.

"Why weep, O Ereshem"? I asked "have you never seen a man tortured before?"

"Tại sao khóc, hỡi Ereshem?" tôi hỏi. "Ngươi chưa từng thấy một người đàn ông bị tra tấn bao giờ sao?"

"Not thus—O, not thus...." moaned Ereshem, and hid her face in my robe as if seeking to press from her eyes the image of that mutilated body.

"Không phải như thế—ôi, không phải như thế...." Ereshem rên lên, và giấu mặt vào áo tôi như thể muốn ép khỏi mắt mình hình ảnh của thân thể bị cắt xẻ ấy.

"Well," I said sharply, "let this be a lesson to you. And to you also," I added to the slave-women who had risen and were slinking to the door. "A thousand times I have sworn I will have none but maidens about me." I

"Được thôi," tôi nói sắc lạnh, "hãy để đây là một bài học cho ngươi. Và cho cả các ngươi nữa," tôi thêm với hai nữ nô lệ đã đứng dậy và đang lén lút tiến ra cửa. "Một ngàn lần ta đã thề rằng quanh ta sẽ không có ai ngoài các

laughed shortly, “I do not think our Manizha will take a man again!”

trinh nữ.” Tôi cười khan, “ta không nghĩ Manizha của chúng ta sẽ lại nhận một người đàn ông nữa đâu!”

When they had gone Ereshem sat up and wiped the tears away with the edge of her veil. “I would 1 could understand why you hate all men so,” she murmured.

Khi họ đã đi khỏi, Ereshem ngồi dậy và lau nước mắt bằng mép khăn che mặt. “Ước gì em có thể hiểu vì sao chị lại căm ghét mọi đàn ông đến thế,” nàng lẩm bẩm.

“Not men alone. O beautiful jewel of my heart; all life and everyone in it is at times such a weariness to me that it is scarce to be borne. I can be happy only when I am with my father—or with thee.” I drew her nearer, caressing her. “Come, little one, let us put the thought of men and their foolishness out of our minds.”

“Không chỉ riêng đàn ông. Ôi viên ngọc xinh đẹp của lòng ta; mọi sự sống và mọi người trong đó đôi khi đều là một nỗi mệt mỏi đối với ta đến mức hầu như không thể chịu nổi. Ta chỉ có thể hạnh phúc khi ở với cha ta—hoặc với em.” Tôi kéo nàng lại gần hơn, vuốt ve nàng. “Lại đây, bé nhỏ, chúng ta hãy gạt ý nghĩ về đàn ông và sự ngu xuẩn của họ ra khỏi tâm trí.”

But it was not in Ereshem to put the thought of men out of her mind and I knew it well. Therein lay a canker of bitterness, for although she had never loved a man, nothing I could give her satisfied in reality the deepest desires of her nature. I had chosen her to be my favourite and treated her with a mixture of kindness and contempt, passion and cruelty. Now while I continued to caress her my mind beat around her words, angry yet impotent, like a wild beast in a cage.

Nhưng Ereshem không thể gạt ý nghĩ về đàn ông ra khỏi tâm trí nàng, và tôi biết điều đó rất rõ. Chính trong đó có một vết loét của cay đắng, vì tuy nàng chưa từng yêu một người đàn ông nào, không gì tôi có thể cho nàng thực sự làm thỏa mãn những khát vọng sâu thẳm nhất trong bản chất nàng. Tôi đã chọn nàng làm người được sủng ái nhất và đối xử với nàng bằng một sự pha trộn giữa tử tế và khinh miệt, đam mê và tàn nhẫn. Giờ đây, trong khi tôi vẫn tiếp tục vuốt ve nàng, trí tuệ tôi quẩn quanh những lời nàng nói, giận dữ mà bất lực, như một con thú hoang trong lồng.

Well enough I knew why I hated men; it was based upon a bitter longing for their strength and a more bitter scorn of my own inadequacies. From earliest childhood I had loathed this body in which I found myself imprisoned, nor had I ever succeeded in wholly identifying myself with it. The only child of my father I had always been to him a son rather than a daughter, refusing to admit my feminality. Absolutely fearless I rode to lion hunts in man’s attire and sought as much as possible to behave like a man. I lavished my fiery love upon women, yet kept always at the back of my mind the bitter knowledge that, whatever I did, I could never be other than the sex I scorned. My body mocked me, so that often I would strike

Tôi biết quá rõ vì sao tôi ghét đàn ông; điều đó bắt nguồn từ một nỗi khao khát cay đắng đối với sức mạnh của họ và một sự khinh bỉ còn cay đắng hơn đối với những thiếu sót của chính mình. Từ thuở ấu thơ sớm nhất, tôi đã ghê tởm thể này, trong đó tôi thấy mình bị giam cầm, và tôi chưa bao giờ hoàn toàn thành công trong việc đồng hoá với nó. Là đứa con duy nhất của cha tôi, đối với ông tôi luôn là một đứa con trai hơn là con gái, vì ông từ chối thừa nhận tính nữ của tôi. Hoàn toàn không biết sợ, tôi cưỡi ngựa đi săn sư tử trong y phục đàn ông và cố cư xử như một người đàn ông càng nhiều càng tốt. Tôi trút tình yêu nồng cháy của mình lên phụ nữ, nhưng luôn giữ ở đáy trí tuệ mình tri thức cay đắng rằng, dù tôi làm gì đi nữa, tôi cũng không bao

at my breasts with savage hands. Soon I began to loathe all men's bodies because such was not my own. I wrestled and fought with my father's men for sport, yet was suspicious that they allowed me to overcome them because they were afraid of my revenge—and so was the more bitterly ashamed. In these makeshifts of manhood I sought a remedy for this sense of futility, yet something within me acknowledged them as foolish and vain. But to admit myself a woman, to give myself to a man... The thought revolted me with a contemptuous disgust.

giờ có thể là gì khác ngoài giới tính mà tôi khinh miệt. Thể xác tôi chế nhạo tôi, đến nỗi nhiều khi tôi đập vào ngực mình bằng những bàn tay hung bạo. Chẳng bao lâu tôi bắt đầu ghê tởm mọi thân thể đàn ông vì thân thể tôi không phải như thế. Tôi vật lộn và đánh nhau với những người đàn ông của cha tôi để mua vui, nhưng lại ngờ rằng họ để tôi thắng họ vì họ sợ sự trả thù của tôi—và vì thế tôi càng xấu hổ cay đắng hơn. Trong những sự thay thế giả tạo cho nam tính này, tôi tìm một phương thuốc cho cảm giác vô ích ấy, nhưng có điều gì đó bên trong tôi thừa nhận chúng là ngu xuẩn và hão huyền. Nhưng để thừa nhận mình là một phụ nữ, để hiến mình cho một người đàn ông... Ý nghĩ ấy làm tôi ghê tởm với một sự khinh bỉ đầy chán ghét.

Wearily at last I thrust Ereshem aside and rising began to pace up and down the perfumed, jewelled chamber. Only by domination over the weak and helpless could I prove to myself my own power, yet ever I remained unsatisfied by that proof.

Cuối cùng, mệt mỏi, tôi đẩy Ereshem sang một bên và đứng dậy bắt đầu đi đi lại lại trong căn phòng thơm ngát, nạm ngọc. Chỉ bằng sự thống trị đối với kẻ yếu và bất lực tôi mới có thể chứng minh với chính mình quyền năng của mình, nhưng tôi vẫn luôn không thỏa mãn với bằng chứng ấy.

Suddenly the panther chained to the wall yawned loudly. As if goaded by the lazy sound, I seized the whip and like a fury struck the beast again and again, till I had it cowering and whimpering against the wall.

Đột nhiên con báo bị xích vào tường ngáp lớn. Như thể bị âm thanh lười nhác ấy kích động, tôi chộp lấy roi và như một cơn cuồng nộ quất con thú hết lần này đến lần khác, cho đến khi nó co rúm và rên ư ử sát vào tường.

At that moment voices sounded without: "Sanai! Sanai! Sanai Fayiz!" The curtains were drawn aside and my father entered the room.

Đúng lúc ấy có tiếng gọi bên ngoài: "Sanai! Sanai! Sanai Fayiz!" Rèm được vén sang một bên và cha tôi bước vào phòng.

I lowered the whip and turned about to face him with a gesture in which shame and defiance were mingled.

Tôi hạ roi xuống và quay lại đối diện ông với một cử chỉ pha lẫn xấu hổ và thách thức.

He was the one person on earth who had the power to soften me; for he alone appeared to understand my dark moods and could read the bitterness of frustration which goaded me to most of the evil which I did. As for me, I loved him as much as my nature permitted. He alone could give me the peace and beauty which I sought but could so seldom find. Seated with him in the rose gardens, reading from some painted, jewelled book,

Ông là người duy nhất trên trần gian có quyền năng làm tôi dịu lại; vì chỉ riêng ông dường như hiểu được những tâm trạng đen tối của tôi và có thể đọc được nỗi cay đắng của sự thất vọng đã thúc đẩy tôi đến phần lớn điều ác tôi đã làm. Còn về phần tôi, tôi yêu ông nhiều nhất mức bản chất tôi cho phép. Chỉ riêng ông có thể cho tôi sự bình an và vẻ đẹp mà tôi tìm kiếm nhưng hiếm khi tìm thấy. Ngồi với ông trong những vườn hồng,

discussing some abstruse point of theology, listening to the voice of instruments, the sweet singing of slave girls, I could forget all my sorrows and frustrations and oblivious at last of sex reach a state which touched on perfect happiness. For he was a wise and gentle man. He had for a few weeks in his youth met the great sage Zarathustra and from that time, instead of furthering his position as a minor official at court, had, in the search after truth, retired into a world of metaphysical adventures in which I was only too eager to join him. We lived retired upon a small estate; and I was content, save when the wild moods of restlessness or ambition seized upon me, then I would weep tears of rage and helplessness in the realization that my wretched body prevented me from accomplishing all the feats of glory I longed passionately to undertake.

đọc từ một cuốn sách vẽ màu nạm ngọc nào đó, bàn luận một điểm thần học sâu kín nào đó, lắng nghe tiếng nhạc cụ, tiếng hát ngọt ngào của các nữ nô lệ, tôi có thể quên mọi nỗi buồn và thất vọng của mình, và cuối cùng, quên cả giới tính, đạt đến một trạng thái gần như hạnh phúc hoàn hảo. Vì ông là một người đàn ông hiền triết và dịu dàng. Trong vài tuần thời niên thiếu, ông đã gặp vị đại hiền triết Zarathustra, và từ đó, thay vì thăng tiến địa vị của mình như một viên chức nhỏ nơi triều đình, ông đã lui vào một thế giới những cuộc phiêu lưu siêu hình trong cuộc tìm kiếm chân lý, một thế giới mà tôi quá đỗi háo hức được cùng ông bước vào. Chúng tôi sống ẩn dật trên một điền trang nhỏ; và tôi mãn nguyện, trừ khi những cơn bồn chồn hay tham vọng hoang dại chụp lấy tôi, khi ấy tôi khóc những giọt nước mắt giận dữ và bất lực trong sự chứng nghiệm rằng thể xác khốn khổ của tôi ngăn cản tôi hoàn thành mọi chiến công vinh quang mà tôi tha thiết khao khát thực hiện.

Now he stood in the doorway, gazing upon me, stroking his long beard, his eyes full of sorrow.

Giờ đây ông đứng nơi ngưỡng cửa, nhìn tôi, vuốt chòm râu dài, mắt đầy buồn bã.

“What is this I hear, O my daughter? Is it possible that you have had a slave tortured in your presence?”

“Cha nghe chuyện gì thế này, hỡi con gái của cha? Có thể nào con đã để một nô lệ bị tra tấn trước mặt mình sao?”

“He was found with Manizha; I gave him the only fitting punishment.”

“Hắn bị bắt gặp với Manizha; con đã cho hắn hình phạt duy nhất thích đáng.”

He dismissed my women and seated himself upon the divan beside me.

Ông cho các nữ hầu lui ra và ngồi xuống trường kỷ bên cạnh tôi.

“And what right, have you, O Cihrazad, to take this horrible vengeance because a man and woman act in harmony with the divine will and give love to each other? Sometimes it seems to me as if Ahriman and his servitors have taken possession of you. Do not forget that each time you allow them sway over your acts, you weigh the balances against your soul. Man has free will and is his own judge. Would you go down for ever to a burning hell? As for this poor beast,” and he pointed to the bleeding panther, “beware lest Geush Urvan, the protector of beasts, punish

“Và con có quyền gì, hỡi Cihrazad, để báo thù khủng khiếp như thế chỉ vì một người nam và một người nữ hành động hài hòa với ý chí thiêng liêng và trao tình yêu cho nhau? Đôi khi cha thấy như thể Ahriman và bọn tay sai của hắn đã chiếm hữu con. Đừng quên rằng mỗi lần con để chúng chi phối hành động của mình, con làm nghiêng cán cân chống lại linh hồn mình. Con người có ý chí tự do và là quan tòa của chính mình. Con có muốn đi xuống một địa ngục cháy bỏng mãi mãi không? Còn con thú tội nghiệp này,” và ông chỉ con báo đang chảy máu, “hãy coi chừng

you for this; some day a beast may tear your body, child." He sighed deeply: "Why do you so fill your life with hatred instead of love?"

kẻo Geush Urvan, đấng bảo hộ loài thú, trừng phạt con vì việc này; một ngày nào đó một con thú có thể xé nát thân thể con, con ạ." Ông thở dài sâu xa: "Vì sao con lại chất đầy đời mình bằng hận thù thay vì tình yêu?"

I made an impatient movement. "I will be master in my own house: men, women, and beasts shall obey me."

Tôi cử động thiếu kiên nhẫn. "Con sẽ là chủ trong chính nhà mình: đàn ông, đàn bà và thú vật sẽ phải vâng lời con."

"Whilst you have power they may, but the day will perhaps come when you lose that power—what then?"

"Chừng nào con còn quyền lực thì có thể, nhưng có lẽ ngày sẽ đến khi con mất quyền lực ấy—rồi sao?"

I laughed aloud. "I have no fear," I said, "power lies within, I shall never lose it!" I walked up to the panther; the beast made as if to spring at me, but fearlessly I bent over it, drew my hand across its head and spoke deep words. It shivered and crouched at my feet; with a scornful gesture I walked back to the couch.

Tôi cười lớn. "Con không sợ," tôi nói, "quyền lực nằm ở bên trong, con sẽ không bao giờ mất nó!" Tôi bước đến chỗ con báo; con thú làm như muốn vồ lấy tôi, nhưng không hề sợ hãi tôi cúi xuống nó, vuốt tay qua đầu nó và nói những lời trầm sâu. Nó run lên và rạp xuống dưới chân tôi; với một cử chỉ khinh miệt tôi quay lại ghế dài.

"You see? I have no whip but it licks my feet"—I struck my breast—"I hold its spirit here!"

"Cha thấy không? Con không có roi mà nó vẫn liếm chân con"—tôi đập vào ngực mình—"con nắm giữ tinh thần của nó ở đây!"

I looked down at my father's sad face, and instantly compunction overcame me sweeping my evil mood away. I flung myself beside him, putting my arms about him.

Tôi nhìn xuống gương mặt buồn bã của cha tôi, và tức thì sự hối hận tràn ngập tôi, cuốn phăng tâm trạng xấu xa của tôi đi. Tôi lao mình xuống bên ông, vòng tay ôm lấy ông.

"You have come to me; I am happy. Let us talk here and forget the whole world, foolish men, women and beasts. I care in truth nothing for them. Teach me your wisdom. O my father, thus only can the Jinns be driven from my heart and I be at peace."

"Cha đã đến với con; con hạnh phúc. Chúng ta hãy nói chuyện ở đây và quên cả thế gian, những người đàn ông, đàn bà và thú vật ngu xuẩn. Thật ra con chẳng quan tâm gì đến họ. Hãy dạy con minh triết của cha. Ôi cha của con, chỉ như thế các Jinns mới có thể bị xua khỏi tim con và con mới được bình an."

He sighed. "Of what avail to pour into your ears the glories of Ahuro Mazdao when you profit nothing by His enlightenment?"

Ông thở dài. "Đổ vào tai con những vinh quang của Ahuro Mazdao thì có ích gì khi con chẳng thu được gì từ sự soi sáng của Ngài?"

"Perhaps one day I may; only talk to me—it is enough!"

"Có lẽ một ngày nào đó con sẽ thu được; chỉ cần nói với con—thế là đủ!"

But instead of reading from the poets, or discussing subtle aspects of the Holy Fire, he presently opened his heart to me and revealed that he was troubled because his

Nhưng thay vì đọc thơ, hay bàn luận những phương diện tinh tế của Thánh Hỏa, chẳng bao lâu ông mở lòng với tôi và tiết lộ rằng ông đang phiền muộn vì sự bình an của ông sắp

peace was about to be disturbed. Two famous chieftains had sent a messenger asking for hospitality for themselves and their troops. They were of some importance at Court and could not be refused.

bị quấy nhiễu. Hai thủ lĩnh nổi tiếng đã sai sứ giả đến xin lòng hiếu khách cho họ và quân lính của họ. Họ có chút thế lực nơi triều đình và không thể bị từ chối.

It meant change, excitement, a breath from the outside world; my heart leapt. Then I remembered I was but a woman. Upon the thought came the determination to disguise myself, pose as my father's son and take part in the festivities. Nor could he dissuade me. And so it was arranged.

Điều đó có nghĩa là thay đổi, kích động, một luồng gió từ thế giới bên ngoài; tim tôi nhảy lên. Rồi tôi nhớ ra mình chỉ là một phụ nữ. Cùng với ý nghĩ ấy đến quyết tâm cải trang, đóng vai con trai của cha tôi và tham gia các cuộc vui. Ông cũng không thể can ngăn tôi. Và thế là mọi việc được sắp đặt.

It was told of Azuri-bin-Zangi and Burandek that they were bound to each other by strong ties of affection as well as of blood; they were wealthy and had a great following; it was very necessary to stand well with them, for their enmity could be dangerous.

Người ta kể về Azuri-bin-Zangi và Burandek rằng họ gắn bó với nhau bằng những mối dây tình cảm mạnh mẽ cũng như huyết thống; họ giàu có và có đông người theo; rất cần phải giữ quan hệ tốt với họ, vì sự thù địch của họ có thể nguy hiểm.

So there were feasts in their honour and great hunts were organized, while I, disguised as a boy, joined in the days and nights of rejoicing. One night I gave a banquet in my apartments and so elated was I that I forced Ere- shem to wait upon us, caressing her and praising her beauty and her arts in love. It was only later that I remembered that the eyes of Burandek and Ereshem were ever seeking each other and that in those days the girl's moods were strange.

Vì thế có những yến tiệc để tôn vinh họ và những cuộc săn lớn được tổ chức, còn tôi, cải trang thành một thiếu niên, tham gia vào những ngày đêm hoan lạc. Một đêm nọ tôi mở tiệc trong khu phòng của mình và quá đỗi hân hoan đến nỗi tôi bắt Ereshem hầu hạ chúng tôi, vuốt ve nàng và ca ngợi vẻ đẹp cùng nghệ thuật yêu đương của nàng. Chỉ về sau tôi mới nhớ rằng mắt Burandek và Ereshem luôn tìm đến nhau và rằng trong những ngày ấy tâm trạng cô gái thật lạ lùng.

But at the time I did not trouble about her, for my own mind was occupied with others things. A friendship had ripened between Azuri and myself. Together we rode to hunt the lion and the gazelle, each sought to outstrip the other and we returned in peace together, well content. When they made their farewells Azuri gave me a pink pearl strangely shaped, as an amulet to wear in remembrance of him and I gave him a heavy bracelet of wrought silver set with turquoise and rubies.

Nhưng lúc đó tôi không bận tâm về nàng, vì trí tuệ tôi đang bị chiếm giữ bởi những điều khác. Một tình bạn đã chín muồi giữa Azuri và tôi. Chúng tôi cùng cưỡi ngựa đi săn sư tử và linh dương, mỗi người đều tìm cách vượt hơn người kia, và chúng tôi cùng trở về trong bình yên, rất mãn nguyện. Khi họ từ biệt, Azuri tặng tôi một viên ngọc trai hồng có hình dạng kỳ lạ, như một bùa hộ mệnh để đeo mà nhớ đến ông, còn tôi tặng ông một vòng tay bạc chạm nặng nạm lam ngọc và hồng ngọc.

All the day after their departure I spent alone by the seashore. I swam far out, delighting in the fierce movement of my body through the waves; yet I was restless and bitterly

Suốt ngày sau khi họ rời đi, tôi ở một mình bên bờ biển. Tôi bơi ra rất xa, thích thú với chuyển động mãnh liệt của thân thể mình xuyên qua sóng; nhưng tôi bồn chồn và cay

unhappy. I had for a few weeks tasted the life of men—it was this only I desired; even my father's wisdom meant little to me now. That evening in a fever of agitation I called for Ereshem to comfort me, but the girl was nowhere to be found.

đắng bất hạnh. Trong vài tuần tôi đã nếm trải đời sống của đàn ông—chỉ điều ấy là điều tôi mong muốn; ngay cả minh triết của cha tôi giờ đây cũng chẳng còn ý nghĩa bao nhiêu đối với tôi. Tối hôm ấy, trong cơn sốt kích động, tôi gọi Ereshem đến an ủi tôi, nhưng không ai tìm thấy cô gái ở đâu cả.

Three days later I heard a rumour that a veiled woman had been seen riding with the party of Burandek; then I realized that Ereshem had deserted me for the sake of a man.

Ba ngày sau tôi nghe một tin đồn rằng người ta đã thấy một phụ nữ che mặt cưỡi ngựa cùng đoàn của Burandek; khi ấy tôi nhận ra rằng Ereshem đã bỏ tôi vì một người đàn ông.

A fury of rage seized upon me. I seemed, indeed, as if possessed by all the hosts of Ahriman. Even my father could do nothing. For a week I revelled in an orgy of licence and cruelty so terrible that the fame of it swept through the land. Torn with pangs of jealousy and shame, no woman, beast or man about me but tasted my vengeance, but at last my fiery wrath was replaced by an icy calm, more evil and dangerous.

Một cơn cuồng nộ giận dữ chụp lấy tôi. Quả thật tôi như bị tất cả đạo quân của Ahriman nhập vào. Ngay cả cha tôi cũng không thể làm gì. Suốt một tuần tôi đắm mình trong một cơn cuồng loạn phóng túng và tàn ác khủng khiếp đến nỗi tiếng tăm về nó lan khắp xứ. Bị xé nát bởi những cơn đau của ghen tuông và xấu hổ, không người đàn bà, thú vật hay đàn ông nào quanh tôi mà không nếm sự báo thù của tôi, nhưng cuối cùng cơn thịnh nộ rực lửa ấy được thay bằng một sự bình tĩnh băng giá, còn ác độc và nguy hiểm hơn.

I made plans, forgetful of everything save my lust for vengeance. I gathered together a band of desperate men and clad in armour, set out after the fugitive.

Tôi lập kế hoạch, quên hết mọi thứ ngoài cơn khát báo thù. Tôi tập hợp một toán đàn ông liều mạng và mặc giáp trụ, lên đường truy đuổi kẻ đào tẩu.

Of the adventures that befell me I cannot speak, but I must, at that time, have been endowed with almost superhuman power and cunning; perhaps, as my father had said, I was indeed possessed by evil spirits who lent me their aid and drove me on. Suffice it to say that, having traced Burandek to the city where he dwelt and having waited patiently until I heard that he had absented himself for a while, I obtained access to the women's quarters and one night found myself gazing down upon the sleeping form of Ereshem.

Về những cuộc phiêu lưu xảy đến với tôi, tôi không thể nói, nhưng lúc ấy hẳn tôi đã được phú cho một quyền năng và sự xảo quyệt gần như siêu nhân; có lẽ, như cha tôi đã nói, quả thật tôi bị các tà linh chiếm hữu, chúng cho tôi sự trợ giúp và thúc đẩy tôi tiến lên. Chỉ cần nói rằng, sau khi lần ra Burandek đến thành phố nơi ông cư ngụ và kiên nhẫn chờ đến khi tôi nghe rằng ông đã vắng mặt một thời gian, tôi đã tìm được đường vào khu phòng phụ nữ và một đêm nọ thấy mình đang cúi nhìn hình thể đang ngủ của Ereshem.

I drew my dagger to strike, then paused; for to kill her thus seemed far too easy a punishment; Ereshem must see death approaching by the hands she had caressed

Tôi rút dao găm ra để đâm, rồi dừng lại; vì giết nàng như thế dường như là một hình phạt quá dễ dàng; Ereshem phải thấy cái chết đang đến gần bởi chính đôi tay nàng đã vuốt

and betrayed.

ve và phản bội.

I leant over her, pressing my hand over her mouth. Her eyes opened and, wide with horror, gazed into mine. The dagger flashed, but ere it descended, strong arms seized me; it was wrenched from my grip and I found myself struggling in the enraged grasp of Burandek himself who had returned, unknown to my spies.

Tôi cúi xuống nàng, lấy tay bịt miệng nàng. Mắt nàng mở ra và, mở lớn vì kinh hoàng, nhìn vào mắt tôi. Dao găm lóe lên, nhưng trước khi hạ xuống, những cánh tay mạnh mẽ đã chộp lấy tôi; nó bị giật khỏi tay tôi và tôi thấy mình đang vùng vẫy trong vòng siết giận dữ của chính Burandek, người đã trở về mà bọn do thám của tôi không hề hay biết.

The rest of that night, bleeding from my struggle, bound hand and foot, I lay in the little chamber beyond the one in which the lovers rejoiced anew in each other, stirred to fresh ecstasy by the recent escape from death. In agony and shame, in terror of what was to come, I lay there. The following morning, half naked between two mighty eunuchs, I was dragged into another apartment wherein sat Burandek with Azuri-bin-Zangi beside him.

Phần còn lại của đêm ấy, chảy máu vì cuộc vật lộn, bị trói tay chân, tôi nằm trong căn phòng nhỏ bên ngoài căn phòng nơi đôi tình nhân lại vui hưởng nhau một lần nữa, bị kích động đến cơn xuất thần mới bởi cuộc thoát chết vừa rồi. Trong đau đớn và xấu hổ, trong kinh hãi về điều sắp đến, tôi nằm đó. Sáng hôm sau, nửa trần truồng giữa hai hoạn quan lực lưỡng, tôi bị lôi vào một gian phòng khác, nơi Burandek ngồi với Azuri-bin-Zangi bên cạnh.

At sight of these two men the cup of my shame was filled, yet I held my head high. Azuri's anger, however, was terrible, for he felt himself to have been deceived and mocked by the trick I had played upon him. His eyes were like flames and his lips cruel as whips as he arose and approached me. With one hand he tore the pink pearl from my throat and cast it upon the floor. It fell at Burandek's feet; he picked it up.

Vừa thấy hai người đàn ông ấy, chén nhục nhã của tôi đầy tràn, nhưng tôi vẫn ngẩng cao đầu. Tuy nhiên cơn giận của Azuri thật khủng khiếp, vì ông cảm thấy mình đã bị lừa dối và chế nhạo bởi trò lừa tôi đã bày ra với ông. Mắt ông như lửa và môi ông tàn nhẫn như roi khi ông đứng dậy và tiến đến gần tôi. Bằng một tay ông giật viên ngọc trai hồng khỏi cổ tôi và ném xuống sàn. Nó rơi dưới chân Burandek; ông nhặt lên.

"It is damaged," he said quietly.

"Nó đã bị hư hại," ông nói bình thản.

"Worthless, like the woman," replied Azuri.

"Vô giá trị, như người đàn bà ấy," Azuri đáp.

Burandek looked at me with a certain pity.

Burandek nhìn tôi với một chút thương hại.

"She did what she did for love," he remarked, "she has harmed no one but herself."

"Nàng đã làm điều mình làm vì tình yêu," ông nhận xét, "nàng chẳng làm hại ai ngoài chính mình."

Azuri turned away with a scornful movement of his shoulders, but as he did so, his gaze swept over me. The expression in his eyes changed. The hot blood stained my cheek. I was suddenly aware of a danger more subtle than death. I spat out a string of curses at him.

Azuri quay đi với một cử động khinh miệt của vai, nhưng khi làm vậy, ánh mắt ông lướt qua tôi. Biểu hiện trong mắt ông thay đổi. Má tôi nóng bừng. Tôi đột nhiên ý thức được một mối nguy tinh vi hơn cái chết. Tôi phun ra một tràng nguyền rủa vào ông.

Burandek, watching us, smiled. “What shall I do with her?” he asked, “I do not want her in my house.”

Burandek nhìn chúng tôi và mỉm cười. “Ta phải làm gì với nàng đây?” ông hỏi, “ta không muốn nàng trong nhà ta.”

“What has that to do with me? Sell her—she should fetch a good price.”

“Điều đó liên quan gì đến ta? Bán nàng đi—nàng hẳn sẽ được giá.”

Burandek laughed and crossing to where I stood, tore aside my garments.

Burandek cười và bước đến chỗ tôi đứng, xé toạc y phục tôi.

“She is young, beautiful—and a virgin, my brother,” he remarked gently, “will you not take her as a gift from me?”

“Nàng trẻ, đẹp—và còn trinh, Huynh đệ của Tôi,” ông dịu dàng nhận xét, “huynh không nhận nàng như một món quà từ tôi sao?”

Azuri stared at me and laughed shortly. “That is true,” he said, “she should breed fine sons.” He turned to the eunuchs: “Have her veiled and taken to my apartments. If she does not behave reasonably she shall be given as slave to Nahid, my wife; until then —we shall see.”

Azuri nhìn chằm chằm tôi rồi cười ngắn. “Đúng thế,” ông nói, “nàng hẳn sẽ sinh ra những đứa con trai tốt.” Ông quay sang bọn hoạn quan: “Hãy che mặt nàng lại và đưa nàng đến khu phòng của ta. Nếu nàng không cư xử phải lẽ, nàng sẽ bị giao làm nô lệ cho Nahid, vợ ta; còn cho đến lúc đó—rồi sẽ xem.”

That night Azuri came to the room where I lay bound upon the bed; for twice I had attempted to put an end to my life, so terrible was my despair. Now I spat upon him as I lay there naked and helpless under his eyes and hurled at him every evil curse I knew.

Đêm ấy Azuri đến căn phòng nơi tôi bị trói trên giường; vì tôi đã hai lần tìm cách kết liễu đời mình, tuyệt vọng của tôi khủng khiếp đến thế. Giờ đây tôi nhổ vào ông khi nằm đó trần truồng và bất lực dưới mắt ông, và ném vào ông mọi lời nguyền rủa độc địa tôi biết.

He unbound me. “Arise,” he said “and tell me why you hate men and love women, O Cihrazad, who are yourself so fair and desirable a woman?”

Ông cởi trói cho tôi. “Đứng dậy,” ông nói, “và nói cho ta biết vì sao nàng ghét đàn ông và yêu phụ nữ, hỡi Cihrazad, bản thân nàng lại là một người đàn bà đẹp đẽ và đáng khao khát đến thế?”

Then he stooped suddenly and caught me, kissing me upon the lips; but my nails tore upon his chest and my teeth met in his cheek. Up and down the room we fought, carpets were torn from the walls, furniture upset. Not for nothing had I learned to wrestle with my father’s men. My resistance aroused in him a burning flame. But gradually my strength weakened and I who had dominated men and women and beasts knew myself at last as nothing in the hands of a man. Tears of fatigue and shame ran down my cheeks; I was racked by helpless sobs. All the sorrow and ignominy of all the weak things in the world seemed articulate within my weary body as he bore me down

Rồi ông đột ngột cúi xuống và chộp lấy tôi, hôn lên môi tôi; nhưng móng tay tôi cào rách ngực ông và răng tôi cắm vào má ông. Chúng tôi đánh nhau khắp căn phòng, thảm bị giật khỏi tường, đồ đạc bị xô đổ. Không phải vô cớ mà tôi đã học vật lộn với những người đàn ông của cha tôi. Sự kháng cự của tôi khơi dậy trong ông một ngọn lửa bừng cháy. Nhưng dần dần sức lực tôi suy yếu và tôi, kẻ đã thống trị đàn ông, đàn bà và thú vật, cuối cùng biết mình chẳng là gì trong tay một người đàn ông. Nước mắt mệt mỏi và xấu hổ chảy xuống má tôi; những tiếng nức nở bất lực xé nát tôi. Mọi nỗi buồn và nhục nhã của tất cả những sinh vật yếu đuối trên thế gian dường như cất tiếng trong thân thể mệt lả

at last upon the bed.

của tôi khi cuối cùng ông đè tôi xuống giường.

The years that followed are blurred and fragmentary; they consist in the memory of emotions rather than of events, for I always lived in a world of passionate desires.

Những năm tiếp theo mờ nhòe và rời rạc; chúng gồm những ký ức về cảm xúc hơn là về sự kiện, vì tôi luôn sống trong một thế giới của những ham muốn mãnh liệt.

There was the moment, for instance, when I first realized that I was with child. I felt as if my body had turned traitor to me. To be the plaything of a man I hated was bad enough—but this! I gazed at my body in fascinated disgust, this body I loved, slim, strong, masculine, and felt that there was indeed now nothing left but death. I set my thin lips and swore that I would bear no child to any man. The child was born prematurely—dead.

Chẳng hạn, có khoảnh khắc khi tôi lần đầu nhận ra mình có thai. Tôi cảm thấy như thể thân thể mình đã phản bội tôi. Là món đồ chơi của một người đàn ông tôi ghét đã đủ tệ—nhưng thế này nữa! Tôi nhìn thân thể mình với một sự ghê tởm bị mê hoặc, thân thể này tôi từng yêu, mảnh mai, mạnh mẽ, nam tính, và cảm thấy rằng quả thật giờ đây chẳng còn gì ngoài cái chết. Tôi mím đôi môi mỏng và thề rằng tôi sẽ không sinh con cho bất cứ người đàn ông nào. Đứa trẻ sinh non—đã chết.

When Azuri knew what I had done I was confronted with a rage more terrible than I had imagined possible.

Khi Azuri biết điều tôi đã làm, tôi phải đối diện với một cơn thịnh nộ còn khủng khiếp hơn tôi từng tưởng tượng là có thể.

"Henceforth," he told me, "you shall be the slave of Nahid—perhaps that will teach you a woman's duties."

"Từ nay trở đi," ông bảo tôi, "nàng sẽ là nô lệ của Nahid—có lẽ điều đó sẽ dạy nàng những bổn phận của một người đàn bà."

Now Nahid and I had hated each other before we met.

Nahid và tôi đã ghét nhau trước cả khi gặp mặt.

I learned later that she had been afraid of being supplanted by me, who was so strange a woman, different from any of those whom her Lord had loved and that through her magical arts she had sought to destroy me. She had studied necromancy long, always having astrologers and magicians by her side to instruct her. Now she was satisfied. She ruled her women with whips and torture, and on me she could vent all her lust for cruelty. She gave me the basest tasks and when I revolted thrashed and starved me until I was too weak to revolt any more. In the end, I think, to save my life, Azuri took me from her and gave me once more apartments of my own.

Về sau tôi biết rằng nàng đã sợ bị tôi thay thế, tôi, một người đàn bà kỳ lạ đến thế, khác với bất kỳ ai trong số những người phụ nữ mà Chúa Tể của nàng từng yêu, và rằng qua các thuật huyền thuật của mình nàng đã tìm cách hủy diệt tôi. Nàng đã học tà thuật gọi hồn từ lâu, luôn có các nhà chiêm tinh và các nhà huyền thuật bên cạnh để chỉ dạy nàng. Giờ đây nàng hài lòng. Nàng cai trị đám phụ nữ của mình bằng roi vọt và tra tấn, và trên tôi nàng có thể trút mọi cơn khát tàn nhẫn. Nàng giao cho tôi những công việc hèn hạ nhất và khi tôi phản kháng thì đánh đập và bỏ đói tôi cho đến khi tôi quá yếu không thể phản kháng thêm nữa. Cuối cùng, tôi nghĩ, để cứu mạng tôi, Azuri đã đưa tôi khỏi tay nàng và lại cho tôi những phòng riêng của mình.

For there was some curious tie between us, a tie compounded of hate and desire; of repulsion and of fascination. He could neither abandon me nor forget me for any length of time and in the later years a strange friendship grew up between us; for he found that to me he could talk as to another man of things in which the average woman found little interest. I understood, too, his link with Burandek as Nahid, who was fiercely jealous of it, never could.

Vì giữa chúng tôi có một mối dây kỳ lạ nào đó, một mối dây hợp thành từ hận thù và ham muốn; từ ghê sợ và mê hoặc. Ông không thể bỏ mặc tôi cũng không thể quên tôi quá lâu, và trong những năm về sau một tình bạn lạ lùng đã lớn lên giữa chúng tôi; vì ông nhận ra rằng với tôi ông có thể nói như với một người đàn ông khác về những điều mà người phụ nữ bình thường ít thấy hứng thú. Tôi cũng hiểu mối liên kết của ông với Burandek theo cách Nahid, người ghen tuông dữ dội với điều đó, không bao giờ có thể hiểu.

I seem to have had many children; I know I suffered terribly; my body did not appear to be made for women's burdens. I had no affection for my offspring; only the girls I pitied, thinking how their fair bodies would be used by men, how they would live restricted, prisoners of their own inadequacies.

Dường như tôi đã có nhiều con; tôi biết mình đã đau khổ khủng khiếp; thân thể tôi dường như không được tạo ra cho những gánh nặng của phụ nữ. Tôi không có tình cảm với con cái mình; chỉ những bé gái là tôi thương hại, nghĩ đến việc thân thể xinh đẹp của chúng sẽ bị đàn ông sử dụng ra sao, chúng sẽ sống bị hạn chế thế nào, làm tù nhân của chính những thiếu sót của mình.

Moreover I detested the life of the harem with its intrigues, its petty spites and rivalries. Surrounded by women and their cares, by the deep, druglike softness of this life of heavy feminality, my memories of the past soon became the sole means of saving what I felt was my self —my true, unchanging self—from annihilation. So I withdrew into my dreams of those glorious days of freedom and of excitement and with them came also vision of my father and our talks in the garden. Grave, beautiful and full of healing, his words came back to me. Perhaps it was only their wisdom which kept me alive and sane during those long years of misery which I was forced to endure.

Hơn nữa tôi ghê tởm đời sống hậu cung với những âm mưu, những cay cú nhỏ nhen và những ganh đua của nó. Bị bao quanh bởi phụ nữ và những mối bận tâm của họ, bởi sự mềm mại sâu đậm như thuốc mê của đời sống nữ tính nặng nề này, những ký ức về quá khứ chẳng bao lâu trở thành phương tiện duy nhất để cứu lấy điều tôi cảm thấy là bản ngã của mình—bản ngã chân thực, bất biến của mình—khỏi bị hủy diệt. Vì thế tôi rút vào những giấc mơ về những ngày tự do và kích động huy hoàng ấy, và cùng với chúng cũng đến những linh ảnh về cha tôi và những cuộc trò chuyện của chúng tôi trong vườn. Nghiêm trang, đẹp đẽ và đầy chữa lành, lời ông trở về với tôi. Có lẽ chỉ chính minh triết ấy đã giữ cho tôi sống sót và tỉnh trí trong những năm dài khốn khổ mà tôi buộc phải chịu đựng.

No sharp memories arise out of that dark limbo of years. Only one clear flame burns there, the hatred between Nahid and myself which undoubtedly ravaged both our lives.

Không có ký ức sắc nét nào nổi lên từ cõi limbo tối tăm của những năm ấy. Chỉ có một ngọn lửa sáng rõ cháy ở đó, sự thù hận giữa Nahid và tôi, điều chắc chắn đã tàn phá cả hai cuộc đời chúng tôi.

My loathing was increased by the fact that Nahid remained extraordinarily beautiful,

Sự ghê tởm của tôi tăng lên bởi việc Nahid vẫn đẹp lạ thường, trong khi việc sinh con

while excessive childbearing had coarsened and enfeebled my fine body and bitterness had left its mark upon my face. For many years Azuri had kept us apart, thus ensuring for himself a certain amount of peace, but at last fate arranged that once more we should be brought face to face and the threads of our lives inextricably bound together.

quá nhiều đã làm thân thể đẹp đẽ của tôi trở nên thô nặng và suy nhược, còn cay đắng đã để lại dấu vết trên gương mặt tôi. Trong nhiều năm Azuri đã giữ chúng tôi tách biệt, nhờ đó bảo đảm cho mình một mức độ bình yên nào đó, nhưng cuối cùng số phận sắp đặt để một lần nữa chúng tôi bị đưa đối mặt nhau và những sợi chỉ đời chúng tôi bị buộc chặt với nhau không thể gỡ ra.

One day Azuri came to me. He was grave and stern.

Một ngày nọ Azuri đến với tôi. Ông nghiêm nghị và cứng rắn.

"Tonight," he said, "all my women leave for Tallek- el-Bar, my house in the mountains. The tribes of the plains are sweeping upon this city in great swarms; Burandek has already ridden to meet them, I join him at once. If we should be defeated, which Ormazd forbid, we shall fall back upon Tallek-el-Bar and defend it until the last. In the meantime I leave in your hands and in those of Nahid all my possessions, my children, my slaves. I can spare but few men to guard you, and must leave you in the the care of Ashem Vasishtem, wherefrom proceedeth justice and all good. May He protect you. I know full well the hatred you two women have for each other, but at these times enmity must be buried in the grave of necessity; according to your folly or wisdom all may be lost or saved." He took both my hands in his. "O Ciharazad," he said, "there has been between us a bond which I would not have believed could exist between a man and a woman —and it is to this bond that I would hold you now. You could once fight like any man; you were fearless; none could ride better than you, nor cast a lance more straightly—I speak to you now as that woman you were—nay, as the man you pretended to be. You know full well I love Nahid as my life. I leave that life—I leave her honour in your hands."

"Đêm nay," ông nói, "tất cả phụ nữ của ta sẽ rời đi đến Tallek-el-Bar, ngôi nhà của ta trên núi. Các bộ lạc đồng bằng đang tràn xuống thành phố này thành từng đàn lớn; Burandek đã cưỡi ngựa đi đối đầu với họ, ta lập tức nhập cùng ông ấy. Nếu chúng ta bị đánh bại, điều mà Ormazd ngăn cấm, chúng ta sẽ rút về Tallek-el-Bar và phòng thủ ở đó đến cùng. Trong lúc này ta giao vào tay nàng và Nahid mọi tài sản của ta, các con ta, các nô lệ của ta. Ta chỉ có thể để lại rất ít đàn ông để canh giữ các nàng, và phải để các nàng dưới sự chăm sóc của Ashem Vasishtem, từ đó phát sinh công lý và mọi điều thiện. Cầu xin Ngài bảo hộ các nàng. Ta biết quá rõ sự thù hận mà hai người đàn bà các nàng dành cho nhau, nhưng vào những lúc như thế này, thù địch phải được chôn trong mồ của sự cần thiết; tùy theo sự ngu xuẩn hay minh triết của các nàng mà mọi sự có thể mất hết hoặc được cứu." Ông nắm cả hai tay tôi trong tay ông. "Ôi Ciharazad," ông nói, "giữa chúng ta đã có một mối dây mà ta sẽ không tin là có thể tồn tại giữa một người đàn ông và một người đàn bà—và chính vào mối dây ấy mà giờ đây ta muốn giữ lấy nàng. Nàng đã từng chiến đấu như bất kỳ người đàn ông nào; nàng không biết sợ; không ai cưỡi ngựa giỏi hơn nàng, cũng không ai phóng lao thẳng hơn nàng—giờ đây ta nói với nàng như với người đàn bà mà nàng đã từng là—không, như với người đàn ông mà nàng đã giả làm. Nàng biết quá rõ ta yêu Nahid như chính mạng sống ta. Ta giao mạng sống ấy—ta giao danh dự của nàng ấy trong tay nàng."

I stared at him, amazed and shaken, then turned my head aside. "It is too late; look at

Tôi nhìn ông, kinh ngạc và rung động, rồi quay đầu đi. "Đã quá muộn rồi; hãy nhìn em

me, Azuri! You made me into a woman, I cannot become a man again at your will."

đi, Azuri! Chính ông đã biến em thành một người đàn bà, em không thể lại trở thành đàn ông theo ý ông được."

He smiled and touched my face with one finger lightly. "It is to the spirit of the man in you that I make my appeal. I do not trust any of the others—only you. To you I leave my honour—I know that you will not betray it."

Ông mỉm cười và khẽ chạm một ngón tay lên mặt tôi. "Ta kêu gọi tinh thần của người đàn ông trong nàng. Ta không tin bất cứ ai khác —chỉ tin nàng. Ta giao danh dự của ta cho nàng—ta biết nàng sẽ không phản bội nó."

Then embracing me, he departed to battle.

Rồi ôm lấy tôi, ông ra đi vào trận chiến.

For a little while, moved by the common impulse of loneliness and fear, Nahid and I turned to each other with more kindliness. But not in a few days nor by a few words could such hatred as ours, so old, so rooted in rivalry, in blood and darkness, be dissolved, Our distrust was like a serpent ever hissing between us.

Trong một lúc ngắn, bị thúc đẩy bởi xung lực chung của cô đơn và sợ hãi, Nahid và tôi quay về phía nhau với nhiều tử tế hơn. Nhưng không phải chỉ trong vài ngày hay bằng vài lời mà một mối hận như của chúng tôi, quá cũ, quá bén rễ trong ganh đua, trong máu và bóng tối, có thể tan biến. Sự ngờ vực của chúng tôi như một con rắn luôn rít lên giữa chúng tôi.

Nahid sought comfort and strength in her magical incantations, but I had a deep, unreasoning fear of these and amused myself by strengthening and organizing the defences of the place and practising the use of arms, but even this happiness was muted; for when I would have donned men's garments, I felt I was merely rendering myself ridiculous; I was too stout, my breath was short, I grew faint and my limbs ached intolerably at the slightest exertion; only my spirit was as ardent and as youthful as of old.

Nahid tìm sự an ủi và sức mạnh trong những câu thần chú huyền thuật của nàng, nhưng tôi có một nỗi sợ sâu xa và vô lý đối với những thứ ấy, và tự giải khuây bằng cách củng cố và tổ chức việc phòng thủ nơi này cũng như luyện tập sử dụng vũ khí, nhưng ngay cả niềm vui ấy cũng bị giảm đi; vì khi tôi muốn mặc y phục đàn ông, tôi cảm thấy mình chỉ đang làm cho bản thân trở nên lố bịch; tôi quá đẫy đà, hơi thở ngắn, tôi chóng mặt và tay chân đau nhức không chịu nổi chỉ với chút gắng sức nhỏ nhất; chỉ có tinh thần tôi là vẫn nồng nhiệt và trẻ trung như xưa.

The long days of inaction and uncertainty dragged. The mountains closed us in with impenetrable silence. The women wept or chattered; the eunuchs mumbled together and fluttered at the slightest clink of arms; the soldiers drank and diced to pass the idle hours; in her chamber Nahid cast her spells.

Những ngày dài bất động và bất định lê thê trôi qua. Núi non khép chúng tôi lại trong một sự im lặng không thể xuyên thấu. Đám phụ nữ khóc lóc hoặc ríu rít; bọn hoạn quan lẩm bẩm với nhau và cuống quýt trước tiếng binh khí va chạm nhỏ nhất; lính tráng uống rượu và đánh xúc xắc để giết thời giờ nhàn rỗi; trong phòng mình Nahid thi triển bùa phép.

Gradually, however, rumours drifted through to us. One day we heard that a great battle had been fought in the plain and that our Lords had conquered. In the midst of our rejoicings came a runner bleeding and

Tuy nhiên dần dần những tin đồn trôi dạt đến với chúng tôi. Một ngày nọ chúng tôi nghe rằng một trận đánh lớn đã diễn ra ở đồng bằng và các Chúa Tể của chúng tôi đã chiến thắng. Giữa lúc chúng tôi đang reo

exhausted, who declared that they had both been killed and that the enemy were even now approaching Tallek-el-Bar.

mừng thì một người chạy tin, chảy máu và kiệt sức, đến báo rằng cả hai vị ấy đều đã bị giết và quân địch ngay lúc này đang tiến đến Tallek-el-Bar.

I knew how weak the defences were, but remembering my trust, determined to hold the place to the last. All that day Nahid wrought enchantments, striving to discover if what we had heard was indeed truth. Occasionally she would call in one of her women to act as medium for her power, but always they were sent forth with bitter revilings. At last, sacrificing her pride in her necessity she came to me.

Tôi biết việc phòng thủ yếu đến mức nào, nhưng nhớ đến sự tín thác của mình, tôi quyết tâm giữ nơi này đến cùng. Suốt ngày hôm ấy Nahid làm phép, cố khám phá xem điều chúng tôi nghe được có thật hay không. Thỉnh thoảng nàng gọi một phụ nữ của mình vào để làm đồng tử cho quyền năng của nàng, nhưng họ luôn bị đuổi ra với những lời mắng nhiếc cay độc. Cuối cùng, hi sinh lòng kiêu hãnh trước sự cần thiết, nàng đến với tôi.

"When Azuri left me, he bade you render me any aid I desired," she said, "now, behold I come to ask for that aid. My women have neither the strength nor the courage to assist me. But you and I together may learn the truth for the Spirits will speak; moreover should Azuri and Burandek in verity be slain, then we will recall them even from the Cinvato Peretu itself to give us their strength and council, for surely never were we so in need of it as now."

"Khi Azuri rời khỏi tôi, ông ấy đã dặn chị phải cho tôi bất cứ sự trợ giúp nào tôi mong muốn," nàng nói, "giờ đây, hãy nhìn xem, tôi đến xin sự trợ giúp ấy. Đám phụ nữ của tôi không có sức mạnh cũng không có can đảm để giúp tôi. Nhưng chị và tôi cùng nhau có thể biết được sự thật vì các linh hồn sẽ lên tiếng; hơn nữa nếu Azuri và Burandek thật sự đã bị giết, thì chúng ta sẽ gọi họ trở lại ngay cả từ chính Cinvato Peretu để cho chúng ta sức mạnh và lời khuyên của họ, vì chắc chắn chưa bao giờ chúng ta cần điều đó như lúc này."

I would have done it for any but her, for her arts fascinated, even while they frightened me; but here, at last, I saw the chance for which I had been waiting all these bitter years.

Tôi đã có thể làm điều ấy cho bất cứ ai trừ nàng, vì các thuật của nàng mê hoặc tôi ngay cả khi chúng làm tôi sợ; nhưng ở đây, cuối cùng, tôi thấy cơ hội mà tôi đã chờ đợi suốt bao năm cay đắng này.

I rose, smiling into my rival's face, and with slow and bitter scorn lashed the other woman who now came suppliant to me for aid.

Tôi đứng dậy, mỉm cười vào mặt đối thủ của mình, và với sự khinh miệt chậm rãi cay độc, quất roi vào người đàn bà kia, kẻ giờ đây đến cầu xin tôi giúp đỡ.

"What matter it," I cried at last, "if Burandek and Azuri be dead? All must die; better be a man and dead in battle than alive, a slave enclosed within high walls and cursed with a woman's destiny. If needs must, I will fight for you, for I have sworn it, but I will not traffic with the Spirits, I will not drag Azuri back to your greedy armsl"

"Có gì quan trọng," cuối cùng tôi kêu lên, "nếu Burandek và Azuri đã chết? Tất cả đều phải chết; thà là đàn ông và chết trong trận chiến còn hơn sống, làm nô lệ bị nhốt sau những bức tường cao và bị nguyền rủa với số phận đàn bà. Nếu cần, tôi sẽ chiến đấu vì chị, vì tôi đã thề như thế, nhưng tôi sẽ không giao dịch với các linh hồn, tôi sẽ không kéo Azuri

trở lại với vòng tay tham lam của chị!"

Then while we still contended together, sudden fearful cries filled the air, shrieks, moans and wailings. We rushed towards the door, but as we reached it the curtains were torn aside and we saw, in the entrance, Azuri his garments rent, blood running from his lips and head. He swayed blindly forward.

Rồi trong khi chúng tôi vẫn còn đang tranh cãi, những tiếng kêu kinh hoàng đột ngột tràn ngập không khí, tiếng thét, tiếng rên và tiếng than khóc. Chúng tôi lao về phía cửa, nhưng vừa đến nơi thì rèm bị xé tung và chúng tôi thấy, nơi lối vào, Azuri với y phục rách nát, máu chảy từ môi và đầu. Ông loạng choạng bước tới một cách mù quáng.

"All is lost," he gasped, "our troops are defeated. We fled hither to save you from their vengeance, but they are close behind. Burandek holds the stairs..." His hand went to his side. "My dagger! Nahid... use it... you must not be taken..."

"Mọi sự đều mất rồi," ông thở hổn hển, "quân ta đã bại trận. Chúng ta chạy về đây để cứu các nàng khỏi sự báo thù của chúng, nhưng chúng ở ngay phía sau. Burandek đang giữ cầu thang..." Tay ông đưa xuống sườn. "Dao găm của ta! Nahid... dùng nó... nàng không được để bị bắt..."

He slipped to his knees, then fell upon his face.

Ông khuỵu xuống đầu gối, rồi ngã sấp mặt.

With a piercing shriek Nahid sank beside him, raising him in her arms. "He is dead... Azuri... my heart!" and she fainted beside him on the floor.

Với một tiếng thét xé lòng, Nahid quỵ xuống bên ông, nâng ông trong vòng tay. "Chàng chết rồi... Azuri... trái tim em!" rồi nàng ngất đi bên ông trên sàn.

But he was not dead. With a fierce effort, as if dragging his reluctant spirit back into its shattered body so as to accomplish the purpose for which he had returned, he raised himself upon his elbow.

Nhưng ông chưa chết. Với một nỗ lực dữ dội, như thể kéo tinh thần miễn cưỡng của mình trở lại thân thể tan nát để hoàn thành mục đích khiến ông quay về, ông chống người lên một khuỷu tay.

"Cihrazad," he whispered.

"Cihrazad," ông thì thầm.

I drew near, standing above him, staring down upon him.

Tôi bước lại gần, đứng trên ông, nhìn xuống ông.

The noise was increasing below; yells, shouts of victory mingled with high screams of women and of eunuchs.

Tiếng ồn phía dưới đang tăng lên; tiếng gào, tiếng hò chiến thắng hòa lẫn với những tiếng thét cao của phụ nữ và hoạn quan.

I knew well what the end would be for any unhappy woman who fell into the hands of these brutal men. I would not be one of them.

Tôi biết quá rõ kết cục sẽ ra sao cho bất kỳ người đàn bà bất hạnh nào rơi vào tay những kẻ đàn ông tàn bạo ấy. Tôi sẽ không là một trong số đó.

"My dagger..." he gasped.

"Dao găm của ta..." ông thở dốc.

I stooped and picked it up. A rush of blood came to his lips. He fell back again, but his eyes turned towards the insensible body of

Tôi cúi xuống và nhặt nó lên. Một dòng máu trào lên môi ông. Ông lại ngã xuống, nhưng mắt ông quay về phía thân thể bất tỉnh của

Nahid. “Kill her... swear...”

Nahid. “Giết nàng... thề đi...”

I answered nothing, but he read the look in my eyes.

Tôi không đáp gì, nhưng ông đọc được ánh nhìn trong mắt tôi.

“Swear—Cihrazad. I—beseech you...”

“Hãy thề—Cihrazad. Ta—cầu xin nàng...”

I looked at him, then bowed my head. “I swear.”

Tôi nhìn ông, rồi cúi đầu. “Tôi thề.”

He seemed about to speak again, but his voice choked with blood. He was dead.

Ông dường như sắp nói thêm, nhưng giọng ông nghẹn lại vì máu. Ông đã chết.

I stood alone. Without I could hear the rabble upon the stairs. A child’s cry, awful and heart-rending came from the antechamber; it was my child, but I did not move. I was staring at Nahid. I hated her; to leave her her life was the most terrible vengeance I could take for the humiliations, the sufferings she had caused me.

Tôi đứng một mình. Bên ngoài tôi có thể nghe đám ô hợp trên cầu thang. Một tiếng khóc trẻ con, khủng khiếp và xé lòng, vang lên từ tiền phòng; đó là con tôi, nhưng tôi không nhúc nhích. Tôi đang nhìn chằm chằm Nahid. Tôi ghét nàng; để nàng sống là sự báo thù khủng khiếp nhất tôi có thể thực hiện cho những nhục nhã, những đau khổ nàng đã gây cho tôi.

At that moment she stirred and sat up dazedly.

Đúng lúc ấy nàng cựa mình và ngồi dậy, choáng váng.

A woman’s shriek without; a body falling against the curtain; a mutilated body rolling into the room. Death was nothing—but the cries of the soldiers, drunk with cruelty and lust—and women—always women, the victims and slaves of it....

Một tiếng thét của phụ nữ bên ngoài; một thân thể đổ vào rèm; một thân thể bị cắt xẻ lăn vào phòng. Cái chết chẳng là gì—nhưng tiếng kêu của bọn lính, say trong tàn bạo và dục vọng—và phụ nữ—luôn luôn là phụ nữ, những nạn nhân và nô lệ của nó....

The curtain was torn down. A gigantic savage form in blood-stained armour, paused there to view the room.

Tấm màn bị giật xuống. Một hình dáng man rợ khổng lồ trong bộ giáp vấy máu đứng khựng lại đó để nhìn vào căn phòng.

My glance went from Nahid to Azuri, I swung round and the man sprang forward. Like a flash I stooped and plunged my dagger into Nahid’s breast, but before I could turn it upon myself he had caught me and wrenched it from my hand.

Ánh mắt tôi chuyển từ Nahid sang Azuri, tôi quay phắt lại và người đàn ông ấy lao tới. Nhanh như chớp, tôi cúi rạp xuống và đâm con dao găm vào ngực Nahid, nhưng trước khi tôi có thể quay nó vào chính mình thì y đã chộp lấy tôi và giật nó khỏi tay tôi.

He held me there, despite my wild struggles, and called to his companions without.

Y giữ chặt tôi ở đó, mặc cho tôi vùng vẫy điên cuồng, rồi gọi các đồng bọn ở bên ngoài.

I saw their faces, as they crowded in at the doorway, and seeing them, realized to the full the doom that awaited me....

Tôi thấy mặt họ khi họ chen vào nơi khung cửa, và khi nhìn thấy họ, tôi hoàn toàn nhận ra số phận đang chờ đợi mình....

The woman Cihrazad.... Yet how little a

Người đàn bà Cihrazad.... Nhưng thật ít là

woman! Rather the proud spirit of a man, thrust into the restrictions of a female form.

một người đàn bà! Đúng hơn là tinh thần kiêu hãnh của một người đàn ông, bị nhét vào những giới hạn của một hình tướng nữ giới.

Even the blurred memory of that horrible death was obliterated in my interest in this rational explanation of an age-old problem.

Ngay cả ký ức mờ nhạt về cái chết khủng khiếp ấy cũng bị xóa nhòa trong mối quan tâm của tôi đối với lời giải thích hợp lý này về một vấn đề lâu đời.

Obviously for life after life I had been polarized as a male before this Persian incarnation. Could Cihrazad be blamed, then, when the spirit within, revolting to find itself imprisoned in an alien and unresponsive form, had sought to take the familiar path again and to ignore the laws of a woman's body, th us twisting *her* life awry?

Hiển nhiên là hết kiếp này sang kiếp khác tôi đã phân cực như một nam giới trước kiếp lâm phàm ở Ba Tư này. Vậy thì có thể trách Cihrazad được chăng, khi tinh thần bên trong, nổi loạn vì thấy mình bị giam cầm trong một hình tướng xa lạ và không đáp ứng, đã tìm cách đi lại con đường quen thuộc và phớt lờ các định luật của thân thể người nữ, do đó làm lệch lạc cuộc đời *của nàng*?

How many men and women at the present time were finding themselves in a similar unhappy state and not understanding the inner laws of their nature, were revolt- ing even as J had then done and also seeking blindly by false paths to resolve the conflict which tore at their whole being.

Hiện nay có bao nhiêu những người nam và nữ đang thấy mình ở trong một tình trạng bất hạnh tương tự, và vì không hiểu các định luật bên trong của bản chất mình, đã nổi loạn đúng như khi ấy tôi từng làm, đồng thời cũng mù quáng tìm kiếm bằng những con đường sai lạc để giải quyết cuộc xung đột đang xé nát toàn thể con người họ.

My mind travelled back along the path of that incarnation with profound interest, The first thing that struck me forcibly was the wild, dark hatred which Nahid and 1 had felt for easin other. She must have been some enemy from my past Instantly my mind swept back to Atlantis—there was the clue, could I but interpret it. I sat back in my chair, striving to get. some connecting link and suddenly the pink pear! came into mind; where had 1 seen that pearl? Then in a flash I remembered: it belonged to one of our small group of four.

Tâm trí tôi quay ngược lại dọc theo con đường của kiếp lâm phàm ấy với mối quan tâm sâu sắc. Điều đầu tiên đập mạnh vào tôi là mối căm ghét hoang dại, đen tối mà Nahid và tôi đã dành cho nhau. Hẳn nàng đã là một kẻ thù nào đó từ quá khứ của tôi. Lập tức tâm trí tôi quét ngược về Atlantis—đó là đầu mối, nếu tôi có thể giải thích được nó. Tôi ngả người ra ghế, cố tìm một mối liên kết nào đó và đột nhiên viên ngọc trai hồng hiện lên trong trí; tôi đã thấy viên ngọc ấy ở đâu? Rồi trong một tia chớp tôi nhớ ra: nó thuộc về một người trong nhóm bốn người nhỏ của chúng tôi.

I began to speculate upon the nature of jewels and why it is that they so often appear to be connected with men's lives. X'hat particular virtue can reside in a stone that it appears to have the power to bring back the past or to precipitate events? That my scarab, which had been deliberately

Tôi bắt đầu suy đoán về bản chất của châu báu và vì sao chúng dường như thường gắn liền với đời sống con người đến thế. Có đức tính đặc biệt nào có thể ngự trong một viên đá mà nó dường như có quyền năng gọi lại quá khứ hoặc làm ngưng tụ các biến cố? Việc con bọ hung của tôi, vốn đã được từ hóa một

magnetized by one who was an adept in magic, should come back to me I understood- but the pearl remained a mystery.

cách cố ý bởi một người là chân sư trong huyền thuật, quay trở lại với tôi thì tôi hiểu —nhưng viên ngọc trai vẫn là một điều bí ẩn.

I felt the need of my teacher here but since my efforts to contact his consciousness received at that moment no response, I turned my attention to studying the rest of the life as best I might.

Tôi cảm thấy cần đến huấn sư của mình ở đây nhưng vì những nỗ lực tiếp xúc với tâm thức của ông lúc ấy không nhận được đáp ứng nào, tôi quay sang cố gắng nghiên cứu phần còn lại của cuộc đời ấy hết sức mình.

I found it almost painfully easy to get back into that emotional atmosphere, The long period of slavery, the shame and degradation of that trapped and tortured woman made me shudder even now. Indeed I had been made to drink to the brim the bitter cup that in the past I lead forced on those dependent upon me for life and well-being. Surely that experience would be graven so deeply upon my undying memory that never again would I show cruelty to the weak.

Tôi thấy gần như đau đớn vì quá dễ dàng để quay trở lại bầu không khí cảm xúc ấy. Thời kỳ nô lệ kéo dài, nỗi nhục nhã và sự đọa đày của người đàn bà bị mắc bẫy và bị hành hạ ấy khiến ngay cả bây giờ tôi vẫn rùng mình. Quả thật tôi đã bị buộc phải uống cạn đến giọt cuối cùng chiếc chén đắng mà trong quá khứ tôi đã ép những kẻ lệ thuộc vào mình về sự sống và phúc lợi phải uống. Chắc chắn kinh nghiệm ấy sẽ được khắc sâu đến mức không bao giờ phai trong ký ức bất diệt của tôi, để tôi sẽ không bao giờ còn tỏ ra tàn nhẫn với kẻ yếu nữa.

At last my teacher permitted me to contact him again.

Cuối cùng huấn sư của tôi cho phép tôi lại được tiếp xúc với ông.

“I left you alone for a little while,” he said after greeting me, “as it is far better for you to try to discover for yourself something of the intricate laws underlying Karma although inevitably their deeper significance must still remain a mystery to you. In any case I am revealing now only such lives as have a direct bearing one upon the other, in which effects are working out clearly from previous experiments in living. There were, of course many in which other groups of people were tied to you by the compulsion of cause and effect, lives in which different patterns were worked out with different links and the note you struck through the uses of black magic did not reverberate.”

“Ta đã để con một mình trong chốc lát,” ông nói sau khi chào tôi, “vì tốt hơn nhiều cho con nếu con tự mình cố khám phá đôi điều về những định luật phức tạp nằm dưới nghiệp quả, mặc dù tất nhiên ý nghĩa sâu xa hơn của chúng vẫn phải còn là một điều bí ẩn đối với con. Dù sao đi nữa, hiện giờ ta chỉ đang tiết lộ những kiếp sống có liên hệ trực tiếp với nhau, trong đó các kết quả đang hiển lộ rõ ràng từ những thử nghiệm sống trước đây. Dĩ nhiên cũng có nhiều kiếp khác trong đó những nhóm người khác bị ràng buộc với con bởi sự cưỡng bách của nhân và quả, những kiếp mà các mô hình khác nhau được triển khai với những mối liên kết khác nhau và âm điệu con xướng lên qua việc sử dụng Hắc thuật đã không vang dội.”

“I suppose those were more pleasant, more happy?”

“Tôi cho rằng những kiếp ấy dễ chịu hơn, hạnh phúc hơn?”

“Some of them. Every opportunity for happiness as well as progress is given to the

“Một số là như vậy. Mọi cơ hội cho hạnh phúc cũng như tiến bộ đều được ban cho con người

evolving man and the circumstances in which he is born correspond to whatsoever side of his nature he is seeking to develop. The whole object of the Law of Reincarnation is that the true self shall eventually learn to create a vehicle of consciousness through which it may mirror forth every aspect of its divinity in perfect equilibrium. It is as if it were seeking to polish a mighty diamond—the true diamond soul— with a thousand facets. To do this it is forced to work in many forms, through many groups of people, to sound its note in many keys, perfecting now one side, now the other. At its best its manifestations in human form can never be more than partial —the restrictions of the body are too great. That is why it is well never to judge another, however low or ignorant he may seem to be; for he may be a great soul working out mistakes in a humble disguise. It is ever difficult to recognize the truth amid illusion."

đang tiến hoá, và những hoàn cảnh mà y sinh ra tương ứng với bất cứ phương diện nào trong bản chất mình mà y đang tìm cách phát triển. Toàn bộ mục đích của Định luật Luân Hồi là để chân ngã chân thực cuối cùng học cách tạo ra một vận cụ tâm thức qua đó nó có thể phản chiếu mọi phương diện của thiên tính mình trong thế quân bình hoàn hảo. Cứ như thể nó đang tìm cách mài giũa một viên kim cương vĩ đại—viên kim cương linh hồn chân thực—với một ngàn mặt cắt. Để làm được điều này, nó buộc phải hoạt động trong nhiều hình tướng, qua nhiều nhóm người, xướng âm điệu của mình trong nhiều cung bậc, lúc này hoàn thiện mặt này, lúc khác hoàn thiện mặt kia. Ở mức tốt đẹp nhất, những biểu hiện của nó trong hình tướng con người cũng không bao giờ có thể hơn là từng phần—những giới hạn của thân thể quá lớn. Đó là lý do vì sao không bao giờ nên phán xét người khác, dù y có vẻ thấp kém hay vô minh đến đâu; vì y có thể là một linh hồn vĩ đại đang giải quyết những sai lầm trong một lớp ngụy trang khiêm hạ. Luôn luôn khó nhận ra chân lý giữa ảo tưởng."

"I think there was a mutual recognition in Persia," I remarked, "was Nahid not one of my group in Atlantis?"

"Tôi nghĩ ở Ba Tư đã có một sự nhận ra lẫn nhau," tôi nhận xét, "Nahid chẳng phải là một người trong nhóm của tôi ở Atlantis sao?"

"Yes. Sudden love and hatred are nearly always the result of some like passion in the past."

"Đúng vậy. Tình yêu và lòng căm ghét đột ngột hầu như luôn luôn là kết quả của một đam mê tương tự trong quá khứ."

"Who was my father? He was the only one I loved truly as Cihrazad."

"Cha tôi là ai? Ông là người duy nhất tôi thật sự yêu với tư cách Cihrazad."

"He was a link from a happier life. You were born under his roof so that you might be given the opportunity to continue the effort you had made before in the search for wisdom. You loved him because all that was fine in you, all that desired growth, responded to what he had to give as the flower responds to the gardener who tends it; you lost him and all he might still have given you by your own foolishness."

"Ông là một mối liên kết từ một kiếp sống hạnh phúc hơn. Con được sinh ra dưới mái nhà của ông để con có thể được trao cơ hội tiếp tục nỗ lực mà trước đây con đã thực hiện trong cuộc tìm kiếm minh triết. Con yêu ông vì tất cả những gì tốt đẹp trong con, tất cả những gì khao khát tăng trưởng, đã đáp ứng với điều ông có thể trao cho con như bông hoa đáp ứng với người làm vườn chăm sóc nó; con đã mất ông và mất tất cả những gì ông còn có thể trao cho con bởi chính sự ngu xuẩn của mình."

"And what of that pink pearl? You have taught me that there is no such thing as coincidence, yet I cannot see..

"Jewels absorb magnetism just as everything else does," he said, "but they retain it longer, as the mineral kingdom is the most concrete of all and grows so slowly that it appears to have no life whatsoever. Just as your scarab was magnetized in Egypt—except that this was done by an occult process and was therefore the more powerful— so, to a far lesser extent, it is possible for people unconsciously to project some of their own magnetic currents into an object. But in order that this shall have a lasting effect, he who does so must be under a particularly powerful emotional stimulus at the time. If an object so magnetized by hate or love should fall again into the hands of the one with whom it was originally linked, it might, should he be sufficiently sensitive, recall his dormant memories of that event. In any case the contact would be very likely to cause a certain resurgence of Karmic currents from that particular incarnation.

"In fact a jewel returning thus from out of the past may be considered almost a warning signal of karmic debts due to be presented for payment; but naturally in most cases people do not recognize such a signal and would not be able to decipher its message if they did. Life is full of warning lights, of guiding posts for those who are sensitive enough to be aware of them, but for the most part as yet man stumbles from one trouble into another entirely unprepared, then demands indignantly of high heaven why his misfortunes should be allowed, blaming God instead of his own foolish self. I hope," and here I felt once more the glow of his love enveloping me like a pulsing flame, "that in your case this present life will be the last in which you will assail the ears of those who have watched over you with these outcries and fulmina- tions."

"Còn viên ngọc trai hồng ấy thì sao? Thầy đã dạy tôi rằng không có cái gọi là ngẫu nhiên, vậy mà tôi không thể thấy được.."

"Châu báu hấp thụ từ điện cũng như mọi thứ khác," ông nói, "nhưng chúng giữ nó lâu hơn, vì giới kim thạch là cụ thể nhất trong tất cả và tăng trưởng chậm đến mức dường như hoàn toàn không có sự sống nào cả. Cũng như con bọ hung của con đã được từ hóa ở Ai Cập—ngoại trừ việc điều này được thực hiện bằng một tiến trình huyền bí nên vì thế mạnh hơn nhiều—thì ở mức độ thấp hơn rất xa, con người cũng có thể vô thức phóng chiếu một phần những dòng từ tính riêng của mình vào một vật thể. Nhưng để điều này có hiệu quả lâu dài, người làm như vậy phải đang ở dưới một kích thích cảm xúc đặc biệt mạnh vào lúc đó. Nếu một vật được từ hóa bởi hận thù hay tình yêu như thế lại rơi vào tay người mà ban đầu nó đã liên kết, thì nó có thể, nếu người ấy đủ nhạy cảm, gợi lại những ký ức ngủ yên của y về biến cố đó. Dù sao đi nữa, sự tiếp xúc ấy rất có thể sẽ gây ra một sự trỗi dậy nào đó của các dòng nghiệp quả từ kiếp lâm phàm đặc biệt ấy.

"Thật ra, một món châu báu quay trở lại như vậy từ quá khứ gần như có thể được xem là một tín hiệu cảnh báo về những món nợ nghiệp quả đến hạn phải thanh toán; nhưng dĩ nhiên trong đa số trường hợp con người không nhận ra một tín hiệu như thế, và dù có nhận ra họ cũng không thể giải mã thông điệp của nó. Cuộc sống đầy những ánh đèn cảnh báo, những cột chỉ đường cho những ai đủ nhạy cảm để nhận biết chúng, nhưng phần lớn cho đến nay con người vẫn loạng choạng từ rắc rối này sang rắc rối khác hoàn toàn không chuẩn bị, rồi phẫn nộ đòi hỏi trời cao vì sao những bất hạnh của mình lại được cho phép xảy ra, đổ lỗi cho Thượng đế thay vì cho chính phàm ngã ngu xuẩn của mình. Ta hy vọng," và ở đây tôi lại cảm thấy ánh rực ấm áp của tình thương ông bao bọc tôi như một ngọn lửa đang rung động, "rằng trong trường hợp của con, kiếp sống hiện tại này sẽ là kiếp cuối cùng trong đó con công kích tai những người đã dõi theo con bằng những tiếng kêu gào và những lời sấm sét như thế."

I shook my head. To look back thus upon one's past was finally to lose all conceit. "One seems to evolve so slowly—and to forget and fall back again. Cihrazad doesn't seem a marked improvement upon Pharaoh. Just as cruel and passionate and uncontrolled... that wretched panther! After all Pharaoh did, I suppose, repent of the evil he had done; he accepted the task laid upon him; he did go forth willingly upon the Path of Return."

Tôi lắc đầu. Nhìn lại quá khứ của mình theo cách ấy rốt cuộc là đánh mất mọi tự phụ. "Người ta dường như tiến hoá quá chậm—rồi lại quên và lại sa ngã. Cihrazad có vẻ cũng chẳng cải thiện gì rõ rệt so với Pharaoh. Cũng tàn nhẫn, đam mê và thiếu tự chủ như thế... con báo khốn khổ ấy! Dù sao thì Pharaoh, tôi cho là, đã hối hận về điều ác mình đã làm; y đã chấp nhận nhiệm vụ đặt lên mình; y đã tự nguyện bước ra trên Con Đường Trở Về."

"Yes, but as you yourself pointed out, he repented because he was afraid—that is not true repentance. Moreover repentance from whatsoever motive, although absolutely necessary to start with, does not alter the Law by one jot. You may repent, but those currents you have animated by evil do not immediately melt away when you declare that you are sorry. They have to be dealt with and deliberately changed by the man himself. There never were two more pernicious doctrines than those of vicarious atonement and the forgiveness of sins. The Christian Church has built for itself a heavy Karma of retribution by deliberately distorting the words of its Founder and laying stress upon such teachings to gain worldly power.

"Đúng, nhưng như chính con đã chỉ ra, y hối hận vì y sợ hãi—đó không phải là sự hối hận chân thật. Hơn nữa, sự hối hận vì bất cứ động cơ nào, dù tuyệt đối cần thiết để khởi đầu, cũng không làm thay đổi Định luật dù chỉ một mảy may. Con có thể hối hận, nhưng những dòng lực mà con đã làm cho sống động bằng điều ác không lập tức tan biến khi con tuyên bố rằng mình lấy làm tiếc. Chúng phải được chính con người ấy đề cập đến và cố ý chuyển đổi. Chưa từng có hai giáo lý nào tai hại hơn giáo lý chuộc tội thay và sự tha thứ tội lỗi. Giáo hội Cơ Đốc đã tự tạo cho mình một nghiệp quả báo ứng nặng nề bằng cách cố ý bóp méo lời của Đấng Sáng Lập mình và nhấn mạnh những giáo huấn như thế để giành quyền lực thế gian.

Man has got to learn to bear the responsibility for his own mistakes and accept the full consequences; he must do all the work himself. You, as Pharaoh, certainly made an attempt to understand the Law; you cleared the ground before you sufficiently to enable you to go forward; but the true test of this so-called repentance came when you returned to the world, a world full of war, hatred and intrigue, of discords to which the most powerful part of your nature found it almost impossible not to respond. For people, even the strongest, react to the emotional atmosphere about them, especially if it plays upon some weakness in their own character. It was comparatively easy for you to see the advantages of love and wisdom whilst among those who manifested them and to struggle against your Dweller in the peace

Con người phải học cách gánh lấy trách nhiệm về những sai lầm của chính mình và chấp nhận toàn bộ hậu quả; y phải tự mình làm toàn bộ công việc. Con, với tư cách Pharaoh, quả thật đã cố gắng thấu hiểu Định luật; con đã dọn sạch mặt đất trước mặt mình đủ để có thể tiến lên; nhưng phép thử thật sự của cái gọi là sự hối hận này đến khi con trở lại thế gian, một thế gian đầy chiến tranh, hận thù và mưu mô, đầy những bất hòa mà phần mạnh nhất trong bản chất con hầu như không thể không đáp ứng. Vì con người, ngay cả những kẻ mạnh nhất, cũng phản ứng với bầu không khí cảm xúc quanh mình, nhất là nếu nó tác động lên một điểm yếu nào đó trong tính cách riêng của họ. Đối với con, việc thấy được những lợi thế của tình thương và minh triết khi ở giữa những người biểu lộ chúng, và đấu tranh chống lại Kẻ Chận Ngõ của mình trong sự bình an và

and solitude of the Temple but such work was only preparatory at best.

cô tịch của Đền thờ thì tương đối dễ, nhưng công việc như thế cùng lắm cũng chỉ là chuẩn bị.

"Thus when once more, in this Persian incarnation, an opportunity to exercise power was presented to you, it struck a note to which those entities you had created through the abuse of power instantly responded. For I would impress upon you again most strongly that *the dark forces can only influence and endanger those in whom they can find some affinity to their own nature.* Let the man therefore who thinks he is being attacked by such adversaries search immediately for the flaw in himself which makes such attack possible.

"Vì vậy khi một lần nữa, trong kiếp lâm phàm Ba Tư này, một cơ hội để thực thi quyền lực được trao cho con, nó đã đánh lên một âm điệu mà những thực thể con đã tạo ra qua việc lạm dụng quyền lực lập tức đáp ứng. Vì ta muốn nhấn mạnh với con một lần nữa thật mạnh mẽ rằng *các mãnh lực tối tăm chỉ có thể ảnh hưởng và gây nguy hiểm cho những ai trong đó chúng có thể tìm thấy một sự tương đồng nào đó với bản chất riêng của chúng.* Vậy nên người nào nghĩ rằng mình đang bị những đối thủ như thế tấn công hãy lập tức tìm kiếm nơi chính mình khuyết điểm khiến cuộc tấn công ấy trở nên khả hữu.

"In Persia these evil entities were reinforced by your inherent vanity and moral weakness which manifested in a feeling of inferiority due to what you imagined to be the indignity of your female form. This hidden conflict made you seek to assert yourself on every possible occasion. Bullies and sadists are always weak people—often obsessed people. You were both. Now I will show you a life which was happier than most, although here again it ended through your own foolishness in apparent disaster."

"Ở Ba Tư, những thực thể ác này còn được tăng cường bởi tính hư vinh cố hữu và sự yếu đuối đạo đức của con, biểu lộ trong cảm giác tự ti do điều con tưởng là nỗi nhục của hình tướng nữ giới mình. Cuộc xung đột ẩn kín này khiến con tìm cách khẳng định mình trong mọi dịp có thể. Những kẻ bắt nạt và bạo dâm luôn là những người yếu đuối—thường là những người bị ám nhập. Con là cả hai. Giờ ta sẽ cho con thấy một kiếp sống hạnh phúc hơn phần lớn, mặc dù ở đây nữa nó cũng kết thúc bằng tai họa bề ngoài do chính sự ngu xuẩn của con."

"And I was a man again, I hope," I exclaimed. "I seem to have crushed enough feminine experiences into that life to last a considerable time. I must have learned something through what I suffered then."

"Và tôi lại là đàn ông, tôi hy vọng thế," tôi kêu lên. "Tôi dường như đã dồn đủ những kinh nghiệm nữ tính vào kiếp ấy để dùng trong một thời gian khá dài. Hẳn tôi đã học được điều gì đó qua những gì mình chịu đựng khi ấy."

He smiled. "But do you consider that you *did* trouble to learn the lessons of a woman? Did you ever acquiesce in your destiny and endeavour to make the best of it? Were you not to the end unbalanced? Did you ever attempt to understand the mysteries of the feminine side of life and the secret of woman's strength? Did you even learn true sympathy for the causes of feminine fears, pains, difficulties? Did you truly, in deep

Ông mỉm cười. "Nhưng con có cho rằng con *đã* thực sự bận tâm học những bài học của một người đàn bà không? Con đã bao giờ thuận theo số phận mình và cố gắng làm điều tốt nhất từ nó chưa? Con chẳng phải đã mất quân bình cho đến tận cùng sao? Con đã bao giờ cố gắng thấu hiểu những huyền nhiệm của phương diện nữ tính của đời sống và bí mật của sức mạnh người đàn bà chưa? Con có học được sự cảm thông chân thật đối

humility, admit your inadequacy and seek to perfect yourself in woman's form? No; even while absorbing these experiences you did not attempt to understand their significance, but were merely in a perpetual state of revolt. Once again you can see how, without right application, no amount of knowledge is of any use. The aim of evolution, in so far as it concerns man on the physical plane, is the perfectly balanced human being, composed of the male qualities of will and wisdom and the feminine ones of intuition and love; and until these are manifested in equal degree, the soul will seek expression again and again in a form which gives it the opportunity to adjust the balance. Cihrazad never became a true woman, she never made the most of the gifts which were offered her through the medium of her female sex.

với nguyên nhân của những nỗi sợ hãi, đau đớn, khó khăn của nữ giới không? Con có thật sự, trong sự khiêm hạ sâu xa, thừa nhận sự bất toàn của mình và tìm cách hoàn thiện bản thân trong hình tướng nữ giới không? Không; ngay cả khi đang hấp thụ những kinh nghiệm này, con cũng không cố gắng thấu hiểu ý nghĩa của chúng, mà chỉ đơn thuần ở trong một trạng thái nổi loạn thường trực. Một lần nữa con có thể thấy rằng, nếu không có sự áp dụng đúng đắn, thì bao nhiêu tri thức cũng chẳng ích gì. Mục tiêu của tiến hoá, trong chừng mực nó liên quan đến con người trên cõi hồng trần, là con người hoàn toàn quân bình, được cấu thành bởi những phẩm tính nam tính là ý chí và minh triết cùng những phẩm tính nữ tính là trực giác và tình thương; và cho đến khi những phẩm tính ấy được biểu lộ ở mức độ ngang nhau, linh hồn sẽ còn tìm kiếm sự biểu hiện hết lần này đến lần khác trong một hình tướng cho nó cơ hội điều chỉnh thế quân bình. Cihrazad chưa bao giờ trở thành một người đàn bà chân chính, nàng chưa bao giờ tận dụng tối đa những tặng phẩm được trao cho nàng qua trung gian giới tính nữ của mình.

"Next time—but you shall see for yourself—and judge...."

"Lần tới—nhưng con sẽ tự mình thấy—và phán xét...."

CHAPTER IV—CHƯƠNG IV
GREECE—HY LẠP

In Greece I returned to earth once more in a woman's body, but this time I was no longer in revolt against my sex. In the interval I had obviously learned some lessons from my Persian incarnation, and understanding at last how to manipulate the subtle forces that a woman has at her disposal, this time I accepted my destiny and set about attempting to use my feminine potentialities.

Ở Hy Lạp tôi lại trở về Trái Đất một lần nữa trong thân thể đàn bà, nhưng lần này tôi không còn nổi loạn chống lại giới tính của mình nữa. Trong khoảng thời gian xen giữa, hiển nhiên tôi đã học được một số bài học từ kiếp lâm phàm Ba Tư, và cuối cùng đã hiểu cách vận dụng những mãnh lực vi tế mà một người đàn bà có trong tay, nên lần này tôi chấp nhận số phận mình và bắt đầu cố gắng sử dụng những tiềm năng nữ tính của mình.

But in Persia, even after I had been forced to submit to every possible variant of a woman's life, I had still refused to comply with the laws of nature. I had to the end taken delight in my own sex, choosing lovers from among my fellow slaves. Thus I deliberately perverted that lifestream, which, in its feminine aspect, flowed through my body and in consequence of these excesses, strengthened the purely sensual and material aspect of sex to such an extent that, when I reincarnated in Greece, I was ruled and obsessed by sex currents intensified to an abnormal degree.

Nhưng ở Ba Tư, ngay cả sau khi tôi đã bị buộc phải phục tùng mọi biến thể có thể có của đời sống người đàn bà, tôi vẫn từ chối tuân theo các định luật của bản chất. Cho đến tận cùng tôi vẫn thích thú với chính giới tính của mình, chọn người tình trong số những nữ nô lệ đồng cảnh. Vì thế tôi đã cố ý làm lệch dòng sự sống ấy, dòng mà trong phương diện nữ tính của nó chảy qua thân thể tôi, và hậu quả của những thái quá này là đã làm mạnh thêm phương diện thuần túy nhục dục và vật chất của tính dục đến mức khi tôi tái sinh ở Hy Lạp, tôi bị cai quản và ám ảnh bởi những dòng tính dục được tăng cường đến một mức bất thường.

Thus, already as a young girl, my life was made a torture by desires which I could neither comprehend nor satisfy.

Vì vậy, ngay từ khi còn là một thiếu nữ, đời tôi đã trở thành một cực hình bởi những ham muốn mà tôi không thể hiểu cũng không thể thỏa mãn.

I was headstrong, moody, with a passionate zest for life and a hunger for experience, for knowledge and for beauty; and because of necessity my outlook was coloured by the normal conventions of the times and place in which I lived, it was inevitable that my mind turned to men, as the only possible means through which I could accomplish my desires.

Tôi bướng bỉnh, thất thường, có một niềm say mê mãnh liệt đối với cuộc sống và một cơn đói khát kinh nghiệm, tri thức và cái đẹp; và vì tất yếu, quan điểm của tôi bị nhuốm màu bởi những quy ước thông thường của thời đại và nơi chốn tôi sống, nên điều không thể tránh khỏi là tâm trí tôi hướng về đàn ông, như phương tiện khả dĩ duy nhất qua đó tôi có thể thực hiện những khát vọng của mình.

But there was little chance of any companionship with men for a girl born of Athenian parents. I was brought up in the women's quarters, taught all the arts which

Nhưng đối với một cô gái sinh ra từ cha mẹ người Athens thì hầu như không có cơ hội nào để có sự bầu bạn với đàn ông. Tôi được nuôi dạy trong khuê phòng của phụ nữ, được

would fit me to become a useful wife and mother of children; there was no other possible future for such as myself. But inwardly, I never accepted this uninteresting destiny for, along with this abnormal craving for sex experience, was a strain of very pure idealism and romance. While on the one hand I dreamed of myself ruling men—since in no other way could my lust for power be satisfied—on the other I also dreamed of an ideal and perfect lover who would open all doors to me and would give me that harmony and completeness for which my soul craved.

dạy mọi nghệ thuật khiến tôi trở thành một người vợ hữu ích và một người mẹ của con cái; đối với hạng người như tôi thì không có tương lai nào khác. Nhưng trong nội tâm, tôi chưa bao giờ chấp nhận số phận tẻ nhạt ấy, vì cùng với cơn thèm khát bất thường đối với kinh nghiệm tính dục này còn có một mạch lý tưởng và lãng mạn rất thuần khiết. Trong khi một mặt tôi mơ thấy mình cai quản đàn ông—vì không có cách nào khác để cơn khát quyền lực của tôi được thỏa mãn—thì mặt khác tôi cũng mơ về một người tình lý tưởng và hoàn hảo, người sẽ mở ra mọi cánh cửa cho tôi và ban cho tôi sự hài hòa và trọn vẹn mà linh hồn tôi khao khát.

It is said that everyone before birth is shown in a flash the possibilities of his future life. If so, I must have kept a memory more than usually vivid of what was in store for me, for the thought of a marriage arranged with some sensible and worthy youth I had never seen filled me with revulsion.

Người ta nói rằng trước khi sinh ra, ai cũng được cho thấy trong một tia chớp những khả năng của đời sống tương lai mình. Nếu vậy, hẳn tôi đã giữ lại một ký ức sống động hơn thường lệ về điều đang chờ đợi mình, vì ý nghĩ về một cuộc hôn nhân được sắp đặt với một chàng trai đứng đắn và xứng đáng nào đó mà tôi chưa từng gặp đã khiến tôi tràn ngập ghê sợ.

Before even I had reached marriageable age I had fallen desperately in love; there were stolen meetings. I imagined that in this man I had found my ideal. Despite the dangers, I persuaded him to elope with me, while my ambitious parents were arranging a suitable match. We fled from Athens to Sybaris, where the laws were more lax and the status of women more advanced. But all too soon I realized that this man did not satisfy me; still following the will-o'-the-wisp of my dreams, I left him for another. My search went on; drawn by this vague urge for perfection and by the urge, not so vague, of my unappeasable flesh, I passed from lover to lover with the inevitable result that fed by the abandonment of all restraint, the until now dormant evil in my nature began to manifest. No longer did I give myself for even the chimera of love. It was not long before I discovered that my body was worth gold, jewel, slaves, all the symbols of power; greed became my ruling passion, greed of the flesh and greed of material

Ngay cả trước khi đến tuổi lấy chồng tôi đã yêu điên cuồng; đã có những cuộc gặp gỡ lén lút. Tôi tưởng rằng nơi người đàn ông này tôi đã tìm thấy lý tưởng của mình. Bất chấp hiểm nguy, tôi thuyết phục y bỏ trốn cùng tôi, trong khi cha mẹ đầy tham vọng của tôi đang sắp đặt một cuộc hôn phối thích hợp. Chúng tôi trốn khỏi Athens đến Sybaris, nơi luật lệ lỏng lẻo hơn và địa vị phụ nữ tiến bộ hơn. Nhưng quá sớm tôi nhận ra rằng người đàn ông này không làm tôi thỏa mãn; vẫn tiếp tục chạy theo ánh lửa ma trơi của những giấc mơ mình, tôi bỏ y để đến với một người khác. Cuộc tìm kiếm của tôi tiếp diễn; bị lôi kéo bởi thôi thúc mơ hồ hướng đến sự hoàn hảo ấy và bởi thôi thúc không hề mơ hồ của xác thịt không thể nguôi ngoai của mình, tôi chuyển từ người tình này sang người tình khác với kết quả tất yếu là, được nuôi dưỡng bởi sự buông thả mọi kiềm chế, cái ác vốn ngủ yên trong bản chất tôi cho đến lúc ấy bắt đầu biểu lộ. Tôi không còn hiến mình ngay cả vì ảo ảnh của tình yêu nữa. Chẳng bao lâu tôi khám phá ra rằng thân thể tôi đáng giá

things.

vàng, châu báu, nô lệ, mọi biểu tượng của quyền lực; lòng tham trở thành đam mê thống trị của tôi, lòng tham của xác thịt và lòng tham vật chất.

I returned to Athens, and there in a few years became one of the leading hetaera of the city. I was ambitious; soon I had collected around me a little circle of the most wealthy, the most intelligent, and the most artistic of the Athenians.

Tôi trở về Athens, và ở đó chỉ trong vài năm đã trở thành một trong những hetaera hàng đầu của thành phố. Tôi đầy tham vọng; chẳng bao lâu tôi đã quy tụ quanh mình một vòng tròn nhỏ gồm những người Athens giàu có nhất, thông minh nhất và có tính nghệ thuật nhất.

Yet despite my success, in my heart I felt there was something I had missed in life. I was not happy. I tried to forget my dream, but still it haunted me; at last I realized that no possessions, however rare, no knowledge, however strange and erudite, no lover, however passionate, could satisfy this urge which was not of the flesh alone.

Tuy nhiên, bất chấp thành công của mình, trong tim tôi cảm thấy có điều gì đó tôi đã bỏ lỡ trong đời. Tôi không hạnh phúc. Tôi cố quên giấc mơ của mình, nhưng nó vẫn ám ảnh tôi; cuối cùng tôi nhận ra rằng không tài sản nào, dù hiếm quý đến đâu, không tri thức nào, dù kỳ lạ và uyên bác đến đâu, không người tình nào, dù đam mê đến đâu, có thể thỏa mãn thôi thúc này, vốn không chỉ thuộc về xác thịt mà thôi.

One night a feast was given by a wealthy citizen.

Một đêm kia một bữa tiệc được một công dân giàu có khoản đãi.

The Symposium had begun; most of the guests were already confused by their potations. There were, of course, no women present save a few hetaerae and a number of flautists and dancing girls. The chamber was in disorder, the floor strewn with blossoms and discarded garments. I lay upon the breast of my latest lover, yet I was in no mood for caresses nor for revelry. I had not drunk as much as the others and a strange clarity of vision was upon me. I found myself overcome by distaste at the sight of my fellow revellers. I noticed with scorn that my lover's face was red and blotched, his mouth half open, and the wreath of white roses hung ridiculously over one eye. Presently there arrived a party of fresh guests who had come on from another feast; I was looking at them idly when my gaze was arrested by one of their number whom I had not seen before. He was young and reasonably goodlooking, but beyond that there was nothing to account for my interest.

Buổi Symposium đã bắt đầu; phần lớn khách khứa đã lảo đảo vì men rượu. Dĩ nhiên không có phụ nữ nào hiện diện ngoài vài hetaera và một số nữ nhạc công thổi sáo cùng các vũ nữ. Căn phòng bừa bộn, sàn nhà rải đầy hoa và y phục bị vứt bỏ. Tôi nằm trên ngực người tình mới nhất của mình, nhưng tôi không có tâm trạng cho những vuốt ve hay cuộc vui chè chén. Tôi không uống nhiều như những người khác và một sự sáng tỏ tầm nhìn kỳ lạ đang ở trên tôi. Tôi thấy mình bị tràn ngập bởi sự chán ghét trước cảnh tượng những kẻ cùng vui quanh mình. Tôi nhận thấy với vẻ khinh miệt rằng mặt người tình tôi đỏ gay và lốm đốm, miệng hé mở một nửa, còn vòng hoa hồng trắng thì buông thõng một cách lố bịch trên một mắt. Một lúc sau có một nhóm khách mới đến từ một bữa tiệc khác; tôi đang lơ đãng nhìn họ thì ánh mắt bị giữ lại bởi một người trong số họ mà trước đây tôi chưa từng thấy. Y còn trẻ và khá ưa nhìn, nhưng ngoài điều đó ra thì không có gì giải thích được sự quan tâm của tôi.

As I raised myself on my elbow to see him better, he turned and his eyes met mine. We stared at each other for a moment which to me seemed an eternity; neither of us moved. What happened. I do not know, but it was as if a flame of fire passed from his heart into mine. I became as another woman; I saw myself and everything about me with new eyes. I was suddenly aware of a feeling of shame and horror. Hardly knowing what I did, with a swift movement I drew up my robe and freeing myself from my lover's embrace rose to my feet. I saw the stranger speak to one of his companions and thought I heard my name. My one desire was to fly, from what I hardly knew. I picked my way among the recumbent guests, many of whom were already sleeping off their potations and without so much as glancing in his direction, went to the door, calling to a slave to have my litter brought immediately. I waited at the entrance to the house, leaning against a column, faint with agitation, trembling and bewildered.

Khi tôi chống khuỷu tay nâng người lên để nhìn y rõ hơn, y quay lại và mắt y gặp mắt tôi. Chúng tôi nhìn chằm chằm vào nhau trong một khoảnh khắc mà đối với tôi dường như là vĩnh cửu; không ai trong chúng tôi cử động. Điều gì đã xảy ra, tôi không biết, nhưng như thể một ngọn lửa đã truyền từ tim y sang tim tôi. Tôi trở thành một người đàn bà khác; tôi nhìn thấy chính mình và mọi thứ quanh mình bằng đôi mắt mới. Tôi đột nhiên ý thức được một cảm giác hổ thẹn và kinh hoàng. Hầu như không biết mình đang làm gì, với một cử động mau lẹ tôi kéo áo choàng lên và thoát khỏi vòng tay người tình rồi đứng bật dậy. Tôi thấy người lạ nói gì đó với một bạn đồng hành của y và tưởng như nghe thấy tên mình. Điều duy nhất tôi muốn là chạy trốn, khỏi điều gì thì tôi hầu như không biết. Tôi len bước giữa những vị khách đang nằm ngả, nhiều người trong số họ đã ngủ gục vì men rượu, và không hề liếc về phía y lấy một lần, tôi đi ra cửa, gọi một nô lệ bảo mang kiệu của tôi đến ngay. Tôi đứng đợi ở lối vào ngôi nhà, tựa vào một cây cột, gần như ngất đi vì kích động, run rẩy và bàng hoàng.

This must be true love, I thought, the dread, poisoned shaft of Eros. Despite the warmth of the night, I drew my himation over my head and shivered. The sky was dark as velvet overhead with a few faint stars, the air heavy with the scent of flowers; afar off a nightingale was singing. It was a night made for love.... O, why were the slaves so long?

Đây hẳn phải là tình yêu chân thật, tôi nghĩ, mũi tên đáng sợ tẩm độc của Eros. Bất chấp đêm ấm áp, tôi kéo himation trùm lên đầu và run lên. Bầu trời phía trên tối như nhung với vài ngôi sao mờ nhạt, không khí nặng mùi hương hoa; xa xa một con sơn ca đêm đang hót. Đó là một đêm được tạo ra cho tình yêu.... Ôi, sao bọn nô lệ lâu đến thế?

I heard a movement behind me and looked about like a hunted thing. What madness was this? How had the sight of one man turned me back into a frightened girl again?

Tôi nghe có tiếng động phía sau và quay lại như một con thú bị săn đuổi. Cơn điên nào thế này? Làm sao chỉ cái nhìn về một người đàn ông lại biến tôi trở lại thành một cô gái hoảng sợ?

A voice spoke softly.

Một giọng nói cất lên khe khẽ.

"Chloris," he said, "I beseech you, wait—speak with me a moment. I am Serretes, a sculptor; all my life I have sought a model for my great work, the divine Aphrodite rising from the waves. I have travelled to Egypt, Persia, among the Isles—I never found her. Now I come to Athens—and my eyes see her at last. I cannot let you go. You are she, the

"Chloris," y nói, "xin nàng, hãy đợi—hãy nói với tôi một lát. Tôi là Serretes, một nhà điêu khắc; suốt đời tôi đã tìm kiếm một người mẫu cho tác phẩm lớn của mình, Aphrodite thiêng liêng vươn lên từ sóng nước. Tôi đã đi đến Ai Cập, Ba Tư, qua các đảo—tôi chưa bao giờ tìm thấy nàng. Giờ tôi đến Athens—và cuối cùng mắt tôi đã thấy nàng. Tôi không

woman I have sought, seen in my dreams. I implore you, pose for me." His voice shook.

thể để nàng đi. Nàng chính là người ấy, người đàn bà tôi đã tìm kiếm, đã thấy trong những giấc mơ. Tôi khẩn cầu nàng, hãy làm mẫu cho tôi." Giọng y run lên.

I dared not look round. The perfume of the violets with which his head was garlanded made me faint. Overcome by emotion, by this extraordinary feeling of shame and terror, my actions were dictated by mere panic. My litter at that moment arrived. Without a word I entered it and drew the curtain in his face, then, flinging myself on the cushions, I began to weep. I had lost him. I did not know what mad impulse had precipitated my flight. All the way back I sobbed distractedly. When the litter stopped before my house I stumbled out. As I did so a figure materialized from the shadows. It was he.

Tôi không dám quay lại nhìn. Hương thơm của những đóa violet quấn thành vòng trên đầu y khiến tôi gần như ngất lịm. Bị cảm xúc lấn át, bởi cảm giác hổ thẹn và kinh hoàng kỳ lạ này, hành động của tôi chỉ do sự hoảng loạn thuần túy chi phối. Đúng lúc ấy kiệu của tôi đến. Không nói một lời tôi bước vào đó và kéo màn che ngay trước mặt y, rồi quăng mình xuống đệm và bắt đầu khóc. Tôi đã đánh mất y. Tôi không biết xung động điên rồ nào đã làm bùng phát cuộc chạy trốn của mình. Suốt quãng đường trở về tôi nức nở trong tuyệt vọng. Khi kiệu dừng trước nhà tôi, tôi loạng choạng bước ra. Vừa lúc ấy một hình bóng hiện ra từ bóng tối. Chính là y.

"I have followed you," he said. "I could not do otherwise. You scorn me, I suppose; it is true I am as yet poor and unknown. You have a great reputation; your lovers are the richest men in the city; I cannot give you slaves, gold, or jewels—but I will do more." His voice rang out and I thrilled to the purpose and the strength of him. "I will do what they cannot —I will make you immortal! In ages to come men will look upon your form and glory in the beauty and the perfection of which you will be the symbol. O divine Chloris, will you not listen? Will you not accept my gifts?"

"Tôi đã đi theo nàng," y nói. "Tôi không thể làm khác. Hẳn nàng khinh tôi; đúng là hiện giờ tôi còn nghèo và vô danh. Nàng có danh tiếng lớn; những người tình của nàng là những người giàu nhất thành phố; tôi không thể cho nàng nô lệ, vàng hay châu báu—nhưng tôi sẽ làm hơn thế." Giọng y vang lên và tôi rung động trước mục đích cùng sức mạnh nơi y. "Tôi sẽ làm điều họ không thể làm—tôi sẽ khiến nàng bất tử! Trong những thời đại mai sau, con người sẽ nhìn vào hình tướng của nàng và tôn vinh vẻ đẹp cùng sự hoàn hảo mà nàng sẽ là biểu tượng. Ôi Chloris thiêng liêng, nàng sẽ không lắng nghe sao? Nàng sẽ không nhận những tặng phẩm của tôi sao?"

I turned to him, my face ravaged with tears. The light from above the doorway shone down upon it, but I did not care.

Tôi quay về phía y, khuôn mặt tan nát vì nước mắt. Ánh sáng từ phía trên khung cửa chiếu xuống mặt tôi, nhưng tôi không bận tâm.

"I do not want your gifts," I said. "I want nothing from you, O Serretes...."

"Tôi không muốn những tặng phẩm của chàng," tôi nói. "Tôi không muốn gì từ chàng, hỡi Serretes...."

His expression changed, his hands dropped to his sides.

Nét mặt y thay đổi, hai tay buông xuống hai bên.

"You reject me, then? Is there no hope?"

"Vậy là nàng từ chối tôi? Không còn hy vọng

nào sao?"

I laughed softly, lifting my face to his, opening my arms in a gesture of abandon. "I want nothing from you —I desire only to give you—love. Do I ask too much?"

Tôi cười khẽ, ngẩng mặt lên phía y, dang tay trong một cử chỉ phó mặc. "Tôi không muốn gì từ chàng—tôi chỉ mong được cho chàng—tình yêu. Tôi có đòi hỏi quá nhiều chăng?"

He drew a quick breath, then flung up his hands to the dark sky. "O Aphrodite, not for nothing did I make vows and sacrifices at thy shrine. O Eros, blessed be thou among the Gods!"

Y hít nhanh một hơi, rồi giơ hai tay lên bầu trời tối. "Ôi Aphrodite, không phải vô ích mà tôi đã lập lời nguyện và dâng hiến nơi điện thờ của nàng. Ôi Eros, phúc thay cho ngài giữa các Thượng đế!"

And, catching me in his arms, as a bridegroom carries his bride, so did he bear me across the threshold into my house.

Rồi chộp lấy tôi trong vòng tay, như chú rể bế cô dâu của mình, y đã mang tôi qua ngưỡng cửa vào nhà tôi.

There followed three years of such bliss that I think is rarely given to mortals. I took a villa in the country; there he worked, and there we spent long hours wandering through the groves and over the hills in a companionship so perfect that sometimes I feared we would incur the jealousy of the gods. But all too soon a shadow fell upon our love. Serrete's work began to be acclaimed far and wide and we were forced to return to Athens. There I found myself devoured by jealousy. Only a man as strong and yet as gentle as he could have endured the wild scenes I made. I wanted him for myself alone, was racked with doubts and fears if he were for a few hours out of my sight. I must have made his life a torment, but his patience and his love were proof even against my uncontrolled passions. Moreover, he sought ever to endow me with some of his own stability and with that philosophic outlook which certainly at this time stood him in good stead.

Tiếp theo đó là ba năm chí phúc mà tôi nghĩ hiếm khi được ban cho người phàm. Tôi thuê một biệt thự ở miền quê; ở đó y làm việc, và ở đó chúng tôi trải qua những giờ dài lang thang qua những lùm cây và trên các sườn đồi trong một tình bạn đồng hành hoàn hảo đến mức đôi khi tôi sợ chúng tôi sẽ chuốc lấy sự ghen tị của các thần. Nhưng quá sớm một bóng tối đã phủ lên tình yêu của chúng tôi. Tác phẩm của Serretes bắt đầu được ca ngợi khắp nơi và chúng tôi buộc phải trở về Athens. Ở đó tôi thấy mình bị lòng ghen tuông gặm nhấm. Chỉ một người đàn ông mạnh mẽ mà dịu dàng như y mới có thể chịu đựng được những cảnh tượng điên cuồng tôi gây ra. Tôi muốn có y cho riêng mình, bị giày vò bởi nghi ngờ và sợ hãi nếu y khuất khỏi mắt tôi chỉ vài giờ. Hẳn tôi đã biến đời y thành một cực hình, nhưng sự nhẫn nại và tình yêu của y vẫn đứng vững ngay cả trước những đam mê mất kiểm soát của tôi. Hơn nữa, y luôn tìm cách ban cho tôi một phần sự ổn định của chính mình và cái quan điểm triết lý mà chắc chắn vào thời điểm này đã giúp ích rất nhiều cho y.

He was a citizen of Crotona and before meeting me had been about to enter the school of Pythagoras and take upon himself the preliminary vows of three years' silence. His mind still turned towards the centre of learning and of wisdom; often he would discuss the possibility of my also travelling

Y là một công dân của Crotona và trước khi gặp tôi đã sắp sửa vào trường phái của Pythagoras và nhận lấy những lời nguyện sơ khởi của ba năm im lặng. Tâm trí y vẫn hướng về trung tâm học hỏi và minh triết ấy; y thường bàn đến khả năng tôi cũng sẽ cùng đi Crotona, nơi y yêu tha thiết. Nhưng tôi

to Crotona, which he passionately loved. But I saw in Pythagoras a danger to our close union and although a part of me was also attracted towards the idea, rather than risk having to share my lover even with so cold a mistress as philosophy, I sought to entice him from these dreams and to hold him welded ever more closely to me by the fires of my love.

thấy ở Pythagoras một mối nguy cho sự kết hợp mật thiết của chúng tôi và mặc dù một phần trong tôi cũng bị ý tưởng ấy hấp dẫn, song thay vì mạo hiểm phải chia sẻ người tình của mình ngay cả với một tình nhân lạnh lùng như triết học, tôi tìm cách quyến rũ y rời xa những giấc mơ ấy và giữ y hàn chặt ngày càng gần hơn với tôi bằng ngọn lửa tình yêu của mình.

Then suddenly Fate took a hand in my affairs. War broke out between Crotona and Sybaris. Serretes announced that he must return and help defend the sacred soil of his fatherland.

Rồi đột nhiên Số Mệnh nhúng tay vào công việc của tôi. Chiến tranh bùng nổ giữa Crotona và Sybaris. Serretes tuyên bố rằng y phải trở về và giúp bảo vệ mảnh đất thiêng liêng của tổ quốc mình.

To me it seemed the end of all my dreams. As a child I had always been obsessed with an unreasoning horror of warfare in any form —the sight even of warriors terrified me still. Now I became convinced that Serretes would be killed. I used all my arts to break his resolution, but his sense of duty towards the city that had given him birth was stronger even than our love. I left him no peace; I upbraided and stormed, I sulked and wept. The exquisite harmony of our life was broken; for the first time we disputed almost endlessly. At last, the day before he had arranged to leave, I made my last throw and threatened that, if he deserted me, I would return to my old life which I had abandoned for his sake.

Đối với tôi điều đó dường như là tận cùng của mọi giấc mơ. Từ nhỏ tôi luôn bị ám ảnh bởi một nỗi kinh hoàng vô lý đối với chiến tranh dưới bất kỳ hình thức nào—ngay cả cảnh chiến binh cũng vẫn làm tôi khiếp sợ. Giờ đây tôi tin chắc rằng Serretes sẽ bị giết. Tôi dùng mọi nghệ thuật của mình để phá vỡ quyết tâm của y, nhưng ý thức bổn phận của y đối với thành phố đã sinh ra mình còn mạnh hơn cả tình yêu của chúng tôi. Tôi không để y được yên; tôi trách móc và nổi giận, tôi hờn dỗi và khóc lóc. Sự hài hòa tuyệt mỹ của đời sống chúng tôi bị phá vỡ; lần đầu tiên chúng tôi tranh cãi gần như không dứt. Cuối cùng, vào ngày trước khi y dự định ra đi, tôi tung nước cờ cuối cùng và đe dọa rằng nếu y bỏ rơi tôi, tôi sẽ quay lại đời sống cũ mà tôi đã từ bỏ vì y.

He only smiled at me and said sadly: “Do I not know it? It is that alone which makes me hesitate—yet even so I must go. Yes, my beloved, I know your necessity, you need men as we need air to breathe. You will always need them to content your tyrannous, lovely body and to satisfy the greed of your insatiable mind. As you had many lovers before I came, so you will have many after. In that we are different. I shall never desire any woman but you.”

Y chỉ mỉm cười với tôi và buồn bã nói: “Chẳng phải ta biết điều đó sao? Chính điều ấy khiến ta do dự—nhưng dù vậy ta vẫn phải đi. Đúng thế, người yêu dấu của ta, ta biết sự tất yếu của nàng, nàng cần đàn ông như chúng ta cần không khí để thở. Nàng sẽ luôn cần họ để làm thỏa mãn thân thể đẹp đẽ mà chuyên chế của nàng và để thỏa mãn lòng tham của tâm trí không bao giờ no đủ của nàng. Cũng như nàng đã có nhiều người tình trước khi ta đến, nàng sẽ có nhiều người sau khi ta đi. Ở điểm đó chúng ta khác nhau. Ta sẽ không bao giờ còn ham muốn người đàn bà nào ngoài nàng.”

“Yet you will leave me to them?”

“Vậy mà chàng vẫn bỏ tôi cho họ sao?”

"I must." He came to where I lay upon my couch and took me in his arms. "O Chloris, do not make it so hard for me. Crotona is small, every man must fight if we are to defeat the Sybarites. If I remained here I would never know happiness, even in your arms, for I should feel I had played the traitor to my people in their need. You—are free."

"Ta phải thế." Y đến chỗ tôi đang nằm trên trường kỷ và ôm tôi vào lòng. "Ôi Chloris, đừng làm điều ấy quá khó khăn đối với ta. Crotona nhỏ bé, mọi người đàn ông đều phải chiến đấu nếu chúng ta muốn đánh bại dân Sybaris. Nếu ta ở lại đây, ta sẽ không bao giờ biết hạnh phúc, ngay cả trong vòng tay nàng, vì ta sẽ cảm thấy mình đã đóng vai kẻ phản bội dân tộc mình trong lúc họ cần. Còn nàng —nàng tự do."

At that I broke down and wept bitterly. "No," I sobbed "I do not want freedom. I did not know love before I met you—I will never love again. I swear I will be faithful."

Nghe vậy tôi suy sụp và khóc nức nở. "Không," tôi nức nở, "tôi không muốn tự do. Tôi đã không biết tình yêu trước khi gặp chàng—tôi sẽ không bao giờ yêu nữa. Tôi thề tôi sẽ chung thủy."

We were seated in the courtyard. I raised my eyes in despair. It was so beautiful here, but when he went he would take all its beauty with him. I looked at the dazzling sunlight on the pavement; it caught the water from the slender fountain in jewels of colour. Beyond, in the warm shadows, the delicate columns of the Atrium arose in muted whiteness, and here stood his masterpiece, Aphrodite, turning sideways as she arose from the waves, with so exquisite a gesture, so vivid a glance, that life seemed to pulse within her rounded limbs. She was his gift to me— my immortality.

Chúng tôi đang ngồi trong sân trong. Tôi ngước mắt lên trong tuyệt vọng. Nơi đây đẹp biết bao, nhưng khi y đi, y sẽ mang theo mọi vẻ đẹp của nó. Tôi nhìn ánh nắng chói chang trên nền lát; nó bắt lấy nước từ vòi phun mảnh mai thành những viên ngọc màu sắc. Phía xa hơn, trong những bóng râm ấm áp, những cột thanh nhã của Atrium vươn lên với sắc trắng dịu, và ở đây đứng kiệt tác của y, Aphrodite, nghiêng mình khi vươn lên từ sóng nước, với một cử chỉ tinh tế đến thế, một ánh nhìn sống động đến thế, rằng sự sống dường như đang đập trong những chi thể tròn đầy của nàng. Đó là tặng phẩm của y cho tôi—sự bất tử của tôi.

I pointed to the statue. "By Eros I swear that I will remain as chaste and cold as yonder woman until you return."

Tôi chỉ vào pho tượng. "Nhân danh Eros tôi thề rằng tôi sẽ giữ mình trinh khiết và lạnh lùng như người đàn bà kia cho đến khi chàng trở về."

It was the first time I had acknowledged my defeat. He held me closer, putting his hand over my mouth almost fearfully. "Do not swear, Chloris; I do not want oaths from you, only your assurance that you will greet me again with joy." He drew a heavy ring from his finger. "Wear this for me, it is my pledge to you. Nothing will ever change my love; the memory of your beauty will give me strength; I think it will shield me from death

Đó là lần đầu tiên tôi thừa nhận thất bại của mình. Y ôm tôi chặt hơn, gần như sợ hãi đặt tay lên miệng tôi. "Đừng thề, Chloris; ta không muốn những lời thề từ nàng, chỉ muốn sự bảo đảm rằng nàng sẽ lại đón ta với niềm vui." Y rút từ ngón tay mình một chiếc nhẫn nặng. "Hãy đeo cái này vì ta, đó là lời cam kết của ta với nàng. Không gì có thể thay đổi tình yêu của ta; ký ức về vẻ đẹp của nàng sẽ cho ta sức mạnh; ta nghĩ nó sẽ che chở ta

himself."

But like a child I clung to him. "I want to swear," I cried. "I desire to bind myself to you by all the oaths in heaven and earth." I raised my head suddenly. "Serretes, often you have implored me to wed you, but I have refused. Now if you still wish it I will do so, then I will feel unalterably bound. As your wife I must be chaste lest I shame you before all Athens." I wept again. "There is nothing I desire more in the world than to be true to you."

At first, proud of being the wife of Serretes, I kept myself in strict seclusion. I lived for his letters and, having been taught by him the rudiments of his craft, amused myself by endeavouring to copy his work. News came but seldom and at increasingly long intervals. At last all letters ceased. Yet still I hoped. The months dragged on. This unaccustomed existence was little less than torture to me, who had been used all my life to the licentious companionship of the men of Athens. I certainly kept myself faithful, but at what cost! Serretes had spoken truly when he said I was not made for chastity. But I did it out of love for him. Yet when his silence had lasted for months, my determination began to waver. I asked myself what object —if he were indeed dead —would there be for me to continue living in a state of senseless chastity—stagnation of body as of mind; for my body left me no peace, and I felt that my mind could not long stand the strain to which it was at present subjected. Yet I did not dare come out into the world of men again, for I knew my own weakness too well and mistrusted it.

For hours I would pace restlessly up and down, starting at every knock upon the door, hoping it might be a messenger or someone

khỏi chính tử thần."

Nhưng như một đứa trẻ tôi bám lấy y. "Tôi muốn thề," tôi kêu lên. "Tôi muốn tự ràng buộc mình với chàng bằng mọi lời thề trên trời dưới đất." Tôi đột ngột ngẩng đầu lên. "Serretes, chàng thường van xin tôi cưới chàng, nhưng tôi đã từ chối. Giờ nếu chàng vẫn còn muốn điều đó thì tôi sẽ làm, khi ấy tôi sẽ cảm thấy mình bị ràng buộc không thể thay đổi. Là vợ chàng tôi phải giữ mình trinh khiết kẻo làm chàng xấu hổ trước toàn thể Athens." Tôi lại khóc. "Không có gì trên đời tôi mong muốn hơn là được chân thật với chàng."

Thoạt đầu, tự hào vì là vợ của Serretes, tôi giữ mình trong sự ẩn cư nghiêm ngặt. Tôi sống vì những lá thư của chàng và, vì đã được chàng dạy cho những điều sơ đẳng trong nghề của chàng, tôi tự giải khuây bằng cách cố gắng sao chép công việc của chàng. Tin tức đến rất hiếm hoi và với những khoảng cách ngày càng dài. Cuối cùng mọi thư từ đều dứt hẳn. Thế nhưng tôi vẫn hy vọng. Những tháng ngày lê thê trôi qua. Kiểu sống không quen thuộc này đối với tôi gần như là cực hình, tôi vốn suốt đời đã quen với sự bầu bạn phóng túng của những người nam ở Athens. Chắc chắn tôi đã giữ lòng chung thủy, nhưng với giá nào! Serretes đã nói đúng khi chàng bảo tôi không được tạo ra cho đức hạnh trinh khiết. Nhưng tôi làm điều đó vì tình yêu dành cho chàng. Tuy nhiên, khi sự im lặng của chàng đã kéo dài nhiều tháng, quyết tâm của tôi bắt đầu dao động. Tôi tự hỏi còn mục đích gì —nếu quả thật chàng đã chết— để tôi tiếp tục sống trong trạng thái trinh khiết vô nghĩa ấy — sự đình trệ của thân thể cũng như của trí tuệ; vì thân thể tôi không để tôi được yên, và tôi cảm thấy trí tuệ mình không thể chịu đựng lâu hơn sự căng thẳng mà lúc ấy nó đang phải gánh chịu. Tuy vậy tôi không dám bước ra lại vào thế giới của những người nam, vì tôi biết quá rõ sự yếu đuối của chính mình và không tin cậy nó.

Hàng giờ liền tôi đi đi lại lại một cách bồn chồn, giật mình trước mỗi tiếng gõ cửa, hy vọng đó có thể là một sứ giả hay ai đó đến

come to visit me. The place was so still.... I supposed that very soon I would be forgotten —other women would have usurped my place in the life of the city.

thăm tôi. Nơi ấy tĩnh lặng đến thế.... Tôi cho rằng chẳng bao lâu nữa tôi sẽ bị lãng quên — những người đàn bà khác sẽ chiếm mất chỗ của tôi trong đời sống của thành phố.

Then, panic-stricken, I would rush to my mirror and spend hours decking myself, working upon my face apprehensively; surely, I thought, grief and anxiety were leaving their mark upon me.

Rồi, hoảng loạn, tôi lao đến gương và dành hàng giờ để trang điểm, lo lắng chăm chút khuôn mặt mình; hẳn là, tôi nghĩ, đau buồn và lo âu đang để lại dấu vết trên tôi.

Nearly a year passed. I was becoming thin, nerve- racked. Often I was sharp with my slaves, I, who at least had always counted among my virtues generosity and kindness to all those who served me.

Gần một năm trôi qua. Tôi trở nên gầy gò, thần kinh suy kiệt. Thường khi tôi gắt gỏng với các nô lệ của mình, tôi, người ít nhất vẫn luôn kể trong các đức tính của mình sự rộng lượng và lòng tử tế đối với tất cả những ai phụng sự tôi.

I became frightened at the change in myself; I heard of a new Egyptian physician who was becoming very fashionable and determined to seek his advice.

Tôi bắt đầu sợ hãi trước sự thay đổi nơi chính mình; tôi nghe nói về một thầy thuốc Ai Cập mới đang trở nên rất thời thượng và quyết định tìm đến xin lời khuyên của ông.

From the day I went to him, Nectanebes was continually at my house. He fascinated me and at the same time I feared him. Starved of love, longing for flattery, I could never resist listening to his honeyed words; moreover, his knowledge was vast and he gave me glimpses of strange, forbidden lore and a philosophy which, in its way, was as attractive to me as that of Serretes had been, for it promised magic, mystery, power. He laughed at my ideal of fidelity to my lover, and I recalled how Serretes himself had said he did not expect me to be faithful. I was torn between them. Yet for long I refused to succumb to the

Từ ngày tôi đến gặp ông, Nectanebes hầu như luôn có mặt trong nhà tôi. Ông mê hoặc tôi và đồng thời tôi cũng sợ ông. Đói khát tình yêu, khao khát được tâng bốc, tôi không bao giờ có thể cưỡng lại việc lắng nghe những lời ngọt như mật của ông; hơn nữa, kiến thức của ông rất rộng lớn và ông cho tôi thoáng thấy những tri thức kỳ lạ, bị cấm đoán cùng một triết lý mà theo cách riêng của nó hấp dẫn tôi chẳng kém gì triết lý của Serretes, vì nó hứa hẹn huyền thuật, huyền nhiệm, quyền năng. Ông cười nhạo lý tưởng chung thủy với người yêu của tôi, và tôi nhớ lại rằng chính Serretes cũng đã nói chàng không mong tôi chung thủy. Tôi bị giằng xé giữa hai người. Tuy vậy trong một thời gian dài tôi vẫn từ chối khuất phục trước

Egyptian's pleadings, despite his promises and the skilful way he played upon my vanity, my credulity, and my greed.

những lời van nài của người Ai Cập, bất chấp những lời hứa của ông và cách khéo léo ông tác động vào tính hư vinh, sự cả tin và lòng tham của tôi.

One day while we were seated in the courtyard he said: "There is nothing in the world I will not give you, Chloris, even unto eternal youth itself, if you will give yourself to me; together—we might obtain even that

Một hôm khi chúng tôi ngồi trong sân, ông nói: "Không có gì trên đời này mà ta không cho nàng, Chloris, cho đến cả tuổi xuân vĩnh cửu nữa, nếu nàng chịu hiến mình cho ta; cùng nhau — chúng ta thậm chí có thể đạt

secret."

được cả bí mật ấy."

I glanced up in amazement at his words. "Eternal youth? You rave I No man has that power."

Tôi ngước lên nhìn ông đầy kinh ngạc trước những lời ấy. "Tuổi xuân vĩnh cửu ư? Ông mê sảng rồi! Không người nào có quyền năng ấy."

He gave a secret smile. "Ah, what do you know of power although you live for it and desire it so ardently?" With a swift movement he seized me by the wrist and drew me to the stone basin.

Ông mỉm một nụ cười kín đáo. "À, nàng biết gì về quyền năng, dù nàng sống vì nó và khao khát nó mãnh liệt đến thế?" Với một cử động nhanh, ông nắm lấy cổ tay tôi và kéo tôi đến bồn đá.

"Look," he said, pointing down into the still water at my image reflected there, "in that beauty is the whole source of your power, in your white body, in the swiftness, the grace, the hot passion of your youth! Yet these will fade; your eyes will grow dull, your skin will wrinkle and your body become a reproach. You need riches, luxury, admiration for your happiness; without beauty even Serretes, were he alive, would abandon you—do not believe that he would want you bereft of that. But he has already abandoned you for —a city! Other lovers would think more of you than this; even so, they would forget you when you grow old, or look upon you with pity and reproach. What will your fate be?" He thrust this face close to mine. "Shall I prophesy? A poor, raddled harlot, clinging to the rough necks of drunken sailors in the ports —or a begger whining for alms in the gates of Athens? Or death, perhaps—poison for despair?"

"Nhìn đi," ông nói, chỉ xuống làn nước tĩnh lặng vào hình ảnh tôi phản chiếu trong đó, "trong sắc đẹp ấy là toàn bộ nguồn gốc quyền năng của nàng, trong thân thể trắng ngần của nàng, trong sự nhanh nhẹn, duyên dáng, niềm đam mê nóng bỏng của tuổi trẻ nàng! Nhưng những thứ ấy sẽ phai tàn; mắt nàng sẽ mờ đục, da nàng sẽ nhăn nheo và thân thể nàng sẽ trở thành điều đáng hổ thẹn. Nàng cần giàu sang, xa hoa, sự ngưỡng mộ để được hạnh phúc; không có sắc đẹp thì ngay cả Serretes, nếu chàng còn sống, cũng sẽ bỏ rơi nàng — đừng tin rằng chàng sẽ muốn nàng khi đã mất điều đó. Nhưng chàng đã bỏ rơi nàng vì — một thành phố! Những người tình khác hẳn sẽ nghĩ đến nàng nhiều hơn thế; dù vậy, họ cũng sẽ quên nàng khi nàng già đi, hoặc nhìn nàng với lòng thương hại và sự trách móc. Số phận nàng sẽ ra sao?" Ông dí sát khuôn mặt ấy vào mặt tôi. "Ta có nên tiên tri không? Một ả kỹ nữ tàn tạ, bám lấy những chiếc cổ thô ráp của đám thủy thủ say khướt ở các bến cảng — hay một kẻ ăn xin rên rỉ xin bố thí nơi cổng thành Athens? Hoặc có lẽ là cái chết — thuốc độc vì tuyệt vọng?"

His words were like barbed darts, thrusting venom into my veins. I stared, fascinated upon my reflection, and at that moment a breeze, springing it seemed from nowhere, ruffled the water; the image became horribly distorted. Terror seized me. It was true: my beauty was my only weapon, my dearest possession, and I was squandering it, weeping for Serretes who had indeed, as Nectanebes said, betrayed my love for that empty tiling he called his honour.

Những lời ông như những mũi lao có ngạnh, tiêm nọc độc vào huyết quản tôi. Tôi nhìn chằm chằm, bị mê hoặc, vào hình ảnh phản chiếu của mình, và đúng lúc ấy một cơn gió nhẹ, như từ đâu đó nổi lên, làm gợn mặt nước; hình ảnh ấy trở nên méo mó một cách khủng khiếp. Kinh hoàng chụp lấy tôi. Đúng vậy: sắc đẹp là vũ khí duy nhất của tôi, là tài sản quý nhất của tôi, và tôi đang phung phí nó, khóc than vì Serretes, người quả thật, như Nectanebes đã nói, đã phản bội tình yêu

của tôi vì cái vật trống rỗng mà chàng gọi là danh dự.

The Egyptian seated himself upon the edge of the basin and drew me down beside him.

Người Ai Cập ngồi xuống mép bồn và kéo tôi ngồi xuống bên cạnh ông.

"Listen," he said; "in Egypt I had great powers; I studied magic. I am rich beyond your dreams. If you do as I desire you shall have such jewels as no woman in Athens has ever seen; horses from Persia, slaves innumerable—nothing shall be denied you. Furthermore, I believe it to be possible through magical rites to attain eternal youth and beauty, knowledge which will bind men to us for ever. Is it not mad to sacrifice your whole life for an ideal?" His persuasive voice went on and as I listened and saw those glittering visions, the image of Serretes grew fainter. Yet still I was torn this way and that.

"Hãy nghe đây," ông nói; "ở Ai Cập ta có những quyền năng lớn; ta đã học huyền thuật. Ta giàu có vượt xa mọi giấc mơ của nàng. Nếu nàng làm theo điều ta mong muốn, nàng sẽ có những châu báu mà chưa người đàn bà nào ở Athens từng thấy; ngựa từ Ba Tư, nô lệ vô số — sẽ không điều gì bị từ chối nàng. Hơn nữa, ta tin rằng qua các nghi lễ huyền thuật có thể đạt được tuổi xuân và sắc đẹp vĩnh cửu, một tri thức sẽ trói buộc đàn ông vào chúng ta mãi mãi. Có điên rồ không khi hi sinh cả đời mình cho một lý tưởng?" Giọng nói đầy thuyết phục của ông tiếp tục, và khi tôi lắng nghe và nhìn thấy những linh ảnh lấp lánh ấy, hình ảnh Serretes mờ dần. Nhưng tôi vẫn còn bị giằng co theo cả hai phía.

"If I do this thing," I said at last, "how do I know that you will give me the secret of youth? By what oath can a man like you be bound?"

"Nếu tôi làm điều này," cuối cùng tôi nói, "làm sao tôi biết ông sẽ cho tôi bí mật của tuổi xuân? Một người như ông có thể bị ràng buộc bởi lời thề nào?"

He smiled and drew from his girdle a phial of crystal filled with a dull purple liquid. "This is of more worth than any oath in the world, for it is the very elixir of youth that you desire."

Ông mỉm cười và rút từ thắt lưng ra một lọ pha lê chứa đầy chất lỏng màu tím xỉn. "Thứ này đáng giá hơn bất kỳ lời thề nào trên đời, vì nó chính là linh dược tuổi xuân mà nàng mong muốn."

"Give it me!" I cried.

"Hãy đưa nó cho tôi!" tôi kêu lên.

But he laughed and held it out of reach. "No, no, there is not enough here. You do not know what strange rites, what mysterious essences go to the distillation of this liquid. One touch each dawn upon the tongue for six months—and it will have done its work. Think, Chloris, eternal youth—beauty—power!"

Nhưng ông cười và giữ nó ngoài tầm với. "Không, không, ở đây không đủ. Nàng không biết những nghi thức kỳ lạ nào, những tinh chất huyền bí nào đã đi vào sự chưng cất chất lỏng này. Mỗi bình minh chạm một giọt lên đầu lưỡi trong sáu tháng — và nó sẽ hoàn thành công việc của nó. Hãy nghĩ đi, Chloris, tuổi xuân vĩnh cửu — sắc đẹp — quyền năng!"

I sat staring upon it, breathing hard. I told myself that if Serretes was dead, nothing mattered; if he returned I would have obtained such knowledge as might well

Tôi ngồi nhìn chằm chằm vào nó, thở gấp. Tôi tự nhủ rằng nếu Serretes đã chết thì không gì còn quan trọng; nếu chàng trở về, tôi sẽ đạt được một tri thức có thể làm lu mờ

eclipse all the alleged wonders of the teaching of Pythagoras.

mọi điều kỳ diệu được cho là có trong giáo huấn của Pythagoras.

"Where can we obtain—enough?" I whispered.

"Chúng ta có thể lấy — đủ — ở đâu?" tôi thì thầm.

"At the ceremonies of Hecate. If you will come with me tonight to her temple, you will be shown these mysteries and the future will be yours."

"Tại các nghi lễ của Hecate. Nếu tối nay nàng đi với ta đến đền thờ của bà, nàng sẽ được cho thấy những huyền nhiệm ấy và tương lai sẽ thuộc về nàng."

I went, and once having given myself to Nectanebes, fell more and more under the spell of his personality. Athens laughed and mocked, but I did not care. As one part of me had been drawn and responded to Serretes, so did another part find in the Egyptian complete satisfaction. Only one thing, despite all his pleading, I refused to do and that was to return to the Temple of Hecate and take part again in her rites. I had discovered that magic terrified me and I tried to forget all that I had seen there.

Tôi đã đi, và một khi đã hiến mình cho Nectanebes, tôi ngày càng rơi sâu hơn dưới bùa lực của phàm ngã ông. Athens cười nhạo và chế giễu, nhưng tôi không bận tâm. Cũng như một phần trong tôi đã bị Serretes lôi cuốn và đáp ứng, thì một phần khác trong tôi lại tìm thấy nơi người Ai Cập một sự thỏa mãn trọn vẹn. Chỉ có một điều, bất chấp mọi lời van nài của ông, tôi từ chối làm, đó là trở lại Đền Hecate và lại tham dự các nghi lễ của bà. Tôi đã khám phá ra rằng huyền thuật làm tôi kinh hãi và tôi cố quên tất cả những gì mình đã thấy ở đó.

Then one day I received a letter from Serretes. In it he told me that he had been wounded and taken prisoner. For months he had been desperately ill. He had been sold as a slave, but had been given his freedom and was returning to Crotona where he implored me to come and join him.

Rồi một ngày kia tôi nhận được thư của Serretes. Trong thư chàng kể rằng chàng đã bị thương và bị bắt làm tù binh. Trong nhiều tháng chàng đã ốm nặng đến tuyệt vọng. Chàng đã bị bán làm nô lệ, nhưng rồi được trả tự do và đang trở về Crotona, nơi chàng khẩn cầu tôi đến đoàn tụ với chàng.

I told Nectanebes and informed him that I was leaving Athens immediately.

Tôi kể cho Nectanebes biết và báo cho ông rằng tôi sẽ rời Athens ngay lập tức.

He tried to dissuade me, but in vain. I looked at him now coldly; I did not want to remember that he had ever been my lover. Then he began to threaten, and his threats were terrible. I was shaken and alarmed. In order to gain time I promised him I would not leave Athens but would beg Serretes to come to me; but I made secret preparations for my departure and resolutely refused to allow Nectanebes to approach me as a lover.

Ông cố can ngăn tôi, nhưng vô ích. Giờ đây tôi nhìn ông một cách lạnh lùng; tôi không muốn nhớ rằng ông đã từng là người tình của tôi. Rồi ông bắt đầu đe dọa, và những lời đe dọa của ông thật khủng khiếp. Tôi bị chấn động và hoảng sợ. Để kéo dài thời gian tôi hứa với ông rằng tôi sẽ không rời Athens mà sẽ cầu xin Serretes đến với tôi; nhưng tôi bí mật chuẩn bị cho cuộc ra đi của mình và kiên quyết từ chối không cho Nectanebes đến gần tôi như một người tình.

It was not easy for me to escape. Nectanebes had my house watched and I was almost a prisoner. So the days slipped away; then at

Tôi không dễ gì trốn thoát. Nectanebes cho người canh chừng nhà tôi và tôi gần như là một tù nhân. Vì thế ngày tháng cứ trôi đi; rồi

last I received another letter from Serretes. There were but a few lines. Fie wrote that he had received the letter from me saying that I had ceased to love him and returning him the ring he had given me.

cuối cùng tôi nhận được một lá thư khác của Serretes. Chỉ có vài dòng. Chàng viết rằng chàng đã nhận được thư của tôi nói rằng tôi không còn yêu chàng nữa và gửi trả lại chiếc nhẫn chàng đã tặng tôi.

"As for me," he wrote, "I will never cease to love you in this life or any other. I have always understood how hard it must be for a woman like yourself to remain faithful, even in thought. But since you are lost to me the world has become empty—even my art is vain. I have entered the school of the Master Pythagoras and by the time this reaches you, shall have taken the vow of silence. In these three years of quietude my thoughts will ever be with you; may the gods keep you and bring you all your desires."

"Phần tôi," chàng viết, "tôi sẽ không bao giờ ngừng yêu nàng trong kiếp này hay bất kỳ kiếp nào khác. Ta luôn hiểu việc một người đàn bà như nàng phải giữ lòng chung thủy, ngay cả trong tư tưởng, hẳn khó khăn biết bao. Nhưng vì nàng đã mất đối với ta, thế giới đã trở nên trống rỗng — ngay cả nghệ thuật của ta cũng vô nghĩa. Ta đã vào trường của Chân sư Pythagoras và vào lúc thư này đến tay nàng, ta sẽ đã thọ lời nguyện im lặng. Trong ba năm tĩnh lặng này, tư tưởng ta sẽ luôn ở bên nàng; cầu mong các thần gìn giữ nàng và mang đến cho nàng mọi điều nàng mong ước."

My first thought was for the ring. It was long since I had worn it and I was careless with my jewels. I set all my women searching. It could not be found. I knew then that this was the work of Nectanebes.

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là về chiếc nhẫn. Đã lâu rồi tôi không đeo nó và tôi vốn bất cẩn với nữ trang của mình. Tôi sai tất cả các nữ tỳ đi tìm. Không thể tìm thấy nó. Khi ấy tôi biết đây là việc làm của Nectanebes.

When he came I confronted him. He denied nothing. He had sent a letter and the ring. "I wish to take you back to Egypt with me—I can use you there for the great purpose to which my life is dedicated. You will be rich and happy—happier than you could ever be with so poor a lover."

Khi ông đến tôi đối chất với ông. Ông không phủ nhận gì cả. Ông đã gửi lá thư và chiếc nhẫn. "Ta muốn đưa nàng trở lại Ai Cập với ta — ở đó ta có thể dùng nàng cho mục đích lớn lao mà đời ta hiến dâng. Nàng sẽ giàu có và hạnh phúc — hạnh phúc hơn nhiều so với khi ở với một người tình nghèo nàn như thế."

A fierce battle of wills ensued between us, yet try as he might, he could no longer dominate me—the spell was broken and now I desired only that I might never look upon his face again.

Một cuộc chiến ý chí dữ dội diễn ra giữa chúng tôi, nhưng dù ông có cố đến đâu, ông cũng không còn có thể thống trị tôi nữa — bùa lực đã tan vỡ và giờ đây tôi chỉ mong sao không bao giờ còn phải nhìn mặt ông nữa.

At last, defeated, he turned to go, but at the door he paused. "Do you remember the picture I showed you in the fountain? That fate shall be yours, it is my parting gift to the lovely Chloris—I lay my curse upon you."

Cuối cùng, bại trận, ông quay đi, nhưng đến cửa ông dừng lại. "Nàng còn nhớ bức hình ta đã cho nàng thấy trong đài phun nước chứ? Số phận ấy sẽ là của nàng, đó là món quà từ biệt của ta dành cho Chloris xinh đẹp — ta đặt lời nguyền của ta lên nàng."

I flung up my head and laughed. "You are a fool for all your wisdom. Of what avail your curse, when you have given me eternal

Tôi ngẩng cao đầu và cười. "Ông là kẻ ngu ngốc dù có bao nhiêu minh triết đi nữa. Lời nguyền của ông có ích gì, khi ông đã cho tôi

youth—with this!" and I clutched to my bosom the phial which I carried always with me.

He smiled slowly. "That? It is water stained with the juice of mulberry. Did you think I would waste my

 magical powers on such woman's trumperies? It was for greater purposes I wanted you."

He passed out without a backward glance. The bronze door slammed. The phial dropped from my hand and was broken in fragments upon the floor.

.....

There were other pictures in the life of Chloris, but they were but fleeting visions, blurred and uncertain, as if, despite all efforts at fogetting, the acts, by their very associations of horror and degradation, had yet stamped themselves upon the sensitive plate of my eternal memory. I seemed to see a raddled harlot slinking through the narrow, pestiferous streets beyond the quays and experienced her sensations of despair and shame at beauty's slow decay. The Egyptian's prophesy had been undoubtedly fulfilled: "Or death, perhaps—poison for despair...." It may have ended thus, yet in truth this pitiful descent was due, not to the curse—for no curse can be operative unless there is, in the man cursed, some corresponding evil —but rather to her own dreadful inner knowledge that, in failing Serretes, she had failed Life in its ultimate sense— for she had failed herself and thus had killed the very life urge within her. She had been her own curse. Like a canker, her memories had slowly eaten into the heart of her existence, had sapped her energy, had insidiously destroyed all those qualities which hitherto had brought her success. No desire even seemed worth accomplishing; the power to attract and to hold the more intelligent and finer men failed, for she did not care to make any effort

tuổi xuân vĩnh cửu — bằng thứ này!" và tôi ghì vào ngực chiếc lọ mà tôi luôn mang theo bên mình.

Ông chậm rãi mỉm cười. "Thứ đó ư? Chỉ là nước nhuộm bằng nước ép dâu tằm. Nàng tưởng ta sẽ phí những quyền năng huyền thuật của ta vào

 những món phù phiếm đàn bà như thế sao? Ta muốn nàng cho những mục đích lớn hơn."

Ông bước ra mà không ngoái lại. Cánh cửa đồng sập mạnh. Chiếc lọ rơi khỏi tay tôi và vỡ tan thành từng mảnh trên sàn.

.....

Còn có những bức tranh khác trong đời Chloris, nhưng chúng chỉ là những linh ảnh thoáng qua, mờ nhòe và bất định, như thể bất chấp mọi nỗ lực quên lãng, các hành vi ấy, chính bởi những liên tưởng kinh hoàng và sa đọa của chúng, vẫn đã in dấu lên tấm bản nhạy cảm của ký ức vĩnh cửu của tôi. Tôi dường như thấy một ả kỹ nữ tàn tạ lẩn lút qua những con phố hẹp, ô uế bên kia các bến tàu và trải nghiệm những cảm giác tuyệt vọng và hổ thẹn của nàng trước sự tàn phai chậm chạp của sắc đẹp. Lời tiên tri của người Ai Cập hẳn đã được ứng nghiệm: "Hoặc có lẽ là cái chết — thuốc độc vì tuyệt vọng...." Có thể nó đã kết thúc như thế, nhưng thật ra sự sa sút đáng thương này không phải do lời nguyền — vì không lời nguyền nào có thể tác động trừ phi trong người bị nguyền có một điều ác tương ứng — mà đúng hơn là do tri thức nội tâm khủng khiếp của chính nàng rằng, khi phụ Serretes, nàng đã phụ Sự sống theo ý nghĩa tối hậu của nó — vì nàng đã phụ chính mình và như thế đã giết chết ngay xung lực sống bên trong mình. Nàng đã là lời nguyền của chính mình. Như một vết ung thư, những ký ức của nàng đã từ từ gặm nhấm trái tim của sự hiện hữu nàng, đã làm cạn kiệt năng lượng của nàng, đã ngấm ngầm hủy hoại mọi phẩm tính mà cho đến lúc ấy vẫn đem lại cho nàng thành công. Dường như không còn ham muốn nào đáng

to do so. She dropped, like the dead thing she had become out of the ken of living men.

để hoàn thành; quyền năng thu hút và giữ chân những người nam thông minh hơn và cao quý hơn đã mất đi, vì nàng không còn buồn nỗ lực để làm điều đó. Nàng rơi xuống, như cái xác chết mà nàng đã trở thành, ra khỏi tầm biết của những người đang sống.

I saw her seated by the still, moon-flecked waters of the Hellespont. Dark rocks rose behind her; the air was warm and scented, but the miraculous loveliness of the summer night could no longer stir her soul. I saw her face illuminated by the wan light and it was terrible, as if ravaged by some fell disease. She was staring with dead eyes at the water below her. Her lips, coarsened by excess, moved in an endless repetition; I heard Serretes's name and my consciousness blending in that moment with hers, I felt this name like a note of despair and agony throbbing through the whole universe.

Tôi thấy nàng ngồi bên làn nước tĩnh lặng lấp lánh ánh trăng của Hellespont. Những mỏm đá đen dựng lên phía sau nàng; không khí ấm áp và thơm ngát, nhưng vẻ đẹp kỳ diệu của đêm hè không còn có thể lay động linh hồn nàng nữa. Tôi thấy khuôn mặt nàng được soi sáng bởi thứ ánh sáng nhợt nhạt và nó thật khủng khiếp, như thể bị tàn phá bởi một chứng bệnh dữ dội nào đó. Nàng đang nhìn trân trân bằng đôi mắt chết vào mặt nước bên dưới. Đôi môi thô kệch vì phóng túng của nàng cử động trong một sự lặp lại vô tận; tôi nghe tên Serretes và tâm thức tôi hòa vào tâm thức nàng trong khoảnh khắc ấy, tôi cảm thấy cái tên ấy như một âm điệu của tuyệt vọng và thống khổ đang rung lên khắp toàn thể vũ trụ.

Her head drooped, her hands beat themselves upon the sharp edges of the rocks. "Could 1 not have waited—ah, could I not have waited," I heard her say. "Such a little time out of the long, long years. What madness was upon me? What were wealth and beauty compared with—that? What was that but the quintessence of beauty? Only I did not know; I was blind, stupid, ignorant. I served my body as if it were a god. He was my god, and through my body I lost him. For ever. Never again—never again...."

Đầu nàng gục xuống, hai tay nàng tự đập vào những cạnh đá sắc nhọn. "Lẽ nào ta đã không thể chờ — ôi, lẽ nào ta đã không thể chờ," tôi nghe nàng nói. "Chỉ một thời gian ngắn như thế giữa những năm dài, dài ấy. Cơn điên nào đã ám lấy ta? Giàu sang và sắc đẹp là gì so với — điều đó? Điều đó là gì nếu không phải là tinh túy của sắc đẹp? Chỉ là ta đã không biết; ta mù quáng, ngu dốt, vô minh. Ta phụng sự thân thể mình như thể nó là một vị thần. Chàng mới là thần của ta, và qua thân thể mình ta đã đánh mất chàng. Mãi mãi. Không bao giờ nữa — không bao giờ nữa...."

.....

.....

Failure—another failure. But this time a failure of love. Who was Serretes? Could he be Shahballazz come back again into my life, only to be betrayed? What was the result of such a betrayal? Was Chloris right: had I lost again, for centuries perhaps, this being who meant so much to me?

Thất bại — lại một thất bại nữa. Nhưng lần này là thất bại của tình yêu. Serretes là ai? Có thể nào chàng là Shahballazz trở lại trong đời tôi, chỉ để lại bị phản bội? Kết quả của một sự phản bội như thế là gì? Chloris có đúng không: phải chăng tôi lại đã mất, có lẽ trong nhiều thế kỷ, hữu thể này, người có ý nghĩa rất lớn đối với tôi?

A strange feeling of desolation swept over

Một cảm giác hoang vắng kỳ lạ tràn ngập tôi

me at the thought. It was no mere psychological identification with Chloris's consciousness, but a very real and present dread. For well I knew that Chloris's search was in no way unique. In my own life I had often felt this need for some dear companion, some lover or friend who would represent something akin to an expansion, a completion of my own personality; and I was aware that in some form or another such a desire for what is called often a "twin soul" is universal.

khi nghĩ đến điều đó. Đó không chỉ là sự đồng hoá tâm lý đơn thuần với tâm thức của Chloris, mà là một nỗi sợ rất thật và hiện tiền. Vì tôi biết rõ rằng cuộc tìm kiếm của Chloris hoàn toàn không phải là độc nhất. Trong chính đời mình tôi thường cảm thấy nhu cầu này đối với một người bạn đồng hành thân yêu nào đó, một người yêu hay bạn hữu nào đó sẽ biểu hiện một điều gì gần như là sự mở rộng, sự hoàn tất của chính phàm ngã tôi; và tôi nhận thức rằng dưới hình thức này hay hình thức khác, một khát vọng như thế đối với cái thường được gọi là một "linh hồn song sinh" là phổ quát.

What, I wondered, was this basic longing which haunts humanity? Biologists might be content to look no farther than the urge of nature to procreate; that, of course, could easily be its lowest note; but there was, 1 felt convinced, also an inner meaning far higher.

Tôi tự hỏi khát vọng căn bản ám ảnh nhân loại này là gì. Các nhà sinh học có thể bằng lòng không nhìn xa hơn xung lực sinh sản của bản chất; dĩ nhiên, điều đó có thể dễ dàng là nốt thấp nhất của nó; nhưng tôi tin chắc rằng còn có một ý nghĩa nội tâm cao hơn nhiều.

When I was enabled to contact my teacher again he confirmed this at once. "The search for the twin soul which, with some people, is almost an obsession, and for others is merely a dream," he said, "is indeed more than a biological urge. It has so many aspects and is so fundamentally important that it would be as well if you meditated upon its significance.

Khi tôi lại có thể tiếp xúc với huấn sư của mình, ông lập tức xác nhận điều này. "Cuộc tìm kiếm linh hồn song sinh mà với một số người gần như là một ám ảnh, còn với những người khác chỉ là một giấc mơ," ông nói, "quả thật còn hơn cả một xung lực sinh học. Nó có quá nhiều phương diện và quan trọng một cách căn bản đến nỗi sẽ là điều tốt nếu bạn tham thiền về thâm nghĩa của nó.

"In the life of Chloris, both aspects, the lower and the higher, were clearly mirrored and from a study of her character you can learn much; that is why it has been shown to you in such detail. As ever, it is necessary that the lower aspects of any manifestation should be worked through and understood before those higher and truer aspects can be contacted which, not being of the personality and hence ephemeral, partake of the very nature of the Soul and therefore alone can bring lasting happiness.

"Trong đời Chloris, cả hai phương diện, thấp và cao, đều được phản chiếu rõ ràng và từ việc nghiên cứu tính cách của nàng bạn có thể học được nhiều điều; đó là lý do vì sao nó đã được cho thấy với bạn chi tiết đến thế. Như thường lệ, điều cần thiết là các phương diện thấp của bất kỳ biểu hiện nào cũng phải được trải qua và thấu hiểu trước khi những phương diện cao hơn và chân thật hơn có thể được tiếp xúc; vì những phương diện ấy, không thuộc về phàm ngã và do đó phù du, dự phần vào chính bản chất của linh hồn và vì vậy chỉ riêng chúng mới có thể mang lại hạnh phúc bền lâu.

"Let those, then, who feel this dominating desire for their twin soul or for an ideal partner, perfect friend, devoted child, or

"Vậy thì, những ai cảm thấy khát vọng thống trị này đối với linh hồn song sinh của mình hay đối với một người bạn đời lý tưởng, một

whatever form the vision takes, ask themselves what purpose such an individual is designed to play in their lives. They will probably say that it must be someone who will walk the same road, share in every pleasure and pain, sympathize with their moods, guard them in sickness and health, be faithful unto death. In other words, one who will live only to satisfy their every need. Of course the seeker will also claim to be desirous of serving and loving in his turn; and for many this is undoubtedly true. Even so it would be well for him to consider his motives honestly. He might remind himself that there are plenty of other people in the world whom he ignores, but who desperately need the love and services he is so eager to give to one alone. This might prove to him that this search is, perhaps, mainly activated by desires emanating from the lower aspects of his nature for purely personal fulfilment thus would not be so likely to contain lasting elements of perfect union with another.

người bạn hoàn hảo, một đứa con tận tụy, hay bất kỳ hình thức nào mà linh ảnh ấy mang lấy, hãy tự hỏi mục đích mà một cá nhân như thế được định để đóng trong đời họ là gì. Có lẽ họ sẽ nói rằng đó phải là một người sẽ đi cùng một con đường, chia sẻ mọi vui buồn, cảm thông với tâm trạng của họ, chăm sóc họ lúc đau yếu cũng như khi mạnh khỏe, chung thủy cho đến chết. Nói cách khác, một người chỉ sống để thỏa mãn mọi nhu cầu của họ. Dĩ nhiên người tìm kiếm cũng sẽ khẳng định rằng đến lượt mình y cũng mong muốn phụng sự và yêu thương; và với nhiều người điều này chắc chắn là đúng. Dù vậy, sẽ là điều tốt nếu y xét lại động cơ của mình một cách thành thật. Y có thể tự nhắc mình rằng trên đời còn rất nhiều người khác mà y phớt lờ, nhưng họ lại đang tuyệt vọng cần đến tình thương và sự phụng sự mà y quá nóng lòng muốn trao cho chỉ một người mà thôi. Điều này có thể chứng minh cho y thấy rằng cuộc tìm kiếm ấy có lẽ chủ yếu được thúc đẩy bởi những ham muốn phát ra từ các phương diện thấp của bản chất y nhằm đạt sự hoàn thành thuần túy cá nhân và như thế sẽ không dễ có khả năng chứa đựng những yếu tố bền lâu của sự hợp nhất hoàn hảo với một người khác.

"It will obviously not be so difficult for the average individual who is focused almost entirely at the material physical level to find a "twin-soul" or one who is a close affinity; but as man develops and widens and deepens the levels upon which he functions he naturally demands more and more from those who will companion him in life's journey. In consequence he is likely to find his demands increasingly difficult to satisfy and will often experience a great loneliness of spirit. Of course there must be many exceptions for karmic and other reasons, but this can be taken as a general rule. The real answer is that man finds outwardly conditions which reflect what he is in himself. So to find perfection at any or all levels he must at least aspire to and manifest a corresponding condition in himself. Lack of understanding of the fundamental laws governing manifestation are the cause of

"Hiển nhiên sẽ không quá khó đối với cá nhân trung bình, người hầu như hoàn toàn tập trung ở cấp độ hồng trần vật chất, để tìm được một 'linh hồn song sinh' hay một người có sự tương hợp gần gũi; nhưng khi con người phát triển và mở rộng, đào sâu các cấp độ mà y hoạt động trên đó, thì tự nhiên y đòi hỏi ngày càng nhiều hơn nơi những người sẽ đồng hành với y trong cuộc hành trình của đời sống. Hệ quả là y có khả năng thấy những đòi hỏi của mình ngày càng khó được thỏa mãn và thường sẽ trải qua một nỗi cô đơn lớn lao của tinh thần. Dĩ nhiên phải có nhiều ngoại lệ vì các lý do nghiệp quả và những lý do khác, nhưng điều này có thể được xem như một quy luật chung. Câu trả lời thật sự là con người tìm thấy bên ngoài những điều kiện phản chiếu điều y là trong chính mình. Vì thế để tìm thấy sự hoàn hảo ở bất kỳ hay mọi cấp độ nào, ít nhất y phải khát vọng đến và biểu hiện một trạng thái tương ứng trong

many of his bitter disappointments in his relationships. More often he demands of life benefits and joys he has not karmically merited because he has not yet developed what might be called the 'receiving apparatus' in his own nature. Therefore even if the opportunity to experience them arises in his life he either does not recognize it or destroys them unwittingly himself.

chính mình. Sự thiếu thấu hiểu các định luật căn bản chi phối biểu hiện là nguyên nhân của nhiều nỗi thất vọng cay đắng trong các mối quan hệ của y. Thường hơn, y đòi hỏi nơi đời sống những lợi ích và niềm vui mà về mặt nghiệp quả y chưa xứng đáng nhận, vì y chưa phát triển điều có thể gọi là 'bộ máy tiếp nhận' trong chính bản chất mình. Do đó, ngay cả nếu cơ hội để trải nghiệm chúng xuất hiện trong đời y, thì hoặc y không nhận ra, hoặc chính y vô tình hủy hoại chúng.

"The truth is, of course, that the personality can *never* be entirely satisfied, since at best it is only a partial reflection of man's true being. But this is for his ultimate benefit. The dream of perfect bliss with a twin-soul is, in reality, the projection into his consciousness of the love which is the very nature of his Higher Self, a perfect state of unity and harmony. It causes a vague sense of dissatisfaction, of being imperfect, of lack, and so forces him to go on seeking a vaguely apprehended perfection so that eventually he discovers what is worthless and what worth- while and learns to discriminate between dross and gold.

"Sự thật dĩ nhiên là phàm ngã *không bao giờ* có thể được thỏa mãn hoàn toàn, vì cùng lắm nó chỉ là sự phản chiếu từng phần của chân thể con người. Nhưng điều này rốt cuộc lại có lợi cho y. Giấc mơ về chí phúc hoàn hảo với một linh hồn song sinh, trên thực tế, là sự phóng chiếu vào tâm thức y của tình thương vốn là chính bản chất của Bản Ngã Cao Siêu của y, một trạng thái hợp nhất và hài hòa hoàn hảo. Nó gây ra một cảm giác mơ hồ về sự bất mãn, về sự bất toàn, về thiếu hụt, và do đó buộc y tiếp tục tìm kiếm một sự hoàn hảo được cảm nhận lờ mờ, để cuối cùng y khám phá ra điều gì là vô giá trị và điều gì là đáng giá, và học cách phân biện giữa quặng cặn và vàng.

"The man in whom the higher and lower aspects of self are more perfectly attuned is never so deeply concerned with the search for a twin-soul; he is too occupied in trying to obey the higher will and is seeking deeper and more lasting satisfactions. Also he is usually too busy serving his fellow men."

"Người mà trong đó các phương diện cao và thấp của bản ngã được chỉnh hợp hoàn hảo hơn thì không bao giờ quá bận tâm sâu sắc đến việc tìm kiếm linh hồn song sinh; y quá bận rộn trong việc cố gắng tuân theo ý chí cao hơn và đang tìm kiếm những sự thỏa mãn sâu xa hơn và bền lâu hơn. Ngoài ra, y thường cũng quá bận phụng sự những người đồng loại của mình."

"But what of such close links as those between Chloris and Serretes?" I asked.

"Nhưng còn những mối liên kết mật thiết như giữa Chloris và Serretes thì sao?" tôi hỏi.

"I said that the man who was closely in touch with his own soul would not have this inappeasable hunger for his affinity on earth," he reminded me. "I did not say no such union was possible. On the contrary, 1 indicated that it might well bring about such a union; for the two would strengthen each other in work to be done. But to all such questions there are many answers, some too

"Tôi đã nói rằng người nào tiếp xúc gần gũi với chính linh hồn mình sẽ không có cơn đói khát không thể nguôi này đối với người tương hợp của mình trên trần thế," ông nhắc tôi. "Tôi không nói rằng không thể có sự hợp nhất như thế. Trái lại, tôi đã chỉ ra rằng điều đó rất có thể mang lại một sự hợp nhất như vậy; vì cả hai sẽ tăng cường cho nhau trong công việc cần làm. Nhưng đối với mọi câu hỏi

profound to give you now. I can give you only a few hints. You must seek the answers for yourself as you study and learn. I can tell you this: only those who can glimpse something of the whole vast plan in which individual lives play their small part can begin to understand the subtle aspects of the inner relationships existing between individuals.

như thế đều có nhiều câu trả lời, một số quá sâu xa để hiện giờ nói cho bạn. Tôi chỉ có thể cho bạn vài gợi ý. Bạn phải tự tìm câu trả lời cho mình khi bạn học hỏi và nghiên cứu. Tôi có thể nói với bạn điều này: chỉ những ai có thể thoáng thấy đôi chút về toàn bộ Thiên Cơ bao la trong đó các đời sống cá nhân đóng phần nhỏ bé của mình mới có thể bắt đầu thấu hiểu các phương diện vi tế của những mối quan hệ nội tâm hiện hữu giữa các cá nhân.

"On earth men appear to be separate units; but that is an illusion due to the necessity for the individual development of self-consciousness. In actual fact each one is part of a group of souls, each specific group being, if I can so express it, attuned to its own note or wavelength. For remember, upon the inner planes relationships are largely expressed by means of telepathic interplay, we are not hampered as you are by material forms and personality differences which make for separateness. This may be difficult for you to realize, but until you make the attempt you will never begin to grasp the whole complex problem of groups and their work. Again, try to realize that as each small group of cells in your body plays a part in the organization of the whole, so these groups on the inner planes are destined to play specific parts in that final unity which will be represented by the complete body of mankind. For the purpose of gaining the state of perfection essential to each unit, every member of every group incarnates again and again. But since each has a measure of free will, some obviously go forward slowly, some more rapidly. However, the point to be remembered is that until every member has reached a certain stage of development the group, as such, cannot do the work intended for it. You will see, therefore, how grave is the responsibility that rests upon everyone to develop himself as rapidly as possible so as not to interfere with the particular portion of the Plan in which his group is training to play its part. The preliminary steps are, of course, the understanding and control of the

"Trên Trái Đất, con người dường như là những đơn vị tách biệt; nhưng đó là một ảo tưởng do nhu cầu phát triển cá nhân của ngã thức. Thực ra mỗi người là một phần của một nhóm linh hồn, mỗi nhóm đặc thù, nếu tôi có thể diễn đạt như vậy, được chỉnh hợp theo âm điệu hay bước sóng riêng của nó. Vì hãy nhớ rằng trên các cõi bên trong, các mối quan hệ phần lớn được biểu hiện bằng sự tương tác viễn cảm, chúng tôi không bị cản trở như các bạn bởi các hình tướng vật chất và những khác biệt của phàm ngã vốn tạo ra sự tách biệt. Điều này có thể khó để bạn chứng nghiệm, nhưng cho đến khi bạn cố gắng làm điều đó, bạn sẽ không bao giờ bắt đầu nắm được toàn bộ vấn đề phức tạp của các nhóm và công việc của họ. Một lần nữa, hãy cố chứng nghiệm rằng cũng như mỗi nhóm nhỏ tế bào trong thân thể bạn đóng một phần trong tổ chức của toàn thể, thì các nhóm này trên các cõi bên trong cũng được định để đóng những phần đặc thù trong sự hợp nhất cuối cùng sẽ được biểu hiện bởi toàn bộ thân thể nhân loại. Vì mục đích đạt đến trạng thái hoàn hảo thiết yếu cho mỗi đơn vị, mọi thành viên của mọi nhóm đều lâm phàm hết lần này đến lần khác. Nhưng vì mỗi người đều có một mức độ ý chí tự do, nên hiển nhiên có người tiến lên chậm, có người nhanh hơn. Tuy nhiên, điểm cần nhớ là cho đến khi mọi thành viên đều đạt đến một giai đoạn phát triển nhất định, thì nhóm, với tư cách là nhóm, không thể làm công việc đã được dự định cho nó. Vì vậy bạn sẽ thấy trách nhiệm đặt lên mọi người là nghiêm trọng biết bao trong việc phát triển chính mình nhanh nhất có thể để không cản trở phần đặc thù của Thiên Cơ mà trong đó

personality. Then follows the uniting of the lower to the higher Self, which results in contact with the group. Conscious union between all members of the group both in and out of the body is the next achievement. As each one gains the power to sound the group note more clearly while on the physical plane, so are any others who may be incarnated at the same time attracted to him, thus forming a focus through which those on the inner planes—for seldom or never do all members of one group incarnate at the same time—direct and guide their united energies to the desired ends.

nhóm của mình đang được huấn luyện để đóng vai trò của nó. Các bước sơ khởi dĩ nhiên là sự thấu hiểu và kiểm soát phàm ngã. Tiếp theo là sự hợp nhất cái thấp với Bản Ngã Cao Siêu, điều này dẫn đến sự tiếp xúc với nhóm. Sự hợp nhất có ý thức giữa mọi thành viên của nhóm cả trong và ngoài thể xác là thành tựu kế tiếp. Khi mỗi người đạt được quyền năng xướng âm điệu của nhóm rõ ràng hơn trong khi ở trên cõi hồng trần, thì bất kỳ ai khác có thể đang lâm phàm cùng lúc cũng bị thu hút đến với y, nhờ đó hình thành một tiêu điểm qua đó những người ở các cõi bên trong — vì hiếm khi hay hầu như không bao giờ mọi thành viên của một nhóm cùng lâm phàm một lúc — định hướng và hướng dẫn các năng lượng hợp nhất của họ đến những mục đích mong muốn.

"So does the work proceed in increasing harmony and power, until there comes a time when, by a very subtle method involving the minimum expenditure of force, a group perfects a technique whereby all its members can work freely on the physical as well as the inner planes when they so desire. It would not be wise to reveal more at the moment, but those who are ready for the knowledge will, by meditation, be able to discover it for themselves.

"Công việc cứ thế tiến triển trong sự hài hòa và quyền năng ngày càng tăng, cho đến khi có lúc, bằng một phương pháp rất vi tế đòi hỏi mức tiêu hao mãnh lực tối thiểu, một nhóm hoàn thiện một kỹ thuật nhờ đó mọi thành viên của nó có thể hoạt động tự do trên cõi hồng trần cũng như các cõi bên trong khi họ mong muốn. Hiện giờ sẽ không khôn ngoan nếu tiết lộ thêm, nhưng những ai sẵn sàng cho tri thức này sẽ, bằng tham thiền, có thể tự khám phá nó.

"But you must realize that even conscious union with its own group on all planes is not the final aim of the soul. It is an advance on the purely personal desire for union with some beloved man or woman which is its foreshadowing in the lower self; but it is only a preliminary step to a much greater achievement; for as note combined with note produces a chord, and chords form a harmony, so these groups of souls, once they have developed the power of co-ordination, learn to unite with other groups upon many planes, thus increasing their potency for service and, through this complete and willing participation in the Universal Creative Chord, the outbreathing of God, sound forth ever mightier sound combinations in the divine symphony. When this state is attained these groups of

"Nhưng bạn phải chứng nghiệm rằng ngay cả sự hợp nhất có ý thức với chính nhóm của mình trên mọi cõi cũng không phải là mục tiêu cuối cùng của linh hồn. Đó là một bước tiến vượt lên trên ham muốn thuần túy cá nhân muốn hợp nhất với một người nam hay người nữ yêu dấu nào đó, vốn là sự báo trước của nó trong phàm ngã; nhưng nó chỉ là bước sơ khởi cho một thành tựu lớn lao hơn nhiều; vì cũng như âm điệu kết hợp với âm điệu tạo thành hợp âm, và các hợp âm tạo thành hòa âm, thì các nhóm linh hồn này, một khi đã phát triển quyền năng phối hợp, sẽ học cách hợp nhất với các nhóm khác trên nhiều cõi, nhờ đó gia tăng tiềm lực phụng sự của họ và, qua sự tham dự trọn vẹn và tự nguyện này vào Hợp Âm Sáng Tạo Vũ Trụ, hơi thở ra của Thượng đế, xướng lên những tổ hợp âm thanh ngày càng hùng mạnh hơn trong bản

souls, fused in a union which cannot on earth even be conceived, will experience an expansion of consciousness, a realization of Truth and Beauty—a bliss that no two units alone could ever hope to achieve."

giao hưởng thiêng liêng. Khi trạng thái này đạt được, các nhóm linh hồn ấy, được dung hợp trong một sự hợp nhất mà trên trần thế thậm chí không thể hình dung, sẽ trải nghiệm một sự mở rộng tâm thức, một sự chứng nghiệm Chân Lý và Cái Đẹp — một chí phúc mà không hai đơn vị riêng lẻ nào có thể từng hy vọng đạt tới."

He paused. Behind his words I could sense greater meanings towards which my finite mind struggled in vain. Words only helped to veil and confuse them.

Ông ngừng lại. Đằng sau lời ông tôi có thể cảm nhận những ý nghĩa lớn lao hơn mà trí tuệ hữu hạn của tôi cố vươn tới trong vô vọng. Lời nói chỉ giúp che phủ và làm rối thêm chúng.

"Then you mean," I hazarded, "that the twin soul all men desire is, in reality, God...."

"Vậy thì ý ông là," tôi dè dặt nói, "linh hồn song sinh mà mọi người đều khao khát, thật ra, là Thượng đế...."

"It is the greatest aspect of the Divine that you can aspire to," he replied. "All things are relative. Yet you see that this dream of a twin soul which haunts humanity has a very real basis and plays a vital role in the process of evolution, since it is that urge within the part to find completion in the Whole. The Higher Self on its own plane knows its aim and as it perfects the control over its instrument, the personality, is increasingly able to impress its ideals upon it. You will find that the more sensitive and highly evolved the man, the more acute is usually bis sense of dissatisfaction with things as they are and with himself most of all. Thus, aware of his lack, he attempts to remedy it and progress is achieved. So did Pharaoh learn from Shahballazz and Chloris from Serretes."

"Đó là phương diện lớn lao nhất của cái Thiêng Liêng mà bạn có thể khát vọng đến," ông đáp. "Mọi sự đều tương đối. Tuy nhiên bạn thấy rằng giấc mơ về một linh hồn song sinh ám ảnh nhân loại có một nền tảng rất thật và đóng một vai trò thiết yếu trong tiến trình tiến hoá, vì đó là xung lực bên trong phần muốn tìm sự hoàn tất trong Toàn Thể. Bản Ngã Cao Siêu trên cõi riêng của nó biết mục tiêu của mình và khi nó hoàn thiện sự kiểm soát đối với khí cụ của nó, phàm ngã, thì nó ngày càng có khả năng gây ấn tượng các lý tưởng của mình lên đó. Bạn sẽ thấy rằng con người càng nhạy cảm và càng tiến hoá cao thì cảm giác bất mãn của y đối với sự vật như chúng đang là và nhất là đối với chính mình thường càng sâu sắc. Vì thế, nhận biết sự thiếu hụt của mình, y cố gắng khắc phục nó và tiến bộ được đạt tới. Pharaoh đã học từ Shahballazz như thế, và Chloris đã học từ Serretes cũng như thế."

"But they were not all the same person!" I exclaimed. "You were all members of one group," he replied. "Whenever members of the same group meet on the physical plane, being synchronized to the same note, some sort of recognition and mutual interplay is usually inevitable; but unfortunately this is not always the case, for as souls project their reflections deeper into dense matter the discordant and clashing vibrations of the

"Nhưng họ đâu phải tất cả đều là cùng một người!" tôi kêu lên. "Tất cả các bạn đều là thành viên của một nhóm," ông đáp. "Bất cứ khi nào các thành viên của cùng một nhóm gặp nhau trên cõi hồng trần, vì được đồng bộ theo cùng một âm điệu, một loại nhận biết và tương tác lẫn nhau nào đó thường là điều không thể tránh; nhưng đáng tiếc điều này không phải lúc nào cũng vậy, vì khi các linh hồn phóng chiếu những phản ảnh của mình

material plane impinging upon them, cause them to lose touch with that note in its pristine purity. This makes recognition increasingly difficult. Sometimes two meet, but pass each other by, neither being evolved enough to recognize the other through the dense disguise of the flesh; sometimes as the upward cycles proceed, it may happen that one more advanced will recognize a brother, but remain himself unapprehended; that is indeed a tragedy, but chiefly for the one who is most sensitive, as it will probably bring him great suffering. But the benefit will be correspondingly great, for such a life is nearly always one of selfless devotion such as Shahballazz gave to you, and this ever brings its own reward."

sâu hơn vào vật chất đậm đặc, những rung động bất hòa và xung đột của cõi vật chất tác động lên họ khiến họ mất tiếp xúc với âm điệu ấy trong sự tinh tuyền nguyên thủy của nó. Điều này làm cho sự nhận biết ngày càng khó khăn. Đôi khi hai người gặp nhau nhưng lại đi lướt qua nhau, không ai đủ tiến hoá để nhận ra người kia qua lớp ngụy trang đậm đặc của xác thịt; đôi khi khi các chu kỳ đi lên tiếp diễn, có thể xảy ra việc một người tiến bộ hơn sẽ nhận ra một huynh đệ, nhưng chính mình lại không được nhận biết; đó quả thật là một bi kịch, nhưng chủ yếu đối với người nhạy cảm hơn, vì điều đó có lẽ sẽ mang đến cho y nỗi đau khổ lớn lao. Nhưng lợi ích cũng sẽ lớn tương ứng, vì một đời sống như thế hầu như luôn là đời sống của sự tận tụy vô ngã như Shahballazz đã dành cho bạn, và điều này luôn mang lại phần thưởng riêng của nó."

"But Chloris *did* recognize the note of union, and was not capable of holding it...."

"Nhưng Chloris *đã* nhận ra âm điệu hợp nhất, mà lại không đủ khả năng giữ vững nó...."

"True; where the recognition is mutual, yet one partner is too weak or too selfish to remain faithful and pay the price for so great a privilege, the results are even more serious. Infidelity in such a case causes a kind of tearing of the strands binding one part of the group to the other, a shattering of delicate rhythmical adjustments. It shakes and destroys the harmony, not alone in the small world of the group, but in affiliated groups also and can have more far-reaching consequences than I could possibly explain to you who know so little as yet of the complexities of group Karma."

"Đúng vậy; khi sự nhận biết là hỗ tương, nhưng một bên lại quá yếu đuối hay quá ích kỷ để giữ lòng chung thủy và trả cái giá cho một đặc ân lớn lao như thế, thì kết quả còn nghiêm trọng hơn. Sự bất trung trong trường hợp như vậy gây ra một loại xé rách những sợi dây ràng buộc một phần của nhóm với phần kia, một sự phá vỡ những điều chỉnh nhịp điệu tinh tế. Nó làm rung chuyển và phá hủy sự hài hòa, không chỉ trong thế giới nhỏ của nhóm, mà cả trong các nhóm liên hệ nữa, và có thể gây ra những hậu quả sâu rộng hơn nhiều so với điều tôi có thể giải thích cho bạn, người còn biết quá ít về những phức tạp của nghiệp quả nhóm."

"What is the result of such a betrayal of a member of one's group upon the individual?" I asked him.

"Tác động của một sự phản bội như thế đối với một thành viên trong nhóm mình lên cá nhân là gì?" tôi hỏi ông.

"Everything depends upon circumstances. If one of a group persists during life after life in sounding forth discords and working on destructive vibrations, he can at last so damage the delicate strands of finer matter joining him to the others that he becomes a

"Mọi sự đều tùy thuộc hoàn cảnh. Nếu một thành viên của nhóm cứ khăng khăng, hết đời này sang đời khác, xướng lên những bất hòa và hoạt động trên những rung động hủy diệt, cuối cùng y có thể làm hư hại đến mức những sợi dây tinh tế của vật chất mịn hơn

positive danger to them. His imperfect manifestations are therefore cut off from the group—as one would amputate a gangrened limb—and any chance of rebuilding an instrument again —at all events, for a great period of time—becomes extremely difficult. That is what nearly happened to you after Atlantis, for you broke your connection with deliberate intent; the Atlanteans had a much deeper knowledge of these mysteries than man has ever again been permitted since he abused it then.

nối y với những người khác, đến nỗi y trở thành một mối nguy thực sự cho họ. Vì thế những biểu hiện bất toàn của y bị cắt khỏi nhóm — như người ta cắt cụt một chi bị hoại thư — và mọi cơ hội tái kiến tạo một khí cụ lần nữa — ít nhất là trong một thời kỳ rất dài — trở nên cực kỳ khó khăn. Đó gần như là điều đã xảy ra với bạn sau Atlantis, vì bạn đã cố ý cắt đứt mối liên hệ của mình; người Atlantis có tri thức sâu xa hơn nhiều về những huyền nhiệm này so với điều con người từng lại được phép có kể từ đó, vì khi ấy họ đã lạm dụng nó.

"But such an act as that of Chloris—which is, alas, only too common—results merely in the culprit being cut off from contacting any members of his group for a considerable time, until, in fact, he has learned his lessons more thoroughly. For if there is too great a disparity in evolution between certain members of one group, it is often better for the less evolved that he should not meet the others until he is ready for the responsibilities which are the inevitable concomitants of such a meeting. The severance which is the result of failure is a terrible penalty, since once having experienced the bliss of being united to another member of his group on the physical plane the individual will never be able to forget it in any of his incarnations and will always feel an enhanced sense of loneliness and loss."

"Nhưng một hành vi như của Chloris — than ôi, quá đỗi thông thường — chỉ dẫn đến việc kẻ có lỗi bị cắt khỏi sự tiếp xúc với bất kỳ thành viên nào trong nhóm của mình trong một thời gian đáng kể, cho đến khi thật sự y đã học các bài học của mình kỹ lưỡng hơn. Vì nếu có một sự chênh lệch quá lớn về tiến hoá giữa một số thành viên của cùng một nhóm, thì thường tốt hơn cho người kém tiến hoá hơn là y không nên gặp những người kia cho đến khi y sẵn sàng cho những trách nhiệm vốn là những hệ quả tất yếu của một cuộc gặp như thế. Sự chia cắt là kết quả của thất bại là một hình phạt khủng khiếp, vì một khi đã trải nghiệm chí phúc của việc được hợp nhất với một thành viên khác trong nhóm mình trên cõi hồng trần, cá nhân ấy sẽ không bao giờ có thể quên nó trong bất kỳ kiếp lâm phàm nào của mình và sẽ luôn cảm thấy một ý thức cô đơn và mất mát tăng cường."

"Then why was I permitted to meet Serretes?" I asked. "Why was such an unevolved being as I was then given the chance to do himself and others such harm and to reap the inevitable bad Karma? It seems a little unfair."

"Vậy thì tại sao tôi lại được phép gặp Serretes?" tôi hỏi. "Tại sao một kẻ chưa tiến hóa như tôi lúc đó lại được trao cơ hội gây hại cho chính mình và cho người khác đến thế, rồi gặt lấy nghiệp quả xấu không thể tránh? Điều đó có vẻ hơi bất công."

He seemed to smile. "A great many things seem unfair to those with a limited vision. But nothing that happen can be unjustified, since everything is there for a specific purpose. Surely by now you have realized this? It must be so since each man is the weaver of the multitudinous threads of his own destiny. Even in your own world is there ever real progress without some risk?

Ngài dường như mỉm cười. "Rất nhiều điều có vẻ bất công đối với những ai có tầm nhìn hạn hẹp. Nhưng không điều gì xảy ra lại có thể là vô cớ, vì mọi sự đều hiện hữu vì một mục đích nhất định. Hẳn đến nay bạn đã chứng nghiệm điều này rồi chứ? Hẳn phải như vậy, vì mỗi người đều là kẻ dệt nên vô số sợi chỉ của chính định mệnh mình. Ngay trong thế giới của bạn, liệu có bao giờ có tiến

But all such questions as you ask require answers at deeper levels. We have been speaking of man being a member of a group; sometimes this group, which, remember, comprises members at various stages of advancement, agrees to give a laggard the opportunity for such a close contact as you had then in order to hasten his development. You may be sure the chances of his possible failure and the long-term results of the experiment are considered and balanced up beforehand. I cannot tell you more than this; but do not forget, no task is ever given, no trial is ever allowed to man greater than he is able to undertake or to bear. His capacities and potentialities are gauged to a hair's breadth. He —in his higher consciousness— is consulted before the birth of the personality as to whether it is desirable to risk the Karma of failure, so everything that comes to him is, in a very real sense his own deliberate choice. Once this fact is more generally understood, men will grasp the truth that they can always be stronger than what they call their "fate". But how few live up to their potentialities— indolence and fear ever hold them back; yet there are in the universe infinite reserves of strength for him who struggles bravely on against apparently overwhelming odds. How often has a man succumbed but a few hours before that precise moment when help would have been sent him. As a matter of fact, in your case the experiment was entirely beneficial. The very sense of loss and dislocation that followed impressed you so deeply that the ideal was never again forgotten. You made a great step forward in your Greek life. You did not die by your own hand as you imagined; you had done that in several previous incarnations and the futility of such an action had remained part of your mental equipment for all time. On the contrary, those years although apparently so horrible and degraded were the most fruitful of all. For, admitting failure, you sought at last to understand *where* you had failed. You no longer made excuses, you no longer blamed everything but yourself. Your inheritance as a Greek—a people who worshipped truth

bộ thật sự mà không có chút rủi ro nào chăng? Nhưng mọi câu hỏi như bạn nêu ra đều đòi hỏi lời giải đáp ở những cấp độ sâu hơn. Chúng ta đã nói về con người như một thành viên của một nhóm; đôi khi nhóm này, mà hãy nhớ, gồm những thành viên ở nhiều giai đoạn tiến bộ khác nhau, đồng ý trao cho một kẻ chậm tiến cơ hội được tiếp xúc gần gũi như bạn đã có khi ấy để thúc đẩy sự phát triển của y. Bạn có thể chắc chắn rằng khả năng thất bại của y và những kết quả lâu dài của cuộc thử nghiệm đều được cân nhắc và thăng bằng trước. Tôi không thể nói với bạn nhiều hơn thế; nhưng đừng quên, không bao giờ có nhiệm vụ nào được giao, không bao giờ có thử thách nào được cho phép đến với con người vượt quá điều y có thể đảm đương hay chịu đựng. Các năng lực và tiềm năng của y được đo lường chính xác đến sợi tóc. Y—trong tâm thức cao hơn của mình—được tham khảo trước khi phàm ngã ra đời xem có nên chấp nhận mạo hiểm nghiệp quả của thất bại hay không, nên mọi điều đến với y, theo một ý nghĩa rất thực, đều là sự lựa chọn có chủ ý của chính y. Một khi sự kiện này được hiểu rộng rãi hơn, những người nam và nữ sẽ nắm được chân lý rằng họ luôn có thể mạnh hơn cái mà họ gọi là 'số phận' của mình. Nhưng biết bao ít người sống đúng với các tiềm năng của mình—sự lười biếng và nỗi sợ hãi luôn giữ họ lại; tuy vậy, trong vũ trụ có những nguồn dự trữ sức mạnh vô hạn cho ai can đảm tiếp tục đấu tranh chống lại những nghịch cảnh tưởng chừng áp đảo. Đã biết bao lần một người gục ngã chỉ vài giờ trước đúng khoảnh khắc mà sự trợ giúp lẽ ra đã được gửi đến cho y. Thật ra, trong trường hợp của bạn, cuộc thử nghiệm hoàn toàn có lợi. Chính cảm giác mất mát và xáo trộn tiếp theo đó đã gây ấn tượng sâu đậm đến mức lý tưởng ấy không bao giờ còn bị quên lãng nữa. Bạn đã tiến một bước lớn trong kiếp sống Hy Lạp của mình. Bạn đã không chết bởi chính tay mình như bạn tưởng; bạn đã làm điều đó trong vài lần lâm phàm trước, và tính vô ích của hành động ấy đã còn lại như một phần trong bộ máy trí tuệ của bạn mãi mãi. Trái lại, những năm tháng ấy tuy bề ngoài có vẻ khủng khiếp và sa đọa đến thế, lại là những năm tháng phong phú

and were possessed of a peculiarly clear and logical mentality—helped you here, as did also the contact you had made with men of advanced intellectual abilities. Free at last of self-deception, you repented; but it was the real repentance. Not based on fear or hope of reward as in Egypt, this was inspired by love and an increased understanding of the Law. You learned, as Cihrazad had never done, that vanity, foolishness and ignorance bring their own curse. You did not alter your way of living—it was too late; but driven down among the dregs of humanity, you developed, with your memories of Serrete's philosophy and devotion to uphold and guide you, understanding, love, and sympathy for your fellow sufferers. Although you knew it not, this experience was a great act of spiritual growth. It was preparing you for what was to be one of the most important of all your lives."

nhất. Vì, khi thừa nhận thất bại, cuối cùng bạn đã tìm cách thấu hiểu *mình đã thất bại ở đâu*. Bạn không còn viện cớ nữa, bạn không còn đổ lỗi cho mọi thứ trừ chính mình. Di sản của bạn với tư cách một người Hy Lạp—một dân tộc tôn thờ chân lý và sở hữu một trí tuệ sáng rõ và logic đặc biệt—đã giúp bạn ở đây, cũng như sự tiếp xúc mà bạn đã có với những người có năng lực trí tuệ phát triển cao. Cuối cùng được giải thoát khỏi sự tự dối mình, bạn đã ăn năn; nhưng đó là sự ăn năn chân thật. Không dựa trên sợ hãi hay hy vọng được thưởng như ở Ai Cập, sự ăn năn này được khơi dậy bởi tình thương và sự thấu hiểu gia tăng về Định luật. Bạn đã học được, điều mà Cihrazad chưa bao giờ học được, rằng tính hư vinh, sự ngu xuẩn và vô minh mang theo lời nguyền của chính chúng. Bạn đã không thay đổi lối sống của mình—đã quá muộn; nhưng bị đẩy xuống giữa cặn bã của nhân loại, bạn đã phát triển, với ký ức về triết lý và lòng sùng tín của Serrete nâng đỡ và dẫn dắt bạn, sự thấu hiểu, tình thương và lòng cảm thông đối với những người cùng khổ với mình. Dù bạn không biết điều đó, kinh nghiệm này là một hành động lớn của sự tăng trưởng tinh thần. Nó đang chuẩn bị bạn cho điều sẽ là một trong những kiếp sống quan trọng nhất của bạn."

"I thought Egypt was that," I said.

"Tôi tưởng Ai Cập là kiếp đó," tôi nói.

"Egypt was the beginning, but this, in Germany, was the climax. In Egypt you had seen the Dweller—since then you had been combating it blindly. It was not enough. Once again you had to invoke it and fight it face to face. Your lower self had hitherto ruled all your activities and barred your way time and again, but you were never strong enough spiritually to risk an encounter with those Atlantean shapes in full consciousness. Now deliberately you faced and accepted them by taking them into your own body. You sought to destroy their ascendancy, not any longer with the help of a teacher on the physical plane, but as all men must ultimately do, alone, through the spiritual power of the God Within."

"Ai Cập là khởi đầu, nhưng chính kiếp này, ở Đức, mới là đỉnh điểm. Ở Ai Cập bạn đã thấy Kẻ Chận Ngõ—từ đó về sau bạn đã chiến đấu với nó một cách mù quáng. Chừng ấy chưa đủ. Một lần nữa bạn phải khẩn cầu nó và chiến đấu với nó mặt đối mặt. Phàm ngã của bạn cho đến lúc ấy đã cai quản mọi hoạt động của bạn và hết lần này đến lần khác chặn đường bạn, nhưng bạn chưa bao giờ đủ mạnh về tinh thần để dám đối đầu với những hình thể Atlantis ấy trong trọn vẹn tâm thức. Giờ đây bạn cố ý đối diện và chấp nhận chúng bằng cách đưa chúng vào chính thể xác mình. Bạn tìm cách hủy diệt quyền thống trị của chúng, không còn với sự trợ giúp của một huấn sư trên cõi hồng trần nữa, mà như tất cả mọi người cuối cùng đều phải làm, một mình, bằng quyền năng tinh thần của

Thượng đế Nội Tại."

CHAPTER V—CHƯƠNG V
GERMANY—ĐỨC

When my teacher said that in the life he was about to show me, I had taken into myself those mysterious elemental entities which I had created in Atlantis, I could not imagine how such a thing might be, but precipitated back into that past, entering into the mentality of Carl von Schwartzbau, I understood.

Khi huấn sư của tôi nói rằng trong kiếp sống mà Ngài sắp cho tôi thấy, tôi đã tiếp nhận vào mình những thực thể hành khí bí ẩn mà tôi đã tạo ra ở Atlantis, tôi không thể hình dung điều đó có thể xảy ra như thế nào, nhưng khi bị ném trở lại quá khứ ấy, bước vào tâm trí của Carl von Schwartzbau, tôi đã hiểu.

At first I saw myself merely as a man in prison. I was aware of darkness, of a terrible feeling of restriction. Then I realized that the prison was my body; it enclosed and tied me —gross, squat, hideously deformed. I was staring into a dim mirror. Behind me sunlight slanted into a gloomy chamber, striking the tapestries upon the walls whereon huge figures seemed to move in a dusty haze. Before me was a great head sunk deep between crooked shoulders, a coarse face covered with warts and blemishes yet lit by eyes so sorrowful, so tragically afraid, that it was as if indeed a trapped soul looked out from behind prison bars.

Thoạt đầu tôi chỉ thấy mình như một người đàn ông trong ngục tù. Tôi ý thức được bóng tối, một cảm giác gò bó khủng khiếp. Rồi tôi nhận ra rằng nhà tù ấy chính là thể xác tôi; nó bao bọc và trói buộc tôi—thô kệch, lùn đậm, dị dạng đến ghê tởm. Tôi đang nhìn chằm chằm vào một tấm gương mờ. Sau lưng tôi, ánh mặt trời xiên vào một căn phòng u ám, chiếu lên những tấm thảm treo tường nơi những hình người khổng lồ dường như chuyển động trong làn bụi mờ. Trước mặt tôi là một cái đầu lớn lún sâu giữa hai vai cong vẹo, một khuôn mặt thô ráp đầy mụn cóc và tì vết nhưng lại được thắp sáng bởi đôi mắt buồn bã đến thế, sợ hãi bi thảm đến thế, như thể quả thật một linh hồn bị giam cầm đang nhìn ra từ sau song sắt nhà tù.

The eyes narrowed. “An accursed shape....” I spoke the words half aloud. As the man behind me made no reply, with a petulant shrug of my shoulders I moved away from the mirror and crossing to the window embrasure leant my sick head against the cold stone, closing my eyes—the strong light always hurt them.

Đôi mắt nheo lại. “Một hình hài bị nguyền rủa....” Tôi nói nửa thành tiếng. Vì người đàn ông phía sau tôi không đáp, tôi nhún vai bực bội, rời khỏi gương rồi bước sang hốc cửa sổ, tựa cái đầu đau yếu của mình vào phiến đá lạnh, nhắm mắt lại—ánh sáng mạnh luôn làm chúng đau.

I felt confused. That dreaded feeling of a gradually lessening contact between body and will was gaining upon me. I was glad Sigismund was in the room; he was the only one who had ever been successful in dealing with these seizures. I pressed my fingers into my eyeballs, trying to shut out the menacing shapes which were beginning to move there. I thrust my head through the narrow window, seeking to breathe. I knew well enough what desperate mental effort it

Tôi cảm thấy rối loạn. Cảm giác đáng sợ ấy về sự tiếp xúc giữa thể xác và ý chí đang dần suy giảm lại đang xâm chiếm tôi. Tôi mừng vì Sigismund có mặt trong phòng; ông là người duy nhất từng thành công trong việc xử lý những cơn co giật này. Tôi ấn các ngón tay vào nhãn cầu, cố gắng ngăn những hình thù đe dọa đang bắt đầu chuyển động ở đó. Tôi thò đầu qua khung cửa sổ hẹp, cố hít thở. Tôi biết quá rõ sẽ cần một nỗ lực trí tuệ tuyệt vọng đến mức nào để giữ quyền kiểm soát

would need to keep control over myself and to drive back those mocking shadows. The struggle became such that it brought a fleck of foam to my mouth while my head began to roll from side to side and my hands beat at the air.

bản thân và đẩy lùi những bóng ma nhạo báng ấy. Cuộc vật lộn trở nên dữ dội đến nỗi bọt mép trào ra nơi miệng tôi, trong khi đầu tôi bắt đầu lắc qua lắc lại và hai tay quờ đập vào không khí.

Sigismund, Abbot of Kloster Schwartzbau, who was seated at the table, sprang to his feet making the sign of the Cross.

Sigismund, Viện phụ của tu viện Kloster Schwartzbau, đang ngồi bên bàn, bật dậy và làm dấu Thánh Giá.

"Carl! Carl!" he cried sharply.

"Carl! Carl!" ông kêu lên sắc giọng.

But I had gained control of myself. I sighed faintly and, staggering across the room, sank into the chair Sigismund pushed forward.

Nhưng tôi đã giành lại được quyền kiểm soát bản thân. Tôi thở dài khe khẽ rồi loạng choạng băng qua phòng, ngồi phịch xuống chiếc ghế Sigismund đẩy tới.

"They were here again," I muttered, for I was convinced that they were devils which attacked me, "but you see I defeated them alone. It used not to be so; once I could do nothing with them—and men say I am wholly given over to the evil one...."

"Chúng lại đến nữa," tôi lẩm bẩm, vì tôi tin chắc đó là lũ quỷ tấn công tôi, "nhưng ông thấy đấy, tôi đã một mình đánh bại chúng. Trước kia không phải vậy; đã có lúc tôi chẳng làm gì được với chúng—và người ta nói tôi hoàn toàn bị giao phó cho ác quỷ...."

I sank forward and buried my head in my arms. Yet presently I roused myself and with a bitter laugh struck the table with my hand—a shapely hand, belying the appearance of my body even as my eyes belied the bestiality of my features.

Tôi gục người xuống, vùi đầu vào hai cánh tay. Nhưng rồi một lúc sau tôi lại ngẩng lên và với một tiếng cười cay đắng, đập tay xuống bàn—một bàn tay đẹp đẽ, trái ngược với dáng vẻ thân thể tôi cũng như đôi mắt tôi trái ngược với vẻ thú tính của khuôn mặt.

"I do believe," I said in a harsh, broken voice, "I am the best hated man in all the world."

"Tôi thực sự tin," tôi nói bằng giọng khàn khàn, đứt quãng, "rằng tôi là kẻ bị căm ghét nhất trên toàn thế giới."

Sigismund made a hopeless gesture; he knew too well that no facile sophistry could allay the bitterness of my heart.

Sigismund làm một cử chỉ tuyệt vọng; ông biết quá rõ rằng không một thứ ngụy biện dễ dãi nào có thể xoa dịu nỗi cay đắng trong lòng tôi.

"You will not diminish that hatred," he remarked, "if you insist on carrying out your present intention."

"Bạn sẽ không làm giảm bớt sự căm ghét ấy," ông nhận xét, "nếu bạn cứ khăng khăng thực hiện ý định hiện nay của mình."

I gave a grating laugh and leant back fretfully in my chair.

Tôi cười khan chói tai rồi bực bội ngả người ra sau ghế.

"Quite so; I am to resign myself to receiving nothing, then, from life? The pleasures of even the poorest of my subjects are to be

"Đúng thế; vậy là tôi phải cam chịu không nhận được gì từ cuộc đời sao? Ngay cả những thú vui của kẻ nghèo nhất trong số thần dân

denied me?" I thrust my head forward with a snarl. "Am I not lord over my people? If I desire this woman, shall I not take what is mine by right?"

của tôi cũng phải bị từ chối với tôi ư?" Tôi chồm đầu tới trước với một tiếng gầm. "Tôi chẳng phải là chúa tể của dân mình sao? Nếu tôi ham muốn người đàn bà ấy, chẳng lẽ tôi không được lấy cái thuộc về tôi theo quyền của mình?"

"No one has a right over another's body," said the Abbot slowly; "that right is God's alone."

"Không ai có quyền trên thể xác của người khác," Viện phụ chậm rãi nói; "quyền ấy chỉ thuộc về Thượng đế."

I stared at him. Force was the only law I had been taught, yet such doctrines as his were not entirely alien to my mentality.

Tôi nhìn chằm chằm ông. Mãnh lực là quy luật duy nhất tôi từng được dạy, nhưng những giáo lý như của ông cũng không hoàn toàn xa lạ với tâm trí tôi.

"Besides," continued Sigismund, "what pleasure could it give you to take a woman who loathes you and swears she will slay herself rather than suffer your embraces? You know well, being what you are, you would gain nothing therefrom but inward shame. There is, however, a more mundane aspect of the affair you have obviously overlooked. Your people are growing very turbulent; your knights and men-at-arms many of them are secretly in sympathy with Heinrich von Friedfeld; it would not be well at this juncture to give them cause for revolt; methinks they are but awaiting any excuse they can reasonably seize to appeal to him."

"Vả lại," Sigismund tiếp tục, "việc chiếm lấy một người đàn bà ghê tởm bạn và thề sẽ tự sát hơn là chịu đựng vòng tay bạn thì có thể đem lại cho bạn thú vui gì? Bạn biết quá rõ, với bản chất của mình, bạn sẽ chẳng thu được gì từ đó ngoài nỗi hổ thẹn nội tâm. Tuy nhiên, còn có một phương diện trần tục hơn của sự việc mà rõ ràng bạn đã bỏ qua. Dân của bạn đang ngày càng náo động; nhiều hiệp sĩ và binh lính của bạn bí mật cảm tình với Heinrich von Friedfeld; vào lúc này sẽ không hay chút nào nếu cho họ cớ nổi loạn; theo tôi, họ chỉ đang chờ bất kỳ cái cớ nào có thể hợp lý vin vào để cầu viện ông ta."

I leant forward again, tapping the table nervously with bejewelled fingers.

Tôi lại cúi người về phía trước, gõ những ngón tay đeo ngọc lên mặt bàn một cách bồn chồn.

"Tell me, Sigismund," I said, "why do they so hate me? What have I ever done against them? I have tried to rule them with truth and justice; I feed the people during famines, I defend them from their enemies—yet I can do nothing right." I clenched my fists against my forehead. "Why did I not die in my mother's womb? I breed hate as carrion breeds worms; when my shadow falls upon the ground children scream and run; women would rather die than be touched by me; men plot against my rule and return me evil for good; even dogs shrink from me and horses hate my hand upon the reins. Yet I would love all men and animals if they

"Hãy nói cho tôi biết, Sigismund," tôi nói, "tại sao họ lại căm ghét tôi đến thế? Tôi đã từng làm gì chống lại họ? Tôi đã cố cai quản họ bằng chân lý và công lý; tôi nuôi dân trong nạn đói, tôi bảo vệ họ khỏi kẻ thù—thế mà tôi chẳng làm được điều gì cho đúng." Tôi siết chặt hai nắm tay vào trán. "Tại sao tôi không chết ngay trong bụng mẹ? Tôi sinh ra hận thù như xác thối sinh ra giòi; khi bóng tôi đổ xuống đất, trẻ con la hét bỏ chạy; đàn bà thà chết còn hơn để tôi chạm vào; đàn ông âm mưu chống lại quyền cai trị của tôi và lấy oán báo ân; ngay cả chó cũng co rúm trước tôi và ngựa cũng ghét bàn tay tôi trên dây cương. Thế mà tôi sẽ yêu thương mọi người và mọi

would but let me. Of what avail is my power and wealth, of what profit music, beauty, art, the knowledge that I am stronger and wiser than my neighbours, when my deformities rob me of the only thing worth having—love?" I covered my face with my hands and moaned aloud. "I am cursed, I am cursed. What have I done to have deserved this fate? I have sought from my youth up to worship God and to promote progress, peace, and justice in my realms, while those about me think only of rapine and carnage. Why has God turned and smitten me alone of our race—I who love the joys of the senses more than any man, and yearn for them continually? Why should I be bound within this prisonhouse of horror?"

con vật nếu họ chỉ chịu để cho tôi làm vậy. Quyền lực và của cải của tôi có ích gì, âm nhạc, cái đẹp, nghệ thuật có lợi gì, hay cái biết rằng tôi mạnh hơn và khôn ngoan hơn những người quanh mình, khi những dị dạng của tôi cướp mất điều duy nhất đáng có —tình yêu?" Tôi lấy hai tay che mặt và rên thành tiếng. "Tôi bị nguyền rủa, tôi bị nguyền rủa. Tôi đã làm gì mà đáng phải chịu số phận này? Từ thuở trẻ tôi đã tìm cách thờ phụng Thượng đế và thúc đẩy tiến bộ, hòa bình và công lý trong lãnh địa của mình, trong khi những kẻ quanh tôi chỉ nghĩ đến cướp bóc và tàn sát. Tại sao Thượng đế lại quay sang giáng phạt riêng tôi trong giống nòi chúng ta—tôi, kẻ yêu những khoái lạc giác quan hơn bất cứ ai, và luôn luôn khát khao chúng? Tại sao tôi phải bị trói buộc trong ngục thất kinh hoàng này?"

Sigismund shook his head. I knew that these same unanswerable questions had always haunted him. He had been my tutor since childhood and was the only one who understood my true nature and knew the agonies of shame and terror suffered by reason of this deformity and the terrible seizures which the whole countryside firmly believed to be a possession by evil spirits. It had cost him many nights of prayer and fervent searchings before he had been able to reconcile the anomaly that a just God, who was supposed to be a God of love, could create so misshapen a form for a soul which he believed in his love for me to be noble and desirous of good.

Sigismund lắc đầu. Tôi biết rằng chính những câu hỏi không thể trả lời ấy cũng luôn ám ảnh ông. Ông đã là gia sư của tôi từ thuở nhỏ và là người duy nhất hiểu bản chất thật của tôi và biết những cơn hấp hối của hổ thẹn và kinh hoàng mà tôi phải chịu vì sự dị dạng này và những cơn co giật khủng khiếp mà cả vùng quê đều tin chắc là do tà linh nhập xác. Ông đã phải trải qua biết bao đêm cầu nguyện và tra vấn tha thiết trước khi có thể hòa giải được điều nghịch lý rằng một Thượng đế công chính, vốn được cho là Thượng đế của tình thương, lại có thể tạo ra một hình hài méo mó như thế cho một linh hồn mà trong tình thương dành cho tôi ông tin là cao quý và mong muốn điều thiện.

While he was still casting about in his mind for some words of comfort and encouragement, I rose to my feet and began limping restlessly up and down the room.

Trong khi ông còn đang lục tìm trong tâm trí vài lời an ủi và khích lệ, tôi đứng bật dậy và bắt đầu khập khiễng đi đi lại lại trong phòng một cách bồn chồn.

"My poor Sigismund," I burst out after a moment, "do not crack your head trying to reconcile the irreconcilable. We must assume God in heaven knows his own business best, but in the world there is neither justice nor logic. There is no answer to our questionings, nor do I expect any. I am doubly damned in life and death. It may be indeed true what they say, that I am a limb

"Sigismund tội nghiệp của tôi," tôi buột miệng sau một lúc, "đừng làm nứt đầu mình để hòa giải cái không thể hòa giải. Chúng ta phải giả định rằng Thượng đế trên trời biết rõ việc của Ngài hơn ai hết, nhưng trong thế gian này không có công lý cũng chẳng có logic. Không có lời đáp cho những câu hỏi của chúng ta, và tôi cũng chẳng mong có. Tôi bị nguyền rủa gấp đôi trong sống lẫn chết. Có

of Satan—if so, does it matter what I do?" I stopped abruptly, shaking my arms above my head. "By the eyes of God, if Satan could rid me of this foul body and render me desirable to that sweet child, I would..." I did not finish, but went back to the window and stood there staring at the fantastic jumble of gables and chimneys of my little town, while my fingers drummed a tatto upon the sill.

thể quả thật điều người ta nói là đúng, rằng tôi là một chi thể của Satan—nếu vậy, tôi làm gì thì có hệ gì?" Tôi đột ngột dừng lại, vung hai tay lên trên đầu. "Nhân danh đôi mắt của Thượng đế, nếu Satan có thể giải thoát tôi khỏi cái thể xác ghê tởm này và khiến tôi trở nên đáng khao khát đối với đứa trẻ ngọt ngào ấy, tôi sẽ..." Tôi không nói hết, mà quay lại cửa sổ và đứng đó nhìn chằm chằm vào mớ hỗn độn kỳ quái của những mái hồi và ống khói trong thị trấn nhỏ của mình, trong khi các ngón tay gõ nhịp lên bậu cửa.

But Sigismund was by my side in an instant, one hand upon my shoulder. "Carl, you are mad! Take back your words or I will take them upon myself." As I made no reply he lowered his voice and continued in a tone of horror: "Is it true, then, what rumour whispers, that you are consorting with the Dark Powers?"

Nhưng Sigismund đã ở bên tôi ngay tức khắc, một tay đặt lên vai tôi. "Carl, bạn điên rồi! Hãy rút lại lời ấy nếu không tôi sẽ nhận lấy nó về phần mình." Khi tôi không đáp, ông hạ giọng và tiếp tục bằng một giọng kinh hoàng: "Vậy lời đồn thì thầm có thật chăng, rằng bạn đang giao du với các Quyền Lực Bóng Tối?"

I threw up my head. "Ho, it lacks but that to garnish my reputation! They are premature, the good folk. I have not done so as yet." I frowned, biting upon my lip. "The Dark Powers? What precisely does that mean? You who are supposed to know so much about God should also be able to give me information about his enemy, the devil" I laughed scornfully. "But methinks you do not know as much of either as you pretend, else you could explain to me why God mocks me with this crooked back and yet would apparently be angry should I seek to set it straight."

Tôi ngẩng phắt đầu lên. "Ồ, chỉ còn thiếu mỗi điều đó để tô điểm thêm danh tiếng của tôi! Những người tốt bụng ấy vội vàng quá. Tôi vẫn chưa làm thế." Tôi cau mày, cắn môi. "Các Quyền Lực Bóng Tối? Chính xác điều đó nghĩa là gì? Ông, người được cho là biết nhiều về Thượng đế, hẳn cũng phải có thể cho tôi biết về kẻ thù của Ngài, ác quỷ chứ." Tôi cười khinh bỉ. "Nhưng theo tôi, ông chẳng biết nhiều về cả hai như ông vẫn giả vờ, nếu không ông đã có thể giải thích cho tôi tại sao Thượng đế chế nhạo tôi bằng cái lưng cong này mà lại dường như nổi giận nếu tôi tìm cách làm cho nó thẳng ra."

"It is his will, Carl, as I have told you a hundred times; who are we to imagine we can ever understand his mysteries? He loves us, therefore all must ultimately be for your benefit, of that I am well assured. As for this traffic with the evil one, what would it profit you in the end? Would you risk damnation for what at best could be but a temporary advantage? We live but once on earth and by that life prepare our souls for Heaven or Hell."

"Đó là ý chí của Ngài, Carl, như tôi đã nói với bạn cả trăm lần; chúng ta là ai mà tưởng rằng mình có thể hiểu được các huyền nhiệm của Ngài? Ngài yêu thương chúng ta, vì thế cuối cùng mọi sự hẳn đều vì lợi ích của bạn, điều ấy tôi hoàn toàn tin chắc. Còn về việc giao dịch với ác quỷ, rốt cuộc điều đó sẽ ích gì cho bạn? Bạn có dám liều sự đọa đầy để đổi lấy điều mà cùng lắm chỉ là một lợi thế tạm thời không? Chúng ta chỉ sống một lần trên Trái Đất và bằng cuộc đời ấy chuẩn bị linh hồn mình cho Thiên Đàng hay Địa Ngục."

"Thank God we live but once," I cried; "to live

"Tạ ơn Thượng đế vì chúng ta chỉ sống một

again is my idea of Hell—well, it seems I cannot escape damnation, dead or alive."

lần," tôi kêu lên; "sống lại lần nữa là ý niệm của tôi về Địa Ngục—à, xem ra tôi không thể thoát khỏi sự đọa đầy, dù sống hay chết."

"You should go on another pilgrimage; there are still wonder-working shrines...."

"Bạn nên đi hành hương thêm một lần nữa; vẫn còn những đền thánh làm phép lạ...."

"And leave my lands unguarded? Though, by my faith, the people would be more glad if Adalbert ruled them than I."

"Và bỏ đất đai của tôi không được canh giữ sao? Dù vậy, xin thề theo đức tin của tôi, dân chúng sẽ vui hơn nếu Adalbert cai trị họ thay vì tôi."

Sigismund frowned thoughtfully. "Who is setting afoot these rumours about you? Who has already told the people that you covet Elsa?"

Sigismund cau mày suy nghĩ. "Ai đang tung ra những lời đồn này về bạn? Ai đã nói với dân chúng rằng bạn thèm muốn Elsa?"

"How should I know? They all hate me."

"Làm sao tôi biết được? Họ đều ghét tôi."

"This Father Niedhart, he seems to me a man very apt for power. He has a great love for Adalbert and the boy is a veritable slave to him. It might suit him very well if you were slain and Adalbert ruled instead of you."

"Cha Niedhart này, theo tôi ông ta là một người rất ham quyền lực. Ông ta rất yêu Adalbert và cậu bé ấy là một nô lệ thực sự của ông ta. Hẳn sẽ rất hợp ý ông ta nếu bạn bị giết và Adalbert cai trị thay bạn."

"Absurd!" I cried. "Why, next to you he is the best friend I have. It was he..." I broke off.

"Vô lý!" tôi kêu lên. "Tại sao, ngoài ông ra thì ông ta là người bạn tốt nhất của tôi. Chính ông ta..." Tôi ngừng lại.

"He who first led you to Elsa's house in the wood when you were hunting."

"Người đầu tiên đã dẫn bạn đến ngôi nhà của Elsa trong rừng khi bạn đi săn."

"Well, what of that?"

"Thì sao nào?"

"Nothing, save that it fired in you this mad desire to possess her and filled you with renewed horror at your bodily deformity because she shrank from your advances."

"Không gì cả, ngoại trừ việc điều đó đã thổi bùng trong bạn ham muốn điên cuồng muốn chiếm hữu cô ấy và làm đầy bạn bằng nỗi kinh hoàng mới đối với sự dị dạng thân thể của mình vì cô ấy co rúm trước những ve vãn của bạn."

"You have always hated that man."

"Ông lúc nào cũng ghét người ấy."

"Hated him, no; feared him, yes. He is a turbulent, ambitious priest. I am well persuaded that he joined the Church because he saw in it his only chance of worldly advancement."

"Ghét ông ta thì không; sợ ông ta thì có. Ông ta là một linh mục đầy tham vọng và hiếu động. Tôi hoàn toàn tin rằng ông ta gia nhập Giáo hội vì thấy đó là cơ hội duy nhất để thăng tiến thế tục."

"Do not most men do that?"

"Chẳng phải hầu hết đàn ông đều làm vậy sao?"

“Some, I admit; but often the beauty of the truth weans them from their foolishness; not so, I fear, with him. I am convinced, Carl, he is your enemy. I beseech you, walk warily; your enemies are too strong and it would be disastrous if you fell. Adalbert is a charming boy, but he is not fit to govern himself, much less this fief; so if you love your people...”

“Một số người, tôi thừa nhận; nhưng thường thì vẻ đẹp của chân lý sẽ khiến họ từ bỏ sự ngu xuẩn của mình; còn với ông ta, tôi e là không. Tôi tin chắc, Carl, ông ta là kẻ thù của bạn. Tôi cầu xin bạn, hãy bước đi cẩn trọng; kẻ thù của bạn quá mạnh và sẽ là tai họa nếu bạn ngã xuống. Adalbert là một cậu bé duyên dáng, nhưng cậu ta không đủ sức cai quản chính mình, huống chi là lãnh địa này; vậy nên nếu bạn yêu dân mình...”

“Love!” I mocked. “What is this love? I can see nothing about me but hate—hate—hate. Yet I want love—I want peace—I want all those gifts that are said to be of God—but all things are denied me! God is my enemy!”

“Tình yêu!” tôi chế giễu. “Tình yêu này là gì? Tôi chẳng thấy quanh mình gì ngoài hận thù—hận thù—hận thù. Thế mà tôi muốn tình yêu—tôi muốn bình an—tôi muốn tất cả những ân huệ được nói là thuộc về Thượng đế—nhưng mọi thứ đều bị từ chối với tôi! Thượng đế là kẻ thù của tôi!”

Sigismund raised his arms. “Beware, Carl, this is biasphemy

Sigismund giơ hai tay lên. “Hãy coi chừng, Carl, đây là sự phạm thượng.

“Blasphemy?” I laughed. “Then I wish he would strike me dead for it!” and with a violent gesture I strode from the room.

“Phạm thượng ư?” tôi cười. “Vậy thì tôi ước gì Ngài đánh chết tôi vì điều đó!” Và với một cử chỉ dữ dội, tôi sải bước ra khỏi phòng.

Like a furious beast I stumbled away through the castle. The men-at-arms fell back before me, whispering. They feared me, my dreadful shape, my strange, mysterious seizures, my aloofness, even those impulses of an almost womanly pity and tenderness which stirred me always at the most inauspicious moments, separated me from all my kind.

Như một con thú điên cuồng, tôi lảo đảo đi xuyên qua lâu đài. Đám binh lính lùi lại trước tôi, thì thầm. Họ sợ tôi, sợ hình dạng khủng khiếp của tôi, sợ những cơn co giật kỳ lạ bí ẩn của tôi, sợ sự xa cách của tôi; ngay cả những xung động gần như nữ tính của lòng thương xót và dịu dàng luôn trỗi dậy trong tôi vào những lúc bất hợp nhất cũng tách tôi ra khỏi mọi đồng loại.

I came at last to the little garden under the ramparts. Here was peace. The grey walls above me were entwined with creepers. The grass was velvet-soft, powdered with daisies; flowers bloomed in every crevice of stone, and a cloud of birds, attracted by the sure knowledge of crumbs and dainties which I daily brought them, fluttered down, settling fearlessly upon my shoulders and hands. These, I thought bitterly, were the only creatures that did not notice my deformity; yet these only loved me for what I had to give.

Cuối cùng tôi đến khu vườn nhỏ dưới chân thành. Ở đây có bình yên. Những bức tường xám phía trên tôi quấn đầy dây leo. Cỏ mềm như nhung, rắc đầy cúc dại; hoa nở trong mọi kẽ đá, và một đám chim, bị thu hút bởi sự biết chắc về những mẩu bánh và món ngon mà ngày nào tôi cũng mang cho chúng, bay lượn hạ xuống, đậu không sợ hãi trên vai và tay tôi. Tôi cay đắng nghĩ rằng đây là những sinh vật duy nhất không để ý đến sự dị dạng của tôi; nhưng ngay cả chúng cũng chỉ yêu tôi vì những gì tôi có để cho.

Below me, clinging to the castle rock as if for

Bên dưới tôi, bám vào mỏm đá của lâu đài

defence against the world, hung the town, red and grey, twisted streets running upwards, blossoming trees like flurries of snow, blue wood-smoke biting upon the scented mountain air. Beyond these again cut the line of the ramparts, then the river, a silver thread, then the black, wooded hills. All this was mine, the towns, scattered hamlets and farms, mine to govern and to guard; a precious heritage.

như để tự vệ trước thế gian, là thị trấn treo lơ lửng, đỏ và xám, những con đường ngoằn ngoèo chạy lên cao, những cây đang nở hoa như những cơn tuyết tung bay, khói gỗ xanh cắn vào không khí núi thơm ngát. Xa hơn nữa là đường thành lũy, rồi con sông như một sợi chỉ bạc, rồi những ngọn đồi đen phủ rừng. Tất cả những điều này là của tôi, những thị trấn, những xóm làng và nông trại rải rác, của tôi để cai quản và bảo vệ; một di sản quý giá.

But I had no joy of it—although, if what Sigismund said was true, a man filled with the love of God might find joy in service alone. Joy? My mind slipped back to the figure of the peasant girl, Elsa: innocent, lovely as light, her two fair plaits to her knees, her eyes blue as mountain periwinkles, her laughter like a bird's singing. I desired her. I clenched my hands and groaned. I had always held aloof from women, occupying myself with statecraft and with war. I had been wise. Now I was stricken with a worse wound because I was well aware of the hopelessness and the utter absurdity of my dreams.

Nhưng tôi chẳng có niềm vui nào từ đó—dù rằng, nếu điều Sigismund nói là thật, một người tràn đầy tình thương của Thượng đế có thể tìm thấy niềm vui chỉ trong phụng sự. Niềm vui ư? Tâm trí tôi quay lại hình ảnh cô gái nông dân, Elsa: ngây thơ, xinh đẹp như ánh sáng, hai bím tóc vàng buông đến đầu gối, đôi mắt xanh như hoa dừa cạn miền núi, tiếng cười như tiếng chim hót. Tôi ham muốn nàng. Tôi siết chặt hai tay và rên lên. Tôi vốn luôn tránh xa đàn bà, bận rộn với việc trị nước và chiến tranh. Tôi đã khôn ngoan. Giờ đây tôi bị một vết thương còn tệ hơn vì tôi hoàn toàn ý thức được sự vô vọng và phi lý tuyệt đối của những giấc mơ mình.

I was disturbed by a man's step. The birds flew up into the shelter of the creepers; I turned and saw the figure of Niedhart, the priest, approaching me.

Tôi bị quấy rầy bởi tiếng bước chân đàn ông. Đám chim bay vút lên vào chỗ trú trong dây leo; tôi quay lại và thấy hình dáng của Niedhart, vị linh mục, đang tiến về phía tôi.

I did not know at that moment whether I welcomed him or not. But the thought came to me that this was probably the only man who could bring about my desires.

Ngay lúc ấy tôi không biết mình có hoan nghênh ông ta hay không. Nhưng ý nghĩ chợt đến với tôi rằng đây có lẽ là người duy nhất có thể thực hiện những ham muốn của tôi.

The priest smiled. He had a curiously expressionless face, like a mask drawn over something vital and fierce which yet pierced it through. He would have been an insignificant man save for this veiled aspect of power which all those who met him instantly felt. He had had a terrible childhood and in one of my sentimental moments I had taken him into my household, had helped him enter the priesthood and made him tutor to my young

Vị linh mục mỉm cười. Ông ta có một khuôn mặt kỳ lạ không biểu cảm, như một chiếc mặt nạ phủ lên điều gì đó sống động và dữ dội nhưng vẫn xuyên qua nó. Ông ta hẳn là một người tầm thường nếu không có vẻ quyền lực che kín ấy mà tất cả những ai gặp ông đều lập tức cảm thấy. Ông ta đã có một tuổi thơ khủng khiếp và trong một trong những khoảnh khắc đa cảm của mình, tôi đã đưa ông ta vào gia đình tôi, giúp ông ta bước vào chức linh mục và đặt ông ta làm gia sư

brother, Adalbert.

Now, remembering the conversation with Sigismund, I studied the face beside me. I had always liked to imagine Niedhart grateful and my friend; but I knew instinctively that it was not so. Sigismund had been right. This man was set upon power. If he could obtain it with me still lord of the city, well; if not he would have no scruples in plotting my downfall. Here was another good reason, I told myself, for me to enter into whatever plans he might be maturing. At all costs I must keep the upper hand. I was glad to find so excellent an excuse for what I had already determined to do.

I turned to him abruptly. "Why do you hate me and plot against me?" I asked. "If you put Adalbert in my place he would not be able to hold von Friedfeld at bay for a week. I have a gift for war, whatever else I lack— even though I hate it. I could have all these petty princelings at my feet if I chose—and you know it. I have brought peace and safety where they have not been known for hundreds of years. It is only in a state which is secure that wisdom and the arts can flourish—that is my aim. Why do you combat it?"

For a moment he looked disconcerted, then gave his blank smile. "I do not combat it—I applaud it—moreover I seek to help you gain that—and all your desires. Why do you say I hate you? I am your best friend."

"Nay, I have no friends—except Sigismund and perchance the birds."

"You are too modest, my lord. We who know the greatness of your heart love you well. It is only your deformity that still stands between you and the respect and devotion of those who see in it a scourge of God and the mark of the devil. And this," he continued, since I made no reply, "is not so difficult to

cho em trai tôi, Adalbert.

Giờ đây, nhớ lại cuộc trò chuyện với Sigismund, tôi quan sát khuôn mặt bên cạnh mình. Tôi luôn thích tưởng tượng Niedhart biết ơn và là bạn tôi; nhưng theo bản năng tôi biết không phải vậy. Sigismund đã đúng. Người này nhắm vào quyền lực. Nếu ông ta có thể đạt được nó khi tôi vẫn là chúa tể thành phố, thì tốt; nếu không, ông ta sẽ chẳng ngần ngại âm mưu làm tôi sụp đổ. Đây là một lý do tốt nữa, tôi tự nhủ, để tôi tham gia vào bất cứ kế hoạch nào ông ta có thể đang nung nấu. Bằng mọi giá tôi phải giữ thế thượng phong. Tôi mừng vì tìm được một cái cớ tuyệt hảo như thế cho điều mà tôi đã quyết định làm.

Tôi đột ngột quay sang ông ta. "Tại sao ông ghét tôi và âm mưu chống lại tôi?" tôi hỏi. "Nếu ông đưa Adalbert lên thay chỗ tôi, cậu ta sẽ không thể cầm chân von Friedfeld nổi một tuần. Tôi có thiên phú về chiến tranh, dù tôi còn thiếu gì đi nữa—dù tôi ghét nó. Tôi có thể khiến tất cả những tiểu vương lặt vặt này quỳ dưới chân mình nếu tôi muốn—và ông biết điều đó. Tôi đã mang lại hòa bình và an toàn ở nơi mà hàng trăm năm nay chúng chưa từng được biết đến. Chỉ trong một quốc gia được bảo đảm an ninh thì minh triết và nghệ thuật mới có thể nở rộ—đó là mục tiêu của tôi. Tại sao ông chống lại nó?"

Trong chốc lát ông ta có vẻ bối rối, rồi lại nở nụ cười trống rỗng ấy. "Tôi không chống lại nó—tôi tán thưởng nó—hơn nữa tôi còn tìm cách giúp ngài đạt được điều đó—và mọi ham muốn của ngài. Tại sao ngài nói tôi ghét ngài? Tôi là người bạn tốt nhất của ngài."

"Không, tôi không có bạn—ngoại trừ Sigismund và có lẽ là lũ chim."

"Ngài quá khiêm tốn, thưa chúa công. Chúng tôi, những người biết sự cao cả trong trái tim ngài, yêu mến ngài sâu đậm. Chỉ có sự dị dạng của ngài vẫn còn đứng giữa ngài và sự kính trọng cùng tận tụy của những kẻ nhìn thấy trong đó một roi vọt của Thượng đế và dấu ấn của quỷ dữ. Và điều này," ông ta tiếp tục, vì tôi không đáp, "không khó chữa như

remedy as you persist in believing."

ngài vẫn khăng khăng tin."

I laughed. "I have been to every miraculous shrine in the country; Holy Church, it seems, is helpless to aid me save by giving me counsels of patience and virtue—which lead nowhere."

Tôi cười. "Tôi đã đến mọi đền thánh làm phép lạ trong xứ; xem ra Giáo hội Thánh thiện bất lực không thể giúp tôi ngoài việc cho tôi những lời khuyên về kiên nhẫn và đức hạnh—mà chẳng dẫn đến đâu."

"I have told you," said the priest, glancing round and lowering his voice, "that there are other Powers...."

"Tôi đã nói với ngài," vị linh mục nói, liếc quanh và hạ giọng, "rằng còn có những Quyền Lực khác...."

"Yes—of the devil."

"Phải—của quỷ dữ."

"Not necessarily. There are powers of earth, air, fire and water. Holy Church can use them if she will, she can bind them for her purposes." He stooped nearer, "I can bind them...."

"Không nhất thiết. Có những quyền lực của đất, khí, lửa và nước. Giáo hội Thánh thiện có thể sử dụng chúng nếu muốn, có thể trói buộc chúng cho những mục đích của mình." Ông ta cúi sát hơn, "Tôi có thể trói buộc chúng...."

I stared at him. We had had many such conversations before, but he had never spoken quite so openly; and even though there were dangerous rumours about that I was interested in black magic, such rumours were very common in the age in which I lived and actually I had so far done nothing more than try to understand some strange books that Niedhart had lent me. They held a deep fascination for me, as did indeed any fresh knowledge or any new thing. I was not sure whether or not I believed the priest's words, but if there were a chance, however incredible and remote, would I not be a fool to refuse it?

Tôi nhìn chằm chằm ông ta. Chúng tôi đã có nhiều cuộc trò chuyện như thế trước đây, nhưng ông ta chưa bao giờ nói công khai đến vậy; và dù có những lời đồn nguy hiểm rằng tôi quan tâm đến Hắc thuật, những lời đồn như thế rất phổ biến trong thời đại tôi sống, và thực ra cho đến nay tôi chưa làm gì hơn ngoài việc cố hiểu vài cuốn sách lạ mà Niedhart đã cho tôi mượn. Chúng có một sức hấp dẫn sâu xa đối với tôi, cũng như thật vậy, bất cứ tri thức mới nào hay điều gì mới mẻ. Tôi không chắc mình có tin lời vị linh mục hay không, nhưng nếu có một cơ hội, dù khó tin và xa vời đến đâu, chẳng lẽ tôi lại ngu ngốc từ chối nó?

I looked with deep yearning upon the town and the valley where the spring fields told of harvests to come. These people were my children; I loved them, even if they did run from me and curse my name in superstitious fear. I had a swift vision of myself straight and comely as other men with some lovely woman for wife and heirs of my body to perpetuate my line. I would be loved and obeyed; I would be able then to bring about reforms which, because they seemed strange and unaccustomed, but chiefly because it was I who sought to inaugurate them, were now impossible. It by some

Tôi nhìn thị trấn và thung lũng với niềm khát khao sâu đậm, nơi những cánh đồng xuân báo trước những mùa gặt sẽ đến. Những con người này là con cái tôi; tôi yêu họ, dù họ có bỏ chạy khỏi tôi và nguyền rủa tên tôi trong nỗi sợ mê tín. Tôi chợt thấy một linh ảnh về chính mình thẳng thắn và ưa nhìn như những người đàn ông khác, với một người vợ xinh đẹp nào đó và những người thừa tự từ thân thể mình để nối tiếp dòng giống. Tôi sẽ được yêu mến và vâng phục; khi ấy tôi sẽ có thể thực hiện những cải cách mà hiện giờ, vì chúng có vẻ lạ lẫm và chưa quen, nhưng chủ yếu vì chính tôi là

miracle I were made into a normal man, these people would believe me blessed of God and would be ready to trust and obey me.

người tìm cách khởi xướng chúng, nên là điều không thể. Nếu bằng một phép lạ nào đó tôi được biến thành một người bình thường, những con người này sẽ tin rằng tôi được Thượng đế ban phúc và sẽ sẵn sàng tin cậy và vâng lời tôi.

"So if I do use forbidden powers," I reasoned to myself, "it will be for a good purpose; surely then God will understand and forgive me."

"Vậy nếu tôi có dùng những quyền lực bị cấm," tôi tự lý luận, "thì cũng là vì một mục đích tốt; hẳn khi ấy Thượng đế sẽ hiểu và tha thứ cho tôi."

The priest had not stirred. He too was staring at the distant scene, but I knew his inner vision was embracing the whole world. Whereas I wanted power to help the people and to heal them, he had long since admitted to me that the height of his ambition was even the Chair of St. Peter itself. Well, let him have it! I did not desire world dominion, there seemed to be more than enough to deal with close at hand.

Vị linh mục không hề nhúc nhích. Ông ta cũng đang nhìn cảnh xa xăm, nhưng tôi biết linh thị bên trong của ông ta đang ôm trọn cả thế giới. Trong khi tôi muốn quyền lực để giúp dân chúng và chữa lành họ, thì từ lâu ông ta đã thú nhận với tôi rằng đỉnh cao tham vọng của ông ta chính là cả Tòa Thánh Phêrô. Thôi được, cứ để ông ta có nó! Tôi không ham muốn quyền thống trị thế giới, dường như đã có quá đủ điều cần đề cập đến ngay gần bên rồi.

Our meditations were broken by the barking of dogs and the tinkling of mule bells. I rose and leaned over the wall. Below I could see that they had lowered the drawbridge. A procession was moving slowly across it.

Sự chiêm ngưỡng của chúng tôi bị cắt ngang bởi tiếng chó sủa và tiếng chuông la leng keng. Tôi đứng dậy và nghiêng người qua tường thành. Bên dưới tôi có thể thấy người ta đã hạ cầu kéo. Một đoàn người đang chầm chậm đi qua đó.

"My good cousin the Abbot leaves us," I remarked.

"Người anh em họ tốt bụng của tôi, vị Viện phụ, đang rời chúng ta," tôi nhận xét.

"I fear," said the priest, "he is displeased with me; although I know of nothing I have done amiss, he severely reprimanded me an hour ago."

"Tôi e rằng," vị linh mục nói, "ngài ấy không hài lòng về tôi; dù tôi không biết mình đã làm gì sai, một giờ trước ngài ấy đã nghiêm khắc quở trách tôi."

"He would not do that without cause," I answered dryly. "He is as just as he is wise. Without his care," I added, "I do not think I would be alive—I do not know whether to thank or be angry with him for the gift."

"Ông ấy sẽ không làm thế nếu không có lý do," tôi khô khan đáp. "Ông ấy công chính cũng như minh triết. Nếu không có sự chăm sóc của ông ấy," tôi nói thêm, "tôi không nghĩ mình còn sống—tôi không biết nên cảm ơn hay giận ông ấy vì món quà ấy."

Niedhart came up behind me and laid his hand on my humped shoulder. "You have not yet begun to live," he murmured, "you do not know what living means!" He waved his hand vaguely as if indicating a world of

Niedhart bước đến phía sau tôi và đặt tay lên cái vai gù của tôi. "Ngài còn chưa bắt đầu sống," ông ta thì thầm, "ngài không biết sống nghĩa là gì!" Ông ta vung tay mơ hồ như thể chỉ vào một thế giới của ánh sáng, màu sắc,

light, colour, joy, and love. “Yet life awaits your commands. It would be but a small experiment, yet I dare to hope you would return from it—yourself, your true self, at last. Why do you hesitate? There is a full moon just a week from now. It would not be safe to perform the necessary ceremonies in the town, but I have found a ruined chapel on the Western edge of the forest, going down towards Rahlstedt.” -

hoan hỉ và tình yêu. “Thế mà cuộc sống đang chờ mệnh lệnh của ngài. Chỉ là một thử nghiệm nhỏ thôi, nhưng tôi dám hy vọng ngài sẽ trở về từ đó—là chính ngài, chân ngã thật của ngài, cuối cùng. Tại sao ngài còn do dự? Chỉ một tuần nữa là trăng tròn. Sẽ không an toàn nếu thực hiện những nghi lễ cần thiết trong thị trấn, nhưng tôi đã tìm được một nhà nguyện đổ nát ở rìa phía Tây khu rừng, xuống về phía Rahlstedt.” -

“That is where—she—dwells,” I exclaimed almost involuntarily.

“Đó là nơi—nàng—ở,” tôi gần như buột miệng kêu lên.

“About a league away.” He hesitated: “I will have to persuade her to come—we will need her.”

“Cách đó khoảng một dặm rưỡi.” Ông ta ngập ngừng: “Tôi sẽ phải thuyết phục nàng đến—chúng ta sẽ cần nàng.”

I swung round. “Never! I shall not permit it!”

Tôi quay phắt lại. “Không bao giờ! Tôi sẽ không cho phép điều đó!”

“Do you not want to win her love? For that it is essential; your destinies will be linked by these rites.” He smiled. “Remember, she will see you grow beautiful; for one instant she may even have a vision of your soul. So even if the experiment should not succeed and your body remain as before, she will never forget what she has seen and her heart will always be yours; she will know the man beneath the mask.”

“Ngài không muốn chinh phục tình yêu của nàng sao? Muốn vậy thì điều đó là thiết yếu; số phận của hai người sẽ được nối kết bởi những nghi lễ này.” Ông ta mỉm cười. “Hãy nhớ, nàng sẽ thấy ngài trở nên đẹp đẽ; trong một khoảnh khắc nàng thậm chí có thể có một linh ảnh về linh hồn ngài. Vì thế, ngay cả nếu cuộc thử nghiệm không thành công và thể xác ngài vẫn như trước, nàng cũng sẽ không bao giờ quên điều mình đã thấy và trái tim nàng sẽ mãi mãi thuộc về ngài; nàng sẽ biết con người bên dưới chiếc mặt nạ.”

I gave a deep sigh. For an instant my whole body was suffused with ecstasy—pain was forgotten. To be loved— desired....

Tôi thở dài sâu. Trong một khoảnh khắc toàn thân tôi tràn ngập chí phúc—nỗi đau bị quên lãng. Được yêu—được khao khát....

Niedhart must have been aware of the change in me.

Hẳn Niedhart đã nhận ra sự thay đổi trong tôi.

“Will you not come?” he asked persuasively, “there is no need for you to have anything more to do with these experiments should this one not be successful.”

“Ngài sẽ không đến sao?” ông ta dịu giọng thuyết phục, “sẽ không cần ngài phải dính dáng gì thêm đến những cuộc thử nghiệm này nếu lần này không thành công.”

I began moving restlessly up and down. I found a hundred reasons why I should attempt this trial, and so few in its disfavour: only the stern decrees of the Church against sorcery and the threat of the awful doom

Tôi bắt đầu bồn chồn đi đi lại lại. Tôi tìm thấy cả trăm lý do vì sao mình nên thử cuộc thử thách này, và quá ít điều chống lại nó: chỉ có những sắc lệnh nghiêm khắc của Giáo hội chống lại phù thủy và lời đe dọa về số phận

which would befall us should we be discovered. For a long time I did not reply; at last I turned.

khủng khiếp sẽ giáng xuống chúng tôi nếu bị phát hiện. Trong một thời gian dài tôi không đáp; cuối cùng tôi quay lại.

"This once I will join you," I said, "then I shall be able to judge what truth there is in these claims you make. But you must swear to me that Elsa will come to no harm and run no risk at all."

"Lần này tôi sẽ tham gia với ông," tôi nói, "rồi tôi sẽ có thể phán đoán xem những điều ông khẳng định có bao nhiêu sự thật. Nhưng ông phải thề với tôi rằng Elsa sẽ không bị tổn hại gì và hoàn toàn không gặp bất cứ nguy hiểm nào."

"I swear it. She will not even know for what purpose she is required. You understand it is essential for this particular ceremony to have a young, innocent virgin to act as a medium through whom the Powers may work. I believe her to have the requisite mediumistic qualities. I have been reading much lately of these things in some very ancient books I was fortunate enough to discover. Three men are also necessary and Adalbert will join us. Ah, do not fear! Would I risk him whom I love above my own life? But even so is not any risk worth the prize? You do not yet know what I purpose to do if this experiment be successful." He sprang to his feet, his head thrown back. "I will become a great leader of mankind—I will change the world! Not alone will I provide them with spiritual truths until now hidden from our knowledge, but I shall have at my command the very elixir of life itself and with it all power, all riches." He laughed aloud in exaltation. "You need not fear for any of us, my lord—we will, I assure you, be well protected."

"Tôi xin thề. Nàng thậm chí sẽ không biết mình được cần đến vì mục đích gì. Ngài hiểu rằng đối với nghi lễ đặc biệt này, điều cốt yếu là phải có một trinh nữ trẻ trung, ngây thơ để làm đồng tử, qua đó các Quyền Lực có thể hoạt động. Tôi tin nàng có những phẩm chất thông linh cần thiết. Gần đây tôi đã đọc rất nhiều về những điều này trong vài cuốn sách rất cổ mà tôi may mắn tìm được. Cũng cần có ba người nam, và Adalbert sẽ tham gia với chúng ta. A, xin đừng sợ! Lẽ nào tôi lại đem người mà tôi yêu hơn chính mạng sống mình ra mạo hiểm? Nhưng dù vậy, chẳng phải bất cứ rủi ro nào cũng đáng để đổi lấy phần thưởng đó sao? Ngài vẫn chưa biết tôi dự định làm gì nếu thí nghiệm này thành công." Y bật đứng dậy, đầu ngẩng cao. "Tôi sẽ trở thành một lãnh tụ vĩ đại của nhân loại—tôi sẽ thay đổi thế giới! Tôi không chỉ cung cấp cho họ những chân lý tinh thần cho đến nay còn ẩn kín khỏi tri thức của chúng ta, mà tôi còn sẽ nắm trong tay chính linh dược của sự sống, và cùng với nó là mọi quyền lực, mọi của cải." Y cười lớn trong niềm hân hoan ngây ngất. "Ngài không cần lo sợ cho bất kỳ ai trong chúng tôi, thưa chúa công—tôi cam đoan, chúng tôi sẽ được bảo vệ chu đáo."

"Protected?" I muttered, and stared at the priest doubtfully but did not care to question further.

"Được bảo vệ ư?" tôi lẩm bẩm, nhìn vị linh mục với vẻ ngờ vực, nhưng không muốn hỏi thêm nữa.

In the days which followed, I suffered agonies of fear and indecision. I hardly slept; and when I did my dreams were haunted with hideous scenes and visions in which I seemed to be participating in magical ceremonies so obscene and horrible that I wondered if they could be warnings or if indeed I were already deserted of God and

Trong những ngày tiếp theo, tôi chịu đựng những cơn thống khổ của sợ hãi và do dự. Tôi hầu như không ngủ; và khi có ngủ, những giấc mơ của tôi bị ám bởi những cảnh tượng và linh ảnh ghê rợn, trong đó tôi dường như đang tham dự vào những nghi lễ huyền thuật dâm ô và kinh khủng đến mức tôi tự hỏi liệu đó có phải là những lời cảnh báo hay

my soul given a foretaste of Hell. Ever since I could remember I had felt as if surrounded by evil beings who, suddenly leaping upon me, would rend my body in paroxysms of rage or vengeance. But now they seemed to have drawn even closer, hemming me in on every side. Yet the consideration that soon my back might be straightened and Elsa be made to love me influenced me even more than my fears.

quả thực tôi đã bị Thượng đế ruồng bỏ và linh hồn tôi được nếm trước Địa Ngục. Từ khi còn nhớ được, tôi đã luôn cảm thấy như bị bao quanh bởi những hữu thể xấu ác, những kẻ bất thần chồm lên tôi, xé nát thể xác tôi trong những cơn cuồng nộ hay báo oán. Nhưng giờ đây chúng dường như đã áp sát hơn nữa, vây bủa tôi từ mọi phía. Tuy nhiên, ý nghĩ rằng chẳng bao lâu nữa lưng tôi có thể được làm thẳng và Elsa có thể được khiến phải yêu tôi còn tác động lên tôi mạnh hơn cả nỗi sợ.

I visited her one day while out hunting, hoping against hope that she might not repulse me; but the sight of my hideous face and misshapen body sent her cowering against the wall and she refused with equal loathing the gifts I had brought. I departed more set than ever upon my purpose.

Một hôm, khi đang đi săn, tôi đến thăm nàng, hy vọng trong tuyệt vọng rằng nàng có thể sẽ không xua đuổi tôi; nhưng cảnh tượng khuôn mặt dị dạng và thân thể méo mó của tôi khiến nàng co rúm vào tường, và nàng từ chối với cùng một sự ghê tởm những món quà tôi mang đến. Tôi ra đi, càng quyết tâm hơn bao giờ hết với mục đích của mình.

The day before the full moon I went to make confession in the Chapel of the Monastery; yet even while I prayed I felt those evil presences behind me, turning all I did into mockery and sacrilege.

Ngày trước đêm trăng tròn, tôi đi xưng tội trong Nhà Nguyện của Tu Viện; nhưng ngay cả khi cầu nguyện, tôi vẫn cảm thấy những hiện diện xấu ác ấy ở phía sau mình, biến mọi điều tôi làm thành sự nhạo báng và phạm thánh.

Sigismund seemed very far removed from me when later he showed me portions of a book of meditations he was engaged in writing and some lovely illuminated manuscripts upon which several of the monks were working. He walked serenely by my side. I envied him. He asked no more than to be Abbot of his little community, to teach and serve them; he was happy in this life. But I— where might I find happiness? As we walked together in the garden where the novices were bedding out herbs and hoeing the moist, sweet-smelling earth, a mood of hopeless yearning for peace and beauty descended upon me. I said farewell to this man I so loved with a greater emotion than I had ever felt before. It was, indeed, like a final parting.

Sigismund dường như rất xa cách tôi khi sau đó ông cho tôi xem những phần của một cuốn sách tham thiền mà ông đang viết và vài bản thảo minh họa tuyệt đẹp mà một số tu sĩ đang thực hiện. Ông bước đi bên cạnh tôi với vẻ tĩnh lặng. Tôi ghen tị với ông. Ông không mong gì hơn là được làm Viện phụ của cộng đồng nhỏ bé của mình, dạy dỗ và phụng sự họ; ông hạnh phúc trong cuộc đời này. Còn tôi—tôi có thể tìm thấy hạnh phúc ở đâu? Khi chúng tôi cùng đi trong khu vườn nơi các tập sinh đang trồng các loại thảo mộc và cuốc xới lớp đất ẩm, thơm ngọt, một tâm trạng khát khao tuyệt vọng đối với bình an và vẻ đẹp giáng xuống tôi. Tôi từ biệt người đàn ông mà tôi yêu quý ấy với một xúc động lớn hơn bất cứ điều gì tôi từng cảm thấy trước đó. Quả thật, đó như một cuộc chia ly cuối cùng.

"God knows," I thought, as I held Sigismund's hand under the grey walls where the apple blossom hung and starlings

"Thượng đế biết," tôi nghĩ, khi nắm tay Sigismund dưới những bức tường xám nơi hoa táo buông rủ và những con sáo ríu rít với

cried in their small voices to one another, “if we shall ever meet again; but if we do I shall not be the Carl you now know—something must change after this night.”

nhau bằng những tiếng kêu nhỏ bé của chúng, “liệu chúng tôi có còn gặp lại nhau nữa không; nhưng nếu có, tôi sẽ không còn là Carl mà ông hiện biết—sau đêm nay, hẳn phải có điều gì đó đổi khác.”

I had not yet spoken to my younger brother about the attempt we were to make. I had always held myself aloof from Adalbert, well aware with what repulsion he looked upon my deformed body—for he had the intolerant scorn of his age for all physical weakness. I did not blame him nor anyone else for such an attitude of mind; my own horror of ugliness was so great that I could well understand a like sentiment in others; that did not, however, allay my bitterness nor help to bridge the estrangement there had always been between us.

Tôi vẫn chưa nói với em trai tôi về nỗ lực mà chúng tôi sắp thực hiện. Tôi luôn giữ mình xa cách Adalbert, hoàn toàn ý thức được y nhìn thân thể dị dạng của tôi với sự ghê sợ đến mức nào—vì y có sự khinh miệt thiếu khoan dung của tuổi trẻ đối với mọi yếu đuối thể xác. Tôi không trách y hay bất kỳ ai khác vì thái độ tinh thần như thế; nỗi kinh hãi của chính tôi đối với sự xấu xí lớn đến mức tôi hoàn toàn có thể hiểu một cảm xúc tương tự nơi người khác; tuy nhiên, điều đó không làm dịu đi nỗi cay đắng của tôi, cũng không giúp bắt cầu qua sự xa cách vốn luôn tồn tại giữa chúng tôi.

But this day, meeting the young man coming from the mews, his favourite falcon on his wrist, I felt it necessary to break through the barrier of cold politeness with which we both protected ourselves.

Nhưng hôm ấy, khi gặp chàng thanh niên từ chuồng chim ưng đi ra, con chim ưng ưa thích đậu trên cổ tay y, tôi cảm thấy cần phải phá vỡ hàng rào lịch sự lạnh nhạt mà cả hai chúng tôi đều dùng để tự bảo vệ mình.

“Adalbert,” I said, “has Father Niedhart told you the true purpose of our attempt tonight?”

“Adalbert,” tôi nói, “Cha Niedhart đã nói cho em biết mục đích thật sự của việc chúng ta làm tối nay chưa?”

My brother dropped his eyes as if to hide some embarrassment. I stared enviously at his tall young body gallantly clad in a parti-coloured cotehardie of blue and gold, white hose which showed off to perfection his shapely legs, and long-toed shoes of scarlet leather; at his handsome face, clear skin and auburn hair. How simple life must be, I thought, to such a one!

Huynh đệ của Tôi cúi mắt xuống như để che giấu một nỗi bối rối nào đó. Tôi nhìn y với lòng ghen tị, thân hình trẻ trung cao lớn của y được mặc rất phong nhã trong chiếc cotehardie hai màu xanh và vàng, đôi tất trắng làm nổi bật hoàn hảo đôi chân cân đối của y, và đôi giày da đỏ mũi dài; rồi khuôn mặt đẹp trai, làn da trong trẻo và mái tóc hung đỏ của y. Tôi nghĩ, cuộc đời hẳn phải đơn giản biết bao đối với một người như thế!

“I understood that we were to make an attempt to— cure you, Carl,” he said, “at least the good Father said that was our main purpose.”

“Em hiểu rằng chúng ta sẽ cố gắng để—chữa cho anh, Carl,” y nói, “ít nhất vị Cha tốt lành bảo rằng đó là mục đích chính của chúng ta.”

“So it is; yet—” I hesitated, “I had rather you should not risk yourself for me. For there is a risk. Perhaps Father Niedhart has not fully explained it to you. He is going to summon

“Đúng là vậy; tuy nhiên—” tôi ngập ngừng, “anh thà em đừng mạo hiểm vì anh. Vì có rủi ro. Có lẽ Cha Niedhart chưa giải thích đầy đủ cho em. Ông ấy sẽ triệu gọi những quyền lực

forbidden powers and if our ceremony were discovered we should all of us be burned for sorcery."

bị cấm, và nếu nghi lễ của chúng ta bị phát hiện thì tất cả chúng ta sẽ bị thiêu sống vì tội phù thủy."

The youth's face twitched slightly at the word, but he threw up his head boldly enough.

Khuôn mặt chàng trai khẽ giật nhẹ khi nghe từ ấy, nhưng y vẫn can đảm ngẩng đầu lên.

"I do not fear. He can protect us." His eyes flashed. "It will be a wondrous thing should you gain a straight back.

"Em không sợ. Ông ấy có thể bảo vệ chúng ta." Mắt y lóe sáng. "Sẽ là một điều kỳ diệu nếu anh có được một tấm lưng thẳng.

Besides," he smiled brilliantly, "Father Niedhart asked me to come also because it would help him and might make me great and powerful, which is his dearest wish." He flushed and added ardently, "I would do anything in the world for him."

"Vả lại," y mỉm cười rạng rỡ, "Cha Niedhart cũng bảo em đến vì điều đó sẽ giúp ích cho ông ấy và có thể làm em trở nên vĩ đại và quyền thế, đó là điều ông ấy mong mỏi nhất." Y đỏ mặt và thêm vào một cách nồng nhiệt, "Em sẽ làm bất cứ điều gì trên đời cho ông ấy."

I had been deeply moved by my brother's first words, but at these my face darkened. I was disturbed by this friendship and by the restless ambition Niedhart was fostering in the boy's mind.

Tôi đã rất xúc động trước những lời đầu tiên của Huynh đệ của Tôi, nhưng đến đây thì mặt tôi sầm lại. Tình bạn này làm tôi bất an, và cả tham vọng không yên mà Niedhart đang nuôi dưỡng trong tâm trí chàng trai.

"Then I cannot dissuade you," I said coldly, "for I well perceive your mind is set."

"Vậy thì anh không thể can em được," tôi lạnh lùng nói, "vì anh thấy rất rõ rằng tâm trí em đã quyết."

The night of the full moon Niedhart and I rode together to the meeting place. Adalbert had preceded us in order to fetch Elsa and take her to the Chapel.

Đêm trăng tròn, Niedhart và tôi cùng cưỡi ngựa đến nơi hẹn. Adalbert đã đi trước để đón Elsa và đưa nàng đến Nhà Nguyện.

It was sunset when we started out. The sky was aflame as if there burned a mighty conflagration beyond the black, close-set pines. A deep excitement akin to this flame stirred within me; I felt as if there were Powers upon my right hand and my left.

Lúc chúng tôi lên đường là hoàng hôn. Bầu trời rực cháy như thể có một trận hỏa hoạn khủng khiếp đang bùng lên phía sau những cây thông đen mọc ken dày. Một sự kích động sâu xa tương tự ngọn lửa ấy khuấy động trong tôi; tôi cảm thấy như có những Quyền Lực ở bên phải và bên trái mình.

Soon we were riding in darkness, but presently the upper branches began to glow with a faint luminosity and soon the moon was shooting fingers of light through the cavern-like gloom in which we rode; I thought them like the petals of silver

Chẳng bao lâu chúng tôi cưỡi ngựa trong bóng tối, nhưng rồi những cành cao bắt đầu ánh lên một thứ quang sáng mờ nhạt, và chẳng mấy chốc mặt trăng đã phóng những ngón tay ánh sáng xuyên qua bóng tối như hang động mà chúng tôi đang đi trong đó; tôi

flowers. When we came into the open glades the moon rode with us up the starless sky.

nghĩ chúng giống như những cánh hoa bạc. Khi chúng tôi ra đến những khoảng trống, mặt trăng cùng cưỡi với chúng tôi lên bầu trời không sao.

I would have been glad to ride in silence, but Niedhart talked of his plans. He had managed to gain Elsa's promise of co-operation only after he had convinced her that what we were about to do was for the good of the townspeople and in the name of Holy Church. "It flatters her vanity," he said dryly, "to consider herself chosen of heaven for a high destiny. It makes her feel superior to all the poor girls who were not good enough to be thus honoured. There is nothing you cannot do, Count Carl, if you know how to play upon vanity. It is the devil's touchstone."

Tôi rất muốn đi trong im lặng, nhưng Niedhart nói về những kế hoạch của y. Y chỉ xoay xở để có được lời hứa hợp tác của Elsa sau khi thuyết phục được nàng rằng điều chúng tôi sắp làm là vì lợi ích của dân thị trấn và nhân danh Giáo Hội Thánh. "Điều đó vuốt ve lòng hư vinh của nàng," y khô khan nói, "khiến nàng nghĩ mình được trời chọn cho một định mệnh cao cả. Nó làm nàng cảm thấy mình vượt trội hơn tất cả những cô gái nghèo không đủ tốt để được vinh dự như thế. Không có điều gì ngài không thể làm được, Bá tước Carl, nếu ngài biết cách đánh vào lòng hư vinh. Đó là hòn đá thử của quỷ dữ."

At that moment I hated him.

Ngay lúc ấy tôi căm ghét y.

"I bribed her too," he said, and laughed. "Promised her a fine dowry—1 think I can count upon you to keep that promise for me. It was absolutely necessary to be assured of her silence, one word might ruin us. There, so far as I can see, lies our only danger. But I think she'll be wise. Her mother is a suspicious old woman, she's got a nose like a hunting dog for a mystery; but we must take some risks—'tis unavoidable."

"Tôi cũng đã hối lộ nàng," y nói rồi cười. "Hứa cho nàng một món hồi môn hậu hĩnh—tôi nghĩ tôi có thể trông cậy vào ngài giữ lời hứa đó thay tôi. Điều tuyệt đối cần thiết là phải bảo đảm sự im lặng của nàng, chỉ một lời thôi cũng có thể hủy diệt chúng ta. Ở đó, theo như tôi thấy, chính trong đó có mối nguy duy nhất của chúng ta. Nhưng tôi nghĩ nàng sẽ khôn ngoan. Mẹ nàng là một mụ già đa nghi, đánh hơi ra bí mật như chó săn; nhưng chúng ta phải chấp nhận vài rủi ro—không thể tránh được."

Almost, then, I had turned back; but I bethought me that they would undoubtedly go through with the ceremony now and at least I could defend the girl from harm. All my distrust of Niedhart had been stirred into life by his words.

Khi ấy tôi gần như đã quay đầu trở lại; nhưng rồi tôi nghĩ rằng chắc chắn họ vẫn sẽ tiến hành nghi lễ lúc này, và ít nhất tôi còn có thể bảo vệ cô gái khỏi bị hại. Mọi sự ngờ vực của tôi đối với Niedhart đã bị lời nói của y đánh thức dậy.

At length we reached the chapel. It was a ruin. Blocks of masonry littered the ground. A few of the side chapels and the sacristy were still in moderate repair, gaping like mysterious caverns, but there was no roof and the east window was an empty space wherein a sapling had thrust its dark and swaying head. Upon the ground, where the altar once had been, was a curious stone, far

Cuối cùng chúng tôi đến nhà nguyện. Đó là một phế tích. Những khối đá xây nằm ngổn ngang trên mặt đất. Vài nhà nguyện bên và phòng thánh vẫn còn tương đối nguyên vẹn, há miệng như những hang động bí ẩn, nhưng không còn mái, và cửa sổ phía đông chỉ là một khoảng trống nơi một cây non đã vươn cái đầu đen sẫm, lay động của nó lên. Trên mặt đất, nơi xưa kia từng có bàn thờ, là

older than the cult which had erected these walls unwittingly around it; the stone seemed indeed to have conquered it and cast the walls down.

một phiến đá kỳ lạ, cổ xưa hơn rất nhiều so với tín ngưỡng đã vô tình dựng những bức tường này quanh nó; quả thật phiến đá dường như đã chinh phục tín ngưỡng ấy và xô đổ những bức tường.

As we entered we perceived Adalbert by this stone. Beside him in the moonlight which, to my eyes, appeared to encircle her in a glittering aureole, stood Elsa.

Khi chúng tôi bước vào, chúng tôi thấy Adalbert đứng bên phiến đá ấy. Bên cạnh y, trong ánh trăng mà đối với mắt tôi dường như đang bao quanh nàng bằng một noãn hào quang lấp lánh, là Elsa.

I had never imagined her so beautiful; her hair, unbound, fell to her knees over a white shift; her feet were bare; her hands clasped over her breast. Her eyes were wide, fearful, yet full of dreams.

Tôi chưa từng hình dung nàng đẹp đến thế; mái tóc xõa tung rủ xuống tận đầu gối trên chiếc áo lót trắng; chân nàng trần; hai tay chắp trên ngực. Đôi mắt nàng mở to, sợ hãi, nhưng đầy mộng tưởng.

She started when she saw me emerge from the shadows. She had not been told that I was to be there; instantly she was on the alert.

Nàng giật mình khi thấy tôi từ bóng tối bước ra. Nàng chưa được báo rằng tôi sẽ có mặt ở đó; lập tức nàng trở nên cảnh giác.

But Niedhart soothed her fears. “The Count desired also to participate in this sendee to his people,” he told her, “he and his brother are here to pray the Holy Mother for success.”

Nhưng Niedhart làm dịu nỗi sợ của nàng. “Bá tước cũng muốn tham dự vào việc phụng sự này cho dân của ngài,” y nói với nàng, “ngài và em trai ngài ở đây để cầu xin Đức Mẹ Thánh cho thành công.”

She bowed her head in acquiescence.

Nàng cúi đầu thuận theo.

Through the broken windows trees were visible; they shook as if the passing feet of unseen spirits had brushed their crests.

Qua những khung cửa sổ vỡ, có thể thấy cây cối; chúng rung động như thể những bước chân đi qua của các tinh thần vô hình đã lướt qua ngọn cây.

In the silence we all four stood now about the ancient stone.

Trong im lặng, giờ đây cả bốn chúng tôi đứng quanh phiến đá cổ.

Niedhart turned again to the girl. “You must have great faith, Elsa, and do instantly as you are bidden. No harm can possibly come to you.”

Niedhart lại quay sang cô gái. “Con phải có đức tin lớn, Elsa, và lập tức làm đúng như điều con được bảo. Không thể nào có hại gì đến với con.”

He placed her against the east wall and bade us stand upon either side.

Y đặt nàng tựa vào bức tường phía đông và bảo chúng tôi đứng ở hai bên.

Then, advancing towards her, he began speaking a strange medley of babbling words, making passes before her eyes, intoning great vowels with a tight-lipped

Rồi tiến về phía nàng, y bắt đầu nói một mớ hỗn độn kỳ lạ những lời lẩm nhẩm, đưa tay làm những động tác trước mắt nàng, ngân những nguyên âm dài bằng một tiếng vo vo

humming.

khép chặt môi.

Adalbert and I spoke no word. A mist seemed to be enclosing us, shutting us off from the outer world.

Adalbert và tôi không nói một lời. Một màn sương dường như đang khép kín quanh chúng tôi, cắt chúng tôi khỏi thế giới bên ngoài.

Adalbert had no eyes save for Niedhart; I, however, was aware of some strange conflict taking place within me. I was sharply vigilant. Instinctively I felt that I must keep perfect control over my mind and body, if only for the sake of Elsa; for I realized now that the priest had lied: we were all in terrible jeopardy. Yet even so my curiosity was still greater than my fear. For protection I tried to fix my thoughts upon the Christ; but I found I could think of nothing save the woman.

Adalbert không nhìn gì ngoài Niedhart; còn tôi, tuy nhiên, ý thức được một cuộc xung đột kỳ lạ nào đó đang diễn ra trong tôi. Tôi cảnh giác sắc bén. Theo bản năng tôi cảm thấy mình phải giữ quyền kiểm soát hoàn toàn đối với tâm trí và thể xác, nếu chỉ vì Elsa thôi; vì giờ đây tôi nhận ra rằng vị linh mục đã nói dối: tất cả chúng tôi đều đang ở trong tình thế hiểm nguy khủng khiếp. Tuy vậy, sự tò mò của tôi vẫn còn lớn hơn nỗi sợ. Để tự bảo vệ, tôi cố định tư tưởng mình vào Đức Christ; nhưng tôi thấy mình không thể nghĩ đến điều gì ngoài người phụ nữ ấy.

Elsa stood rigid, the moonlight upon her face. The priest touched her, she did not move. Her eyes stared blankly.

Elsa đứng cứng đờ, ánh trăng phủ trên mặt nàng. Vị linh mục chạm vào nàng, nàng không động đậy. Đôi mắt nàng nhìn trân trân vô hồn.

"Come!" he said.

"Lại đây!" y nói.

She advanced then, like an automaton. We followed.

Thế là nàng bước tới, như một cái máy. Chúng tôi đi theo.

"Unclothe her!" he commanded.

"Cởi áo nàng ra!" y ra lệnh.

When her shift fell to the ground, I could have cried aloud at her beauty; my lust leapt up within me, burning every other thought from my mind. I knew there was nothing I would not do to gain this woman for myself.

Khi chiếc áo lót của nàng rơi xuống đất, tôi suýt kêu thành tiếng trước vẻ đẹp của nàng; dục vọng của tôi bùng lên trong tôi, thiêu rụi mọi ý nghĩ khác khỏi tâm trí tôi. Tôi biết không có điều gì tôi sẽ không làm để chiếm người phụ nữ này cho riêng mình.

We laid her upon the stone; and now the priest drew around us and her the mystic circle. In a brazier at her foot red coals sent a fragrant perfume into the windless air.

Chúng tôi đặt nàng lên phiến đá; và giờ đây vị linh mục vẽ quanh chúng tôi và nàng vòng tròn thần bí. Trong một lò than đặt dưới chân nàng, những cục than đỏ tỏa một mùi hương thơm vào bầu không khí không gió.

From a bag he drew horrible and mysterious objects: a skull, some bones tied together by a strange fibre, a loathsome substance, the nature of which I could only guess, and other nameless things.

Từ một cái túi, y lấy ra những vật ghê rợn và bí ẩn: một cái sọ, vài khúc xương buộc lại bằng một thứ sợi lạ, một chất ghê tởm mà bản chất của nó tôi chỉ có thể đoán, và những thứ vô danh khác.

The skull he placed upon her breast, the substance he smeared upon her forehead; the remaining objects he placed upon the palms of her hands, upon her feet and upon her mouth. From a jar of curious shape he took some unguent which he rubbed over parts of her body, the odour of it was sickly, yet indescribably foul, and knowing something of witchcraft I could imagine of what it was composed and shuddered with horror.

Cái sọ được y đặt lên ngực nàng, chất kia được y bôi lên trán nàng; những vật còn lại y đặt lên lòng bàn tay nàng, lên chân nàng và lên miệng nàng. Từ một chiếc bình có hình dạng kỳ lạ, y lấy ra một thứ thuốc mỡ bôi lên những phần trên thân thể nàng, mùi của nó vừa ngầy ngậy vừa ghê tởm không sao tả xiết, và vì biết đôi chút về phù thủy thuật, tôi có thể hình dung nó được chế từ những gì và rùng mình kinh hãi.

The horror gained upon me as the obscene rites began. I had the curious illusion of being two people: one part of me an aloof being, clean, wide-eyed, a guardian with a sharp sword, standing there watchfully; the other, a foul fiend, the misshapen creature of my body, licking his lips with eager lust, waiting to partake of the unclean thing. The inner conflict increased. I felt that somehow a final and terrible choice was about to be forced upon me. With which of these twain would I identify myself at the last?

Nỗi kinh hãi càng tăng lên trong tôi khi những nghi thức dâm ô bắt đầu. Tôi có ảo giác kỳ lạ rằng mình là hai con người: một phần trong tôi là một hữu thể tách rời, thanh sạch, mắt mở lớn, một người canh giữ với thanh gươm sắc, đứng đó cảnh giác; phần kia là một ác quỷ bẩn thỉu, sinh vật méo mó của thân thể tôi, liếm môi với dục vọng háo hức, chờ được dự phần vào điều ô uế ấy. Cuộc xung đột bên trong tăng lên. Tôi cảm thấy bằng cách nào đó một lựa chọn cuối cùng và khủng khiếp sắp bị ép buộc lên tôi. Rốt cuộc tôi sẽ đồng hoá với bên nào trong hai bên ấy?

The moon had sailed behind a clump of high trees; only upon the stone and the white body there a long beam of radiance fell; all else was steeped in profound darkness.

Mặt trăng đã trôi ra sau một cụm cây cao; chỉ trên phiến đá và thân thể trắng nằm đó là có một luồng sáng dài đổ xuống; mọi thứ khác đều chìm trong bóng tối sâu thẳm.

Suddenly, as the figure of the priest swayed in an ecstasy of supplication, the circle upon the ground began to glow with a faint luminosity. Sharp-tongued flames trembled from it; a cold wind rushed through the building; the brazier flared up in a livid flame of green and at the same moment an unearthly whispering arose about us emanating, it seemed, from the trees, the earth, the stones.

Đột nhiên, khi hình dáng vị linh mục đung đưa trong cơn ngây ngất khẩn cầu, vòng tròn trên mặt đất bắt đầu phát sáng với một thứ quang sáng mờ nhạt. Những lưỡi lửa nhọn rung rinh bốc lên từ đó; một luồng gió lạnh ào qua tòa nhà; lò than bùng lên một ngọn lửa xanh tái, và đồng thời một tiếng thì thầm không thuộc trần gian nổi lên quanh chúng tôi, dường như phát ra từ cây cối, mặt đất, đá tảng.

Niedhart, standing at the girl's head, raised his arms sending forth with fuller strength that incomprehensible rush of moaning syllables.

Niedhart, đứng ở đầu cô gái, giơ hai tay lên, phát ra với sức mạnh đầy đủ hơn luồng âm tiết rên rỉ không thể hiểu nổi ấy.

His arms fell, spread out; he beckoned to us to follow him and began pacing round the stone from West to East.

Hai tay y hạ xuống, dang ra; y ra hiệu cho chúng tôi đi theo và bắt đầu bước vòng quanh phiến đá từ Tây sang Đông.

His voice rang out over our heads: "Sathanus, Sathanus, Sathanus!" He broke into Latin: "I conjure thee, I conjure thee! By Earth, by Air, by Fire, by Water, by the Symbols which are here prepared, come hither! Descend! Arise! Speak!"

Giọng y vang lên trên đầu chúng tôi: "Sathanus, Sathanus, Sathanus!" Y chuyển sang tiếng Latin: "Ta triệu gọi ngươi, ta triệu gọi ngươi! Nhân danh Đất, nhân danh Khí, nhân danh Lửa, nhân danh Nước, nhân danh những Biểu Tượng đã được chuẩn bị nơi đây, hãy đến đây! Hãy giáng xuống! Hãy trỗi dậy! Hãy nói!"

The sharp tongues of white fire burned higher; these and the glistening surface of the girl's body which glowed now as if with an inner phosphorescence, were the only visible things in a void of darkness.

Những lưỡi lửa trắng nhọn bốc cao hơn; chúng và bề mặt lấp lánh của thân thể cô gái, giờ đây phát sáng như thể bằng một thứ lân quang bên trong, là những thứ hữu hình duy nhất trong khoảng không tối đen.

A tremor ran through her; slowly her lips parted. A stuttering, hissing sound struggled through her clenched teeth, then abruptly ceased.

Một cơn run chạy qua nàng; chậm rãi môi nàng hé mở. Một âm thanh rít lên, lắp bắp vật lộn thoát ra qua hai hàm răng nghiến chặt, rồi đột ngột ngừng lại.

Niedhart bent over her, as if driving power into her body.

Niedhart cúi xuống trên nàng, như thể đang dồn mãnh lực vào thân thể nàng.

"Sathanus, Lord," he cried, "speak and obey us who command thee by these acts and words! Cure this thy servant of his crooked back; give unto him the heart of this woman. And unto me and this youth give Power and Glory and Strength and Dominion, and the secrets of the Elements which thou dost rule!"

"Hỡi Sathanus, Chúa Tể," y kêu lên, "hãy nói và tuân lệnh chúng ta, những kẻ truyền lệnh cho ngươi bằng những hành vi và lời nói này! Hãy chữa cho kẻ phụng sự ngươi đây khỏi cái lưng cong; hãy ban cho y trái tim của người phụ nữ này. Và cho tôi cùng chàng trai này Quyền Lực và Vinh Quang và Sức Mạnh và Quyền Thống Trị, cùng những bí mật của các Nguyên tố mà ngươi cai quản!"

Once again the girl's lips opened. Agonizing sounds came from them, as of a voice striving to speak. Then slowly, stiffly she rose to a sitting posture. A change came over her, creeping into her livid features and behind her blank, staring eyes, invading them with an alien life.

Một lần nữa môi cô gái mở ra. Từ đó phát ra những âm thanh đau đớn, như của một giọng nói đang cố cất lời. Rồi chậm chạp, cứng đờ, nàng ngồi dậy. Một sự thay đổi đến với nàng, len vào những nét mặt tái nhợt của nàng và phía sau đôi mắt trân trân vô hồn ấy, xâm chiếm chúng bằng một sự sống xa lạ.

Her expression became hideous, her lips drew back in a fiendish grimace, foam flecked her mouth.

Nét mặt nàng trở nên ghê rợn, môi nàng kéo giật ra trong một cái nhăn nhở quỷ quái, bọt mép lấm tấm quanh miệng.

At last, booming from the throat, the voice came:

Cuối cùng, từ cổ họng nàng, giọng nói ấy vang lên trầm đục:

"Greeting, my servants, I am here; I—the Eye, the Ear, the Voice. What is your will of me?"

"Chào các ngươi, hỡi những kẻ phụng sự ta, ta ở đây; ta—Con Mắt, Cái Tai, Tiếng Nói. Ý muốn của các ngươi đối với ta là gì?"

I felt my senses slipping from me, overwhelmed by a flood of darkness rising from the founts of my own being.

Tôi cảm thấy các giác quan mình đang tuột khỏi mình, bị nhấn chìm bởi một dòng lũ bóng tối dâng lên từ những nguồn suối của chính hữu thể tôi.

That voice—what was it? The voice of one of those fiends we had summoned to our aid, the same perhaps who had so long tormented me, seizing upon my own body, racking it, possessing it, even as they now possessed the body of the girl 1 loved? In my imagination I saw them all about us, black devils with horns and tails and fire-breathing nostrils. These would cure me! I shuddered and groaned. Cold drops ran from my face.

Giọng nói ấy—đó là gì? Giọng của một trong những ác quỷ mà chúng tôi đã triệu đến để trợ giúp, có lẽ chính là kẻ đã hành hạ tôi quá lâu, chộp lấy thân thể tôi, giày vò nó, chiếm hữu nó, cũng như giờ đây chúng đang chiếm hữu thân thể của cô gái tôi yêu? Trong trí tưởng tượng, tôi thấy chúng ở khắp quanh chúng tôi, những con quỷ đen có sừng, có đuôi và lỗ mũi phun lửa. Chúng sẽ chữa cho tôi ư! Tôi rùng mình và rên lên. Những giọt lạnh chảy từ mặt tôi xuống.

Again I heard the voice. “Come hither, Carl, Graf von Schwartzbau, give utterance to thy desires. Fear nothing.”

Tôi lại nghe giọng nói ấy. “Lại đây, Carl, Bá tước von Schwartzbau, hãy thốt ra những điều ngươi mong muốn. Đừng sợ gì cả.”

I felt my feet being drawn close and yet closer to Elsa’s body.

Tôi cảm thấy chân mình bị kéo đến gần thân thể Elsa, ngày càng gần hơn.

Now I stood looking down upon her, upon that ghastly, distorted countenance, dewed with a pale, shining sweat, sealed with the symbols of the Powers who waited to serve me. I looked, and slowly my terror was drowned by a great tide of understanding which seemed to sweep up from within my own mind. These waiting powers were a very part of myself. Through acknowledging them, accepting and obeying, I would become master of them. All my desires could be gratified: I could become strong and tall, I could have this girl to love and cherish me. The Being we had invoked could give me all I had ever dreamed.

Giờ đây tôi đứng nhìn xuống nàng, nhìn gương mặt ghê rợn, méo mó ấy, đẫm một lớp mồ hôi nhợt nhạt, sáng bóng, được niêm ấn bằng những biểu tượng của các Quyền Lực đang chờ phụng sự tôi. Tôi nhìn, và chậm rãi nỗi kinh hoàng của tôi bị nhấn chìm bởi một làn sóng thấu hiểu lớn lao dường như dâng lên từ chính tâm trí tôi. Những quyền lực đang chờ đợi ấy là một phần thực sự của chính tôi. Qua việc thừa nhận chúng, chấp nhận và tuân theo, tôi sẽ trở thành chủ nhân của chúng. Mọi ham muốn của tôi đều có thể được thỏa mãn: tôi có thể trở nên mạnh mẽ và cao lớn, tôi có thể có cô gái này để yêu tôi và nâng niu tôi. Hữu thể mà chúng tôi đã khẩn cầu có thể cho tôi mọi điều tôi từng mơ ước.

Exultation filled me. I lifted my arms in ecstasy and in a ringing voice cried aloud:

Niềm hân hoan ngây ngất tràn ngập tôi. Tôi giơ hai tay lên trong cơn xuất thần và lớn tiếng kêu vang:

“I desire freedom from this miserable bondage of my misshapen body; I desire that this woman shall love me; I desire that I may be enabled to bring peace and joy to my people, so that I may be beloved by them. I

“Tôi mong được giải thoát khỏi xiềng xích khốn khổ của thân thể dị dạng này; tôi mong người phụ nữ này sẽ yêu tôi; tôi mong mình có thể được giúp để mang bình an và sự hoan hỉ đến cho dân của tôi, để tôi được họ yêu

desire, O you, whosoe'er you be, devil or god, that you give me above all things the secret of happiness."

mến. Hỡi ngươi, bất kể ngươi là ai, quỷ dữ hay thần linh, trên hết mọi sự tôi mong ngươi ban cho tôi bí mật của hạnh phúc."

For a moment I stood there, uplifted by the glory of my own demands. About me was absolute silence; the whole world held its breath and waited.

Trong một khoảnh khắc tôi đứng đó, được nâng lên bởi vinh quang của chính những đòi hỏi của mình. Quanh tôi là sự im lặng tuyệt đối; cả thế giới nín thở và chờ đợi.

The chapel was filled with invisible yet powerful shapes; they pressed upon me, whispering with their soundless voices. My lust, my ambition, my desire for all the gifts of life which had been denied me were like burning chains about my limbs drawing me nearer and nearer the final consummation, drawing me down towards the girl upon the altar. Now my face was touching hers, my hands were upon her breast. At that moment, as if a veil had been withdrawn, her countenance regained all its wonted fair serenity, and like a sharp sword a flash of wild desire leapt from her body into mine. Closer I stooped, the awful weight of my crooked back pressing me lower; every limb ached now with intolerable pain.... To be freel...

Nhà nguyện đầy những hình thể vô hình nhưng đầy quyền lực; chúng ép sát vào tôi, thì thầm bằng những giọng không âm thanh của chúng. Dục vọng của tôi, tham vọng của tôi, khát muốn đối với mọi quà tặng của cuộc đời từng bị từ chối nơi tôi giống như những xiềng xích cháy bỏng quanh tay chân tôi, kéo tôi ngày càng gần sự hoàn tất cuối cùng, kéo tôi xuống phía cô gái trên bàn thờ. Giờ đây mặt tôi chạm vào mặt nàng, tay tôi đặt trên ngực nàng. Ngay lúc ấy, như thể một tấm màn vừa được vén lên, gương mặt nàng lấy lại toàn bộ vẻ tĩnh lặng xinh đẹp thường ngày, và như một thanh gươm sắc, một tia ham muốn cuồng dại phóng từ thân thể nàng vào thân thể tôi. Tôi cúi xuống gần hơn, sức nặng khủng khiếp của cái lưng cong ép tôi hạ thấp hơn nữa; giờ đây mọi chi thể đều đau nhức với nỗi đau không thể chịu nổi.... Được tự do...

Free... free... what were those shapes moving about us? Her eyes looked into mine—strange eyes; they flickered, calling me.... They were not her eyes! Bewildered, dazed, with a supreme effort I tore my own away from that magnetic gaze and glared round, seeking I knew not what in this turmoil of burning darkness which was slowly engulfing me. I perceived the form of Niedhart, arms upraised, his face a quiet mask of triumph; I saw the face of my brother, gazing at Elsa's body with an expression so maddened and bestial, that a pang of horror stabbed me to the heart; for in that instant I knew—I, that one who still watched aloof—that in my own face the same light shone.

Tự do... tự do... những hình thể đang chuyển động quanh chúng tôi là gì? Mắt nàng nhìn vào mắt tôi—đôi mắt lạ lùng; chúng chập chờn, gọi tôi.... Đó không phải là mắt nàng! Hoang mang, choáng váng, với một nỗ lực tối hậu tôi giật mắt mình ra khỏi cái nhìn từ tính ấy và trừng mắt nhìn quanh, tìm kiếm điều gì đó mà tôi không biết trong cơn hỗn loạn của bóng tối rực cháy đang chậm rãi nuốt chửng tôi. Tôi thấy hình dáng Niedhart, hai tay giơ cao, khuôn mặt y là chiếc mặt nạ bình thản của chiến thắng; tôi thấy khuôn mặt của Huynh đệ của Tôi, đang nhìn thân thể Elsa với một biểu hiện điên loạn và thú tính đến mức một mũi dao kinh hoàng đâm thẳng vào tim tôi; vì trong khoảnh khắc ấy tôi biết—tôi, kẻ vẫn còn đứng tách rời quan sát—rằng trên chính khuôn mặt tôi cũng đang chiếu sáng cùng một thứ ánh sáng ấy.

I looked at her again, so white, so still, with

Tôi lại nhìn nàng, trắng đến thế, bất động

those empty, lascivious eyes. Elsa! And suddenly I was shaken with loathing to think of this fair being 1 had known profaned by that Thing which now possessed her. As with a breath my desire was blown out. I was no longer two but one; no more identified with the deformed body, slave to demons, I forgot myself and thought only of her, of how I might yet save her; of my young brother who, wide- eyed, swaying a little, was still gazing as one bereft ot sense, waiting with dreadful eagerness for that to which, I knew, all that had gone before was but a prelude.

đến thế, với đôi mắt trống rỗng, dâm đãng ấy. Elsa! Và đột nhiên tôi bị chấn động bởi sự ghê tởm khi nghĩ đến hữu thể xinh đẹp mà tôi từng biết này bị làm ô uế bởi Cái Vật hiện đang chiếm hữu nàng. Như bị một hơi thở thổi tắt, dục vọng của tôi vụt tắt. Tôi không còn là hai mà là một; không còn đồng hoá với thân thể dị dạng, làm nô lệ cho quỷ dữ, tôi quên mình và chỉ nghĩ đến nàng, đến cách tôi còn có thể cứu nàng; đến em trai trẻ của tôi, mắt mở lớn, hơi lảo đảo, vẫn đang nhìn như kẻ mất trí, chờ đợi với sự háo hức khủng khiếp điều mà, tôi biết, tất cả những gì đã diễn ra trước đó chỉ là khúc dạo đầu.

My arm shot out. Adalbert reeled back outside the circle. The priest shrieked aloud. What happened then, I hardly knew; something rent me from head to foot, disembowelling me, tearing at my brain, flaying my whole body. A roaring filled my ears. I became blind with blood; the whole world was falling upon me. But with a supreme effort from Elsa's breast and hands and feet I swept the symbols; tearing off my cloak I flung it over her, covering her white body as a cloud covers the whiteness of the moon.

Cánh tay tôi vụt vươn ra. Adalbert loạng choạng ngã bật ra ngoài vòng tròn. Vị linh mục thét lên. Điều xảy ra sau đó, tôi hầu như không biết; có cái gì đó xé tôi từ đầu đến chân, moi ruột tôi, xé nát bộ não tôi, lột da toàn thân tôi. Một tiếng gầm rít lấp đầy tai tôi. Tôi mù đi trong máu; cả thế giới đang đổ ập xuống tôi. Nhưng với một nỗ lực tối hậu, tôi quét khỏi ngực, tay và chân Elsa những biểu tượng ấy; giật phăng áo choàng của mình, tôi phủ nó lên nàng, che thân thể trắng của nàng như mây che sắc trắng của mặt trăng.

The earth rocked under my feet, clamorous voices deafened me. Kneeling beside her, with both arms uplifted upon the thick, fetid air I made the sign of the Cross—the only gesture for protection that I knew—and called in a choking whisper upon the name of Christ.

Mặt đất rung chuyển dưới chân tôi, những tiếng nói ầm ĩ làm tôi điếc đặc. Quỳ bên nàng, với cả hai tay giơ lên trong bầu không khí dày đặc, hôi thối, tôi làm dấu Thập Giá—cử chỉ bảo vệ duy nhất mà tôi biết—và trong tiếng thì thầm nghẹn lại, tôi kêu cầu danh Đức Christ.

An appalling darkness fell upon me, yet I saw as through a red veil of blood, Niedhart with foaming mouth battling as if with an unseen adversary, and Adalbert rolling upon the ground with shrill, persistent screams; 1 saw Elsa breathing in long spasms, her eyes closed at last, her head turning from side to side. I dropped across her body, covering her with my arms. Her eyes opened and I saw terror and loathing come into them—but I was glad, for those eyes were once more her own.

Một bóng tối kinh hoàng đổ xuống tôi, nhưng tôi vẫn thấy như qua một tấm màn máu đỏ, Niedhart miệng sùi bọt đang vật lộn như với một đối thủ vô hình, và Adalbert lăn lộn trên mặt đất với những tiếng thét the thé dai dẳng; tôi thấy Elsa thở trong những cơn co giật dài, mắt cuối cùng đã nhắm lại, đầu quay từ bên này sang bên kia. Tôi đổ người lên thân thể nàng, che nàng bằng hai cánh tay mình. Mắt nàng mở ra và tôi thấy trong đó hiện lên nỗi kinh hoàng và ghê tởm—nhưng tôi mừng, vì đôi mắt ấy một lần nữa lại là của chính nàng.

I raised my face, staring into the darkness, and sobbed again and again in my extremity of helplessness: “O Christ, O Christ, have pity!”

Tôi ngẩng mặt lên, nhìn chằm chằm vào bóng tối, và nức nở hết lần này đến lần khác trong tận cùng bất lực của mình: “Ôi Đức Christ, ôi Đức Christ, xin thương xót!”

Presently I was aware of a cool breeze laden with the scent of pines upon my brow; the voice of whispering trees filled the chapel like a benediction. I raised myself slowly and looked round. My brother and the priest had gone. I noticed that the cloak had slipped aside and I replaced it, drawing it up to her chin and covering her bright hair as if protecting her against every evil; but now there was no more need, for the chapel was empty. Elsa still seemed dazed, occasionally giving a faint moan, and I began to consider how I should get her safely to her home. I wished the others had not deserted me.

Rồi tôi cảm thấy một làn gió mát mang hương thông trên trán mình; tiếng cây thì thầm lấp đầy nhà nguyện như một lời chúc lành. Tôi chậm rãi ngẩng lên và nhìn quanh. Huynh đệ của Tôi và vị linh mục đã đi mất. Tôi nhận thấy áo choàng đã tuột sang một bên và tôi kéo lại, phủ lên đến cằm nàng và che cả mái tóc sáng của nàng như thể bảo vệ nàng khỏi mọi điều xấu ác; nhưng giờ đây không còn cần nữa, vì nhà nguyện đã trống không. Elsa dường như vẫn còn choáng váng, thỉnh thoảng khẽ rên, và tôi bắt đầu nghĩ xem phải làm sao đưa nàng về nhà an toàn. Tôi ước gì những người kia đã không bỏ mặc tôi.

While I stood pondering, I became aware of a new sound mingling with the voice of the wind in the forest. It rose and fell, a broken, discordant chant, filled somehow with menace. Stronger it grew, sweeping forward like an approaching storm from the direction of the town. Now I could distinguish loud cries, clamorous shouts—it was the voice of a raging crowd.

Khi đang đứng suy tính, tôi nhận ra một âm thanh mới hòa lẫn với tiếng gió trong rừng. Nó lên xuống, một khúc tụng ca đứt đoạn, chói tai, bằng cách nào đó đầy đe dọa. Nó mạnh dần lên, cuốn tới như một cơn bão đang đến từ phía thị trấn. Giờ đây tôi có thể phân biệt những tiếng kêu lớn, những tiếng hò hét ầm ĩ—đó là tiếng của một đám đông cuồng nộ.

In a flash I had seized Elsa and dragged her from the altar to her feet. Despite her bewildered struggles I fled with her from the chapel towards the thickest part of the undergrowth.

Trong nháy mắt tôi đã chộp lấy Elsa và kéo nàng khỏi bàn thờ đứng dậy. Bất chấp sự vùng vẫy hoang mang của nàng, tôi chạy cùng nàng khỏi nhà nguyện về phía bụi rậm dày nhất.

Now the uproar was upon us, filling the night. As we reached the bushes, the first men of the crowd broke into the clearing.

Giờ đây tiếng huyên náo đã ập đến chúng tôi, lấp đầy màn đêm. Khi chúng tôi đến chỗ bụi cây, những người đầu tiên trong đám đông xông vào khoảng trống.

A wild cry arose, for as she ran the cloak had fallen from her, and her naked body was clearly visible in the darkness.

Một tiếng kêu hoang dại nổi lên, vì khi nàng chạy, áo choàng đã rơi khỏi người nàng, và thân thể trần truồng của nàng hiện rõ trong bóng tối.

“The witch!” they screamed, “the witch! Death to the witch!”

“Phù thủy!” họ gào lên, “phù thủy! Chết cho mụ phù thủy!”

I pushed her behind me and drew my dagger.

Tôi đẩy nàng ra sau lưng mình và rút dao

"Run!" I cried. She fled away. Stumbling among the briars and the bracken, I rushed forward to head them off, but I did not realize that in the confused shadows of the undergrowth I was practically invisible.

A few men set upon me, but even as I fought, I knew with dreadful certainty that Elsa was doomed, for the crowd had broken, and men and women were running through the forest in her wake, still crying: "The witch—the witch! Death to the witch!"

I fought with reckless despair. One man fell; while I engaged another, the third ran after the crowd calling for assistance. I stabbed at my adversary's heart, and the man, falling upon me, bore me to the ground and together we rolled into a ditch. I struck my head upon the stump of a tree and for a few moments lost consciousness.

I was aroused by cries all about me. I struggled but was unable to release myself from the sprawling body of the dead man in that restricted place.

From where I lay, through the bracken I could see the glade above me filled with dark, agitated shapes lit by the smoky glare of torches. The crowd swayed and parted and in the midst of them I saw the white shape of Elsa, drooping between two men. A woman rushed at her, tearing her face with her nails; another followed, for a moment she disappeared, borne down beneath the weight of their venom; then the men dragged her up again: "Leave her," they shouted, "see if she sink or swim! The witch, the witch, to the water with the witch!"

Then I heard her voice raised in agony: "Save me! O, save me! It is not true! Have mercy. O have mercy!"

I struggled frantically to free myself, but nearly fainted again with the agony shooting down my leg; I could not move, nor in the uproar could my hoarse cries be heard.

găm. "Chạy đi!" tôi hét. Nàng chạy. Vấp ngã giữa những bụi gai và dương xỉ, tôi lao tới để chặn họ lại, nhưng tôi không nhận ra rằng trong những bóng tối rối loạn của bụi rậm, tôi hầu như vô hình.

Một vài người xông vào tôi, nhưng ngay cả khi đang chiến đấu, tôi vẫn biết với sự chắc chắn kinh hoàng rằng Elsa đã bị định đoạt, vì đám đông đã tản ra, và đàn ông đàn bà đang chạy xuyên rừng theo dấu nàng, vẫn gào lên: "Phù thủy—phù thủy! Chết cho mụ phù thủy!"

Tôi chiến đấu trong tuyệt vọng liều lĩnh. Một người ngã xuống; khi tôi đang giao đấu với người khác, người thứ ba chạy theo đám đông kêu cứu. Tôi đâm vào tim đối thủ, và người ấy ngã đè lên tôi, kéo tôi ngã xuống đất, cả hai cùng lăn vào một con mương. Tôi đập đầu vào gốc cây và bất tỉnh trong vài khoảnh khắc.

Tôi bị đánh thức bởi những tiếng kêu khắp quanh mình. Tôi vùng vẫy nhưng không thể thoát ra khỏi thân xác cồng kềnh của người chết trong chỗ chật hẹp ấy.

Từ nơi tôi nằm, qua đám dương xỉ, tôi có thể thấy khoảng trống phía trên mình đầy những hình thể đen, náo động, được soi bởi ánh sáng khói mờ của đuốc. Đám đông dập dềnh rồi tách ra, và giữa họ tôi thấy hình dáng trắng của Elsa, rũ xuống giữa hai người đàn ông. Một người đàn bà lao vào nàng, cào rách mặt nàng bằng móng tay; một người khác tiếp theo, trong chốc lát nàng biến mất, bị đè xuống dưới sức nặng của nọc độc họ; rồi những người đàn ông lại kéo nàng dậy: "Để yên nó," họ hét, "xem nó chìm hay nổi! Phù thủy, phù thủy, đem mụ phù thủy ra nước!"

Rồi tôi nghe tiếng nàng cất lên trong đau đớn: "Cứu tôi! Ôi, cứu tôi! Không phải sự thật đâu! Xin thương xót. Ôi xin thương xót!"

Tôi vùng vẫy điên cuồng để tự giải thoát, nhưng gần như lại ngất đi vì cơn đau bắn dọc xuống chân; tôi không thể cử động, và giữa tiếng huyên náo, những tiếng kêu khản đặc của tôi không thể được nghe thấy.

They were dragging her away. I saw a woman pull her head backwards by her long glittering hair; I saw her white face streaked with blood, tipped upward to the sky as if imploring it still for mercy. About her, like fiends themselves, the crowd danced and tossed, ridden by a passion of lust and of destruction as if the evil spirits we had invoked had entered into them. They passed out of my sight. Once, above their clamour, I heard a shrill, despairing scream, then slowly, like the dying of a storm their voices faded into silence.

Họ đang lôi nàng đi. Tôi thấy một người đàn bà giật ngược đầu nàng ra sau bằng mái tóc dài lấp lánh; tôi thấy khuôn mặt trắng của nàng loang máu, ngửa lên trời như vẫn còn van xin lòng thương xót. Quanh nàng, như chính những ác quỷ, đám đông nhảy nhót và xô đẩy, bị cưỡi lên bởi một cơn cuồng nộ của dục vọng và hủy diệt như thể những tà linh mà chúng tôi đã triệu gọi đã nhập vào họ. Họ khuất khỏi tầm mắt tôi. Một lần, vượt lên trên tiếng ồn ào của họ, tôi nghe một tiếng thét the thé tuyệt vọng, rồi chậm rãi, như cơn bão tàn đi, tiếng họ lịm dần vào im lặng.

It was nearly dawn before I succeeded in freeing myself. I stood in the half light uncertainly, wondering whither I could go. I was weak from the blow on the head, my foot was sprained, and there was an agonizing pain in my ribs.

Mãi gần sáng tôi mới thành công tự giải thoát. Tôi đứng trong ánh sáng lờ mờ, bối rối không biết có thể đi đâu. Tôi yếu đi vì cú đánh vào đầu, chân tôi bị bong gân, và có một cơn đau dữ dội nơi xương sườn.

Return to Schwartzbau I dared not; for I believed I had been recognized by the man who had escaped me, and I knew only too well that I would fare no better at the hands of my enraged people thar. Elsa had done.

Tôi không dám trở về Schwartzbau; vì tôi tin rằng mình đã bị người đàn ông thoát khỏi tay tôi nhận ra, và tôi quá hiểu rằng dưới tay dân chúng đang cuồng nộ của mình, tôi sẽ không có kết cục nào khá hơn Elsa.

My only remaining hope was to reach the monastery and claim sanctuary there, at least from that dreadful death.

Niềm hy vọng duy nhất còn lại của tôi là đến được tu viện và xin được trú ẩn ở đó, ít nhất là tránh khỏi cái chết khủng khiếp ấy.

But even while I stood hesitating, I heard in the distance the sound of cries mingling with the deep baying of dogs. They were already out in search of me.

Nhưng ngay cả khi tôi còn đang đứng do dự, tôi đã nghe từ xa tiếng kêu hòa lẫn với tiếng chó sủa vang trầm đục. Họ đã lên đường đi tìm tôi rồi.

I learned that day the helpless terror of all hunted beasts. Down the still forest aisles, through brakes, by untrodden ways of glade and stream they hunted me. Faint with weariness, racked by pain, tortured by fear—not for myself alone but for my brother whose fate I could not guess; haunted by that picture of Elsa borne away by the crowd to a horrible and unmerited death, I stumbled on, desiring the oblivion of death, yet ever fleeing it. I grew gradually weaker. Once, hidden in a ditch, I watched the hunters pass. It was but a league or so to the place of refuge, but ever, it seemed, the way

Ngày hôm đó tôi đã biết nỗi kinh hoàng bất lực của mọi thú vật bị săn đuổi. Dọc theo những lối rừng tĩnh lặng, xuyên qua bụi rậm, theo những lối mòn chưa từng có dấu chân nơi khoảng trống và dòng suối, họ săn đuổi tôi. Kiệt sức vì mệt mỏi, quằn quại vì đau đớn, bị tra tấn bởi sợ hãi—không chỉ cho riêng tôi mà còn cho Huynh đệ của Tôi mà số phận của em tôi không thể đoán được; bị ám ảnh bởi hình ảnh Elsa bị đám đông lôi đi đến một cái chết khủng khiếp và không đáng phải chịu, tôi cứ loạng choạng bước tiếp, mong mỏi sự quên lãng của cái chết, nhưng vẫn luôn chạy trốn nó. Tôi dần dần yếu đi. Có lần, ẩn trong một con mương, tôi nhìn

was barred to me.

những kẻ săn đuổi đi qua. Nơi trú ẩn chỉ còn cách chừng một dặm hay hơn, nhưng dường như con đường đến đó luôn bị chặn lại đối với tôi.

That night I slept among mossy rocks; but towards morning suddenly out of the bushes a great hound sprang, like a nightmare shape, its eyes green fire, its jaws agape. I recognized one of my own hunting dogs and desperately called it by name; but like all the other animals it had always shunned me, and now my scent was not that of a loved master, but merely of the mantle I had dropped and which had been given it. I was borne backwards fighting for my life. Its teeth slit open my cheek; I struck at it blindly with my hunting knife again and again; I hardly knew how I fought free of it.

Đêm đó tôi ngủ giữa những tảng đá phủ rêu; nhưng về gần sáng, đột nhiên từ bụi cây một con chó săn lớn lao ra, như một hình thù ác mộng, mắt nó xanh rực như lửa, hàm ngoác rộng. Tôi nhận ra một trong những con chó săn của chính mình và tuyệt vọng gọi tên nó; nhưng như mọi con vật khác, nó vốn luôn lánh xa tôi, và giờ đây mùi của tôi không phải mùi của một người chủ được yêu mến, mà chỉ là mùi của chiếc áo choàng tôi đã đánh rơi và người ta đã đưa cho nó. Tôi bị hất ngã ngửa ra sau, chiến đấu để giữ mạng sống. Răng nó rạch toạc má tôi; tôi đâm nó mù quáng bằng dao săn hết lần này đến lần khác; tôi hầu như không biết mình đã thoát khỏi nó bằng cách nào.

I staggered on, half fainting. My whole body was torn and bleeding; I held my hand to my injured face and moaned as I went; my eye was a raging furnace of pain. I could not see clearly; bushes struck at me, brambles, wound themselves about my feet; trees barred my path "All nature is against me," I thought stupidly, "I have loved the forests, I have loved the beasts, now they have become my enemies." I felt indeed that I was forsaken of God and that the end must be near.

Tôi loạng choạng bước tiếp, gần như ngất lịm. Toàn thân tôi rách nát và đẫm máu; tôi lấy tay ôm mặt bị thương và rên rỉ khi đi; mắt tôi là một lò lửa đau đớn cuồng nộ. Tôi không thể nhìn rõ; bụi cây quật vào tôi, gai góc quấn lấy chân tôi; cây cối chặn đường tôi. "Toàn thể thiên nhiên đều chống lại tôi," tôi nghĩ một cách đờ đẫn, "tôi đã yêu rừng, tôi đã yêu muông thú, giờ đây chúng đã trở thành kẻ thù của tôi." Quả thật tôi cảm thấy mình bị Thượng đế ruồng bỏ và hồi kết hẳn đã gần kề.

That day was a blur of such memories; but towards evening, looking upward through that mist of blood in which all objects hazily swam, I perceived the buildings of the monastery quite close across a space of grass. I lay within the shelter of the bushes, gazing at those calm, grey walls. Would the monks admit me, accused of sorcery? Would I reach the sanctuary of the Altar in time — and even there would I be safe?

Ngày hôm đó chỉ là một màn mờ của những ký ức như thế; nhưng về chiều, ngước nhìn lên qua màn sương máu trong đó mọi vật lờ mờ trôi nổi, tôi thấy các tòa nhà của tu viện ở rất gần bên kia một khoảng cỏ. Tôi nằm trong chỗ ẩn của bụi cây, nhìn chằm chằm vào những bức tường xám bình lặng ấy. Các tu sĩ có cho tôi vào không, khi tôi bị buộc tội phù thủy? Tôi có đến được nơi nương náu của Bàn thờ kịp lúc không—và ngay cả ở đó tôi có được an toàn không?

As I watched, a postern opened and a monk came out and walked down the slope, shading his eyes from the sinking sun. In a

Khi tôi đang nhìn, một cửa phụ mở ra và một tu sĩ bước ra, đi xuống sườn dốc, lấy tay che mắt trước ánh mặt trời đang lặn. Chỉ trong

moment I had slipped into the building.

khoảnh khắc tôi đã lẻn vào trong tòa nhà.

I gained the chapel. Sigismund was kneeling by the Altar, a few monks gathered about him, deep in prayer. With my hands outstretched I stumbled forward and fell upon my knees at the Altar foot, crying aloud: “Sanctuary! Sanctuary!”

Tôi đến được nhà nguyện. Sigismund đang quỳ bên Bàn thờ, vài tu sĩ tụ quanh ông, chìm sâu trong cầu nguyện. Với hai tay dang ra, tôi loạng choạng tiến lên và quỳ sụp xuống dưới chân Bàn thờ, kêu lớn: “Nơi nương náu! Nơi nương náu!”

For a long while I lay in a cell hovering between life and death. Sigismund and a few brothers sworn to silence nursed me. Only when I had recovered sufficiently did I learn what had happened. Adalbert had escaped by hiding in a hollow tree and reached the castle safely by a secret way. Niedhart, however, had been captured.

Trong một thời gian dài tôi nằm trong một phòng nhỏ, lơ lửng giữa sống và chết. Sigismund và vài huynh đệ đã thề giữ im lặng chăm sóc tôi. Chỉ khi hồi phục đủ, tôi mới biết điều gì đã xảy ra. Adalbert đã trốn thoát bằng cách ẩn trong một thân cây rỗng và đến được lâu đài an toàn bằng một lối bí mật. Tuy nhiên, Niedhart đã bị bắt.

“He was handed over to the secular authorities,” said Sigismund, “and has been burned at the stake for sorcery. They tortured him first to discover the names of his accomplices: he showed great fortitude, he never revealed them. I talked to him much, exhorting him to repentance; myself I held the crucifix before his eyes at the last, thrusting it even into the fire. I pray that his soul was purified indeed in those dreadful flames and that he has been saved from the wrath of God and the pains of the eternally damned.”

“Anh ấy đã bị giao cho chính quyền thế tục,” Sigismund nói, “và đã bị thiêu trên cọc vì tội phù thủy. Trước hết họ tra tấn anh ấy để khám phá tên những kẻ đồng lõa: anh ấy tỏ ra vô cùng kiên cường, không bao giờ tiết lộ họ. Tôi đã nói chuyện với anh ấy rất nhiều, khuyên anh ấy ăn năn; chính tôi đã giơ cây thánh giá trước mắt anh ấy vào phút cuối, thậm chí còn đưa nó vào trong lửa. Tôi cầu nguyện rằng linh hồn anh ấy quả thật đã được thanh lọc trong những ngọn lửa kinh hoàng ấy và rằng anh ấy đã được cứu khỏi cơn thịnh nộ của Thượng đế và những đau đớn của kẻ bị đọa đày vĩnh viễn.”

I groaned. “He was no worse than I; where then shall I find hope? As the dog tore out my eye, so will the devils tear my soul from my body and carry it to perdition.”

Tôi rên lên. “Anh ấy đâu có xấu hơn tôi; vậy thì tôi sẽ tìm thấy hy vọng ở đâu? Như con chó đã xé hỏng mắt tôi, lũ quỷ cũng sẽ xé linh hồn tôi khỏi thể xác và mang nó đến chỗ diệt vong.”

Sigismund smiled then. “They have already done so if the townspeople are to be believed. Since you disappeared it has been rumoured that the devil was seen in person flying with you over the river. But it is as well, perhaps. They can prove nothing definite against you; you were not actually recognized, but you are strongly suspected, and I doubt if you would be safe even here if they knew you were alive. Adalbert they love and will obey, but he is only a boy. There are rumours that Heinrich von Friedfeld, hearing of the

Sigismund mỉm cười. “Nếu tin lời dân thị trấn thì điều đó đã xảy ra rồi. Từ khi anh biến mất, người ta đồn rằng chính quỷ dữ đã được thấy bay cùng anh qua sông. Nhưng có lẽ như thế lại hay. Họ không thể chứng minh điều gì rõ ràng chống lại anh; thực ra anh không bị nhận diện, nhưng bị nghi ngờ rất nặng, và tôi ngờ rằng ngay cả ở đây anh cũng không được an toàn nếu họ biết anh còn sống. Người ta yêu mến Adalbert và sẽ nghe lời cậu ấy, nhưng cậu ấy chỉ là một cậu bé. Có tin đồn rằng Heinrich von Friedfeld, khi

disturbances is already gathering his men on our frontiers."

nghe về những rối loạn này, đã bắt đầu tập hợp người của hắn ở biên giới chúng ta."

"And I can do nothing—all my life's work will be undone." I lay for a little while in silence. "Elsa," I muttered at length, "my lust for her was the cause of everything."

"Và tôi không thể làm gì—mọi công trình của đời tôi sẽ bị phá hỏng." Tôi nằm im lặng một lúc. "Elsa," cuối cùng tôi lẩm bẩm, "dục vọng của tôi đối với nàng là nguyên nhân của tất cả."

Sigismund crossed himself. "And she was innocent—a most foolish child; why she even dropped some hint of her intentions to her mother who came to me after Elsa had gone. I enjoined the most strict silence upon the woman, but alas, she too must have talked indiscreetly. Poor soul, she paid for it; yet as you say, your mad lust was the true cause... Ah, my son, what a sin you have upon your soul!"

Sigismund làm dấu thánh. "Và nàng vô tội—một đứa trẻ hết sức ngốc nghếch; đến nỗi nàng còn buột miệng hé cho mẹ biết đôi chút về ý định của mình, và người mẹ ấy đã đến gặp tôi sau khi Elsa đi rồi. Tôi đã truyền cho người đàn bà ấy phải giữ im lặng tuyệt đối, nhưng than ôi, hẳn bà ấy cũng đã lỡ lời một cách thiếu thận trọng. Tội nghiệp, bà ấy đã phải trả giá cho điều đó; nhưng như anh nói, dục vọng điên cuồng của anh mới là nguyên nhân thật sự... Ôi, con trai ta, tội lỗi anh mang trên linh hồn mình lớn biết bao!"

I turned my head upon my pillow and wept. "I meant no ill to anyone," I said brokenly, "least of all to her. Yet all I do is as accursed; so many have done worse things and for more evil motives, yet have escaped. But I escape nothing. I were better dead than alive."

Tôi quay đầu trên gối và khóc. "Tôi không có ý làm hại ai," tôi nói đứt quãng, "ít nhất là không hại nàng. Thế nhưng mọi điều tôi làm đều như bị nguyền rủa; biết bao người đã làm những điều tệ hơn và với động cơ xấu xa hơn, vậy mà vẫn thoát. Còn tôi chẳng thoát được gì. Tôi thà chết còn hơn sống."

Sigismund shook his head. "That is not true; for although we live but once and our bodies perish, remember the soul is immortal and may be saved from damnation through the sweet pity of our Lord. He may yet give you the opportunity to do penance for your sin so that you go not down alive into hell."

Sigismund lắc đầu. "Điều đó không đúng; vì tuy chúng ta chỉ sống một lần và thể xác chúng ta tiêu tan, hãy nhớ rằng linh hồn là bất tử và có thể được cứu khỏi đọa đày nhờ lòng thương xót dịu ngọt của Chúa chúng ta. Ngài vẫn có thể cho anh cơ hội sám hối tội lỗi mình để anh không phải sống mà sa xuống địa ngục."

I shuddered and answered nothing, listening to the voices of chanting monks rising from the chapel.

Tôi rùng mình và không đáp, lắng nghe tiếng hát tụng của các tu sĩ vọng lên từ nhà nguyện.

Presently I opened my eyes. "You speak truth. I am now determined what I must do. I have heard there is a monastery of Carthusians hidden in the mountains where the rule is more severe than any in Europe; there I shall bury my vile body with my sin. Perchance by penances and scourgings and a life devoted to the mortifying of the flesh, I

Một lúc sau tôi mở mắt. "Ông nói đúng. Giờ tôi đã quyết định mình phải làm gì. Tôi nghe nói có một tu viện Carthusian ẩn trong núi, nơi quy luật còn nghiêm khắc hơn bất cứ nơi nào ở châu Âu; ở đó tôi sẽ chôn vùi thân xác đê tiện này cùng tội lỗi của mình. Biết đâu nhờ sám hối, roi vọt và một đời hiến cho việc hành xác, tôi có thể học cách tiêu diệt cái ác

may learn to destroy this evil which possesses me and so may at last win to pardon."

đang chiếm hữu tôi và như thế cuối cùng đạt đến sự tha thứ."

A few weeks later in the early dawn I stood at the monastery gate ready for my journey. Sigismund and I wept as we embraced. We knew we should never meet again. As I turned away I looked for the last time across the valley to where the little town I loved, encircled by the glittering river, orchards and meadows, climbed to the apex of the castle in which I had been born. It had been God's trust to me—and I felt I had betrayed it. I did not dare look again at Sigismund standing there surrounded by his monks, but bowing my head resolutely set my face towards the mountains.

Vài tuần sau, vào lúc rạng đông, tôi đứng ở cổng tu viện sẵn sàng lên đường. Sigismund và tôi khóc khi ôm nhau. Chúng tôi biết sẽ không bao giờ gặp lại. Khi quay đi, tôi nhìn lần cuối qua thung lũng đến nơi thị trấn nhỏ tôi yêu mến, được dòng sông lấp lánh, vườn cây và đồng cỏ bao quanh, vươn lên đến đỉnh lâu đài nơi tôi đã sinh ra. Đó từng là sự ủy thác của Thượng đế dành cho tôi—và tôi cảm thấy mình đã phản bội nó. Tôi không dám nhìn lại Sigismund đang đứng đó giữa các tu sĩ của ông, mà cúi đầu cương quyết hướng mặt về phía núi non.

.....

.....

What had happened to Carl, I wondered, shut up behind those grim walls with the Trappist monks—he who so desired to work in the world and to turn his dreams of progress and happiness into a reality for his people? I could not believe that he had found there either peace or happiness. But at least now I understood the distaste I had always felt in my present life for the Middle Ages and monasticism; also my almost agonizing pity for anyone ugly or deformed. This was the result of something approaching a state of inner remembrance. As I meditated upon this it became clear to me that many of the likes and dislikes, the fears, emotions and characteristics peculiar to individuals which the psychologists are so busy labelling at the present time, might conceivably not spring from causes generated in this life, but be the reflections of past events precipitated by karmic currents upon the mirror of the mind.

Tôi tự hỏi điều gì đã xảy ra với Carl, bị nhốt sau những bức tường nghiêm lạnh ấy cùng các tu sĩ Trappist—y, người đã tha thiết muốn hoạt động trong thế gian và biến những giấc mơ về tiến hoá và hạnh phúc thành hiện thực cho dân mình? Tôi không thể tin rằng ở đó y đã tìm thấy bình an hay hạnh phúc. Nhưng ít nhất giờ đây tôi hiểu sự chán ghét mà trong đời hiện tại tôi luôn cảm thấy đối với thời Trung Cổ và đời sống tu viện; cũng như lòng thương xót gần như đau đớn của tôi đối với bất cứ ai xấu xí hay dị dạng. Đây là kết quả của một điều gần với trạng thái hồi tưởng nội tâm. Khi tôi tham thiền về điều này, tôi thấy rõ rằng nhiều điều ưa ghét, những nỗi sợ, cảm xúc và đặc tính riêng biệt của từng cá nhân mà các nhà tâm lý học hiện đang bận rộn gán nhãn, rất có thể không phát sinh từ những nguyên nhân được tạo ra trong đời này, mà là những phản chiếu của các biến cố quá khứ được các dòng nghiệp quả ngưng tụ lên tấm gương của trí tuệ.

Was not Carl's idealism due to the fact that some faint light emanating from his past had been able to influence his outlook, making him so spiritually alien to the violent and brutal men of his age? Did not the fascination that magic held for him

Chẳng phải chủ nghĩa lý tưởng của Carl là do một ánh sáng mờ nhạt nào đó phát ra từ quá khứ của y đã có thể ảnh hưởng đến nhãn quan của y, khiến y xa lạ về mặt tinh thần đến thế với những người đàn ông bạo lực và tàn nhẫn của thời đại mình sao? Chẳng phải

mean that intuitively he knew that at one time through magic he had indeed had power to work what might be called miracles? Yet there was still here much that puzzled me. I could understand how, having once chosen to face the creations of my past, it was inevitable that the desires generated then should be resurrected and that consequently my body should reflect this conflict and be open to madness or obsession; but why I should have been given so hideously deformed a shell—why such restrictions should have been laid upon me as to make it almost impossible for me to manifest in the world the qualities which at last appeared to be developing in my consciousness, this I could not explain.

sức mê hoặc mà huyền thuật nắm giữ đối với y có nghĩa là một cách trực giác y biết rằng đã có lúc qua huyền thuật y thực sự có quyền năng làm nên điều có thể gọi là phép lạ sao? Tuy nhiên ở đây vẫn còn nhiều điều khiến tôi bối rối. Tôi có thể hiểu rằng, một khi đã chọn đối diện với những tạo vật của quá khứ mình, thì tất yếu những ham muốn được tạo ra khi ấy sẽ sống lại và do đó thể xác tôi sẽ phản chiếu cuộc xung đột này và mở ra cho điên loạn hay ám nhập; nhưng vì sao tôi lại được ban cho một cái vỏ dị dạng khủng khiếp đến thế—vì sao những hạn chế như vậy lại được đặt lên tôi khiến tôi gần như không thể biểu lộ trong thế gian những phẩm tính rốt cuộc dường như đang phát triển trong tâm thức tôi, điều này tôi không thể giải thích.

The death of Elsa—a child innocent of any crime—also raised seemingly unanswerable questions. She was indeed an example of that apparent inconsistency of Fate which so often seems to punish the innocent and allows the guilty to escape. There was also the strange enmity that the animals felt for Carl. It is usually said that animals can sense the good in what may appear to be the very basest of men, yet Carl was not base or cruel, and he loved them— here was another enigma. But I knew that some definite cause must be as much responsible for this as for Carl's crooked back.

Cái chết của Elsa—một đứa trẻ vô tội không phạm tội gì—cũng nêu lên những câu hỏi dường như không thể trả lời. Quả thật nàng là một ví dụ về sự bất nhất bề ngoài của Số Mệnh, vốn thường dường như trừng phạt người vô tội và để kẻ có tội thoát đi. Cũng còn có sự thù địch kỳ lạ mà các con vật dành cho Carl. Người ta thường nói rằng loài vật có thể cảm nhận điều thiện nơi kẻ có vẻ hèn hạ nhất trong loài người, thế nhưng Carl không hèn hạ hay tàn nhẫn, và y yêu chúng—đây lại là một bí ẩn khác. Nhưng tôi biết hẳn phải có một nguyên nhân xác định chịu trách nhiệm cho điều này cũng như cho cái lưng cong của Carl.

So, desiring enlightenment, I retired to a quiet place and sought, by stilling my mind and attempting to align myself on a higher vibration, to contact my Teacher. For as time went on I was beginning to find that less and less was he descending, as it were, to my level, and only by an increasingly powerful effort on my part could he be reached for guidance and information. Sometimes when for all my efforts I did not receive a response, I felt that he himself was withdrawn in deep meditations on far planes of thought which I could not hope as yet to reach. But this time I was immediately answered.

Vì vậy, mong mỏi giác ngộ, tôi lui đến một nơi yên tĩnh và cố gắng, bằng cách làm lắng dịu trí tuệ mình và cố chỉnh hợp bản thân trên một rung động cao hơn, để tiếp xúc với huấn sư của tôi. Vì theo thời gian, tôi bắt đầu nhận thấy rằng càng lúc càng ít hơn việc ông hạ xuống, có thể nói như vậy, đến cấp độ của tôi, và chỉ bằng một nỗ lực ngày càng mạnh mẽ từ phía tôi thì tôi mới có thể tiếp cận ông để nhận chỉ dẫn và thông tin. Đôi khi, khi dù đã cố gắng hết sức mà tôi vẫn không nhận được đáp ứng, tôi cảm thấy chính ông đang rút vào những cuộc tham thiền sâu xa trên những cõi tư tưởng xa xôi mà tôi chưa thể hy vọng đạt tới. Nhưng lần này tôi được đáp lại ngay lập tức.

"Can you not see," he said, "that the life you led in Greece brought as an inevitable consequence a diseased and deformed body? It is curious how difficult man finds it to apply occult truths to the everyday facts of life! As I have told you, by your thoughts and deeds in one life you build the vehicle which will incorporate your spirit in the next. If you impoverish the constitution of your bodies, you will return with similarly impoverished—or almost moribund—atoms and will have to nurture and develop them afresh. Thus an enfeebled mind is often the result of mental laziness or of intelligence wrongly used, and those who weaken their bodies through excess and perversion may reincarnate deformed, epileptic, with some disease, or some fault in the brain, weakness of will, and inherent tendency to their former vices through which any malignant force from their past can more easily manifest. Vanity also reacts upon the physical vehicle; for the man who lives for his body alone will return a slave to it; a glutton for example, might inherit from his past a faulty digestive system, which applies also to one who has deliberately starved himself through foolish asceticism. Thus people are born into families from whom they can inherit the specific weaknesses they have themselves created by past errors.

"Con không thấy sao," ông nói, "rằng đời sống con đã sống ở Hy Lạp mang đến như một hậu quả tất yếu một thể xác bệnh hoạn và dị dạng? Thật lạ là con người thấy khó biết bao khi áp dụng các chân lý huyền bí học vào những sự kiện thường nhật của đời sống! Như ta đã nói với con, bằng tư tưởng và hành động của mình trong một đời, con xây dựng vận cụ sẽ nhập chứa tinh thần của con trong đời kế tiếp. Nếu con làm nghèo nàn cấu tạo các thể của mình, con sẽ trở lại với những nguyên tử cũng nghèo nàn tương tự—hoặc gần như hấp hối—và sẽ phải nuôi dưỡng và phát triển chúng lại từ đầu. Vì thế một trí tuệ suy nhược thường là kết quả của sự lười biếng trí tuệ hoặc của trí thông minh bị sử dụng sai lạc, và những ai làm suy yếu thể xác mình bằng sự quá độ và lệch lạc có thể tái sinh với dị dạng, động kinh, một chứng bệnh nào đó, hay một khuyết tật trong não bộ, sự yếu đuối của ý chí, và khuynh hướng cố hữu hướng về những tật xấu cũ của họ, qua đó bất kỳ mãnh lực ác hại nào từ quá khứ của họ cũng có thể biểu lộ dễ dàng hơn. Tính hư vinh cũng phản ứng lên vận cụ hồng trần; vì người chỉ sống cho thể xác mình sẽ trở lại làm nô lệ cho nó; chẳng hạn một kẻ tham ăn có thể thừa hưởng từ quá khứ một hệ tiêu hóa khiếm khuyết, điều này cũng áp dụng cho người đã cố ý bỏ đói mình vì lối khổ hạnh ngu xuẩn. Vì vậy con người sinh vào những gia đình mà từ đó họ có thể thừa hưởng những điểm yếu đặc thù do chính họ tạo ra bởi những lỗi lầm quá khứ.

"You began such a physically destructive process in Persia and continued it, although on different lines, in Greece. These two lives made your bodies so deficient in the pure, vital forces necessary to build a strong constitution that poor Carl was the result."

"Con đã bắt đầu một tiến trình hủy hoại thể chất như thế ở Ba Tư và tiếp tục nó, dù theo những đường lối khác, ở Hy Lạp. Hai đời sống này đã làm cho các thể của con thiếu hụt đến mức những mãnh lực thuần khiết, thiết yếu cần để xây dựng một thể chất mạnh mẽ, nên Carl tội nghiệp là kết quả."

"But didn't I come back between Greece and the Middle Ages?" I asked, "it seems a long interval."

"Nhưng chẳng phải con đã trở lại giữa thời Hy Lạp và thời Trung Cổ sao?" tôi hỏi, "dường như là một khoảng cách rất dài."

"There is no fixed interval, it is a matter of the soul's needs. But in your case several attempts were made to build a body strong

"Không có khoảng cách cố định, đó là vấn đề thuộc nhu cầu của linh hồn. Nhưng trong trường hợp của con, đã có nhiều cố gắng

enough to deal, without too much risk, with those destructive forces which still stood in your path; but you were too handicapped by that impoverishment of your atoms of which I have spoken. You incarnated as a Roman, but the body was too weak to serve your ends, so you quickly abandoned it. You made the attempt again several times but each was a failure; you either died stillborn or did not survive for any length of time. At last you sought the East and came through parents who, having studied Hatha Yoga were enabled to render you more assistance than any Western parents could have done. You later studied this form of yoga yourself and, although unfortunately the evil forces within were too strong for you and you failed in that life to accomplish your purpose, you did learn enough to enable you to incarnate as Carl, who, despite all his weakness, was yet strong enough to face and grapple with these forces at last.

được thực hiện để xây dựng một thể xác đủ mạnh nhằm đối phó, không quá nhiều rủi ro, với những mãnh lực hủy diệt vẫn còn đứng trên đường con; nhưng con bị cản trở quá nặng bởi sự nghèo nàn của các nguyên tử mà ta đã nói. Con nhập thể làm một người La Mã, nhưng thể xác quá yếu để phục vụ mục đích của con, nên con nhanh chóng từ bỏ nó. Con lại thử nhiều lần nữa nhưng mỗi lần đều thất bại; hoặc con chết non khi mới sinh, hoặc không sống được bao lâu. Cuối cùng con tìm đến phương Đông và đến qua những cha mẹ, những người nhờ đã học Hatha Yoga nên có thể giúp con nhiều hơn bất kỳ cha mẹ phương Tây nào có thể làm. Về sau chính con cũng học hình thức yoga này và, dù đáng tiếc là các mãnh lực ác bên trong quá mạnh đối với con và con đã thất bại trong đời đó không hoàn thành được mục đích, con vẫn học đủ để có thể nhập thể thành Carl, người mà dù với tất cả sự yếu đuối của mình, vẫn đủ mạnh để cuối cùng đối diện và vật lộn với những mãnh lực ấy.

"So now perhaps you see more clearly the necessity to seek behind appearances for the answer to all these questions which so trouble the more thoughtful. If you meditate carefully upon this particular life you will find that many problems will be resolved. This is why it has been shown you in such detail. Take such a case as Elsa's which I know has been causing you much concern. She appeared innocent enough, as indeed in her personality she was. But in many incarnations she had used magical means to attain her ends. What is more, in one of them she had initiated so-called religious persecutions thus being the cause of death to many. She needed to experience the terror of death at the hands of a mob. Vanity largely impelled her to the act which was the direct cause of this particular disaster; but had she not had this evil past she would have escaped the horror of such an end, even as Adalbert did who found a place of refuge and you, who had further lessons to learn and were trapped in a ditch until your way was comparatively clear."

"Vì vậy giờ đây có lẽ con thấy rõ hơn sự cần thiết phải tìm đằng sau vẻ ngoài câu trả lời cho mọi câu hỏi làm những người suy tư hơn phải bối rối đến thế. Nếu con tham thiền cẩn thận về đời sống đặc biệt này, con sẽ thấy nhiều vấn đề được giải quyết. Đó là lý do vì sao nó đã được cho con thấy chi tiết đến vậy. Hãy lấy trường hợp Elsa mà ta biết đã khiến con rất bận lòng. Nàng có vẻ đủ vô tội, và quả thật trong phàm ngã nàng là như thế. Nhưng trong nhiều lần nhập thể nàng đã dùng những phương tiện huyền thuật để đạt mục đích. Hơn nữa, trong một đời nàng đã khởi xướng những cuộc bách hại được gọi là tôn giáo, do đó gây ra cái chết cho nhiều người. Nàng cần phải trải nghiệm nỗi kinh hoàng của cái chết dưới tay một đám đông. Tính hư vinh phần lớn đã thúc đẩy nàng đến hành động là nguyên nhân trực tiếp của tai họa đặc biệt này; nhưng nếu nàng không có quá khứ xấu ác ấy, nàng đã thoát khỏi sự khủng khiếp của một kết cục như vậy, cũng như Adalbert đã thoát khi tìm được nơi trú ẩn và con, người còn phải học thêm những bài học khác, đã bị mắc kẹt trong một con mương cho đến khi đường đi của con tương đối

quang hơn."

"But the animals—why did that dog injure me—or was that just chance? Yet they all hated me...."

"Nhưng còn loài vật—vì sao con chó ấy làm bị thương con—hay đó chỉ là ngẫu nhiên? Thế nhưng tất cả chúng đều ghét tôi...."

"Look back; had you not injured the animal kingdom in Atlantis? You exploited them too in other lives you have not been shown as you could hardly stand the strain and there is no real cause why you should remember them. But I need only tell you that you were cruel and brutal—you killed for sadistic lust or out of sheer indifference. The animal kingdom also has a 'soul', though of another nature to that of man, and impressions of cruelty made upon it remain. Because of what you had done to it, there would be discord and destruction between you and that Kingdom until you, being man and therefore pledged to serve and help in the evolution of your younger brethren, succeeded in adjusting the karmic unbalance.

"Hãy nhìn lại; chẳng phải con đã làm tổn hại giới động vật ở Atlantis sao? Con cũng đã khai thác chúng trong những đời khác mà con chưa được cho thấy vì con khó lòng chịu nổi sức căng ấy và không có lý do thực sự nào để con phải nhớ chúng. Nhưng ta chỉ cần nói với con rằng con đã tàn nhẫn và hung bạo—con giết vì dục vọng bạo dâm hoặc vì sự điềm nhiên thuần túy. Giới động vật cũng có một 'linh hồn', dù thuộc bản chất khác với linh hồn con người, và những ấn tượng của sự tàn ác gây lên nó vẫn còn lưu lại. Vì những gì con đã làm với nó, sẽ có bất hòa và hủy diệt giữa con và giới ấy cho đến khi con, là con người và do đó đã cam kết phụng sự và trợ giúp trong sự tiến hoá của những huynh đệ trẻ hơn mình, thành công trong việc điều chỉnh sự mất cân bằng nghiệp quả.

"Whatever Kingdom of nature you injure, pervert or exploit you will at some time have to reconcile to yourself through love and service. Until you do there will be enmity between you; its members will be inimical—not deliberately but because you have placed yourself in opposition to them and therefore your vibrations strike a discord with theirs.

"Bất cứ giới nào trong thiên nhiên mà con làm tổn hại, làm lệch lạc hay khai thác, đến một lúc nào đó con sẽ phải hòa giải với chính mình bằng tình thương và phụng sự. Cho đến khi con làm được điều đó, sẽ có sự thù địch giữa con và giới ấy; các thành viên của nó sẽ đối nghịch với con—không phải cố ý mà vì con đã đặt mình vào thế đối lập với chúng và do đó các rung động của con tạo nên sự bất hòa với rung động của chúng.

"The death of Niedhart was the direct result of the perversion by him of the element of fire in the past.

"Cái chết của Niedhart là kết quả trực tiếp của việc ông ta làm lệch lạc nguyên tố lửa trong quá khứ.

"Thus you see that the idea prevalent in the Middle Ages of the purification of the sinner by fire or water had in it an element of truth: for a certain residue of the ancient wisdom had percolated through from the past into that age, but naturally in a totally distorted form. The medieval Church in its ignorance of the law of Karma arrogated to itself the right to impose an entirely erroneous purification upon those it chose to regard as sinners. In consequence those who were

"Vì vậy con thấy rằng ý tưởng phổ biến trong thời Trung Cổ về sự thanh lọc kẻ tội lỗi bằng lửa hay nước có trong nó một yếu tố chân lý: vì một phần cặn dư của minh triết cổ xưa đã thấm lọc từ quá khứ vào thời đại ấy, nhưng dĩ nhiên dưới một hình thức hoàn toàn méo mó. Giáo hội trung cổ, trong sự vô minh của mình đối với định luật nghiệp quả, đã tự cho mình quyền áp đặt một sự thanh lọc hoàn toàn sai lầm lên những người mà họ chọn xem là tội nhân. Hậu quả là những ai góp

instrumental in causing the death of men and women in this way brought upon themselves the same condemnation, as He whom they professed to worship had predicted when He said: 'By what judgement ye mete it shall be meted to you again.'

phần gây nên cái chết của những người nam và nữ theo cách này đã chuốc lấy trên chính mình cùng một sự kết án, như Đấng mà họ xưng là thờ phụng đã tiên báo khi Ngài nói: 'Các ngươi đong bằng đấu nào thì sẽ bị đong lại bằng đấu ấy.'

"Some of these inquisitors and other churchmen were definitely allied with the forces of the Left Hand Path and were merely indulging their sadistic and perverted appetites in torturing their victims; but many also were upright men who were blinded by ignorance and confused by the mental atmosphere of the age in which they lived.

"Một số những kẻ tra khảo này và những giáo sĩ khác quả thật liên minh với các mãnh lực của tả đạo và chỉ đơn thuần buông mình theo những thèm khát bạo dâm và lệch lạc khi tra tấn nạn nhân; nhưng cũng có nhiều người là những người ngay chính bị làm mù bởi vô minh và bị làm rối loạn bởi bầu khí trí tuệ của thời đại họ sống.

"Numbers of these latter are reincarnating now, for instance those scientists who are risking their lives experimenting, for the benefit of their fellow-men, with subtle forms of energy which will eventually be used to cure most of the ills of humanity. These men, compelled by an inner urge are, although they know it not, endeavouring to pay back some of their ancient debts by learning to work with the elements as healing agents instead of destructive ones. Many of them are called upon to make the uttermost sacrifice and sustain injuries in the process so that ultimately their bodies are destroyed by the same element they once used upon others. This is a form of purification.

"Nhiều người trong số nhóm sau hiện đang tái sinh, chẳng hạn những nhà khoa học đang liều mạng thí nghiệm, vì lợi ích của đồng loại mình, với những dạng năng lượng vi tế mà cuối cùng sẽ được dùng để chữa phần lớn bệnh tật của nhân loại. Những người này, bị thúc đẩy bởi một thôi thúc bên trong, dù không biết điều đó, đang cố gắng trả lại một phần những món nợ xưa bằng cách học làm việc với các nguyên tố như những tác nhân chữa lành thay vì hủy diệt. Nhiều người trong số họ được kêu gọi thực hiện sự hi sinh tột cùng và chịu thương tích trong tiến trình ấy để cuối cùng thể xác họ bị hủy diệt bởi chính nguyên tố mà xưa kia họ đã dùng lên người khác. Đây là một hình thức thanh lọc.

"But of course there are many other people, not yet sufficiently evolved to make such an effort to work constructively with these forms of energy, who expiate the past by contacting the destructive might of fire, air, water or earth. At this period in which you now live an intense effort is being made by advancing souls to undertake these readjustments with the elemental kingdoms, as a few moment's consideration of present conditions will prove to you. Thus does the Law fulfil itself in all things, perfectly and without the possibility of evasion. Nothing is fortuitous; if man could but see into the past he would understand the cause for even the most glaring apparent

"Nhưng dĩ nhiên còn có nhiều người khác, chưa tiến hoá đủ để thực hiện một nỗ lực như thế nhằm làm việc một cách xây dựng với các dạng năng lượng này, chuộc lại quá khứ bằng cách tiếp xúc với sức mạnh hủy diệt của lửa, khí, nước hay đất. Trong giai đoạn mà con hiện đang sống, một nỗ lực mãnh liệt đang được các linh hồn tiến bộ thực hiện để đảm nhận những sự điều chỉnh lại này với các giới hành khí, như chỉ cần suy xét vài phút về các điều kiện hiện tại cũng sẽ chứng minh cho con. Như thế Định luật tự hoàn thành trong mọi sự, hoàn hảo và không có khả năng trốn tránh. Không có gì là ngẫu nhiên; nếu con người có thể nhìn vào quá khứ, y sẽ hiểu nguyên nhân của ngay cả những sự sai lệch

miscarriages of justice."

"But what seems to me the worst injustice of all," I said, "is that man is allowed to stumble on in the dark, not remembering. If he recalled the past and the mistakes he had made, he would never repeat them, as we all do. Who would be cruel, violent and insatiably ambitious if he could remember the Karma such acts had brought on him before? With conscious memory of the past man would surely make an instant advance in virtue and wisdom."

He smiled then. "He might—for a while; but it would be from fear alone, thus such progress would last only for as long as the emotional urge to repeat the mistake was not too overwhelming. Then he would conveniently forget, or would imagine that this time he would somehow evade the consequences. No, no; progress does not come through fear of the Law, as I have already tried to show you, only through change of heart. While a man is still slave to his emotions he will commit any foolishness —for he is driven by something stronger than reason. Consider a moment: have you never, in this life, made the same mistake twice? Have you taken every lesson experience has brought you to heart and applied it? I do not think so.

"It is no more necessary that you should be burdened by the remembrance of all the events by which you gained the qualities which make you what you are, than that you should keep in your consciousness every detailed hour of your school life and all the childish episodes in which you were taught the commonplace decencies of life. It would do you no good to live perpetually in such a lumber- house. But actually, as you know well, nothing is forgotten. Man's unconscious mind is that lumber-house of rejected memories while his super-conscious holds, as it were, the inventory of it all and the key to the right utilization of everything there, however small and unregarded. For acts are, after all, but causes;

công lý bề ngoài trắng trợn nhất."

"Nhưng điều đối với con dường như là bất công tệ hại nhất," tôi nói, "là con người được phép mò mẫm trong bóng tối mà không nhớ. Nếu y nhớ lại quá khứ và những sai lầm mình đã phạm, y sẽ không bao giờ lặp lại chúng, như tất cả chúng ta vẫn làm. Ai sẽ còn tàn nhẫn, bạo lực và tham vọng vô độ nếu y có thể nhớ nghiệp quả mà những hành động ấy trước kia đã mang đến cho mình? Với ký ức có ý thức về quá khứ, hẳn con người sẽ lập tức tiến một bước lớn trong đức hạnh và minh triết."

Lúc ấy ông mỉm cười. "Có thể—trong một thời gian; nhưng chỉ vì sợ hãi mà thôi, nên sự tiến bộ ấy sẽ chỉ kéo dài chừng nào thôi thúc cảm xúc lặp lại sai lầm chưa quá áp đảo. Rồi y sẽ thuận tiện quên đi, hoặc tưởng rằng lần này bằng cách nào đó y sẽ tránh được hậu quả. Không, không; tiến bộ không đến nhờ sợ Định luật, như ta đã cố chỉ cho con thấy, mà chỉ nhờ sự thay lòng đổi dạ. Chừng nào con người còn là nô lệ của cảm xúc mình, y sẽ phạm bất cứ điều ngu xuẩn nào—vì y bị thúc đẩy bởi một cái gì mạnh hơn lý trí. Hãy suy nghĩ một chút: trong đời này con chưa từng phạm cùng một sai lầm hai lần sao? Con đã ghi lòng và áp dụng mọi bài học mà kinh nghiệm mang đến cho con chưa? Ta không nghĩ vậy.

"Con không cần phải bị đè nặng bởi ký ức về mọi biến cố nhờ đó con đạt được những phẩm tính làm nên con người hiện nay của con, cũng như con không cần phải giữ trong tâm thức mình từng giờ chi tiết của đời học sinh và mọi giai thoại trẻ con trong đó con được dạy những phép tắc thông thường của cuộc sống. Sống mãi trong một nhà kho chất đống như thế chẳng ích gì cho con. Nhưng thật ra, như con biết rõ, không có gì bị quên. Tâm trí vô thức của con người là nhà kho của những ký ức bị loại bỏ ấy, trong khi siêu thức của y nắm giữ, có thể nói như vậy, bản kiểm kê của tất cả và chìa khóa cho việc sử dụng đúng đắn mọi thứ ở đó, dù nhỏ bé và bị bỏ quên đến đâu. Vì rốt cuộc các hành động chỉ là nguyên nhân; điều quan trọng là *kết quả*

it is the *result* of these causes, the man as he A, that matters.

"Moreover, as you yourself felt after contacting your Atlantean life, if the average man could recall all the mistakes, tragedies, losses, and crimes of his past he would, as like as not, spend all his present brooding upon them and would soon become unfitted to deal with the problems he was brought into the world again to solve. Remember also, a man—more particularly one who is unevolved— takes colour from the age in which he lives and the actual facts of the past would not help him much to deal with facts in the present. There have, indeed, been people who, having brought over the faculty of contacting their past incarnations, without the balance and discrimination necessary to counteract the dangerous effect this clear knowledge can have upon the mind, have wasted the whole of a valuable life in dwelling upon past splendours, thus compensating themselves for present deficiencies instead of seeking to remedy them.

"To return to Carl. His life as such was almost more than he could endure; it would have overwhelmed him— probably sent him mad—to recall the past, for at that time there would have been no one capable of explaining the meaning of those memories to him. Yet the past was there—in him. That was enough.

"You have already remarked upon the fact that impressions from the past were beginning to affect Carl's personality with increasing frequency and strength. That was due to the fact that your Higher Self—the true God within who *knows*—was becoming able to impress its personalities with its own undying memory. That memory is what men call conscience. But its voice cannot be heard through the turmoil of the senses, until its instrument—the body—is sufficiently refined and controlled. Thus in some men the voice is unheard, in others it is a clarion call which the personality dare not

của những nguyên nhân ấy, con người như hiện nay y là.

"Hơn nữa, như chính con đã cảm thấy sau khi tiếp xúc với đời sống Atlantis của mình, nếu con người trung bình có thể nhớ lại mọi sai lầm, bi kịch, mất mát và tội ác của quá khứ mình, rất có thể y sẽ dành trọn hiện tại để ủ ê về chúng và chẳng bao lâu sẽ trở nên không thích hợp để giải quyết những vấn đề mà y đã được đưa trở lại thế gian để giải quyết. Cũng hãy nhớ rằng một con người—đặc biệt là người chưa tiến hoá—chịu màu sắc của thời đại mình sống và những sự kiện thực tế của quá khứ sẽ không giúp y được bao nhiêu trong việc xử lý những sự kiện ở hiện tại. Quả thật đã có những người, do mang theo khả năng tiếp xúc với các lần nhập thể quá khứ của mình, nhưng không có sự quân bình và phân biện cần thiết để hóa giải tác động nguy hiểm mà tri thức rõ ràng này có thể gây lên trí tuệ, đã lãng phí trọn một đời sống quý giá trong việc đắm chìm vào những huy hoàng quá khứ, nhờ đó tự bù đắp cho những thiếu hụt hiện tại thay vì tìm cách sửa chữa chúng.

"Trở lại với Carl. Đời sống của y với tư cách ấy gần như đã quá sức chịu đựng của y; việc nhớ lại quá khứ hẳn đã nhấn chìm y—có lẽ khiến y phát điên—vì vào thời đó sẽ không có ai có khả năng giải thích cho y ý nghĩa của những ký ức ấy. Tuy nhiên quá khứ vẫn ở đó—trong y. Như thế là đủ.

"Con đã nhận xét về sự kiện rằng những ấn tượng từ quá khứ bắt đầu ảnh hưởng đến phàm ngã của Carl với tần suất và sức mạnh ngày càng tăng. Điều đó là do Chân ngã của con—Thượng đế chân thực bên trong, Đấng *biết*—đang trở nên có khả năng gây ấn tượng lên các phàm ngã của mình bằng ký ức bất diệt của chính nó. Ký ức ấy là điều con người gọi là lương tâm. Nhưng tiếng nói của nó không thể được nghe thấy qua sự náo động của các giác quan cho đến khi khí cụ của nó—thể xác—được tinh luyện và kiểm soát đầy đủ. Vì vậy ở một số người tiếng nói ấy không được nghe thấy, còn ở những người khác nó là một tiếng kèn vang dội mà phàm ngã

disobey.

“As man evolves, the closer becomes this *rapport* between the personality and the Higher Self, and consequently the more clearly can experiences from the past be related to similar occurrences in the present; for sensations reoccur upon identical vibrations, thereby stimulating memory. Thus when past and present become very closely associated, inevitably this acts as a magnet, drawing causes out of latency, so to speak; which automatically bring debts up from that particular past for settlement. Here is another good reason why men should not be permitted to recall their past lives at will; it is too dangerous, for it may precipitate Karma upon them for which they are not ready and with which it may not be desirable that they should as yet attempt to deal.

“In Carl’s case this closer contact between the higher and the lower selves inevitably stimulated those powerful forces of black magic still untransmuted within him, for any intense effort in one direction always arouses a compensating opposition—that is the Law of Equilibrium. Action will cause reaction at all levels. Man, upon the physical plane will only cease to suffer from these repercussions when the mystery of how to balance the pairs of opposites is better understood. This conflict was portrayed in Carl through the alternating obsessions and strivings towards good and progress. Through the magnetic currents of his past he met again one with whom he had worked in Atlantis—one who had also struggled along the Path of Return, but had not yet quite reached the same stage as himself. Yet it is significant that this time even while Carl invoked again the forces of evil, he finally rejected them, inspired by the voice within.

Thus the victory was his, but for that invocation he had to pay in much mental anguish and by losing some of the ground he had already won.”

không dám bất tuân.

“Khi con người tiến hoá, sự tương thông này giữa phàm ngã và Chân ngã càng trở nên gần gũi hơn, và do đó những kinh nghiệm từ quá khứ càng có thể được liên hệ rõ ràng hơn với những sự việc tương tự trong hiện tại; vì các cảm giác tái diễn trên những rung động đồng nhất, nhờ đó kích thích ký ức. Vì vậy khi quá khứ và hiện tại trở nên gắn kết rất chặt chẽ, tất yếu điều này tác động như một nam châm, có thể nói như vậy, kéo các nguyên nhân ra khỏi trạng thái tiềm ẩn; và điều đó tự động đưa những món nợ từ quá khứ đặc biệt ấy lên để thanh toán. Đây là một lý do tốt khác vì sao con người không nên được phép nhớ lại các đời sống quá khứ của mình theo ý muốn; điều đó quá nguy hiểm, vì nó có thể ngưng tụ nghiệp quả lên họ khi họ chưa sẵn sàng và khi có thể chưa nên để họ cố gắng xử lý.

“Trong trường hợp của Carl, sự tiếp xúc gần hơn này giữa phàm ngã cao và thấp tất yếu đã kích thích những mãnh lực hắc thuật mạnh mẽ vẫn chưa được chuyển hoá bên trong y, vì bất kỳ nỗ lực mãnh liệt nào theo một hướng cũng luôn khơi dậy một sự đối kháng bù trừ—đó là Định luật Quân Bình. Hành động sẽ gây phản ứng ở mọi cấp độ. Con người trên cõi hồng trần sẽ chỉ ngừng chịu khổ vì những phản chấn này khi bí nhiệm về cách quân bình các cặp đối nghịch được thấu hiểu tốt hơn. Cuộc xung đột này đã được biểu lộ nơi Carl qua những cơn ám nhập xen kẽ với những nỗ lực hướng thiện và tiến bộ. Qua các dòng từ tính của quá khứ mình, y lại gặp một người mà y đã từng cùng làm việc ở Atlantis—một người cũng đã vật lộn trên Con Đường Trở Về, nhưng chưa hoàn toàn đạt đến cùng giai đoạn như y. Tuy nhiên điều đáng chú ý là lần này, ngay cả khi Carl lại khẩn cầu các mãnh lực ác, cuối cùng y vẫn từ chối chúng, được truyền cảm hứng bởi tiếng nói bên trong.

“Vì vậy chiến thắng thuộc về y, nhưng cho sự khẩn cầu ấy y đã phải trả giá bằng nhiều thống khổ trí tuệ và bằng việc đánh mất một phần nền đất mà y đã giành được.”

“What happened in the monastery?” I asked, “what was his end?”

“He lived a life of great austerity and penance, doing battle with those entities which had obsessed him hitherto and which had naturally been strengthened through his lapse into black magic. It was a most undesirable waste of life, for had he only been patient and not sought to hasten events by taking short cuts through forbidden ways, he would have gained eventually the love and fealty of his people. Opportunities were awaiting him in the near future. Through his natural gifts in strategy acquired in Egypt, he could have finally defeated Heinrich von Friedfeld, earned the admiration of his soldiers and increased the happiness and security of the population.

“Moreover, shortly after his flight, the plague broke out, followed by famine. Through his foresight and a certain knowledge of healing acquired in a life which you have not contacted, Carl would have been able to bring great benefits to his people. As it was he merely built around himself a fresh set of difficulties for his next life and acquired a mental equipment compact of erroneous concepts, of fears and of hysterical regrets. In those long years among the Trappists, brooding morbidly over his sins, he so influenced his subtle bodies that in his next incarnation he returned obsessed by that abnormal sense of guilt so characteristic of the churchmen of the day, accentuated in his case by an exaggerated fear of sex, since it was through lust for a woman he had fallen.

“Consequently your lower nature was unbalanced and torn by conflict. You incarnated therefore in a country and at a time best calculated to resolve that dualism by giving you experiences which could assist you to achieve a more rational outlook.”

“Điều gì đã xảy ra trong tu viện?” tôi hỏi, “kết cục của y ra sao?”

“Y đã sống một đời khổ hạnh và sám hối lớn lao, chiến đấu với những thực thể đã ám nhập y cho đến lúc đó và dĩ nhiên đã được tăng cường qua sự sa ngã của y vào hắc thuật. Đó là một sự lãng phí đời sống hết sức đáng tiếc, vì nếu y chỉ kiên nhẫn và không tìm cách thúc ép sự việc bằng cách đi đường tắt qua những lối bị cấm, cuối cùng y đã giành được tình thương và lòng trung thành của dân mình. Những cơ hội đang chờ y trong tương lai gần. Nhờ những thiên phú tự nhiên về chiến lược có được ở Ai Cập, cuối cùng y có thể đã đánh bại Heinrich von Friedfeld, giành được sự ngưỡng mộ của binh lính và gia tăng hạnh phúc cùng an ninh cho dân chúng.

“Hơn nữa, không lâu sau cuộc trốn chạy của y, bệnh dịch bùng phát, tiếp theo là nạn đói. Nhờ tầm nhìn xa và một hiểu biết nhất định về trị liệu có được trong một đời mà con chưa tiếp xúc, Carl đã có thể mang lại lợi ích lớn cho dân mình. Nhưng thực tế y chỉ xây quanh mình một tập hợp khó khăn mới cho đời kế tiếp và thu nhận một bộ máy trí tuệ kết chặt bởi những quan niệm sai lầm, những nỗi sợ và những hối tiếc cuồng loạn. Trong những năm dài giữa các tu sĩ Trappist ấy, ủ ê bệnh hoạn về tội lỗi mình, y đã tác động lên các thể vi tế của mình đến mức trong lần nhập thể kế tiếp y trở lại bị ám bởi cảm giác tội lỗi bất thường rất đặc trưng của giới giáo sĩ thời đó, trong trường hợp của y còn bị nhấn mạnh bởi nỗi sợ tình dục quá mức, vì chính qua dục vọng đối với một người đàn bà mà y đã sa ngã.

“Do đó bản chất thấp của con bị mất quân bình và bị xé nát bởi xung đột. Vì vậy con đã nhập thể vào một đất nước và một thời điểm được tính toán thích hợp nhất để giải quyết tính nhị nguyên ấy bằng cách cho con những kinh nghiệm có thể giúp con đạt được một nhãn quan hợp lý hơn.”

CHAPTER VI—CHƯƠNG VI
ITALY—NƯỚC Ý

"You were born," my teacher continued, "in Florence at the time of the Renaissance. Your desire to contact again and thus to renew in yourself the best qualities of the ancient Greeks after your sojourn in the Dark Ages precipitated into your make-up forces in harmony with that age of enlightenment; you were therefore incarnated in a period in which much of the Greek wisdom was being rediscovered and men were seeking, however inadequately, to adjust their outlook in conformity with those half-forgotten traditions and ideals.

"Con đã sinh ra," huấn sư của tôi tiếp tục, "ở Florence vào thời Phục Hưng. Khát vọng của con muốn tiếp xúc lại và nhờ đó làm mới trong chính mình những phẩm tính tốt đẹp nhất của người Hy Lạp cổ sau thời gian con sống qua Thời Đại Tăm Tối đã ngưng tụ vào cấu tạo của con những mãnh lực hòa hợp với thời đại giác ngộ ấy; vì vậy con đã nhập thể vào một giai đoạn trong đó phần lớn minh triết Hy Lạp đang được tái khám phá và con người đang tìm cách, dù còn rất thiếu sót, điều chỉnh nhãn quan của mình cho phù hợp với những truyền thống và lý tưởng nửa bị quên lãng ấy.

"Being, as I have said, weakened by reason of the conflicting influences brought over from your monastic experience, you were of a moody, vacillating temperament, with no definite sense of direction and much given to extremes. Half of you—that related to the reincarnated Greek—was passionate and sensuous, worshipping beauty in every form, yearning after all the pagan wonders with which Italy was being flooded. For dormant memories were stirred in you by every fresh discovery, and this being so it was inevitable that art, sculpture and the teachings of the philosophers should affect you profoundly, since they were symbols—albeit unrecognized ones—of the perfection you had lost there. Thus these shapes of beauty and these words of wisdom stirred in you the desire for some vague but transcendental ideal of which you felt anything related to this past was somehow the partial reflection.

"Vì, như ta đã nói, bị suy yếu do những ảnh hưởng xung đột mang theo từ kinh nghiệm tu viện của con, con có một khí chất u uất, dao động, không có ý thức định hướng rõ rệt và rất dễ đi đến cực đoan. Một nửa con—phần liên hệ với người Hy Lạp tái sinh—đầy đam mê và nhục cảm, tôn thờ cái đẹp dưới mọi hình thức, khao khát mọi kỳ diệu ngoại giáo đang tràn ngập nước Ý. Vì những ký ức ngủ yên được khuấy động trong con bởi mỗi khám phá mới, và như vậy tất yếu nghệ thuật, điêu khắc và giáo huấn của các triết gia đã tác động sâu sắc lên con, vì chúng là những biểu tượng—dù không được nhận ra—của sự hoàn hảo mà con đã đánh mất ở đó. Vì vậy những hình tướng đẹp đẽ này và những lời minh triết ấy đã khơi dậy trong con khát vọng về một lý tưởng nào đó mơ hồ nhưng siêu việt mà con cảm thấy bất cứ điều gì liên hệ với quá khứ ấy bằng cách nào đó đều là phản chiếu từng phần.

"This was one side of your nature; but as so often happens to those who have been monks or priests in past incarnations, there was another side which, desiccated by the sterile imprint of monastic training, was terrified of worldly things, regarded beauty and sexual desire as snares of the evil one and was perpetually haunted by the terror of

"Đó là một mặt trong bản chất của con; nhưng như thường xảy ra với những người từng là tu sĩ hay linh mục trong các lần nhập thể quá khứ, còn có một mặt khác, bị làm khô cằn bởi dấu ấn vô sinh của sự huấn luyện tu viện, kinh hãi trước những điều thuộc thế gian, xem cái đẹp và ham muốn tình dục là cạm bẫy của ác thần và luôn bị ám ảnh bởi

purgatorial fires.

“There are many such in the world today. Torn by passion one moment and by repentance the next, they are destined to be the victims of their temperament and bring sorrow and perplexity into the lives of those who love them by their violent and strange reactions towards normal sexual relationships which they yet ardently desire. Fanatical and violent, sensitive and idealistic, they do not understand their own unhappy natures, nor do they realize that only by attempting to see things as they are, by neither idealizing nor degrading them, by a close analysis of motive and control of impulse can they ever hope to resolve these discords which shatter the harmony of their being.

“Much depends with such people upon the kind of influences that are paramount in their lives.

“You, for instance, were the illegitimate son of a petty noble and a peasant woman—an arrangement nicely calculated to give you a certain steadying and simplifying element from the gentle and pious girl who adored you, combined with an excellent education and facilities for mental development which you received from the upbringing in your father’s house—a situation which was in those days quite usual.

“For a man ever gets the parents he deserves —or needs. Sometimes parents and children are enemies from the past, drawn together in order to discipline each other and to endeavour to adjust their differences and their old enmities through mutual service. Such a situation implies, of course, a very unhappy home, since friction, bitterness, jealousy and revolt are its inevitable concomitants. If the true reason for such conflicts of personalities could be understood, much unhappiness would be avoided, for all concerned would realize that until sympathy, love and understanding had

nỗi kinh hoàng của lửa luyện ngục.

“Ngày nay trên thế giới có rất nhiều người như thế. Bị xé giằng bởi đam mê trong khoảnh khắc này và bởi ăn năn trong khoảnh khắc kế tiếp, họ được định sẵn làm nạn nhân của khí chất mình và mang đau khổ cùng bối rối vào đời sống của những người yêu thương họ bởi những phản ứng dữ dội và kỳ lạ của họ đối với những quan hệ tính dục bình thường mà chính họ lại tha thiết mong muốn. Cuồng tín và dữ dội, nhạy cảm và lý tưởng, họ không hiểu bản chất bất hạnh của chính mình, cũng không nhận ra rằng chỉ bằng cách cố gắng nhìn sự vật như chúng là, không lý tưởng hóa cũng không hạ thấp chúng, bằng sự phân tích chặt chẽ động cơ và kiểm soát xung động, họ mới có thể hy vọng giải quyết những bất hòa đang làm tan vỡ sự hài hòa của bản thể mình.

“Đối với những người như thế, rất nhiều điều tùy thuộc vào loại ảnh hưởng nào là tối thượng trong đời họ.

“Chẳng hạn con là đứa con ngoài giá thú của một tiểu quý tộc và một phụ nữ nông dân—một sự sắp đặt được tính toán khéo léo để đem đến cho con một yếu tố nào đó ổn định và giản dị từ cô gái hiền lành và mộ đạo đã yêu thương con, kết hợp với một nền giáo dục xuất sắc và những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển trí tuệ mà con nhận được từ việc được nuôi dạy trong nhà cha mình—một hoàn cảnh vào thời ấy khá thông thường.

“Vì một người luôn có được những bậc cha mẹ mà y xứng đáng có—hoặc cần đến. Đôi khi cha mẹ và con cái là những kẻ thù từ quá khứ, bị kéo lại với nhau để rèn luyện lẫn nhau và cố gắng điều chỉnh những khác biệt cùng những mối thù hận cũ của họ qua sự phụng sự lẫn nhau. Dĩ nhiên, một hoàn cảnh như thế hàm ý một mái nhà rất bất hạnh, vì xung đột, cay đắng, ghen ghét và phản kháng là những hệ quả tất yếu của nó. Nếu lý do đích thực của những xung đột phàm ngã như thế có thể được thấu hiểu, thì nhiều bất hạnh hẳn đã được tránh khỏi, vì tất cả những người liên hệ sẽ nhận ra rằng cho đến khi sự

transmuted the destructive elements in their natures, such conditions would be theirs for life after life. Home life is the chief testing ground of many souls, and one of the most difficult; for there is, of necessity, such an intimate relationship between all the elements—chiefly those of the physical bodies and those which go to make up the personalities—that friction is more difficult to avoid than in most other relationships formed, at least in the first place, through some kind of attraction.

cảm thông, tình thương và thấu hiểu đã chuyển hoá những yếu tố phá hoại trong bản chất của họ, thì những điều kiện như thế sẽ là phần của họ hết kiếp này đến kiếp khác. Đời sống gia đình là bãi thử nghiệm chính của nhiều linh hồn, và là một trong những bãi thử khó khăn nhất; vì tất yếu có một mối liên hệ mật thiết như thế giữa mọi yếu tố—chủ yếu là những yếu tố của các thể xác và những yếu tố góp phần cấu thành các phàm ngã—nên xung đột khó tránh hơn trong phần lớn những mối quan hệ khác, vốn ít nhất lúc đầu được hình thành qua một loại hấp dẫn nào đó.

"In your case, of course, Maddalena was a strong link of love from the past and her influence was most important. Until the end of her life it was to her you turned in difficulty, in sorrow, in triumph and in failure. She was indeed to you a very symbol of stability—what you most needed. She was as nature herself—the deep peace of the earth, the shade of trees, the song of water, the breath of flowers. She had the calm, the unalterable steadfastness, the serenity of a Demeter—or of the Mother of God. She satisfied both the pagan and the Christian sides of your nature. She had no preconceived ideas about life but accepted it as it came to her, complete. Neither clever nor subtle, she had yet that deep wisdom which is only born of great love. There was peace in your home, for your father always loved your mother, holding her in esteem and consulting her about your upbringing and your future. At your birth, as was customary, your horoscope had been cast and when it was seen that your House of Marriage was severely afflicted and your nature such as to make any family life and all relationships with women so difficult as to be almost impossible, your father decided that the Church would give you the best chance of advancement in life. At first you too desired this, as from a child you were afraid of life, although eager for it; but after a short trial it was obvious that you had no vocation. for although in those days the Church was rather a political than a religious

"Trong trường hợp của bạn, dĩ nhiên, Maddalena là một mối dây tình thương mạnh mẽ từ quá khứ và ảnh hưởng của bà là vô cùng quan trọng. Cho đến cuối đời bà, chính với bà mà bạn quay về trong khó khăn, trong buồn đau, trong chiến thắng và trong thất bại. Quả thật, đối với bạn bà là một biểu tượng của sự ổn định—điều bạn cần nhất. Bà như chính bản chất vậy—sự bình an sâu thẳm của đất, bóng mát của cây, tiếng hát của nước, hơi thở của hoa. Bà có sự điềm tĩnh, sự kiên định bất biến, sự tĩnh lặng của một Demeter—hay của Mẹ Thượng đế. Bà làm thỏa mãn cả hai mặt ngoại giáo và Cơ Đốc trong bản chất của bạn. Bà không có những ý niệm định sẵn về đời sống mà chấp nhận nó như nó đến với bà, trọn vẹn. Không thông minh sắc sảo cũng không tinh tế, nhưng bà lại có minh triết sâu xa chỉ sinh ra từ tình thương lớn lao. Trong nhà bạn có bình an, vì cha bạn luôn yêu mẹ bạn, kính trọng bà và hỏi ý bà về việc nuôi dạy bạn và tương lai của bạn. Khi bạn chào đời, theo tục lệ, lá số chiêm tinh của bạn đã được lập, và khi người ta thấy rằng Nhà Hôn Nhân của bạn bị tổn hại nghiêm trọng và bản chất của bạn là như thế khiến mọi đời sống gia đình và mọi quan hệ với phụ nữ đều khó khăn đến gần như bất khả, cha bạn quyết định rằng Giáo hội sẽ cho bạn cơ hội tốt nhất để thăng tiến trong đời. Lúc đầu chính bạn cũng mong muốn điều ấy, vì từ thuở nhỏ bạn đã sợ đời sống, dù lại khao khát nó; nhưng sau một thời gian thử ngắn, rõ ràng là bạn không có thiên hướng ấy. Vì tuy trong những ngày đó Giáo hội là một

institution, suddenly, for no apparent reason, you revolted from the idea and your father being some remote connection of the Medicis you were placed in the household of Lorenzo.

định chế chính trị hơn là tôn giáo, đột nhiên, không vì lý do rõ rệt nào, bạn phản kháng ý tưởng ấy, và cha bạn, vốn có chút quan hệ xa với nhà Medici, đã đưa bạn vào gia đình của Lorenzo.

"He was the next to stamp his image upon the plastic clay of your youth. You worshipped him. You were dazzled by the glitter, the munificence, the learning at his court. For a little while all monkish scruples were swept away in the stream of art and beauty down which you were carried in rapturous abandon; yet you still had hours of self-questioning and violent reactions from the licentious life around you. These, however, did not last long in the spate of laughter, love, music, dancing, which tossed you like a small golden leaf, caught in the dazzling foam.

"Ông là người kế tiếp đóng dấu hình ảnh của ông lên đất sét mềm dẻo của tuổi trẻ bạn. Bạn tôn thờ ông. Bạn bị choáng ngợp bởi vẻ huy hoàng, sự hào phóng, học vấn nơi triều đình của ông. Trong một thời gian ngắn, mọi dè dặt kiểu tu sĩ đều bị cuốn trôi trong dòng nghệ thuật và cái đẹp mà bạn được mang đi trong sự buông mình ngây ngất; tuy vậy bạn vẫn có những giờ tự vấn và những phản ứng dữ dội trước đời sống phóng túng quanh mình. Tuy nhiên, những điều ấy không kéo dài lâu trong cơn lũ của tiếng cười, tình yêu, âm nhạc, khiêu vũ, thứ tung bạn lên như một chiếc lá vàng nhỏ bị cuốn trong bọt sóng chói lòa.

"It was at the palace of Lorenzo the Magnificent that you met and married a young and beautiful girl. With the utter lack of discrimination so typical of those at your stage of development, you chose one most unsuited to understand or to help you: charming, frivolous, with not much intelligence, inclined herself to be neurotic and unbalanced—small wonder your marriage was doomed from the beginning to disaster.

"Chính tại cung điện của Lorenzo Vĩ Đại mà bạn gặp và cưới một thiếu nữ trẻ đẹp. Với sự thiếu phân biện hoàn toàn rất điển hình nơi những người ở giai đoạn phát triển của bạn, bạn đã chọn một người hoàn toàn không thích hợp để thấu hiểu hay giúp đỡ bạn: duyên dáng, phù phiếm, không mấy thông minh, bản thân lại có khuynh hướng suy nhược thần kinh và mất quân bình—chẳng lạ gì cuộc hôn nhân của bạn ngay từ đầu đã bị định sẵn cho thảm họa.

"You were passionately in love, but a few months after marriage you already began once more to experience those dangerous reactions to which such ex-monks are so often prone.

"Bạn yêu say đắm, nhưng chỉ vài tháng sau hôn nhân, bạn đã lại bắt đầu trải nghiệm một lần nữa những phản ứng nguy hiểm mà những cựu tu sĩ như thế thường rất dễ mắc phải.

"Something within you rejected the licentious life of which you were yet a part, and Beatrice often appeared to be a symbol. An ideal, which you could not yourself distinguish, haunted you. You did not know what you wanted—you only knew that nothing satisfied you; therefore, vaguely connecting these feelings with sin, you supposed that you were somehow guilty and scourged yourself accordingly. Thus the conflict between the two opposing elements

"Có điều gì đó bên trong bạn khước từ đời sống phóng túng mà bạn vẫn còn là một phần của nó, và Beatrice thường hiện ra như một biểu tượng. Một lý tưởng mà chính bạn không thể phân biệt rõ ám ảnh bạn. Bạn không biết mình muốn gì—bạn chỉ biết rằng không gì làm bạn thỏa mãn; vì thế, mơ hồ nối những cảm giác ấy với tội lỗi, bạn cho rằng bằng cách nào đó mình có tội và hành xác mình tương ứng với điều đó. Như vậy, xung đột giữa hai yếu tố đối nghịch trong bản chất

in your nature instead of being resolved through love of your wife, were but increased; for being violent in all things, this passion and asceticism combined caused you to project your fears upon her and gave birth to a fierce jealousy. Although depriving Beatrice of your love and even of your presence for weeks at a time while you indulged in orgies of repentance for what you imagined to be your sins, you yet expected her to remain faithful and to retain for you her original feelings of love and respect.

của bạn, thay vì được giải quyết qua tình yêu dành cho vợ bạn, lại chỉ gia tăng; vì quá mãnh liệt trong mọi sự, đam mê này và lối khổ hạnh kết hợp lại khiến bạn phóng chiếu những nỗi sợ của mình lên nàng và sinh ra một cơn ghen dữ dội. Dù tước mất của Beatrice tình yêu của bạn và ngay cả sự hiện diện của bạn trong nhiều tuần liền khi bạn chìm đắm trong những cơn cuồng sám hối vì những điều bạn tưởng là tội lỗi của mình, bạn vẫn mong nàng giữ lòng chung thủy và duy trì đối với bạn những tình cảm yêu thương và kính trọng ban đầu.

"She, however, bored and not a little frightened by your, to her, almost insane moods, had met during one of your absences a young man with whom she fell wildly in love. He—unlike yourself—was perfectly normal and far better calculated to make her happy than you, being also a closer link from her past. The loose standard of morality of the age made it quite reasonable that she should take a lover; a code was arranged between them, and whenever you went away he would come to visit her.

"Tuy nhiên, nàng, chán chường và không ít sợ hãi trước những tâm trạng gần như điên loạn của bạn trong mắt nàng, đã gặp trong một lần bạn vắng mặt một chàng trai trẻ mà nàng yêu cuồng nhiệt. Anh ta—không giống bạn—hoàn toàn bình thường và thích hợp hơn nhiều để làm nàng hạnh phúc, đồng thời cũng là một mối dây gần gũi hơn từ quá khứ của nàng. Chuẩn mực đạo đức lỏng lẻo của thời đại ấy khiến việc nàng có người tình là điều khá hợp lý; một ám hiệu đã được sắp đặt giữa họ, và mỗi khi bạn đi vắng, anh ta sẽ đến thăm nàng.

"But by chance a message from him fell into your hands. You were seized by a very madness of jealous rage. All the latent evil in your nature was roused; old forces of hatred, pride and cruelty surged up from the past again to attack you. It is through man's emotions that the powers of destruction can most easily control him; thus through your fatal lack of balance you became an easy prey to obsession and were rendered indeed for a while, what men still call insane.

"Nhưng tình cờ một bức thư nhắn của anh ta rơi vào tay bạn. Bạn bị chộp lấy bởi một cơn điên cuồng ghen giận. Tất cả cái ác tiềm ẩn trong bản chất bạn bị đánh thức; những mãnh lực cũ của hận thù, kiêu ngạo và tàn nhẫn lại dâng lên từ quá khứ để tấn công bạn. Chính qua cảm xúc của con người mà các quyền năng hủy diệt có thể dễ dàng kiểm soát y nhất; vì thế qua sự thiếu quân bình tai hại của bạn, bạn trở thành một con mồi dễ dàng cho sự ám nhập và quả thật trong một thời gian đã trở thành điều mà người ta vẫn gọi là điên loạn.

"You showed no sign of your knowledge to your wife; but with cold cruelty you began to subject her to a type of mental torture well calculated to unnerve her. You played with her as a cat with a bird; announced your departure only to return suddenly, made love to her while you knew she had been hoping for her paramour. And all the while you planned what you would do to him—

"Bạn không để lộ dấu hiệu nào về việc mình đã biết với vợ; nhưng với sự tàn nhẫn lạnh lùng, bạn bắt đầu bắt nàng chịu một kiểu tra tấn trí tuệ rất thích hợp để làm nàng suy sụp thần kinh. Bạn đùa giỡn với nàng như mèo vờn chim; báo tin ra đi chỉ để bất ngờ quay lại, âu yếm nàng trong khi bạn biết nàng đã hy vọng người tình đến. Và suốt thời gian ấy bạn lên kế hoạch sẽ làm gì với anh ta—và

and all the while you suffered as a man in hell.

suốt thời gian ấy bạn đau khổ như một người ở địa ngục.

"You waited; you laid a trap for them. Then, when you knew they were together, you entered her room by a secret door, dragged him from her bed, and thrusting a dagger into his hand, bade him fight for his life.

"Bạn chờ đợi; bạn giăng bẫy họ. Rồi khi bạn biết họ đang ở cùng nhau, bạn bước vào phòng nàng bằng một cánh cửa bí mật, lôi anh ta khỏi giường nàng, và nhét một con dao găm vào tay anh ta, ra lệnh anh ta chiến đấu để giữ mạng sống.

"It was an unequal combat from the first. He was young, unskilled in arms. You played with him, mocking him and the woman who loved him and who was forced to be a helpless spectator of his approaching doom. When at last he was at your mercy you struck—not to kill but only to maim. He fell bleeding at her feet and she, instead of fainting or weeping began wildly to laugh. She had lost her reason.

"Đó là một cuộc chiến không cân sức ngay từ đầu. Anh ta trẻ, không thạo binh khí. Bạn đùa giỡn với anh ta, chế nhạo anh ta và người đàn bà yêu anh ta, người bị buộc phải làm khán giả bất lực trước số phận đang đến gần của anh ta. Khi cuối cùng anh ta nằm trong tay bạn, bạn ra đòn—không phải để giết mà chỉ để làm tàn phế. Anh ta ngã xuống chảy máu dưới chân nàng, và nàng, thay vì ngất đi hay khóc lóc, lại bắt đầu cười cuồng loạn. Nàng đã mất trí.

"At that dreadful sound your own madness suddenly left you. Terror took its place. You bade your servants take the wounded man away and leave him outside the city walls, while, overcome by remorse and panic at the realization of the catastrophe your own act had precipitated upon her whom you now found you still loved, unable to plan or to think, you fled for counsel to your mother's house.

"Trước âm thanh kinh hoàng ấy, cơn điên của chính bạn đột nhiên rời khỏi bạn. Kinh hoàng thay thế nó. Bạn bảo gia nhân mang người bị thương đi và bỏ anh ta bên ngoài tường thành, trong khi bạn, bị áp đảo bởi hối hận và hoảng loạn khi nhận ra thảm họa mà chính hành động của mình đã giáng xuống người đàn bà mà giờ đây bạn thấy mình vẫn còn yêu, không thể tính toán hay suy nghĩ, đã chạy đến nhà mẹ bạn để xin lời khuyên.

"She had been very ill for some time and was on the point of death, yet thinking of nothing save your own disaster you did not spare her. It was only later that you realized your selfish outburst had probably hastened her end.

"Bà đã bệnh nặng một thời gian và đang bên bờ cái chết, vậy mà chỉ nghĩ đến tai họa của riêng mình, bạn đã không nương nhẹ bà. Chỉ về sau bạn mới nhận ra cơn bộc phát ích kỷ của mình có lẽ đã làm cái chết của bà đến nhanh hơn.

"But her words were to remain with you always. Illuminated by her love and perhaps by the approach of death which so often clarifies the mind, she gave you the fruit of all the simple wisdom life had taught her. She would not allow you even to remain with her, but bade you go back to take charge of Beatrice. Sternly she showed you where your duty lay. The young man must be found, brought back, tended and healed. Here she believed was your one chance of

"Nhưng những lời của bà sẽ ở lại với bạn mãi mãi. Được soi sáng bởi tình thương của bà và có lẽ bởi sự gần kề cái chết, điều thường làm trí tuệ sáng tỏ, bà đã trao cho bạn kết quả của toàn bộ minh triết giản dị mà đời sống đã dạy bà. Bà thậm chí không cho phép bạn ở lại với bà, mà bảo bạn quay về chăm lo Beatrice. Nghiêm khắc, bà chỉ cho bạn thấy bổn phận của bạn nằm ở đâu. Chàng trai trẻ phải được tìm thấy, đưa trở lại, chăm sóc và chữa lành. Ở đây, bà tin, là cơ hội cứu rỗi duy nhất của

salvation. Neither your arguments nor your protestations moved her from this decision.

bạn. Cả những lý lẽ lẫn những lời phản đối của bạn đều không làm bà lay chuyển khỏi quyết định ấy.

"At first you refused. 'He is my enemy, I hate him,' you cried. 'Why should I do anything for a man who has only got his deserts, who has stolen my honour, ruined my life. It is through him, not me, that Beatrice is mad....'

"Lúc đầu bạn từ chối. 'Hắn là kẻ thù của con, con ghét hắn,' bạn kêu lên. 'Tại sao con phải làm bất cứ điều gì cho một kẻ chỉ nhận điều hắn đáng nhận, kẻ đã cướp danh dự của con, hủy hoại đời con. Chính vì hắn, không phải vì con, mà Beatrice phát điên....'

"But gradually her words, playing upon your plastic mind, aroused once more in you that other side of your nature which passion and hate had overshadowed. Before you left she had succeeded in making you realize that perhaps you were as much to blame for the tragedy as they; and despite your reluctance, she made you swear a most solemn oath that you would never henceforward abandon either of these two whose lives you had ruined and for whom, therefore, you must consider yourself responsible.

"Nhưng dần dần những lời của bà, tác động lên trí tuệ mềm dẻo của bạn, lại đánh thức trong bạn mặt kia của bản chất mà đam mê và hận thù đã phủ bóng lên. Trước khi bạn rời đi, bà đã thành công khiến bạn nhận ra rằng có lẽ bạn cũng đáng trách cho bi kịch ấy không kém gì họ; và bất chấp sự miễn cưỡng của bạn, bà bắt bạn thề một lời thề vô cùng long trọng rằng từ nay bạn sẽ không bao giờ bỏ rơi một trong hai người mà cuộc đời của họ bạn đã hủy hoại và vì thế bạn phải xem mình có trách nhiệm.

"You did not see your mother again, but her spirit remained by your side in those first dark weeks while the young man struggled for life and Beatrice walked like a crying ghost from room to room. Your first idea had been to provide her with guardians and servants and every luxury, send the young man to some farm, paying him an annuity and escape yourself, either by retiring into a monastery to do penance for your sin—for by this time you were in the throes of violent remorse—or by going abroad where there would be nothing to remind you of the tragedy. But the memory of your mother's counsel made you very soon reject these plans.

"Bạn không gặp lại mẹ mình nữa, nhưng tinh thần của bà vẫn ở bên bạn trong những tuần đen tối đầu tiên ấy khi chàng trai trẻ vật lộn để sống còn và Beatrice đi từ phòng này sang phòng khác như một bóng ma đang khóc. Ý nghĩ đầu tiên của bạn là cung cấp cho nàng người giám hộ, gia nhân và mọi xa hoa, gửi chàng trai trẻ đến một nông trại nào đó, chu cấp cho anh ta một khoản niên kim, còn bản thân thì trốn đi, hoặc lui vào một tu viện để sám hối tội lỗi của mình—vì lúc ấy bạn đang trong cơn dày vò của hối hận dữ dội—hoặc ra nước ngoài nơi sẽ không có gì nhắc bạn về bi kịch ấy. Nhưng ký ức về lời khuyên của mẹ khiến bạn rất sớm bác bỏ những kế hoạch đó.

"Faced with these problems and many other difficulties your reckless act had precipitated upon you, you were impelled to turn from your previous indulgence in self-pity and take yourself firmly in hand. There was no one now to help you with wise counsel. The varied advice of friends, all light-hearted and frivolous young men, was useless to you. You stood absolutely alone. And in those months once more—only in a

"Đối diện với những vấn đề này và nhiều khó khăn khác mà hành động liều lĩnh của bạn đã giáng xuống bạn, bạn bị thôi thúc quay khỏi thói quen tự thương hại mình trước đây và nghiêm khắc nắm lấy chính mình. Giờ đây không còn ai giúp bạn bằng lời khuyên minh triết. Những lời khuyên đủ loại của bạn bè, tất cả đều là những thanh niên vô tư và phù phiếm, đều vô ích với bạn. Bạn đứng hoàn toàn một mình. Và trong những tháng ấy,

different guise—you faced the dark places of your own nature with nothing to guide you but the wavering light of your own soul.

một lần nữa—chỉ dưới một hình thức khác—bạn đối diện với những nơi tối tăm trong bản chất mình mà không có gì dẫn đường ngoài ánh sáng chập chờn của chính linh hồn bạn.

"Slowly, during long hours of self-questioning and tortured broodings, the seed of your mother's wisdom began to take root in your mind, fed by the dark, hidden streams of the bitter experiences and lessons which were your legacy from the remote past.

"Chậm rãi, trong những giờ dài tự vấn và suy tư đau đớn, hạt giống minh triết của mẹ bạn bắt đầu bén rễ trong trí tuệ bạn, được nuôi dưỡng bởi những dòng chảy tối tăm, ẩn kín của những kinh nghiệm cay đắng và những bài học là di sản của bạn từ quá khứ xa xăm.

"She had said: 'Somehow I never feel that penitence is quite enough, my son. Should we not try to bind up the wounds we have made? Should we not seek to mend that which we have broken?' The words struck some string in your heart which vibrated as if to a familiar note. You could not forget them, nor could you escape their implication. It would not be a light thing to break such a vow as you had made to her. Still you hated Neroccio—still you shrank from the wild words and gestures of Beatrice; but now the balance was upon the side of remorse and shame. You knew you had sinned; no escape was indeed possible. Despairingly, seeing no gleam of light ahead, you came to the decision that the welfare of your wife must in future be your personal care. Could poor pathetic Beatrice really be left to strangers? And this Neroccio? He was a wandering student and appeared to have neither friends nor relations. It was certain he would never be capable of taking up life again for, although he was gradually gaining in strength, he had been so severely injured that the physician said he could not possibly live longer than a year or so at most. To him, then, who by your hand you had deprived of everything, you must give all you could until his life should end.

"Bà đã nói: 'Mẹ không hiểu sao nhưng mẹ chưa bao giờ cảm thấy sự sám hối là hoàn toàn đủ, con trai của mẹ ạ. Chúng ta chẳng nên cố băng bó những vết thương mình đã gây ra sao? Chúng ta chẳng nên tìm cách sửa chữa điều mình đã làm vỡ nát sao?' Những lời ấy chạm vào một dây nào đó trong tim bạn, rung lên như trước một âm điệu quen thuộc. Bạn không thể quên chúng, cũng không thể thoát khỏi hàm ý của chúng. Phá vỡ một lời thề như lời thề bạn đã lập với bà không phải là chuyện nhẹ. Bạn vẫn ghét Neroccio—vẫn co rút trước những lời nói và cử chỉ điên dại của Beatrice; nhưng giờ đây cán cân đã nghiêng về phía hối hận và xấu hổ. Bạn biết mình đã phạm tội; quả thật không thể trốn thoát. Tuyệt vọng, không thấy một tia sáng nào phía trước, bạn đi đến quyết định rằng từ nay sự an lành của vợ bạn phải là sự chăm sóc riêng của chính bạn. Có thể nào Beatrice tội nghiệp đáng thương lại bị phó mặc cho người lạ? Còn Neroccio này thì sao? Anh ta là một đạo sinh lang thang và dường như không có bạn bè hay thân quyến. Chắc chắn anh ta sẽ không bao giờ có thể trở lại với đời sống nữa vì, dù dần dần hồi phục sức lực, anh ta đã bị thương quá nặng đến nỗi thầy thuốc nói rằng anh ta không thể nào sống quá một năm hay hơn chút ít. Vậy thì với anh ta, người mà bởi tay bạn đã bị tước mất mọi thứ, bạn phải cho tất cả những gì bạn có thể cho đến khi đời anh ta chấm dứt.

"There were struggles still, moods of black anger and wild revolt, but gradually you gained a certain calm—yet at the cost of some of your sensitiveness. You formed around your hurt, your inward fear, your

"Vẫn còn những đấu tranh, những tâm trạng giận dữ đen tối và phản kháng điên cuồng, nhưng dần dần bạn đạt được một sự điềm tĩnh nào đó—song phải trả giá bằng một phần tính nhạy cảm của mình. Quanh nỗi

ever-present feeling of guilt, a protective shell without which you could hardly, indeed, have struggled through those dark years; for, as if life itself were determined to test you and see how deep and enduring were these resolves you had made, very soon you realized that Beatrice was with child, whether yours or Neroccio's, you could not know. At first the shock was such that you felt you could not keep her lover near you, as you had planned. You had always desired, above all things, to have a child; this was indeed the most ironical gesture that Fate could have conceived.

đau, nỗi sợ bên trong, cảm giác tội lỗi luôn hiện diện, bạn tạo thành một lớp vỏ bảo vệ; nếu không có nó, quả thật bạn khó lòng vật lộn qua được những năm đen tối ấy; vì như thể chính đời sống quyết tâm thử thách bạn và xem những quyết tâm bạn đã lập sâu sắc và bền vững đến đâu, chẳng bao lâu bạn nhận ra rằng Beatrice đang mang thai, là con của bạn hay của Neroccio, bạn không thể biết. Lúc đầu cú sốc lớn đến mức bạn cảm thấy mình không thể giữ người tình của nàng ở gần như đã dự định. Trên hết mọi điều, bạn luôn mong có một đứa con; quả thật đây là cử chỉ mỉa mai nhất mà Số Phận có thể nghĩ ra.

"You were saved, perhaps more than anything, by the gradual realization that the situation was not without some elements of humour; true, your laughter was bitter, but even so it was a surer sign of your progress than you could know; for to be able to laugh at himself and whatsoever befalls him implies that the man has begun to acquire a sense of proportion.

"Có lẽ bạn được cứu, hơn bất cứ điều gì khác, bởi sự nhận ra dần dần rằng hoàn cảnh này không phải không có vài yếu tố khôi hài; đúng, tiếng cười của bạn cay đắng, nhưng ngay cả như vậy nó vẫn là dấu hiệu chắc chắn hơn về sự tiến bộ của bạn hơn là bạn có thể biết; vì có thể cười chính mình và bất cứ điều gì xảy đến với mình hàm ý rằng con người đã bắt đầu đạt được Ý thức về tỉ lệ.

"You told Neroccio nothing—afraid lest he might not view the situation in the same light as you were beginning to do and would, therefore, be overwhelmed and perhaps weakened by the burden of a fresh complication. For his attitude towards you constituted a problem which needed all your tact, patience, and care to resolve.

"Bạn không nói gì với Neroccio—sợ rằng anh ta có thể không nhìn hoàn cảnh dưới cùng ánh sáng như bạn đang bắt đầu nhìn và vì thế sẽ bị đè bẹp, có lẽ còn suy yếu hơn, bởi gánh nặng của một sự phức tạp mới. Vì thái độ của anh ta đối với bạn tạo thành một vấn đề cần đến tất cả sự khéo léo, kiên nhẫn và cẩn trọng của bạn mới giải quyết được.

The difficulties of that household during those months I have no need to enlarge upon. You can imagine them for yourself. Sometimes you felt incapable of continuing along the stony road you had chosen, but grimly you persisted, knowing you had no choice. For the first time you co-operated with the great Law even while revolting still against it.

"Những khó khăn của gia đình ấy trong những tháng đó tôi không cần phải nói dài thêm. Bạn có thể tự hình dung lấy. Đôi khi bạn cảm thấy mình không thể tiếp tục đi trên con đường đá sỏi mà mình đã chọn, nhưng bạn vẫn nghiến răng kiên trì, biết rằng mình không có lựa chọn nào khác. Lần đầu tiên bạn hợp tác với Định luật vĩ đại ngay cả khi vẫn còn phản kháng nó.

"When the child came you had it brought into the ante-room next to that in which Neroccio sat among your books, still sullen, suspicious, yet already beginning to melt beneath the kindness and the care which you had forced yourself to lavish upon him

"Khi đứa trẻ ra đời, bạn cho mang nó vào phòng ngoài kế bên phòng nơi Neroccio ngồi giữa những quyển sách của bạn, vẫn còn u ám, nghi ngờ, nhưng đã bắt đầu mềm lại dưới lòng tử tế và sự chăm sóc mà bạn đã buộc mình phải dốc lên anh ta, kẻ là tình địch của

who was your rival in this life and had, indeed, been your enemy in many another."

bạn trong kiếp này và quả thật đã là kẻ thù của bạn trong nhiều kiếp khác nữa."

I saw that scene clearly. Once more I found myself identified with an alien personality which was yet somehow closely allied to me.

Tôi thấy rõ cảnh ấy. Một lần nữa tôi thấy mình đồng hoá với một phàm ngã xa lạ mà bằng cách nào đó vẫn gần gũi với tôi.

It was growing dusk in the long room; through the wide-open windows, under which the young man lay stretched upon a couch, two cypress trees raised their black pointed fingers against a luminous sky of primrose wherein the moon floated like a pale bubble blown over the distant hills.

Trời đang chạng vạng trong căn phòng dài; qua những cửa sổ mở rộng, bên dưới nơi chàng trai trẻ nằm duỗi trên một chiếc trường kỷ, hai cây bách giơ những ngón tay đen nhọn lên nền trời sáng màu anh thảo, nơi mặt trăng trôi như một bong bóng nhạt thổi qua những ngọn đồi xa.

I paused, wondering how best I could approach the subject; the baby decided the question: it let out a thin wail.

Tôi ngừng lại, tự hỏi nên mở lời về đề tài ấy thế nào cho hay nhất; đứa bé quyết định câu hỏi đó: nó cất lên một tiếng khóc mảnh.

Neroccio started. "What was that?" he asked.

Neroccio giật mình. "Cái gì vậy?" anh hỏi.

"A gift from God to—us both, Neroccio," I said ironically and, crossing the room, leant against the window, smiling down on him. "Life has of late placed me into such fantastic situations that, by my faith, I begin to find it almost diverting."

"Một món quà từ Thượng đế cho—cả hai chúng ta, Neroccio," tôi nói mỉa mai, rồi băng qua phòng, tựa vào cửa sổ, mỉm cười nhìn xuống anh. "Gần đây đời sống đã đặt tôi vào những tình huống kỳ quái đến nỗi, nhân danh đức tin của tôi, tôi bắt đầu thấy nó gần như thú vị."

"So do not I," muttered the young man.

"Còn tôi thì không," chàng trai lẩm bẩm.

"I know—it is too hard for you; at your age I would not have done so either, yet as we grow older... But I digress." I touched him lightly on the shoulder. "We have hated each other—and with reason—I have sometimes hoped that the worst of that hatred has been assuaged; but, believe me, you have never hated me as I have hated myself. Yet of late that, too, has grown less. Hatred, I think, never did any good to anyone. Chance threw us together in this strange way, now—having, I must suppose, a sense of irony—she has chosen to bind us by one more thread." I grew serious then. "And since," I continued, "we are so indissolubly linked, let us seek to look upon things through each other's eyes—to perceive some saving fantasy in it—thus we may, perhaps, find it more bearable."

"Tôi biết—điều này quá khó với anh; ở tuổi anh tôi cũng đã không làm được như vậy, nhưng khi chúng ta già hơn... Nhưng tôi lạc đề rồi." Tôi khẽ chạm vào vai anh. "Chúng ta đã ghét nhau—và có lý do—đôi khi tôi đã hy vọng phần tệ nhất của mối hận ấy đã được xoa dịu; nhưng hãy tin tôi, anh chưa bao giờ ghét tôi như tôi đã ghét chính mình. Tuy nhiên gần đây ngay cả điều đó cũng đã giảm bớt. Tôi nghĩ hận thù chưa bao giờ làm điều tốt cho ai. Tình cờ đã ném chúng ta vào với nhau theo cách lạ lùng này, giờ đây—hẳn là vì có óc mỉa mai—nó đã chọn buộc chúng ta bằng thêm một sợi dây nữa." Lúc ấy tôi trở nên nghiêm trang. "Và vì," tôi tiếp tục, "chúng ta gắn chặt với nhau không thể tách rời như thế, hãy cố nhìn mọi việc qua mắt nhau—nhận ra một ảo tưởng cứu rỗi nào đó trong đó—như vậy có lẽ chúng ta sẽ thấy nó dễ chịu đựng hơn."

I called the nurse's name. She entered, carrying in her arms the new-born child. Advancing to Neroccio's side, she held the baby out and drew back its veil.

Tôi gọi tên người nhũ mẫu. Bà bước vào, bế trên tay đứa trẻ mới sinh. Tiến đến bên Neroccio, bà đưa đứa bé ra và vén tấm khăn che của nó.

Neroccio stooped over it and his gaze went to my attentive face, which yet showed traces of an ironical smile.

Neroccio cúi xuống nhìn nó rồi ánh mắt chuyển sang gương mặt chăm chú của tôi, trên đó vẫn còn dấu vết của một nụ cười mỉa mai.

"What... what...?" he stammered, and pointed to it with a hand that trembled.

"Cái... cái...?" anh lắp bắp, và chỉ vào nó bằng một bàn tay run rẩy.

"It was born of Beatrice yesterday."

"Nó được Beatrice sinh hôm qua."

"But..." Neroccio stared at me, apparently bereft of speech.

"Nhưng..." Neroccio nhìn tôi trân trân, dường như mất hẳn lời nói.

I shook my head. "I do not know whether it be yours or mine."

Tôi lắc đầu. "Tôi không biết nó là con anh hay con tôi."

The young man clasped his hands about his head and gazed at the child with an expression of horror.

Chàng trai ôm đầu bằng hai tay và nhìn đứa trẻ với vẻ kinh hoàng.

"I can see no cause for mirth in this," he whispered at length.

"Tôi không thấy có lý do gì để vui cười trong chuyện này," cuối cùng anh thì thầm.

"Well," I replied, "I am discovering in the last few months that the only way to keep sane in life at all is to find cause for mirth in everything. Yet I think you must admit this situation is somewhat diverting." As his face did not change, I grew serious. "Do not be so stricken. One good thing has come out of this: Beatrice is divinely happy. You shall see her soon; hardly could I get the child away. There is a new and saner light in her eyes—that dreadful terror is gone. I believe this may be her salvation."

"À," tôi đáp, "trong vài tháng qua tôi đang khám phá ra rằng cách duy nhất để giữ được tỉnh trí trong đời sống là tìm ra lý do để vui cười trong mọi chuyện. Tuy vậy tôi nghĩ anh phải thừa nhận hoàn cảnh này có phần thú vị." Khi thấy nét mặt anh không đổi, tôi trở nên nghiêm túc. "Đừng quá kinh hoàng như thế. Có một điều tốt đã đến từ việc này: Beatrice hạnh phúc một cách thiêng liêng. Anh sẽ sớm gặp nàng; tôi khó lắm mới đưa được đứa bé ra khỏi nàng. Có một ánh sáng mới và tỉnh táo hơn trong mắt nàng—nỗi kinh hoàng ghê gớm ấy đã biến mất. Tôi tin đây có thể là sự cứu rỗi của nàng."

Neroccio started; his hands dropped; slowly his gaze wandered round the library; there was consternation in his eyes.

Neroccio giật mình; hai tay anh buông xuống; chậm rãi ánh mắt anh đảo quanh thư phòng; trong mắt anh có sự kinh ngạc hoảng hốt.

"Then I—will have to go," he said slowly.

"Vậy thì tôi—sẽ phải đi," anh chậm rãi nói.

"That will not be necessary, for I think she

"Điều đó sẽ không cần thiết, vì tôi nghĩ nàng

will never clearly remember the past. We did well to keep you apart; she has never even spoken of you and thinks I am her father. Of course, if she becomes sane…" I shrugged my shoulders. "But I think and hope all those past unhappy events are wiped from her mind and will remain so, and that she will find renewed life and happiness in her son."

sẽ không bao giờ nhớ rõ quá khứ nữa. Chúng ta đã làm đúng khi giữ anh cách xa; nàng thậm chí chưa từng nhắc đến anh và nghĩ tôi là cha nàng. Dĩ nhiên, nếu nàng trở nên tỉnh trí…" Tôi nhún vai. "Nhưng tôi nghĩ và hy vọng tất cả những biến cố bất hạnh trong quá khứ ấy đã bị xóa khỏi trí nàng và sẽ vẫn như vậy, và rằng nàng sẽ tìm thấy đời sống và hạnh phúc được đổi mới trong con trai nàng."

"Can that be possible?" marvelled Neroccio.

"Điều đó có thể sao?" Neroccio kinh ngạc hỏi.

"Why, yes, all things end in forgetfulness, even those for which we have ruined half our lives."

"Có chứ, mọi sự đều kết thúc trong quên lãng, ngay cả những điều vì đó chúng ta đã hủy hoại nửa cuộc đời mình."

I gazed down at the puckered face of the babe and thence to the brooding one of Neroccio.

Tôi nhìn xuống khuôn mặt nhăn nhúm của đứa bé rồi từ đó nhìn sang gương mặt trầm tư của Neroccio.

"Truly I begin to wonder," I said at length, "if anything on earth is worth the pother that we make about it."

"Quả thật tôi bắt đầu tự hỏi," cuối cùng tôi nói, "liệu có điều gì trên trần gian đáng với tất cả sự ầm ĩ mà chúng ta tạo ra quanh nó hay không."

.....

.....

I quoted those last words which came to me aloud. "A rather cynical and negative conclusion to a life," I remarked.

Tôi đọc to những lời cuối cùng ấy đã đến với tôi. "Một kết luận khá yếm thế và tiêu cực cho một đời người," tôi nhận xét.

"Certainly," my teacher replied, "but at least it showed a better appreciation of relative values than before. Did I not say that the most difficult thing man has to learn is to acquire discrimination? It was not possible in that life for you to discover which were the objects of true worth— the things to strive for at all costs and which those that should be relinquished if true happiness was to result. Cynicism is usually the result of disillusionment and therefore but a halting place of the evolving man on his way up the mountain of truth; he must in time be disillusioned of cynicism also, since such an attitude of mind is purely destructive. In your next life you applied the knowledge you had gained through the experiences of this—but not immediately, for you had by no means controlled your emotional nature

"Chắc chắn," huấn sư của tôi đáp, "nhưng ít nhất nó cho thấy một sự đánh giá tốt hơn về những giá trị tương đối so với trước kia. Tôi đã chẳng nói rằng điều khó nhất con người phải học là đạt được sự phân biện sao? Trong kiếp ấy bạn không thể khám phá ra đâu là những đối tượng có giá trị chân thực— những điều phải phấn đấu đạt tới bằng mọi giá và đâu là những điều phải từ bỏ nếu muốn có hạnh phúc đích thực. Tính yếm thế thường là kết quả của sự vỡ mộng và vì thế chỉ là một chặng dừng của con người đang tiến hoá trên đường leo lên ngọn núi chân lý; đến lúc nào đó y cũng phải vỡ mộng cả với tính yếm thế, vì một thái độ trí tuệ như thế hoàn toàn có tính phá hoại. Trong kiếp kế tiếp bạn đã áp dụng tri thức mình thu được qua những kinh nghiệm của kiếp này— nhưng không phải ngay lập tức, vì bạn tuyệt

nor had you destroyed the remnants of those ancient forces which once entirely possessed you.

nhiên chưa kiểm soát được bản chất cảm xúc của mình, cũng chưa tiêu diệt được những tàn dư của những mãnh lực cổ xưa từng hoàn toàn chiếm hữu bạn.

"That life is the one preceding this. It is close to you; your links with it are strong. Although comparatively uneventful, it marked a tremendously important epoch in your evolution, for in it you began to recover the occult knowledge which once was yours, thus paving the way for your developments now. As a child you remembered some of that life—think back and seek through those memories to contact it again."

"Kiếp ấy là kiếp ngay trước kiếp này. Nó rất gần với bạn; những mối dây của bạn với nó rất mạnh. Tuy tương đối ít biến cố, nó đánh dấu một thời kỳ vô cùng quan trọng trong tiến hoá của bạn, vì trong đó bạn bắt đầu phục hồi tri thức huyền bí từng là của bạn, nhờ vậy mở đường cho những phát triển của bạn hiện nay. Khi còn nhỏ bạn đã nhớ một phần nào đó của kiếp ấy—hãy hồi tưởng lại và qua những ký ức ấy tìm cách tiếp xúc lại với nó."

CHAPTER VII—CHƯƠNG VII
ENGLAND—NƯỚC ANH

The memories to which my teacher referred were a remarkable series of dreams I had had in my childhood in which I was always a man dressed in garments of the eighteenth century. A whole string of episodes had thus come to me; but what has chiefly interested me about them since is that neither the experiences nor the emotions could possibly have emanated from a child's unconscious mind, for they were essentially those of a mature man. Yet they also influenced my waking hours, for I used to live a whole secret life of my own in those days, always imagining myself to be this man, creating about me a world of historical fantasy.

Những ký ức mà huấn sư tôi nhắc đến là một chuỗi giấc mơ kỳ lạ tôi đã có thời thơ ấu, trong đó tôi luôn là một người đàn ông mặc y phục thế kỷ mười tám. Cả một chuỗi tình tiết đã đến với tôi như thế; nhưng điều chủ yếu khiến tôi quan tâm về chúng từ đó đến nay là cả những kinh nghiệm lẫn cảm xúc ấy đều không thể nào phát ra từ vô thức của một đứa trẻ, vì về bản chất chúng là của một người đàn ông trưởng thành. Tuy nhiên, chúng cũng ảnh hưởng đến những giờ phút thức của tôi, vì hồi ấy tôi thường sống một đời sống bí mật hoàn toàn của riêng mình, luôn tưởng tượng mình là người đàn ông ấy, tạo dựng quanh mình một thế giới huyễn tưởng lịch sử.

Still, occasionally, I have such dreams, and a psychic once saw me change before his eyes while we were talking into a man of that time, and told me that there was a resemblance between his face and mine. Another psychic again saw, while this book was being written, a man in the dress of somewhere about the same period leaning over the back of my chair, and got from him that he had been a friend of mine during a past life.

Thỉnh thoảng, tôi vẫn có những giấc mơ như thế, và có lần một nhà thông linh đã thấy tôi biến đổi trước mắt ông trong lúc chúng tôi đang nói chuyện thành một người đàn ông của thời ấy, và nói với tôi rằng có một sự giống nhau giữa khuôn mặt người đó và khuôn mặt tôi. Lại có một nhà thông linh khác, trong khi cuốn sách này đang được viết, đã thấy một người đàn ông mặc y phục vào khoảng cùng thời kỳ ấy nghiêng mình sau lưng ghế tôi, và nhận được từ ông ta rằng ông ta từng là bạn tôi trong một kiếp quá khứ.

I was not, therefore, surprised when the words of my teacher confirmed the fact that I had lived in England in that age.

Vì thế tôi không ngạc nhiên khi những lời của huấn sư xác nhận sự kiện rằng tôi đã sống ở nước Anh trong thời đại ấy.

I asked him how it was that I still seemed so closely identified with this eighteenth-century gentleman and whether it was desirable.

Tôi hỏi ngài vì sao tôi dường như vẫn còn đồng hoá chặt chẽ đến thế với quý ông thế kỷ mười tám này và liệu điều đó có đáng mong muốn hay không.

He explained that it was partly because this last life was comparatively close and I was now engaged in working off some of the debts contracted then and trying to develop qualities I still conspicuously lacked; also partly because the old personality shell in which the dead live for shorter or longer

Ngài giải thích rằng một phần là vì kiếp sống cuối ấy còn tương đối gần và hiện nay tôi đang bận giải trừ một số món nợ đã tạo ra khi ấy và cố gắng phát triển những phẩm tính mà tôi vẫn còn thiếu một cách nổi bật; cũng một phần là vì lớp vỏ phàm ngã cũ, trong đó người chết sống trong những thời kỳ ngắn

periods in the world next to the physical had not yet entirely disintegrated. He gave me at the same time some information regarding such “astral shells” as they are called, which, he said, can remain for long periods upon the lower planes particularly if their ex-owners have been materialists and strongly orientated to the physical world. Occasionally also they can be used and to some extent re-animated by those sufficiently advanced in occult knowledge to do so.

hay dài hơn ở thế giới kế cận cõi hồng trần, vẫn chưa hoàn toàn tan rã. Đồng thời ngài cho tôi một số thông tin về những “vỏ cảm dục” như chúng được gọi, mà ngài nói có thể tồn tại lâu dài trên các cõi thấp, đặc biệt nếu những chủ nhân cũ của chúng là người duy vật và định hướng mạnh về thế giới hồng trần. Đôi khi chúng cũng có thể được sử dụng và ở một mức độ nào đó được tái hoạt hóa bởi những người đủ tiến bộ trong tri thức huyền bí để làm điều đó.

Unfortunately it is not only the true owners who can use them after they have been completely abandoned and in process of disintegration, for they can be animated by wandering spirits who are earth-bound or, worse still, by malicious and evil entities. These may end by obsessing the medium or even the sitter who invokes them. This is the reason for some of the mistakes made by clairvoyants and spiritualistic mediums who have not been properly trained and who take the apparition for the person of whom it is only a simulacrum.

Đáng tiếc là không chỉ những chủ nhân đích thực mới có thể sử dụng chúng sau khi chúng đã bị bỏ lại hoàn toàn và đang trong tiến trình tan rã, vì chúng có thể bị làm cho sống động bởi những tinh thần lang thang bị trói buộc vào Trái Đất hoặc, tệ hơn nữa, bởi những thực thể ác ý và xấu xa. Cuối cùng những thực thể này có thể ám nhập đồng tử hay thậm chí cả người ngồi dự buổi gọi hồn đã khẩn cầu chúng. Đây là lý do của một số sai lầm do các nhà thông nhãn và các đồng tử thần linh học chưa được huấn luyện đúng mức phạm phải, khi họ lầm tưởng hiện ảnh ấy là chính con người mà nó chỉ là một bản mô phỏng.

He also warned me of other dangers of deception to be encountered by those who venture into what is veritably a world of illusion; but this is not the place to enlarge upon them.

Ngài cũng cảnh báo tôi về những nguy hiểm lừa dối khác mà những ai dấn vào điều thật sự là một thế giới của ảo tưởng có thể gặp phải; nhưng đây không phải chỗ để nói dài về chúng.

Those dreams I had had and the sense of contact with an earlier age made it easier, therefore, for me to piece together some, at least, of the main events in the story of the man I have called Charles from the outline I was given by my teacher.

Vì vậy, những giấc mơ tôi đã có và cảm giác tiếp xúc với một thời đại trước đó khiến tôi dễ dàng hơn trong việc ghép nối ít nhất một số biến cố chính trong câu chuyện của người đàn ông mà tôi gọi là Charles từ dàn ý mà huấn sư đã cho tôi.

On the surface it does not appear to have been a particularly interesting or dramatic one, save in so far as the events in the lives of one’s ancestors, through their very strangeness and different setting, often seem endowed with a colourfulness and a glamour usually lacking in one’s contemporary existence. Actually it was much the same as that of the average man

Trên bề mặt, đó dường như không phải là một câu chuyện đặc biệt thú vị hay kịch tính, ngoại trừ ở chỗ những biến cố trong đời sống tổ tiên của một người, chính vì sự kỳ lạ và bối cảnh khác biệt của chúng, thường có vẻ được ban cho một màu sắc và một ảo cảm mà đời sống đương thời của chính mình thường thiếu. Thực ra nó cũng gần như đời sống của người trung bình ở bất cứ đâu, gói gọn những

anywhere, compact of the usual pleasures, pains, frustrations and bereavements common to humanity.

vui thú, đau khổ, thất vọng và mất mát thông thường của nhân loại.

Again I made many of the same mistakes as previously, but my attitude towards them, being coloured by those old experiences which I was at length learning to turn to account, was changed.

Một lần nữa tôi đã phạm nhiều sai lầm giống như trước, nhưng thái độ của tôi đối với chúng, được nhuốm màu bởi những kinh nghiệm cũ mà cuối cùng tôi đang học cách vận dụng, đã thay đổi.

To begin with, I made another rash marriage; carried away once more by romantic ideals and a mixture of vanity and passion which I mistook for love. The girl, pretty, pathetic Elizabeth, had a tragic home; we eloped and were married at Gretna, followed by the curses of her father, a fanatical, unbalanced creature who never forgave her for marrying one he considered to be a godless libertine, damned to eternal fires.

Trước hết, tôi lại có một cuộc hôn nhân hấp tấp khác; một lần nữa bị cuốn đi bởi những lý tưởng lãng mạn và một hỗn hợp của hư vinh cùng đam mê mà tôi lầm tưởng là tình yêu. Cô gái, Elizabeth xinh đẹp, đáng thương, có một gia đình bi thảm; chúng tôi bỏ trốn và kết hôn ở Gretna, theo sau là những lời nguyền rủa của cha nàng, một sinh vật cuồng tín, mất quân bình, không bao giờ tha thứ cho nàng vì đã lấy một kẻ mà ông cho là một tên phóng đãng vô thần, bị đọa vào lửa đời đời.

I was at that time nothing of the sort. Having evidently been generous in a past life and learned to administer my wealth wisely, I inherited a reasonable income which enabled me to live in accordance with those rather extravagant and dissolute standards demanded of young men of my social standing; for I was by way of being unoriginal, following closely the conventions of my day. Nothing in fact would have roused me from the idle rut in which my life's wheels were set save some sharp blows from Fate. These were not to be denied me. Charles was to be the clay which my Higher Self was ultimately to refine sufficiently to create a vessel through which the inner light might begin to percolate. This process could only be carried out by suffering.

Lúc ấy tôi chẳng phải hạng người như thế chút nào. Hiển nhiên vì đã từng rộng lượng trong một kiếp trước và học được cách quản lý tài sản của mình một cách khôn ngoan, tôi thừa hưởng một khoản thu nhập khá, cho phép tôi sống phù hợp với những tiêu chuẩn khá xa hoa và trụy lạc được đòi hỏi nơi những thanh niên có địa vị xã hội như tôi; vì tôi, theo một nghĩa nào đó, là người thiếu độc đáo, bám sát những quy ước của thời đại mình. Thực ra chẳng có gì có thể kéo tôi ra khỏi lối mòn nhàn rỗi mà bánh xe đời tôi đã lăn vào, ngoại trừ vài cú đánh mạnh từ Số Phận. Và những cú đánh ấy đã không bị từ chối với tôi. Charles sẽ là đất sét mà Bản Ngã Cao Siêu của tôi rốt cuộc sẽ tinh luyện đủ để tạo nên một chiếc bình qua đó ánh sáng bên trong có thể bắt đầu thấm qua. Tiến trình này chỉ có thể được thực hiện bằng đau khổ.

The first blow was the death of the son whom I adored, the second the infidelity of my wife. 1 will write of these more in detail, since each played so important a part in that process of spiritual education for which I had been born. For whereas in my previous lives the most shattering blows had had, for

Cú đánh đầu tiên là cái chết của đứa con trai mà tôi yêu quý, cú thứ hai là sự bất trung của vợ tôi. Tôi sẽ viết về những điều này chi tiết hơn, vì mỗi điều đều đóng một vai trò quan trọng như thế trong tiến trình giáo dục tinh thần mà tôi đã được sinh ra để trải qua. Vì trong khi ở những kiếp trước, những cú đánh

the most part, but little effect save to make me more rebellious and bitter or to send me flying somewhere for refuge, now each event had a vital influence in my development.

dữ dội nhất phần lớn chỉ có ít tác động ngoài việc làm tôi phản kháng và cay đắng hơn hoặc khiến tôi chạy trốn đâu đó để tìm nơi nương náu, thì giờ đây mỗi biến cố đều có một ảnh hưởng thiết yếu trong sự phát triển của tôi.

I was riding down a country road. It was spring. I raised my head and drew a long breath of the sweet air. Across the pale-blue March sky white clouds rode behind the patterned boughs of oak. The lichened trunks were chequered with cold sunlight, the hazels were misty purple with opening buds; dell and copse were aflower with primroses and anemones and vocal with the song of thrush and finch, blackbird and robin. The road, a cart- track more or less, heavy with black loam half flooded by recent rains, wound down through these woods then upward to the rise which shouldered the open sky.

Tôi đang cưỡi ngựa dọc một con đường quê. Đó là mùa xuân. Tôi ngẩng đầu lên và hít một hơi dài bầu không khí ngọt lành. Trên nền trời tháng Ba xanh nhạt, những đám mây trắng trôi sau những cành sồi đan hoa văn. Những thân cây phủ địa y loang lổ dưới ánh nắng lạnh, những bụi phỉ mờ tím vì chồi non đang hé; khe trũng và lùm cây đầy hoa anh thảo và hải quỳ, vang tiếng hót của chim hoét, chim sẻ, chim sáo đen và chim cổ đỏ. Con đường, ít nhiều chỉ là một lối xe kéo, nặng bùn đen nửa ngập vì những cơn mưa gần đây, uốn xuống qua những khu rừng ấy rồi lại đi lên đến sườn đồi vươn vai dưới bầu trời rộng.

Four ways met upon the top of the hill, two deviating through more woods, the fourth like a ribbon running between open fields towards the Kentish Weald. I loved this country, knew as an intimate friend each tree, each hedgerow. It had always been my habit when coming home from Town to pause on this hill-top, breathing in the air, basking in a pleasant sense of ownership. But now I found myself indifferent to it all; looked on fields and woods almost with distaste, while in my pocket my hand clenched and unclenched itself round that letter from Elizabeth which had brought me back from London.

Bốn ngả gặp nhau trên đỉnh đồi, hai ngả rẽ qua những khu rừng khác, ngả thứ tư như một dải ruy băng chạy giữa những cánh đồng trống về phía vùng Weald của Kent. Tôi yêu miền quê này, biết từng cây, từng hàng rào như một người bạn thân thiết. Từ trước đến nay, khi từ thành phố trở về, tôi luôn có thói quen dừng lại trên đỉnh đồi này, hít thở không khí, đắm mình trong cảm giác sở hữu dễ chịu. Nhưng giờ đây tôi thấy mình điềm nhiên trước tất cả; nhìn đồng ruộng và rừng cây gần như với sự chán ghét, trong khi trong túi áo, bàn tay tôi siết rồi buông quanh bức thư của Elizabeth đã gọi tôi từ Luân Đôn trở về.

I fumed now to think that she should even have spoilt my delight in nature. What right had she or anyone to affect me so, to take all the colour out of life for me?

Giờ đây tôi sôi sục khi nghĩ rằng nàng lại có thể làm hỏng cả niềm vui của tôi trước thiên nhiên. Nàng hay bất cứ ai có quyền gì mà ảnh hưởng đến tôi như thế, lấy hết màu sắc của đời sống khỏi tôi?

I jerked angrily at the reins and the horse turned of itself towards the left.

Tôi giật mạnh dây cương đầy giận dữ và con ngựa tự nó rẽ sang trái.

I sat upright, heeding nothing. My mind was still a little numb. I could not quite believe it true that she had really left me, eloped with

Tôi ngồi thẳng người, chẳng để ý gì. Trí tuệ tôi vẫn còn hơi tê dại. Tôi không thể hoàn toàn tin là thật rằng nàng thực sự đã bỏ tôi,

some stranger whose name I did not even know—she, this docile, lovely creature whom I had snatched from a cruel life—a life of brutality and degradation, to whom I had given, not alone an honoured name and every material benefit, but my love. For I had loved her—I told myself this fiercely. I had been repeating it ever since I left London, until by this time I had come to believe that I had loved her as few women in the world ever had been loved and that consequently I had been injured beyond belief; how dared she treat this rare gift as nothing and shame me wantonly under the mocking eyes of all my world?

bỏ trốn với một kẻ xa lạ nào đó mà tên tôi còn không biết—nàng, sinh vật ngoan ngoãn, xinh đẹp này mà tôi đã cướp khỏi một đời sống tàn nhẫn—một đời sống của bạo hành và hạ nhục, người mà tôi đã ban cho không chỉ một cái tên danh giá và mọi lợi ích vật chất, mà còn cả tình yêu của tôi. Vì tôi đã yêu nàng—tôi tự nhủ điều ấy một cách dữ dội. Tôi đã lặp đi lặp lại điều đó từ khi rời Luân Đôn, cho đến lúc này tôi đã đi đến chỗ tin rằng tôi đã yêu nàng như rất ít phụ nữ trên đời từng được yêu, và rằng vì thế tôi đã bị tổn thương beyond belief; làm sao nàng dám đối xử món quà hiếm có ấy như không là gì và cố ý làm nhục tôi dưới những ánh mắt chế giễu của cả thế giới tôi?

I writhed at the thought of how they must have laughed at my cuckoldry. Now that I knew the truth, several of my friends had told me of the gossip which had long gone on behind my back. I ground my teeth together; well, they would not have food for mockery much longer. I had taken all the proper steps whereby alone my honour might be vindicated. There could be but one end.

Tôi quằn quại khi nghĩ họ hẳn đã cười nhạo sự bị cắm sừng của tôi thế nào. Giờ đây khi đã biết sự thật, vài người bạn của tôi đã kể cho tôi nghe về những lời đồn đại từ lâu vẫn diễn ra sau lưng tôi. Tôi nghiến chặt răng; được thôi, họ sẽ không còn thức ăn cho sự nhạo báng lâu nữa. Tôi đã thực hiện mọi bước thích đáng mà chỉ qua đó danh dự của tôi mới có thể được minh oan. Chỉ có thể có một kết cục.

My horse stopped suddenly and began to crop the grass. I glanced round and found that the animal, acting on an old-established habit, had brought me to the lych- gate of the church. Almost automatically I dismounted and, throwing the rein over the hitching-post, walked through the churchyard until I reached a corner where a young cypress reared its slender shape like a dark candle over a little grave almost hidden now beneath a mound of spring flowers.

Ngựa của tôi đột nhiên dừng lại và bắt đầu gặm cỏ. Tôi ngoái nhìn quanh và nhận ra rằng con vật, theo một thói quen đã thành nếp từ lâu, đã đưa tôi đến cổng nghĩa địa của nhà thờ. Gần như theo phản xạ, tôi xuống ngựa và, vắt dây cương lên cọc buộc ngựa, đi qua khu nghĩa địa cho đến khi tới một góc nơi một cây bách non vươn dáng mảnh mai như một ngọn nến đen trên một nấm mồ nhỏ giờ gần như bị che khuất dưới một ụ hoa xuân.

Here I paused and stood staring blindly down at that place where the remains of the being I had loved beyond thought or expression lay forever hid. Even after five years the loss was as fresh, as terrible, as on that day of my son's death. Here Elizabeth was forgotten; all the angers and shames of the past week were wiped out by these other memories which crowded in upon me every time I stood by this small patch of earth.

Tại đây tôi dừng lại và đứng nhìn trân trân, mù quáng, xuống nơi ấy, nơi di hài của sinh thể mà tôi đã yêu vượt ngoài mọi ý nghĩ hay diễn đạt đang nằm ẩn mãi mãi. Ngay cả sau năm năm, mất mát ấy vẫn mới nguyên, vẫn khủng khiếp như trong ngày con trai tôi chết. Ở đây Elizabeth bị lãng quên; mọi cơn giận dữ và nhục nhã của tuần qua đều bị xóa sạch bởi những ký ức khác này, những ký ức luôn dồn dập tràn đến với tôi mỗi lần tôi

đứng bên mảnh đất nhỏ này.

I had worshipped the lad with a love akin to idolatry. From the moment the child was placed in my arms I had felt that at last my own life's purpose was accomplished and perfected. I would not be parted from him; grew jealous even of his contact with his nurses and his mother. I forsook my friends, my normal pursuits, shut myself up in my country house and spent my time playing with the child or planning out his career which was to be the most marvellous in the world. All my own frustrated dreams, hopes, ambitions were transferred to my son; in him I began my own life afresh. I even neglected Elizabeth in this wild, absorbing passion and, by the irony of chance, it was indirectly through Elizabeth that the accident befell which robbed me of the boy.

Tôi đã tôn thờ thằng bé bằng một tình yêu gần như sùng bái. Từ khoảnh khắc đứa trẻ được đặt vào vòng tay tôi, tôi đã cảm thấy rằng cuối cùng mục đích đời mình đã được hoàn tất và viên mãn. Tôi không muốn rời xa nó; thậm chí còn ghen cả với sự tiếp xúc của nó với các vú nuôi và với mẹ nó. Tôi bỏ bạn bè, bỏ những theo đuổi bình thường của mình, tự giam mình trong ngôi nhà miền quê và dành thời gian để chơi với đứa trẻ hoặc vạch ra sự nghiệp cho nó, một sự nghiệp sẽ là kỳ diệu nhất thế gian. Tất cả những giấc mơ, hy vọng, tham vọng bị ngăn trở của chính tôi đều được chuyển sang con trai tôi; trong nó tôi bắt đầu lại đời mình từ đầu. Tôi thậm chí còn sao lãng Elizabeth trong niềm đam mê hoang dại, cuốn hút ấy, và trớ trêu thay, chính gián tiếp qua Elizabeth mà tai nạn đã xảy ra, cướp mất thằng bé khỏi tôi.

Elizabeth's father had never forgiven her marriage. He had sought without ceasing in the early days of our union to force her to return to her home, and occasionally even in later years he would suddenly thrust himself upon us, breathing threatenings and slaughter, until, losing patience, I gave orders that he was not to be allowed upon my estates.

Cha của Elizabeth chưa bao giờ tha thứ cho cuộc hôn nhân của nàng. Trong những ngày đầu của cuộc sống chung, ông ta không ngừng tìm cách ép nàng trở về nhà, và thỉnh thoảng ngay cả trong những năm sau này ông ta vẫn đột ngột xông đến chỗ chúng tôi, hằm hè đe dọa và hung bạo, cho đến khi mất kiên nhẫn, tôi ra lệnh không được cho ông ta bước vào điền trang của tôi.

But on this fatal day, the boy's sixth birthday, while Elizabeth was riding with him mounted upon his new pony, suddenly out of the bushes Nathaniel had materialized, dressed in a scarecrow cloak he always affected, waving his arms and warning his daughter against the fires of hell. The pony shied at the apparition, throwing the boy. He was picked up dead of a broken neck.

Nhưng vào ngày định mệnh ấy, ngày sinh nhật thứ sáu của thằng bé, khi Elizabeth đang cưỡi ngựa với nó ngồi trên con ngựa con mới của mình, thì Nathaniel bỗng hiện ra từ bụi rậm, mặc chiếc áo choàng rách rưới như bù nhìn mà ông ta vẫn thường thích khoác, vung tay và cảnh báo con gái mình về lửa địa ngục. Con ngựa con hoảng hốt trước bóng hiện ấy và hất thằng bé ngã xuống. Khi được nhặt lên, nó đã chết vì gãy cổ.

To me it was as if my own life had ended. At first I had seriously contemplated suicide, but partly out of pity for my wife, partly by reason of some inner revulsion from the idea which I could not myself explain, I had refrained.

Đối với tôi, điều đó như thể chính đời tôi đã chấm dứt. Lúc đầu tôi đã thực sự nghĩ đến việc tự sát, nhưng một phần vì thương vợ, một phần vì một sự ghê sợ nội tâm nào đó đối với ý nghĩ ấy mà chính tôi cũng không thể giải thích, nên tôi đã kiềm lại.

Instead I had enclosed my grief within a hard shell of indifference and had striven to forget, plunging into wild dissipations of every kind. There were senseless orgies in town, women, gaming, drink. When this did not serve, I would disappear for weeks, taking long, wild rides through the countryside; indulging in mad acts of bravado when I courted death battling with the elements, storm and sea and the icy embrace of snow-covered wastes, or sought out the haunts of highwaymen and footpads; yet I returned unscathed and the more disillusioned, with the memories of that small, gallant figure, those eager, laughing brown eyes, that subtle, vivid mind, as unstained, as clear, as poignant as they had ever been.

Thay vào đó, tôi bọc nỗi đau của mình trong một lớp vỏ cứng của Điềm nhiên và cố quên đi, lao vào những cuộc phóng túng điên cuồng đủ mọi kiểu. Có những cuộc truỵ lạc vô nghĩa trong thành phố, đàn bà, cờ bạc, rượu chè. Khi những thứ ấy không có tác dụng, tôi biến mất hàng tuần liền, thực hiện những chuyến cưỡi ngựa dài và hoang dại qua miền quê; buông mình vào những hành vi liều lĩnh điên rồ khi tôi thách thức cái chết trong cuộc vật lộn với các nguyên tố, với bão tố và biển cả cùng cái ôm băng giá của những vùng hoang phủ tuyết, hoặc tìm đến sào huyệt của bọn cướp đường và trộm cắp; thế nhưng tôi vẫn trở về nguyên vẹn và càng thêm vỡ mộng, trong khi ký ức về dáng hình nhỏ bé, can trường ấy, về đôi mắt nâu cười vui háo hức ấy, về trí tuệ tinh tế, sinh động ấy, vẫn nguyên vẹn, trong sáng, nhói buốt như chưa từng đổi khác.

No, not even with the passing of years had these changed or grown dim. You couldn't kill out a thing like this. As I stood there in the bleak March wind, the depth of my loneliness was suddenly revealed to me. At least until now there had been Elizabeth always awaiting my pleasure: charming to look upon, although growing a little plump; good-tempered, kind; futile, perhaps, wearisome often, but at least someone who loved me, who could minister to all my bodily needs and whom I could love when a kindlier mood was on me.

Không, ngay cả theo năm tháng trôi qua, những điều ấy cũng không thay đổi hay mờ nhạt đi. Bạn không thể giết chết một điều như thế. Khi tôi đứng đó trong cơn gió tháng Ba lạnh lẽo, chiều sâu của nỗi cô độc của tôi bỗng hiện rõ trước tôi. Ít nhất cho đến lúc này vẫn luôn có Elizabeth chờ đợi ý muốn của tôi: dễ nhìn, dù đã hơi đẫy đà; tính tình tốt, tử tế; có lẽ vô dụng, thường gây mệt mỏi, nhưng ít nhất cũng là một người yêu tôi, có thể chăm lo mọi nhu cầu thể xác của tôi và là người tôi có thể yêu khi tâm trạng tôi dịu lại.

But now she, too, had gone. Life had deprived me of my last chance of that quiet, more stable kind of happiness, which, despite all my wildness, I had always really desired. Everything was ended.

Nhưng giờ đây nàng cũng đã đi rồi. Cuộc đời đã tước khỏi tôi cơ hội cuối cùng để có được thứ hạnh phúc yên lặng, ổn định hơn mà, bất chấp mọi sự hoang dại của mình, tôi vẫn luôn thật sự mong muốn. Mọi thứ đã chấm dứt.

Overcome by an impulse stronger even than my pride, I knelt down and pressed my face on the cold soil beneath the primroses. Their fresh, damp scent enveloped me; a lassitude descended on me; I never wanted to move again, but to lie here, to sink into the earth beside all that was left to me of life. An idle wish, for there was nothing left —anywhere. The boy was cold in the earth—finished

Bị khuất phục bởi một xung lực còn mạnh hơn cả lòng kiêu hãnh của mình, tôi quỳ xuống và áp mặt lên nền đất lạnh dưới những bông anh thảo. Hương thơm tươi mát, ẩm ướt của chúng bao bọc lấy tôi; một cơn rã rời trùm xuống; tôi không còn muốn cử động nữa, chỉ muốn nằm đây, chìm vào lòng đất bên cạnh tất cả những gì còn lại với tôi của đời sống. Một ước muốn vô ích, vì chẳng còn

utterly; Elizabeth was in another man's arms, mocking me, perhaps, or more likely having already forgotten me.

gì nữa — ở bất cứ đâu. Thằng bé lạnh trong lòng đất — hoàn toàn chấm hết; Elizabeth đang trong vòng tay một người đàn ông khác, có lẽ đang nhạo báng tôi, hoặc rất có thể đã quên tôi rồi.

I rose heavily and, climbing back into the saddle, turned my horse's head in the direction of Windstalls.

Tôi nặng nề đứng dậy và, trèo lại lên yên, quay đầu ngựa về hướng Windstalls.

Bah, what did it all matter? Life was a game of hazard that you were forced to play whether you willed it or no; yes, and this God that men prayed to and revered was nothing but a trickster who loaded the dice against you at every turn. Perhaps it was as well the boy had died. He too might have had high dreams and ideals which would none of them have been fulfilled. He, too, might have lived to discover the fruits of life turning bitter in his mouth. He, too, might have married into a family that was a curse upon him.

Chà, tất cả đó thì có nghĩa lý gì? Đời là một trò đỏ đen mà người ta bị buộc phải chơi dù muốn hay không; phải, và vị Thượng đế mà người đời cầu nguyện và tôn kính ấy chẳng qua chỉ là một kẻ bịp bợm luôn nạp sẵn xúc xắc chống lại bạn ở mọi lượt. Có lẽ thằng bé chết đi lại là điều hay. Nó cũng có thể đã mang những giấc mơ và lý tưởng cao đẹp mà chẳng điều nào được thực hiện. Nó cũng có thể đã sống để khám phá ra rằng trái quả của đời sống hóa đắng trong miệng mình. Nó cũng có thể đã cưới vào một gia đình là lời nguyền cho nó.

"Well, she'll pay for it all now," I muttered savagely. "I've done with this weak pity—an eye for an eye is my motto for the future."

"Được, giờ thì cô ta sẽ phải trả giá cho tất cả chuyện này," tôi lẩm bẩm một cách hung dữ. "Tôi đã chấm dứt với lòng thương hại yếu đuối này rồi — mắt đền mắt sẽ là châm ngôn của tôi từ nay."

I thought that the man who came forward from the stables to take my horse when I arrived at Windstalls looked at me slyly; no doubt the servants were laughing at me too. My eyes narrowed; I had half a mind to dismiss the lot of them.

Tôi nghĩ rằng người đàn ông bước ra từ chuồng ngựa để dắt ngựa cho tôi khi tôi về đến Windstalls đã nhìn tôi một cách láu cá; hẳn đám gia nhân cũng đang cười nhạo tôi. Mắt tôi nheo lại; tôi đã nửa muốn đuổi cổ cả lũ.

"Is all well?" I asked sharply as I stooped to calm the excited antics of a pack of dogs that had rushed from all sides at the sound of my voice.

"Mọi việc ổn cả chứ?" tôi hỏi gắt khi cúi xuống trấn an những trò nhảy nhót kích động của một bầy chó đã từ mọi phía lao đến khi nghe tiếng tôi.

The man shook his head and jerked his thumb towards a cottage which could just be seen through the trees on the other side of the ornamental water.

Người đàn ông lắc đầu và hất ngón tay cái về phía một căn nhà nhỏ chỉ vừa thấy được qua đám cây ở phía bên kia hồ cảnh.

"She's been at it again," he remarked cryptically. "We took food and left it outside, but we daresn't go in; she was screaming, shouting of devils and suchlike—we thought

"Bà ấy lại lên cơn nữa rồi," hắn nói một cách bí hiểm. "Chúng tôi mang thức ăn đến và để ngoài cửa, nhưng không dám vào; bà ấy la hét, gào lên về ma quỷ với những thứ tương

best to leave her alone."

tự — chúng tôi nghĩ tốt hơn là cứ để bà ấy yên."

I relieved my pent-up feelings in a bitter tirade of abuse at the man's cowardice.

Tôi trút những cảm xúc bị dồn nén của mình thành một tràng chửi rủa cay độc vào sự hèn nhát của hắn.

"She may be dead, you miserable pack of curs; is it thus you attend to your duties? I'll go and see to her myself, and do you fetch some fresh food and bring it along presently."

"Có thể bà ấy đã chết rồi, đồ chó má khốn kiếp; các ngươi làm bổn phận kiểu đó sao? Ta sẽ tự đi xem bà ấy, còn ngươi thì đi lấy ít thức ăn mới và lát nữa mang đến."

It was nearly a quarter of a mile to the cottage where Elizabeth's mother lived. She was not fit to be kept nearer, for her habits were unclean and, when drunk sometimes two men were needed to control her.

Từ đó đến căn nhà nơi mẹ Elizabeth sống gần một phần tư dặm. Bà ta không thích hợp để ở gần hơn, vì thói quen của bà ta nhơ bẩn và, khi say, đôi khi cần đến hai người đàn ông mới khống chế nổi.

Entering the stuffy lower room I was, as usual, so struck with revulsion and with pity at the squalid condition to which she had been reduced that for a moment I forgot my own misfortunes.

Bước vào căn phòng thấp, ngột ngạt ở tầng dưới, như thường lệ tôi bị đánh mạnh bởi sự ghê tởm và thương hại trước tình trạng bẩn thỉu mà bà ta đã sa xuống đến mức trong chốc lát tôi quên cả những bất hạnh của chính mình.

I called her name and a hoarse voice answered and bade me wait.

Tôi gọi tên bà ta và một giọng khàn khàn đáp lại, bảo tôi chờ.

I did not sit down. The stale smell of spirits and of things unutterably foul sickened me; my fastidiousness recoiled from any contact here.

Tôi không ngồi xuống. Mùi rượu cũ và những thứ bẩn thỉu không sao nói nổi làm tôi buồn nôn; sự kỹ tính của tôi co rút lại trước bất kỳ sự tiếp xúc nào ở đây.

Poor Adela, I thought, what an end was this! She had been a beauty, a young heiress, courted and spoilt before Nathaniel Chalmers met her; now she was bereft of everything—money, beauty, reputation, even of her wits.

Tội nghiệp Adela, tôi nghĩ, kết cục này là sao! Bà ta từng là một mỹ nhân, một nữ thừa kế trẻ, được theo đuổi và nuông chiều trước khi Nathaniel Chalmers gặp bà; giờ đây bà bị tước sạch mọi thứ — tiền bạc, nhan sắc, danh tiếng, thậm chí cả trí khôn.

I could never enter here without recalling that tragedy. Nathaniel, a man of most rigid virtue, had swept like a burning flame into this girl's life, denouncing her petty vanities, her frivolous ways, even her wealth, as of the devil. Why she had loved him, what she found in this hysterical fanatic, no one had understood; but she had abandoned everything for him, following him out into the bleak world in which he moved, going

Tôi không bao giờ có thể bước vào đây mà không nhớ lại bi kịch ấy. Nathaniel, một người đàn ông có đức hạnh cứng rắn nhất, đã quét vào đời cô gái này như một ngọn lửa cháy rực, lên án những phù phiếm nhỏ nhen, những lối sống hời hợt, ngay cả sự giàu có của bà, là của quỷ dữ. Vì sao bà yêu ông ta, bà tìm thấy gì nơi kẻ cuồng tín cuồng loạn ấy, không ai hiểu nổi; nhưng bà đã từ bỏ tất cả vì ông ta, theo ông ta ra thế giới lạnh lẽo mà ông

with him from village to village, while he exhorted people to repent and flee from the wrath of God.

ta sống trong đó, đi cùng ông ta từ làng này sang làng khác, trong khi ông ta khuyên người ta sám hối và chạy trốn cơn thịnh nộ của Thượng đế.

I had never heard what first made Adela fall a victim to the terrible lust for drink; I only knew that Nathaniel set himself the task of casting out this devil which he believed had gained power over his beloved wife; for to Nathaniel the world was peopled with the predatory hosts of the evil one. So great was his anxiety to save her that there was no cruelty, no austerity to which he did not subject her in order to attain his goal. And she, in her love, had been pitifully eager to submit to everything, although his penances and scourgings only weakened her body and destroyed her will.

Tôi chưa bao giờ nghe được điều gì đầu tiên khiến Adela trở thành nạn nhân của cơn thèm rượu khủng khiếp ấy; tôi chỉ biết Nathaniel tự đặt cho mình nhiệm vụ trục xuất con quỷ mà ông ta tin là đã giành quyền lực trên người vợ yêu dấu của mình; vì đối với Nathaniel, thế giới đầy rẫy những đạo quân săn mồi của ác quỷ. Nỗi lo cứu bà của ông ta lớn đến mức không có sự tàn nhẫn nào, không có sự khổ hạnh nào mà ông ta không bắt bà phải chịu để đạt mục tiêu. Và bà, trong tình yêu của mình, đã đáng thương mà sốt sắng phục tùng mọi thứ, mặc dù những hình phạt và roi vọt của ông ta chỉ làm thân thể bà suy yếu và hủy hoại ý chí của bà.

But she grew rapidly worse. At last Nathaniel imagined she had been unfaithful and cast her out in an extremity of jealous rage. For several years she had wandered about the country, sinking lower and lower, whoring, thieving, lying, selling herself body and soul to any creature, however debased, who would procure her the drink she madly craved. Thus at last, half dead, she arrived at Windstalls and had straightway thrown herself upon my charity.

Nhưng bà ngày càng tệ đi rất nhanh. Cuối cùng Nathaniel tưởng tượng rằng bà đã không chung thủy và đuổi bà đi trong cơn ghen điên cuồng tột độ. Trong nhiều năm bà lang thang khắp miền quê, sa sút ngày càng thấp hơn, làm điếm, ăn cắp, nói dối, bán cả thân lẫn hồn cho bất kỳ sinh vật nào, dù đê tiện đến đâu, miễn là kiếm cho bà thứ rượu mà bà điên cuồng thèm khát. Và thế là cuối cùng, nửa sống nửa chết, bà đến Windstalls và lập tức phó mình cho lòng từ thiện của tôi.

The boards in the room above creaked with an ominous sound. I heard a heavy body descending the narrow stairs. So large had she grown of late that she could scarce pass the doorway. She stood now on the threshold, staring at me stupidly, her grey hair straggling down her flabby, mottled face, her shaking hand holding a soiled wrapper together over her hooped petticoats. She had obviously not yet fully recovered from her recent drinking bout.

Những tấm ván ở căn phòng trên lầu kêu cót két một âm thanh điềm gở. Tôi nghe một thân thể nặng nề đang xuống cầu thang hẹp. Gần đây bà ta đã béo lên đến mức khó lòng lọt qua khung cửa. Giờ bà đứng nơi ngưỡng cửa, đờ đẫn nhìn tôi, mái tóc xám rũ xuống khuôn mặt bèo nhèo, loang lổ, bàn tay run rẩy giữ tấm áo choàng bẩn khép lại trên lớp váy lót có khung. Rõ ràng bà vẫn chưa hoàn toàn hồi phục sau cơn say gần đây.

Despite my repulsion I was in some queer way attached to this woman. She had, I thought, a humanity and a tolerance not to be found so easily in the world. Her

Bất chấp sự ghê tởm của mình, theo một cách kỳ lạ nào đó tôi vẫn gắn bó với người đàn bà này. Tôi nghĩ bà có một tính người và một sự khoan dung không dễ tìm thấy trong đời. Lối

forthright speech and bawdy wit were refreshing after the simpering affectations of the ladies of fashion who, though bawdy too, were yet bawdy with a difference. Her vagabond and tragic life seemed to have taught her some queer sense of proportion to which these others could never attain—they who were, after all, for the most part but glorified ladies-of-the-town and in the long run just as wearisome.

nói thẳng và sự tục tĩu hóm hỉnh của bà đem lại cảm giác tươi mới sau những kiểu cách õng ẹo của các quý bà thời thượng, những người tuy cũng tục tĩu, nhưng lại tục tĩu theo một kiểu khác. Cuộc đời lang bạt và bi thảm của bà dường như đã dạy cho bà một Ý thức về tỉ lệ kỳ lạ nào đó mà những người kia không bao giờ đạt tới — họ, rốt cuộc, phần lớn chỉ là những kỹ nữ được tô son điểm phấn, và về lâu dài cũng mệt mỏi như nhau.

There had always been a kind of sympathy, too, between us; so that now, standing there facing each other, we communed without words.

Giữa chúng tôi cũng luôn có một thứ cảm thông nào đó; đến nỗi giờ đây, đứng đó đối diện nhau, chúng tôi giao cảm không lời.

"So you know..." she mumbled presently. "Well, 'tis you drove her to it, when all's said."

"Vậy là cậu biết rồi..." cuối cùng bà lẩm bẩm. "Ừ, nói cho cùng thì chính cậu đã đẩy nó đến chuyện này."

I drew a quick breath. "Me? You crazy fool! If anyone did I dare swear it was yourself; you knew all about it, you haven't forgotten how to play the procuress, I'll warrant."

Tôi hít mạnh một hơi. "Tôi ư? Đồ điên khùng! Nếu có ai làm thế thì tôi dám thề chính là bà; bà biết hết mọi chuyện, bà vẫn chưa quên cách làm mụ tú bà đâu, tôi dám chắc."

She gave a hoarse chuckle and laboriously lowered herself into a chair.

Bà cười khục khục khàn khàn và nặng nhọc hạ mình xuống ghế.

"D'you think Elizabeth could keep anything to herself for long? Of course she told me; and the scenes she made!

"Cậu nghĩ Elizabeth có thể giữ kín chuyện gì lâu sao? Dĩ nhiên là nó kể với tôi; và những cảnh nó làm mới ghê chứ!

Wept, she did—said she must give him up—do what was right.... Ha, ha! There's a streak of my poor Nat in Elizabeth. She prated of marriage vows—and your ruined life—as if she, silly little fool, was the only one you'd ever been to bed with! But I..." her voice dropped, into her bleary eyes crept a sly look, "I knew. I knew what'd happen if she didn't have her way—she's the kind that dies slowly, goes into a decline—or worse. For, mark you, she's properly in love—a little mad with it. Of course you've not noticed, but it's been in her eyes, in her gait this long while. Or perhaps you thought it was your charms?" She laughed again. "She never was in love with you like that, save at the very first. Since then she's been grateful, affectionate—like a dog is. Did I say it was your fault? Well, so it was. You—you

Nó khóc đấy — nói rằng nó phải từ bỏ anh ta — phải làm điều đúng.... Ha, ha! Trong Elizabeth có một vệt của Nat tội nghiệp của tôi. Nó ba hoa về lời thề hôn nhân — và cuộc đời tan nát của cậu — như thể nó, con ngốc nhỏ, là người duy nhất cậu từng lên giường cùng vậy! Nhưng tôi..." giọng bà hạ xuống, trong đôi mắt lờ đờ hiện lên một vẻ láu cá, "tôi biết. Tôi biết chuyện gì sẽ xảy ra nếu nó không được theo ý mình — nó là loại người chết dần chết mòn, lụi tàn đi — hoặc tệ hơn. Vì, nhớ cho kỹ, nó đang yêu thật sự — hơi điên lên vì tình yêu ấy. Dĩ nhiên cậu không nhận ra, nhưng điều đó đã ở trong mắt nó, trong dáng đi của nó từ lâu rồi. Hay có lẽ cậu tưởng đó là do sức quyến rũ của cậu?" Bà lại cười. "Nó chưa bao giờ yêu cậu kiểu đó, trừ lúc đầu tiên. Từ đó về sau nó biết ơn, trìu mến — như chó với chủ vậy. Tôi có nói đó là lỗi

frightened her. The first night, Charles! Ah, you may wince. Haven't you ever realized she's not made for your kind of passion—nor mine, either; you and I are something alike, my pretty Charles—although you'd not care to own the likeness. Ho, you've got hot blood enough, but not she—not my Elizabeth?"

của cậu không? Ừ, đúng thế đấy. Cậu — cậu đã làm nó sợ. Đêm đầu tiên ấy, Charles! À, cậu cứ nhăn mặt đi. Chẳng lẽ cậu chưa bao giờ nhận ra rằng nó không được tạo ra cho kiểu đam mê của cậu — cũng chẳng cho kiểu của tôi; cậu và tôi có cái gì đó giống nhau, Charles xinh đẹp của tôi — dù cậu chẳng muốn nhận cái sự giống nhau ấy đâu. Ho, máu cậu đủ nóng đấy, nhưng nó thì không — Elizabeth của tôi thì không?"

She leant forward across the table, looking up at me with her bleared eyes; her voice had taken on a monotonous quality; I knew these moods in her, when she appeared almost like some old sybil. They always fascinated me into silence.

Bà nghiêng người qua bàn, ngước nhìn tôi bằng đôi mắt mờ đục; giọng bà mang một âm điệu đơn điệu; tôi biết những cơn như thế ở bà, khi bà gần như hiện ra như một nữ tiên tri già. Chúng luôn mê hoặc tôi vào im lặng.

"You're right, I did help her," she said, "because I want her to be happy. She can be; she's simple. Neither you nor I are made for happiness. We want too much—" Her head sagged.

"Cậu nói đúng, tôi đã giúp nó," bà nói, "vì tôi muốn nó được hạnh phúc. Nó có thể được hạnh phúc; nó đơn giản. Cả cậu lẫn tôi đều không được tạo ra cho hạnh phúc. Chúng ta muốn quá nhiều—" Đầu bà gục xuống.

"I know," she continued, "I know. We're all of us looking for something; that's what life is. You too under your cold, proud air, you're just like the rest. It's love we want, I suppose, or perhaps just something that's bigger than ourselves that we can serve—aye, and worship; something to bring us happiness. Some of us know what it is we want. I found it—in Nat—but I wasn't big enough perhaps —or he wasn't—I don't know any more. Now Elizabeth's found it in Basil, and you—" her voice grew fierce —"you'd rob her of it just because you lost yours when your boy was killed...."

"Tôi biết," bà tiếp tục, "tôi biết. Tất cả chúng ta đều đang tìm kiếm một điều gì đó; đời là thế. Cậu cũng vậy, dưới vẻ lạnh lùng, kiêu hãnh ấy, cậu cũng như những người khác thôi. Điều chúng ta muốn là tình yêu, tôi nghĩ vậy, hoặc có lẽ chỉ là một cái gì đó lớn hơn chính mình mà ta có thể phụng sự — phải, và tôn thờ; một cái gì đó đem lại hạnh phúc cho ta. Một số người trong chúng ta biết mình muốn gì. Tôi đã tìm thấy nó — trong Nat — nhưng có lẽ tôi không đủ lớn — hoặc ông ấy không đủ lớn — tôi không còn biết nữa. Giờ Elizabeth đã tìm thấy nó nơi Basil, còn cậu—" giọng bà trở nên dữ dội — "cậu muốn cướp nó khỏi nó chỉ vì cậu đã mất phần của mình khi con trai cậu bị giết...."

At the mention of my son by those drooling lips my control broke down and my bitterness against this woman and her brood who had wrought me nothing but ill all my days, flashed out. At the malignant glance I gave her even she, besotted, already falling into a sort of maudlin coma, shrank back, galvanized by my passion into a renewed awareness of me and my purpose. Yes, she had indeed been right, I could hate as fiercely

Khi con trai tôi được nhắc đến bởi đôi môi dãi dớt ấy, sự tự chủ của tôi sụp đổ và nỗi cay đắng của tôi đối với người đàn bà này cùng cả lũ nhà bà, những kẻ suốt đời chẳng đem đến cho tôi gì ngoài tai họa, bùng phát ra. Trước cái nhìn độc địa tôi ném cho bà, ngay cả bà, đang say mèm, đã bắt đầu rơi vào một thứ hôn mê ủy mị, cũng co rúm lại, bị niềm đam mê của tôi làm cho giật mình mà tỉnh táo hơn về tôi và mục đích của tôi. Phải, quả thật

as I could love and beneath the veneer of cool and cynical indifference with which I had schooled myself to cloak my feelings I could suffer intolerably.

bà đã đúng, tôi có thể hận dữ dội như tôi có thể yêu, và dưới lớp véc-ni lạnh lùng, hoài nghi, Điềm nhiên mà tôi đã rèn cho mình để che phủ cảm xúc, tôi có thể đau khổ không sao chịu nổi.

"Elizabeth," I said, and my voice was level and ice- cold, "will learn her mistake and return to her duty as an obedient wife—that is, if afterwards I choose to allow her to return."

"Elizabeth," tôi nói, và giọng tôi đều đều, lạnh như băng, "sẽ học ra sai lầm của mình và trở về với bổn phận của một người vợ vâng lời — nghĩa là, nếu sau đó tôi còn chọn cho phép nàng trở về."

Adela raised herself heavily. "Afterwards? What are you going to do, Charles? What devilry are you planning?" Her voice rose again as I remained silent. "Charles, Charles, you'll never drag her back against her will? You'll never do Basil an injury?"

Adela nặng nề ngẩng lên. "Sau đó ư? Cậu định làm gì, Charles? Cậu đang toan tính trò quỷ quái gì?" Giọng bà lại cao lên khi tôi vẫn im lặng. "Charles, Charles, cậu sẽ không lôi nó về trái ý nó chứ? Cậu sẽ không làm hại Basil chứ?"

"I have made all my arrangements," I replied. "This Basil—as you call him—will be taught his lesson. That is all."

"Tôi đã sắp xếp mọi việc rồi," tôi đáp. "Tên Basil này — như bà gọi — sẽ được dạy cho một bài học. Chỉ thế thôi."

She clutched at my sleeve. "You'll not kill him, Charles?"

Bà chộp lấy tay áo tôi. "Cậu sẽ không giết anh ta chứ, Charles?"

"Why not? Has he not shamed me before all the world?"

"Tại sao không? Chẳng phải hắn đã làm nhục tôi trước cả thế gian sao?"

Holding me still by the sleeve she dragged herself up towards me; although I tried to shake her off, I found myself, by her inert mass, being slowly forced to stoop nearer so that her foul breath fanned my cheek.

Vẫn nắm chặt tay áo tôi, bà lôi mình đứng dậy về phía tôi; dù tôi cố giũ bà ra, tôi nhận ra mình, bởi khối thân thể ì nặng của bà, đang bị ép chậm chạp phải cúi xuống gần hơn để hơi thở hôi hám của bà phả vào má tôi.

"Rum," I thought idly, "I wonder how she got it? I told the men..." Then her voice brought me back.

"Lạ thật," tôi lơ đãng nghĩ, "không biết bà ta kiếm rượu ở đâu? Tôi đã dặn đám người..." Rồi giọng bà kéo tôi trở lại.

"You've got to let them go. You don't know what you'll do to her—you don't understand —but you've got to—you've got to learn. Don't look at me with those cold eyes. Oh, you're all alike, you men, hard, self-righteous, thinking of your own pleasures. You'll do to her what my Nat did to me—but she's weaker than I was, you'll kill her—kill her soul. What right have you to ruin two lives —and for what? Your honour! Ha, ha, a nice thing for you to talk of, you with your

"Cậu phải để họ đi. Cậu không biết cậu sẽ làm gì với nó đâu — cậu không hiểu — nhưng cậu phải — cậu phải học. Đừng nhìn tôi bằng đôi mắt lạnh ấy. Ôi, các người đều giống nhau cả, đàn ông các người, cứng rắn, tự cho mình là đúng, chỉ nghĩ đến thú vui của mình. Cậu sẽ làm với nó điều Nat của tôi đã làm với tôi — nhưng nó yếu hơn tôi, cậu sẽ giết nó — giết linh hồn nó. Cậu có quyền gì mà hủy hoại hai cuộc đời — và vì cái gì? Danh dự của cậu! Ha, ha, cậu mà nói đến danh dự thì hay thật đấy,

fine ladies and your trollops —you who only took Elizabeth on a romantic caprice, thinking yourself a noble, gallant fellow. Honour! Hypocrites, all of you, who deck out your lusts and your selfish vanities with fine names, whilst we—we..."

cậu với những quý bà sang trọng và những con điếm của cậu — cậu, kẻ chỉ lấy Elizabeth vì một cơn bốc đồng lãng mạn, tưởng mình là một gã cao quý, hào hiệp. Danh dự! Toàn lũ đạo đức giả, tất cả các người, những kẻ khoác cho dục vọng và những phù phiếm ích kỷ của mình những cái tên đẹp đẽ, trong khi chúng tôi — chúng tôi..."

She suddenly let me go and sank forward muttering and weeping on the table. For a moment I glared at her, too disgusted and furious even for speech, then swung round and strode out of the place.

Bà đột nhiên buông tôi ra và gục xuống bàn, vừa lẩm bẩm vừa khóc. Trong chốc lát tôi trừng mắt nhìn bà, quá ghê tởm và giận dữ đến mức không nói nổi, rồi quay phắt đi và sải bước ra khỏi nơi đó.

All the way back to the house my rage boiled within me; the few servants who met me drew hurriedly aside, frightened no doubt by my set white face, tight lips and blazing eyes.

Suốt quãng đường trở về nhà, cơn giận của tôi sôi lên bên trong; vài gia nhân gặp tôi đều vội vàng tránh sang một bên, hẳn bị dọa bởi khuôn mặt trắng bệch căng cứng, đôi môi mím chặt và đôi mắt rực lửa của tôi.

Round and round in my head went Adela's words. The devil of it was there was truth in them, a truth which something within me recognized and acclaimed despite my superficial furious protests.

Lời của Adela cứ quay cuồng trong đầu tôi. Điều quỷ quái ở chỗ là trong đó có sự thật, một sự thật mà cái gì đó bên trong tôi nhận ra và thừa nhận bất chấp những phản kháng giận dữ bề ngoài của tôi.

I strove to ignore it. Elizabeth—it was all her fault, from the beginning. Had she not seduced me when I was but a foolish boy? I saw her again as I had seen her first, so lovely, so appealing and romantic, crouched weeping in a meadow with a weal from her father's cane across her plump, white shoulder. Well, perhaps Adela—curse her for a witch—hadn't been far wrong there, I may have been as much in love with my own fancied chivalry as with her. But I had been young—I'd loved her since, hadn't I?

Tôi cố phớt lờ nó. Elizabeth — tất cả là lỗi của nàng, ngay từ đầu. Chẳng phải nàng đã quyến rũ tôi khi tôi chỉ là một chàng trai ngốc nghếch sao? Tôi lại thấy nàng như lần đầu tôi gặp, đẹp đẽ, khêu gợi và lãng mạn biết bao, ngồi co ro khóc trong một đồng cỏ với vết roi mây của cha nàng hằn ngang bờ vai trắng tròn trịa. Ừ, có lẽ Adela — nguyền rủa mụ phù thủy ấy — cũng không sai bao nhiêu ở điểm đó, có thể tôi yêu cái tinh thần hiệp sĩ mà tôi tưởng tượng về mình cũng nhiều như yêu nàng. Nhưng khi ấy tôi còn trẻ — từ đó về sau tôi đã yêu nàng, chẳng phải sao?

Elizabeth—Adela—Nathaniel—between them all they had robbed me of my peace—curse the lot of them! Hadn't they murdered my son? But this was the end. Now I knew them for the enemies they were I'd be rid of them all: Adela could go back to the gutters where she belonged—and Elizabeth might follow her; as for Nathaniel, if ever the chance came my way I'd keep the vow I had made over the boy's dead body and make

Elizabeth — Adela — Nathaniel — giữa tất cả bọn họ, họ đã cướp mất sự bình yên của tôi — nguyền rủa cả lũ! Chẳng phải họ đã giết con trai tôi sao? Nhưng đây là kết thúc. Giờ tôi đã biết họ là những kẻ thù như thế nào, tôi sẽ tống khứ hết bọn họ: Adela có thể quay về cống rãnh nơi bà ta thuộc về — và Elizabeth có thể theo bà ta; còn Nathaniel, nếu cơ hội đến tay tôi, tôi sẽ giữ lời thề đã lập bên xác con trai và bắt ông ta trả gấp trăm lần cho

him pay a hundredfold for all the evil he had brought me.

mọi điều ác ông ta đã gây cho tôi.

Still plunged in these bitter thoughts I found myself in my wife's room; I had not meant ever again to enter it, but now, amid her familiar dresses, her perfumes, all the small intimate, delightful things that spoke of her, I paused.

Vẫn chìm trong những ý nghĩ cay đắng ấy, tôi nhận ra mình đang ở trong phòng vợ; tôi đã không hề định bước vào đó nữa, nhưng giờ đây, giữa những chiếc váy quen thuộc của nàng, những mùi hương của nàng, tất cả những vật nhỏ bé thân mật, đáng yêu nói về nàng, tôi dừng lại.

The tallboy was open as she must have left it in her flight. There were empty spaces and a disorder which spoke of feverish packings. I fingered for a moment a sprigged muslin she was wont to wear o' mornings; most of her shoes were still there, tiny and somehow pathetic now, abandoned of their owner. A hat, all coloured bows and flowers—I could see her laughing face beneath it. Yes, I knew, as I stood in this room with the fragrance of her presence still about me, that I had, indeed, loved her in my fashion whatever Adela might say.

Chiếc tủ cao đang mở như nàng hẳn đã để lại trong lúc bỏ đi. Có những khoảng trống và một sự bừa bộn cho thấy việc thu xếp hành lý vội vã. Trong chốc lát tôi chạm tay vào một chiếc váy muslin hoa nhỏ nàng thường mặc buổi sáng; phần lớn giày của nàng vẫn còn đó, nhỏ xíu và giờ đây bằng cách nào đó thật đáng thương, bị chủ nhân bỏ lại. Một chiếc mũ, đầy nơ màu và hoa — tôi có thể thấy khuôn mặt cười của nàng dưới nó. Phải, khi đứng trong căn phòng này với hương thơm của sự hiện diện của nàng vẫn còn quanh tôi, tôi biết rằng quả thật tôi đã yêu nàng theo cách của mình, bất kể Adela có nói gì.

I could not bear to linger here but passed on to my own apartments. The first thing my eyes lighted on were my rapiers lying upon a chest. I took one up; as my hand closed round the hilt a thrill of exultation went through me. I bent it, testing the steel. In this art I was indeed a master; I had made a name for myself as an adversary to be avoided, and this fool—this raw country lad from some outlandish Northern part—had dared defy me! I began to make swift passes as if at an unseen opponent. I remembered Adela's cry: "You'll not kill him?" Kill him? I had only thought of wounding him severely—but — why not? Suddenly, from deep within the unknown recesses of my being, a flood of hatred swept up, a hatred of such virulence that blood suffused my eyes and my body trembled. I gripped the hilt wildly. "Kill him?" I cried, "I'll do more than kill him, I'll maim him for life, torture him! 1'11 teach him to steal my wife!"

Tôi không thể chịu nổi việc nấn ná ở đây mà đi tiếp sang phòng riêng của mình. Điều đầu tiên mắt tôi bắt gặp là những thanh kiếm mảnh của tôi nằm trên một chiếc rương. Tôi cầm một thanh lên; khi tay tôi khép quanh chuôi kiếm, một luồng hân hoan rúng động chạy qua tôi. Tôi uốn nó, thử thép. Trong nghệ thuật này, quả thật tôi là một bậc thầy; tôi đã tạo được tên tuổi như một đối thủ nên tránh, vậy mà tên ngốc này — gã trai quê non nớt từ một miền Bắc xa lạ nào đó — lại dám thách thức tôi! Tôi bắt đầu tung những đường kiếm nhanh như thể trước một đối thủ vô hình. Tôi nhớ tiếng kêu của Adela: "Cậu sẽ không giết anh ta chứ?" Giết hắn ư? Tôi mới chỉ nghĩ đến việc làm hắn bị thương nặng — nhưng — tại sao không? Bỗng nhiên, từ sâu trong những ngóc ngách vô danh của bản thể tôi, một cơn lũ hận thù dâng trào lên, một nỗi hận độc địa đến mức máu dồn lên mắt tôi và thân thể tôi run rẩy. Tôi siết chuôi kiếm một cách cuồng loạn. "Giết hắn ư?" tôi kêu lên, "Tôi sẽ làm hơn cả giết hắn, tôi sẽ làm hắn tàn phế suốt đời, tra tấn hắn! Tôi sẽ

dạy cho hắn biết thế nào là cướp vợ tôi!"

I stopped, appalled at the tones of my own voice. The rapier fell from my hand, but I did not pick it up, only stared at it with shrinking and with horror.

Tôi dừng lại, kinh hãi trước chính âm điệu giọng mình. Thanh kiếm rơi khỏi tay tôi, nhưng tôi không nhặt lên, chỉ nhìn chằm chằm vào nó với sự co rút và kinh hoàng.

What had come over me? Was I going mad? I, who always prided myself upon my perfect self-control, to cry aloud for blood—to think of maiming.... Shuddering, I sank upon the bed, covering my face with my hands, struggling to regain command of myself.

Điều gì đã xảy đến với tôi? Tôi có đang phát điên không? Tôi, kẻ luôn tự hào về sự tự chủ hoàn hảo của mình, lại kêu gào đòi máu — lại nghĩ đến chuyện làm người ta tàn phế.... Run rẩy, tôi ngồi phịch xuống giường, lấy tay che mặt, vật lộn để giành lại quyền làm chủ bản thân.

Presently when I could think more calmly I tried to understand what had happened; how came I to consider even for one moment so hateful and degraded a notion? That madness, that passion, whence came they—strangely familiar yet withal so alien? Presently I laughed bitterly. "Come, Charles," I said, "have done with this self-deception. Adela may be a drunken sot, but she's more often nearer the truth than most." I'd fooled myself long enough, but now, faced with the fact of my own behaviour at that moment, there was no more avoiding it. Had I not, all my life, been aware of something within myself like to a chained beast which must be carefully held in leash? From childhood I had been terrified of any display of emotion, either in myself or in others, and had always held myself in check, disciplining myself in secret, so that even to my intimates I had ever appeared cold, aloof, indifferent. I had known, even then, that any slackening of the control and that chained thing might break loose. Only once it had got the better of me, its master; that was when the boy had died and I had no longer cared what happened to my body or my mind. But even that had not lasted long; shame had driven me back to the old paths; the conventions of my time—the rigid code of the society of which I was a part, combined with that fear which dwelt ever within me—a strange fear like a threat of destruction—had saved me. But this lapse was worse than anything I could have

Một lúc sau, khi có thể suy nghĩ bình tĩnh hơn, tôi cố hiểu điều gì đã xảy ra; làm sao tôi lại có thể dù chỉ trong một khoảnh khắc nghĩ đến một ý tưởng ghê tởm và đê hèn đến thế? Cơn điên ấy, niềm đam mê ấy, từ đâu mà đến — kỳ lạ thay vừa quen thuộc lại vừa xa lạ đến vậy? Rồi tôi cười cay đắng. "Nào, Charles," tôi nói, "đừng tự dối mình nữa. Adela có thể là một mụ nát rượu, nhưng thường lại gần sự thật hơn đa số người khác." Tôi đã tự lừa mình đủ lâu rồi, nhưng giờ đây, đối diện với sự thật về hành vi của mình lúc ấy, không thể tránh né thêm nữa. Chẳng phải suốt đời tôi vẫn ý thức được trong mình có một cái gì đó như một con thú bị xích, phải được giữ cẩn thận trong dây cương sao? Từ thuở nhỏ tôi đã khiếp sợ mọi biểu lộ cảm xúc, dù ở chính mình hay ở người khác, và luôn giữ mình trong vòng kiểm soát, bí mật rèn luyện bản thân, đến nỗi ngay cả với những người thân cận tôi cũng luôn hiện ra lạnh lùng, xa cách, Điềm nhiên. Ngay từ khi ấy tôi đã biết rằng chỉ cần sự kiểm soát ấy lơi ra, cái thứ bị xích kia có thể sổng ra. Chỉ một lần nó đã thắng được tôi, kẻ làm chủ nó; đó là khi thằng bé chết và tôi không còn quan tâm điều gì xảy ra với thân thể hay trí tuệ của mình nữa. Nhưng ngay cả điều đó cũng không kéo dài lâu; sự xấu hổ đã đẩy tôi trở lại những lối cũ; những quy ước của thời đại tôi — bộ quy tắc cứng nhắc của xã hội mà tôi là một phần, kết hợp với nỗi sợ luôn ngự trong tôi — một nỗi sợ lạ lùng như lời đe dọa hủy diệt — đã cứu tôi. Nhưng lần sa sút này còn tệ hơn bất cứ điều gì tôi có thể tưởng tượng là có thể xảy ra,

imagined possible, so barbarous that I could, even now, scarce believe it of myself.

man rợ đến mức ngay cả lúc này tôi cũng khó lòng tin đó là chính mình.

I got up presently and flinging open the window took a deep breath of fresh air.

Một lúc sau tôi đứng dậy và tung cửa sổ ra, hít một hơi thật sâu không khí trong lành.

"God," I muttered, "am I in truth as base as this?"

"Thượng đế," tôi lẩm bẩm, "chẳng lẽ thật sự tôi đê tiện đến thế sao?"

The next morning a messenger rode in to say that the meeting was arranged and that Basil Tremayne had chosen pistols. I was glad, as somehow I did not feel like touching those rapiers again.

Sáng hôm sau một sứ giả cưỡi ngựa đến báo rằng cuộc gặp đã được sắp xếp và Basil Tremayne đã chọn súng ngắn. Tôi mừng vì bằng cách nào đó tôi không thấy muốn chạm vào những thanh kiếm ấy nữa.

The next few days I spent going about the estate among my horses and dogs, setting everything in order. The duel and what subsequent eventualities might develop therefrom I resolutely put out of my mind. I had been more shaken than I cared to admit even to myself, by that curious happening in my room which seemed, somehow, fraught with some profound inner significance I did not pretend to understand nor seek to explain.

Vài ngày tiếp theo tôi dành để đi quanh điền trang giữa đám ngựa và chó của mình, sắp xếp mọi thứ cho ổn thỏa. Cuộc đấu súng và những khả năng có thể xảy ra sau đó, tôi kiên quyết gạt khỏi đầu. Tôi đã bị chấn động nhiều hơn mức muốn thừa nhận, ngay cả với chính mình, bởi biến cố kỳ lạ trong phòng tôi, biến cố dường như, bằng cách nào đó, chất chứa một thâm nghĩa nội tâm sâu xa mà tôi không giả vờ hiểu cũng không tìm cách giải thích.

Then, one night while I was sitting by the fire with my dogs round me, drinking my after-dinner wine and wondering whether it might not be better to send for the old fool of a parson for a game of cards rather than spend another evening alone, the door opened and Elizabeth came fluttering across the room towards me.

Rồi một đêm, khi tôi đang ngồi bên lò sưởi với đám chó quanh mình, uống rượu sau bữa tối và tự hỏi có lẽ gọi lão cha xứ ngốc nghếch đến chơi một ván bài còn hơn là lại trải qua một buổi tối cô độc nữa, thì cửa mở ra và Elizabeth bay vụt qua phòng về phía tôi.

I stared at her, aware, at sight of that pretty creature, so fair, so plump, so made for ease and laughter, of a queer feeling of sickness and of loss.

Tôi nhìn chằm chằm nàng, và khi thấy sinh thể xinh đẹp ấy, trắng trẻo, đầy đặn, sinh ra dường như để hưởng an nhàn và tiếng cười, tôi ý thức được một cảm giác kỳ lạ của buồn nôn và mất mát.

But I let none of this be seen, only made her a bow more elaborate than the occasion warranted.

Nhưng tôi không để lộ điều gì, chỉ cúi chào nàng một cách kiểu cách hơn mức dịp ấy đòi hỏi.

"Welcome home, Madam," I said, "so you've repented, I suppose? You've come back perhaps to tell me you've seen the error of your ways? 'Tis a little late, I must confess."

"Chào mừng về nhà, thưa bà," tôi nói, "vậy là nàng đã hối hận rồi, tôi đoán thế? Có lẽ nàng trở về để bảo tôi rằng nàng đã thấy ra lỗi lầm của mình? Hơi muộn đấy, tôi phải thú nhận."

But instead of wilting at my sneers as was her custom, she flung up her head and faced me with more spirit than I ever guessed could dwell within her placid body.

Nhưng thay vì héo đi trước những lời mỉa mai của tôi như thường lệ, nàng ngẩng đầu lên và đối diện tôi với nhiều khí phách hơn tôi từng ngờ có thể tồn tại trong thân thể điềm tĩnh ấy.

"I'm never coming back. I've found my happiness at last. I've only returned tonight to beg and implore you, Charles, to release Basil from this horrible obligation you've thrust upon him."

"Em sẽ không bao giờ quay về. Cuối cùng em đã tìm thấy hạnh phúc của mình. Tối nay em chỉ trở lại để van xin và khẩn cầu anh, Charles, giải thoát Basil khỏi nghĩa vụ khủng khiếp mà anh đã áp đặt lên anh ấy."

"Ho, so your fine Basil is afraid of giving me satisfaction like a gentleman, and has sent you to be his messenger! A gallant lover you've found yourself, my dear."

"Ồ, vậy ra Basil cao quý của nàng sợ phải cho tôi sự thỏa mãn như một quý ông, nên đã sai nàng đến làm sứ giả! Nàng đã tìm được một người tình thật can đảm đấy, em yêu."

"'Tis a lie. He'd never forgive me did he know. But I—" Her voice faltered, "I cannot endure the thought of this encounter. I cannot live through the agony of it. I shall go mad.... I cannot face waiting to know what you have done to him."

"Dối trá. Anh ấy sẽ không bao giờ tha thứ cho em nếu anh ấy biết. Nhưng em—" Giọng nàng chùng xuống, "em không thể chịu nổi ý nghĩ về cuộc chạm trán này. Em không thể sống qua nỗi thống khổ ấy. Em sẽ phát điên mất.... Em không thể đối diện với việc chờ đợi để biết anh đã làm gì anh ấy."

"Faith, what pretty sentiments! They do you credit. And for me, your husband, you'll have no anxiety, I take it?"

"Quả là những tình cảm đẹp đẽ! Chúng làm nàng vẻ vang lắm. Còn với tôi, chồng nàng, thì nàng sẽ chẳng lo lắng gì, tôi đoán vậy?"

She looked at me. "You?" she whispered, "you..." then burst into tears and turned away.

Nàng nhìn tôi. "Anh ư?" nàng thì thầm, "anh..." rồi bật khóc và quay đi.

I took my opportunity then and whipped her with the bitter irony I knew well she could never counter, for her slow wits ever lagged behind. It was not a pleasant hour we spent together. Mutual recriminations are rarely dignified and I was always particular about my dignity. She had no dignity at all, but she revealed other qualities which, until then, I had never suspected in her. For Elizabeth, placid, gentle Elizabeth was alive at last—even her beauty became a vivid thing and the more desirable; while the sharper became her speech, the more I found myself liking and admiring her for her spirit.

Lúc ấy tôi chớp lấy cơ hội và quất nàng bằng thứ mỉa mai cay độc mà tôi biết rõ nàng không bao giờ chống đỡ nổi, vì trí óc chậm chạp của nàng luôn theo sau. Đó không phải là một giờ dễ chịu mà chúng tôi trải qua cùng nhau. Những lời trách móc lẫn nhau hiếm khi có phẩm giá, mà tôi thì luôn đặc biệt giữ gìn phẩm giá của mình. Nàng chẳng có chút phẩm giá nào cả, nhưng lại bộc lộ những phẩm chất khác mà cho đến lúc ấy tôi chưa từng ngờ tới nơi nàng. Vì Elizabeth, Elizabeth hiền hòa, điềm tĩnh, cuối cùng đã sống dậy — ngay cả vẻ đẹp của nàng cũng trở nên sinh động và đáng khao khát hơn; và lời nói của nàng càng sắc bén, tôi càng thấy mình thích và khâm phục khí phách của nàng.

I goaded and played with her, it was cruel sport enough yet not all cruel since the result

Tôi chọc tức và đùa bỡn với nàng, đó quả là một trò tàn nhẫn, nhưng không hoàn toàn

was the birth in her of something new and fine. At last she rose from the chair into which she had sunk exhausted. She faced me, flushed, defiant amid her tears.

tàn nhẫn vì kết quả là trong nàng đã sinh ra một điều gì đó mới mẻ và cao đẹp. Cuối cùng nàng đứng dậy khỏi chiếc ghế nơi nàng đã ngã xuống vì kiệt sức. Nàng đối diện tôi, mặt ửng đỏ, thách thức giữa những giọt nước mắt.

"You never loved me," she cried, "never, for all your pratings. I have been your doll, your toy, the spoilt child of your idle hours—yes, and your housekeeper, the mother of your son, but never more than that. That is not love! Ah, I have known how in your heart you have oft despised me. Never to me, but to other women have you told your deeper thoughts. I may have been a fool, but you never troubled to make me wiser; you did not need me thus. But I—I have desired always to be everything to the man I loved, and Basil..." her voice broke on the name, trembled into soft harmonies so that the word took on an unwonted beauty, "Basil," she continued, "loves me for my mind—not only for my body; he asks my advice, we think alike—we are indeed as one. I cannot lose him, for I shall lose all... all...." Then breaking down suddenly she fell upon her knees imploring me to spare her lover's life.

"Anh chưa bao giờ yêu em," nàng kêu lên, "chưa bao giờ, bất chấp mọi lời ba hoa của anh. Em là búp bê của anh, món đồ chơi của anh, đứa trẻ được nuông chiều trong những giờ nhàn rỗi của anh — phải, và là quản gia của anh, mẹ của con trai anh, nhưng chưa bao giờ hơn thế. Đó không phải là tình yêu! À, em đã biết trong lòng anh thường khinh em biết bao. Không phải với em, mà với những người đàn bà khác anh mới nói những ý nghĩ sâu kín hơn của mình. Có thể em là một con ngốc, nhưng anh chưa bao giờ bận tâm làm cho em khôn hơn; anh không cần em theo cách ấy. Nhưng em — em luôn mong được là tất cả đối với người đàn ông em yêu, và Basil..." giọng nàng nghẹn lại ở cái tên ấy, run lên thành những hòa âm mềm mại khiến từ ấy mang một vẻ đẹp lạ thường, "Basil," nàng tiếp tục, "yêu em vì trí tuệ của em — không chỉ vì thân thể em; anh ấy hỏi ý kiến em, chúng em nghĩ giống nhau — chúng em thật sự như một. Em không thể mất anh ấy, vì em sẽ mất tất cả... tất cả...." Rồi đột nhiên suy sụp, nàng quỳ xuống van xin tôi tha mạng cho người tình của nàng.

I dismissed her at length with harsh words, but listened to her sobbing grow fainter with a feeling of irritated compunction.

Cuối cùng tôi đuổi nàng đi bằng những lời lẽ khắc nghiệt, nhưng khi nghe tiếng nức nở của nàng nhỏ dần, tôi lại cảm thấy một sự cắn rứt khó chịu.

I found myself wondering how she had come; whether her coach was waiting to take her back to Basil, or whether she would stay the night with her mother. I did not like to think of her in that sty, but it was impossible now to recall her and ask her to sleep at Windstalls. Besides I had an uncomfortable feeling that she might turn on me and refuse with scorn.

Tôi thấy mình tự hỏi nàng đã đến bằng cách nào; liệu xe ngựa của nàng có đang chờ để đưa nàng trở lại với Basil, hay nàng sẽ ở lại đêm nay với mẹ mình. Tôi không thích nghĩ đến nàng trong cái chuồng lợn ấy, nhưng giờ không thể gọi nàng lại và bảo nàng ngủ ở Windstalls được nữa. Hơn nữa tôi có một cảm giác khó chịu rằng nàng có thể quay lại với tôi và khinh bỉ từ chối.

I laughed; it was certainly a novel sensation to find myself afraid of Elizabeth.

Tôi cười; quả thật đó là một cảm giác lạ lùng khi thấy mình sợ Elizabeth.

I did not attempt to go to bed that night but instead sat over the fire, sipping my wine at intervals and holding the spaniel pup, Caesar, on my knee. It was somehow comforting to feel that soft, warm body, full of blind devotion pressed against me. "Horses and dogs," I thought wearily, "they're the only creatures a man can safely trust, when all's said."

Đêm ấy tôi không cố đi ngủ mà ngồi bên lò sưởi, thỉnh thoảng nhấp rượu và để chú chó spaniel con, Caesar, trên đầu gối. Thật kỳ lạ, cảm giác thân thể mềm mại, ấm áp ấy, đầy sự tận tụy mù quáng, ép sát vào tôi lại đem đến an ủi. "Ngựa và chó," tôi mệt mỏi nghĩ, "chúng là những loài duy nhất mà một người đàn ông có thể an tâm tin cậy, khi rốt cuộc mọi sự đã được nói ra."

But the problem of Elizabeth was not to be as easily disposed of as her presence had been. I was not a man given to introspective musings, believing in action rather than in thought and despising people who did little but read and dream. But from thought tonight there was no escape. Adela's words came back to me, reinforced by all that Elizabeth herself had said. As the hours wore on I began to see the pattern of our lives in a better perspective. Adela, with her devilish clear-sightedness, had been right again. I had loved my son too much for sanity and through this wild absorption I had lost Elizabeth. She had admitted that it was while I had been away for months seeking forgetfulness that she had first met Basil Tre- mayne. As I thought of this I began to pity her. She must have suffered much in those five years—pangs of conscience as well as of love. Gradually as my imagination got to work, my pity increased. Could I add to her torment the hellish tortures of further deprivation? What, moreover, would I gain by plunging her into fresh sorrow through destroying her lover? And even if I got her back, what would it profit me to drag an empty shell by force into my arms?

Nhưng vấn đề Elizabeth không thể dễ dàng được giải quyết như sự hiện diện của nàng. Tôi không phải hạng người hay chìm vào những suy tưởng nội quan, vì tin vào hành động hơn là suy nghĩ và khinh những kẻ chẳng làm gì ngoài đọc và mơ. Nhưng đêm nay, không thể trốn khỏi suy nghĩ. Những lời của Adela trở lại với tôi, được củng cố bởi tất cả những gì chính Elizabeth đã nói. Khi từng giờ trôi qua, tôi bắt đầu thấy mô hình đời sống của chúng tôi trong một viễn cảnh rõ hơn. Adela, với sự sáng suốt quỷ quái của bà, lại đúng. Tôi đã yêu con trai mình quá mức tỉnh táo, và chính trong sự đắm chìm cuồng dại ấy tôi đã đánh mất Elizabeth. Nàng đã thú nhận rằng chính trong lúc tôi đi xa nhiều tháng để tìm quên lãng thì nàng lần đầu gặp Basil Tre-mayne. Khi nghĩ đến điều này, tôi bắt đầu thương hại nàng. Hẳn nàng đã đau khổ nhiều trong năm năm ấy—những cắn rứt lương tâm cũng như những đau đớn của tình yêu. Dần dần, khi sự tưởng tượng của tôi bắt đầu hoạt động, lòng thương hại ấy tăng lên. Liệu tôi có thể chất thêm lên nỗi dày vò của nàng những cực hình địa ngục của sự tước đoạt thêm nữa không? Hơn nữa, tôi sẽ được gì khi đẩy nàng vào nỗi đau mới bằng cách hủy diệt người tình của nàng? Và ngay cả nếu tôi giành lại được nàng, thì có ích gì khi cưỡng ép kéo một cái vỏ rỗng vào vòng tay mình?

Backwards and forwards swayed the tide of my thoughts and resolutions. Often enough vanity got the upper hand; my hurt pride could not brook this situation and cried out for vengeance. All the conventions in which I had been reared assured me that my attitude was right, yet again that something within me forced me to look deeper although

Thủy triều của những ý nghĩ và quyết định trong tôi cứ dao động tới lui. Không ít lần lòng hư vinh chiếm thế thượng phong; niềm kiêu hãnh bị tổn thương của tôi không thể chịu nổi tình cảnh này và gào lên đòi báo thù. Tất cả những quy ước mà tôi đã được nuôi dạy trong đó đều bảo đảm với tôi rằng thái độ của tôi là đúng, nhưng rồi lại có một điều gì

I would fain have turned my eyes aside and deafened my ears to a conviction more profound than any of the rules and usages of my kind. But at last when, utterly weary, I dozed for a little while, I thought the boy stood beside my knee, smiling at me with his wide, brown eyes and pleading with me to spare his mother—to set her free and make her happy. I awoke with a start, crying aloud the boy's name, clutching wildly at the space where he had surely been.

đó bên trong buộc tôi phải nhìn sâu hơn, dù tôi rất muốn quay mắt đi nơi khác và bịt tai trước một xác tín sâu xa hơn bất kỳ quy luật hay tập tục nào của hạng người tôi. Nhưng cuối cùng, khi hoàn toàn mệt lả, tôi thiếp đi một lát, tôi tưởng như thằng bé đứng bên đầu gối tôi, mỉm cười với đôi mắt nâu to và van xin tôi tha cho mẹ nó—hãy để nàng được tự do và hạnh phúc. Tôi giật mình tỉnh dậy, kêu to tên con, cuống cuồng chộp vào khoảng không nơi nó hẳn vừa đứng đó.

Perhaps it was this dream that finally decided me; perhaps my decision had in truth long since been made, and this but put the seal upon it; yet even so I found myself confronted with a problem which it would need all my ingenuity to solve.

Có lẽ chính giấc mơ này đã khiến tôi quyết định dứt khoát; có lẽ thật ra quyết định ấy từ lâu đã được hình thành, và điều này chỉ đóng dấu lên nó; nhưng dù vậy, tôi vẫn thấy mình đối diện với một vấn đề mà phải cần đến tất cả sự khéo xoay xở của mình mới giải quyết nổi.

Withdraw from the duel I could not; I had not sufficient courage to face the sneers, the scorn, the complete social eclipse that such an unprecedented action would bring down upon me; but I was nevertheless determined that the young man should not be injured, and what was more important still that Elizabeth herself should be spared from all the terrors of uncertainty.

Tôi không thể rút khỏi cuộc đấu súng; tôi không đủ can đảm để đối diện với những lời chế giễu, khinh miệt, sự tẩy chay hoàn toàn của xã hội mà một hành động chưa từng có như thế sẽ giáng xuống đầu tôi; nhưng dẫu vậy tôi vẫn quyết tâm rằng chàng trai trẻ ấy sẽ không bị thương, và điều còn quan trọng hơn nữa là chính Elizabeth cũng phải được thoát khỏi mọi nỗi kinh hoàng của sự bất định.

But at last when the cold, dead light of dawn crept into the room, touching the litter of glasses, the ashes of the fire with revealing fingers, I reached my decision. There was but one way out; I knew what I must do.

Nhưng cuối cùng, khi ánh sáng lạnh lẽo, chết chóc của bình minh len vào phòng, chạm những ngón tay phơi bày lên đống ly chén bừa bộn, lên tro tàn của lò sưởi, tôi đã đi đến quyết định. Chỉ có một lối thoát; tôi biết mình phải làm gì.

Next morning I prepared to ride to Town to see my lawyers and make all arrangements; but first I went once more the round of my estates. I loved this place dearly; now that I was leaving it, probably for ever, I realized what it had meant to me. I hoped Elizabeth would care for it as I had done.

Sáng hôm sau tôi chuẩn bị cưỡi ngựa vào Town để gặp các luật sư và sắp xếp mọi việc; nhưng trước hết tôi đi một vòng nữa quanh điền trang của mình. Tôi yêu nơi này tha thiết; giờ đây khi sắp rời bỏ nó, có lẽ là mãi mãi, tôi nhận ra nó đã có ý nghĩa với tôi đến thế nào. Tôi hy vọng Elizabeth sẽ chăm nom nó như tôi đã từng.

At the end of the long drive I turned in my saddle to give one lingering look at the house with its mellow brick walls, the graceful Elizabethan chimneys, the dark background

Ở cuối con đường xe chạy dài, tôi quay lại trên yên ngựa để nhìn ngôi nhà lần cuối thật lâu với những bức tường gạch màu trầm ấm, những ống khói Elizabethan duyên dáng,

of fine trees. A squall of rain spattered against my face. The sky was massed with enormous clouds. How black were the pines and the cedars! Upon the little artificial lake two swans floated. Everything was veiled, soft and heavy with rain. It was a lovely place, set in its hollow of lawns and gardens, white pigeons circling upon the roofs, peacocks upon the terraces, hounds and horses in the stables. But now it, too, seemed insubstantial, as if a shadow had been cast over its reality; deep melancholy exuded from the very earth.

nền tối của những hàng cây đẹp. Một cơn mưa quất lách tách vào mặt tôi. Bầu trời chất đầy những đám mây khổng lồ. Những cây thông và tuyết tùng đen biết bao! Trên hồ nhân tạo nhỏ, hai con thiên nga đang trôi. Mọi thứ đều được phủ màn, mềm mại và nặng trĩu vì mưa. Đó là một nơi đáng yêu, nằm gọn trong hõm cỏ và vườn của nó, bồ câu trắng lượn trên mái, công trên các sân thềm, chó săn và ngựa trong chuồng. Nhưng giờ đây, chính nó cũng dường như không thật, như thể một cái bóng đã phủ lên thực tại của nó; một nỗi u sầu sâu thẳm toát ra từ chính mặt đất.

As my gaze wandered towards Adela's cottage I saw her walking up towards the house. She wore a dark mantle and hood, and her hoops swung out from her short, ungainly figure, giving her, I thought, the appearance of an elderly, obese duck.

Khi mắt tôi lướt về phía ngôi nhà nhỏ của Adela, tôi thấy bà đang đi lên phía ngôi nhà. Bà mặc áo choàng tối màu và trùm mũ, những vòng váy đung đưa khỏi thân hình thấp lùn, vụng về, khiến bà, theo tôi nghĩ, trông như một con vịt già béo ụ.

"Well, she'll be able to drink herself to death in comfort now," I thought as I turned my back on it all and guided my horse out of the park gates.

"Chà, giờ thì bà ta sẽ có thể uống đến chết một cách thoải mái," tôi nghĩ khi quay lưng lại tất cả và thúc ngựa ra khỏi cổng công viên.

I stopped at the churchyard and stood for a moment beside my son's grave. My mood was a very different one to when I had come here but a few days ago; so different that I seemed to myself unreal, as if I were living through a dream.

Tôi dừng lại ở nghĩa địa nhà thờ và đứng một lát bên mộ con trai mình. Tâm trạng tôi rất khác so với khi tôi đến đây chỉ mới vài ngày trước; khác đến mức chính tôi cũng thấy mình không thật, như thể đang sống trong một giấc mơ.

"Did you want me to do this?" I asked that which lay beneath the primroses, "did you really come to me last night? But you couldn't, you are dead—dead as I'll soon be. There's nothing after, of that I'm well persuaded; those are but parson's tales to frighten babes. But even if I should be wrong, it doesn't much matter. Either you'll be with me again—which is my idea of heaven, or there'll be nothing at all; in any case this is the door out of what's been hell for me these five years since you left me alone."

"Có phải con muốn ta làm điều này không?" tôi hỏi cái đang nằm dưới những bông anh thảo, "đêm qua có thật con đã đến với ta không? Nhưng con không thể, con đã chết—chết như ta cũng sẽ sớm chết. Sau đó chẳng có gì cả, điều ấy ta tin chắc; đó chỉ là những chuyện bịa của bọn mục sư để dọa trẻ con. Nhưng ngay cả nếu ta sai, thì cũng chẳng quan trọng lắm. Hoặc là con sẽ lại ở với ta—mà đó là ý niệm thiên đường của ta, hoặc là sẽ chẳng có gì hết; trong mọi trường hợp, đây là cánh cửa thoát khỏi điều đã là địa ngục đối với ta suốt năm năm kể từ khi con bỏ ta lại một mình."

It was not such an easy task to frame my letter to Elizabeth. I did not want her to

Viết thư cho Elizabeth không phải việc dễ. Tôi không muốn nàng nhận ra tôi đang làm

realize what I was doing, yet wished to calm her mind so that she should not suffer those hours of agonized expectation. In the end it was rather a clumsy affair, but the promise not to injure Basil was clear enough.

gì, nhưng lại muốn làm yên lòng nàng để nàng khỏi phải chịu đựng những giờ chờ đợi quằn quại ấy. Cuối cùng bức thư khá vụng về, nhưng lời hứa sẽ không làm hại Basil thì đủ rõ.

So in the early morning in a secluded field just beyond Vauxhall Gardens, I faced Basil with a pistol in my hand and a strange, light feeling about the head, combined with an emptiness of the stomach which I put down to a very natural shrinking from annihilation. Yet withal there was a gaiety about me which had been with me ever since I had come to my momentous decision. For I was as a man who had stepped out from chill clouds into clear sunlight. I was aware that, for the first time, I was in reality afraid of nothing any more, not even of myself. My friends noticed the change in me and commented to each other upon it.

Vì vậy vào sáng sớm, trong một cánh đồng vắng ngay bên ngoài Vauxhall Gardens, tôi đối diện Basil với khẩu súng lục trong tay và một cảm giác lạ lùng, nhẹ bẫng nơi đầu, đi kèm với sự trống rỗng trong dạ dày mà tôi cho là một sự co rút rất tự nhiên trước hủy diệt. Tuy vậy, vẫn có một niềm hân hoan nào đó trong tôi, đã ở cùng tôi kể từ khi tôi đi đến quyết định trọng đại ấy. Vì tôi như một người đã bước ra khỏi những đám mây lạnh lẽo vào ánh mặt trời trong trẻo. Tôi ý thức rằng, lần đầu tiên, thật sự tôi không còn sợ gì nữa, ngay cả chính mình. Bạn bè tôi nhận thấy sự thay đổi ấy nơi tôi và bàn tán với nhau về nó.

The sun was pale as silver behind the bare boughs; there was rime upon the grass; a thrush was singing, its notes like crystal drops upon the keen,* sweet air.

Mặt trời nhợt nhạt như bạc sau những cành cây trơ trụi; cỏ phủ sương giá; một con hoét đang hót, những âm điệu của nó như những giọt pha lê trên không khí trong trẻo,* ngọt lành.

I looked at Basil. “So young,” I thought, “but his clothes are dreadful.” I looked up at the sky and smiled little. “I only hope,” I said to myself, “my poor Elizabeth won’t grow to find him tedious.”

Tôi nhìn Basil. “Còn trẻ quá,” tôi nghĩ, “nhưng quần áo cậu ta thật kinh khủng.” Tôi ngước nhìn trời và mỉm cười nhẹ. “Tôi chỉ hy vọng,” tôi tự nhủ, “Elizabeth tội nghiệp của tôi sẽ không lớn dần lên để thấy cậu ta tẻ nhạt.”

At that moment Sir Harry Bellairs gave the signal.

Đúng lúc ấy Sir Harry Bellairs ra hiệu.

.....

.....

The lime trees outside my window made a green, scented shade, murmurous with bees. One branch had been cut away so that I might, through this space, look upon my world: a corner of terrace, herbaceous borders vivid with flowers; the lake, a dark, polished jewel with swans nesting on their reflections like encrusted pearls; and beyond, the rolling parkland where 1 might never ride again.

Những cây đoạn ngoài cửa sổ tôi tạo nên một bóng râm xanh mát, thơm ngát, rì rầm tiếng ong. Một cành đã bị cắt đi để qua khoảng trống ấy tôi có thể nhìn ra thế giới của mình: một góc sân thềm, những luống hoa thân thảo rực rỡ; mặt hồ, một viên ngọc tối bóng láng với những con thiên nga làm tổ trên bóng mình như những viên ngọc trai nạm; và xa hơn là công viên nhấp nhô nơi tôi có lẽ sẽ không bao giờ cưỡi ngựa nữa.

The sun etched delicate patterns of leaves upon my coverlet; Caesar, the spaniel, lay curled at my feet.

Ánh mặt trời khắc những hoa văn lá mảnh mai lên tấm chăn phủ; Caesar, con spaniel, cuộn mình dưới chân tôi.

Propped up on my pillows I stared into the sunlight.

Tựa trên gối, tôi nhìn chằm chằm vào ánh nắng.

How bored I was; how intolerable was life! I should have died that morning of the duel, should have been permitted to make the heroic and romantic end I had planned for myself.

Tôi chán biết bao; đời sống thật không thể chịu nổi! Lẽ ra tôi phải chết vào buổi sáng đấu súng ấy, lẽ ra phải được phép có một kết cục anh hùng và lãng mạn như tôi đã dự định cho mình.

But the Fates who seem to be ironical rather than romantic in their disposings of men's affairs, had decided that, instead of killing me, Basil's shot should merely wound me so severely that for many weeks I hung between life and death, and recovered only to succumb later to the retarded effects of the injury.

Nhưng các Định Mệnh, dường như mỉa mai hơn là lãng mạn trong cách sắp đặt công việc của con người, đã quyết định rằng thay vì giết tôi, phát súng của Basil chỉ làm tôi bị thương nặng đến mức suốt nhiều tuần tôi lơ lửng giữa sống và chết, và chỉ hồi phục để rồi sau đó gục ngã trước những hậu quả chậm phát của vết thương.

I should have died after that duel, but instead, as if the absurdity of being forced to live were not enough, when I did regain consciousness, the first thing I saw was Elizabeth's white face bending over me.

Lẽ ra tôi phải chết sau cuộc đấu súng ấy, nhưng thay vào đó, như thể sự phi lý của việc bị buộc phải sống vẫn chưa đủ, khi tôi tỉnh lại, điều đầu tiên tôi thấy là khuôn mặt trắng bệch của Elizabeth cúi xuống trên tôi.

During those early days while I was too weak to bother much about anything, I merely supposed that she had returned for a little while out of a kindly regard; but she did not go away as I expected, and only later, when I was strong enough, did I learn the wicked havoc those same ironically-minded Fates had made of my intended sacrifice.

Trong những ngày đầu ấy, khi tôi còn quá yếu để bận tâm nhiều đến bất cứ điều gì, tôi chỉ cho rằng nàng đã trở về một thời gian ngắn vì lòng tốt; nhưng nàng không đi như tôi chờ đợi, và chỉ về sau, khi tôi đủ khỏe, tôi mới biết những Định Mệnh cùng một kiểu mỉa mai ấy đã tàn phá sự hi sinh dự định của tôi đến mức nào.

For, what with my friends' account of my behaviour in the duel and what I had written in my letter to her, Elizabeth had soon come at the truth of the matter, whereupon, torn by pangs of conscience and by what seemed to me hysterical regrets, she and Basil had decided to part for ever, Elizabeth returning to my side where she considered her duty lay, and Basil embarking for the Colonies there presumably to work himself into forgetfulness.

Vì, với lời kể của bạn bè tôi về cách tôi xử sự trong cuộc đấu súng và những gì tôi đã viết trong thư cho nàng, Elizabeth chẳng bao lâu đã hiểu ra sự thật, rồi bị giằng xé bởi cắn rứt lương tâm và bởi điều đối với tôi dường như là những hối tiếc đầy kích động, nàng và Basil quyết định chia tay mãi mãi, Elizabeth trở về bên tôi nơi nàng cho là bổn phận mình ở đó, còn Basil lên tàu sang các Thuộc địa, hẳn là để lao mình vào công việc mà quên lãng.

So none of us would be happy after all. For it soon became clear to me that Elizabeth, by

Vậy là rốt cuộc chẳng ai trong chúng tôi được hạnh phúc. Vì chẳng bao lâu tôi thấy rõ rằng

her return, had indeed ruined everything. She had vowed to serve me, and serve me she did, but with such ardent zeal and so little humour that life became a burden to us both.

Elizabeth, bằng việc trở về, quả thật đã phá hỏng mọi thứ. Nàng đã thề phụng sự tôi, và nàng quả có phụng sự tôi, nhưng với một nhiệt tâm nồng cháy và ít hài hước đến mức đời sống trở thành gánh nặng cho cả hai chúng tôi.

Had she stayed with her Basil, I would have remembered her always as that small, courageous being who had whipped me with her tongue and disclosed to me my own inadequacies; as the years passed by undoubtedly I would have lost the original Elizabeth in a poetic mist of sentiment and transmogrified her into a being regretted and adored. But as it was, soon—far too soon—the real Elizabeth was filling the house again with her trivial talk and her tinkling laughter. Had she been struggling with a broken heart I might have loved her still out of pity, but I found it most hard to forgive this easy forgetfulness— even of a rival. For it revealed her to me at last for what she truly was: too shallow even for tragedy to darken her ways for long. Basil had been well quit of her I thought bitterly; by burying himself in those far-off Colonies he had retained the dignity of his little tragedy; but for me Elizabeth was rapidly turning all our sufferings into farce.

Giá nàng ở lại với Basil của nàng, tôi hẳn đã luôn nhớ nàng như sinh thể nhỏ bé, can đảm ấy, người đã quất tôi bằng chiếc lưỡi của mình và phơi bày cho tôi thấy những thiếu sót của chính tôi; theo năm tháng, hẳn tôi đã đánh mất Elizabeth nguyên thủy trong một màn sương thi vị của tình cảm và biến nàng thành một sinh thể để tiếc thương và tôn thờ. Nhưng sự thật thì chẳng bao lâu—quá sớm—Elizabeth thật lại tràn ngập ngôi nhà bằng những chuyện trò tầm thường và tiếng cười lanh lảnh của nàng. Giá nàng vật lộn với một trái tim tan vỡ, có lẽ tôi vẫn còn yêu nàng vì thương hại, nhưng tôi thấy thật khó tha thứ cho sự quên lãng dễ dàng này—ngay cả với một tình địch. Vì cuối cùng nó phơi bày nàng trước mắt tôi đúng như nàng thật sự là: quá nông cạn để ngay cả bi kịch cũng không thể phủ bóng lâu dài lên đường đời nàng. Basil đã thoát khỏi nàng thật tốt, tôi cay đắng nghĩ; bằng cách chôn vùi mình trong những Thuộc địa xa xôi ấy, cậu ta giữ được phẩm giá của bi kịch nhỏ bé của mình; còn đối với tôi, Elizabeth đang nhanh chóng biến mọi đau khổ của chúng tôi thành trò hề.

It was the Regent's own physician who, some time after the duel, had told me that he believed the old wound to have developed into a cancer.

Chính ngự y của Nhiếp Chính Vương, một thời gian sau cuộc đấu súng, đã nói với tôi rằng ông tin vết thương cũ đã phát triển thành ung thư.

For a long while I utterly refused to believe him.

Trong một thời gian dài tôi hoàn toàn từ chối tin ông.

All medicos, I declared, were fumbling fools, hopelessly ignorant, guessing blindly and bleeding you for everything. It was nothing—just something that had not rightly healed—it would heal soon enough—as for cancer, it was amusing no doubt for them to give names to that of which they could know so little but I was not to be deceived by their pomposities.

Tôi tuyên bố mọi thầy thuốc đều là lũ ngốc vụng về, ngu dốt tuyệt vọng, đoán mò trong mù quáng và moi sạch tiền của bạn. Chẳng có gì cả—chỉ là thứ gì đó chưa lành hẳn—rồi sẽ sớm lành thôi—còn ung thư ư, hẳn là thú vị cho họ khi đặt tên cho điều mà họ biết quá ít, nhưng tôi không dễ bị những vẻ khoa trương của họ đánh lừa.

To prove to myself that I was well, save for this stupid pain which seemed to be returning when it was supposed long ago to be pronounced cured, I deliberately took up the old life again, was seen at White's and Boodle's playing for preposterous stakes; forced myself to go to the races, to routs, to join in every extravagant gaiety, meanwhile fighting with silent yet grim determination this enemy which seemed to have taken possession of the citadel of my body. I had always been proud of my superb health and endurance, and I was not going to give in so easily. For a few desperate months I had kept it at bay until one night I fainted of pain at the opera and had to be taken home by my friends in a jolting coach which I thought would finish me.

Để chứng minh với chính mình rằng tôi vẫn khỏe, trừ cơn đau ngu xuẩn này dường như đang trở lại trong khi lẽ ra từ lâu đã phải được tuyên bố là khỏi, tôi cố ý quay lại đời sống cũ, xuất hiện ở White's và Boodle's, đánh bạc với những mức cược lố bịch; ép mình đi đua ngựa, đi dạ hội, tham gia mọi cuộc vui xa hoa, trong khi âm thầm nhưng quyết liệt chiến đấu với kẻ thù dường như đã chiếm lấy thành trì thể xác tôi. Tôi luôn tự hào về sức khỏe tuyệt vời và sức chịu đựng của mình, và tôi không định đầu hàng dễ dàng như thế. Trong vài tháng tuyệt vọng tôi đã giữ nó ngoài cửa, cho đến một đêm tôi ngất đi vì đau ở nhà hát opera và phải được bạn bè đưa về trong một cỗ xe xóc nảy mà tôi tưởng sẽ kết liễu mình.

I was beaten and knew it. Since that day, already two long years ago, I had been slowly growing worse, and now I spent all of my time in bed with little hope of ever rising again.

Tôi đã bị đánh bại và biết điều đó. Kể từ ngày ấy, nay đã là hai năm dài, tôi chậm chạp tệ đi, và giờ đây tôi dành toàn bộ thời gian trên giường với rất ít hy vọng có thể đứng dậy lần nữa.

I lay propped up by pillows, a dark frown upon my brow. For an hour or more no one had come near me. It was unprecedented. I pulled the bell-rope and waited, biting my lip. Where was Elizabeth? Never during my illness had she deserted me for so long without any explanation.

Tôi nằm tựa gối, trán cau có. Hơn một giờ rồi không ai đến gần tôi. Điều đó chưa từng có. Tôi kéo dây chuông và chờ, cắn môi. Elizabeth đâu? Chưa bao giờ trong suốt cơn bệnh của tôi nàng lại bỏ mặc tôi lâu như thế mà không có lời giải thích nào.

A butterfly fluttered to a tassel of lime-blossom which had blown upon my coverlet. I watched it idly; it was gone again, out into the sunlight. I closed my eyes and groaned; then became aware that still no one had answered the bell. I jerked at the rope with such force that it fell like a snake upon my pillow and I cursed it and the maids and my wife and the whole world with much precision.

Một con bướm chập chờn đến đậu lên chùm hoa đoạn đã bị gió thổi lên tấm chăn phủ của tôi. Tôi lơ đãng nhìn nó; rồi nó lại bay đi, ra ngoài nắng. Tôi nhắm mắt rên rỉ; rồi nhận ra rằng vẫn chưa ai đáp lại tiếng chuông. Tôi giật dây mạnh đến mức nó rơi như một con rắn lên gối tôi, và tôi nguyền rủa nó, nguyền rủa bọn hầu gái, vợ tôi và cả thế giới với độ chính xác đáng kể.

I had become accustomed to relying upon Elizabeth's constant ministrations, to the sight of her placid form sewing beside me, to using her as whipping-boy whenever an evil humour rode me, which was often, for inaction and helplessness had not improved my temper. Now this inexplicable neglect

Tôi đã quen dựa vào sự chăm nom không ngừng của Elizabeth, quen với cảnh thân hình điềm tĩnh của nàng ngồi may vá bên tôi, quen dùng nàng như vật trút giận mỗi khi cơn cáu kỉnh nổi lên trong tôi, mà điều đó xảy ra thường xuyên, vì sự bất động và bất lực không hề cải thiện tính khí tôi. Giờ đây sự

struck me as an outrage. Was it not enough for a man to be sick and helpless, dependent upon the whimsies of a pack of women, torn by the evil pangs of a cancer, without being deserted thus for hours by the people of his household?

lơ là không thể giải thích này khiến tôi thấy như một sự xúc phạm. Chẳng lẽ một người đàn ông bị bệnh và bất lực, lệ thuộc vào những ý thích thất thường của cả bầy đàn bà, bị xé nát bởi những cơn đau ác nghiệt của ung thư, như thế vẫn chưa đủ, mà còn bị những người trong nhà bỏ mặc hàng giờ liền hay sao?

I was working myself into a rage, when a servant-maid appeared.

Tôi đang tự đẩy mình vào cơn thịnh nộ thì một cô hầu gái xuất hiện.

"Where is your mistress, girl?" I snapped.

"Bà chủ ngươi đâu, con kia?" tôi quát.

The girl looked frightened. "She—she is indisposed, sir. She fainted in the hall. She recovered for a space and bade none of us tell you, then she swooned again. We have put her to bed."

Cô gái trông sợ hãi. "Bà—bà ấy không được khỏe, thưa ông. Bà ngất ở đại sảnh. Bà tỉnh lại một lúc và dặn không ai được nói với ông, rồi bà lại ngất nữa. Chúng tôi đã đưa bà lên giường."

"Indisposed?" I sneered, "why, she's as well as you! 'Tis no doubt but a fit of the vapours...."

"Không được khỏe à?" tôi cười khẩy, "sao, nó khỏe như ngươi ấy chứ! Chẳng qua chỉ là một cơn bốc hơi...."

"I fear she is indeed ill," muttered the girl. "Mrs. Langly hath sent for the physician."

"Con e bà ấy thật sự bệnh," cô gái lẩm bẩm. "Bà Langly đã cho gọi thầy thuốc."

"Egad, she's getting beyond herself. Am I not master in this house any more, that she should send for him without consulting my pleasure?"

"Trời đất, bà ta bắt đầu vượt quá phận mình rồi. Chẳng lẽ ta không còn là chủ nhà này nữa, để bà ta dám gọi hắn mà không hỏi ý ta?"

Someone called from below, the girl turned nervously to the door.

Có ai đó gọi từ dưới nhà, cô gái lo lắng quay ra cửa.

"Oh, get you gone, then," I growled, "and bid your mistress come to me when she thinks fit to recover."

"Ồ, vậy thì cút đi," tôi gầm gừ, "và bảo bà chủ ngươi đến gặp ta khi nào bà ấy thấy thích hồi phục."

I sank back on the pillows exhausted, pressing my hand to where the pain tore at me as with talons of steel, daily increasing, invading the helpless -structure of my body with that agony which nothing, no medicine, no drugs, no bleeding could allay.

Tôi kiệt sức ngả xuống gối, ép tay vào nơi cơn đau đang xé tôi như móng vuốt thép, ngày một tăng, xâm chiếm cấu trúc bất lực của thể xác tôi bằng nỗi thống khổ mà không gì, không thuốc men, không dược liệu, không trích huyết nào có thể làm dịu.

An hour passed. It was beyond the time for my meal.

Một giờ trôi qua. Đã quá giờ ăn của tôi.

I lay listening to the noises of the house, hurried footsteps, muffled voices; once a dog barked below and the spaniel upon my bed

Tôi nằm nghe tiếng động trong nhà, những bước chân vội vã, những giọng nói bị nén lại; có lần một con chó sủa dưới nhà và con

answered it. I felt as if I were already dead, a ghost, cut off from the world of moving, active beings. The bell being broken, I banged upon the floor with my stick, but still no one came.

spaniel trên giường tôi đáp lại. Tôi cảm thấy như mình đã chết rồi, một bóng ma, bị cắt lìa khỏi thế giới của những sinh thể chuyển động, hoạt động. Chuông đã hỏng, tôi lấy gậy đập xuống sàn, nhưng vẫn không ai đến.

Elizabeth ill? I felt aggrieved. Stupid woman not to take better care of herself. But she was like that, so irritating for all her good intentions. An increasing restlessness invaded me. My impatience and curiosity became intolerable. I could no longer bear inaction, and, although I knew I would pay dearly for my imprudence, at last I got out of bed.

Elizabeth ốm ư? Tôi thấy bực bội. Đồ đàn bà ngốc, không biết tự chăm sóc mình cho tốt hơn. Nhưng nàng vốn thế, thật khó chịu dù ý định luôn tốt. Một sự bồn chồn ngày càng tăng xâm chiếm tôi. Sự sốt ruột và tò mò của tôi trở nên không thể chịu nổi. Tôi không còn chịu được bất động nữa, và dù biết mình sẽ phải trả giá đắt cho sự liều lĩnh này, cuối cùng tôi cũng ra khỏi giường.

I struggled into my dressing-gown, glanced at myself in the mirror almost instinctively —for I was still vain of my person—flicked at my neckcloth, put my hair straight, and set out to my wife's room.

Tôi vật lộn khoác áo choàng ngủ, gần như theo bản năng liếc mình trong gương—vì tôi vẫn còn hư vinh về dung mạo—vuốt lại khăn cổ, chỉnh tóc cho ngay, rồi đi đến phòng vợ tôi.

I reached it at last, although the distance seemed to have increased since last I had walked that way.

Cuối cùng tôi cũng tới nơi, dù quãng đường dường như dài hơn lần cuối tôi đi bộ theo lối ấy.

No one heard me; no one saw me enter.

Không ai nghe thấy tôi; không ai thấy tôi bước vào.

They were all grouped around her bed: a number of whispering servants, the physician and his assistant with a basin and blood-soaked cloths, Mrs. Langly, the head maid, and a dog sitting anxiously behind them.

Tất cả họ tụ quanh giường nàng: một số gia nhân đang thì thầm, thầy thuốc và phụ tá của ông với một cái chậu và những mảnh vải đẫm máu, bà Langly, cô hầu trưởng, và một con chó ngồi lo lắng phía sau họ.

The dog saw me first; it leapt up and rushed upon me; as I pushed it from me the physician stepped back,

Con chó thấy tôi trước; nó nhảy phắt lên và lao về phía tôi; khi tôi đẩy nó ra, thầy thuốc lùi lại,

"I fear—" he began, then saw me.

"Tôi e rằng—" ông bắt đầu, rồi thấy tôi.

He advanced with fluttering hands, "My dear sir, this is a terrible, a most distressing misfortune, 'pon my soul, it is! But who told you? You should not be here—I had no idea..."

Ông tiến đến với đôi tay cuống quýt, "Ôi thưa ông, đây là một bất hạnh khủng khiếp, một bất hạnh đau lòng nhất, xin thề với linh hồn tôi là thế! Nhưng ai đã nói với ông? Ông không nên ở đây—tôi không hề biết..."

But I did not heed him. I was looking over his shoulder at my wife's face motionless among the pillows.

Nhưng tôi không để ý đến ông. Tôi đang nhìn qua vai ông vào khuôn mặt vợ tôi bất động giữa những chiếc gối.

.....

The house seemed very silent now that Elizabeth's vapid chatter was for ever stilled. I was amazed to find, as day dragged after day, how indispensable she had made herself and how greatly I missed her. Although she had irritated me at times beyond endurance, she had yet succeeded in bringing a kind of muted happiness into my troubled life. Indeed I had never appreciated her truly great qualities so much—her thoughtfulness, her patience, her kindly nature—as now, when I was deprived of them.

I was desperately lonely, for I had few friends about Windstalls, and when my illness struck me down I had retired proudly into myself. I had always had such a horror of sickness that I believed all those old fair-weather friends of mine in London would be infinitely wearied by me, if indeed they had not already forgotten my very existence, as I, in like case, would probably have forgotten theirs.

But to lie there alone, with no occupation, with nothing at all save the prospect of a lingering death perhaps still far ahead: empty days, weeks, years—nothing more appalling could have been presented to a man such as I was.

I had ever been essentially a man of action; men and women—chiefly women, had been my lesson books, but now, deprived suddenly of all that heretofore had made my existence bearable—for Elizabeth's friends had kept her informed of all the latest gossip of the Town, and that had always been the breath of life to me—I was forced to seek distraction of some other kind.

In the library were old books full of strange lore which my grandfather, a learned man, had left to become a legacy of wisdom and comfort to this unborn grandson in his time of need. These I began to read out of sheer desperation. At first my unaccustomed

.....

Ngôi nhà dường như rất im lặng giờ đây khi tiếng huyên thuyên nhạt nhẽo của Elizabeth đã vĩnh viễn im bặt. Tôi kinh ngạc nhận ra, khi ngày này kéo lê qua ngày khác, nàng đã khiến mình trở nên không thể thiếu đến mức nào và tôi nhớ nàng biết bao. Dù có lúc nàng làm tôi khó chịu vượt quá sức chịu đựng, nàng vẫn đã thành công trong việc đem một thứ hạnh phúc dịu lặng vào đời sống rối ren của tôi. Quả thật, chưa bao giờ tôi trân trọng những phẩm chất thật sự lớn lao của nàng nhiều đến thế—sự chu đáo, lòng kiên nhẫn, bản chất hiền hậu của nàng—như lúc này, khi tôi bị tước mất chúng.

Tôi cô đơn đến tuyệt vọng, vì quanh Windstalls tôi có ít bạn bè, và khi bệnh tật quật ngã tôi, tôi đã kiêu hãnh rút vào chính mình. Tôi vốn luôn ghê sợ bệnh tật đến mức tin rằng tất cả những người bạn chỉ đẹp trời của tôi ở London hẳn sẽ chán ngấy tôi vô cùng, nếu quả họ chưa quên mất cả sự hiện hữu của tôi, như chính tôi trong trường hợp tương tự có lẽ cũng đã quên họ.

Nhưng nằm đó một mình, không có việc gì làm, không có gì ngoài viễn cảnh một cái chết kéo dài có lẽ vẫn còn ở phía trước xa: những ngày trống rỗng, những tuần, những năm—không gì kinh khủng hơn có thể được đặt ra trước một người như tôi.

Tôi vốn về bản chất là một người của hành động; những người nam và nữ—chủ yếu là phụ nữ, đã là sách học của tôi, nhưng giờ đây, bị tước khỏi tất cả những gì trước kia làm cho đời sống tôi có thể chịu đựng được—vì bạn bè của Elizabeth đã luôn báo cho nàng mọi chuyện đồn đại mới nhất ở Town, và điều đó luôn là hơi thở sự sống đối với tôi—tôi bị buộc phải tìm một kiểu khuây khỏa khác.

Trong thư viện có những cuốn sách cũ đầy tri thức lạ lùng mà ông nội tôi, một người uyên bác, đã để lại để trở thành di sản minh triết và an ủi cho đứa cháu chưa ra đời này trong lúc cần thiết. Tôi bắt đầu đọc chúng chỉ vì tuyệt vọng. Lúc đầu bộ não không quen

brain soon tired, but gradually my interest was aroused. It began to dawn upon me that, until now, I had walked through life like a man blind and deaf to the real world about me; I found I knew little or nothing of those greater movements of thought and of scientific discovery which flowed on, indifferent to the average man and his little adventurings. Angered at this discovery of my own deficiencies I determined there and then to remedy my lack which I found so unbecoming in a man such as I, until now, had considered myself to be.

của tôi mau mệt, nhưng dần dần hứng thú của tôi được khơi dậy. Tôi bắt đầu nhận ra rằng cho đến nay mình đã đi qua đời như một kẻ mù và điếc trước thế giới thật quanh mình; tôi thấy mình biết rất ít hoặc chẳng biết gì về những vận động tư tưởng lớn lao hơn và những khám phá khoa học cứ trôi đi, dửng dưng với con người bình thường và những cuộc phiêu lưu nhỏ bé của y. Tức giận vì phát hiện ra những thiếu sót của chính mình, tôi quyết định ngay lúc ấy phải sửa chữa sự thiếu hụt mà tôi thấy thật không xứng với một người như tôi, kẻ cho đến nay vẫn tưởng mình là như thế.

Like a fever the urge towards discovery, the lust for understanding grew upon me, as if the doors behind which my true self had been enclosed had suddenly been thrown open. Soon my bed was piled with volumes old and new. I waded through Hume and Locke, struggled with the medieval Mystics and discarded them, then swung back to Aristotle and Plato. Bacon fascinated me; Browne did not tell me of medicine what I had hoped. Here was a fine confusion, but I did not care. I was determined to discover Truth, and felt that somewhere in this welter of contradictions it must be hid. But I returned always to Plato, and sometimes as I lay there, pictures of that ideal Academy, of those men talking wisely and peaceably together flashed before my eyes and I found myself wishing with a kind of sick regret I had lived then and had participated in that fellowship.

Như một cơn sốt, thôi thúc khám phá, lòng khao khát thấu hiểu lớn dần trong tôi, như thể những cánh cửa sau đó bản ngã thật của tôi từng bị giam kín bỗng bị tung mở. Chẳng bao lâu giường tôi chất đầy sách cũ và mới. Tôi lội qua Hume và Locke, vật lộn với các nhà thần bí thời trung cổ rồi gạt họ sang một bên, sau đó quay lại với Aristotle và Plato. Bacon làm tôi say mê; Browne không cho tôi biết về y học điều tôi hy vọng. Ở đây là một mớ hỗn độn tuyệt vời, nhưng tôi không bận tâm. Tôi quyết tâm khám phá Chân Lý, và cảm thấy rằng đâu đó trong mớ mâu thuẫn hỗn loạn này nó hẳn đang ẩn giấu. Nhưng tôi luôn quay về với Plato, và đôi khi khi nằm đó, những hình ảnh về Học Viện lý tưởng ấy, về những con người cùng nhau trò chuyện một cách minh triết và ôn hòa lóe lên trước mắt tôi, và tôi thấy mình ước ao với một nỗi tiếc nuối bệnh hoạn rằng mình đã sống vào thời ấy và đã dự phần vào tình bằng hữu đó.

Although I was hardly aware of it at first, my whole life was being changed by these books I had found.

Dù lúc đầu tôi hầu như không nhận ra, toàn bộ đời sống tôi đang được những cuốn sách tôi tìm thấy này chuyển đổi.

While Elizabeth still lived, I had awakened each day with a feeling of horror at the long, dragging hours ahead; but now even the sleepless nights lost some of their terrors, and I watched the daylight grow, eagerly wondering how much time the pain would allow me to finish this thesis or work out this or that train of thought.

Khi Elizabeth còn sống, mỗi ngày tôi thức dậy với cảm giác kinh hoàng trước những giờ dài lê thê phía trước; nhưng giờ đây ngay cả những đêm mất ngủ cũng mất đi phần nào nỗi kinh hoàng của chúng, và tôi nhìn ánh sáng ban ngày lớn dần, háo hức tự hỏi cơn đau sẽ cho phép tôi có bao nhiêu thời gian để hoàn thành luận đề này hay triển khai mạch tư tưởng kia.

It was indeed as if all the immense energy which heretofore I had frittered away in the common usages of life, in emotion and desire, having no longer any focus in my enfeebled frame, was being gradually freed through the pain and disintegration of my flesh, to turn towards more intangible yet more enduring things.

Quả thật như thể toàn bộ năng lượng mênh mông mà trước kia tôi đã phung phí vào những sinh hoạt thông thường của đời sống, vào cảm xúc và ham muốn, nay không còn điểm tập trung nào trong thân thể suy nhược của tôi, đang dần được giải phóng qua đau đớn và sự tan rã của xác thịt, để hướng về những điều vô hình hơn nhưng bền lâu hơn.

I began to write as well. I got the idea that all this knowledge, these many-sided speculations should, if there were any fundamental truth in them at all, be capable of being sifted and correlated in such fashion that at length the ultimate verities—if such in fact existed—would emerge. I became engrossed in this task to such a degree that the thought of my end, which once I had courted and often prayed for, became intolerable. My existence was, indeed, a race with death. For hours, sometimes for days at a stretch, death had the laugh of me; then I became helpless with agony, a mere lump of tortured flesh incapable of thought. Yet the intervals of relief were the more valuable.

Tôi cũng bắt đầu viết. Tôi nảy ra ý nghĩ rằng toàn bộ tri thức này, những suy đoán đa diện này, nếu quả thật có bất kỳ chân lý nền tảng nào trong đó, thì phải có thể được sàng lọc và liên kết theo cách sao cho cuối cùng những chân lý tối hậu—nếu quả thật chúng tồn tại—sẽ hiện ra. Tôi bị cuốn vào công việc này đến mức ý nghĩ về cái chết của mình, điều mà trước kia tôi từng ve vãn và thường cầu xin, trở nên không thể chịu nổi. Quả thật đời sống tôi là một cuộc chạy đua với cái chết. Trong nhiều giờ, đôi khi nhiều ngày liền, cái chết cười nhạo tôi; rồi tôi trở nên bất lực trong thống khổ, chỉ là một khối xác thịt bị tra tấn không còn khả năng suy nghĩ. Tuy vậy, những khoảng giảm đau lại càng quý giá hơn.

Once I said to the spaniel who usually kept me company when he had nothing better to do elsewhere:

Có lần tôi nói với con spaniel thường ở bên tôi khi nó không có gì tốt hơn để làm ở nơi khác:

"Do you realize, Caesar, what this Basil actually did for me? If it hadn't been for him, I'd have gone on to the end not knowing that the universe held anything more important than Charles Carrington and his little tragedy. If I knew his whereabouts I'd write and thank him. Gad— and I wanted to die! If I'd done that I'd have died half finished—all bottom and no top so to speak—a damned unpleasant sight, I, who dislike unbalanced things. Now I suppose I risk becoming all top and a rest of me that won't bear much thinking of—which is just as bad. But no, perhaps I'll see the way whereby all parts can be unified. I can't yet quite believe one goes on after death, though the evidence of the united belief of better men than I seems to point to the possibility, but I do like to think that anyway I won't be too crude a product

"Ngươi có nhận ra, Caesar, Basil ấy thật ra đã làm gì cho ta không? Nếu không có cậu ta, ta đã đi đến cuối mà không biết rằng vũ trụ còn chứa điều gì quan trọng hơn Charles Carrington và bi kịch nhỏ bé của hắn. Nếu biết cậu ta ở đâu, ta sẽ viết thư cảm ơn. Trời đất—vậy mà ta đã muốn chết! Nếu ta làm thế, ta đã chết khi còn dang dở—chỉ có phần dưới mà không có phần trên, có thể nói vậy—một cảnh tượng chết tiệt khó coi, mà ta thì ghét những thứ mất cân bằng. Giờ thì ta cho là mình có nguy cơ trở thành toàn phần trên và phần còn lại của ta thì chẳng đáng nghĩ đến mấy—mà như thế cũng tệ không kém. Nhưng không, có lẽ ta sẽ thấy được con đường nhờ đó mọi phần có thể được hợp nhất. Ta vẫn chưa hoàn toàn tin rằng người ta tiếp tục sau cái chết, dù bằng chứng từ niềm tin hợp nhất của những người tốt hơn ta dường như chỉ ra khả năng ấy, nhưng dù

when life's finished with me."

sao ta cũng thích nghĩ rằng ít nhất khi đời sống xong việc với ta, ta sẽ không là một sản phẩm quá thô."

Then one day some time after Elizabeth's death, when the trees were turning golden and great winds swept about the house with melancholy sighing, I was disturbed from my books by the distant sound of shouting voices, the roar of what seemed to be an angry crowd: it was a sound which, for some reason unknown, always sent a chill of terror down my spine.

Rồi một ngày nào đó sau cái chết của Elizabeth, khi cây cối đang chuyển vàng và những cơn gió lớn quét quanh ngôi nhà với tiếng thở dài u sầu, tôi bị kéo khỏi sách vở bởi âm thanh xa xa của những tiếng la hét, tiếng gầm của một đám đông giận dữ: đó là một âm thanh mà vì một lý do không rõ luôn khiến một luồng lạnh kinh hoàng chạy dọc sống lưng tôi.

I frowned, turning towards the window.

Tôi cau mày, quay về phía cửa sổ.

"What can that be?" I muttered nervously. I pulled the bell rope and waited. Then since no one answered, turned to my books again and was soon so plunged in speculation that I hardly noticed when the door opened and one of my servants entered the room.

"Cái gì thế nhỉ?" tôi lẩm bẩm lo lắng. Tôi kéo dây chuông và chờ. Rồi vì không ai đáp, tôi quay lại với sách và chẳng bao lâu chìm sâu vào suy tưởng đến mức hầu như không nhận thấy khi cửa mở và một gia nhân bước vào phòng.

The man came forward and I looked up.

Người ấy tiến lên và tôi ngẩng đầu.

"Well," I asked, "what's all the pother in the garden? Have we started to emulate the French? Am I likely to be strung up on a lantern?"

"Thế nào," tôi hỏi, "cái gì mà om sòm ngoài vườn vậy? Chúng ta bắt đầu bắt chước người Pháp rồi sao? Có phải ta sắp bị treo lên cột đèn không?"

"It's the villagers," he replied, "they're out after a man, and he's taken refuge here. They're raging mad—they'll kill him like as not if they get him. Lie's hiding in the kitchen. Mrs. Langley let him. He says you know him, sir, and craves your protection. Flis name is Nathaniel Chalmers...."

"Là dân làng," anh ta đáp, "họ đang đuổi theo một người, và ông ta đã chạy vào đây trú. Họ điên tiết lắm—nếu bắt được thì rất có thể họ sẽ giết ông ta. Ông ta đang trốn trong bếp. Bà Langley cho phép. Ông ta nói ông biết ông ta, thưa ông, và cầu xin ông che chở. Tên ông ta là Nathaniel Chalmers...."

I dropped my book then with an oath and stared at the man.

Tôi đánh rơi cuốn sách với một tiếng chửi thề và nhìn chằm chằm vào người ấy.

"Nathaniel Chalmers...?

"Nathaniel Chalmers...?"

I drew a long breath and leant forward. "You tell me they're after him—they'll kill him? And he's come here?" I gave a low laugh, "after all these years—and they say there's no God who answers prayer!"

Tôi hít một hơi dài và nghiêng người tới trước. "Ngươi bảo họ đang đuổi theo hắn—họ sẽ giết hắn ư? Và hắn đã đến đây?" Tôi cười khẽ, "sau ngần ấy năm—và người ta bảo chẳng có Thượng đế nào đáp lời cầu nguyện!"

I sat for a moment still, my head bent. Vividly before my eyes I saw again that tiny,

Tôi ngồi yên một lát, đầu cúi xuống. Sống động trước mắt tôi lại hiện ra thân thể bé xíu,

limp body lying on a hurdle between two men, tears streaming down their faces, and Elizabeth half fainting on the path at my feet. But I had not wept. Instead I prayed to whatever power listens to the curses of men: "Give me a chance to revenge myself; put his life in my hands that I may take blood for blood."

mềm oặt ấy nằm trên tấm cáng giữa hai người đàn ông, nước mắt chảy dài trên mặt họ, và Elizabeth gần như ngất xỉu trên lối đi dưới chân tôi. Nhưng tôi đã không khóc. Thay vào đó tôi cầu xin bất kỳ quyền năng nào lắng nghe những lời nguyền rủa của con người: "Hãy cho tôi một cơ hội để báo thù; hãy đặt mạng sống hắn vào tay tôi để tôi lấy máu đền máu."

That had been many years ago; now my prayer was answered.

Điều đó đã là nhiều năm trước; giờ đây lời cầu nguyện của tôi được đáp lại.

I looked up. "They'll kill him, you suppose?"

Tôi ngẩng lên. "Ngươi cho là họ sẽ giết hắn?"

"Tear him to pieces, I should say. It wouldn't take much to finish him, I'm thinking; he's nought but a scarecrow as it is."

"Tôi nghĩ họ sẽ xé xác ông ta. Chắc cũng chẳng cần nhiều để kết liễu ông ta đâu; giờ ông ta chỉ còn như cái bù nhìn."

"But what's he done?"

"Nhưng hắn đã làm gì?"

"Preaching at 'em, but it's not the kind they like. Talking of liberty; they say he's been in France. Your people don't want that kind of liberty here."

"Giảng đạo cho họ, nhưng không phải thứ họ thích. Nói về tự do; họ bảo ông ta từng ở Pháp. Dân của ông không muốn thứ tự do ấy ở đây."

"Why should they? I've never stinted them."

"Tại sao họ phải muốn? Ta chưa từng bủn xỉn với họ."

I closed my eyes and leant back. "Tear him to pieces?" I whispered. To be torn—yes, I knew what that was like; but by a crowd... hands clutching, the writhing flesh, the agonized screams. I seemed to know them too, those screams, but how I could not tell; it was horribly familiar, that blood-cry of a maddened mob. It turned me cold.

Tôi nhắm mắt và ngả ra sau. "Xé xác hắn ư?" tôi thì thầm. Bị xé nát—đúng, tôi biết điều đó giống thế nào; nhưng bởi một đám đông... những bàn tay chộp lấy, xác thịt quằn quại, những tiếng thét thống khổ. Dường như tôi cũng biết những tiếng thét ấy, nhưng bằng cách nào thì tôi không thể nói; thật kinh khủng quen thuộc, tiếng kêu máu ấy của một đám đông điên loạn. Nó khiến tôi lạnh toát.

Well, this indeed was vengeance enough to please any man. Vengeance—but for what? Queer, I could not recapture that old mood. What had Nathaniel done—what could anybody ever do—bad enough to merit any pain, much less such pain as this? Why, even to run with a crowd at your heels was terrible enough....

Chà, quả thật đây là sự báo thù đủ làm hài lòng bất kỳ người nào. Báo thù—nhưng vì điều gì? Lạ thật, tôi không thể lấy lại tâm trạng cũ ấy. Nathaniel đã làm gì—hay bất cứ ai có thể làm gì—xấu đến mức đáng phải chịu bất kỳ đau đớn nào, huống chi là nỗi đau như thế này? Vì ngay cả việc bị một đám đông đuổi phía sau gót chân cũng đã đủ kinh khủng rồi....

And suddenly great pity welled up within me, drowning all my anger—all my hate.

Và đột nhiên một lòng thương xót lớn lao dâng lên trong tôi, nhấn chìm mọi giận dữ—

mọi hận thù.

"He must indeed be half dead, poor devil," I found myself saying. "Call out my grooms and bid them whip those curs back to their kennels. Tell 'em if they even so much as touch a hair of any human being's head I'll turn 'em out from their holdings and their cottages neck and crop. Thank God I'm their landlord and can do it! Give him a meal and a good bed—and tell him I'll be glad to see him when's he's rested."

"Hẳn hắn đã gần chết mất rồi, tội nghiệp," tôi nghe mình nói. "Gọi bọn người giữ ngựa của ta ra và bảo chúng quất lũ chó ấy trở về chuồng. Nói với chúng rằng nếu chúng dám động đến dù chỉ một sợi tóc trên đầu bất kỳ con người nào, ta sẽ tống cổ chúng khỏi đất thuê và nhà cửa của chúng ngay lập tức. Tạ ơn Thượng đế ta là địa chủ của chúng và có thể làm thế! Cho hắn ăn một bữa và một cái giường tốt—và bảo hắn rằng ta sẽ vui lòng gặp hắn khi hắn nghỉ ngơi xong."

Nathaniel.... How I had hated him! I had lived with hate. And now suddenly it was dead—finished. And I knew that I was glad. He must be old, I thought—and ill. Perhaps he's come hoping to see Adela—he loved her, but he was a little daft—not his fault, that. He doesn't know they're both dead—poor devil, too late, of course, one always is. Well, he'll be company. He was no fool, I remember, for all his madness. My eyes fell on the book propped up before me: Marcus Aurelius.... Religion had been an obsession with him; odd that it had almost become one now with me. But a very different kind. I grinned to myself, "I'll tell him I believe we live again in the flesh. In any case it's as sensible a reason as most for all the stupidities of fate. How he'll rant! But if he doesn't rant too loud, it may be amusing. There's Adela's cottage, he might like to live there—if he'll consent to stay w[T]ith me at all; he was proud, I remember—still he may have changed, we all soften down a little, I believe, though most of us are too vain to admit it. I don't doubt I'll be able to persuade him to take the chance of a bit of peace and comfort in the end..."

Nathaniel.... Tôi đã từng căm ghét ông ta biết bao! Tôi đã sống với lòng căm ghét. Và giờ đây đột nhiên nó đã chết—chấm dứt. Và tôi biết rằng tôi thấy mừng. Tôi nghĩ ông hẳn đã già—và đau yếu. Có lẽ ông đến với hy vọng được gặp Adela—ông yêu cô ấy, nhưng ông hơi điên điên—điều đó không phải lỗi của ông. Ông không biết cả hai người họ đều đã chết—tội nghiệp lão quỷ, dĩ nhiên là quá muộn, người ta lúc nào cũng vậy. Dù sao, ông sẽ là bạn đồng hành. Tôi nhớ ông không phải kẻ ngu, bất chấp mọi cơn điên loạn của ông. Mắt tôi rơi xuống cuốn sách được kê trước mặt: Marcus Aurelius.... Tôn giáo đã từng là một ám ảnh nơi ông; lạ thay giờ đây nơi tôi nó cũng gần như đã trở thành như thế. Nhưng là một loại rất khác. Tôi tự cười thầm, "Tôi sẽ bảo ông rằng tôi tin chúng ta lại sống trong xác thịt. Dù sao đó cũng là một lý do hợp lý chẳng kém gì phần lớn những lý do khác cho mọi điều ngu xuẩn của số phận. Ông sẽ gào lên biết bao! Nhưng nếu ông không gào quá to, điều đó có thể cũng thú vị. Kia là căn nhà nhỏ của Adela, có lẽ ông sẽ thích sống ở đó—nếu ông chịu ở lại với tôi chút nào; tôi nhớ ông kiêu hãnh lắm—dù vậy có thể ông đã thay đổi, tôi tin tất cả chúng ta đều dịu đi đôi chút, dù phần lớn chúng ta quá hư vinh để thừa nhận điều đó. Tôi không nghi ngờ rằng cuối cùng tôi sẽ có thể thuyết phục ông nắm lấy cơ hội có được chút bình an và tiện nghi..."

How close in some ways, I was to this Charles still, how close—yet also how strangely remote. There was a gulf between his mentality and mine; yet when I thought

Xét theo một vài phương diện, tôi vẫn gần với Charles ấy biết bao, gần biết bao—nhưng đồng thời cũng xa lạ một cách kỳ lạ. Có một vực thẳm giữa trí tuệ của ông ấy và của tôi;

of the child I had been in this present life I seemed to perceive there a Charles reproduced in miniature. Those weaknesses with which he had passed over were still all too apparent, but much of what in him had been but potentialities, in me manifested at once, this time, as definite characteristics. At any rate it had not required another long incarnation of suffering and mistakes to lead me to the realization of what my goal was to be and what I was determined to learn this time.

tuy nhiên khi tôi nghĩ đến đứa trẻ mà tôi đã từng là trong kiếp sống hiện tại này, tôi dường như nhận ra ở đó một Charles được tái hiện ở dạng thu nhỏ. Những yếu điểm mà ông ấy đã mang theo khi qua đời vẫn còn quá rõ rệt, nhưng phần lớn những gì nơi ông ấy mới chỉ là tiềm năng thì nơi tôi lần này đã biểu hiện ngay thành những đặc tính xác định. Dù sao đi nữa, tôi đã không cần thêm một kiếp lâm phàm dài đầy đau khổ và sai lầm nữa để dẫn tôi đến sự chứng nghiệm về điều mục tiêu của tôi phải là gì và điều tôi quyết tâm học trong lần này là gì.

Cancer! It had needed that to turn Charles from an aimless, embittered idler to a seeker after wisdom. Cancer.... Suddenly a picture of that scene in the Cave Temple of Egypt flashed into my thoughts and I recalled the terrible, crab-like creature I had seen there. I had realized even then that one day I should have to absorb it into myself, but had not known that when that day came, it would turn out to be a blessing for me and not a curse. Truly had my teacher once said: "There is no evil save that which a man creates through his own lack of understanding" while a greater than he had enunciated the same truth when he declared that all things work together for good to them that love God. Well, I hadn't consciously loved God, but perhaps the search for truth and wisdom was a form of that love.

Ung thư! Chính điều đó đã cần đến để xoay chuyển Charles từ một kẻ nhàn rỗi cay đắng, vô định thành một người tìm cầu minh triết. Ung thư.... Đột nhiên một bức tranh về cảnh tượng trong Đền Hang ở Ai Cập loé lên trong tư tưởng tôi và tôi nhớ lại sinh vật khủng khiếp giống cua mà tôi đã thấy ở đó. Ngay cả khi ấy tôi đã nhận ra rằng một ngày nào đó tôi sẽ phải hấp thu nó vào chính mình, nhưng tôi không biết rằng khi ngày ấy đến, nó lại hóa ra là một phúc lành đối với tôi chứ không phải một lời nguyền. Quả thật huấn sư của tôi đã từng nói: "Không có điều ác nào ngoài điều mà con người tạo ra qua sự thiếu thấu hiểu của chính mình," trong khi một Đấng vĩ đại hơn ông đã phát biểu cùng chân lý ấy khi tuyên bố rằng mọi sự đều cùng nhau vận hành vì điều thiện cho những ai yêu mến Thượng đế. Dù vậy, tôi đã không hữu thức yêu mến Thượng đế, nhưng có lẽ việc tìm kiếm chân lý và minh triết là một hình thức của tình yêu ấy.

I recalled then that once, when my teacher was giving me information on the karmic cause of certain diseases and the relationship between diseases and cycles of time, which I have not the space to write of here, he explained the reason for the prevalence of cancer in our day, pointing out the close connection between this particular disease and the use of certain forms of black magic in the past. He also told me that, until the poisonous substance which it generated had been absorbed and transmuted through man's body, certain steps in development

Khi ấy tôi nhớ lại rằng có lần, khi huấn sư của tôi đang cho tôi biết về nguyên nhân nghiệp quả của một số bệnh tật nào đó và mối liên hệ giữa bệnh tật với các chu kỳ thời gian, điều mà ở đây tôi không có chỗ để viết ra, ông đã giải thích lý do sự phổ biến của bệnh ung thư trong thời đại chúng ta, và chỉ ra mối liên hệ chặt chẽ giữa căn bệnh đặc biệt này với việc sử dụng một số hình thức Hắc thuật trong quá khứ. Ông cũng nói với tôi rằng, cho đến khi chất độc mà nó tạo ra được hấp thu và chuyển hoá qua thể của con người, thì một số bước phát triển nhất định không thể

cannot be attempted. This work, he had said, is now being rapidly undertaken. Some more advanced souls deliberately volunteer as an act of devotion to take such matter into their own physical bodies for transmutation, thus sacrificing the personality to the general good. Only when this general process of transmutation has reached an advanced stage will a genuine cure for cancer be discovered.

được thử thực hiện. Công việc này, ông nói, hiện đang được đảm nhận một cách nhanh chóng. Một số linh hồn tiến bộ hơn tự nguyện dấn thân một cách có chủ ý như một hành vi thánh hiến để nhận chất liệu ấy vào chính thể xác của họ nhằm chuyển hoá, nhờ đó hi sinh phàm ngã cho lợi ích chung. Chỉ khi tiến trình chuyển hoá tổng quát này đã đạt đến một giai đoạn tiến bộ thì một phương pháp chữa ung thư chân chính mới được khám phá.

But so far as I was concerned there had been no such noble motive. The poisoned substance was my own and until I had brought it up to the surface into physical matter and had to some extent at least dispersed and purified it, it would continue in whatever body I built, to constitute a handicap and a potential source of weakness and danger.

Nhưng xét về phần tôi thì không hề có động cơ cao quý nào như thế. Chất độc ấy là của riêng tôi, và cho đến khi tôi đưa nó lên bề mặt vào vật chất hồng trần và ít nhất ở một mức độ nào đó làm tiêu tan và thanh lọc nó, thì trong bất cứ thể nào tôi xây dựng, nó vẫn sẽ tiếp tục cấu thành một chướng ngại và một nguồn yếu điểm cùng nguy hiểm tiềm tàng.

Yet as I looked back I saw that even this attempt, personal as it seemed, had not only been of benefit to myself, for through the results of that suffering I had undoubtedly gained enough wisdom to understand the unhappy Nathaniel, to forgive and probably to help him.

Tuy nhiên khi nhìn lại, tôi thấy rằng ngay cả nỗ lực này, tuy có vẻ riêng tư đến thế, cũng không chỉ có ích cho riêng tôi, vì qua kết quả của nỗi đau khổ ấy tôi chắc chắn đã đạt được đủ minh triết để thấu hiểu Nathaniel bất hạnh, tha thứ và có lẽ còn giúp đỡ ông.

My teacher confirmed this. “You even gave him a taste for philosophy and thus rid him of many prejudices which would have hampered him again in his next life, had he not dealt with them before passing over. A great achievement.”

Huấn sư của tôi xác nhận điều này. “Con thậm chí còn khiến ông ấy nếm được hương vị triết học và nhờ đó loại bỏ nơi ông ấy nhiều thành kiến vốn sẽ lại cản trở ông ấy trong kiếp sau, nếu ông ấy đã không xử lý chúng trước khi qua đời. Một thành tựu lớn.”

“Does one go on in the new life from precisely the place where one left the old?” I asked in some surprise.

“Có phải người ta tiếp tục trong đời sống mới đúng chính xác từ chỗ mình đã rời đời sống cũ không?” tôi hỏi, hơi ngạc nhiên.

“Yes, there are no gaps—no jumps in evolution beyond the space of time which must inevitably elapse before the new physical vehicle is of an age at which such capacities as have been acquired in the past can manifest. Were this more generally understood, the aged would take a very different view of their last days and not waste so much time going back into the past when they should be synthesizing their

“Đúng vậy, không có khoảng trống nào—không có bước nhảy nào trong tiến hoá ngoài khoảng thời gian tất yếu phải trôi qua trước khi vận cụ hồng trần mới đạt đến độ tuổi mà tại đó những năng lực đã được thủ đắc trong quá khứ có thể biểu hiện. Nếu điều này được thấu hiểu rộng rãi hơn, người già sẽ có một quan điểm rất khác về những ngày cuối đời của họ và sẽ không lãng phí quá nhiều thời gian quay về quá khứ trong khi lẽ ra họ nên

experiences and projecting themselves towards the future. Both you and Nathaniel did this, and profited considerably by those last years when you were forced by circumstances to turn inward upon yourselves."

tổng hợp các kinh nghiệm của mình và phóng chiếu bản thân về phía tương lai. Cả con lẫn Nathaniel đều đã làm điều này, và đã thu được lợi ích đáng kể từ những năm cuối ấy khi hoàn cảnh buộc hai người phải quay vào bên trong chính mình."

"Was he not an enemy from my past?" I asked.

"Ông ấy chẳng phải là một kẻ thù từ quá khứ của con sao?" tôi hỏi.

"Yes, so was Adela, but in a lesser degree. They had both been associated with you in Atlantean magic and were endeavouring also to do battle with the elementals they had invoked then and which were obsessing them both, driving Adela to drunkenness and to crime and were determined to live again through your child. Since, therefore, he had not deserved to suffer from such loving tyranny, such jealousy; since you, moreover, were still so unfitted for the joys and responsibilities of such a contact, he was taken; mercifully for him—and for you."

"Đúng, Adela cũng vậy, nhưng ở mức độ nhẹ hơn. Cả hai đều đã từng liên hệ với con trong huyền thuật Atlantis và cũng đang cố gắng chiến đấu với các hành khí mà khi ấy họ đã triệu gọi và đang ám ảnh cả hai người, đẩy Adela vào say sưa và tội ác, đồng thời quyết tâm sống lại qua đứa con của con. Vì thế, bởi nó không đáng phải chịu đựng thứ chuyên chế đầy yêu thương ấy, thứ ghen tuông ấy; hơn nữa, bởi con vẫn còn quá không thích hợp với những niềm vui và trách nhiệm của một tiếp xúc như thế, nên nó đã được mang đi; đầy từ bi đối với nó—và đối với con."

"That is the third time I have failed my Group in love," I said.

"Đó là lần thứ ba con đã thất bại với Nhóm của mình trong tình thương," tôi nói.

"Yes, it is one of the hardest tests, it demands the utmost that a man has. But the test must be passed; this problem in love will return until you do solve it. For no one is allowed to shirk his problems. Looking back even upon these few lives you have been shown, you must realize how the same problem is presented to the man again and again. To escape from bondage by breaking your shackles is no escape; it is merely transferring the bondage to another time when it may have become by the accretion of other incidents, more complicated and difficult; for such bondage, being the result of man's free will, is part of the immutable Law of his own being. No man can escape from himself, as you discovered in Egypt—no, not if he flees to the uttermost part of the earth—for that self is a part of the one Life. Therefore the sooner he realizes this and faces up to his Karma the better for him. In your eighteenth century life you faced many problems of the past and solved them; you forgave your erring wife, spared her lover,

"Đúng vậy, đó là một trong những thử thách khó khăn nhất, nó đòi hỏi nơi con người điều tối đa mà y có. Nhưng thử thách ấy phải được vượt qua; vấn đề này trong tình thương sẽ quay trở lại cho đến khi con giải quyết được nó. Vì không ai được phép trốn tránh các vấn đề của mình. Khi nhìn lại ngay cả vài kiếp sống mà con đã được cho thấy này, con hẳn phải nhận ra cùng một vấn đề được trình ra cho con người hết lần này đến lần khác như thế nào. Thoát khỏi trói buộc bằng cách bẻ gãy xiềng xích của mình không phải là thoát; đó chỉ đơn thuần là chuyển dời sự trói buộc sang một thời điểm khác khi nó có thể đã trở nên, do sự bồi đắp của những sự kiện khác, phức tạp và khó khăn hơn; vì sự trói buộc như thế, là kết quả của ý chí tự do của con người, là một phần của Định luật bất biến của chính bản thể y. Không ai có thể trốn khỏi chính mình, như con đã khám phá ở Ai Cập—không, ngay cả nếu y chạy đến tận cùng trái đất—vì cái ngã ấy là một phần của Sự sống duy nhất. Vì vậy con người càng sớm chứng nghiệm điều này và đối diện với

and had pity on your enemies, Adela and Nathaniel—that was a real advance.

nghiệp quả của mình thì càng tốt cho y. Trong kiếp sống thế kỷ mười tám của con, con đã đối diện với nhiều vấn đề của quá khứ và giải quyết chúng; con đã tha thứ cho người vợ lầm lỗi của mình, tha mạng cho tình nhân của bà ấy, và thương xót những kẻ thù của con, Adela và Nathaniel—đó là một bước tiến thật sự.

This time you have returned determined to clear oft' as many as possible of those other more urgent debts contracted in the past through neglect, cruelty or ignorance, — some of which you have at last recognized. Until this work is accomplished you cannot progress in the way you desire.

Lần này con đã trở lại với quyết tâm thanh toán càng nhiều càng tốt những món nợ cấp bách hơn khác đã kết tạo trong quá khứ do sao lãng, tàn nhẫn hay vô minh,—một số trong đó cuối cùng con đã nhận ra. Cho đến khi công việc này được hoàn tất, con không thể tiến bộ theo cách con mong muốn.

Your relationship with Elizabeth had been left imperfect, so you have been born in the same family as she, and she it is, in a new form, whom you have always felt a deep compulsion to serve and to protect. You both failed each other then, but although you forgave her, you were the worst offender, for her fall was largely due to your neglect; therefore it is you, this time, who have been called upon to make the greater sacrifice.

Mối liên hệ của con với Elizabeth đã bị bỏ dở dang, vì thế con đã sinh ra trong cùng gia đình với cô ấy, và chính cô ấy, trong một hình tướng mới, là người mà con luôn cảm thấy một thôi thúc sâu xa phải phụng sự và bảo vệ. Khi ấy cả hai đã làm nhau thất vọng, nhưng dù con đã tha thứ cho cô ấy, con mới là người phạm lỗi nặng hơn, vì sự sa ngã của cô ấy phần lớn là do sự sao lãng của con; vì thế lần này chính con là người đã được kêu gọi thực hiện sự hi sinh lớn hơn.

“Although sometimes in moments of rebellion you have believed that this service stood in the way of greater occult development, of wider experiences and the freedom you have always craved, fortunately for you, love holds you now as duty alone might not have done, turning duty into a willing sacrifice. For what you have always imagined to be a barrier is in reality the very key to the door you desire to unlock. Had you not striven to perfect this relationship and sought to create harmony where before there had been tension, you would never in this life have been permitted the contacts with us that have been yours. For it is nearly always the commonplace and often despised incidents and problems of ordinary life which are used by the teachers on the Inner Planes to test would-be aspirants to the Path of Wisdom. The man who cannot deal wisely with small things is not yet fitted to undertake the far more

“Mặc dù đôi khi trong những lúc phản kháng con đã tin rằng sự phụng sự này cản trở sự phát triển huyền bí học lớn hơn, những kinh nghiệm rộng hơn và sự tự do mà con luôn khao khát, nhưng may cho con, tình thương giờ đây giữ lấy con theo cách mà chỉ riêng bổn phận có lẽ đã không làm được, biến bổn phận thành một sự hi sinh tự nguyện. Vì điều mà con luôn tưởng là một chướng ngại thì thật ra lại chính là chiếc chìa khóa của cánh cửa mà con mong mở ra. Nếu con đã không cố gắng hoàn thiện mối liên hệ này và tìm cách tạo ra hài hòa ở nơi trước kia từng có căng thẳng, thì trong kiếp này con đã không bao giờ được phép có những tiếp xúc với chúng ta như con đã có. Vì gần như luôn luôn chính những sự việc tầm thường và thường bị khinh miệt cùng những vấn đề của đời sống thường nhật được các huấn sư trên các cõi bên trong dùng để thử thách những người chí nguyện muốn bước vào Con Đường Minh triết. Người không thể xử lý một cách

strenuous efforts which will surely be demanded of him then. Sometimes, indeed, difficulties are deliberately put in his way so as to test the strength of his aspiration and to see whether he is so resolved to achieve his goal that nothing will shake his determination nor cause his footsteps to falter.

khôn ngoan những việc nhỏ thì chưa thích hợp để đảm nhận những nỗ lực còn gian khổ hơn nhiều chắc chắn sẽ được đòi hỏi nơi y khi ấy. Quả thật, đôi khi những khó khăn được cố ý đặt trên đường y để thử sức mạnh khát vọng của y và để xem liệu y có quyết tâm đạt mục tiêu đến mức không gì có thể lay chuyển ý chí của y hay khiến bước chân y chùn lại hay không.

"You may thus recall how, for years, you practised your exercises in meditation without any obvious result; how difficult it was for you to obtain any information on occultism so that you were forced to seek it from within, and how, in your daily life, you had to struggle along without assistance and often without friends. This was all part of your training and a preparation for what has happened since, although you did not recognize it as such at the time. The trouble is man is so bewildered by the vortex of physical plane activity in which he is immersed that he is inclined to set up an entirely false scale of values.

"Vì vậy con có thể nhớ lại rằng trong nhiều năm con đã thực hành các bài tập tham thiền của mình mà không có kết quả hiển nhiên nào; rằng đối với con việc có được bất kỳ thông tin nào về huyền bí học khó khăn biết bao, đến nỗi con buộc phải tìm nó từ bên trong, và rằng trong đời sống hằng ngày con đã phải vật lộn tiến bước mà không có trợ giúp và thường cũng không có bạn bè. Tất cả điều này đều là một phần trong sự huấn luyện của con và là sự chuẩn bị cho những gì đã xảy ra từ đó về sau, dù lúc ấy con đã không nhận ra nó như thế. Rắc rối là con người quá bối rối bởi vòng xoáy hoạt động của cõi hồng trần mà y đang chìm trong đó, nên y có khuynh hướng dựng lên một thang giá trị hoàn toàn sai lầm.

"He is, indeed, as one who weaves a tapestry upon a tremendous loom; so close to it is he working, so engrossed is he in sending the shuttle back and forth over his tiny patch, that he cannot perceive the beauty and magnitude of the complete pattern. Yet it is essential that he should do so. One of the difficulties under which you all labour is that you are bound by erroneous conceptions of time and space; yet even the discoveries of your scientists should have made clear to you that time and space cease to exist for him who can enlarge his vision, step away from the confusing detail and view the whole. At present, being only in possession of that partial vision which the limitations of man's development impose upon him, he still sees lives, personalities, and events as separate broken fragments, having little or no relation to each other. But there is no break in continuity, no lesion anywhere. There is but *one* life, *one*

"Quả thật, y giống như một người đang dệt một tấm thảm trên một khung cửi khổng lồ; y làm việc quá gần nó, quá mải mê đưa con thoi qua lại trên mảnh nhỏ bé của mình, đến nỗi y không thể nhận ra vẻ đẹp và tầm vóc của toàn bộ mô hình. Tuy nhiên điều cốt yếu là y phải làm được như vậy. Một trong những khó khăn mà tất cả các con đang chịu đựng là các con bị trói buộc bởi những quan niệm sai lầm về thời gian và không gian; tuy nhiên ngay cả những khám phá của các nhà khoa học của các con cũng đáng lẽ phải làm rõ cho các con rằng thời gian và không gian không còn tồn tại đối với người có thể mở rộng tầm nhìn của mình, bước ra khỏi chi tiết rối rắm và nhìn toàn thể. Hiện nay, vì chỉ sở hữu linh thị bộ phận mà những giới hạn của sự phát triển của con người áp đặt lên y, y vẫn nhìn các kiếp sống, các phàm ngã và các biến cố như những mảnh vỡ rời rạc tách biệt, ít hoặc không có liên hệ gì với nhau. Nhưng không có sự đứt đoạn nào trong tính

consciousness, *one* supreme manifestation. To realize this, not academically, but in such a fashion that it colours his entire viewpoint, permeates all his activities, inspires every thought, dictates every action, is his ultimate aim. Until he has done this he will continue to be limited by the supreme illusion of Separateness, and remain bound upon the Wheel of Re-birth."

liên tục, không có thương tổn nào ở bất cứ đâu. Chỉ có *một* sự sống, *một* tâm thức, *một* sự biểu hiện tối thượng. Chứng nghiệm điều này, không phải theo kiểu học thuật, mà theo cách khiến nó nhuộm màu toàn bộ quan điểm của y, thấm nhuần mọi hoạt động của y, truyền cảm hứng cho mọi tư tưởng, chi phối mọi hành động, đó là mục tiêu tối hậu của y. Cho đến khi y làm được điều này, y sẽ tiếp tục bị giới hạn bởi ảo tưởng tối thượng của Tính Tách Biệt, và vẫn bị trói buộc trên Bánh Xe Tái Sinh."

EPILOGUE—KẾT TỪ

I sat alone at the foot of the rough wooden cross marking the summit of a mountain in Central Europe. Around me was a desolation of scattered rock interspersed with short turf redolent with thyme and starred with brilliant Alpine flowers. Below stretched the narrow valley I had left that morning winding into the distance, its white torrent visible like a thread uniting the various villages which could be distinguished by a darkish blur or by the flash of sunlight on panes of glass or the steeples of a church. On and on the valley went until it lost itself at last in the blue mists of distance where lay the great town, representing to these people of the solitudes that outer world barred from them by a chain of rocky heights which could faintly be seen steeped in sunlight, a fantastic barrier, fairy-like and unreal.

Tôi ngồi một mình dưới chân cây thập giá gỗ thô đánh dấu đỉnh một ngọn núi ở Trung Âu. Chung quanh tôi là một cảnh hoang vắng của những tảng đá rải rác xen lẫn những thảm cỏ ngắn thơm mùi xạ hương và điểm những bông hoa núi Alps rực rỡ như sao. Bên dưới trải dài thung lũng hẹp mà tôi đã rời đi sáng hôm đó, uốn lượn vào xa thẳm, dòng thác trắng của nó hiện ra như một sợi chỉ nối kết các làng mạc khác nhau, có thể nhận ra bằng một vệt sẫm màu hoặc bằng ánh mặt trời lóe trên các ô kính hay những tháp chuông nhà thờ. Thung lũng cứ kéo dài mãi cho đến khi cuối cùng mất hút trong làn sương xanh xa xăm nơi có thị trấn lớn, đối với những con người của chốn cô tịch này tượng trưng cho thế giới bên ngoài bị ngăn cách với họ bởi một dãy cao điểm đá mà người ta có thể lờ mờ thấy đang ngập trong nắng, một rào chắn kỳ ảo, như tiên giới và không thật.

Before me so close that one felt it would be easy to leap across the valley to those snow-piled flanks, dazzlingly white against the pure blue of the summer sky, stretched four magnificent glaciers, so cold, withdrawn and calm that they seemed to reduce all man's ant-like activities to their true proportions.

Trước mặt tôi, gần đến mức người ta cảm thấy hẳn sẽ dễ dàng nhảy qua thung lũng đến những sườn núi chất đầy tuyết ấy, trắng lóa trên nền xanh tinh khiết của bầu trời mùa hạ, trải ra bốn sông băng tráng lệ, lạnh lẽo, xa cách và tĩnh lặng đến nỗi chúng dường như thu nhỏ mọi hoạt động như loài kiến của con người về đúng tỉ lệ thật của chúng.

I was exhausted by a long and somewhat arduous climb in the great heat and lay still, allowing my thoughts to drift idly. That I was here for some purpose I did not doubt; but by now I knew from experience that it would reveal itself at the right moment and not before; so long as my senses were alert and my mind like a well-trained dog ready to come to heel at the slightest sign, nothing more at the moment was expected of me. The preliminary physical effort had been made, now I had only to await events.

Tôi kiệt sức vì một cuộc leo trèo dài và khá gian khổ trong cái nóng dữ dội, và nằm yên, để cho tư tưởng mình trôi dạt lơ đãng. Rằng tôi có mặt ở đây vì một mục đích nào đó thì tôi không nghi ngờ; nhưng đến lúc này tôi đã biết từ kinh nghiệm rằng nó sẽ tự bộc lộ vào đúng thời điểm chứ không trước đó; miễn là các giác quan của tôi tỉnh táo và trí tuệ tôi như một con chó được huấn luyện kỹ, sẵn sàng quay về ngay khi có dấu hiệu nhỏ nhất, thì lúc này người ta không đòi hỏi gì hơn nơi tôi. Nỗ lực hồng trần sơ bộ đã được thực hiện, giờ tôi chỉ còn phải chờ đợi diễn biến.

But I had a great sense of expectancy. In some ways I was reminded of the

Nhưng tôi có một cảm giác mong đợi lớn lao. Theo một vài phương diện, tôi được nhắc

atmosphere at the bungalow by the sea before those strange revelations which had marked such an epoch in my life and in those of my friends. Now as then I had been drawn away from the world into the solitudes; now as then I was aware of the presence of more powerful nature forces than usually surrounded me. But fire and air ruled this upper world; there one had felt more a part of the earth and the voice of the sea had been the dominant note in one's days and nights. Here was the mountain-top from which one could view one's little world in a truer perspective; there the range of visibility had been more circumscribed. Analogously here it was the realm of mind, there that of the emotions.

nhớ đến bầu không khí ở căn bungalow bên biển trước những mặc khải kỳ lạ đã đánh dấu một thời kỳ quan trọng như thế trong đời tôi và trong đời các bạn tôi. Giờ đây cũng như khi ấy tôi đã bị lôi ra khỏi thế giới vào chốn cô tịch; giờ đây cũng như khi ấy tôi ý thức được sự hiện diện của những mãnh lực tự nhiên mạnh hơn thường lệ đang bao quanh tôi. Nhưng lửa và khí cai quản thế giới cao này; ở nơi kia người ta cảm thấy mình là một phần của đất nhiều hơn và tiếng nói của biển là âm điệu chủ đạo trong ngày và đêm của mình. Ở đây là đỉnh núi từ đó người ta có thể nhìn thế giới nhỏ bé của mình trong một viễn cảnh chân thực hơn; ở nơi kia tầm nhìn bị giới hạn hơn. Tương tự như vậy, ở đây là cõi của trí tuệ, còn ở kia là cõi của cảm xúc.

My thoughts travelled back to those weeks when our group had re-created for a moment that lost world when water ruled. How much had happened to us since then! Having evoked the past, we had all in our different ways been called upon to deal with it, not in conjunction but separately, since in Atlantis we had chosen the path of separation and only now were just beginning to realize the power which lay in unity—that other word for love.

Tư tưởng tôi quay trở lại những tuần lễ khi nhóm chúng tôi đã tái tạo trong chốc lát thế giới đã mất ấy, khi nước cai quản. Biết bao điều đã xảy ra với chúng tôi kể từ đó! Sau khi gợi lên quá khứ, tất cả chúng tôi theo những cách khác nhau đã được kêu gọi phải đề cập đến nó, không phải cùng nhau mà riêng rẽ, vì ở Atlantis chúng tôi đã chọn con đường chia tách và chỉ đến bây giờ mới bắt đầu nhận ra quyền năng nằm trong hợp nhất—từ ngữ khác của tình thương.

Almost immediately we had been forced by the exigencies of our different types of work to go our several ways. Naturally we met whenever opportunity offered, for, however full of discord and hate our distant past had been, our relationship had radically changed, and the consciousness of the past was now helping to cement us in growing bonds of comradeship and affection.

Gần như ngay lập tức chúng tôi đã bị những đòi hỏi của các loại công việc khác nhau buộc phải đi theo những con đường riêng. Dĩ nhiên chúng tôi gặp nhau bất cứ khi nào có cơ hội, vì cho dù quá khứ xa xôi của chúng tôi đã đầy bất hòa và căm ghét đến đâu, mối liên hệ của chúng tôi đã thay đổi tận gốc, và tâm thức về quá khứ giờ đây đang giúp gắn kết chúng tôi trong những mối dây đồng chí và tình cảm ngày càng lớn mạnh.

But those meetings for a time became increasingly difficult. Each had obviously to work off his own Karma and undergo various tests and training in accordance with his particular line of development. On the other hand our Karma had been remarkably similar. There had been for all of us periods of enforced loneliness, many frustrations, financial loss, payment

Nhưng trong một thời gian những cuộc gặp ấy ngày càng trở nên khó khăn. Hiển nhiên mỗi người phải tự giải quyết nghiệp quả của mình và trải qua những thử thách cùng sự huấn luyện khác nhau tùy theo đường phát triển riêng của mình. Mặt khác, nghiệp quả của chúng tôi lại giống nhau một cách đáng kinh ngạc. Với tất cả chúng tôi đều có những giai đoạn cô đơn bị cưỡng bách, nhiều thất

through service of debts to various personal links and also a good deal of illness and mental stress.

vọng, mất mát tài chính, thanh toán qua phụng sự những món nợ đối với các liên hệ cá nhân khác nhau và cả khá nhiều bệnh tật cùng căng thẳng trí tuệ.

Since we had all been starting on a new cycle at that period these were the inevitable preliminaries to any further progress.

Vì tất cả chúng tôi khi ấy đều đang khởi đầu một chu kỳ mới nên đó là những bước chuẩn bị tất yếu cho bất kỳ tiến bộ nào thêm nữa.

Whilst I had been engaged in writing my book and was receiving undreamed-of help and intensive training, I had become so accustomed to contacting those forces which were being drawn to my assistance that it had never occurred to me that any other conditions could supervene. But there came a time when I was warned that there lay ahead a period when it would be necessary for me to work off much ICarma alone and utilize the powers I had acquired without such assistance before any further step could be taken. Slowly, almost imperceptibly then the forces began to withdraw, until I found myself, not alone — knowing what I did, that could be impossible —but certainly bereft of conscious communion with my teachers and therefore thrown once more upon my own resources. "We have hitherto made the effort to descend into your atmosphere and contact you," my teacher had said, "now it will be for you to learn how to rise mentally to our plane and contact us."

Trong khi tôi bận viết cuốn sách của mình và đang nhận được sự trợ giúp ngoài sức tưởng tượng cùng sự huấn luyện chuyên sâu, tôi đã trở nên quá quen với việc tiếp xúc những mãnh lực đang được kéo đến để trợ giúp tôi đến nỗi chưa từng nghĩ rằng những điều kiện nào khác có thể xen vào. Nhưng rồi đã đến lúc tôi được báo trước rằng phía trước là một giai đoạn trong đó tôi cần phải tự mình giải quyết nhiều nghiệp quả và sử dụng những năng lực mình đã thủ đắc mà không có sự trợ giúp như thế trước khi có thể thực hiện thêm bất kỳ bước nào. Chậm chạp, gần như không thể nhận ra, các mãnh lực bắt đầu rút lui, cho đến khi tôi thấy mình, không phải cô độc—với điều tôi biết, điều đó là không thể—nhưng chắc chắn bị tước mất sự hiệp thông hữu thức với các huấn sư của mình và vì thế lại một lần nữa bị ném trở về vào các nguồn lực riêng của mình. "Cho đến nay chúng ta đã nỗ lực hạ xuống bầu khí quyển của con và tiếp xúc với con," huấn sư của tôi đã nói, "giờ đây con sẽ phải học cách vươn lên bằng trí tuệ đến cõi của chúng ta và tiếp xúc với chúng ta."

But what seemed to me at that time most incomprehensible was that my book remained unfinished. Do what I might, I could not succeed in completing the work which I had begun with such zest and such assurance.

Nhưng điều lúc ấy dường như khó hiểu nhất đối với tôi là cuốn sách của tôi vẫn còn dang dở. Dù tôi làm gì đi nữa, tôi cũng không thể hoàn tất công việc mà tôi đã khởi sự với biết bao hăng hái và tự tin.

The interim, as I have said, was filled with struggle, disappointments and difficulties. The waiting time had indeed seemed long and sometimes I feared never again to experience that unique sense of union with which no human companionship could ever compare. What I did not realize at the time was that, as everything in existence is governed by the law of cycles, so are the

Khoảng chuyển tiếp ấy, như tôi đã nói, đầy những đấu tranh, thất vọng và khó khăn. Thời gian chờ đợi quả thật có vẻ dài, và đôi khi tôi sợ rằng mình sẽ không bao giờ lại kinh nghiệm cảm giác hợp nhất độc nhất vô nhị ấy nữa, cảm giác mà không một tình bạn đồng hành nhân loại nào có thể sánh được. Điều mà lúc ấy tôi không nhận ra là, cũng như mọi thứ hiện hữu đều bị chi phối bởi

inner tides of man's development; even as the wave rises to its crest, breaks into far-flung spray and is followed by an apparent withdrawal into the depths, so does man progress, working forward to some intense effort or some important experience arising from a past cause and then, that wave of energy temporarily dissipated, retiring into what may appear to him to be a period of rest or even inertia. This is in reality a moment of pause allowing for the accumulation of fresh force. It follows the rhythm of universal life, that of night and day, of life and death, of eternal becoming.

định luật chu kỳ, thì những thủy triều bên trong của sự phát triển con người cũng vậy; cũng như làn sóng dâng lên đến đỉnh, vỡ tung thành bụi nước bắn xa rồi tiếp theo là một sự rút lui có vẻ như xuống vực sâu, thì con người cũng tiến bộ như thế, tiến lên hướng tới một nỗ lực mãnh liệt nào đó hoặc một kinh nghiệm quan trọng nào đó phát sinh từ một nguyên nhân quá khứ, rồi sau đó, làn sóng năng lượng ấy tạm thời tiêu tan, lui vào điều có thể đối với y dường như là một giai đoạn nghỉ ngơi hay thậm chí trì trệ. Thực ra đó là một khoảnh khắc tạm dừng cho phép tích lũy mãnh lực mới. Nó theo nhịp điệu của sự sống vũ trụ, nhịp điệu của đêm và ngày, của sống và chết, của sự trở thành vĩnh cửu.

These years were a time of experimentation in which I had to learn how to synthesize and apply the knowledge I had received in practical living. To accept willingly and gratefully such a gift as this teaching is one tiling and comparatively easy; but to apply it with discrimination, to adjust it to modern conditions, even to sift the wheat from the chaff which is bound to accumulate in this field where weeds from the personal prejudices and unconscious resistances inevitably mingle with the good grain, is quite another matter.

Những năm ấy là một thời kỳ thử nghiệm trong đó tôi phải học cách tổng hợp và áp dụng tri thức mình đã nhận được vào đời sống thực tiễn. Tự nguyện và biết ơn đón nhận một món quà như giáo huấn này là một chuyện và tương đối dễ; nhưng áp dụng nó với sự phân biện, điều chỉnh nó cho phù hợp với các điều kiện hiện đại, thậm chí sàng lúa mì khỏi trấu cám vốn chắc chắn tích tụ trong lĩnh vực này, nơi cỏ dại từ những thành kiến cá nhân và những kháng cự vô thức tất yếu trộn lẫn với hạt tốt, lại là một chuyện hoàn toàn khác.

The beginner, inexperienced and easily confused by the new conditions with which he is bound to be faced during this period of readjustment, must tread very warily if he does not wish to find himself in trouble. This is more especially the case when the teaching itself comes largely through psychic channels rather than from books or even a teacher on the physical plane. Discrimination and a critical and detached attitude is always essential. For all teachers, even the best intentioned on the lower levels are fallible and even teachings coming from far higher sources can be distorted and perverted by those who receive them as happened with the teachings of Jesus.

Người mới bắt đầu, thiếu kinh nghiệm và dễ bị những điều kiện mới mà y chắc chắn phải đối diện trong giai đoạn tái điều chỉnh này làm cho bối rối, phải bước đi hết sức thận trọng nếu không muốn thấy mình rơi vào rắc rối. Điều này đặc biệt đúng khi chính giáo huấn phần lớn đến qua các kênh thông linh hơn là từ sách vở hay thậm chí từ một huấn sư trên cõi hồng trần. Sự phân biện và một thái độ phê phán, tách rời luôn luôn là điều cốt yếu. Vì mọi huấn sư, ngay cả những người có thiện ý nhất ở các cấp độ thấp, đều có thể sai lầm, và ngay cả những giáo huấn đến từ những nguồn cao hơn rất nhiều cũng có thể bị bóp méo và xuyên tạc bởi những người tiếp nhận chúng, như đã xảy ra với giáo huấn của Đức Jesus.

At the beginning of this period in my life

Vào đầu giai đoạn này trong đời tôi, đôi khi

false messages would occasionally be received, the veracity or otherwise of which I could only discover for myself.

những thông điệp sai lạc được nhận, mà tính chân thực hay không của chúng tôi chỉ có thể tự mình khám phá.

What must never be forgotten is that it is through the subconscious mind that one can most easily be influenced

Điều không bao giờ được quên là chính qua hạ trí tiềm thức mà người ta có thể dễ dàng bị ảnh hưởng nhất

EPILOGUE until one has learned to tune oneself in more perfectly to the vibrations emanating from the superconscious mind—that is to say from the soul, and has learned to discriminate between the two. Herein lie many dangers, since the subconscious mind contains in effect the sum total of most of those undesirable elements left over from the man's previous physical plane experiences, not to mention those he has himself consigned to these regions of his being during his present life, which have not yet been assimilated and transmuted through the influence of his higher consciousness.

EPILOGUE cho đến khi người ta đã học được cách chỉnh hợp bản thân một cách hoàn hảo hơn với những rung động phát ra từ trí tuệ siêu thức—nghĩa là từ linh hồn—và đã học được cách phân biện giữa hai điều đó. Chính trong điều này có nhiều nguy hiểm, vì hạ trí tiềm thức trên thực tế chứa tổng số của phần lớn những yếu tố không mong muốn còn sót lại từ các kinh nghiệm cõi hồng trần trước đây của con người, chưa kể những yếu tố mà chính y đã gửi vào những vùng này của bản thể mình trong kiếp sống hiện tại, những yếu tố chưa được đồng hoá và chuyển hoá qua ảnh hưởng của tâm thức cao hơn của y.

When he is determined to make the attempt to climb what might be called the spiritual mountain, and is beginning actively to co-operate with the divine law instead of struggling against it, his efforts often tend to galvanize the residue of the past and bring it up to be dealt with. This phase is essential because until this is transmuted to some extent at least, it would not be safe for the aspirant to greater wisdom—and therefore to greater power—to advance very far.

Khi y quyết tâm thử leo lên điều có thể gọi là ngọn núi tinh thần, và đang bắt đầu tích cực hợp tác với định luật thiêng liêng thay vì chống lại nó, thì những nỗ lực của y thường có khuynh hướng làm sống dậy phần cặn dư của quá khứ và đưa nó lên để được xử lý. Giai đoạn này là thiết yếu vì cho đến khi điều này ít nhất cũng được chuyển hoá ở một mức độ nào đó, sẽ không an toàn cho người chí nguyện hướng tới minh triết lớn hơn—và do đó quyền năng lớn hơn—tiến quá xa.

It is said that in certain cases these forces from the past can actually be seen by clairvoyants in the form of a "dweller" as was shown to me in Egypt. But the term can also be symbolical and stand for unresolved complexes and the dark turmoils controlling the aspirant from the unconscious. We all have such "dwellers" as every psychiatrist knows; powers in the hidden places of our being which influence us far more often than we know. It follows that any attempt to speed up our evolution inevitably produces reaction from these more primitive levels which have not yet been integrated into our personality and are in resistance to our

Người ta nói rằng trong một số trường hợp, những mãnh lực từ quá khứ này thực sự có thể được các nhà thông nhãn nhìn thấy dưới hình thức một "Kẻ Chận Ngõ" như đã được cho tôi thấy ở Ai Cập. Nhưng thuật ngữ ấy cũng có thể mang tính biểu tượng và chỉ những phức cảm chưa được giải quyết cùng những xáo trộn đen tối đang kiểm soát người chí nguyện từ vô thức. Tất cả chúng ta đều có những "Kẻ Chận Ngõ" như thế, như mọi nhà tâm thần học đều biết; những quyền năng trong những nơi ẩn kín của bản thể chúng ta ảnh hưởng đến chúng ta thường xuyên hơn nhiều so với điều chúng ta biết. Theo đó, bất kỳ nỗ lực nào nhằm tăng tốc tiến hoá của

efforts to allow the soul to control us.

chúng ta tất yếu đều tạo ra phản ứng từ những cấp độ nguyên sơ hơn này, những cấp độ chưa được tích hợp vào phàm ngã của chúng ta và đang kháng cự những nỗ lực của chúng ta nhằm để linh hồn kiểm soát chúng ta.

This attempt at integration in preparation for a next step forward is taking place more widely today, largely owing to the work of the pioneers in psychology who are endeavouring to explore this underworld and bring its denizens up into the light where they can be revealed for what they are; for only then can they be controlled and rightly directed. When this is accomplished they will no longer be destructive and dangerous but rather valuable allies to the evolving man. Until he does learn to know and understand himself he cannot hope to change himself; and until he changes his whole polarization it will not be safe for him to rely upon any extrasensory or "occult" powers he may develop since they will inevitably be coloured and distorted by this subterranean self which he neither knows how to check nor control.

Nỗ lực tích hợp này để chuẩn bị cho bước tiến tiếp theo đang diễn ra rộng rãi hơn ngày nay, phần lớn nhờ công trình của những người tiên phong trong tâm lý học đang cố gắng thăm dò thế giới ngầm này và đưa các cư dân của nó ra ánh sáng nơi chúng có thể được phơi bày đúng như bản chất của chúng; vì chỉ khi ấy chúng mới có thể được kiểm soát và hướng dẫn đúng đắn. Khi điều này được hoàn thành, chúng sẽ không còn mang tính phá hoại và nguy hiểm nữa mà đúng hơn sẽ trở thành những đồng minh có giá trị đối với con người đang tiến hoá. Cho đến khi y học được cách biết và thấu hiểu chính mình, y không thể hy vọng thay đổi chính mình; và cho đến khi y thay đổi toàn bộ sự phân cực của mình, sẽ không an toàn cho y nếu dựa vào bất kỳ quyền năng ngoại cảm hay "huyền bí" nào mà y có thể phát triển, vì chúng tất yếu sẽ bị nhuốm màu và bóp méo bởi cái ngã ngầm bên dưới này mà y không biết cách kiềm chế hay kiểm soát.

In view of this danger communication by automatic writing in my own development ceased as soon as possible, as it is one of the methods more open to interference by the dark forces than any other, a certain attitude of negativity being almost a *sine qua non.* This is an invitation to these ancient powers to make an effort to gain a footing in the pupil's subconscious which, once attained, would be a perpetual menace to his progress.

Xét theo mối nguy ấy, việc giao tiếp bằng lối viết tự động trong sự phát triển của riêng tôi đã chấm dứt càng sớm càng tốt, vì đó là một trong những phương pháp dễ bị các mãnh lực tối tăm can thiệp hơn bất kỳ phương pháp nào khác, một thái độ tiêu cực nào đó gần như là một *sine qua non.* Đây là một lời mời gọi những quyền năng cổ xưa ấy nỗ lực giành chỗ đứng trong tiềm thức của môn sinh, mà một khi đã đạt được, sẽ là một mối đe dọa thường trực đối với sự tiến bộ của y.

For as soon as a man makes a genuine effort to fit himself for the service of the spiritual leaders of the human race he inevitably attracts the attention of their antagonists whose whole object is to prevent the development of the higher qualities in man.

Vì ngay khi một người thực hiện nỗ lực chân chính để tự làm cho mình thích hợp với việc phụng sự các vị lãnh đạo tinh thần của nhân loại, y tất yếu thu hút sự chú ý của các đối thủ của Các Ngài, mà toàn bộ mục tiêu của họ là ngăn cản sự phát triển các phẩm tính cao hơn nơi con người.

As the law of action and reaction operates in

Vì định luật tác động và phản tác động vận

every realm, it follows that when positive force is poured down, forming a vortex of energy about the pupil to facilitate communication from higher levels, a vacuum invariably follows when that energy is exhausted. Unless he is aware of this and knows what measures to take to protect himself, these negative—or what are called evil—powers can manifest and communicate in the vacuum thus formed. They can even give themselves the appearance of the teacher to those who can see but cannot verify their vision by sensing the vibration which accompanies it. For the specific rate of vibration indicates the *character* of the entity and cannot be simulated.

hành trong mọi cõi, nên khi mãnh lực tích cực được tuôn xuống, hình thành một vòng xoáy năng lượng quanh môn sinh để tạo thuận lợi cho sự giao tiếp từ các cấp độ cao hơn, thì một khoảng trống tất yếu sẽ theo sau khi năng lượng ấy cạn kiệt. Trừ phi y ý thức được điều này và biết phải thực hiện những biện pháp nào để tự bảo vệ, những quyền năng tiêu cực này—hay những gì được gọi là ác—có thể biểu hiện và giao tiếp trong khoảng trống được hình thành như vậy. Chúng thậm chí còn có thể mang lấy sắc tướng của huấn sư đối với những ai có thể thấy nhưng không thể kiểm chứng linh ảnh của mình bằng cách cảm nhận rung động đi kèm với nó. Vì tốc độ rung động đặc thù chỉ ra *Tính cách* của thực thể và không thể bị giả mạo.

As every man has a teacher upon the Right Hand Path, so, through his errors in the past, he has nearly always at some time linked himself to some influence upon the dark side which, naturally, will make every effort to divert him from achieving success and will attempt to shake his confidence and lure him away to other lines of development. For this reason it is dangerous for would-be pupils to invoke a teacher. The usual result of such invocations— based for the most part on ignorance and vanity—is that a "teacher" will appear but he may be an enemy in disguise full of flatteries and promises, and woe betide the man who is foolish enough to listen and follow such a one!

Cũng như mỗi người đều có một huấn sư trên chánh đạo, thì qua những lỗi lầm trong quá khứ, hầu như lúc nào y cũng đã từng liên kết mình với một ảnh hưởng nào đó ở phía tối, mà dĩ nhiên sẽ nỗ lực bằng mọi cách để làm chệch hướng y khỏi việc đạt thành công và sẽ tìm cách làm lung lay sự tự tin của y cũng như dụ dỗ y sang những đường phát triển khác. Vì lý do này, việc những môn sinh tương lai khẩn cầu một huấn sư là điều nguy hiểm. Kết quả thông thường của những sự khẩn cầu như thế—phần lớn dựa trên vô minh và hư vinh—là một "huấn sư" sẽ xuất hiện nhưng có thể là một kẻ thù cải trang đầy lời tâng bốc và hứa hẹn, và khốn thay cho người nào dại dột đủ để lắng nghe và đi theo một kẻ như thế!

Therefore the ability to discriminate between subtle rates of vibration is the first thing a pupil has to learn. But before he can do this with a certain amount of confidence, it is necessary for him to evolve a type of equipment which can act as a kind of sounding-board and be capable of registering these different emanations which are, as it were, the wave-lengths of Those who desire to contact him. This recognition of a teacher's vibration is one of the greatest of all safeguards in occult work, but it can only be established when a certain

Vì vậy khả năng phân biện giữa những tốc độ rung động vi tế là điều đầu tiên mà một môn sinh phải học. Nhưng trước khi có thể làm điều này với một mức độ tự tin nào đó, y cần phải tiến hoá một loại bộ máy có thể hoạt động như một thứ bảng cộng hưởng và có khả năng ghi nhận những phát xạ khác nhau này, vốn có thể nói là những bước sóng của Những Đấng mong muốn tiếp xúc với y. Sự nhận biết rung động của một huấn sư này là một trong những biện pháp bảo vệ lớn nhất trong công việc huyền bí học, nhưng nó chỉ có thể được thiết lập khi một trình độ thành

proficiency has also been attained in the control of the mind and the power to direct it and hold it at will. It may be a long time before one can be absolutely sure of such contacts, although that inner certainty which is undeniable increases with practice.

thạo nhất định cũng đã đạt được trong việc kiểm soát trí tuệ và quyền năng điều khiển nó cũng như giữ nó theo ý muốn. Có thể phải rất lâu người ta mới hoàn toàn chắc chắn về những tiếp xúc như thế, mặc dù sự xác tín bên trong không thể phủ nhận ấy tăng lên theo sự thực hành.

Every phase of a man's development has thus to be tested, tried and judged in the light of experience. Ordinary common sense, emotional balance, and above all a very receptive attitude towards what is loosely termed his "conscience", are excellent guides through this morass of difficulties he is called upon to traverse during any rapid development of inner sensitivity. Nothing that goes against the man's own inner knowledge of right and wrong should ever be accepted. No matter from what high source the instructions purport to come; nothing that could remotely harm another, that would cause sorrow or fear to those who are not ready to understand such experiences, should be accepted and acted upon without the most serious consideration of the possible results. To seek to develop one's own powers to the detriment of others, leads to a very different goal. The true student considers always the feelings and capacities of those about him; this applies in small things as in great. But here again discrimination is a most essential factor; to gauge exactly where the importance of his own development ceases and its harmful reaction on others may begin, is one of the most difficult lessons to learn. This can only be done by experimenting, by failing many times, paying the price of failure and recommencing. But if he is animated by genuine love, if his intuition is awakened and he seeks enlightenment through communion with that god which dwells in the heart of every man, he will be less likely to err.

Vì vậy mọi giai đoạn trong sự phát triển của con người đều phải được thử nghiệm, khảo nghiệm và phán xét dưới ánh sáng của kinh nghiệm. Thường thức thông thường, sự quân bình cảm xúc, và trên hết là một thái độ rất tiếp nhận đối với điều được gọi một cách lỏng lẻo là "lương tâm" của y, là những người dẫn đường tuyệt hảo qua đầm lầy khó khăn mà y được kêu gọi phải vượt qua trong bất kỳ sự phát triển nhanh chóng nào của tính nhạy cảm bên trong. Không điều gì đi ngược lại tri thức bên trong của chính con người về đúng và sai lại có thể được chấp nhận. Bất kể những chỉ dẫn ấy tự xưng là đến từ nguồn cao nào; không điều gì có thể dù chỉ xa xa gây hại cho người khác, gây buồn khổ hay sợ hãi cho những ai chưa sẵn sàng thấu hiểu những kinh nghiệm như thế, lại nên được chấp nhận và hành động theo mà không cân nhắc hết sức nghiêm túc về những kết quả có thể có. Tìm cách phát triển các quyền năng của riêng mình gây tổn hại cho người khác sẽ dẫn đến một mục tiêu rất khác. Đạo sinh chân chính luôn luôn xét đến cảm xúc và khả năng của những người quanh mình; điều này đúng trong việc nhỏ cũng như việc lớn. Nhưng ở đây một lần nữa sự phân biện là một yếu tố vô cùng thiết yếu; đo lường chính xác nơi nào tầm quan trọng của sự phát triển riêng của y chấm dứt và phản ứng có hại của nó lên người khác có thể bắt đầu, là một trong những bài học khó học nhất. Điều này chỉ có thể được thực hiện bằng cách thử nghiệm, bằng cách thất bại nhiều lần, trả giá cho thất bại và bắt đầu lại. Nhưng nếu y được thúc đẩy bởi tình thương chân chính, nếu trực giác của y được thức tỉnh và y tìm kiếm giác ngộ qua sự hiệp thông với vị thần ngự trong tim mỗi người, thì y sẽ ít có khả năng sai lầm hơn.

He must never forget that lais aim is to work

Y không bao giờ được quên rằng mục tiêu của

for humanity—not for himself, regardless of humanity; and that while he is in a physical body this work is obviously intended to be on the physical plane among his fellow-men, a fact, which although apparently so obvious is very often overlooked. Any attitude which tends to minimize unduly the importance of the physical plane, so that all its manifestations become unreal and seemingly valueless, can safely be taken as inspired from a doubtful source. No knowledge of inner planes, no contact with past lives, no wanderings into spheres of light, no powers, voices, visions, are of the least use to him unless they make of him a greater force for good in the world, unless they help him to deal wisely with the innumerable little problems which arise in his own life and which will be brought to him increasingly by others in distress; unless they teach him indifference to the blows of Karma, and above all to transcend misfortune and turn every experience into progress and power. It may take him many incarnations before he begins to mirror forth a gleam of the splendour of the Light Within, before his training begins to take practical effect in wider spheres, but the results should be instantaneous in the small circle of his life on earth. If he cannot be a good citizen it is useless to call himself a good occultist; spiritual advancement and bad citizenship are incompatible.

y là làm việc cho nhân loại—chứ không phải cho chính mình, bất chấp nhân loại; và rằng khi y ở trong một thể xác, công việc này hiển nhiên được dự định là trên cõi hồng trần giữa những đồng loại của y, một sự kiện tuy có vẻ quá hiển nhiên nhưng lại rất thường bị bỏ qua. Bất kỳ thái độ nào có khuynh hướng giảm thiểu quá mức tầm quan trọng của cõi hồng trần, đến mức mọi biểu hiện của nó trở nên không thật và dường như vô giá trị, đều có thể an toàn được xem là được truyền cảm hứng từ một nguồn đáng ngờ. Không tri thức nào về các cõi bên trong, không tiếp xúc nào với các kiếp quá khứ, không cuộc du hành nào vào những khối cầu ánh sáng, không quyền năng, tiếng nói, linh ảnh nào có ích chút nào cho y trừ phi chúng khiến y trở thành một mãnh lực thiện lớn hơn trong thế giới, trừ phi chúng giúp y xử lý một cách khôn ngoan vô số vấn đề nhỏ nảy sinh trong chính đời sống của y và sẽ ngày càng được những người đau khổ khác mang đến cho y; trừ phi chúng dạy y Điềm nhiên trước những đòn đánh của nghiệp quả, và trên hết là vượt lên bất hạnh và biến mọi kinh nghiệm thành tiến bộ và quyền năng. Có thể phải mất nhiều kiếp lâm phàm trước khi y bắt đầu phản chiếu một tia sáng của vẻ huy hoàng của Ánh Sáng Bên Trong, trước khi sự huấn luyện của y bắt đầu có hiệu quả thực tiễn trong những phạm vi rộng lớn hơn, nhưng kết quả phải là tức thời trong vòng tròn nhỏ của đời sống y trên trần thế. Nếu y không thể là một công dân tốt thì việc tự gọi mình là một nhà huyền bí học giỏi là vô ích; sự tiến bộ tinh thần và tư cách công dân tồi là không thể dung hợp.

The irrefutable truth of these observations which my teacher had impressed upon me before I was left, so to speak, to my own devices, I had occasion to prove again and again.

Chân lý không thể bác bỏ của những nhận xét này mà huấn sư của tôi đã khắc sâu vào tôi trước khi tôi bị để lại, có thể nói, cho các phương tiện riêng của mình, tôi đã có dịp chứng minh hết lần này đến lần khác.

My endeavours to develop those necessary capacities of body and mind were the cause of many difficulties and a great deal of ill-health. But no man can hope to progress very far by developing one part of himself at the expense of any other, and while he has an unreliable physicalplane instrument, he will

Những nỗ lực của tôi nhằm phát triển những năng lực cần thiết ấy của thể và trí tuệ là nguyên nhân của nhiều khó khăn và rất nhiều bệnh tật. Nhưng không ai có thể hy vọng tiến xa bằng cách phát triển một phần của mình với cái giá của bất kỳ phần nào khác, và chừng nào y còn có một công cụ cõi

find himself handicapped at every turn; groups of maladjusted and feeble elements in a body are always a source of potential danger, should any exceptional strain be put upon it—and this, in occultism, is always likely to occur; therefore as a preliminary to the work it was essential for me to endeavour to remedy such deficiencies.

hồng trần không đáng tin cậy, y sẽ thấy mình bị cản trở ở mọi bước; những nhóm yếu tố lệch lạc và suy nhược trong một thể luôn luôn là một nguồn nguy hiểm tiềm tàng, nếu có bất kỳ sức ép đặc biệt nào đặt lên nó—và trong huyền bí học, điều này luôn có khả năng xảy ra; vì vậy như một bước chuẩn bị cho công việc, điều cốt yếu đối với tôi là phải cố gắng khắc phục những thiếu sót như thế.

My teacher had once said: "Remember, any effort causes resistance, and resistance in man's body registers as pain. A large proportion of pains and sorrows come about by people resisting the Law of Karma and resenting the necessities that it imposes upon them; the cultivation of a balanced mind and a reasonable outlook would do much to mitigate this. When a man has succeeded in eliminating from his vehicles all discordant elements, so that every atom of all his bodies is vibrating in harmony with the Divine Will, no activities on the physical or any other level will have any more the power to cause within him friction or disturbance. This is the secret of that perfect health, that inner peace and superabundant strength which the Great Ones have always possessed.

Huấn sư của tôi đã từng nói: "Hãy nhớ, bất kỳ nỗ lực nào cũng gây ra kháng cự, và sự kháng cự trong thể con người ghi nhận thành đau đớn. Một phần lớn đau đớn và buồn khổ phát sinh do con người chống lại Định luật Nghiệp quả và oán giận những điều tất yếu mà nó áp đặt lên họ; việc vun bồi một trí tuệ quân bình và một quan điểm hợp lý sẽ làm giảm nhẹ điều này rất nhiều. Khi một người đã thành công trong việc loại bỏ khỏi các vận cụ của mình mọi yếu tố bất hòa, để cho mọi nguyên tử của tất cả các thể của y đều rung động hài hòa với Ý Chí thiêng liêng, thì không hoạt động nào trên cõi hồng trần hay bất kỳ cấp độ nào khác còn có quyền năng gây ra trong y ma sát hay xáo trộn nữa. Đây là bí mật của sức khỏe hoàn hảo ấy, của bình an nội tâm ấy và sức mạnh dồi dào vô tận ấy mà Các Đấng Cao Cả luôn luôn sở hữu."

"But of course to reach such a harmonious condition the pupil has in the beginning to seek by an act of self- conscious will to alter the imperfect constituents of his body by transmuting them. This process often brings about a phase of very violent and painful conditions, for everything related to the past that he has himself created, is thereby stirred up to the surface. You began, of course, this process in Egypt but until now it has been more or less unconscious; having undertaken to do this work, cause and effect developed therefrom—if I may use a very inadequate term—almost automatically with very little free will apparent on the part of the personality. But now you have reached a stage when all the bodies must participate through the magic-working process of the mind under the direct guidance of the Higher Self. The clearer this

"Nhưng dĩ nhiên, để đạt tới một trạng thái hài hòa như thế, lúc ban đầu người môn sinh phải tìm cách, bằng một hành vi của ý chí ngã thức, biến đổi các thành phần bất toàn trong thể của mình bằng cách chuyển hoá chúng. Tiến trình này thường đưa đến một giai đoạn với những tình trạng rất dữ dội và đau đớn, vì mọi thứ liên hệ với quá khứ mà chính y đã tạo ra, do đó đều bị khuấy động lên bề mặt. Dĩ nhiên, bạn đã bắt đầu tiến trình này ở Ai Cập, nhưng cho đến nay nó ít nhiều vẫn là vô thức; khi đã đảm nhận công việc này, nhân và quả từ đó phát triển ra—nếu tôi có thể dùng một từ rất không thích đáng—gần như tự động, với rất ít tự do ý chí biểu lộ nơi phàm ngã. Nhưng giờ đây bạn đã đạt tới một giai đoạn khi tất cả các thể đều phải tham dự qua tiến trình làm việc huyền thuật của trí tuệ dưới sự hướng dẫn trực tiếp của Bản Ngã Cao Siêu. Sự hướng dẫn này

guidance becomes, the quicker and more successful will these changes in your physical vehicles appear, but for a time you may apparently lose much of your present good health. This is the reason why so many occultists have sick and feeble bodies and are consequently held up to derision by those healthy materialists who have not begun to deal with the residue of the past which—did they but know it—is all accumulating in that great store-house of the subconscious mind, waiting to be dealt with later when they are capable of doing so."

càng trở nên rõ ràng bao nhiêu thì những thay đổi này trong các vận cụ hồng trần của bạn sẽ xuất hiện càng nhanh và càng thành công bấy nhiêu, nhưng trong một thời gian bạn có thể dường như mất đi phần lớn sức khỏe tốt hiện nay của mình. Đây là lý do vì sao rất nhiều nhà huyền bí học có những thể bệnh hoạn và yếu nhược, và do đó bị những người duy vật khỏe mạnh kia đem ra chế giễu, những kẻ chưa bắt đầu xử lý phần tồn dư của quá khứ mà—nếu họ chỉ biết điều đó—đang tích tụ hết trong kho chứa lớn của trí tuệ tiềm thức, chờ được xử lý về sau khi họ có khả năng làm như vậy."

My own particular efforts at transmutation during those past years certainly had manifested in unaccustomed bouts of ill-health and coupled with bad Karma in the form of financial trouble had handicapped me seriously in that occult work I had hoped to undertake. Moreover, as I found myself possessed after my intensive training was over of certain healing power, naturally I was called upon to utilize it and was thus enabled to pay off further karmic debts from the past.

Những nỗ lực chuyển hoá đặc biệt của riêng tôi trong những năm đã qua ấy quả thực đã biểu lộ thành những cơn đau yếu bất thường, và kết hợp với nghiệp quả xấu dưới hình thức khó khăn tài chính, đã gây trở ngại nghiêm trọng cho tôi trong công việc huyền bí mà tôi từng hy vọng đảm nhận. Hơn nữa, khi nhận thấy sau khi sự huấn luyện chuyên sâu của mình kết thúc tôi có được một quyền năng trị liệu nào đó, dĩ nhiên tôi được kêu gọi sử dụng nó, và nhờ vậy có thể thanh toán thêm những món nợ nghiệp quả từ quá khứ.

The year of which I am now writing had been a particularly busy one in this respect and, as I was not efficient as yet in dealing with my own physical vehicle, it had been inclined to give way under the strain.

Năm mà giờ đây tôi đang viết đến là một năm đặc biệt bận rộn về phương diện này, và vì lúc ấy tôi vẫn chưa thành thạo trong việc xử lý vận cụ hồng trần của chính mình, nên nó có khuynh hướng suy sụp dưới sức căng.

It was then that someone with whom I had had great links of affection in many lives, came forward and offered to take me to the mountains to recuperate.

Chính khi ấy một người mà tôi đã có những mối liên kết yêu thương sâu đậm qua nhiều kiếp sống đã bước tới và đề nghị đưa tôi lên núi để hồi phục.

I felt that probably there was more behind this offer than was apparent, as by now I had acquired the habit of seeking a hidden significance behind every occurrence.

Tôi cảm thấy có lẽ đằng sau lời đề nghị này còn có điều gì hơn là vẻ bề ngoài, vì đến lúc ấy tôi đã có thói quen tìm kiếm một thâm nghĩa ẩn kín đằng sau mọi biến cố.

We had wasted much time trying to find a suitable place in which to stay and had been—so it seemed to us at the time—driven or lured on from one district to another, until at last we found this high valley where my last fortnight was to be spent. Here I determined to utilize to the full the air and

Chúng tôi đã phí nhiều thời gian để cố tìm một nơi thích hợp để ở, và đã bị—ít nhất vào lúc ấy chúng tôi tưởng là như vậy—thúc đẩy hay dẫn dụ từ vùng này sang vùng khác, cho đến cuối cùng chúng tôi tìm thấy thung lũng cao này, nơi hai tuần cuối cùng của tôi sẽ được trải qua. Tại đây tôi quyết định tận

sunshine of the heights, to seek to draw strength and healing from the earth and peace from the music of the waters, and in solitude to concentrate upon how to increase my receptivity to those specific vibrations I was striving to contact. Upon the day of our arrival my eyes were drawn to a certain mountain with precipitous grassy sides which rose through scattered trees to stony wastes. On inquiry I learned that from its summit one of the most extensive views of the district could be obtained. But for ten days thereafter it rained almost incessantly and while the weather continued unsettled it would have been madness for me, only just recovering from an illness, to have attempted to scramble up those paths turned now into rivulets; besides in any case nothing could have been seen through the veils of cloud. At all events it was a test of patience if nothing else to dwell in this realm of mists and water, watching the precious days slip rapidly away.

dụng tối đa không khí và ánh nắng của miền cao, tìm cách rút lấy sức mạnh và sự chữa lành từ đất, và sự bình an từ âm nhạc của nước, và trong cô tịch tập trung vào cách làm tăng khả năng tiếp nhận của mình đối với những rung động đặc biệt mà tôi đang cố tiếp xúc. Vào ngày chúng tôi đến, mắt tôi bị hút về một ngọn núi nào đó với những sườn cỏ dốc đứng, vươn lên xuyên qua những cụm cây thưa đến những khoảng đá trơ trọi. Khi hỏi thăm, tôi được biết từ đỉnh của nó có thể nhìn thấy một trong những toàn cảnh rộng lớn nhất của vùng. Nhưng suốt mười ngày sau đó trời mưa gần như không ngớt, và chừng nào thời tiết còn bất ổn thì đối với tôi, người vừa mới hồi phục sau một cơn bệnh, việc cố leo lên những lối mòn giờ đã biến thành những dòng nước nhỏ ấy hẳn là điên rồ; hơn nữa, trong bất cứ trường hợp nào cũng chẳng thể nhìn thấy gì qua những màn mây. Dù sao đi nữa, nếu không là gì khác thì đó cũng là một thử thách về kiên nhẫn khi phải sống trong cõi sương mù và nước này, nhìn những ngày quý giá trôi nhanh qua.

Then, just before my leave was up, the clouds rolled back, revealing heights powdered with fresh snow and glittering with an ethereal beauty which no words can express; once more my eyes were turned towards that mountain and an irresistible impulse urged me to make at least one attempt to reach the summit.

Rồi, ngay trước khi kỳ nghỉ của tôi chấm dứt, mây cuộn lui lại, để lộ những đỉnh cao phủ bụi tuyết mới và lấp lánh một vẻ đẹp dĩ thái mà không lời nào diễn tả nổi; một lần nữa mắt tôi hướng về ngọn núi ấy và một xung lực không cưỡng lại được thúc đẩy tôi ít nhất phải thử một lần lên tới đỉnh.

It was hard going. The slopes, in may places running with water, were slippery as ice; here and there the path had disappeared. There was no shade and the heat soon became intense. Of course to anyone in training, physically fit and properly equipped, it would have been nothing at all; but at this time I was deficient in these necessities, having come to the mountains for a rest-cure, unprepared for anything more strenuous than sedate walks on moderately flat roads. It therefore put a strain upon my resources and soon rny body began to send out danger signals so urgent that more than once I considered the advisability of giving up. But as each step

Đó là một cuộc leo trèo gian nan. Những sườn dốc, ở nhiều chỗ nước chảy tràn, trơn như băng; đây đó lối đi đã biến mất. Không có bóng râm và cái nóng chẳng bao lâu trở nên gay gắt. Dĩ nhiên, với bất kỳ ai đang được huấn luyện, khỏe mạnh về thể xác và được trang bị thích đáng, thì chuyện ấy chẳng là gì cả; nhưng vào lúc này tôi thiếu những điều cần thiết ấy, vì tôi đến núi để nghỉ dưỡng, không chuẩn bị cho điều gì vất vả hơn những cuộc đi bộ thong thả trên những con đường tương đối bằng phẳng. Vì vậy nó đã gây căng thẳng lên nguồn lực của tôi, và chẳng bao lâu thể tôi bắt đầu phát ra những tín hiệu nguy hiểm khẩn cấp đến nỗi hơn một lần tôi đã cân nhắc sự khôn ngoan của việc bỏ cuộc. Nhưng

revealed fresh glories, as peak upon peak rose into view, I became seized with that divine madness with which the devas of the mountains inspire their devotees, driving them occasionally to destruction, but often to achievements beyond their normal powers.

khi mỗi bước chân lại mở ra những vẻ huy hoàng mới, khi hết đỉnh này đến đỉnh khác hiện ra trước mắt, tôi bị cuốn lấy bởi cơn điên thiêng liêng mà các thiên thần của núi truyền cảm hứng cho những người sùng mộ mình, đôi khi đẩy họ đến chỗ hủy diệt, nhưng thường dẫn họ đến những thành tựu vượt quá năng lực bình thường.

Besides by this time the climb had somehow become to me a kind of symbol. I was determined that nothing, so far as I was concerned, should keep me from reaching the top.

Hơn nữa, đến lúc ấy cuộc leo núi bằng cách nào đó đã trở thành đối với tôi một loại biểu tượng. Tôi quyết tâm rằng, về phần mình, sẽ không để bất cứ điều gì ngăn tôi lên tới đỉnh.

It was when I was nearing the summit that I lost my way. Some time before the path—so-called—had broken up into half a dozen tracks; I chose one I thought looked as if it led to the summit, instead of which, after taking me to the most precipitous places, it landed me in a tight corner and then disappeared.

Chính khi tôi gần tới đỉnh thì tôi lạc đường. Trước đó một lúc, cái gọi là lối đi đã tách ra thành nửa tá đường mòn; tôi chọn một đường mà tôi nghĩ trông có vẻ dẫn lên đỉnh, nhưng thay vì thế, sau khi đưa tôi đến những chỗ dốc đứng nhất, nó dồn tôi vào một thế bí rồi biến mất.

The trouble was that, by now, my body had nearly gone on strike, so I paused to consider what I had better do. There was no chance of sitting down to rest and recover, for the slope was too steep and, moreover, running with little streams. So I had no alternative but to continue struggling up and hope that the going would improve, or to turn and slide back—it would amount to that—the way 1 had come. As a matter of fact I had made up my mind almost immediately that I was going on; it was really more a matter of somehow gaining sufficient strength to drive myself over this difficult patch without making one of those stupid slips or errors in judgement to which an over-strained body is liable. Such a slip, of course, might have unpleasant consequences in mountains as lonely as these; one might well lie for many an hour, a day, or even longer before one was found; but it was senseless to consider such possibilities. The thing to do now was to get my second wind; I was irritated that anyone with as much previous experience as myself should have got into such a situation, but I felt that given the choice, I would have done it again, so strong still was that inner urge somehow to reach

Điều rắc rối là đến lúc này thể tôi gần như đã đình công, nên tôi dừng lại để cân nhắc xem tốt hơn tôi nên làm gì. Không có cơ hội ngồi xuống nghỉ và hồi sức, vì sườn dốc quá đứng và hơn nữa lại có những dòng nước nhỏ chảy qua. Vì vậy tôi không còn lựa chọn nào khác ngoài việc tiếp tục vật lộn đi lên và hy vọng đường đi sẽ khá hơn, hoặc quay lại và trượt xuống—thực tế sẽ là như thế—con đường tôi đã đi lên. Sự thật là gần như ngay lập tức tôi đã quyết định sẽ tiếp tục; thực ra vấn đề chỉ còn là bằng cách nào đó gom đủ sức để ép mình vượt qua đoạn khó này mà không mắc một trong những cú trượt hay sai lầm phán đoán ngu ngốc mà một thể bị căng thẳng quá mức rất dễ phạm phải. Dĩ nhiên, một cú trượt như thế có thể đem lại những hậu quả khó chịu ở những ngọn núi cô quạnh như thế này; người ta hoàn toàn có thể nằm đó nhiều giờ, một ngày, hay còn lâu hơn nữa trước khi được tìm thấy; nhưng nghĩ đến những khả năng như vậy thì thật vô ích. Điều cần làm lúc này là lấy lại hơi sức thứ hai; tôi bực mình vì một người có nhiều kinh nghiệm trước đây như tôi lại rơi vào một tình thế như thế, nhưng tôi cảm thấy rằng nếu được chọn lại, tôi vẫn sẽ làm như vậy, mạnh mẽ đến thế vẫn là thôi thúc bên trong muốn bằng cách nào

the top. It would have been a help to have someone to give me a hand up to that next ridge, or even to shout directions and tell me what the going was like beyond and whether it was worth making the effort.

đó lên tới đỉnh. Sẽ là một sự trợ giúp nếu có ai đó đưa tay kéo tôi lên gờ núi kế tiếp ấy, hoặc chí ít cũng hô chỉ dẫn và cho tôi biết phía bên kia đường đi ra sao và liệu có đáng để cố gắng hay không.

But I was alone; there was no living thing in sight; no movement even save the white shiver or a waterfall across the valley. Nothing. And suddenly I experienced one of those moments of intense awareness which come, I think, to most of us once in a lifetime, but particularly to those who find themselves facing some difficulty alone with nature. It is not actually fear, rather a sense of impotence, a recognition of your own limitations in the presence of this vastness, this power, this unfathomable mystery. You understand then what de Vigny meant when he wrote so bitterly of *P implacable Nature}* here is Life manifesting in a thousand forms, yet each is so intensely occupied with its own activities that the death of a man, as of an ant, is of no possible significance. Mountains may fall, fire sweep away the forests, yet the processes of nature go on harmoniously, rhythmically: destruction, creation; life and death; the changing of a form matters so little in this aggregate of forms.

Nhưng tôi chỉ có một mình; không một sinh vật nào trong tầm mắt; thậm chí không một chuyển động nào ngoài sự rung trắng của một thác nước bên kia thung lũng. Không gì cả. Và đột nhiên tôi trải qua một trong những khoảnh khắc nhận biết mãnh liệt mà, tôi nghĩ, hầu hết chúng ta đều có một lần trong đời, nhưng đặc biệt là với những ai thấy mình phải một mình đối diện với một khó khăn giữa thiên nhiên. Đó không hẳn là sợ hãi, mà đúng hơn là một cảm giác bất lực, một sự nhận ra những giới hạn của chính mình trước sự bao la này, quyền năng này, huyền nhiệm không dò thấu này. Khi ấy bạn hiểu de Vigny muốn nói gì khi ông cay đắng viết về *P implacable Nature}* ở đây là Sự sống biểu lộ trong muôn ngàn hình tướng, nhưng mỗi hình tướng lại bận rộn mãnh liệt với những hoạt động riêng của nó đến nỗi cái chết của một con người, cũng như của một con kiến, không thể có chút thâm nghĩa nào. Núi có thể sụp đổ, lửa có thể quét sạch rừng, thế nhưng các tiến trình của bản chất vẫn tiếp diễn hài hòa, nhịp điệu: hủy diệt, sáng tạo; sống và chết; sự thay đổi của một hình tướng có ý nghĩa quá ít ỏi trong tổng thể những hình tướng này.

But to me it mattered supremely. I did not partake of this indifference. I was *Man.* Since my origin I had gone my own way, a law unto myself. I had set myself apart with deliberate intent, chosen to consider myself a special kind of creature, ignored the fact that I partook of the same elements as the rest of creation and was by that necessity their kin.

Nhưng đối với tôi điều đó lại có ý nghĩa tối thượng. Tôi không dự phần vào sự điềm nhiên này. Tôi là *Con Người.* Từ nguồn gốc của mình tôi đã đi con đường riêng, tự đặt mình thành quy luật cho chính mình. Tôi đã cố ý tách mình ra, chọn xem mình là một loại tạo vật đặc biệt, phớt lờ sự kiện rằng tôi dự phần vào cùng những nguyên tố như phần còn lại của tạo thành và bởi sự tất yếu ấy là thân thuộc với chúng.

And this intense feeling of isolation now was the result of that ancient choice. This was my punishment as *Man',* that having driven myself from Eden I had lost my heritage and had become, to all appearances that separate unit which I imagined myself to be, with the

Và cảm giác cô lập mãnh liệt này giờ đây là kết quả của sự lựa chọn cổ xưa ấy. Đây là sự trừng phạt của tôi với tư cách *Con Người',* rằng vì đã tự đuổi mình khỏi Eden nên tôi đã mất gia sản của mình và đã trở thành, theo mọi vẻ bề ngoài, đơn vị tách biệt mà tôi tưởng

fundamental weaknesses, the lack of power, the littleness in which such a cleavage from the source of Life could not but result. Yet how in *reality* could there be loneliness, isolation, for something that in its very essence was one with all life? But man had created from his illusion a thought-form of such power that it had dominated him for feons and would continue to distort his vision until, by a conscious effort of identification with the rest of life, he overcame it. Perhaps he was beginning to do so—science was showing him one way—and for the other, he must find that in himself. Had I not glimpsed it here? All about me was life, strength, healing, power. Could I but transfer into my own bodies these lavish gifts which are poured down without stint unceasingly upon all the sons of men, could I but learn to understand more of nature's laws, even the most mysterious and hidden, then nothing would be impossible. Only blind fools lost themselves on mountains; only because I was ignorant was I helpless. There was no real cleavage. I was the mountain, I was the earth, I, the sun, the waters and the snow; I, part of that same creative energy of which these were but different images.

mình là, với những yếu đuối căn bản, sự thiếu quyền năng, sự nhỏ bé mà một sự phân ly như thế khỏi nguồn Sự sống tất không thể không dẫn đến. Tuy nhiên, trong *thực tại* làm sao có thể có cô đơn, cô lập, đối với một cái gì mà trong chính bản chất của nó là một với mọi sự sống? Nhưng con người đã tạo ra từ ảo tưởng của mình một Hình tư tưởng có quyền năng đến mức nó đã thống trị y qua nhiều aeon và sẽ còn tiếp tục bóp méo tầm nhìn của y cho đến khi, bằng một nỗ lực có ý thức để đồng hoá với phần còn lại của sự sống, y vượt thắng được nó. Có lẽ y đang bắt đầu làm như vậy—khoa học đang chỉ cho y một con đường—và còn con đường kia, y phải tìm thấy điều đó trong chính mình. Chẳng phải tôi đã thoáng thấy nó ở đây sao? Chung quanh tôi là sự sống, sức mạnh, chữa lành, quyền năng. Giá như tôi có thể chuyển vào các thể của chính mình những tặng phẩm phong phú này, những tặng phẩm được tuôn xuống không dè sẻn, không ngừng nghỉ trên tất cả những người con của nhân loại; giá như tôi có thể học để thấu hiểu nhiều hơn các định luật của bản chất, ngay cả những định luật huyền nhiệm và ẩn kín nhất, thì sẽ không có gì là bất khả. Chỉ những kẻ mù quáng ngu xuẩn mới để mình lạc trên núi; chỉ vì tôi vô minh nên tôi bất lực. Không có sự phân ly thực sự nào. Tôi là ngọn núi, tôi là đất, tôi là mặt trời, là nước và tuyết; tôi là một phần của cùng năng lượng sáng tạo mà những thứ này chỉ là những hình ảnh khác nhau của nó.

Yet was I not even more than this? Was I not that hidden spirit which willed and which created? Yes, surely; for I alone was *conscious* of what I was and did. I alone had free will; I alone could choose the good and eschew the evil. In me—*Man*—stirred those mighty potentialities of the spirit whereby I might, in truth, become a son of God.

Tuy nhiên, chẳng phải tôi còn hơn cả thế sao? Chẳng phải tôi là tinh thần ẩn kín đã muốn và đã sáng tạo đó sao? Phải, chắc chắn vậy; vì chỉ riêng tôi là *có ý thức* về điều tôi là và điều tôi làm. Chỉ riêng tôi có tự do ý chí; chỉ riêng tôi có thể chọn điều thiện và tránh điều ác. Trong tôi—*Con Người*—đang khuấy động những tiềm năng vĩ đại của tinh thần nhờ đó tôi có thể, thật sự, trở thành Con của Thượng đế.

How often hitherto had I been told that this was my aim and my goal. I had accepted it, but it had been just an intellectual acceptance, a vicarious belief. Now suddenly

Biết bao lần trước đây tôi đã được bảo rằng đó là mục tiêu và cứu cánh của mình. Tôi đã chấp nhận điều ấy, nhưng đó chỉ là một sự chấp nhận trí tuệ, một niềm tin gián tiếp. Giờ

I knew. Not because another told me did I acknowledge it, but because my eyes were, for that fraction of a second, unclosed. To be complete, man must indentify himself utterly with the Law of Life, sacrifice himself to it unconditionally; then does the Law give him back himself, but a self enlarged and glorified beyond belief. Now at last I thought I understood what St. Paul meant when he said that the Law will set us free. Eventually this process must be brought about through knowledge and understanding, but until we have reached that stage—the stage of the advanced occultist—is there not another way open to us? Identification through a love, a worship so intense that it becomes a burning faith? Was not that the faith which, we were told, could move mountains—not a blind faith generated from fear and ignorance, but one arising from a spiritual certainty which was not capable as yet of expressing itself in personal creative achievement?

đây đột nhiên tôi biết. Không phải vì người khác bảo tôi mà tôi thừa nhận điều đó, mà vì trong một phần nhỏ của giây ấy mắt tôi đã được mở ra. Để được trọn vẹn, con người phải đồng hoá mình hoàn toàn với Định luật của Sự sống, hi sinh mình cho nó vô điều kiện; khi ấy Định luật trả lại cho y chính mình, nhưng là một cái ngã được mở rộng và vinh hiển vượt ngoài niềm tin. Giờ đây cuối cùng tôi nghĩ mình hiểu Thánh Paul muốn nói gì khi ông nói rằng Định luật sẽ giải thoát chúng ta. Rốt cuộc tiến trình này phải được thực hiện qua tri thức và thấu hiểu, nhưng cho đến khi chúng ta đạt tới giai đoạn ấy—giai đoạn của nhà huyền bí học cao cấp—chẳng phải vẫn còn một con đường khác mở ra cho chúng ta sao? Đồng hoá qua một tình thương, một sự tôn thờ mãnh liệt đến mức trở thành một đức tin bừng cháy? Chẳng phải đó là đức tin mà người ta bảo chúng ta rằng có thể dời núi sao—không phải một đức tin mù quáng phát sinh từ sợ hãi và vô minh, mà là một đức tin nảy sinh từ một sự chắc chắn tinh thần, tuy chưa thể biểu lộ thành thành tựu sáng tạo cá nhân?

A wave of ecstasy, of unshakable confidence passed through me. Alone? Never again, now that I knew myself in fact and in truth part of all Life. What then? If my own powers were limited and weak—the powers of that Great Life were they not inexhaustible? Could I but hold this realization—and I knew already with bitter certainty that I was not strong enough, that it would surely-fade—I would in time become invulnerable. It had not faded yet.

Một làn sóng xuất thần, của sự tin chắc bất lay chuyển tràn qua tôi. Một mình ư? Không bao giờ nữa, giờ đây khi tôi biết mình trên thực tế và trong chân lý là một phần của toàn bộ Sự sống. Vậy thì sao? Nếu những quyền năng riêng của tôi có giới hạn và yếu ớt—chẳng phải những quyền năng của Sự sống Vĩ Đại ấy là vô tận sao? Giá như tôi có thể giữ vững sự chứng nghiệm này—và tôi đã biết với sự chắc chắn cay đắng rằng mình không đủ mạnh, rằng nó chắc chắn sẽ phai đi—thì theo thời gian tôi sẽ trở nên bất khả xâm phạm. Nó vẫn chưa phai đi.

I looked up the mountains and down. My situation had not changed, but now I was filled with a great serenity as if I had captured the spirit of those brooding heights and was partaker in their unshakable calm. I cannot hope to define this feeling more precisely than to say that I felt *secure*; nothing could happen that could be harmful to me since I knew myself in that revealing second to be inseparable from that universal

Tôi nhìn lên núi và nhìn xuống. Tình thế của tôi không thay đổi, nhưng giờ đây tôi tràn đầy một sự tĩnh lặng lớn lao như thể tôi đã nắm bắt được tinh thần của những đỉnh cao trầm mặc ấy và được dự phần vào sự bình an bất lay chuyển của chúng. Tôi không thể hy vọng định nghĩa cảm giác này chính xác hơn là nói rằng tôi cảm thấy *an toàn*; không điều gì có thể xảy ra gây hại cho tôi vì trong giây phút mặc khải ấy tôi biết mình không thể

Law of Love of which every activity, every manifestation was an intrinsic part.

tách rời khỏi định luật phổ quát của Bác ái mà mọi hoạt động, mọi biểu hiện đều là một phần nội tại của nó.

At last I roused myself. I must go on, I couldn't stand there all day. If, as I felt at that moment so strongly, I was indeed a participator in the universal consciousness, then, despite all appearances to the contrary, my predicament was not unnoticed nor my need unknown. That was, I argued, as I began feeling my way cautiously over the slippery rock, all that ultimately mattered. So long as I manifested the requisite good will and made the best effort I could to reach the summit, the result, in a sense, was not my affair. If, for some reason I was meant to get there and was not capable of doing it alone, somehow help would come, if only through an influx of physical energy or merely in a strong impression where best to tread and in what direction to go. I had experienced that kind of help before.

Cuối cùng tôi tự vực mình dậy. Tôi phải tiếp tục, tôi không thể đứng đó suốt ngày. Nếu, như lúc ấy tôi cảm thấy rất mạnh mẽ, tôi quả thật là một người dự phần vào tâm thức phổ quát, thì bất chấp mọi vẻ bề ngoài trái ngược, tình cảnh khó khăn của tôi không phải là không được lưu ý, cũng không phải nhu cầu của tôi là điều không ai biết. Đó là, tôi lý luận như vậy khi bắt đầu dò dẫm cẩn thận trên tảng đá trơn trượt, điều duy nhất rốt cuộc có ý nghĩa. Chừng nào tôi còn biểu lộ thiện chí cần thiết và nỗ lực hết sức mình để lên tới đỉnh, thì kết quả, theo một nghĩa nào đó, không phải việc của tôi. Nếu vì một lý do nào đó tôi được định là phải tới đó mà lại không đủ khả năng làm một mình, thì bằng cách nào đó sự trợ giúp sẽ đến, dù chỉ là qua một luồng năng lượng hồng trần tràn vào hay đơn thuần là một ấn tượng mạnh về chỗ nào nên đặt chân và nên đi theo hướng nào. Trước đây tôi đã từng trải nghiệm loại trợ giúp ấy.

It came. This is a record of sober fact, but I must admit that, for a moment, so unexpected was it and so dramatic, that I began to wonder whether I was not suffering from a stroke of the sun, or had developed a new psychic faculty and was seeing visions. For, upon the ridge above my head there appeared a few moments later the figure of a shepherd lad, strangely reminiscent of Greece with his white garments and bare legs and feet. I stared at him in amazement; but his voice reassured me. Within twenty minutes I was safely upon more solid ground and on my way to the summit.

Nó đã đến. Đây là một ghi chép hoàn toàn tỉnh táo về sự kiện, nhưng tôi phải thú nhận rằng, trong chốc lát, vì nó quá bất ngờ và quá kịch tính, tôi bắt đầu tự hỏi liệu mình có đang bị trúng nắng hay đã phát triển một năng lực thông linh mới và đang thấy linh ảnh hay không. Bởi vì, trên gờ núi phía trên đầu tôi, vài khoảnh khắc sau đó hiện ra hình dáng một cậu bé chăn cừu, gợi nhớ kỳ lạ đến Hy Lạp với y phục trắng và đôi chân trần. Tôi nhìn chằm chằm vào cậu trong kinh ngạc; nhưng giọng nói của cậu khiến tôi yên tâm. Trong vòng hai mươi phút tôi đã an toàn trên nền đất vững hơn và đang trên đường lên đỉnh.

The average man will say "coincidence". Perhaps.... Yet is it not stretching the proverbial arm of coincidence rather far? Later, on my return, I saw the boy again working with a party of harvesters down in the lower fields. Was it not strange that, in the whole vast area of desolate mountain-side, he should "by chance" have wandered

Người bình thường sẽ nói "trùng hợp". Có lẽ.... Tuy nhiên, chẳng phải như thế là kéo cánh tay ngạn ngữ của sự trùng hợp đi quá xa sao? Về sau, trên đường trở xuống, tôi lại thấy cậu bé đang làm việc với một nhóm gặt hái ở những cánh đồng thấp bên dưới. Chẳng phải thật lạ sao khi trong cả một vùng sườn núi hoang vắng mênh mông ấy, cậu lại

at that precise moment over that precise ridge? These people are closer to nature than we, more open to the unseen forces which surround us and therefore more psychic and suggestible. To me, who have learned not to believe in "chance", it was but another proof of the existence of those influences, or intelligences which, working upon the inner planes in conjunction with the Law, are so often used to answer our need when it is sounded forth upon a vibration of faith. I am certainly prepared to believe, had I not turned to That which is greater than myself, the shepherd boy might have wandered by another track and I might have reached safety, uninjured perhaps, but would certainly not have attained my goal.

"tình cờ" đi lang thang đúng vào khoảnh khắc chính xác ấy qua đúng cái gờ núi chính xác ấy? Những người này gần với bản chất hơn chúng ta, cởi mở hơn với những mãnh lực vô hình bao quanh chúng ta và vì thế thông linh hơn và dễ tiếp nhận ám thị hơn. Đối với tôi, người đã học cách không tin vào "ngẫu nhiên", đó chỉ là một bằng chứng nữa về sự hiện hữu của những ảnh hưởng, hay những trí tuệ, đang hoạt động trên các cõi bên trong phối hợp với Định luật, và thường được dùng để đáp ứng nhu cầu của chúng ta khi nhu cầu ấy được xướng lên trên một rung động của đức tin. Tôi hoàn toàn sẵn sàng tin rằng, nếu tôi đã không hướng về Đấng vĩ đại hơn chính mình, thì cậu bé chăn cừu có thể đã đi theo một lối khác và tôi có thể vẫn tới được nơi an toàn, có lẽ không bị thương, nhưng chắc chắn sẽ không đạt được mục tiêu của mình.

And now instead I lay entranced upon the soft turf and gazed out over this valley to those dazzling glaciers whence came the springs which had sung to us and the airs that had refreshed us and the rains that had hidden all that could be glimpsed of them below, from our sight. For only one was even visible from the valley, a small triangle of whiteness between the guardian flanks of nearer mountains. I had not known that so close these four giants brooded; I had not imagined, down there, that we were ringed about with this incredible purity and strength.

Và giờ đây thay vào đó tôi nằm xuất thần trên thảm cỏ mềm và nhìn ra khắp thung lũng này tới những sông băng chói lòa kia, từ đó phát sinh những mạch nước đã hát cho chúng tôi nghe, những luồng khí đã làm chúng tôi tươi tỉnh, và những cơn mưa đã che khuất khỏi tầm mắt chúng tôi bên dưới tất cả những gì có thể thoáng thấy về chúng. Vì từ thung lũng chỉ có một ngọn là thậm chí còn nhìn thấy được, một tam giác trắng nhỏ giữa những sườn núi canh giữ gần hơn. Tôi đã không biết rằng gần đến thế này bốn người khổng lồ ấy đang trầm mặc bao phủ; tôi đã không hình dung được, ở dưới kia, rằng chúng tôi được bao quanh bởi sự tinh khiết và sức mạnh khó tin này.

I had not known.... I had not known, for thousands of years, of those other Mighty Ones who, like these mountains, brooded over humanity in watchful and silent activity. Teachers, Adepts, Saints—name them how we will—and others too of Whom one could think only with awe; unfailing source of strength and inspiration, pouring down love and guidance upon man who knew them not, nor cared, nor sought to know. Yet now I knew; and when henceforward I was forced to walk in the

Tôi đã không biết.... Tôi đã không biết, suốt hàng ngàn năm, về những Đấng Đại Hùng khác kia, những Đấng, như các ngọn núi này, đang trầm mặc bao phủ nhân loại trong hoạt động canh chừng và im lặng. Những Huấn sư, những chân sư, những thánh nhân—gọi Các Ngài bằng tên nào tùy ý—và còn những Đấng khác nữa mà người ta chỉ có thể nghĩ đến với lòng kính sợ; nguồn sức mạnh và cảm hứng không bao giờ cạn, tuôn đổ tình thương và sự hướng dẫn xuống con người, kẻ không biết Các Ngài, cũng chẳng quan tâm,

shadowy valleys, when the threatening shapes of earth rose about me like the nearer mountains, illusively high because they were so close, shutting out with their rocks the vision of the white guardians, just as their shadows shut out so much of the sunlight from those who dwelt at their feet, I should still know what stood behind them, and understanding, would perhaps be able more abundantly to draw on this living energy, rejoice in it, and sometimes perhaps seek it out in its own place.

cũng chẳng tìm cách biết. Nhưng giờ đây tôi biết; và từ nay khi tôi buộc phải bước đi trong những thung lũng tối bóng, khi những hình khối đe dọa của đất đai vươn lên quanh tôi như những ngọn núi gần hơn, cao một cách ảo tưởng vì chúng quá gần, lấy những tảng đá của chúng che khuất linh thị về những vị hộ vệ trắng, cũng như bóng của chúng che mất quá nhiều ánh mặt trời khỏi những ai sống dưới chân chúng, thì tôi vẫn sẽ biết điều gì đứng phía sau chúng, và nhờ thấu hiểu, có lẽ sẽ có thể dồi dào hơn mà rút lấy năng lượng sống này, hoan hỉ trong nó, và đôi khi có lẽ tìm đến nó ngay tại nơi chốn của nó.

To know oneself one with Life, that was the secret, but how hard to hold this knowledge.

Biết mình là một với Sự sống, đó là bí mật, nhưng giữ được tri thức ấy khó biết bao.

One cannot stay upon the heights, at any rate until one has reached that stage in evolution where time and place can be abolished by an act of will. Soon I, who was very far from this desirable stage, would have to go back. Why had I come here? Was it to obtain this glimpse that I had been impressed to climb, saved from failure—to say the least of it—by what still seemed to me definite intervention? Was it merely that I should be given this gratification of all my senses, my little personality filled with a joy and peace which I had not been able to find elsewhere? Could it be for such a personal end? I did not think so— there must be more to it than that.

Người ta không thể ở mãi trên những đỉnh cao, ít nhất là cho đến khi đã đạt tới giai đoạn tiến hoá mà thời gian và không gian có thể bị bãi bỏ bằng một hành vi ý chí. Chẳng bao lâu nữa tôi, kẻ còn rất xa giai đoạn đáng mong muốn ấy, sẽ phải quay trở lại. Vì sao tôi đã đến đây? Có phải để có được thoáng nhìn này mà tôi đã được gây ấn tượng phải leo lên, được cứu khỏi thất bại—nói nhẹ nhất là như vậy—bởi điều mà với tôi vẫn dường như là một sự can thiệp rõ rệt? Có phải chỉ để tôi được ban cho sự thỏa mãn của mọi giác quan, để phàm ngã nhỏ bé của tôi được lấp đầy bằng một niềm vui và bình an mà tôi không thể tìm thấy ở nơi khác? Liệu có thể là vì một mục đích cá nhân như thế chăng? Tôi không nghĩ vậy—hẳn phải có điều gì hơn thế.

It was very silent now. There was no wind, no song of water. The sun was intensely hot, yet tempered at this height by a sharpness in the air which filled one with energy and a curious mental clarity.

Giờ đây rất yên lặng. Không có gió, không có tiếng hát của nước. Mặt trời nóng gay gắt, nhưng ở độ cao này được điều hòa bởi một sự sắc lạnh trong không khí khiến người ta tràn đầy năng lượng và một sự sáng rõ trí tuệ kỳ lạ.

I placed myself in an attitude of meditation and waited. The silence grew more intense. My sensitivity increased. And gradually I became aware that the whole valley which I had imagined to be empty, was teeming with life, ranging from nature-spirits to those great devas that ensouled the mountains and seemed to float above them.

Tôi đặt mình vào một tư thế tham thiền và chờ đợi. Sự im lặng trở nên mãnh liệt hơn. Tính nhạy cảm của tôi tăng lên. Và dần dần tôi nhận biết rằng toàn bộ thung lũng mà tôi từng tưởng là trống rỗng ấy đang đầy tràn sự sống, từ những tinh linh tự nhiên cho đến những thiên thần lớn phú linh cho các ngọn núi và dường như lơ lửng phía trên chúng.

But soon I began to sense other devas more remote, stupendous Beings whose auras had such amplitude that not the valley alone, but vast tracts of country were suffused by their emanations.

Nhưng chẳng bao lâu tôi bắt đầu cảm nhận những thiên thần khác xa hơn, những Hữu thể vĩ đại đến kinh ngạc, có hào quang rộng lớn đến mức không chỉ riêng thung lũng mà cả những vùng đất mênh mông đều được thấm đẫm bởi những phát xạ của các Ngài.

In glinting rainbow hues these currents flowed, widening like ripples when a stone is flung into a pool, to converge and mingle at last with the auras of other great spirits afar off. Sometimes lines of fire zig-zagged back and forth as if they were communicating and sometimes one would blaze up in a glory like a sun, glowing and expanding, until all semblance of form was lost and every spirit in the valley quivered rapturously in the repercussion of its activities.

Trong những sắc cầu vồng lấp lánh, các dòng chảy này tuôn đi, mở rộng như những gợn sóng khi một hòn đá bị ném vào ao, để cuối cùng hội tụ và hòa lẫn với hào quang của những tinh thần vĩ đại khác ở xa. Đôi khi những đường lửa ngoằn ngoèo qua lại như thể các Ngài đang giao tiếp, và đôi khi một vị bừng sáng lên trong một vinh quang như mặt trời, rực cháy và mở rộng, cho đến khi mọi dáng vẻ hình tướng đều mất đi và mọi tinh thần trong thung lũng rung lên xuất thần trong sự dội lại của các hoạt động của vị ấy.

The words “National Devas” came into my mind, and I then realized that indeed these mighty beings did appear to be in some curious way attached—if one may use such an inadequate term—to the country beneath them; but I saw, too, that the currents which they used, flowed out, regardless of man-made frontiers, to unite with those of their brothers who were the chosen guardians of other lands.

Những từ “các thiên thần Quốc gia” hiện vào trí tôi, và khi ấy tôi nhận ra rằng quả thật những hữu thể hùng vĩ này dường như theo một cách kỳ lạ nào đó gắn liền—nếu có thể dùng một từ quá không thích đáng như vậy—với xứ sở bên dưới các Ngài; nhưng tôi cũng thấy rằng những dòng chảy mà các Ngài sử dụng tuôn ra, bất kể những biên giới do con người tạo nên, để hợp nhất với những dòng chảy của các huynh đệ của các Ngài là những vị hộ vệ được chọn của những miền đất khác.

What mysterious work of fusion was in progress here? On earth all was chaotic; from below a mass of whirling, conflicting vibrations poured up to hang, dark and murky, like a fog close to the ground; thought-forms of hatred and jealousy between nations, of frontiers and tariffs, of armaments and intrigues, with fear paramount, father of them all, creating a vortex impossible for those who were in the midst of it to understand or to control.

Công việc dung hợp huyền nhiệm nào đang diễn ra ở đây? Trên Trái Đất mọi sự đều hỗn loạn; từ bên dưới một khối rung động xoáy cuồng, xung đột nhau tuôn lên để treo lơ lửng, tối tăm và đục ngầu, như một màn sương gần mặt đất; những hình tư tưởng của hận thù và ganh ghét giữa các quốc gia, của biên giới và thuế quan, của vũ trang và mưu mô, với sợ hãi là tối thượng, cha đẻ của tất cả chúng, tạo nên một xoáy lực mà những ai ở giữa nó không thể hiểu cũng không thể kiểm soát.

But here above the countries, in the spacious upper airs where great Forms moved majestically and mighty Minds viewed the problems and perplexities of men by far

Nhưng ở đây, phía trên các quốc gia, trong những tầng không gian rộng lớn nơi những Hình tướng vĩ đại chuyển động uy nghi và những Trí Tuệ hùng mạnh nhìn các vấn đề

different standards, only what was fine, only what was idealistic and noble, only thought-forms of construction, generated by love could penetrate. This was the great Sorting House of the superconscious mind of man to which he reached up for inspiration and enlightenment; for here all creative energy was garnered in, and all those men who worked for the general good were stimulated by its power.

và rối ren của con người bằng những tiêu chuẩn hoàn toàn khác, chỉ những gì tinh tế, chỉ những gì lý tưởng và cao quý, chỉ những hình tư tưởng xây dựng, được tạo ra bởi bác ái, mới có thể xuyên tới. Đây là Nhà Phân Loại lớn của siêu tâm thức con người, nơi y vươn lên để tìm cảm hứng và soi sáng; vì ở đây mọi năng lượng sáng tạo đều được gom tụ vào, và mọi người nam và nữ hoạt động vì lợi ích chung đều được kích thích bởi quyền năng của nó.

But presently I realized that not alone the constructive efforts of man on earth were utilized by these Guardians of the Race. Destructive activities were also guided, as far as possible, into channels capable of later development, and used to break up those existing conditions which were retrograde or static, thus eventually opening the way for an influx of that energy, idealism and faith which are ever generated in an age of struggle and apparent defeat. Man's free will was untouched, but I saw very clearly now the way that Greater Will, the "Providence that shapes our end", turned all things into good. The Whole would not ultimately suffer through the stupidity and blindness of the part.

Nhưng rồi tôi nhận ra rằng không chỉ riêng những nỗ lực xây dựng của con người trên Trái Đất được các Đấng Hộ Vệ của Nhân loại này sử dụng. Những hoạt động hủy diệt cũng được hướng dẫn, trong mức có thể, vào những kênh có khả năng phát triển về sau, và được dùng để phá vỡ những điều kiện hiện hữu đang thoái hóa hay trì trệ, nhờ đó cuối cùng mở đường cho một luồng năng lượng, lý tưởng và đức tin tràn vào, những thứ luôn luôn được tạo ra trong một thời đại đấu tranh và thất bại bề ngoài. Tự do ý chí của con người không bị đụng chạm, nhưng giờ đây tôi thấy rất rõ cách mà Ý Chí Vĩ Đại hơn ấy, "Thiên Nhiên định hình cứu cánh của chúng ta", biến mọi sự thành điều thiện. Toàn Thể rốt cuộc sẽ không phải chịu tổn hại vì sự ngu xuẩn và mù quáng của bộ phận.

I was aware then that one approached. He stood by my side; his vibration enveloped me again in serenity and bliss. Here, in the silence, his voice spoke to my heart once more.

Khi ấy tôi nhận biết rằng có một Đấng đang đến gần. Ngài đứng bên cạnh tôi; rung động của Ngài lại bao bọc tôi trong sự tĩnh lặng và chí phúc. Ở đây, trong im lặng, tiếng nói của Ngài lại một lần nữa cất lên với trái tim tôi.

"Nothing is lost," he said, "nothing is wasted. It is often asked why all things must suffer, must struggle, must apparently decline and pass into obscuration. But since only through complete self-consciousness can Godconsciousness be attained, it follows that those units alone that have passed through every experience both terrible and beautiful, destructive and creative, physical and spiritual, and who have gathered up into themselves innumerable aspects of the life-force, are capable of understanding the struggles of all the other units and of helping

"Không gì bị mất," Ngài nói, "không gì bị phí hoài. Người ta thường hỏi vì sao mọi sự phải đau khổ, phải đấu tranh, phải dường như suy tàn và đi vào che khuất. Nhưng vì chỉ qua ngã thức trọn vẹn mà tâm thức Thượng đế mới có thể đạt được, nên theo đó chỉ những đơn vị nào đã đi qua mọi kinh nghiệm, cả khủng khiếp lẫn đẹp đẽ, hủy diệt lẫn sáng tạo, hồng trần lẫn tinh thần, và đã thu góp vào chính mình vô số phương diện của lực sự sống, mới có khả năng thấu hiểu những cuộc đấu tranh của tất cả các đơn vị khác và cũng giúp họ phát triển hướng tới lý tưởng.

them also to develop towards the ideal.

"Today you have been made to realize as never before the underlying unity which binds all manifestations of Life together. You have perceived the work of those great National Devas which strive to bring peace, harmony and love between peoples and to destroy the barriers which pride and fear have for so long built up to separate them.

"Hôm nay bạn đã được làm cho chứng nghiệm như chưa từng có trước đây về sự hợp nhất nền tảng gắn kết mọi biểu hiện của Sự sống lại với nhau. Bạn đã nhận biết công việc của những thiên thần Quốc gia vĩ đại ấy đang nỗ lực mang lại hòa bình, hài hòa và bác ái giữa các dân tộc và phá hủy những rào cản mà kiêu hãnh và sợ hãi đã xây lên từ lâu để chia cách họ.

"The world is at the present time passing through what seems to be a terrible period of chaotic and apparently aimless stress. Actually nations are striving to work off their Karma and develop a truer sense of perspective and a greater understanding of the deep necessities for cooperation. For do not forget that nations follow the same method of evolution as individuals. They have their childhood, like men; their passionate and romantic age of adolescence, their maturity, their age, their decline—and their death. Sometimes, as in the lives of men, there is anarchy, sometimes defeat; sometimes what appears to be a retrograde movement takes place; sometimes will seeks to rule at the expense of Law, and reaction from previous errors in judgement manifests in fanaticism and tyranny. All natural growth is slow; and when the pace is forced too violently some form of disruption nearly always ensues. But the general trend is towards group harmony and brotherhood. Study history with an enlightened mind and you will be able to refute the assertions of those who say man has not progressed. Fie has within him, of course, remnants of the stages he has outgrown; he has relapses, and the more advanced in knowledge he becomes, the more terrible are the results of these relapses. But through these, too, he learns, nationally as well as individually. Seek through meditation to discover for yourself the Law of Correspondence which manifests throughout the mighty Scheme of which you are a part, and try to realize that from the smallest atom to the greatest Planetary Spirit all progress through the

"Hiện nay thế giới đang đi qua điều dường như là một thời kỳ khủng khiếp của sự căng thẳng hỗn loạn và bề ngoài vô mục đích. Thực ra các quốc gia đang cố gắng giải tỏa nghiệp quả của mình và phát triển một ý thức chân thực hơn về tỉ lệ cùng một sự thấu hiểu lớn hơn đối với những nhu cầu sâu xa của hợp tác. Vì đừng quên rằng các quốc gia đi theo cùng một phương pháp tiến hoá như các cá nhân. Họ có thời thơ ấu của mình, như con người; thời niên thiếu đầy đam mê và lãng mạn, thời trưởng thành, tuổi già, sự suy tàn—và cái chết. Đôi khi, như trong đời sống con người, có vô chính phủ, đôi khi có thất bại; đôi khi điều có vẻ là một chuyển động thoái bộ xảy ra; đôi khi ý chí tìm cách cai quản bằng cái giá của Định luật, và phản ứng từ những sai lầm phán đoán trước đây biểu lộ thành cuồng tín và bạo quyền. Mọi tăng trưởng tự nhiên đều chậm; và khi nhịp độ bị cưỡng ép quá dữ dội thì gần như luôn luôn có một hình thức đổ vỡ nào đó xảy ra. Nhưng xu hướng chung là hướng tới hài hòa nhóm và tình huynh đệ. Hãy nghiên cứu lịch sử với một trí tuệ được soi sáng và bạn sẽ có thể bác bỏ những khẳng định của những kẻ nói rằng con người đã không tiến bộ. Dĩ nhiên, y vẫn còn trong mình những tàn dư của các giai đoạn mà y đã vượt qua; y có những lần tái phát, và y càng trở nên tiến bộ hơn trong tri thức bao nhiêu thì kết quả của những lần tái phát ấy càng khủng khiếp bấy nhiêu. Nhưng qua cả những điều này nữa, y học hỏi, trên bình diện quốc gia cũng như cá nhân. Hãy tìm qua tham thiền để tự mình khám phá định luật tương ứng biểu lộ khắp Hệ hành tinh hùng vĩ mà bạn là một phần trong đó, và cố chứng nghiệm rằng từ nguyên tử

same cyclic movement upwards towards that state which cannot yet be known and upon which it is useless even for us to speculate."

nhỏ nhất đến Chân Linh Hành Tinh vĩ đại nhất, tất cả đều tiến triển qua cùng một chuyển động chu kỳ đi lên hướng tới trạng thái chưa thể được biết đến ấy, và về trạng thái đó ngay cả đối với chúng ta việc suy đoán cũng là vô ích."

His voice ceased. I gazed out over the mountains and contacted for a moment, it seemed, the conflicting rhythms of those multitudinous lives. How close these countries seemed with their problems, their hopes, their dreams and blind impulses! Yes, like men indeed they were; they, too, had their subconscious minds filled with ancient taboos and primitive tendencies; they, too, had that superconscious spirit which sought to guide, educate and control its body of manifestation. Yet beyond even these, faintly I sensed something more vast—some greater Life: the Planetary Lord, perhaps, of which all else here was a part. And Fie—was He not part of a greater Being yet? On and on... My mind reeled at the thought. Useless indeed was speculation! Enough for me to try and grasp the little that I had been shown, to try to solve the problems near at hand and play my part, however small, in seeking, as my teacher had once said, to bring some harmony into the turmoil of this age of Mars, the Destroyer.

Tiếng nói của Ngài ngừng lại. Tôi nhìn ra khắp núi non và dường như trong một khoảnh khắc tiếp xúc được với những nhịp điệu xung đột của vô số sự sống ấy. Những xứ sở này với các vấn đề, hy vọng, giấc mơ và những xung lực mù quáng của chúng dường như gần biết bao! Phải, quả thật chúng giống như con người; chúng cũng có những trí tuệ tiềm thức đầy những cấm kỵ cổ xưa và những khuynh hướng nguyên thủy; chúng cũng có tinh thần siêu tâm thức ấy đang tìm cách hướng dẫn, giáo dục và kiểm soát thể biểu hiện của mình. Tuy nhiên vượt lên trên cả những điều ấy, mơ hồ tôi cảm nhận một cái gì còn bao la hơn—một Sự sống lớn hơn nào đó: có lẽ là Đức Chúa Tể Hành Tinh, mà mọi thứ khác ở đây đều là một phần của Ngài. Và Ngài—chẳng phải Ngài lại là một phần của một Hữu thể còn vĩ đại hơn nữa sao? Mãi mãi tiếp diễn... Trí tôi choáng váng trước ý nghĩ ấy. Quả thật suy đoán là vô ích! Với tôi, chỉ cần cố nắm bắt chút ít điều đã được chỉ cho mình, cố giải quyết những vấn đề gần kề và đóng vai trò của mình, dù nhỏ bé đến đâu, trong việc tìm cách, như huấn sư của tôi đã từng nói, mang một ít hài hòa vào cơn hỗn loạn của thời đại Sao Hỏa, Đấng Hủy Diệt, này.

His thought answered mine. "Yes," he replied, "it is practical idealists we need, not those who are apt to lose themselves in the fascinating mazes of cosmic speculations — although it helps the worker if he can realize what Powers stand behind him. We need those who can appreciate the inestimable treasures of wisdom which we have already given to mankind and re-interpret them according to the requirements of the present age.

Tư tưởng của Ngài đáp lại tư tưởng tôi. "Đúng vậy," Ngài đáp, "điều chúng ta cần là những nhà lý tưởng thực tiễn, chứ không phải những người dễ lạc mất trong những mê cung hấp dẫn của các suy đoán vũ trụ—mặc dù điều đó giúp ích cho người hoạt động nếu y có thể chứng nghiệm những Quyền Năng nào đang đứng sau y. Chúng ta cần những người có thể trân trọng những kho tàng minh triết vô giá mà chúng ta đã ban cho nhân loại và diễn giải lại chúng theo những đòi hỏi của thời đại hiện nay.

"For the cry of the world which is experiencing that temporary disorientation

"Vì tiếng kêu của thế giới, đang trải qua sự mất định hướng tạm thời không thể tách rời

inseparable from a phase when new values are being sought and old ones discarded with such rapidity, is now for new light, new guidance, new answers to those eternal problems which in one guise or another ever confront mankind. Some think there must come a fresh outpouring of wisdom; some believe in the advent of a new Messiah, others are for going back and seeking enlightenment from the religions of earlier ages. But what is most curious is that the majority still persist in ignoring that very revelation which was sent expressly to serve the modern world. Few seem to realize that mankind in general has not yet *begun* to assimilate the wisdom which was given out two thousand years ago, nor has any genuine attempt so far been made to follow out those teachings to their logical conclusion. Why then should some new teaching be expected until they do?

khỏi một giai đoạn khi những giá trị mới đang được tìm kiếm và những giá trị cũ bị loại bỏ với tốc độ quá nhanh, hiện nay là đòi hỏi ánh sáng mới, sự hướng dẫn mới, những câu trả lời mới cho những vấn đề vĩnh cửu mà dưới hình thức này hay hình thức khác luôn đối diện nhân loại. Một số người nghĩ phải có một lần tuôn đổ minh triết mới; một số tin vào sự giáng lâm của một Đấng Messiah mới, những người khác lại muốn quay về và tìm giác ngộ từ các tôn giáo của những thời đại trước. Nhưng điều kỳ lạ nhất là đa số vẫn cứ khăng khăng phớt lờ chính sự mặc khải đã được gửi đến đặc biệt để phụng sự thế giới hiện đại. Dường như ít ai nhận ra rằng nhân loại nói chung vẫn chưa *bắt đầu* đồng hóa minh triết đã được ban ra cách đây hai ngàn năm, và cho đến nay cũng chưa có nỗ lực chân chính nào được thực hiện để theo đuổi những giáo huấn ấy đến kết luận hợp lý của chúng. Vậy thì tại sao lại phải mong đợi một giáo huấn mới nào đó cho đến khi họ làm như vậy?

EPILOGUE

KẾT TỪ

"I would have you consider this question: if the world had become Christian in the full meaning of the term—in other words, if every man on earth were behaving in his private life as Christ suggested he should behave, would there be any so-called 'modern problems'? Would the world be in any of the difficulties in which it finds itself today? This civilization of which some of you appear to be so proud, but which in reality is so primitive that in later incarnations you will look upon it much as you look upon that of certain native states, is the direct result of mankind's incapacity to understand and appreciate the divine promises contained in the doctrine of the Christ. For the teachings given to mankind are always synchronized to the needs of the age and race to which they are revealed; as evolution proceeds each great founder of religion repeats and amplifies previous teachings, seeking to correct those errors in interpretation which have crept in and distorted the truth. Christianity has suffered

"Tôi muốn bạn suy xét câu hỏi này: nếu thế giới đã trở thành Cơ Đốc giáo theo ý nghĩa trọn vẹn của thuật ngữ ấy—nói cách khác, nếu mọi người nam và nữ trên Trái Đất đều cư xử trong đời sống riêng của mình như Đức Christ đã gợi ý y nên cư xử—thì liệu có còn bất kỳ cái gọi là 'vấn đề hiện đại' nào không? Liệu thế giới có ở trong bất kỳ khó khăn nào mà ngày nay nó đang gặp phải không? Nền văn minh này mà một số bạn dường như rất tự hào, nhưng thực ra lại nguyên thủy đến mức trong những lần lâm phàm sau này các bạn sẽ nhìn nó gần như cách các bạn nhìn nền văn minh của một số quốc gia bản địa nào đó, là kết quả trực tiếp của sự bất lực của nhân loại trong việc thấu hiểu và trân trọng những lời hứa thiêng liêng chứa đựng trong giáo lý của Đức Christ. Vì những giáo huấn được ban cho nhân loại luôn luôn được đồng bộ với những nhu cầu của thời đại và nhân loại mà chúng được mặc khải; khi tiến hoá tiếp diễn, mỗi vị sáng lập tôn giáo vĩ đại đều lặp lại và mở rộng những giáo huấn trước đó, tìm cách sửa chữa những sai lầm trong diễn

also from such errors; it has been debased and changed by men desiring to twist it to their own ends—councils of Churchmen afraid for their prestige, bigots, fanatics, and those ignorant of the enduring power of the Word. But the Word cannot be destroyed; in the end truth will prevail. The teaching of Christ was the synthesis of all that had gone before, His was the focal point, the apex of the triangle of Wisdom, turned down for an instant, like a dazzling spear-head of flame, to pierce the murk of the world. He expounded to mankind the perfect and everlasting Law, not for this age and this race alone, but for every race and for every age. 'Love God and love thy neighbour as thyself'; Tn what measure ye mete it shall be measured to you again.' Here, in two burning sentences is the Law complete. If every cult and religion were wiped out of existence and only this remained—it would be enough; for to the man who followed this Law without shadow of turning, all other things, all knowledge, all wisdom, all power and bliss would inevitably be added.

giải đã len vào và bóp méo chân lý. Cơ Đốc giáo cũng đã chịu những sai lầm như thế; nó đã bị hạ thấp và biến đổi bởi những người muốn bẻ cong nó theo mục đích riêng của họ—những hội đồng giáo sĩ sợ mất uy tín, những kẻ cố chấp, cuồng tín, và những người không biết đến quyền năng trường cửu của Linh từ. Nhưng Linh từ không thể bị hủy diệt; cuối cùng chân lý sẽ thắng thế. Giáo huấn của Đức Christ là sự tổng hợp của tất cả những gì đã có trước đó, của Ngài là tiêu điểm, là đỉnh của tam giác Minh triết, trong khoảnh khắc quay xuống, như một mũi lao lửa chói lòa, để xuyên thủng màn u ám của thế giới. Ngài đã giảng giải cho nhân loại Định luật hoàn hảo và vĩnh cửu, không chỉ cho thời đại này và nhân loại này, mà cho mọi nhân loại và mọi thời đại. 'Hãy yêu Thượng đế và yêu người lân cận như chính mình'; 'Các ngươi đong bằng đấu nào thì sẽ được đong lại bằng đấu ấy.' Ở đây, trong hai câu bừng cháy, Định luật đã trọn vẹn. Nếu mọi giáo phái và tôn giáo đều bị xóa khỏi hiện hữu và chỉ còn lại điều này—thì cũng đã đủ; vì đối với con người nào theo Định luật này không hề lay chuyển, mọi điều khác, mọi tri thức, mọi minh triết, mọi quyền năng và chí phúc tất yếu sẽ được thêm cho y.

"You think now that it is impossible to *live* this law, to build a civilization upon it? I tell you it is *not* impossible. Mankind, through a multitude of bitter experiments, will come one day to the realization that life lived as Christ taught and lived it, is the only method through which happiness and harmony for the individual as well as for the race can be attained. Men talk of the Millenium—they do not realize that Christ gave them the key to that age of perfection. Let man not waste time looking for a new doctrine, nor for a new age to come upon the earth; divine gifts are not thrust into closed hands. The new age must proceed from the changed heart of each individual man and woman; the Second Coming will be the coming of the *Christ Spirit* manifesting in each body of flesh through the effort and aspiration of its owner. Before this can be, each man must first build *himself* upon the perfect pattern,

"Giờ đây các bạn nghĩ rằng không thể *sống* theo định luật này, không thể xây dựng một nền văn minh trên đó sao? Tôi nói với các bạn rằng điều đó *không* phải là bất khả. Nhân loại, qua vô số thử nghiệm cay đắng, một ngày kia sẽ đi đến chứng nghiệm rằng đời sống được sống như Đức Christ đã dạy và đã sống, là phương pháp duy nhất nhờ đó hạnh phúc và hài hòa cho cá nhân cũng như cho nhân loại có thể đạt được. Con người nói về Thiên niên kỷ—họ không nhận ra rằng Đức Christ đã trao cho họ chiếc chìa khóa của thời đại hoàn hảo ấy. Chớ để con người phí thời gian tìm kiếm một giáo lý mới, cũng đừng tìm một thời đại mới sẽ đến trên Trái Đất; những tặng phẩm thiêng liêng không bị nhét vào những bàn tay khép kín. Kỷ nguyên mới phải khởi đi từ trái tim đã đổi thay của mỗi người nam và nữ; Sự Tái Lâm sẽ là sự đến của *Tinh thần Christ* biểu lộ trong mỗi thể xác qua nỗ lực và khát vọng của chủ nhân nó. Trước

for until the vessel be without a flaw how shall it hold the very Wine of Life itself?

khi điều này có thể xảy ra, mỗi người trước hết phải tự xây dựng *chính mình* theo mô hình hoàn hảo, vì nếu chiếc bình chưa không tì vết thì làm sao nó có thể chứa chính Rượu của Sự sống?"

"This is not yet understood. Men prefer to look without rather than within for revelations—it is so much easier. Yet it must be understood if humanity is to be saved from fresh disasters. Dimly the masses are aware of their desperate plight and their overwhelming need. The majority are not yet capable of rediscovering truth from that abyss of error into which it has been plunged; therefore leaders are necessary, servants of truth, lovers of humanity, yet withal men and women trained in the technique of modern methods of expression.

"Điều này vẫn chưa được thấu hiểu. Con người thích tìm kiếm sự mặc khải ở bên ngoài hơn là bên trong—vì như thế dễ hơn nhiều. Tuy nhiên, điều đó phải được thấu hiểu nếu nhân loại muốn được cứu khỏi những tai họa mới. Một cách mơ hồ, quần chúng ý thức được hoàn cảnh tuyệt vọng của mình và nhu cầu áp đảo của mình. Đa số vẫn chưa có khả năng tái khám phá chân lý từ vực thẳm sai lầm mà chân lý đã bị ném vào; vì vậy, các nhà lãnh đạo là cần thiết, những người phụng sự chân lý, những người yêu thương nhân loại, nhưng đồng thời cũng là những người nam và nữ được huấn luyện trong kỹ thuật của các phương pháp biểu đạt hiện đại.

"Any such who are possessed at the same time of the potentialities of leadership, are now being very carefully watched by those former leaders of the Race who have stepped out of the cycle of lives and deaths and, living upon the heights, can look down on the confusions of nations and peoples, seeing the whole design with its tendencies and aims, just as you, looking down from this height, can see in what direction lead the hundreds of little paths, while to those who walk upon them only the difficulties just ahead can be perceived.

"Bất kỳ ai như thế mà đồng thời sở hữu các tiềm năng lãnh đạo, hiện nay đang được theo dõi hết sức cẩn trọng bởi những vị lãnh đạo trước đây của nhân loại, những vị đã bước ra khỏi chu kỳ sống và chết và, sống trên các đỉnh cao, có thể nhìn xuống những hỗn loạn của các quốc gia và dân tộc, thấy được toàn bộ mô hình với các khuynh hướng và mục tiêu của nó, cũng như bạn, khi nhìn xuống từ độ cao này, có thể thấy hàng trăm lối mòn nhỏ dẫn theo hướng nào, trong khi đối với những người đang bước trên chúng, chỉ những khó khăn ngay phía trước mới có thể được nhận ra.

"Our work is mainly concerned with this development. But as we cannot contact directly the majority of people who are engaged in the dust of conflict and are too preoccupied, deafened and bewildered by the struggle to receive the ideas with which we would impress them, our one hope is to do so indirectly through those other men and women who are willing to become our instruments and are ready to sacrifice everything and train themselves so as to be able to correlate a knowledge of spiritual

"Công việc của chúng tôi chủ yếu liên quan đến sự phát triển này. Nhưng vì chúng tôi không thể tiếp xúc trực tiếp với đa số những người đang bị cuốn trong bụi mù xung đột và quá bận bịu, bị cuộc đấu tranh làm cho điếc đặc và hoang mang đến mức không thể tiếp nhận những ý tưởng mà chúng tôi muốn thấm nhuần nơi họ, nên niềm hy vọng duy nhất của chúng tôi là làm điều đó một cách gián tiếp thông qua những người nam và nữ khác, những người sẵn lòng trở thành công cụ của chúng tôi và sẵn sàng hi sinh mọi sự

forces with those more mundane activities which their brothers are pursuing—oft-times so blindly.

và tự huấn luyện mình để có thể tương liên tri thức về các mãnh lực tinh thần với những hoạt động trần thế hơn mà các huynh đệ của họ đang theo đuổi—thường là một cách quá mù quáng.

"In order to facilitate this work at no great distance of time certain spiritual Centres will be founded in different places, particularly in the West. There are, scattered throughout the world, highly magnetized spots attuned to specific rates of vibration synchronized to definite epochs in the evolution of mankind. In these spots power is stored and great Beings are set to guard them, permitting access to those alone who, either consciously on the physical plane or sometimes only in their higher bodies are aware of what is to be done there. At the right moment, pupils will be sent to these places to draw upon the power and under direction of their teachers, will be shown how it is to be used. Groups will be formed and centres for meditation chosen where these pupils can work in close contact with their inner groups and teachers, undisturbed by the confusing emanations inseparable from closer contact with civilization. Scattered throughout the world these groups will constitute the links in the mystic chain destined eventually to unite mankind with its spiritual leaders and usher in a new age of peace and occult development.

"Để tạo thuận lợi cho công việc này, trong một thời gian không xa nữa, một số Trung tâm tinh thần sẽ được thành lập ở nhiều nơi khác nhau, đặc biệt là ở phương Tây. Rải rác khắp thế giới có những địa điểm được từ hóa cao độ, được chỉnh hợp với những mức rung động đặc thù, đồng bộ với những thời kỳ xác định trong tiến hoá của nhân loại. Trong những địa điểm này, quyền năng được tích trữ và các Đấng Vĩ Đại được đặt để canh giữ chúng, chỉ cho phép những ai, hoặc có ý thức trên cõi hồng trần hoặc đôi khi chỉ trong các thể cao hơn của mình, biết được điều gì phải được thực hiện ở đó, mới được tiếp cận. Vào đúng lúc, các môn sinh sẽ được gửi đến những nơi này để rút lấy quyền năng, và dưới sự chỉ dẫn của các huấn sư của mình, sẽ được chỉ cho biết quyền năng ấy phải được sử dụng như thế nào. Các nhóm sẽ được hình thành và các trung tâm tham thiền sẽ được chọn, nơi các môn sinh này có thể làm việc trong sự tiếp xúc mật thiết với các nhóm bên trong và các huấn sư của mình, không bị quấy nhiễu bởi những phát xạ gây rối vốn không thể tách rời khỏi sự tiếp xúc gần hơn với nền văn minh. Rải rác khắp thế giới, các nhóm này sẽ cấu thành những mắt xích trong chuỗi thần bí mà cuối cùng được định sẵn để hợp nhất nhân loại với các vị lãnh đạo tinh thần của mình và mở ra một kỷ nguyên mới của hòa bình và sự phát triển huyền bí học.

'Many are already being trained to enter these groups, but comparatively few will be capable of rising to this great opportunity unless they strive with all their will towards the goal. For very special qualifications will be demanded of them. Too many groups and movements in the past have been ruined by the lack of capacity for selfless service and the inclination to emphasize the importance of personalities which has characterized leaders and members alike. This has led to

"Hiện đã có nhiều người đang được huấn luyện để gia nhập các nhóm này, nhưng tương đối ít người sẽ có khả năng vươn lên nắm lấy cơ hội lớn lao này trừ phi họ phấn đấu bằng toàn bộ ý chí của mình hướng tới mục tiêu. Vì những phẩm chất rất đặc biệt sẽ được đòi hỏi nơi họ. Quá nhiều nhóm và phong trào trong quá khứ đã bị hủy hoại bởi sự thiếu khả năng phụng sự vô ngã và bởi khuynh hướng nhấn mạnh tầm quan trọng của các phàm ngã, điều đã đặc trưng cho cả

jealousy, pride and all the petty emotional manifestations of the lower self and has eventually undermined and destroyed these efforts of the Great Ones to serve humanity. Therefore this time particular care will be taken to choose only those who have been proved to be above such weaknesses. Loyalty, a just appreciation of values, harmlessness and emotional balance coupled with a desire to serve so ardent and one-pointed that it will have burned out any thought of personal achievement, will be the pre-requisites for this work.

người lãnh đạo lẫn thành viên. Điều này đã dẫn đến đố kỵ, kiêu hãnh và mọi biểu hiện cảm xúc nhỏ nhen của phàm ngã, và cuối cùng đã làm suy yếu rồi phá hủy những nỗ lực này của Các Đấng Cao Cả nhằm phụng sự nhân loại. Vì vậy, lần này sự cẩn trọng đặc biệt sẽ được thực hiện để chỉ chọn những ai đã được chứng minh là vượt lên trên những yếu kém như thế. Trung thành, sự đánh giá đúng đắn các giá trị, tính vô tổn hại và sự quân bình cảm xúc, kết hợp với một ước muốn phụng sự mãnh liệt và nhất tâm đến mức đã thiêu rụi mọi ý nghĩ về thành tựu cá nhân, sẽ là những điều kiện tiên quyết cho công việc này.

"The need is urgent for such workers—more urgent than you know. It is essential for the salvation of humanity that all these barriers of separativeness between nation and nation, between individual and individual, should be broken down—and that soon.

"Nhu cầu về những người hoạt động như thế là khẩn thiết—khẩn thiết hơn bạn biết. Điều cốt yếu cho sự cứu rỗi của nhân loại là tất cả những rào cản của tính chia rẽ giữa quốc gia này với quốc gia khác, giữa cá nhân này với cá nhân khác, phải bị phá bỏ—và phải sớm như vậy.

"This can only be done by the enlightened. It matters not what may be their creed or race, the form their activities take or the name they give to their goal. Musicians, doctors, scientists, poets, artists, social workers of all kinds, every idealist, every dreamer who strives to make his dreams a reality, these are our co-workers, these our instruments.

"Điều này chỉ có thể được thực hiện bởi những người giác ngộ. Tín điều hay nhân loại của họ là gì không quan trọng, hoạt động của họ mang hình thức nào hay họ đặt cho mục tiêu của mình cái tên gì cũng không quan trọng. Nhạc sĩ, bác sĩ, nhà khoa học, thi sĩ, nghệ sĩ, những người hoạt động xã hội thuộc mọi loại, mọi nhà lý tưởng, mọi người mộng tưởng đang cố biến giấc mơ của mình thành hiện thực, đó là những cộng sự viên của chúng tôi, đó là những công cụ của chúng tôi.

"We ask, we appeal to all those who love humanity and are desirous of participating in this great work of preparation and regeneration, to make a superlative effort to prepare themselves that they may indeed be fitted to receive the baptism of the New Age.

"Chúng tôi yêu cầu, chúng tôi kêu gọi tất cả những ai yêu thương nhân loại và mong muốn tham dự vào công việc lớn lao này của sự chuẩn bị và tái sinh, hãy nỗ lực ở mức cao nhất để chuẩn bị chính mình hầu thực sự xứng hợp tiếp nhận phép rửa tội của Kỷ Nguyên Mới.

"We say to these men and women: 'Speak peace, think peace, work unceasingly for peace. If your scope at first seems limited do not despair, begin by exerting your influence in your own immediate circle and as your power for good grows, so will the circle

"Chúng tôi nói với những người nam và nữ này: 'Hãy nói hòa bình, nghĩ hòa bình, làm việc không ngừng cho hòa bình. Nếu lúc đầu phạm vi của bạn có vẻ hạn hẹp, đừng tuyệt vọng; hãy bắt đầu bằng cách phát huy ảnh hưởng của mình trong vòng tròn gần gũi

widen about you. Exercise self-knowledge, self-judgement, and self-control; without these no progress can be made. Think right thoughts, refuse to be caught up in the vortex of fear and hate and greed which is raging about you. Seek to bring harmony into every life that touches yours; never stir up the embers of suspicion and of jealousy. Keep a guard over your tongue and let your thoughts be always positive, helpful, and filled with love. Let each one refuse to listen to scandal or to repeat it, whether it touches personal or national life. Remember ever how mighty is the power of the word; scandalmongers stand dangerously near to the Left Hand Path and are used by the Dark Forces more often than they would care to know.

trực tiếp của riêng bạn, và khi quyền năng hướng thiện của bạn tăng trưởng, vòng tròn quanh bạn cũng sẽ mở rộng theo. Hãy thực hành tự tri, tự phán xét và tự chủ; không có những điều này thì không thể có tiến bộ. Hãy nghĩ những tư tưởng đúng đắn, từ chối để mình bị cuốn vào cơn lốc sợ hãi, hận thù và tham lam đang cuồng nộ quanh bạn. Hãy tìm cách mang hòa điệu vào mọi cuộc đời chạm đến cuộc đời bạn; đừng bao giờ khơi lại những tàn than của ngờ vực và đố kỵ. Hãy canh giữ lời nói của mình và để cho tư tưởng của bạn luôn tích cực, hữu ích và tràn đầy bác ái. Hãy để mỗi người từ chối lắng nghe chuyện phỉ báng hay lặp lại nó, dù nó liên quan đến đời sống cá nhân hay đời sống quốc gia. Hãy luôn nhớ quyền năng của lời nói mạnh mẽ biết bao; những kẻ gieo chuyện phỉ báng đứng gần tả đạo một cách nguy hiểm và bị các Mãnh Lực Hắc Ám sử dụng thường xuyên hơn nhiều so với điều họ muốn biết.

“ ‘Shun, therefore, the repetition of idle rumours, talk of strife and of the imminence of wars. We are doing all we can to avert another international conflagration from our side by trying to impress those who are sensitive to our influence with our foresight and wisdom. You on earth can either aid us in this work or, if you choose, aid the forces of evil which seek to bring conflict upon mankind by disseminating the poison-germs of suspicion and hatred. Learn to sift the true from the false. Be quick to recognize dangers, but do not speak of them unless it is necessary, lest the ignorant and timorous fan your sparks into flame. Be slow to judge all men but particularly other nations who, albeit by paths different from yours, are yet seeking the same goal. Remember, only temporarily are you attached to any particular national life. Those alien characteristics, faults and vices which you comdemn have been your own in the past and by that very condemnation you may be binding yourself to them in future incarnations. The life of a nation is but the reflection of certain trends of human development and these are the result of innumerable causes which must work out in

“ ‘Vì vậy, hãy tránh lặp lại những tin đồn vô ích, những lời bàn về xung đột và về sự cận kề của chiến tranh. Về phía chúng tôi, chúng tôi đang làm tất cả những gì có thể để ngăn chặn một cuộc đại hỏa hoạn quốc tế khác bằng cách cố gắng thấm nhuần nơi những ai nhạy cảm với ảnh hưởng của chúng tôi sự tiên liệu và minh triết của chúng tôi. Các bạn trên Trái Đất có thể hoặc trợ giúp chúng tôi trong công việc này, hoặc, nếu các bạn chọn, trợ giúp các mãnh lực của điều ác đang tìm cách mang xung đột đến cho nhân loại bằng cách phát tán những mầm độc của ngờ vực và hận thù. Hãy học cách sàng lọc điều chân thật khỏi điều giả dối. Hãy mau lẹ nhận ra những nguy hiểm, nhưng đừng nói về chúng trừ khi cần thiết, kẻo những người vô minh và nhút nhát thổi những tia lửa của bạn thành ngọn lửa. Hãy chậm phán xét mọi người, nhưng đặc biệt là các quốc gia khác, những quốc gia mà, dù đi theo những con đường khác với con đường của bạn, vẫn đang tìm kiếm cùng một mục tiêu. Hãy nhớ rằng chỉ tạm thời bạn mới gắn với một đời sống quốc gia nào đó. Những đặc tính xa lạ, những lỗi lầm và thói xấu mà bạn lên án đã từng là của chính bạn trong quá khứ, và chính bởi sự lên án đó mà bạn có thể đang tự ràng buộc

specific effects on a larger scale than that of the single individual; but a nation also receives the judgement it has meted out to others, and when it is in the throes of rebirth, suffering the agonies of karmic retribution or, through lack of vision, creating anew causes for which it will have to pay in the fullness of time, it is for other nations to understand, to pity, to hold out a helping hand, to strengthen and to love—not to condemn and attack. This may seem too much to ask of mankind as it is now, but the whole can only grow through the growth of its individual members and by their example.

mình với chúng trong những lần lâm phàm tương lai. Đời sống của một quốc gia chỉ là sự phản chiếu của một số xu hướng trong sự phát triển của con người, và những xu hướng này là kết quả của vô số nguyên nhân phải tự biểu lộ thành những hiệu quả đặc thù trên một quy mô lớn hơn quy mô của cá nhân đơn lẻ; nhưng một quốc gia cũng nhận lấy sự phán xét mà nó đã dành cho kẻ khác, và khi nó đang trong cơn quặn thắt của tái sinh, chịu đựng những thống khổ của sự báo ứng nghiệp quả hoặc, do thiếu tầm nhìn, lại tạo ra những nguyên nhân mới mà đến đúng thời kỳ nó sẽ phải trả giá, thì bổn phận của các quốc gia khác là thấu hiểu, thương xót, đưa bàn tay trợ giúp, củng cố và yêu thương —chứ không phải lên án và tấn công. Điều này có thể dường như đòi hỏi quá nhiều nơi nhân loại như hiện nay, nhưng toàn thể chỉ có thể tăng trưởng thông qua sự tăng trưởng của các thành viên cá biệt của nó và bằng gương mẫu của họ.

*Your League of Nations which the short-sighted despise because of its many imperfections (forgetting their own) is mankind's first tentative effort towards creating an ideal pattern for the future. It is the seed from which the great tree of international unity will ultimately spring, and everyone who gives it encouragement who thinks and acts with pure love in his heart is hastening that consummation; for the dreams of the idealist of today are the accepted commonplaces of the masses tomorrow.

*Hội Quốc Liên của các bạn, điều mà những kẻ thiển cận khinh miệt vì nhiều khiếm khuyết của nó (mà quên đi những khiếm khuyết của chính họ), là nỗ lực thử nghiệm đầu tiên của nhân loại nhằm tạo ra một mô hình lý tưởng cho tương lai. Nó là hạt giống mà từ đó cây đại thụ của sự hợp nhất quốc tế cuối cùng sẽ mọc lên, và mọi người khích lệ nó, mọi người suy nghĩ và hành động với tình thương thuần khiết trong tim mình, đều đang thúc đẩy sự thành tựu đó; vì những giấc mơ của nhà lý tưởng hôm nay sẽ là những điều bình thường được quần chúng chấp nhận vào ngày mai.

" 'Go forward, then, remembering that there is no limit set upon achievement save the limit of individual effort, and in proportion to that effort will be the help poured down from the inexhaustible Fount of power and love. For every man achievement, liberation, power and bliss unlimited wait, the key to that door which leads from death to life is in your own hands. We say to you all, use it now, that others following in your steps may the more easily enter in.

" 'Vậy thì hãy tiến lên, ghi nhớ rằng không có giới hạn nào đặt ra cho thành tựu ngoại trừ giới hạn của nỗ lực cá nhân, và sự trợ giúp được tuôn xuống từ Nguồn quyền năng và bác ái vô tận sẽ tương xứng với nỗ lực ấy. Đối với mỗi người, thành tựu, giải thoát, quyền năng và chí phúc vô hạn đang chờ đợi; chìa khóa của cánh cửa dẫn từ chết đến sống nằm trong chính tay bạn. Chúng tôi nói với tất cả các bạn, hãy dùng nó ngay bây giờ, để những người bước theo dấu chân bạn có thể đi vào dễ dàng hơn.

" 'Fear nothing. There is no power in the Cosmos, no destructive force however malignant, that can touch the man who by a deliberate act of choice unites himself with the Divine Will.

* This was written before the Second World War.

" 'Never yield to despair. It matters not how weak you seem to be, how dark your past has been; if the desire for service burns truly within you, it will be guarded by Those stronger than yourself, and every opportunity for development will be given you. There is no man on earth, however debased, however without a gleam of godliness, of hope, he may seem to be, who cannot climb, if he so wish, to the Gate of Liberation, who cannot escape from the Wheel of Rebirth and at last stand upright in the ranks of Those who have passed through similar sufferings and have won at last to freedom.

" 'They are your Brothers; you do not strive alone. Beside you go evermore These who have sacrificed Themselves to keep that divine spark in you alive and who will breathe upon it with the breath of love until it break at last into flame, merging into the Great Flame with which They—Adepts, Saviours, Saints, Sages, and all the glorious company of the Liberated—are one.

" 'Only then, O Divine Wanderer, when you, *Man,* perfected and complete, stride like a titan out of the earth's orbit to vaster planes of Cosmic activity, will the knowledge of your true destiny be unfolded. In that hour the past will appear as a night that is sped, and the future —unimaginable glory. Sphere after sphere, system after system, scheme after scheme will open out before your gaze as you pass on your way, searching still for *That* which is beyond thought or imagining, yet is forever yourself, your Source, your Existence—and your goal.' "

" 'Đừng sợ gì cả. Không có quyền năng nào trong Vũ Trụ, không có mãnh lực hủy diệt nào dù độc ác đến đâu, có thể chạm đến con người mà bằng một hành vi lựa chọn có chủ ý đã hợp nhất mình với Ý Chí thiêng liêng.

* Điều này được viết trước Chiến tranh Thế giới thứ hai.

" 'Đừng bao giờ đầu hàng tuyệt vọng. Bạn có vẻ yếu đuối đến đâu, quá khứ của bạn có đen tối đến đâu cũng không quan trọng; nếu ước muốn phụng sự thực sự cháy bỏng trong bạn, nó sẽ được gìn giữ bởi Những Đấng mạnh hơn bạn, và mọi cơ hội phát triển sẽ được ban cho bạn. Không có người nào trên Trái Đất, dù sa đọa đến đâu, dù dường như không có lấy một tia thiên tính, một tia hy vọng nào, lại không thể leo lên, nếu y muốn, đến Cổng Giải Thoát, không thể thoát khỏi Bánh Xe Tái Sinh và cuối cùng đứng thẳng trong hàng ngũ của Những Đấng đã đi qua những đau khổ tương tự và rốt cuộc đã đạt đến tự do.

" 'Các Ngài là những Huynh Đệ của bạn; bạn không phấn đấu một mình. Bên cạnh bạn luôn luôn có Những Đấng này, những Đấng đã hi sinh Chính Mình để giữ cho tia lửa thiêng liêng ấy trong bạn còn sống và sẽ thổi lên nó bằng hơi thở của bác ái cho đến khi cuối cùng nó bùng thành ngọn lửa, hòa nhập vào Đại Hỏa Diệm mà Các Ngài—các chân sư, các Đấng Cứu Thế, các Thánh nhân, các Hiền triết, và toàn thể đoàn thể vinh quang của những Đấng Giải Thoát—là một với nó.

" 'Chỉ khi ấy, hỡi Kẻ Lữ Hành thiêng liêng, khi bạn, *Con Người,* đã được hoàn thiện và viên mãn, sải bước như một titan ra khỏi quỹ đạo của địa cầu đến những cõi hoạt động Vũ Trụ bao la hơn, thì tri thức về định mệnh chân thực của bạn mới được khai mở. Trong giờ phút ấy, quá khứ sẽ hiện ra như một đêm đã qua, và tương lai—vinh quang không thể tưởng tượng. Khối cầu này đến khối cầu khác, hệ này đến hệ khác, hệ hành tinh này đến hệ hành tinh khác sẽ mở ra trước linh thị của bạn khi bạn tiếp tục trên đường đi, vẫn tìm kiếm *Cái Đó* vượt ngoài tư tưởng hay sự tưởng tượng, nhưng mãi mãi vẫn là chính

bạn, Nguồn Cội của bạn, Hiện Hữu của bạn—
và mục tiêu của bạn.’ ”